

*Thư Viện Hoa Sen
chuyển qua định dạng sách Ebook PDF
từ nguyên bản ngày 21/2/2014*

MỘT CUỘC ĐỜI
MỘT VẰNG
NHẬT NGUYỆT

6

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời giới thiệu

Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều sử gia, triết gia, học giả, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cổ, nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà điêu khắc, nhà viết kịch, phim ảnh, sân khấu... Và hàng ngàn năm nay đã có vô số tác phẩm về cuộc đời đức Phật, hoặc mang tính lịch sử, khoa học hoặc phát xuất từ cảm hứng nghệ thuật, hoặc từ sự tôn kính thuần tín ngưỡng tôn giáo, đủ thể loại, nhiều tầm cỡ, đã có ảnh hưởng sâu xa trong tâm khảm biết bao độc giả, khán giả, khách hành hương chiêm bái và những người yêu thích thưởng ngoạn nghệ thuật.

Tuy nhiên, qua văn chương, thi phú, hội họa, điêu khắc... một số tác phẩm không khỏi ít nhiều nhuốm màu sắc cá tính, tình cảm, phong cách, tầm nhìn hoặc trình độ nhận thức chủ quan của tác giả. Do đó, nhiều tác giả đã đánh tráo đức Phật lịch sử thành một nhân vật thần thoại, một đấng siêu huyền; những tác giả khác có dụng ý đánh đồng cuộc đời đức Phật với những hoạt động đầy chủ quan của mình, hầu phô trương bản ngã hay đề cao uy tín cá nhân, đã không ngần ngại biến đức Phật thành một con người tầm thường, dung tục. Và tệ hại nhất là không ít tác giả ngoại đạo có âm mưu phá hoại Phật giáo, đã khéo léo tôn vinh đức Phật lên tận mây xanh, nhưng thực ra là để xuyên tạc sự thật, đánh lừa quần chúng.

Thấy rõ điều nguy hại này, Sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) đã kiên nhẫn đọc rất nhiều tác phẩm, cùng những sử liệu đáng tin cậy để tìm tòi, tra cứu, đối chiếu, xác minh sự thật qua những chứng cứ di tích lịch sử, với tâm nguyện công hiến một tác phẩm vừa giàu tính văn chương nghệ thuật vừa đầy đủ những chi tiết khách quan và trung thực nhất về cuộc đời đức Phật.

Với lối văn kể chuyện, tất nhiên phải có nhiều đoạn văn chương hư cấu, chỉ cốt để chuyển mạch, để làm cho câu chuyện càng thêm thi vị, hấp dẫn, đồng thời làm rõ bối cảnh của những sự kiện lịch sử mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu xa, mâu nhiệm của những pháp thoại được trình tự trích dẫn một cách trung thực, đúng lúc và đúng chỗ.

Tôi trân trọng giới thiệu tác phẩm **“Một cuộc đời, một vàng nhật nguyệt”** đến quý bạn đọc để chúng ta cùng chia sẻ với tác giả lòng kính ngưỡng sâu xa một bậc giác ngộ đầy trí tuệ và vị tha nhân ái, một con người lịch sử nhưng siêu việt và sáng ngời như một vàng nhật nguyệt.

Trân trọng.

Tổ Đình Bửu Long, ngày 20-4-2008
Hòa thượng Viên Minh
Phó Ban Thiền Học
Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Cô Gái Hạ Tiện Yêu Tôn Giả Ānanda⁽¹⁾

Một ngày kia, tôn giả Ānanda du hành ở phương xa, trên đường trở về Kỳ Viên, ngài đi trì bình khát thực quanh xóm làng ngoại ô rồi nghỉ dưới một gốc cây để độ thực. Dùng xong, tôn giả ôm bát đi theo lối mòn tìm nước uống nơi một xóm nhà nghèo nằn ven chân núi. Thấy một cô thiếu nữ bên đường đang múc nước giếng, bước đến gần, ôm bình bát trong tay, ngài lặng lẽ đứng một bên, đưa mắt nhìn xuống.

Cô gái ấy tên là Prakirti, nàng vốn là hạng tiện dân chiêm-đà-la⁽²⁾ thấp kém ở ngoài rìa xã hội, thấy một “vị bà-la-môn” tướng cách cao sang, quý phái đến đứng lặng lẽ gần bên thì vô cùng sợ hãi; nàng cúi đầu xuống, hỏi lí nhí trong cổ họng:

- Thưa ngài, ngài cần gì không ạ?

Tôn giả Ānanda, vẫn với tầm mắt nhìn xuống, nói rõ mục đích của mình:

⁽¹⁾ Phong dịch từ nguyên tác Anh ngữ: “Venerable Ānanda and outcaste maiden” của V. Weragoda Sarada Mahāthera - Chief Monk/ Chief AdmiNistrator - Singapore Buddhist Meditation Center).

⁽²⁾ Chiêm-đà-la là hạng người ở tận đáy xã hội - họ bị khinh bỉ, bị xua đuổi không khác gì thú vật; cả 4 giai cấp bà-la-môn, sát-đế-ly, vệ-xá, thủ-đà-la sử dụng họ như bọn nô lệ...

- Thưa cô, vui lòng cho tôi xin chút ít nước.

Nghe “người lạ” thuộc đẳng cấp thượng lưu lại nói lời “thưa cô”, cô gái càng sợ hãi hơn:

- Cháu là kẻ thấp hèn.

- Tôi chỉ cần chút ít nước thôi.

- Cháu là dân thấp hèn, hạ liệt. Không có ai uống nước của chúng cháu cả.

- Tôi chỉ cần chút ít nước uống cho hết khát thôi. Nước là dùng để mà tắm rửa, giặt giũ, giải khát; nước có phân biệt giai cấp gì đâu, thưa cô!

.Nghe “người lạ” nói một câu kỳ lạ là không phân biệt giai cấp, cô gái bây giờ mới mạnh dạn ngược đầu lên, mới dám trả lời cho rõ ràng:

- Cháu là con gái giống nòi hạ đẳng chiêm-đà-la. Nước giếng này vốn trong và ngọt, nhưng đối với những người ở giai cấp trên, họ xem nước của chúng cháu không sạch, nó dơ bẩn. Nước này chỉ có chúng cháu uống. Các giai cấp trên trước họ chê là ô ứ, họ không uống đâu; cho chí rửa tay, họ cũng không dám!

- Tôi không hề hỏi cô thuộc giai cấp, đẳng cấp nào mà! Tôi chỉ xin nước uống thôi mà.

- Chẳng lẽ ngài không biết sao? Trong xứ này, nói đại lược là có hai giai cấp, giai cấp cao sang và giai cấp hạ liệt⁽¹⁾. Cháu thuộc hạng người thấp thỏi, hèn kém nhất trong xã hội loài người.

- Tôi đâu cần biết giai cấp của cô. Tôi chỉ cần nước uống thôi, thưa cô!

- Làm sao cháu có thể tùy tiện dâng nước cho ngài được? Cháu là con gái hạ tiện. Những người ở trong lâu đài to lớn, cao sang trong kinh thành, họ thuộc giai cấp trên

⁽¹⁾ Ý cô gái muốn nói, 4 giai cấp xã hội là cao quý, cao sang - còn cô không được phép ở trong một giai cấp nào cả, là kẻ nô lệ, là hạng thấp hèn nhất, nếu được gọi là giai cấp thì là giai cấp hạ liệt nhất.

trước⁽¹⁾. Còn những người hèn hạ như cháu, chúng cháu không có được cả cái quyền nhìn họ nữa là. Ngay cả cái bóng của chúng cháu, họ⁽²⁾ cũng ghê tởm không dám dẫm lên. Khi chúng cháu đến gần, họ tránh ra xa. Nếu bắt buộc phải nhìn thấy chúng cháu, họ phải rửa mặt tẩy uế với nước tẩm hương hoa, vừa cau mày vừa than: “Thần thánh ôi! Ta vừa nhìn thấy cái gì vậy kia! Bọn dân hạ tiện!”. Thế thì làm sao cháu dám dâng nước cho ngài được? Làm sao cháu dám đến gần ngài để dâng nước? Nếu chiếc bóng của cháu có dính trên người ngài, ngài cũng sẽ trở thành dân hạ tiện mất thôi!

Tôn giả Ānanda cảm thấy bất bình về định kiến tẻ hại của xã hội, xót thương cho hạng tiện dân sống trong hoàn cảnh bất công, tủi nhục nên muốn nói rõ cho cô gái biết quan niệm bình đẳng giữa người và người trong giáo pháp của đức Tôn Sư:

- Tôi không để ý gì đến cái gọi là giai cấp cao và thấp ấy. Tôi chỉ biết rằng cô cũng là một con người như tôi thôi. Tôi chưa bao giờ nghe nói giai cấp có thể tạo ra sự khác biệt giữa người này với người khác. Tôi không chấp nhận ý tưởng, quan điểm cổ hủ, mọi rợ và lệch lạc ấy. Tất cả mọi người trong chúng ta, ai cũng có hai tay, hai chân, hai mắt, một miệng, một khuôn mặt và một cái mũi. Có thể nào mặt trời lại mọc ở phương Tây đối với người thuộc giai cấp dưới? Có thể nào mặt trời lại mọc ở phương Đông chỉ để dành cho giai cấp thượng lưu? Còn nữa, cảm nhận hạnh phúc hay đau khổ thì ai cũng giống nhau, có ai khác với ai đâu? Khi ăn, bụng ai cũng đầy, cũng nở ra; khi đói thì bụng

⁽¹⁾ Là giai cấp bà-la-môn (tu sĩ, các giáo chủ, các thầy tư tế); sát-đế-ly (vua chúa, tướng lĩnh, chiến sĩ); vệ-xá (thương gia, chủ nghiệp đoàn, giai cấp thợ thầy các ngành nghề...); riêng thủ-đà-la là giai cấp lao động chân tay).

⁽²⁾ Đa phần bà-la-môn mới kỳ thị khắt nghiệt như thế - ba giai cấp còn lại cũng chùng mịch thôi.

ai cũng còn cào và nó teo tóp lại! Vậy thì họ khác nhau ở chỗ nào, thưa cô?

“Giữa con người với con người thì ai cũng giống nhau”- Prakirti nắm bắt được ngay quan điểm vượt ngoài giai cấp rất bình đẳng, rất cởi mở, thông thoáng của “người lạ”, nhưng cô cũng muốn hiểu cho rõ hơn:

- Bề ngoài thì không có gì khác nhau lắm đâu, đúng như ngài đã nói. Nhưng những người ở giai cấp trên, họ nhờ có phước báu nên mới xứng đáng sinh vào dòng dõi thượng lưu ấy được. Còn chúng cháu thì do vô phước, nhiều tội lỗi nên phải sinh vào dòng dõi thấp hèn này. Họ được điểm phúc sinh ra từ miệng, từ vai Đại Phạm Thiên (Mahā Brāhmā). Còn chúng cháu thì “bị” sinh ra từ bàn chân, gót chân của đấng ấy. Tất cả chúng cháu đều không được phép học kinh Vệ Đà. Do vậy chúng cháu ngu dốt, thấp kém, thua thiệt đủ mọi bề, mọi thứ. Chúng cháu không được đặt vào bất cứ một giai cấp nào, là hạng người ở tận cùng cái đáy của xã hội, thưa ngài.

Bây giờ thì cả hai người đã bắt đầu nói chuyện một cách khá tự nhiên. Cô gái khẽ nhìn “người lạ”, thấy ông ta đẹp đẽ và oai nghiêm quá, cô lại cúi đầu xuống, tim đập thành thành, đôi má chợt đỏ lựng lên.

Tôn giả Ānanda vô tâm không để ý, tiếp tục cuộc đối thoại, giải thích cho cô gái rõ hơn một tí nữa:

- Bậc Đạo Sư của tôi không dạy như vậy, không giảng như thế đâu. Ngài dạy rằng, tất cả chúng ta đều bình đẳng, không có giai cấp trong giọt máu và trong giọt nước mắt. Máu ai cũng đỏ và nước mắt ai cũng mặn. Cô có thể nghe tôi đọc câu này, là của Đạo Sư tôi dạy đó:

“No jaccā vasalo hoti
Na jaccā hoti brāhmaṇo
Kammanā vasalo hoti
Kammanā hoti brāhmaṇo”.

Nó có nghĩa là: Không ai sinh ra đã thành hạ tiện. Không ai sinh ra đã thành bà-la-môn. Chính do hành động, do nghiệp (kamma) mới thành hạ tiện, chính do hành động, do nghiệp mới thành bà-la-môn!

Cô gái nghe như uống cả vào lòng, mát rười rượi. Cô len lén đưa mắt ngó quanh xem thử có ai thấy không. Vừa sợ hãi vừa then thùa, cô cúi xuống, với bàn tay run run, đưa gàu kê miệng bát để rót nước. Khi thấy nước vừa đủ dùng, Tôn giả Ānanda bung bát uống một hơi dài. Sau đó, ngài còn chịu khó, dịu dàng giải thích thêm cho cô gái, đại ý là: Phải biết giá trị con người trong cộng đồng loài người, đừng tự ti mặc cảm, đừng sống theo quy định, áp đặt của xã hội; phải biết tôn trọng giá trị con người trong con người của mình, để vươn lên, để đứng thẳng, để giữ vẹn phẩm chất cao quý của con người - là như thế nào! Con người vốn bình đẳng và tự do! Không luật pháp nào, định chế nào, xã hội nào, con người nào có quyền tước đoạt cái quyền bình đẳng và tự do ấy.

Thấy cô gái im lặng lắng nghe có vẻ rất chăm chú, ngài từ tốn nói lời cảm ơn cô gái rồi ôm bát bước đi.

Cô thiếu nữ sững sờ đưa mắt nhìn theo cho đến khi ngài Ānanda khuất dạng phía xa xa...

Đăm đăm nhìn theo chiếc bóng của vị sa-môn, cô gái như còn nghe văng vẳng bên tai: “Vui lòng cho tôi xin chút nước!”, “Vui lòng cho tôi xin chút nước!” Ôi! Lời nói sao mà ngọt ngào, mát dịu lạ lùng! “Vui lòng cho tôi xin chút nước!”, “Vui lòng cho tôi xin chút nước!” Ôi! Lời nói sao mà dịu dàng, khiêm tốn đến vậy! Ồ, vị này là ai, ở đâu mà vừa cao sang quý phái, vừa đẹp đẽ, đôn hậu quá chừng chừng! Chẳng lẽ không có một giếng nước nào khác ở trong kinh đô Sāvatti này? Chẳng lẽ chỉ có nước duy nhất ở cái giếng này thôi? Tại sao người ấy lại tìm đến ngay mình đây để xin nước? Chẳng lẽ mình là người con gái duy nhất tại

kinh đô Sāvatti? Quả thật người ấy chỉ đến để xin nước, chẳng cần quan tâm rằng mình là hạng con gái thấp hèn? Lẽ ra người ấy phải biết chứ! Nhìn qua cách ăn mặc thì trẻ con cũng biết mình là dân bản cùng, hạ tiện. Người đàn ông đẹp đẽ, cao sang, quý phái, khiêm tốn, dịu dàng, khả ái kia là ai vậy kia? Ông ta từ đâu đến? Cám ơn trời đất, thánh thần trên đầu trên cổ đã đưa người ấy đến cái giếng nước “định mệnh” này. Nhờ người ấy, tôi mới biết được rằng tôi cũng là một con người, lại là một thiếu nữ son trẻ như ai kia vậy. Từ trước đến nay, tôi cứ nghĩ mình không phải con người, chỉ là một động vật hạ liệt dơ dáy, là một đứa con-gái-thú-vật không hơn không kém. Ôi, gương mặt người ấy sao mà quyến rũ! Ôi, đôi mắt người ấy sao mà tràn ngập nhân từ! Ôi, dáng dấp người ấy sao mà thanh nhã, trẻ trung, sáng chói, đẹp đẽ đến vậy! Làm sao mình có thể gặp lại người ấy một lần nữa bây giờ? Làm sao mình có thể nghe lại giọng nói ngọt ngào kia một lần nữa? Sống để mà làm gì nếu không thấy lại được người ấy? Ôi, giá như ngày nào mình cũng được dâng nước cho người! Ngày nào mình cũng được nói với người ấy vài lời, vài lời thôi! Nếu người ấy lại đến, thì nhất quyết mình không để cho người ấy đi. Tôi sẽ mang người ấy về nhà và giữ rịt người ấy lại. Nếu được ngắm người ấy, mình sẽ không cần ăn, không cần uống. Cứ nhìn người ấy là đủ no rồi, đủ hạnh phúc rồi. “Vui lòng cho tôi xin chút nước!”, “Vui lòng cho tôi xin chút nước!” Ôi! Tiếng lời dịu dàng ấy đã khắc sâu vào tận đáy lòng, khắc sâu vào trái tim của mình mất rồi!

Mẹ cô thiếu nữ hạ tiện thấy con mình đi mức nước quá lâu không về, sốt ruột, bà gọi ơ ơ:

- Prakirti! Prakirti! Con ở đâu? Mẹ tìm con này giờ sao không thấy? Con gái tôi đi đâu rồi? Đã có chuyện gì xảy đến với con thế? Con đã mọc rễ bên bờ giếng rồi hay sao vậy?

Lần nào đi lấy nước cũng cứ trò chuyện mãi miết với bọn con gái thôi! Prakirti! Prakirti!

- Thừa mẹ, con đây!

- Ở đâu thế?

- Ở đây! Bên giếng nước chớ đâu!

- Trời đã trưa trọt rồi. Đất đã nóng bỏng cả chân rồi đó.

Tất cả con gái nhà người ta đi múc nước đều đã về cả rồi.

Tại sao con còn làm gì ở đây một mình vậy?

- Mẹ ơi, cái giọng nói kia sao mà ngọt ngào quá: “Vui lòng cho tôi xin chút nước!”

- Vui lòng xin chút nước? Cái gì vậy? Cái gì nước? Ai đã xin con nước?

- Một người đàn ông trẻ trung, đẹp đẽ vô song! Ông ta có cái đầu cao trọc, mình khoác chiếc y màu vàng, tay thì bung bình bát. Ấy là một chàng trai thanh niên có dáng dấp thanh cao, khả ái, thừa mẹ.

- Cao trọc đầu? Làm sao một người đàn ông trẻ, đầu cao trọc mà có thể gọi là đẹp đẽ được? Chẳng lẽ con không biết, họ cao trọc đầu là để mà phá tướng? Là để mà xua đuổi cái đẹp đi?

- Con không biết điều đó. Mà con cũng không cần biết, không thèm biết. Con chỉ thấy, chỉ biết người đàn ông cao trọc ấy đẹp tuyệt trần. Toàn thân người ấy sáng rực ánh vàng như dát vàng. Cặp mắt người ấy nhân từ, dịu dàng. Phong thái người ấy thanh cao nhưng bình dị. Là hiện thân của nhân từ và bình dị đó, mẹ ơi!

- Người ấy có cùng đẳng cấp với mình không con?

- Dạ thưa có! Người ấy nói là ở cùng một giai cấp với chúng ta!

- Giai cấp gì vậy con?

- Là con người! Đều cùng một “giai cấp con người” đấy mẹ ạ!

- Chắc con lại giở trò ma lanh che giấu cái dòng hạ tiện của mình khi nói chuyện với người ta chứ gì? Biết bao nhiêu tiện dân ở xứ này không muốn để lộ thân phận nô lệ của mình cho người khác biết. Thái độ ấy thật là nhục nhã. Nếu ai trong chúng ta cũng hãnh diện, tự hào về chỗ mình đang đứng, bằng lòng cái kiếp cỏ rác hèn mọn của mình thì làm gì, có ai dám chê chúng ta là thấp hèn, là hạ liệt nữa nào! Có lẽ con không nói cho người ta biết con là con gái hạ tiện, phải không?

- Không, con có nói! Con có nói con thuộc về hạng tiện dân. Nhưng người ấy không chịu nhận như vậy. Người ấy chỉ nói hoài, nói mãi là “chỉ xin nước uống thôi”. Người ấy còn đọc một câu kệ, có lẽ là do đạo sư của người ấy dạy: “Một người trở thành bà-la-môn hay hạ tiện không phải do sinh ra mà do hành động, do nghiệp tạo thành!”

- Người ấy còn nói gì nữa không?

- Người ấy còn nói cái gì có vẻ cao siêu lắm mà con không hiểu hết ý nghĩa.

- Vậy sao? Thế con có nhớ được một câu, một đoạn nào, nói lại cho mẹ nghe xem nào!

- Không nhớ mới lạ! Nó như khắc in ở trong óc con đó!

- Vậy con nói lại đi!

- Ông nói: “Đừng làm trái với cái bản chất tự do mà ta vốn có như là người, và là của con người. Chối bỏ bản chất người của mình, bằng cách nghĩ rằng mình có một bản chất riêng, bản chất riêng ấy là thấp thỏi, là hạ liệt, là đáng khinh miệt và không bao giờ thay đổi được. Nghĩ thế và làm thế là tai hại, là nguy hại còn hơn là giết chết bản chất thật của mình nữa. Thiếu sự tôn trọng mình là một thái độ thấp hèn còn hơn cả hủy diệt bản chất người của mình. Người ấy nói như vậy. Mọi con người sinh ra trên trái đất này đều là những con người tự do” Người ấy còn nói rằng: “Sau khi sinh ra như vậy, tự do như vậy, nhưng lần hồi tự do ấy bị thu

hẹp lại vì những hàng rào chướng ngại như chủng tộc, giai cấp, tôn giáo, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, đạo sư, giáo sĩ, cổ lệ...” Thừa mẹ! Người ấy nói thấm thía quá. Lại như thắp một ngọn đèn cho cái suy nghĩ của con. Trong đầu con, bấy lâu, con cứ nghĩ về con như là một người cam chịu thấp hèn, bị ràng buộc tất định bởi tập tục xã hội, trong giáo điều đầu đó có sẵn. Con cứ nghĩ về con, thân phận của con có khác gì con chó hoang bất hạnh, sục sạo, bới móc tìm kiếm thức ăn thừa, rơi vãi nơi đầu đường, xó chợ. Người ấy đã mang ánh sáng đến cho con, mẹ ơi! Con cảm tưởng như con từ đây bắt đầu một đời sống mới. Chỉ cho đến ngày hôm nay con mới học hiểu được rằng, con là thành viên mới, là một con người trong xã hội loài người. Người ấy là ánh sáng. Người ấy là ánh sáng của con. “Vui lòng cho tôi xin một chút nước”, “Vui lòng cho tôi xin một chút nước”. Lời nói ấy sao mà dịu dàng, sao mà ngọt ngào đến vậy hở mẹ!

- Mặc dù người ấy không muốn đề cập về hạng người ở ngoài rìa xã hội, nguyên nhân nghèo đói và sự bị nguyên rủa, bị khinh miệt của chúng ta; nhưng con ơi, mẹ biết. Con người ta sinh ra thế này hay thế kia, giàu hay nghèo, quý hay tiện đều là kết quả của hành động, đều là do nghiệp.

- Vậy những người ở đẳng cấp cao đã làm gì mà được sinh ra như vậy ?

- Họ cũng thế! Đó là kết quả của hành động, của nghiệp từ quá khứ vậy.

- Dù thế nào chăng nữa, người ấy nói với con rằng người ta không trở thành cấp cao hay cấp thấp vì sinh ra như thế. Người ấy nói: “Dù là vua chúa, dù là bà-la-môn, dù là đạo sĩ, dù sa-môn - nếu sát sinh hại vật, nếu trộm cắp của người, nếu tà dâm, tà hạnh nếu nói điều ác độc, điều xảo, nếu rượu chè say sưa thì đều được coi là người thấp thỏi, hạ liệt hết”.

- Đúng vậy! Người ấy nói chí lý. Đó là điều mà mẹ vừa nói với con: Là kết quả của nghiệp!

- Mẹ ơi! Không phải bất cứ điều gì xảy ra cũng đổ vấy cho nghiệp cả. Con không tin. Mình là dân hạ tiện không phải vì nghiệp mà là vì xã hội đưa ra điều lệ, quy định ác độc và ngu ngốc như thế. Con không thể chấp nhận những áp đặt vô nghĩa lý ấy. Mà thôi mẹ ạ! Mình nói chuyện khác. Nói hoài chuyện ấy cũng không đi đến đâu, ai cũng đã chịu đựng, cúi đầu nhục nhã và đón hèn từ lâu lắm rồi. Hãy nói chuyện về chàng trai xin nước. Chàng trai xin con chút nước kia có tên là gì vậy? Đó là điều mà con muốn biết. Người ấy làm gì? Con chỉ muốn biết chuyện ấy mà thôi.

- Mẹ không biết!

- Mẹ biết mà! Mẹ hay đi đây đi đó, mẹ biết mà! Dường như hồi nãy mẹ có nói chuyện với người hàng xóm?

- Ừ, thôi được rồi! Mẹ biết! Người hàng xóm thấy con nói chuyện với trai nên báo cho mẹ biết! Mẹ cũng thoáng thấy dáng dấp của ông ta rồi. Ông ta tên là Ānanda, là đệ tử của đức Phật, thuộc dòng dõi Sākya quý tộc.

- Người ấy làm gì vậy mẹ?

- Làm một vị tu sĩ. Ông ta đã từ bỏ đời sống thế tục và đã trở thành một vị tỳ-khuru!

- Ô, mẹ ơi! Người ấy là một người đàn ông tốt nhất trên đời này. Con chẳng cần biết ông ta là ai. Con chỉ muốn được nhìn ngắm người ấy mãi hoài thôi. Con không thể sống mà không có người ấy. Con cần có Ānanda. Nếu con không có được người ấy, con sẽ nhịn đói cho đến chết. Mẹ ơi! Mẹ có học chú thuật, mẹ biết làm phù phép; vậy mẹ hãy dùng hết khả năng phù phép của mẹ để mang Ānanda đến với con. Nếu không, mẹ sẽ không bao giờ còn nhìn thấy đứa con gái độc nhất của mẹ nữa đâu. Con sẽ nhịn đói cho đến khi mẹ mang Ānanda lại cho con.

- Đức vua Kosala của chúng ta là người rất kính mộ ông Cù Đàm. Đức vua đến hầu ông Cù Đàm mỗi ngày. Liệu hồn đấy! Nếu biết con yêu Ānanda, đức vua sẽ đốt nhà, đốt xóm

chúng ta đó. Đức vua sẽ cấm tiệt dân hạ tiện chúng ta sống trong xứ này. Lúc ấy là chết. Con làm hại mọi người trong giai cấp thấp hèn của chúng ta đây, con có biết không?

- Con không biết! Mẹ hãy đọc thần chú (mantra) ngay bây giờ đi. Mẹ mà đọc thần chú thì Ānanda sẽ đến ngay lập tức. Con mà không có Ānanda thì con không thể sống được đâu.

- Đức Phật là người không còn dục vọng nên thần chú của ông ta ghê gớm, cao siêu lắm. Mà Ānanda thì biết thần chú của Phật, chắc hẳn vậy. Nghe nói “Phật chú” diệt hết tất thảy mọi thần chú trên đời này! Mẹ chịu thôi!

- Được mà! Thần chú của mẹ cao diệu lắm mà! Mẹ không giúp con thì con chết!

Thấy con năn nỉ và có vẻ đau khổ quá, không cam tâm được, bà mẹ bèn gật đầu:

- Thôi được! Vì thương con, mẹ sẽ cố gắng, nhất tâm đọc thần chú cho con. Còn nước thì còn tát.

Người mẹ lúi húi lượm phân bò khô, cỏ khô, thêm củi, lá rác vào và đốt lên cho lửa rực cháy. Bà kiếm thêm hoa ở đâu đó rồi từ từ từng cánh, từng cánh rút ném vào lửa, miệng lâm râm đọc thần chú:

“Amale, vimale, kunkume sumane, yena baddhasi vidyut icchaya devo varsati, vidyotati garjati, vismayan, Maharajasya, samabhi vardhayitum, devebhyo manushyebhyo gandharvebhyah shikigraha deva, visikhigraha grahadeva, Ānandasvagamanaya, Samgamanaya, kramanaya, grahanaya juho svaha”⁽¹⁾.

Trong khi người mẹ đọc thần chú nhiều lần như vậy, như ma quỷ gọi hồn, Tôn giả Ānanda ở trong tịnh xá cảm thấy đầu óc bị xáo trộn, rối loạn, không còn làm chủ được tâm trí mình nữa. Như bị ai điều khiển, ngài rời tu viện và

⁽¹⁾ Chú Saṅskrit này không tìm thấy nguồn Pāli tương đương.

mê man đi thẳng đến nhà mẹ con cô thiếu nữ hạ tiện. Thấy Tôn giả từ xa đi đến, người mẹ bảo cô con gái sửa soạn giường gối. Ānanda bước vào nhà, đứng lại, lặng yên. Trong mơ hồ, ngài cũng thấy cô thiếu nữ Prakirti trang điểm duyên dáng và có vẻ gì đó rất vui sướng. Tôn giả thâm biết mình đang gặp nạn, bèn nghĩ đến đức Phật, và bằng ý tưởng, ngài cầu xin đức Phật hộ trì. Bằng thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, đức Phật thấy Ānanda đang ở trong tình trạng nguy khốn, ngay tức khắc, sử dụng năng lực thù thắng của tâm, ngài đọc một đoạn mantra chuyển tải qua không gian một thông điệp siêu linh:

“Sthi racyutith sunitih svastih sarva pranibhyah sarah prasannam nirdosham prashantam sarvatobhayam itayo yatra shamyanti sarva siddhasca yoninani etena satya vakyena svasty Ānandaya bhiksava”⁽¹⁾.

Do “Phật chú” có năng lực thù thắng, thần chú của bà mẹ tan biến giữa hư không. Tôn giả Ānanda tỉnh trí lại, như vừa ra khỏi cơn mộng, thở ra một hơi thở nhẹ rồi cúi đầu cất bước, trở về lại Kỳ Viên tịnh xá...

Prakirti hoảng hốt khi thấy Tôn giả Ānanda bỏ đi, cô bảo mẹ làm sao cho “ông ta” quay lại.

Bà mẹ thở dài:

- Mẹ biết mà! “Phật chú” dẹp tan mọi thần chú trên đời này. Chắc Ānanda đã học chú thuật của ông Phật Cù Đàm rồi. Mẹ không có khả năng thắng họ được.

Tôn giả Ānanda thoát được nguy nạn phù phép của người mẹ, vào đánh lễ Phật và cung kính đứng hầu một bên.

Đức Phật nói:

- Ānanda! Ông phải nghe và ghi nhớ bài kinh Sadaksara Vidyā này. Đây là bài kinh sẽ hộ trì cho tất cả Tăng, Ni cùng cận sự nam nữ hai hàng. Bài kinh Sadaksara Vidyā này đã

⁽¹⁾ Như chú thích trang trên.

được minh thuyết bởi sáu vị Phật, được hộ trì bởi Tứ Đại thiên vương, bởi Đại Phạm Thiên Sahampati, và bây giờ, bởi Như Lai là Sākya Muni. Vậy này Ānanda! Ông phải nhớ, phải suy gẫm cho thật kỹ. Nó là những mẫu tự kết dệt lên nhau có âm vang rất huyền bí - tuy nó có nghĩa nhưng không cần thiết phải giải thích. Hãy nghe:

“Andare pandare karande keyurerci haste svara grive Bandhumati, viramati, dhara vidha cilimile, vilodaya, visani loke visa cala golamati gandavile cili mile satimimena yatha samvibhaketa golamati ganda vilayai svaha”⁽¹⁾.

Rồi ngài dạy tiếp:

- Ānanda hãy ghi nhớ! Người nào đọc kinh Sadaksara Vidyā này, người ấy sẽ được gỡ thoát, được tự do nếu bị tra tấn, hành hạ. Sẽ được miễn hình, giải phóng nếu bị ai đó ra lệnh trừng phạt. Nếu người ấy khiếp sợ thì sẽ được chấm dứt mọi khiếp sợ. Này Ānanda! Người nào đọc kinh Sadaksara Vidyā này che chở, bảo trợ sẽ không bao giờ bị một năng lực nào vùi dập, bức hại được - ngoại trừ kết quả của nghiệp kiếp trước đã gieo.

Tôn giả Ānanda thoát khỏi sự phù phép của mẹ cô gái. Nhưng Prakirti, cô thiếu nữ kia, vẫn cứ thâm yêu trộm nhớ ngài không nguôi khuây được.

Một ngày nọ, theo thường lệ, Tôn giả Ānanda đi trì bình khát thực, cô Prakirti cứ lẽo đẽo theo sau. Ānanda biết là nguy hiểm, không đi khát thực nữa, bèn quay về lại tịnh xá, trình bày lại với đức Phật chuyện ấy. Cô thiếu nữ theo gót chân Tôn giả cũng đã đến Kỳ Viên, tản ngằn đứng ở trước cổng. Đức Phật cho gọi cô vào.

Đức Phật hỏi:

⁽¹⁾ Không tìm thấy đoạn kệ tương đương trong tạng Pāli.

- Có thật là cô cứ đi theo sát sau lưng Ānanda?
- Bạch Thế Tôn, dạ đúng thế đó! Con có đi theo bên sau vị ấy.

- Tại sao?

- Bạch Thế Tôn! Con muốn Ānanda làm chồng của con.

Đức Phật mỉm cười:

- Thế cha mẹ của cô có bằng lòng như vậy không ?

- Dạ thưa, cha mẹ con chấp thuận.

- Vậy cô hãy mời hai vị đến đây.

Prakirti về nhà, nói với cha mẹ rằng đức Phật muốn gặp hai người. Lát sau, cô đi cùng với song thân đến Kỳ Viên tịnh xá.

Đức Phật hỏi họ:

- Cô con gái rượu của hai ông bà nói là muốn có Ānanda làm chồng. Hai vị có đồng ý không?

Cha mẹ cô thiếu nữ thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con bằng lòng. Con gái chúng con nói rằng nó không sống được nếu không có Tôn giả Ānanda. Nó nói là nó sẽ nhịn ăn cho đến chết nếu không có được vị ấy.

Đức Phật gật đầu:

- Được rồi. Hai vị có thể an tâm đi về nhà, để Prakirti ở lại đây, Như Lai sẽ sắp xếp mọi chuyện.

Cha mẹ cô gái đánh lễ Phật rồi lui ra.

Đức Phật bèn quay qua hỏi cô gái:

- Trong kinh thành Sāvatti này cô muốn bao nhiêu chàng thanh niên cũng có. Cớ sao cô chỉ yêu thương mỗi một mình Ānanda thôi?

- Con thích Ānanda lắm lắm. Con yêu Ānanda nhiều nhiều, rất nhiều. Ôi! Lòng con sáng lấp lánh lên vì chàng. Trái tim con rất ấm áp khi có chàng. Con học được cách suy nghĩ tự do là nhờ chàng. Cũng nhờ chàng mà con hiểu rằng con là một con người, là một thành viên trong cộng đồng

nhân loại. Chính chàng đã làm cho con biết con cũng có được mọi tự do, mọi quyền lợi mà bất cứ người nào cũng phải có, Trong lúc con bị xã hội ruồng bỏ, gạt bỏ, xô đẩy xuống tận đáy xã hội, hành hạ với tùy tiện đòn roi đánh đập của bọn cấp cao trên trước, y như một con chó hoang, một con chó dại; chính chàng là người duy nhất dạy cho con hiểu rằng, ý thức được rằng, con cũng là một con người bình đẳng trong chủng tộc loài người. Bởi vậy, chàng là ánh sáng của con, cuộc đời mới của con. Con không thể sống được nếu không có chàng. Mắt con tràn đầy ơn phúc khi nhìn thấy chàng. Giọng nói chàng ấm áp bên tai của con. Ôi! Chàng nhìn con dịu dàng xiết bao! Lời nói nhân từ của chàng đã khắc sâu vào trái tim con. Con phải có chàng, bạch Thế Tôn

- Được rồi. Như Lai sẽ cho cô Ānanda. Nhưng cô phải làm theo lời Như Lai nói.

- Con làm bất cứ điều gì cũng được hết, nếu Thế Tôn cho con Ānanda.

- Nếu cô muốn Ānanda, cô cũng phải mặc cái gì như Ānanda đã mặc. Ānanda cạo trọc đầu, cô cũng phải cạo trọc đầu. Ānanda khoác y vàng, cô cũng phải khoác y vàng. Nếu cô làm được những việc đó, cô có thể có Ānanda.

- Bạch Thế Tôn, con sẽ chạy về nhà và sẽ trở lại đây ngay tức khắc sau khi làm những điều mà Thế Tôn bảo.

Prakirti chạy về nhà, kể lại mọi sự việc cho bà mẹ nghe. Người mẹ mừng cô. Prakirti khóc. Cô nhịn đói.

Người mẹ la rầy cô mà lòng vô cùng thương cảm:

- Con ơi, con điên rồi sao? Con nhịn ăn cho đến khi chết hay sao?

- Xin mẹ hãy cạo đầu cho con. Mẹ không làm, con sẽ chết thôi.

- Con điên rồi! Rồi bà cố gắng khuyên lơn con gái - Con ơi! Người phụ nữ đẹp nhất là ở nơi mái tóc. Cạo trọc đầu rồi thì nhan sắc còn đâu nữa! Con đui mù rồi hay sao? Có gì

làm người phụ nữ xấu xí hơn bằng cái đầu trọc lóc? Ôi! Nếu tóc con bị cắt, nếu đầu con bị gọt, con sẽ xấu xí, dị hợm như thế nào chẳng? Trong kinh thành Sāvītthi này có cô thiếu nữ nào đẹp bằng con đâu? Mẹ sẽ tìm cho con một chàng trai khác, xứng đáng hơn. Một tấm chồng đẹp hơn. Đừng nóng nảy, vội vàng con ạ. Hãy chịu đựng, kiên nhẫn thêm một thời gian nữa. Hãy suy nghĩ cho kỹ đi! Còn đẹp đẽ, xinh xắn gì nữa nơi một người con gái bị gọt tóc như đầu con cá lóc! Con ơi! Đừng ngu ngốc, điên dại nữa! Hãy tỉnh cái thần hồn lại đi!

- Không! Mẹ nói gì thì nói, con không muốn bắt cứ một ai khác. Con chỉ muốn Ānanda, chỉ thích Ānanda, chỉ yêu mỗi một Ānanda thôi! Đối với con, chàng là tuyệt đẹp. Chàng là đệ nhất trên trần đời này! Mặt chàng sáng rực như vàng. Con thích quá cái mắt hòa ái chàng nhìn, cái giọng ngọt ngào chàng nói, cái dáng uy nghiêm chàng đi. Trên cái cõi châu Diêm-phù-đề này, con không muốn bất kỳ một ai khác, ngoài chàng Ānanda của con.

Người mẹ gật đầu, nói:

- Thôi được rồi, con ăn đi.

- Không, con sẽ nhịn đói cho đến khi nào mẹ gọt tóc cho con.

Prakirti tuyệt thực cả mấy hôm sau đó. Sợ cô chết, mẹ cô đành phải chiều ý, cạo tóc cho con gái.

Xong xuôi, người mẹ như nói lẫy:

- Rồi đó! Hãy lấy gương trông thử xem, bây giờ con giống cái gì nào? Đúng là một ni cô xấu xí, xúi quẩy! Chắc hẳn ai ai cũng sẽ thất vọng về con. Đây là mưu chước tài tình, trí xảo của ông Cù Đàm, thầy của Ānanda đó. Chẳng có ai trở về nhà sau khi bị ông Cù Đàm ấy dụ dỗ, lừa gạt. Quả là đáo đẽ, ngoài “Phật chú”, ông ta còn có cả phép thôi miên nữa đấy.

Prakirti cười khi:

- Điều đó chẳng quan hệ gì. Con bắt cần tất cả nếu có được Ānanda. Con bắt cần nếu phải đi xin ăn ngoài đường cùng với chàng. Mẹ ơi! Con xin cảm ơn mẹ! Con chạy vù đến tịnh xá Kỳ Viên ngay bây giờ đây! Chào mẹ! Chào mẹ yêu quý của con!

- Con đi đi! Người mẹ gắt, lớn giọng - Rồi con xem việc gì sẽ xảy ra.

Cô thiếu nữ Prakirti đầu tóc đi đến tịnh xá Kỳ Viên, mình đắp y vàng. Cô đánh lễ Phật rồi chấp tay đứng hầu một bên. Hàng trăm vị sư, trong đó có Ānanda, đang ngồi quanh Phật.

- Kính lễ Thế Tôn! Cô gái thưa - Con đã làm y như lời Thế Tôn dạy bảo, xin ngài hãy giữ lời hứa, trao Ānanda cho con.

Đức Phật nói:

- Tốt lắm! Con bây giờ xứng đáng để nhận Ānanda. Trước khi Như Lai trao Ānanda cho con, con hãy trả lời Như Lai một vài câu hỏi.

- Xin Thế Tôn cứ hỏi.

- Cái gì nơi Ānanda làm con yêu thích? Cái vẻ bề ngoài của ông ta? Khuôn mặt của ông ta? Cặp mắt của ông ta? Cách nói của ông ta? Dáng đi của ông ta? Cái gì ở nơi ông ta vậy?

- Đối với con, khuôn mặt Ānanda là tuấn mỹ. Mũi cao thẳng, đẹp đẽ. Mắt hiền dịu, dễ thương. Tai có vành tai tròn sáng, như có lực hút, hấp dẫn. Giọng nói ngọt ngào như mật. Tư tưởng đúng đắn, cao thượng, chính đại quang minh, hợp với lẽ phải muôn đời. Toàn bộ dáng dấp bề ngoài đều gợi cảm, quyến rũ. Con gái trên đời này mà không đắm đuối nhìn Ānanda thì người ấy không có con mắt, không xao xuyên rung động bởi Ānanda thì người ấy không có trái tim! Sự thật như vậy đó! Con yêu tất cả “vẻ người” diệu mỹ của chàng.

Đức Phật chậm rãi, điềm đạm nói:

- Con xem thân hình Ānanda là đẹp, có phải thế không? Da dẻ Ānanda vàng sáng như ngọc chuốt, có phải thế không? Nhưng mà này con! Nếu da của ông ta bị thương tích, da đó sẽ chảy máu. Nếu không chữa lành thì da đó sẽ sưng tấy lên. Nó sẽ đau. Nó sẽ mưng lên. Rồi nước mủ sẽ rỉ ra. Cái mà con nói là đẹp ấy, nó chỉ là cái bề ngoài mà con thấy, giới hạn nơi cái lớp da bọc ngoài mà thôi. Như vậy, vẻ đẹp hay vẻ gợi cảm, quyến rũ chỉ đều là do cái nhìn về bề ngoài da thịt. Nhưng nếu da của một người bị lột ra thì chẳng ai thèm nhìn người đó nữa. Nếu cái gì ở bên trong thân thể bị lật ra bên ngoài thì lũ chó và lũ quạ sẽ đến tấn công, chup giựt, cắn xé; phải cầm gậy gộc đuổi đánh chúng đi. Thân thể đó không phải được làm bằng ngọc trai, vàng hay bạc. Cũng không phải thiết kế bằng đá quý, san hô. Cái tạo nên thân thể đó được làm bằng xương, da, gân, thịt, máu, đờm, dãi, nước tiểu, nước bọt, phân... Thân thể ấy không đáng giá gì cả khi con nhìn nó. Nếu nhìn vào thực chất của nó, con sẽ thấy nó đáng ghê tởm xiết bao! Ai là người không có trí thì tưởng rằng nó là đẹp. Thực chất thì nó vô thường như bọt nước, như bong bóng, tan biến như ánh chớp, huyền ảo như ma thuật, như giấc mộng. Thân thể là phù du, không chắc thật, xảo dối. Nó giống như một chiếc bao chứa đầy đồ phế thải dơ ứ. Khi nó bệnh tật, ta trở thành kẻ thù của chính ta. Nếu ta nhìn ăn uống một ngày, nếu ta không tắm rửa một ngày, nếu ta không súc miệng một ngày, ta sẽ thấy chính ta là đáng kinh tởm xiết bao. Tất cả những gì kinh tởm chúng sẽ từa ra ngoài thân. Thân thể là nơi nương tựa của bệnh tật, của buồn rầu, của sợ hãi, của khốn nguy. Không một ai có thể biết là mình sẽ chết hôm nay hay ngày mai. Đồ phế thải dơ ứ của thân thể ta làm chính ta phải ghê sợ, tởm lợm. Thân thể ta là nhà chứa của ghê sợ, tởm lợm. Ta không thể mang cái thân này đi theo được. Ta không thể cho ai cái thân

này được. Bộ xương này gồm ba trăm đốt, không tính răng. Các đốt xương được nối kết lại với nhau nơi một trăm tám mươi khớp. Thịt được cột chum lại nhờ chín sợi gân máu. Chín trăm mảnh thịt bám chặt vào gân. Toàn thể bộ xương được da bao quanh, cho nên ta không thấy gì bên trong. Da được đánh bóng nhờ những sợi tơ li li đan kết lại. Thân này có hàng triệu lỗ chân lông. Đồ phế thải dơ uế từa ra ngoài thân như mỡ đọng nơi vành chảo, miệng nồi. Đó là trú cư của hàng triệu triệu con trùng. Đó là nơi than khóc, tóc tang chôn làm chỗ ẩn náu. Đó là bì da chứa đồ phế thải dơ uế qua chín lỗ thoát hơi... Khi hơi thở liả khỏi thân này, ai cũng sợ hãi, ngay cả sờ lên đây cũng thấy kinh! Chỉ vài ngày sau, nó bốc mùi thối hoặc bởi đồ phế thải rỉ ra. Yêu thương cái xác chết này hay yêu thương cái xác chết nọ thì nào có gì khác nhau đâu? Tình yêu là do sự thèm muốn, khao khát mà có. Ở đâu không có thèm muốn, khao khát, ở đấy không còn ham mê, đắm đuối. Ở đâu có tình yêu thân xác, ở đấy tất có sầu buồn đau khổ. Từ ngày con bắt đầu yêu thương Ānanda, con đã chứng nghiệm trong lòng mình bao nhiêu là buồn khổ, khóc lóc, thở than, bỏ ăn, bỏ ngủ, suy nhược, kiệt lả... cả thân lẫn tâm - lẽ ra con phải tự biết chứ? Tất cả những điều đó đâu có phải là hạnh phúc chân thật để cho con phải mất công tốn sức tâm cầu, cuu mang, áp ủ? Bây giờ, con hãy suy nghĩ cho thật kỹ với trí thông minh của con, nhìn xem thử lại, quan sát kỹ lại cái thân thể của ông Ānanda có phải là cái gì đáng cho con phải mê, phải mệt, phải tương tư, thâm yêu, trộm nhớ không? Hãy nói cho Như Lai nghe thử nào?

Prakirti càng nghe đức Phật nói chừng nào, sự thật càng được phơi bày chừng nào, cô càng kinh khiếp, ghê sợ chừng đó do căn tu nhiều đời. Cứ thử tưởng tượng thôi, là cô cứ muốn nôn ọe...

Cô chột quỳ sụp xuống:

- Ôi, bạch đấng Giác Ngộ! Quả thật là con đã thấm thía quá sức rồi! Quả thật là con đã thấy được sự thật qua lời giảng dạy cặn kẽ, sâu sắc của ngài rồi. Con đã thấy thực chất những cái gì dơ uế nơi thân thể của Tôn giả Ānanda qua lời mà ngài vừa đặc tả. Lòng con chợt nhẹ bỗng, nhẹ thênh thênh sau khi nghe thời pháp vi diệu của Thế Tôn. Con đã tận tường, thông suốt mọi điều, mọi lẽ rồi; chẳng có gì có thể che giấu, dối gạt con được nữa.

Đức Phật lại mỉm cười:

- Nếu thật là như vậy, Như Lai sẽ thực hiện lời hứa trao Ānanda cho con. Bây giờ con có thể đi về nhà cùng với Ānanda!

Prakirti vái lạy lia lịa:

- Ô không! Bạch đấng Giác Ngộ! Con không cần chàng nữa, con không cần Tôn giả Ānanda kia nữa. Lời dạy thâm sâu, cao diệu, nhất là hiện thực và cụ thể của Thế Tôn đã chữa lành tâm bệnh của con, đã chữa lành sự ngu ngốc, điên loạn của con rồi. Bây giờ, con không còn là cô thiếu nữ mê muội sống theo ước vọng điên cuồng như vậy nữa. Tất cả cơn đam mê đã lìa khỏi tâm của con rồi. Xin Thế Tôn rủ lòng bi mẫn thân nhận con vào ni đoàn của ngài.

Đức Phật mỉm nụ “tiểu sanh tâm” nhẹ nhẹ gật đầu:

- Đoàn thể tăng ni của Như Lai sâu rộng như biển lớn. Bao nhiêu con sông như Gaṅgā, Yamuna, Aciravati, Sindhu, Godhavati - tất cả chúng đều chảy vào biển, trộn chung, tan hòa lại với nhau, chẳng còn phân biệt nước của con sông này với nước của con sông kia, tất cả chỉ còn một tên gọi chung là biển. Cũng vậy, Như Lai không phân biệt người thấp hèn hay cao sang, chủng tộc, giai cấp hay xứ sở, ai cũng có thể bước vào đoàn thể tăng ni của Như Lai được cả. Khi vào, tất cả những gì khác biệt trước đây đều tan biến, mọi người cùng sống với nhau như con chung một cha, là huynh đệ, là tử muội trong một đại gia đình yêu thương và bình đẳng. Tất

cả đều trở thành là “Con của Phật”, là Phật tử hay Thích tử. Bởi vậy, không có gì cản trở con gia nhập giáo chúng ni đoàn.

Thế rồi, cô được gia nhập ni đoàn và không lâu sau đó tỳ-khưu-ni Prakirti trở thành một vị A-la-hán.

Tin đồn về đức Phật thân nhận một cô gái hạ tiện vào ni đoàn lan rộng ra khắp nơi nhanh như gió thổi. Tất cả giới tướng lãnh, bà-la-môn, phú gia và quý tộc của kinh thành Sāvithi thấy đều bàng hoàng, rúng động. Họ tự hỏi làm sao một phụ nữ hạ tiện, khi trở thành ni cô, có thể đi vào nhà của một người sinh ở giai cấp trên trước; làm sao một người sinh ở giai cấp trên trước có thể đến gần “cô ni” ấy, làm sao “cô ni” ấy có thể nhận thức ăn khát thực từ người sinh ở giai cấp cao hơn?

Họ đến thưa chuyện với đức vua Kosala. Đức vua khen thâm thái độ quang minh chính đại của Phật khi ngài muốn phá bỏ hàng rào các giai cấp, tôn trọng sự tự do và bình đẳng, nhưng cũng cùng với một đoàn tùy tùng gồm những người thuộc giai cấp thượng đẳng thân hành đến bái yết ngài.

Đức Phật gọi tỳ-khưu-ni Prakirti, tôn giả Ānanda và tất cả tăng ni đến quanh ngài, rồi ngài hỏi vua và mọi người có muốn nghe kể chuyện kiếp trước của Prakirti không. Ai cũng muốn nghe.

Rồi đức Phật bèn kể:

“Trong một kiếp quá khứ, bên bờ sông Gaṅgā, có một vị thủ lãnh giai cấp hạ tiện tên là Trishanka. Ông ta có một người con trai tên là Shardula Karna dung mạo tuấn tú, kiến thức sâu rộng, học hết ba bộ kinh Vệ Đà. Khi thanh niên ấy đến tuổi lập gia đình, người cha đến nhà người bà-la-môn có tên là Pushkaar Shari đề cầu hôn con gái ông ta cho con trai của mình. Người con gái ấy tên là Prakirti. Người bà-la-môn tức giận, cho việc cầu hôn ấy là một sự lăng mạ, sỉ nhục.

Người thủ lãnh giai cấp hạ tiện cố gắng đem hết lý lẽ ra để giải thích rằng phân biệt giai cấp như vậy là không đúng, ai cũng là con người cả. Người cha bà-la-môn Pushkaar Shari lấy làm hài lòng bởi lời giải thích có lý có tình, đúng với sự thật của vị thủ lãnh nên chấp thuận gả con gái của mình cho con trai của ông ta.

Cô thiếu nữ Prakirti xinh đẹp của người bà-la-môn giai cấp thượng lưu kia bây giờ chính là tỳ-khưu-ni Prakirti bây giờ đây. Con trai của vị thủ lãnh giai cấp hạ tiện, hiện nay chính là Ānanda. Và, Như Lai chính là thủ lãnh Trishanka giai cấp hạ tiện của kiếp trước đó vậy”.

Sửng sốt, ngạc nhiên và thú vị bởi câu chuyện hay, đức vua Kosala và tùy tùng lãnh hội được bài học, đánh lễ Phật rồi ra về.

Nguyên Nhân Đức Phật Cho Thọ Y Kathina

Nhắc lại chuyện cách đây hai mươi hai năm về trước.

Sau khi thành đạo tại cội Bồ Đề, đức Phật về Vườn Nai hóa độ cho năm đạo sĩ Kiều Trần Như trở thành các bậc thánh vô lậu, thế là giáo hội Tăng-già ra đời, ban đầu chỉ có năm vị. Cũng thời gian ở đây, đức Phật tiếp độ thêm công tử Yasa cùng năm mươi lăm bạn hữu đồng đắc quả A-la-hán. Và đây chính là lực lượng sa-môn trí giả đầu tiên được đức Phật khuyến họ phân bố đi hoằng hóa nhiều phương, mỗi người một nơi, không đi chung nhau vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Thế rồi, sau khi tiễn đưa sáu mươi vị A-la-hán lên đường, đức Phật rời Lộc Uyển, theo lộ trình trở lại thăm cội cây Bồ Đề tại Uruvelā cùng ngôi làng Senānī thăm lại các gia đình ân nhân thí chủ, trong đó có bát sữa kỳ diệu của nàng Sujātā.

Đến khu rừng Kappāsīya, thấy hoa kadamba nở vàng rực, hương thơm ngào ngạt, đức Phật dừng chân, độ ngộ rồi nghỉ trưa. Tại đây, đức Phật đã tiếp độ thêm ba mươi vương tử xứ Kosala trở thành ba mươi vị tỳ-khưu⁽¹⁾ rồi sau đó, họ

⁽¹⁾ Xem lại MCDMVNN II.

tình nguyện đi đến miền rừng núi xứ Pāvāya, biên địa phía Bắc Kosala để hành đạo, tùy duyên tiếp độ chúng sanh.

Thời gian trôi qua, ba mươi vị tỳ-khưu này đều thọ trì hạnh đầu-đà; sống đời giản dị và trong sạch, xứng đáng phẩm hạnh của những bậc thánh vô lậu trong giáo hội của đức Tôn Sư. Họ thường chia nhau ra từng nhóm hai ba vị một, đi trì bình khát thực quanh những xóm làng sơn cước, có gì dùng nấy. Họ lượm vải dơ, vải rách, vải bên vệ đường, nghĩa địa người ta quăng bỏ để vá y, may y để mặc.

Việc đức Phật cho phép thọ y Kathina nguyên do bởi câu chuyện của ba mươi vị trưởng lão xứ Pāvāya này.

Thuở ấy, một vị tỳ-khưu chỉ được dùng một số y phụ như y lót ngồi, y lót nằm, y rịt ghẻ, y lau mặt, sau này còn được phép dùng thêm y tắm mưa. Gọi là y nhưng thật ra, chúng chỉ là những tấm vải lớn nhỏ tùy theo mục đích sử dụng. Cần thiết và quan trọng nhất cho một vị tỳ-khưu là tam y (ticīvara), nó gồm có một tấm y dày hai lớp để làm chăn đắp, gọi là y Tăng-già-lê (saṅghāti); một tấm y khác nữa, gọi là y ngoại, y thượng hay y vai trái để mặc ngoài (uttarasāṅgha); một tấm y để mặc như cái xiêm được gọi là y hạ hay y nội (antaravāsaka). Do tất cả đều là vải lượm, đôi khi phải may vá nhiều lớp trông mới lành nguyên, nên tấm y Tăng-già-lê của vị tỳ-khưu nào cũng dày cộm. Nhớ lời đức Phật dạy, con chim có đôi cánh luôn dính với thân hình như thế nào thì vị tỳ-khưu có tam y cũng y như thế, không được phép rời khỏi tam y, phải luôn luôn dính tam y ở bên mình. Những khi trời nắng, hay tiết trời tạnh ráo thì y Tăng-già-lê dễ phơi phóng, mau khô, mang nhẹ; nhưng khi lỡ bị ướt nước mưa thì tấm y ấy trở thành gánh nặng trên vai!

Tình trạng như thế đã xảy ra với nhóm tỳ-khưu ba mươi vị ở Pāvāya này trong nhiều lần trước đây họ về thăm đức Thế Tôn ở Kỳ Viên tịnh xá; nhưng lần sau cùng này thì xem ra có vẻ ‘thê thảm’ hơn nhiều.

Chuyện là, khi hay tin đức Phật ở Kỳ Viên tịnh xá, rồi ở Đông Phương Lộc Mẫu trong hạ thứ hai mươi, hạ thứ hai mươi một, ba mươi trưởng lão xứ Pāvāya quyết định từ già miền rừng biên địa, lặn lội về thăm ngài sau nhiều năm xa cách. Do những trận mưa xối xả bất thường, những đoạn đường qua núi, qua làng trở nên lầy lội nên họ bộ hành rất chậm; và những tấm thân già cùng với tam y ai cũng bị dầm ướt. Khi đến thị trấn Sāketa là đã đến gần ngày an cư nên họ phải tìm chỗ trú chân, hong khô y áo. Vị trưởng lão trưởng đoàn run run vì lạnh, dăm dăm nhìn về phương nam, cất tiếng như đã quyết định:

- Đức Thế Tôn hiện ở rất gần mà chúng ta cũng không về đánh lễ bên chân của ngài được. Thôi, chúng ta hãy tìm một khu rừng, tạm thời an cư mùa mưa ở đây. Sau hạ, chúng ta hãy lên đường.

Mọi người y lời. Rồi mùa an cư cũng qua đi, nhưng do mưa suốt mấy tháng nên việc trì bình bị trở ngại, ai cũng gầy ốm, xanh xao vì thiếu thốn vật thực. Và suốt quãng đường về Sāvatti, ba mươi vị tôn giả lại bị dầm nước mưa nhiều lượt nữa, tấm y Tăng-già-lê trên vai nghe nặng như quả núi.

Khi họ lấm lũi, gắng sức đến được Kỳ Viên tịnh xá, cả ba mươi vị trông rất thảm nã; hình ảnh ấy kinh động đến đức Phật, kinh động đến chư tăng và kinh động đến cả hai hàng cận sự nam nữ.

Sau khi gặp mặt ba mươi vị trưởng lão, thấy sắc mặt xanh xao, hình dong tiêu tụy, y áo vá chằm vá đụp nhưng cũng đã rách nát tả tơi của họ, đức Phật động tâm chánh pháp. Tức tốc, ngài cho triệu tập chư vị đại trưởng lão có mặt ngay tức khắc tại giảng đường Kỳ Viên tịnh xá để cùng nhau xử lý vấn đề vừa phát sanh trước mắt.

Hướng tâm đến sinh hoạt tăng lữ của chư Chánh Đẳng Giác thời quá khứ, đức Phật Gotama biết rằng, khi gặp trường hợp tương tự, chư Phật đã cho phép thọ y Kathina

với cách thức như vậy, như vậy...⁽¹⁾ Người được thọ y, ví như trường hợp ba mươi vị trưởng lão này, sẽ nhận được vải lành lặn do thí chủ dâng cúng, để cắt, vá, may làm thành y mới, thay thế y áo đã quá cũ rách. Còn nữa, chưa nói chuyện thí chủ hoan hỷ cúng dường y Kathina có phước báu vô song; riêng người thọ y cũng sẽ được năm quả báo hiện tiền, có được nhiều sự dễ dàng trong việc tới lui, sinh hoạt. Trong năm quả báo⁽²⁾ ấy, điều thứ hai, là không mang theo y tăng-già-lê nặng nề bên mình mà cũng không phạm tội vào điều học nào cả.

Thế là trong suốt ba ngày, đức Phật cùng chư vị đại trưởng lão đã chế định những điều khoản, tuyên ngôn, cách thức thọ trì, thế nào là thành tựu, thế nào là không thành tựu... vân vân và vân vân. Từ đó đại lễ dâng y Kathina bắt đầu được phổ biến rộng khắp tịnh xá, tu viện trong toàn thể châu Diêm-phù-đề.

Người được diễm phúc và vinh hạnh làm chủ lễ đại thí cúng dường y Kathina đến đức Phật và chư tăng Kỳ Viên tịnh xá lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo, chính là bà Visākhā vậy.

⁽¹⁾ Xem Mahāvagga II, tạng Luật; tỳ-khưu Indacanda đã có bản Việt dịch.

⁽²⁾ 5 quả báo: 1- Ra đi không từ giả vị trưởng nhóm, không có tội. 2- Đi, không mang theo y Tăng-già-lê, không phạm điều học. 3- Thọ thực chung nhiều vị, cũng được. 4- Không thọ y, có thể cất giữ y hoặc không gởi y cũng không sao. 5- Y của tỳ-khưu mất hay y phát sanh như tài sản của Tăng, vị tỳ-khưu đã thọ Kathina được phép sử dụng.

Cây Bồ Đề Ānanda

Từ khi kinh thành Sāvatti có hai tu viện lớn là Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên và Đông Phương Lộc Mẫu – nơi nào cũng có sức chứa hàng ngàn vị tỳ-khưu - thì đức Phật thường lui tới cả hai nơi trong những lúc họp tăng hay thuyết giảng những bài pháp quan trọng đến tứ chúng hoặc riêng cho chư tỳ-khưu tăng ni. Tuy nhiên, chỗ đức Phật hằng lưu trú nhất vẫn là Kỳ Viên tịnh xá.

Cứ mỗi độ sau mùa an cư, đức Phật lại ra đi. Chư vị đại trưởng lão như hai vị đại đệ tử, tôn giả Mahā Kassapa, tôn giả Upāli... đôi lúc cũng cùng với hội chúng tỳ-khưu đệ tử của mình cũng rời Kỳ Viên hay Đông Phương làm những cánh hạc du phương, thông dong vô trụ xứ.

Hôm kia, vào khoảng mùa an cư thứ hai mươi bốn của đức Phật tại Kỳ Viên tịnh xá; và có lẽ cũng đã suy nghĩ cặn kẽ, trưởng giả Cấp Cô Độc tìm gặp tôn giả Ānanda, rồi thưa:

- Thường thường, sau mỗi mùa an cư, tịnh xá Kỳ Viên trông đìu hiu và hoang vắng lắm, tôn giả có biết thế không?

Tôn giả Ānanda nhè nhẹ gật đầu:

- Đức Tôn Sư ra đi, chư vị đại trưởng lão và chúng tỳ-khưu cũng ra đi, thì có lẽ ở đây rất là trống vắng. Đó là sự thật, thưa trưởng giả!

- Cứ mỗi buổi sáng, cứ mỗi buổi chiều, cận sự nam nữ hai hàng đến Kỳ Viên tịnh xá với hoa, với đèn, với trầm, với những vòng hoa, tràng hoa... họ đi quanh một vòng, không biết đặt vào đâu - thế là họ đặt tất cả vật cúng dường ấy ngoài hương phòng của đức Thế Tôn, đánh lễ hương phòng rồi ra về. Chúng chắt thành từng đồng, từng đồng, ngày này sang ngày khác, đến hư mục và thối rữa. Trên mỗi khuôn mặt, dường như ai cũng có một nỗi buồn khó tả khi không có mặt đức Thế Tôn!

- Đúng là vậy rồi, thưa trưởng giả!

Ngần ngại một lát, trưởng giả thưa tiếp:

- Những mong tôn giả thừa thỉnh với đức Thế Tôn, rằng là, xem có nơi nào khác để hai hàng cận sự có thể đến lễ bái, cúng dường trong lúc đức Thế Tôn bận đi du hóa phương xa, không có mặt ở Kỳ Viên tịnh xá, nhưng vẫn được xem như là đang có sự hiện diện của ngài.

Tôn giả Ānanda nhíu mày:

- Có phải trưởng giả muốn hỏi, một nơi nào đấy, có cái biểu tượng gì đấy - được xem như là vẫn có mặt đức Đạo Sư ở Kỳ Viên?

- Đúng là vậy! Trưởng giả xoa tay, nở nụ cười hoan hỷ - Tôn giả đã nắm bắt rất chính xác ý nghĩ và ước nguyện của đệ tử vậy.

Thế là vào dịp thuận lợi nhất, tôn giả Ānanda vào hầu Phật. Và sau đó, câu chuyện đã diễn ra như sau:

- Bạch đức Thế Tôn! Có bao nhiêu vật biểu tượng - được xem như là có sự hiện diện của đức Thế Tôn - để chúng sanh có thể đến đây lễ bái, cúng dường (cetiyaṇi)?

- Tất cả có ba, này Ānanda! Đức Phật giảng giải – Thứ nhất, những vật có liên hệ đến thân thể (sārikira) của Như Lai, như ngọc xá-lợi sau khi Như Lai nhập diệt. Thứ hai, những vật có liên quan đến những đồ dùng riêng (pāribhogika) của Như Lai, ví như y và bát... Thứ ba, những

vật như tượng trưng nhằm để tưởng nhớ (uddesika), ví như cây Bồ Đề, kỷ niệm nơi chốn Như Lai chứng ngộ đạo quả vô thượng!

- Đệ tử hiểu rồi! Tôn giả Ānanda thưa tiếp - Về việc thứ nhất, khi đức Tôn Sư còn tại tiền thì đâu có xá-lợi để tôn thờ? Tuy nhiên, có thể xây dựng ngôi bảo tháp tượng trưng được không, bạch đức Tôn Sư?

- Không thể được, này Ānanda! Bảo tháp ấy chỉ được kiến tạo khi Như Lai nhập diệt rồi; và khi ấy, tất cả thịt, xương, gân, da, tim, não, máu, mồ hôi, lông, tóc của Như Lai... sau khi thiêu đốt, chúng biến thành ngọc, được gọi là ngọc xá-lợi – thì sự lễ bái cúng dường ngọc xá-lợi ấy mới có ý nghĩa, mới có phước báu, này Ānanda!

- Thế còn đồ dùng riêng, bạch đức Tôn Sư ?

- Cũng tương tự vậy, nghĩa là sau khi Như Lai Niết-bàn rồi – mới nói lên được ý nghĩa biểu tượng của nó.

- Vậy thì chỉ còn cây Bồ Đề, kỷ niệm nơi thành đạo của đức Đạo Sư, là có thể thiết lập ngay hiện tại này để mọi người có thể chiêm bái, cúng dường?

- Đúng vậy, này Ānanda! Hãy trông đi! Làm được như vậy là xem như Như Lai luôn có mặt tại Kỳ Viên tịnh xá.

Sau cuộc hội kiến ấy, tôn giả Ānanda thuật lại câu chuyện cây Bồ Đề với trưởng giả Cấp Cô Độc, với bà Visākhā, với đức vua Pāsenadi...

Tôn giả Mahā Moggallāna tinh minh ngàn dặm, biết chuyện ấy, đã sử dụng thần thông, nhanh mắt, nhanh tay vươn chụp một hạt bồ-đề chín muồi đang rơi từ cây xuống rồi trao ngay cho tôn giả Ānanda, mỉm cười nói:

- Hãy tìm một chỗ tương thích trong khuôn viên tịnh xá để gieo ươm liền tay đi, hiền giả!

Biết được sự hệ trọng của vấn đề cùng ý nghĩa biểu tượng thiêng liêng của nó, tôn giả Ānanda lắc đầu :

- Không! Công đức này hãy để dành cho bậc nhân chủ Kosala!

Tức tức, tôn giả Ānanda bộ hành vào cung, mang hạt bồ-đề ấy trao cho đức vua Pāsenada rồi nói :

- Chính bệ hạ mới là người xứng đáng gieo ươm hạt bồ-đề này như ngọn cờ chiến thắng tâm linh.

- Không! Không! Tôi không dám nhận cái vinh dự ấy đâu!

Nói thế xong, suy nghĩ một lát, đức vua Pāsenadi mặc đồ đại lễ, cùng với quần thần lên những cỗ xe bốn ngựa đến trao hạt bồ-đề ấy cho trưởng giả Cấp Cô Độc, nói rằng :

- Chính trưởng giả là người khởi tâm đầu tiên. Vậy công đức và phước báu này không ai có thể giành phần của trưởng giả được.

Khi mọi người có mặt đầy đủ tại Kỳ Viên tịnh xá, tôn giả Ānanda chỉ chỗ gieo ươm rồi, nhưng trưởng giả Cấp Cô Độc vẫn có vẻ chần chừ - thì một giọng phạm âm từ đâu đó vang lại :

- Hãy đặt hạt xuống lỗ đi, này Sudatta! Mọi người nhường nhau, cuối cùng, hạt bồ-đề nằm trong tay ông! Vậy, về tình, về lý, về đạo, về đời đều trọn hảo cả!

Ai cũng biết đây là ngôn lời động viên chính đáng của đức Thế Tôn. Trưởng giả Cấp Cô Độc không dám không nghe theo, bèn chấp tay thành kính vái giữa hư không, rồi đặt hạt xuống, khóa đất lại, tưới nước lên - trước sự chứng kiến của hai vị đại đại đệ tử, tôn giả Ānanda, đức vua Pāsenadi và bà Visākhā... Từ đó, hạt bồ-đề nảy mầm, phát triển xanh tốt. Cận sự hai hàng biết chuyện, ai cũng để tâm chăm bón. Một số người còn mang sữa bò, sữa dê cho cây uống nữa nên nó lớn nhanh như thổi.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghĩ đến người tạo thuận duyên cho ước mơ của ông được thành tựu - chính là vị thị giả của đức Tôn Sư – nên ông đặt tên là Cây Bồ Đề Ānanda!⁽¹⁾

Ghi chú đặc biệt ở hạ thứ 24:

- Trong soạn phẩm “Đường xưa mây trắng” của thiền sư Nhất Hạnh, và soạn phẩm “Sự tích đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni” của Minh Thiện - Trần Hữu Danh, ở hạ thứ 24 này có đề cập đến kinh “Bát đại nhân giác”. Đây là kinh của hệ phái phát triển, không có trong thời Phật. Lý do, bảy điều trước là tinh thần phổ quát của giáo pháp, nhưng điều thứ tám, nguyên bản chữ Hán, có đoạn: “Phát đại thừa tâm. Phổ tế nhất thiết. Nguyên đại chúng sanh. Thọ vô lượng khổ”. Lưu ý cho: Thời Phật, không hề có từ “đại thừa”; và cũng không có tinh thần “nguyện thay chúng sanh, thọ vô lượng khổ”!

Nếu so sánh với Pāli văn thì Theravāda cũng có “8 pháp của bậc chân nhân”, tôi ghi ra đây để chúng ta cùng tham khảo, như sau: 1-Có đủ bảy diệu pháp: tín, tầm, quý, đa văn, tấn, niệm, tuệ. 2-Thân cận bậc chân nhân. 3-Tư duy hướng thiện và hướng thượng, bất hại cho mình và tha nhân. 4-Lý luận, thảo luận chân chánh không gây hại cho mình và tha nhân. 5-Mỹ toàn bốn khẩu thiện hạnh: không vọng ngữ, không ly gián, không ác độc, không vô ích. 6-Mỹ toàn bốn thân thiện hạnh: không sát, đạo, dâm, tửu. 7-Có chánh kiến (kiến, văn, giác, tri như thật). 8-Biết 8 cách bố thí của bậc chân nhân: Vật trong sạch, vật thượng hạng, đúng thời, phù hợp, có suy nghĩ, làm thường xuyên, tâm thanh tịnh, ba thời (trước, trong và sau) đều hoan hỷ.

⁽¹⁾ Đây là cây bồ-đề lịch sử có tuổi thọ lớn nhất, hiện nay vẫn còn sống tại Sahet Mahet - Jetavana cũ. Sang Ấn Độ, người biên soạn có đến đánh lễ cây Bồ Đề này.

Người Đàn Bà Đau Khổ

Do túc duyên nhiều đời, cô gái sanh ra trong một gia đình ông chủ ngân hàng⁽¹⁾ tại Sāvatti, cao sang, giàu có; lại được cha mẹ rất cưng chiều, cho cô ở trên tầng bảy của một tòa lầu, có kẻ ăn người ở hầu hạ sớm hôm.

Năm cô lên mười sáu tuổi, có một gia đình môn đăng hộ đối với lễ vật trọng hậu dạm hỏi nàng cho con trai của họ, cũng là một công tử con nhà quyền quý. Cô gái lặng lẽ không nói gì, vì cô đã âm thầm yêu thương một chàng trai nô lệ đầy tớ trong nhà. Cậu ta chỉ hơn cô vài tuổi, vừa vai u thịt bắp mạnh khỏe vừa có tướng mạo là một mỹ nam tử. Môi tình này diễn ra đã được mấy tháng, như lửa gần rơm, sức cuốn hút của tuổi thanh xuân, họ đã có quan hệ mặn nồng với nhau.

Như đã quyết định, hôm kia cô gái nói với chàng trai:

- Tôi không thể lấy cái anh công tử mặt trắng ẻo lả kia được. Và lại, tôi đã có “ri khác” với chàng rồi. Chúng ta hãy bỏ trốn thôi!

- Tôi sợ lắm! Thưa nữ chủ!

⁽¹⁾ Đây là ghi theo Dictionary of Pāli Proper Names, còn những nơi khác là thương gia hoặc triệu phú. Gia tài của vị này chừng khoản 400 triệu đồng tiền vàng (theo chú giải).

Cô gái cau mày:

- “Nữ chủ” cái gì nữa! Vợ chồng rồi đấy! Hãy liệu tính cho mai sau chớ không còn kịp nữa. Mau mau lên!

- Tôi phải làm sao?

- Ôi! Đần đần vừa vừa thôi chứ! Hãy liệu chừng cửa ngõ, xem bọn đầy tớ đi lên đi xuống các cổng lầu, vườn hoa, tường Đông, tường Tây, xem vào khoảng canh hai chúng đã ngủ nghỉ hết chưa. Rồi còn tìm cách cuỗm một con voi rồi chúng ta cùng bỏ trốn! Rõ chưa?

- Rõ ạ! Thưa nữ chủ!

- Lại “nữ chủ”!

Chàng trai cười ngỏn ngoẻn rồi đi lo việc của mình.

Thế rồi, đúng ngày, đúng giờ, cô gái gom hết của cải, tư trang, tư dụng vào trong một cái đẫy lớn rồi cùng với tên nô lệ đầy tớ cỡi trên một con voi, trốn đi. Lúc ấy vào đầu canh ba, mọi người trong nhà đang no say giấc điệp cả.

Đi được một đôi, chàng trai hỏi:

- Nếu ông chủ bắt được, ông có đánh chết không?

- Ông cho người đánh chàng chết thật đấy!

- Không sợ pháp luật sao?

Cô gái cười rúc rích:

- Chàng không có biết gì cả! Chủ đánh chết nô lệ là chuyện thường. Theo luật pháp, đánh chết một tên nô lệ không có tội gì cả, vì nô lệ không phải là người!

Chàng trai nghe rợn cả tóc gáy, quay lại sau, ngó tả, ngó hữu, lắng tai nghe chừng, thấy chẳng có ai chạy theo bắt, nghe chẳng có tiếng động nào, chàng mới thở một hơi dài nhẹ nhõm!

Đến một vùng nông thôn, quê cũ của chàng thanh niên, cách kinh thành Sāvatti chừng ba bốn do-tuần thì họ dừng chân lại. Tại đây, cô gái bán con voi, bán tư trang thêm tiền tậu một mảnh vườn, thuê người làm một căn nhà, sắm sanh tiện nghi ăn ở, những vật dụng cần thiết cho mọi sinh hoạt.

Thế rồi, một thời gian sau, hai vợ chồng son trẻ đã trở thành một gia đình nông dân thực thụ. Chàng làm vườn, trồng cây ăn trái, rau cải; nàng kiếm củi, bếp núc, chăm sóc quét dọn nhà trong vườn ngoài. Cuộc sống ấy ai cũng tưởng là rất hạnh phúc, nó êm ả, nó đều đặn trôi đi! Được bốn năm tháng, khi cái bụng của nàng ngày càng lớn thì nàng bắt đầu mệt mỏi, chán nản, buồn phiền nên sinh ra cáu gắt, nóng tính vô cớ. Chuyện củi đuốc, bếp núc, quét dọn trong ngoài nàng cũng bỏ phớt, chàng trai lại nhẩn nại, lặng lẽ làm hết mọi sự. Bản chất của “cô tiểu thư” ưa sai bảo, ưa chỉ tay năm ngón, nhờ tình yêu mặn nồng ban đầu nó chìm khuất đi, bây giờ nó bắt đầu hiện mặt ra, xáo trộn nếp sống gia đình, đảo lộn cái tôn ty “chồng xướng thì vợ thuận theo”. Chàng trai vốn bản chất trung hậu, quen chịu đựng cũng không lấy thế làm điều khi trở lại vai trò của một tên đầy tớ! Lại còn bị cô chủ chê ỉ ôi, eo sèo nấu cho chó ăn, nấu cho bò ăn chớ có phải cho người ăn đâu!

Cái bụng càng to thì nàng càng khó chịu, càng bướng, càng chướng, thường hay quát tháo chồng, la mắng chồng một cách vô cớ. Nó cũng có lý do chủ quan của nó. Vì càng gần đến ngày sinh, nàng càng cảm thấy bất an và sợ hãi. Sinh làm sao đây? Ai là người có kinh nghiệm chăm sóc, thuốc thang? Nàng có biết gì đâu, và cái ông chồng “con nít” ba cục, ba hòn kia cũng có biết gì đâu! Con người sinh con, cô “tiểu thư” sinh con chớ có phải là con trâu, con bò, con mèo, con chó, con gà, con vịt sinh con đâu! Đến lúc này cô gái mới thật sự thấm thía nhớ đến bàn tay và trái tim của người mẹ. Ở đây thường là quê hương ấm áp của mọi đứa con ly xứ hướng về! “Mẹ ơi!” con khổ lắm! Cô gái thốt lên nho nhỏ với hai hàng nước mắt tuôn chảy lặng lẽ, dầm dề, trong đêm, khi bên cạnh, chàng trai ngủ ngáy khò khò vô tư, vô lự! Mà cũng phải thôi, chàng đã làm việc cật lực, vất vả

suốt ngày lại còn phải lo đảm đang, quán xuyến nội trợ trong nhà nữa.

Hôm kia, như đã quyết định, cô gái nói:

- Tôi phải về nhà cha mẹ để sinh nở thôi! Ông hãy chuẩn bị dẫn tôi đi!

Chàng trai lắc đầu:

- Không thể được!

- Tại sao?

- Tôi mà đâm đầu về đó, ông chủ lớn sẽ đánh chết! Nếu không đánh chết thì cũng cho tay chân tra tấn đến chín chết một sống. Tôi không đi. Tôi chưa muốn chết!

Cô gái đưa ra lý do:

- Không đâu! Dù sao bây giờ tôi là gái đã có chồng! Cha mà đánh chết chồng của con gái để con gái cung của cha bị ở góa hay sao? Lại nữa, còn có pháp luật mà!

Chàng trai nhẹ, lắc đầu:

- Không! Nhất định là không! Tôi chỉ là một tên nô lệ! Chủ đánh chết nô lệ là chuyện thường. Theo luật pháp, đánh chết một tên nô lệ không có tội gì cả, vì nô lệ không phải là người!

- Chà! Cô gái ngạc nhiên! Ông học ở đâu đó?

Chàng trai chột cười lạt, trả lời:

- Của “cô tiểu thư” đấy chứ ai. Đó chính là cái câu của cô nói khi rời khỏi nhà chỉ một đổi đường!

- Nhớ dai dử!

- Cái mạng sống tôm tép, mỗi lần chúng cũng muốn sống, không muốn chết. Không muốn nhớ dai thì nó cũng cứ nhớ đấy!

- Chà! Lại lý sự nữa chứ!

- Cũng học của “cô chủ” đó! Cái đầu óc “đần đần” này lần hồi nó cũng sáng ra!

- Lại nói móc nữa!

- Dạ, không dám!

Chịu. Hết cách. Đến lúc, dù nàng có năn nỉ đến khô hơi, chàng trai cứ vẫn cương quyết lắc đầu.

Không biết cách nào hơn, đợi một hôm chàng đội nông sản đi bán ở chợ xa, cô gái chuẩn bị một vài đồ dùng cần thiết, gởi gắm nhà cửa cho một người hàng xóm rồi lên đường. Khi đi, cô nhờ người nhắn lại với chồng là cô đã trở về nhà cha mẹ đẻ sinh con.

Ngày hôm sau, chàng trai về nhà, biết có sự, tự nghĩ thầm: “Cũng tội, con nhà tiểu thư khuê các, chân yếu, tay mềm, vì yêu thương ta mà phải chịu đựng muôn vàn gian khổ. Bây giờ lại là thân gái dặm trường, bụng mang dạ chửa, vò vố một mình, nếu có chuyện chi xảy ra thì ai là người chăm sóc, bảo vệ?”

Không chậm một khắc nào, chàng trai đùm vội một bọc củ khoai ăn đường, tay cầm con dao - như cái rựa - rồi hối hả lên đường. Nhờ đi nhanh, đi cả ban đêm nên ba ngày sau thì gặp cô gái bên một bìa rừng. Hóa ra là cô ta đã sinh con rồi, một đứa bé trai bụ bẫm, xinh xắn. Cả hai nhìn nhau, tươi cười rạng rỡ, hạnh phúc; rồi ôm chầm nhau, trao qua đưa lại đứa bé cho nhau để cùng ẵm bồng, hôn hít.

Không tính chuyện lên đường nữa. Họ lại cùng dìu nhau trở lại gia đình, mái ấm.

Chuyện kể rằng, sinh đứa con trai thứ hai cũng tương tự vậy khi đứa con trai thứ nhất đã lững chững biết đi. Cô gái khi bồng, khi dắt đứa trẻ cùng với cái bụng lên đường về nhà cha mẹ. Cũng cỡ chừng nửa đường, cũng tại bìa rừng, cô gái lại sinh con, và chàng cũng tìm đến kịp. Tuy nhiên, lần này không còn trời yên biển lặng mà sóng gió lại nổi ba đào cuốn đi những thân những phận! Ôi! Tử tử sinh sinh! Dâu biển đoạn trường! Mịt mù đau khổ!

Khi đứa con vừa ra khỏi lòng mẹ, một cục thối đỏ hồng thì đột ngột một cơn bão ập tới, cây cối vắn mình quằn quại, cây gãy răng rắc, lá rụng rào rào. Dưới một tàn cây đại thụ

rung rinh, cô gái chỉ kịp cởi cái áo khoác ngoài quần cho con, nằm sấp xuống, chịu trận mưa như trút trên lưng, bảo vệ hài nhi bên dưới. Đứa con bên cạnh lại khóc ré lên, nó cũng ướt và lạnh. Chẳng biết sao hơn, cô gái lại phải đổi tư thế, nằm khum khum để che mưa cho cả hai đứa! Chàng trai vừa tới kịp, chưa nói được một lời nào, chưa kịp nhìn đứa con ra sao thì cô gái đã thều thào mệt mỏi, đứt quãng:

- Hãy kiếm... gấp cho tôi... cái gì đó... để che tạm cái mái ở trên lưng...

Chàng trai gật đầu, đảo mắt lướt quanh một vòng rồi vội cầm rựa lưỡi nhanh vào rừng. Thấy một lùm cây có lá to, chàng vói dao rựa chặt được một đống. Tiện thể, lựa một số cây rừng cỡ bằng cổ tay, chàng chặt dài chừng một sải, một sải rưỡi vói dự định để dựng cái chòi nhỏ. Khi thấy tạm đủ, chàng hươi rựa, kéo xuống một chùm cây mây dùng làm dây cột thì một con rắn to núp sẵn đầu đó, lao ra và cắn chết chàng tại chỗ. Có lẽ là một con rắn cực độc.

Cô gái nằm bẹp chịu trận lâu quá bèn đổi tư thế cho đỡ mỏi bằng cách quỳ hai chân, úp sấp hai tay xuống để che mưa cho con. Nhưng đợi hoài, đợi mãi không thấy chồng về, cô tự nhủ: “Một chút nữa thôi! Ông ta sắp về đó!” Lâu quá cũng không thấy, lại tự nhủ: “Sắp về rồi! Thôi nằm yên đi hai con! Ngoan nào!” Đứa trẻ lại gào khóc đến khản giọng.

Trời rạng sáng, bão tạnh, gió tan vẫn không thấy bóng dáng chồng, cô gái khởi sanh ý nghĩ: “Hay là ông ta sợ trách nhiệm, bỏ trốn đi rồi? Đồ hèn hạ!” Nhìn hài nhi nhờ bọc ấm, được che chắn tốt nên sau khi cho bú sữa, nó nằm ngủ yên; riêng đứa trẻ kia thì tái mét, run cầm cập, nàng nghe lòng như muối xát nhưng không biết làm sao. Đã thức ăn mang theo không còn dùng được vì cái đùm vải đã nằm trong bùn nước.

Hết còn hy vọng ông chồng trở về, và nàng đã quyết chắc chàng trai vô lương tâm kia đã đành đoạn bỏ vợ bỏ con

trong cơn hoạn nạn. Hắn đã xa bay cao chạy rồi! Lão đảo đứng lên rồi thất thủ tay bồng con, tay dắt con theo lối mòn mà ông chồng đã đi, lần từng bước một, vừa bước vừa thở. Vì nàng đã mệt quá, đã kiệt lực chống chọi suốt đêm qua, lại không có cái ăn! Đến lùm cây, nàng khựng lại. Ông chồng của nàng đã chết rồi, sắc mặt tím bầm đang nằm vô tri cạnh một gò mối, một đàn kiến đỏ, kiến đen bắt đầu đánh mùi tìm đến. Thương chồng quá. Càng nghĩ càng thương vì nàng đã nghĩ oan cho chàng! Núi rừng lạnh lùng, đường về nhà còn xa diệu vợi. Xung quanh không một bóng người, không làng mạc, không một làn khói bốc lên. Cọp, beo, thú dữ? Vừa chớm nghĩ đến điều đó, cô gái vội gạt lệ, quay mặt đi, dẫn con bước nhanh.

Đến một khúc sông hẹp, nàng dừng lại. Bình thường đây là khúc sông cạn, lội qua được nhưng trận mưa như trút đêm qua đã biến nó thành một dòng nước dữ, cuộn cuộn cây củi cùng rác bèo. Cả ba không thể cùng qua. Suy nghĩ một lúc, nàng đứng dậy, kiếm một ít cành củi khô và lá rác làm tấm đệm để đặt đứa hài nhi trên đó. Nó đang ngủ say vì vừa cho nó bú. Xong, cô gái bồng đứa trẻ lớn lội qua sông, cũng phải dò dẫm từng bước một trong dòng nước sâu ngang ngực. Lạnh, đói và kiệt lực nhưng trước sự sống chết cùng bản năng làm mẹ, nàng đã vượt qua được bờ kia. Vừa đặt được đứa trẻ trên một đám đất khô, thở một vài hơi lấy sức rồi cô gái lại vội lội qua sông lướt nữa. Khi đã đến gần bờ thì một con chim ưng to lớn sà xuống, nhanh như cắt, hai cẳng chân thò ra, quặp đứa hài nhi bay lên cao. Cô gái cả kinh, hai tay đưa lên, vừa vẫy vẫy loạn xạ, vừa chạy đuổi, vừa la, vừa hét một cách điên cuồng. Đứa trẻ bên kia bờ, thấy mẹ vẫy vẫy, tưởng là gọi nó nên nó xuống mép sông, bì bõm lội qua. Chỉ chừng hơn mười bước chân thì gặp dòng nước xiết cuốn nó đi, chỉ còn thấy cái đầu nhấp nhô trong làn nước đỏ, xa mãi, xa mãi rồi mất hút.

Cô gái rồi cũng qua được bên kia sông, ngồi phịch xuống, lặng câm như hóa đá! Hết rồi, một chồng và hai con! Hết rồi! Chết cả rồi! Tuyệt vọng cùng cực! Không có một giọt nước mắt nào chảy ra trong cái hốc mắt đã ráo hoảnh!

Nắng đã lên cao. Rồi cũng phải lên đường. Bụng không, lòng trống. Đi, bước như mộng du. Mọi ý thức bây giờ chỉ còn trông cậy vào bản năng. Miệng lảm bảm trong vô thức, như điên như dại: “Ông chồng bị rắn cắn chết. Một đứa hài nhi bị chim ưng bắt. Một đứa khác bị nước cuốn trôi! Ha ha! Chết! Chết hết!”

Đến thành phố, đi vào một con đường, nàng không còn nhớ lối nào về nhà, ý thức lóa lên, cô gái bèn hỏi một người đàn ông đi ngược chiều:

- Thưa ông, ông có biết nhà của ông chủ ngân hàng không?

Người đàn ông nhìn nàng có vẻ kinh dị. Vì khi ấy tám choàng của nàng đã rách tả tơi, dường như chỉ còn dính một vài mảnh trên người. Mặt mũi lại bơ phờ, xanh xao, dính bùn đất trông không ra dáng cô gái hay là phụ nữ, hay một mụ đàn bà điên!?

Nhưng rồi ông cũng thương hại đáp:

- Tôi biết ông chủ ấy, nhưng bà hỏi làm gì?

- Là nhà của tôi, của cha tôi, mẹ tôi!

Người đàn ông khựng lại. Im lặng một lát.

- Thôi! Đừng đến đó nữa!

- Tại sao?

Người đàn ông lại ngập ngừng rồi nói:

- Đêm qua, giông bão dữ dội. Những cái chảo lửa sấm sét tụt trên trời cao đã đánh ụp xuống cái lâu đài, trang viện ấy, tan nát cả và cũng cháy tiêu tùng cả. Có lẽ hằng trăm người ở đó ra tro cả rồi! Chẳng còn gì ở đó đâu!

Người đàn ông quày quả bỏ đi.

Cô gái ngồi thụp xuống, không còn biết gì nữa!

Cô đã hóa điên thật sự rồi.

Thế là mấy ngày hôm sau, các đường phố kinh thành Sāvatti mọi người trông thấy một cô gái điên, dường như không có cái gì che kín thân thể đi lang thang lếch thếch. Tới chỗ nào cũng bị mọi người đuổi như đuổi tà. Người nguyên rửa đồ điên khùng. Kẻ quăng cây, quăng đất, tung rác bẩn, tay xua, miệng chửi. Cô gái thì bước đi lắc lư, cười ha ha, cười hì hì, lâu lâu lại lẩm bẩm: “Chồng chết, hai con chết, cha mẹ chết, anh chị em chết, tôi trai tớ gái chết, chó mèo chết, chết hết rồi, chết hết thật rồi!”

Đức Đạo Sư lúc ấy đang ở tại đại tịnh xá Kỳ Viên, vào sáng sớm, nửa cuối canh ba, quan sát thế gian, ngài thấy biết chuyện cô gái. Họ là bảy chị em thời đức Chánh Đẳng Giác Kassapa đây mà. Trong trăm luân sinh tử, do công hạnh xưa, họ đã có mặt ở đời này rồi, nhưng cô gái này đã chịu đựng nỗi thống khổ nhất trong bảy chị em mà sức người thế là đã cùng cực rồi.

Trong vô thức, buổi chiều, cô gái lang thang bước vào cổng đại tịnh xá Kỳ Viên, sau lưng là một bầy trẻ nít la hét cười giỡn âm ỉ, quăng đất, quăng rác cùng với những lời mắng chửi đuổi theo.

Lúc ấy, đức Thế Tôn đang thuyết pháp tại đại giảng đường. Một số người tạp dịch thấy cô gái điên lỏa lồ đang lần bước đã gần đến chỗ tôn nghiêm, một số hổ thẹn không dám nhìn, một số khác tìm cách đuổi cô đi, đuổi luôn cả đám con nít nữa.

Đức Phật sử dụng năng lực thần thông giúp cô gái tỉnh trí lại rồi cất tiếng nói vọng ra từ giảng đường:

- Hãy để cho Paṭācārā⁽¹⁾ đi vào chỗ Như Lai!

⁽¹⁾ Một số người ngoài phố cũng gọi như thế - vì “Paṭācārā” có nghĩa người lỏa lồ, người đi lang thang không mặc gì trên người hoặc kẻ không tự chủ được hành vi, và đạo đức hoàn toàn bị suy sụp.

Ngay lúc ấy, cô gái như tỉnh cơn mê dài, ngoảnh nhìn mình, thấy thân thể không có gì che, sợ hãi ngồi thụp xuống, rồi ngồi úp bụng, úp mặt xuống đất. Người đàn ông làm tạp dịch nghe tiếng nói của đức Phật, ông cởi tấm áo của mình, quăng cho cô gái:

- Này chị! Hãy mặc vào cho kín đáo! Đức Thế Tôn cho gọi chị đây!

Bây giờ, mọi người mới dám đến gần bên, kẻ đưa khăn lau mặt, kẻ đưa thêm khăn quàng, người đưa thêm dải buộc... để cô ta đi vào giảng đường cho đàn hoàng.

Đã hoàn toàn tỉnh táo, tuy gầy ốm xanh xao nhưng sau khi choàng áo, buộc áo, lau mặt sạch sẽ, cô gái đã hiện ra một phần nào nét vẻ trẻ trung, xinh đẹp cũ, trông chưa đến hai mươi tuổi.

Đến chỗ đức Phật, cô gái nằm sấp năm vóc sát đất, khóc lặng lẽ, khóc như chưa bao giờ được khóc; vừa khóc vừa kể chuyện con chết, chồng chết, cha mẹ chết... với giọng nói rất là bi thương, thâm trầm.

Đức Phật cứ để cho cô gái khóc “cho đã”, lát sau, vừa sử dụng năng lực từ bi, vừa sử dụng pháp âm dịu dàng, âm cúng, nói với cô gái rằng:

- Thôi đủ rồi con, Paṭācārā! Không chỉ có nay con mới khóc con, khóc chồng, khóc cha, khóc mẹ! Thật ít ỏi làm sao là những lượng nước mắt ấy. Trong ba cõi, sáu đường, trầm luân sinh tử, con cũng đã từng khóc triệu triệu người con, triệu triệu người chồng, triệu triệu người cha, triệu triệu người mẹ trong những hoàn cảnh khác nhau như: Bị bệnh tật, ốm đau, bị chặt đầu, treo cổ, bị tán gia bại sản, bị tù tội, bị vu oan, bị động đất, bị nhà tan cửa nát, bị lửa cháy, bị voi chà, bị hổ ăn thịt, bị rắn độc cắn, bị tên bắn, bị đao chém, bị phản bội, bị nước cuốn, bị phanh thây, bị lóc thịt, bị bỏ thây nơi chiến trường... mà những giọt nước mắt ấy cộng lại còn nhiều hơn nước của bốn đại dương nữa kia!

Cô gái tên là Paṭācārā ấy đã ngưng khóc sau ý nghĩa lời nói của đức Phật, nàng lau ráo lệ, quỳ năm vóc sát đất đánh lễ ngài một lượt nữa rồi nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Hiện con không có chỗ nương tựa, không có chỗ bảo vệ. Xin ngài hãy giúp con!

- Này Paṭācārā! Trên cõi đời này, chẳng ai nương tựa được ai, chẳng ai bảo vệ được ai, chẳng ai có thể giúp ai! Vợ chồng, con cái, cha mẹ, thân thuộc...cuối cùng đều phải bị thần chết mang đi cả thảy!

Và này con! Chỉ có ai ở bờ bên kia của sinh tử, những ai biết vứt bỏ, lìa xa những tham, những sân, những dục vọng tầm cầu, những khát ái, những mê mờ vọng tưởng; lìa xa những thấy biết sai lầm về bản thân, về ngã ái, về ngã chấp, về ngã thủ; thấy rõ tất thảy đều rỗng không, vô thường, vô ngã; kẻ ấy mới thật sự có chỗ nương tựa vững chắc, chỗ bảo vệ an toàn trước thần chết, này Paṭācārā!

Vừa nghe xong lời pháp này của đức Thế Tôn, cô gái đắc quả Nhập Lưu, pháp nhãn phát sanh, thấy rõ lộ trình, đường đi nước bước. Cô quỳ lạy xin được xuất gia. Đức Phật bảo gởi cô sang ni viện để nhờ chư ni chăm sóc sức khỏe; sau đó cô được trưởng lão ni Gotamī cho thọ đại giới, sống đời xuất gia phạm hạnh.

Một ngày kia, tỳ-khuru-ni Paṭācārā lấy nước để rửa chân. Lần thứ nhất, nước chảy được một đoạn ngắn rồi dừng lại, thấm xuống đất. Lần thứ hai, nước chảy được một đoạn dài hơn rồi dừng lại, thấm xuống đất. Lần thứ ba, nước chảy một đoạn xa hơn nữa rồi dừng lại, thấm xuống đất. Cô đắm chiêu suy nghĩ: “Sinh mệnh của con người quả giống như thế này, là ba giai đoạn của cuộc sống. Lần thứ nhất, nước chỉ chảy một đoạn ngắn là cái chết của thời niên thiếu. Lần thứ hai, nước chảy dài hơn một chút, là cái chết của thời trung niên. Và lần thứ ba, nước chảy dài xa hơn một chút

nữa, là cái chết của thời lão niên! Rồi ai cũng phải chết cả, trẻ hay già mà thôi! Hóa ra cái gì có sanh thì cái ấy có diệt!”

Lúc ấy, đức Phật đang ở tại hương phòng, ngài sử dụng thần thông, với ánh sáng rực rỡ, với bóng sắc kỳ ảo, hiển hiện ngay trong tâm mắt của cô rồi ngài nói:

- Đứng vậy đó, này Paṭācārā! Tất cả mọi chúng sanh đều phải chết, đây là điều tất yếu. Vậy quan trọng nhất là phải sống như thế nào cho có ý nghĩa, sống như thế nào để lợi mình, lợi người, đem đến an vui cho mình và cho người. Cao hơn tất cả những điều ấy, là sống sao để thấy cho rõ sự thật, sống sao để thấy rõ sự sanh diệt của ngũ uẩn trong từng khoảnh khắc, trong từng sát-na.

Để tóm tắt ý nghĩa ấy, đức Phật đọc lên bài kệ:

“- Trăm năm sống có ích gì
Pháp đi, pháp đến vô tri chẳng tường
Một ngày quả thật khó lường
Thấy pháp sanh diệt vô thường ra sao!”⁽¹⁾

Lời kệ của đức Thế Tôn vừa chấm dứt, cô đắc quả A-la-hán, có thắng trí và tứ vô ngại giải.

Quá khứ tiền kiếp của tỳ-khuru-ni Paṭācārā như sau này cô kể lại, cũng tương tự như bảy chị em công chúa thời đức Phật Kassapa, và thuở ấy cô là thứ ba, tên là Bhikkhunī.

Từ đó, cô để tâm nghiên cứu, học hỏi về luật, sống theo luật nghi và chu toàn hạnh kiểm rất nghiêm túc, gương mẫu. Cô cũng là người nổi tiếng vì những bài giảng và những câu kệ sâu sắc, thâm thúy về sự khổ trên cuộc đời; và thường ủi an, chia sẻ bằng cả tấm lòng đến với những phụ nữ có hoàn cảnh bi thương, bất hạnh. Đệ tử nữ của cô rất đông, cả tại gia và xuất gia.

⁽¹⁾ Pháp cú 113: “Yo ca vassasatam jīve apassam udayabbayam, ekāham jīvitam seyyo passato udayabbayam!”

Sau này, tỳ-khưu-ni Paṭācārā được đức Phật tán thán, tuyên dương do nhờ đời sống mẫu mực, quy củ; là đệ nhất về thông luật và trì luật bên ni giới tương tự như tôn giả Upāli bên tăng vậy.

Vị Tỳ Khuru Mắt Mù

Chuyện kể rằng, tại kinh thành Sāvatti có ông Mahāsuvanna là một bậc phú hào, gia tài, của cải không biết đếm đâu cho hết nhưng lại hiếm muộn con cái.

Một hôm, nhân đi tắm về, bên vệ đường, trông thấy một cây đại thụ, cành nhánh sum suê, ông tự nghĩ: “Nơi xanh tốt, um tùm, mát mẻ như thế này, chắc phải có một vị thần linh nhiều oai lực trấn ngự!” Ông phú hộ bèn thuê người dọn dẹp sạch sẽ quanh gốc cây, cho trải một lớp cát trắng bên trong rồi xây một tường rào bảo vệ. Xong, ông trang trí thêm cờ ngũ sắc, thắp đèn sáng, sắm sanh một mâm lễ vật, dâng lên thọ thần, khẩn vái, cầu nguyện rằng: “ Xin ngài hãy ban cho tôi một mụn con, trai hay gái cũng được, tôi sẽ tạ ơn lễ vật hậu hỹ, cúng tế hằng kỳ!”

Quả là có “thần linh cảm ứng” thật, vì không bao lâu, vợ ông phú hộ thọ thai. Mừng quá, ông không tiếc tiền của mua thuốc thang cho bà bảo dưỡng thai nhi. Gần mười tháng sau, bà sinh hạ một cậu con trai. Ông Mahāsuvanna tự nghĩ: “ Nhờ ta chăm sóc, bảo hộ cây đại thụ, thần linh cảm kích mới cho ta đứa con cầu tự - vậy ta đặt tên nó là Pāla⁽¹⁾. Thời gian sau, bà lại sinh thêm cho ông một quý tử nữa. Thế là đứa

⁽¹⁾ Nghĩa là bảo vệ, hộ trì, che chở.

con đầu, ông đặt tên là Mahāpāla (Đại Hộ), đứa con sau được đặt tên là Cullapāla (Tiểu Hộ).

Khi hai trẻ lớn khôn, ông bà Mahāsuvanna lựa chọn nơi xứng đáng để lập gia thất cho hai người nhưng họ chưa chịu. Tuy nhiên, trước khi mất, hai ông bà phân chia gia sản đồng đều cho cả hai để làm ăn sinh sống. Và họ đã chăm chỉ làm ăn, tài sản càng ngày càng tăng thịnh, tỏ ra xứng đáng con dòng cháu giống kế thế sự nghiệp của cha ông.

Hôm nọ, khi đức Phật an cư ở Kỳ Viên – thì hằng ngày, cận sự hai hàng thường hay đến tịnh xá để cúng dường và nghe pháp. Hôm nọ, trưởng giả Mahāpāla trông thấy từng đoàn, từng đoàn người nam nữ, già trẻ tay cầm vật dụng như trầm hoa, dầu đèn đủ loại tấp nập, đi chung một đường, chẳng rõ họ đi đâu - bèn hỏi:

- Quý vị đi đâu mà trông có vẻ vui tươi vậy?
- Chúng tôi đến Kỳ Viên tịnh xá.
- Để làm gì vậy?

Một người nói:

- Rõ khổ! Hóa ra ông không biết một đức Chánh Đẳng Giác đã ra đời rồi sao?

- Quanh năm buôn bán làm ăn, tôi có biết gì đâu!
- Vậy thì hãy cùng đi, ông bạn. Hãy đến đây để cúng dường và nghe đức Phật thuyết giảng.
- Vâng! Thế thì hãy cho tôi đi theo với!

Thời pháp hôm ấy, đức Phật thuyết tuần tự từ bố thí, trì giới, nhân quả các cảnh trời, sự cảm dỗ của ngũ trần cùng phước báu cao thượng của bậc xuất gia.

Nghe xong, Mahāpāla tự nghĩ: “Khi nhắm mắt lìa bỏ cõi đời này để đến một thế giới nào đó thì vợ con đều chẳng thể đi theo mình; nhà cửa, tài sản, ruộng vườn đều phải bỏ lại; thậm chí cái xác thân này cũng không thể làm bạn đồng hành được nữa. Vậy thì có ích chi cái kiếp sống này cùng với cái gánh nặng gia đình mà ai cũng phải cùng lưng mang

vác? Như thời pháp mà ta vừa nghe thì đời sống xuất gia nhẹ nhàng và khoáng khoát như mây trời...”

Khi mọi người lần lượt ra về hết, trưởng giả Mahāpāla đến quỳ bên chân Phật và xin xuất gia.

Đức Phật hỏi:

- Ông còn cha mẹ, vợ con, anh em gì không?
- Chỉ còn một người em ruột, bạch đức Thế Tôn.
- Vậy thì hãy báo cho người em biết trước khi xuất gia, này Mahāpāla!

Vâng lời đức Phật, về nhà trưởng giả Mahāpāla nói chuyện với Cullapāla:

- Này em! Tất cả tài sản của nổi, của chìm, vật có tri giác và vật không có tri giác... nghĩa là toàn bộ châu báu, nhà cửa, ruộng vườn, tôi tớ súc vật... từ rày về sau, anh giao hết cho em được trọn quyền làm chủ.

- Tại sao lại nói chuyện kỳ lạ như vậy?
- Không kỳ lạ gì đâu. Em hãy cố gắng mà kế nghiệp tổ tiên.

- Thế còn anh thì sao?

- Anh sẽ xuất gia với đức Thế Tôn.

Trưởng giả Cullapāla không chịu, cố gắng dùng tình cảm để thuyết phục:

- Từ lâu, anh chính là cha, là mẹ của em. Thân mẫu mất, với tình thương, anh đã thay thế mẹ cho em nương tựa. Thân phụ mất, với sự đùm bọc, anh đã thay thế cha che chở cho em. Nếu anh bỏ nhà ra đi thì có khác nào em lại mất cha, mất mẹ một lượt nữa. Anh à, anh là bậc phú gia, tiền bạc tuy không hơn ai nhưng cũng “có máu, có mặt” trong kinh thành; sao anh không ở nhà, lấy vợ, sinh con, đến chùa làm các công đức, bắt chước cận sự hai hàng của đức Phật cũng được vậy.

Thế là hai người nói chuyện rất lâu. Nhưng ông anh không thuyết phục được em mà ông em cũng không thuyết phục được anh. Người em bèn đầu dụ:

- Thôi, anh xuất gia cũng được; nhưng hãy lập gia đình trước đã, đợi đến già hãy đi có lẽ tốt hơn vậy!

Trưởng giả Mahāpāla mỉm cười:

- Em nói vậy là lý sự cùn rồi. Xuất gia thì phải lựa chọn lúc còn trai tráng, thanh xuân khi sinh lực còn mạnh khoẻ mới học pháp, hành pháp được. Nếu lúc tuổi già, sức yếu, đầu óc không còn minh mẫn, lý trí không còn kiểm soát được cái run rẩy, cái quờ quạng của cái chân, của cái tay... thì chỉ có việc ăn hại, làm khổ mọi người mà thôi. Chí anh đã quyết. Đừng lấy những lý lẽ tình thường của thế gian mà ràng buộc, cột trói anh nữa.

Thế là trưởng giả Mahāpāla bỏ đi, quay lưng với những giọt nước mắt của người em, sau đó, ông được thọ giới tỳ-khuru, chăm chuyên học pháp và luật, tinh cần các công việc, bôn phận mà Tăng đã giao phó. Sống tại Kỳ Viên suốt năm năm, bên chân chư vị trưởng lão, tỳ-khuru Mahāpāla được thầy thương, bạn mến về tư cách cũng như tánh hạnh.

Hôm kia, sau an cư mùa mưa, tỳ-khuru Mahāpāla mạnh dạn lên đánh lễ đức Phật và xin đề mục tu tập. Quán căn cơ, đức Phật giảng nói rất cặn kẽ về tứ niệm xứ và khuyên nên tinh tấn, miên mật hành trì sa-môn hạnh. Vâng lời đức Phật, Mahāpāla rủ thêm sáu mươi người bạn đồng tu, vừa mới xuất gia được một vài năm, rời Kỳ Viên tịnh xá, nhắm hướng bắc, đi mãi. Từ làng này sang làng nọ, từ rừng này sang rừng khác, đoàn sa-môn này sống đời du phương. Mỗi buổi sớm, họ đi khát thực quanh vùng, có gì dùng nấy, sau đó rút về nơi khuất tịch, tĩnh cư, tu tập. Thời gian gần một năm thấm thoát trôi đi, mặc dầu giới hạnh và thiền định của họ khá tốt nhưng vẫn chưa tìm được sự an lạc cuối cùng. Họ lại ra đi. Hôm kia, cách kinh thành Sāvatti chừng một trăm

hai mươi do tuần, gặp một ngôi làng nhỏ gần biên giới, họ dừng chân nghỉ ngơi, sau đó đi trì bình khát thực. Dân chúng ở đây thấy một đoàn sa-môn tăng tướng trang nghiêm, lục căn thu thúc, họ rất kính trọng nên vật thực được họ cúng dường rất đầy đủ. Một người đàn ông ra dáng một phú hộ, sau khi đặt bát, cất tiếng lễ độ hỏi:

- Thưa chư tôn giả! Chẳng hay các ngài định đi đâu vậy?

Tôn giả Mahāpāla nhiều tuổi nhất, hạ giọng lớn hơn mọi người nên được xem như là trưởng đoàn, trả lời:

- Chúng tôi đang đi tìm một nơi chốn thuận duyên để hành trì sa-môn hạnh, này thí chủ!

- Thưa, một nơi chốn được gọi là thuận duyên ấy, nó gồm những điều kiện như thế nào, thưa tôn giả?

- Thứ nhất, là nơi vắng vẻ, yên tĩnh, không quá gần xóm làng mà cũng không quá xa xóm làng. Thứ hai, nơi ấy có thể có hang động, các tàn cây lớn rộng, có thể làm thêm một số mái che bằng tre lá để có chỗ đỡ mưa, tránh nắng. Thứ ba, là dân chúng quanh vùng có tâm biết bố thí, cúng dường để việc trì bình nuôi mạng không quá khó khăn. Chỉ cần có đủ ba điều kiện ấy thì được xem như là thuận duyên rồi, này thí chủ!

Người đàn ông quỳ xuống, sụp lạy rồi nói:

- Vậy thì xin thỉnh chư tôn giả ở đây với chúng con, là bóng mát nương nhờ cho chúng con. Ba điều kiện ấy, ở nơi này, xem ra là khá thuận lợi.

Tôn giả Mahāpāla sau khi hội ý với chư tăng, gật đầu ưng thuận, rồi nói:

- Cũng sắp đến kỳ an cư mùa mưa. Nói cách khác, chư tăng sẽ trú mưa ở đây ba tháng, không rõ thí chủ có biết bản phận của mình lúc mời thỉnh chăng?

- Thưa, biết khá rõ! Vì con thường hay lên xuống, buôn bán làm ăn ở Sāvatti, rất nhiều bạn bè, bằng hữu của con đã là đệ tử của đức Tôn Sư.

- Tốt! Tôn giả Mahāpāla mỉm cười – Đây lại thêm một yếu tố thuận duyên nữa vậy.

Nơi này có một ngôi rừng sầm uất, có nhiều hang động thiên nhiên, có hồ, có suối rất mát mẻ, thuận lợi cho môi trường sống. Càng vi diệu hơn nữa, người đàn ông phú hộ đã vận động mọi người trong làng, hùn góp công đức - nên chỉ non nửa tháng sau thì nơi đây đã có một ngôi tịnh xá – thay cho giảng đường làm nơi họp tăng, cũng là chỗ hành thiền tập thể - tuy chỉ tranh tre nứa lá nhưng trông khá khang trang, thơm mát, rộng thoáng. Lại còn hàng chục cốc lá lác đác quanh sườn núi, bờ khe để chur tăng có chỗ tránh mưa, đụt nắng, hành trì chỉ quán. Ngoài ra, việc trang trí nội thất như ngoạ cụ, tọa cụ, chum vại, dầu đèn, thảm lót nhà, thảm chùi chân... đâu đâu cũng chu đáo. Những công trình phụ như nhà vệ sinh, hầm đốt rác, nhà tắm có mái che... cũng được dân làng quan tâm đào đắp, ráp dựng trong khả năng của mình. Khi các công trình lớn nhỏ hoàn tất, bà con dân làng với sự dẫn dắt của ông phú hộ, làm một cuộc lễ để dâng cúng tất thảy đến chur tăng. Họ tạo thuận duyên đến nỗi, chur tăng không cần phải làm bất cứ việc gì, chỉ có việc ôm bát đi trì bình, thời gian còn lại chỉ để dành cho sự tu tập. Chưa thôi, mới ở yên được một hôm thì một vị thầy thuốc giỏi tìm đến, nói là do ông phú hộ cắt cử đến để khám, bốc thuốc chữa trị tất cả bệnh cho chur tăng. Thấy không ai bệnh gì, ông thầy thuốc xin để lại tại tịnh xá một số thuốc cảm mạo thông thường, nóng sốt, đau bụng, táo bón, tháo dạ, ngăn độc trùng như rắn, rít, bò cạp... để đề phòng. Khi đi, ông hẹn là cứ khoảng nửa tuần trăng ông sẽ ghé lại một lần, hãy cho ông được chăm sóc sức khỏe cho chur tăng, đây là một hạnh phúc.

Cảm kích trước tấm lòng của ông phú hộ và dân làng, tôn giả Mahāpāla họp chur tăng ở tịnh xá, nói rằng:

- Tình hình này xem ra có một tốt, một xấu. Một tốt, là vì ân nghĩa này sẽ giúp ta tu tập tốt, sẽ hoàn thành cứu cánh sa-môn hạnh. Một xấu, cũng vì ân nghĩa này, nếu ta không chịu tu tập thì chắc chắn sẽ đi địa ngục. Chư vị hiền hữu nghĩ sao?

Ai cũng gật đầu nói là đúng rồi, và nên tu tập tốt để đáp trả ân nghĩa.

Tôn giả Mahāpāla nói tiếp:

- Đầu con trăng này chúng ta lại vào mùa an cư rồi. Vậy, ngoài một số pháp hạnh đầu-đà mà chư hiền hữu đã thọ trì, có ai muốn phát nguyện thêm một pháp nào nữa chăng?

Có người đáp:

- Mỗi người với các pháp đầu-đà đã thọ trì, ai cũng cảm giác là chưa trọn vẹn, còn khuyết thủng chỗ này hay chỗ khác, đâu dám phát nguyện thêm, thừa pháp huynh.

- Thấy được vậy là tốt. Còn riêng tôi sẽ phát nguyện thêm pháp đầu-đà thứ mười ba – là ngăn oai nghi năm! Cầu chúc chư hiền hữu hoàn thành sa-môn hạnh ngay trong mùa an cư này.

Mọi người cất tiếng tán thán “sādhu, sādhu – lành thay”. Tôn giả Mahāpāla sách tấn thêm:

- Sinh tử là việc lớn, chúng ta đừng buông lung, giải đãi nữa. Các cảnh của bốn đường ác sẽ hiện ra. Mà các cảnh giới cao sáng, thanh lương nó cũng hiện ra. Tùy theo tác ý, tư tưởng, sự hành trì, cái tâm để duôi hay tinh cần của mỗi người. Hãy cố gắng lên, các bạn! Để khỏi hổ thẹn với ân nhân, thí chủ!

Thế rồi, sau cuộc lễ vào hạ, chư tăng đọc tụng, ôn tập một số giới bổn đã được ban hành, mỗi người rút về liêu cốc, hang động riêng lẻ để tu tập. Cứ mỗi nửa tháng, họ gặp nhau tại tịnh xá chung để sám hối, làm lễ uposatha, bàn một vài việc tăng... Cuộc sống bình lặng và thanh bình như thế trôi qua. Ai cũng có thiền chứng, ai cũng tinh thực trong

nội quán. Riêng tôn giả Mahāpāla vì tinh cần quá mức mà cũng vì cả tháng ngồi thiền, ngăn oai nghi nằm, không ngủ nên đôi mắt rất xôn xang, nước mắt chảy hoài, nhức buốt vô cùng. Tuy vậy, ông vẫn không bỏ cuộc, vẫn đi bát, vẫn hành thiền chăm chuyên cần mẫn.

Hôm nọ, sáng sớm, chư tăng tụ hội ở tịnh xá trước giờ đi bát, thấy vắng mặt tôn giả Mahāpāla, có người tìm đến cốc:

- Thưa pháp huynh, đã đến thời đi khát thực.

Bên trong có tiếng vọng ra:

- Vâng, vâng, tôi sẽ đi ngay!

Khi xuống đến tận nơi, ai cũng thấy đôi mắt của tôn giả Mahāpāla đỏ hoe, nước rỉ ra ràn rụa, bèn hỏi – thì được đáp:

- Không sao đâu! Tôi chỉ đau mắt chút đỉnh.

Sau khi đi khát thực quanh làng trở về, chư tăng báo chuyện đau mắt của vị trưởng đoàn đến gia đình phú hộ - nên buổi chiều, người nhà của vị y sĩ tìm đến trao cho một loại thuốc rồi chỉ dẫn cách dùng. Đây là một loại thuốc nước rất công hiệu, chỉ cần rỏ ít giọt vào mũi⁽¹⁾, nằm yên một lát cho thuốc thấm, ngày vài lần là hết đỏ mắt, hết nhức mắt ngay.

Nhận thuốc quý, nhưng tôn giả Mahāpāla chần chừ, do dự. Nếu muốn rỏ thuốc vào mũi có hiệu quả là phải nằm xuống, mà nằm xuống là phá vỡ “pháp đầu-đà ngăn oai nghi nằm” đã thọ trì. Nghĩ vậy, tôn giả Mahāpāla tự nói với mình: “Ta không thể phá bỏ pháp hạnh đầu-đà đã phát nguyện!” Nên tôn giả không nằm, cứ ngồi nghiêng đầu lui sau một chút mà rỏ thuốc vào mũi.

Hôm sau, lúc đi bát, tôn giả gặp vị y sĩ, ông ta hỏi:

- Thuốc của tôi gởi, tôn giả đã dùng chưa mà trông đôi mắt vẫn còn đỏ hoe vậy?

- Tôi đã dùng rồi, thí chủ!

⁽¹⁾ Chỗ nào cũng nói rỏ vào mũi, không phải vào mắt?!

Vị y sĩ tự nghĩ: “Lạ chưa! Thuốc rỏ mắt của mình là một thần dược nổi tiếng xưa nay, mà tại sao bây giờ không công hiệu kìa!” Bèn hỏi:

- Thế khi rỏ thuốc, tôn giả ngồi hay nằm?

Hỏi ba lần, thấy vị tôn giả vẫn làm thính, không đáp, vị y sĩ lại nghĩ: “Được rồi! Mình sẽ đến tận nơi quan sát là biết liền”. Buổi chiều vị y sĩ tìm đến cốc của tôn giả khi ngài đang đi kinh hành ngoài trời. Đưa mắt nhìn quanh bên trong, vị y sĩ thấy trống trơn, chỉ có một tấm nệm cỏ vừa vắn chỗ ngồi, không hề thấy giường nằm ở đâu cả.

Biết chuyện gì đã xảy ra, vị y sĩ gặp tôn giả, cất giọng khẩn cầu, tha thiết:

- Tôn giả ơi! Đừng làm như thế, không nên đâu! Hãy thương lấy cái thân mình một chút, tôn giả! Cái thân nó gánh cái tâm đấy! Có sức khỏe khang kiện, đôi mắt có sáng thì việc hành đạo mới tốt, mới dễ dàng được! Hãy nằm xuống khi rỏ thuốc, lúc ấy thuốc mới ngấm vào bên trong được, tôn giả! Tôi van xin ngài đấy!

- Thôi được rồi, cảm ơn thí chủ! Để tôi suy nghĩ lại xem!

Nói thì nói thế, nhưng vị tôn giả này lại tự phản vấn: “Này, hiền hữu Pāla ơi! Hiền hữu hãy nói cho ta biết, đôi nhục nhãn này so với pháp hạnh đã phát nguyện, cái nào quý trọng hơn?” Và rồi, vị tôn giả lại tự nói với mình: “Trong mù mịt trầm luân sinh tử, trải qua vô số kiếp giạt trôi vô định trong biển luân hồi, hiền hữu có khác nào ở trong cảnh đui mù tăm tối? Trải qua thời gian ấy, biết bao nhiêu là đức Chánh Đẳng Giác đã ra đời? Biết bao nhiêu là pháp và luật của chư vị - hiền hữu có thấy, dù chỉ chút ít? Rõ là hiền hữu có mắt mà cũng như đui mù mà! Bây giờ, với nhân duyên thù thắng, hiền hữu gặp được giáo pháp của Phật, nguyện hành trì theo con đường ấy; và khi đã phát nguyện rồi, chẳng lẽ nào hiền hữu lại thôi thối, ngã lòng? Nếu đôi mắt này có tối tăm vĩnh viễn, nhưng lại có được tuệ nhãn, thấy được

pháp vô thường, vô ngã để giác ngộ, giải thoát – há không là sự đánh đổi quá nhiều lợi lạc hay sao? Vậy, dù mắt có bị mù, hiền hữu cũng không nên bỏ pháp”.

Nghĩ thế xong, như đã quyết định, tôn giả mỉm cười, tự ngâm lên một bài kệ để nhắc nhở mình:

“- Mắt đui thì cứ mặc
Thân tàn cũng vậy thôi
Chí ta giờ đã quyết
Pháp hạnh chẳng buông lời
Giữ tâm, không giữ mắt
Thà chết, ngồi không nằm
Tinh cần tu niệm xứ
Minh sát, tuệ như chân!”

Hôm sau, tôn giả vẫn ngồi như thế để rỏ thuốc vào mũi rồi ôm bát đi vào làng. Vị thầy thuốc có tâm, đã đứng chờ đầu đó sẵn, thoáng nhìn rồi cất tiếng hỏi:

- Lại thế nữa rồi! Tôn giả vẫn ngồi mà rỏ thuốc ư?
- Đúng vậy, thí chủ!
- Như thế thì cứ vẫn đau nhức?
- Đúng vậy, thí chủ!

Vị y sĩ cất tiếng than:

- Thôi rồi, vậy là nghề thầy thuốc có tiếng thơm của tôi từ nay đổ sông, đổ biển. Thiên hạ sẽ nói rằng, thuốc chữa mắt của tôi từ nay không còn tác dụng. Vậy, nếu còn thương tôi, thì nếu có ai hỏi, xin quý ngài nói rằng, tôi chưa từng cho thuốc và ngài cũng chưa từng rỏ thuốc. Chúng ta chưa từng quen biết nhau. Tôi không có cách nào khác hơn.

- Xin thí chủ yên tâm. Tôi sẽ im lặng và tôi sẽ không nói gì hết.

Vị thầy thuốc với sắc mặt buồn bã, quây quả bỏ đi.

Buổi tối, trước giờ hành thiền, tôn giả lại đọc kệ sách tấn mình:

“- Thầy thuốc bỏ đi rồi

Diêm chúa chẳng chê môi
Mắt vô phương cứu chữa
Sao còn dám dể duôi!”

Từ đấy, tôn giả tinh cần không mỗi mệt, không còn để ý cái đau, cái nhức của đôi mắt nữa. Mọi thấy biết, quan sát cảm giác, tri giác, tâm hành và nhận thức mỗi ngày thêm tinh tế, sắc bén. Tỉnh thoảng, ngài đi sâu vào thiền, an trú lạc định, chấm dứt tất cả cảm giác đau để nghỉ ngơi, tịnh dưỡng. Tuy nhiên, đến tháng thứ hai thì ngài thấy đôi mắt mình đã tối đen như mực. Sáng sớm, khi chưa ở ngoài cất tiếng hỏi:

- Thừa, đã đến giờ khất thực.

Bên trong đáp:

- Chưa hiện hữu hãy đi đi!

- Còn pháp huynh thì sao?

- Mắt tôi không thấy gì nữa rồi!

Sau khi biết rõ sự thật, ai cũng đau lòng và thương xót. Ai cũng hứa đi hai bát để chu cấp vật thực hằng ngày. Gia đình ông phú hộ và cả dân làng, ai cũng khởi tâm chăm lo chu đáo cho vị tôn giả mất mù của mình không thiếu thốn thứ gì. Tỉnh thoảng, tôn giả Mahāpāla vẫn nhắc nhở mọi người đừng buông lời dể mực, bất cứ ngày hay đêm. Nhờ dân làng hộ độ chu đáo, nhờ tinh cần, nhờ không giải đãi nên qua tháng thứ ba, tôn giả Mahāpāla đắc quả A-la-hán luôn với tuệ phân tích. Sáu mươi vị tỳ-khưu đồng đạo, lần lượt trước sau đều cùng tâm chứng và quả chứng. Chưa vị thánh nhân biết tâm của nhau là ai cũng đã thành đạt cứu cánh của sa-môn hạnh.

Sau lễ ra hạ, chư vị đều muốn về Kỳ Viên đánh lễ đức Đạo Sư. Tôn giả Mahāpāla khuyên mọi người hãy lên đường, còn ngài có thể tự lo liệu được.

- Hãy đi cùng chúng tôi, thưa pháp huynh!

- Không! Tôn giả lắc đầu – Tôi nay yếu đuối, mù loà, đường sá thì xa xôi, gian trở. Tôi mà đi thì vương bận mọi người, tôi không làm thế được. Hãy cho tôi gởi lời đánh lễ đức Đạo Sư, và nói rằng, chúng đệ tử nhờ hồng ân của ngài mà đã làm xong những việc cần phải làm!

Thấy họ thành tâm, khẩn thiết quá, tôn giả nói tiếp:

- Thôi, thế này vậy. Tôi có người em, trưởng giả Cullapāla, chắc chư hiền hữu đã biết. Hãy kể rõ tình trạng của tôi hiện nay cho em tôi biết, và nó sẽ tìm cách dẫn tôi về!

Chẳng biết sao hơn, họ đành chào từ giả.

Ông phú hộ và cả dân làng đều bịn rịn lúc tiễn đưa. Và họ biết, họ không thể níu kéo những cánh chim trời.

Ròng rã mấy tháng, đoàn sa-môn mới về đến Kỳ Viên. Sau khi đánh lễ đức Thế Tôn, họ kể về tình trạng mù mắt của tôn giả Mahāpāla với tâm bi cảm.

Đức Phật nói:

- Cái gì xảy ra cũng có nhân, có duyên của nó. Khi phải thời, Như Lai sẽ giảng giải trước đại chúng.

Về phần trưởng giả Cullapāla, sau khi biết chuyện, ông rất đau xót. Suy nghĩ, bàn tính kỹ càng, ông trưởng giả gởi một đứa cháu trai trong họ tộc, tên là Tế Hộ, nhờ chư tôn giả cho học kinh luật rồi xuất gia sa-di. Suốt nửa tháng được chư tôn giả tận tình kèm cặp, hướng dẫn - sa-di Tế Hộ đã biết cách đi đứng, ngồi nằm, biết cách mặc y, mang bát, biết cách đi trì bình khát thực. Rồi họ chỉ đường cho sa-di Tế Hộ đến ngôi làng biên giới để đón tôn giả Mahāpāla trở về.

Trong lúc chờ đợi, trưởng giả Cullapāla chu đáo kiếm tìm một mảnh đất không xa nhà quá mà cũng không xa Kỳ Viên tịnh xá, kiến tạo một tịnh thất giản dị, với ý nghĩ: “ Nếu anh ta vào sống ở tịnh xá thì sẽ phiền lụy đến nhiều người. Vậy nên, ở chỗ này là phải lẽ, ta sẽ cho người kẻ cận

hộ độ chu đáo; khi cần, anh ta có thể nhờ người dẫn đến Kỳ Viên để đánh lễ đức Thế Tôn!”

Kể chuyện về Tể Hộ. Đến nơi, sau khi cậu cháu nhận biết được nhau, vị sa-di ở lại nửa tháng, chăm lo quán xuyến mọi việc trong ngoài, đi bát trong làng, hết lòng phụng dưỡng người cậu mất mù. Hôm kia, thấy tiết trời có vẻ tạnh ráo, mát mẻ, quang đãng, Tể Hộ thưa:

- Cậu Cullapāla ở nhà, sốt ruột, mong đợi sư cậu lắm! Vậy, ngày mai, cháu sẽ dẫn sư cậu lên đường về quê.

Tôn giả Mahāpāla im lặng, gật đầu nhẹ.

Thế là sau khi chào từ giã dân làng, Tể Hộ vai mang y bát, tay cầm đầu gậy, dẫn tôn giả Mahāpāla cầm gốc gậy theo sau. Cứ mỗi sáng sớm, thấy đúng giờ, sa-di Tể Hộ đi bát trong vùng, mang về, sốt một nửa vào bát cho sư cậu, còn một nửa mình thọ dụng. Trời chiều tối thì họ tìm một chỗ có mái che, hang động hay tàn cây nào đó để qua đêm. Ngày lại ngày qua đi như thế, hai cậu cháu chậm rãi lên đường, không có sự cố gì xảy ra.

Hôm kia, đến một ngôi làng có tên là Kaṭṭhanagara, họ dừng chân nghỉ ngơi...

Bất chợt giọng hát xuân tình của một sơn nữ từ đâu đó vẳng lại. Sa-di Tể Hộ ngậy người ra, tay rời đầu gậy hỏi nào không biết. Mê mẩn tâm thần, sa-di Tể Hộ cất giọng run run: “Sư cậu đợi cháu một lát, cháu trở lại ngay”. Nói thế xong, Tể Hộ nhắm hướng chạy đến chỗ cô sơn nữ.

Lát sau, tiếng hát chấm dứt. Không biết họ đã làm gì với nhau. Tôn giả Mahāpāla suy nghĩ: “Ta vừa nghe tiếng hát luyến láy, véo von, lả lơi như gọi tình, rõ ràng là của một cô con gái nào đó tuổi đang còn xuân trẻ. Tại sao khi Tể Hộ bỏ đi một lát thì âm thanh kia lại ngưng lặng một cách khả nghi như thế?” Chợt nghĩ đến lời đức Phật dạy: “Này các tỳ-khưu! Như Lai biết chắc, là trên thế gian này, không có âm thanh nào có năng lực chiếm đoạt trái tim của người nam

bằng âm thanh của người nữ”⁽¹⁾. Thế là Tôn giả đoán chắc, ông sa-di đã phá giới rồi!

Ngay lúc ấy, cái gộc gậy đưa đến tay tôn giả rồi một tiếng nói thoảng bên tai:

- Sư cậu, bây giờ chúng ta lên đường thôi!

Tôn giả không nắm gậy, nghiêm sắc mặt:

- Nãy giờ ông đi đâu?

- Cháu... cháu đi một chốc thôi mà!

- Mắt ta đui nhưng tâm ta sáng! Ông đang mặc y mà vừa làm điều xấu xa, hoen ố, không thể giấu ta được đâu!

- Cháu... cháu...

- Không cậu không cháu gì nữa hết. Con người ông đã dơ ứ. Ta không nắm gậy của một kẻ dơ ứ như ngươi!

Sa-di Tế Hộ cũng là kẻ không quen nói dối, và ông ta cũng không hề biện bác gì cho mình, lặng lẽ cởi y, chỉ quàng sơ trên mình một tấm vải rồi nói:

- Cậu trách cháu đúng, nhưng chỉ đúng một nửa. Cháu đâu có muốn xuất gia, vì thương cậu nên cháu mới xuất gia. Xuất gia để có tăng tướng chỉ để dẫn cậu về quê mà thôi. Bây giờ cháu đã xả y rồi đó, cậu nên để cháu dẫn đi!

- Không, không bao giờ ta đi cùng ngươi nữa. Cứ để mặc ta.

Tế Hộ năn nỉ:

- Còn nhiều khoảng rừng lắm thú dữ và phi nhơn, sư cậu lại mù loà, nguy hiểm lắm!

- Đừng lo cho ta. Ta sẽ lần mò từng bước một. Phi nhơn và thú dữ có thể xé xác ta, nhưng cái tâm phạm hạnh của ta thì chúng làm gì được!

Nói thế xong, xúc động chánh pháp, tôn giả lại đọc lên liên tiếp hai bài kệ:

⁽¹⁾ *Āṅguttara Nikāya I: “Nāhaṃ bhikkhave aññaṃ ekasaddampi samanupassāmi yo evaṃ purisassa cittaṃ pariyādāya tiṭṭhati yathayidaṃ bhikkhave ithisaddoti”.*

“- Dẫu đường xa nguy hiểm
 Tôi tắm, đôi mắt mù
 Thà thân này nằm xuống
 Không đi cùng người ngu!
 Dẫu đường xa nguy hiểm
 Tôi tắm, đôi mắt mù
 Thà thân này chết gục
 Không đi cùng người ngu!”⁽¹⁾

Nghe qua hai bài kệ, Tể Hộ vô cùng hoảng sợ, hồi hận vô cùng, cất tiếng than dài: “ Ôi! Vì đam mê nhục dục, vì bị quyến rũ nhất thời, trong cái tâm trong sáng của cậu ta, ta là kẻ xấu xa đê tiện đến như thế ư? Ta là người ngu ư?⁽²⁾” Tể Hộ ôm mặt, khóc ròng rã rồi bỏ chạy mất dạng.

Trong lúc ấy, tại cung trời Đao Lợi, Đế Thích thiên chủ thấy bảo tọa của mình nóng ran lên, ông tự nhủ: “A! Có kẻ nào dưới trần thế có dã tâm truất phế ngôi vị thiên chủ để chiếm ngai vàng của ta đây!⁽³⁾” Nghĩ thế xong, Đế Thích dùng thiên nhãn rà soát nhân gian, và câu chuyện của hai cậu cháu tôn giả Mahāpāla hiện ra trong võng lưới của ông. “Ồ, ta phải giúp đỡ vị sa-môn phạm hạnh này - Đế Thích nghĩ tiếp - Nếu không, cái đầu của ta sẽ nứt bể thành bảy mảnh đấy!”

⁽¹⁾ Pāli: Handāhaṃ hatacakkhusmi, kantāradhānamāgato, sayamāno na gacchāmi, natthi bāle sahāyatā. Handānaṃ hatacakkhusmi, kantāradhānamāgato, marissāmi no gamissāmi, natthi bāle sahāyatā.

⁽²⁾ Người “ngu” theo thuật ngữ kinh điển, khác nghĩ với tính từ ngu bây giờ. Phạm cái gì tốt đẹp, lành, hiền thiện được gọi là người trí - ngược lại các đức tính ấy gọi là người ngu!

⁽³⁾ Ý nói cái tâm giữ gìn phạm hạnh của vị đại đức Mahāpāla vượt trội phước báu của Đế Thích thiên chủ. Dĩ nhiên, đúng là vậy rồi; nhưng ngay chính quả vị thiên chủ cao quý kia, đối với một bậc vô lậu – thì nó chẳng khác gì đồng phân, hàm bệnh!

Thế rồi, giả dạng một thường nhân, Đế Thích hiện xuống ngay bên cạnh, dẫm mạnh bước chân trên đất nghe thành tiếng.

Tôn giả Mahāpāla hỏi:

- Ai đây?

- Tôi, tôi đây! Chỉ là một khách lữ hành.

- Ra là một thiện nam. Vậy ông đi đâu đó?

- Tôi trên đường về kinh thành Sāvatti.

- Vậy thì ông bạn cứ đi đi. Chúc đường xa mạnh giỏi.

- Cảm ơn! Thế tôn giả đi về đâu?

- Ta cũng đến nơi đó, ông bạn!

- Thế thì hay quá, chúng ta cùng chung đường. Ngài hãy đi cùng tôi cho vui.

- Mắt ta bị mù. Ta sẽ gây nhiều khó chịu, phiền phức cho ông bạn lắm, không nên đâu.

- Không sao mà! Tôi cũng là kẻ nhàn hạ, thanh thoi, chẳng có việc gì phải gấp gáp. Vả lại, ngài biết không, sống giữa cuộc đời, thỉnh thoảng cũng nên làm một vài việc lành để nương tựa cho mai sau! Thôi, không lý sự nữa, hãy đi cùng tôi để tôi còn bòn được chút ít phước báu chứ!

“Hóa ra là một người tốt, một quý nhân rất hiểu biết, có tấm lòng lại còn có đức khiêm tốn nữa!” – Nghĩ thế xong, tôn giả đáp:

- Vậy thì tốt! Ta sẽ làm phiền thiện hữu đó! Hãy cầm lấy đầu gậy của ta.

Đế Thích cầm đầu gậy, dùng phép thần ngăn đường, nên mới đi chưa được bao lâu, kinh thành Sāvatti đã hiện ra. Tôn giả Mahāpāla nghiêng tai lắng nghe tiếng người cười nói lao xao, tiếng xe ngựa, xe bò, tiếng rao hàng, tiếng âm nhạc vọng ra từ đền tế... ngạc nhiên, cất tiếng hỏi:

- Những âm thanh này rất quen thuộc, chẳng lẽ chúng ta đã tới một thành phố?

- Đúng vậy, thưa tôn giả! Chúng ta đã về tới kinh thành Sāvatti rồi đó.

- Lẽ nào như vậy được?

- Vâng, vì tôi biết một con đường tắt, thưa ngài sa-môn.

Tôn giả Mahāpāla tự nghĩ: “ Đây đúng là việc làm của một vị trời nhiều oai lực, nhưng mà người ta muốn ỉn danh!” – bèn nói:

- Vô cùng tri ân thiện hữu!

Đế Thích dẫn Mahāpāla đến tịnh thất mà trưởng giả Cullapāla làm sẵn, vào bên trong, nắm tay dìu tôn giả ngồi xuống trên nệm cỏ rồi biến mất. Đế Thích lại biến hình thành một người bạn thân của trưởng giả Cullapāla, tìm đến nhà, kêu lớn ngoài cửa:

- Cullapāla ơi! Cullapāla ơi!

- Chi vậy, ông bạn?

- Mừng cho bạn. Thế là anh em lại được trùng phùng!

- Chuyện gì?

- Hóa ra bạn chưa biết sao? Tôi vừa thấy ông sư Mahāpāla đang ngồi nơi tịnh thất của bạn đó!

Trưởng giả hay tin như thế, tức tốc bươn bả đi đến tịnh thất, nhưng ngạc nhiên, khi quay lại thì ông bạn kia đã biến đi đâu mất. Đến nơi, thấy tôn giả Mahāpāla gầy ốm, xanh xao, hai con mắt sâu đen mà không kèm chế được cảm xúc, cứ ôm chân ông anh mà khóc ròng rã.

Tôn giả Mahāpāla mỉm cười:

- Ông đã khóc xong chưa?

- Em thương sư anh quá!

- Ngược lại, ta lại thương em còn hơn thế nữa. Mắt ta mù nhưng tâm ta sáng, ta thấy đường đi lối về, còn em thì vẫn đang con mọt mù trong đêm đen sinh tử. Hãy cố gắng sống đời một cận sự hiền thiện em nhé!

- Thưa vâng! Em sẽ không làm sư anh thất vọng đâu.

- Ủ, vậy là tốt!

Im lặng một lát, tôn giả Mahāpāla kể lại chuyện Tể Hộ rồi nói:

- Vì lý do ấy, ta đã đuổi nó đi, em có phiền lòng không?
- Không! Nó đã tỏ ra không xứng đáng. Nó phải được dạy bảo nghiêm khắc hơn nữa kia!
- Cảm ơn em!

Sau cuộc nói chuyện ấy, trưởng giả Cullapāla thu xếp cho hai thiếu niên gia nhân được xuất gia sa-di, ở bên cạnh tôn giả để chăm lo mọi sự. Ngày ngày, cả hai đi trì bình khát thực, dành một phần để dâng lên tôn giả, thì giờ còn lại, họ làm mọi việc trong ngoài như những đầy tớ trai cần mẫn nhất. Thương tình thân phận của cả hai, tôn giả Mahāpāla thường nói pháp và luật, giảng dạy nhưng bước sơ cơ cho họ tu tập. Lâu lâu, tôn giả nhờ họ dẫn đường vào Kỳ Viên tịnh xá để đánh lễ đức Phật và vấn an sức khỏe của ngài.

Sáu mươi vị A-la-hán bạn cũ, thỉnh thoảng ghé thăm, thấy tôn giả Mahāpāla có người em quý báu, chăm lo cho như vậy cũng yên tâm.

Hôm nọ, có một nhóm tỳ-khuru phương xa đến, nghe tiếng tôn giả tu hành tinh tấn quyết đắc quả A-la-hán đến nỗi bị mù mắt nên họ dự định ghé thăm nhân vật có ý chí sắt đá ấy. Tuy nhiên, một trận mưa lớn đã tạo nên trở ngại nên họ hẹn nhau vào sáng hôm sau.

Tôn giả Mahāpāla, theo lệ thường, do tinh tấn đã trở thành thói quen nên sáng sớm tinh sương nào, ngài cũng đi kinh hành trên lối mòn xung quanh cốc. Tuy nhiên, ngài không biết là do trận mưa đêm qua đã làm cho những con mối cả đàn cả lũ rụng cánh đầy trên đất. Lại nữa, có những vũng nước ngập làm cho giun ngọp thở nên chúng cũng bò loăn ngoăn lên những đám đất khô ráo. Tôn giả của chúng ta cứ vô tư lui tới nên dẫm đạp chúng chết la liệt trên đường kinh hành. Những vị tỳ-khuru phương xa đến nhằm lúc hai sư sa-di chưa quét dọn kịp. Họ hỏi vị sa-di:

- Ai vừa đi kinh hành trên con đường này?
- Thừa, thầy của chúng tôi, tôn giả Mahāpāla!

Họ la toáng lên:

- Cui kìa! Chư hiền giả hãy coi hành trạng của ông sư mắt mù này? Ông ta đã giết hại không biết bao nhiêu là chúng hữu tình.

Sự việc, sau đó được chư tăng phản ánh lại với đức Phật, ngài hỏi:

- Các ông có thấy tận mắt ông sư Mahāpāla giết những con mối và những con giun ấy không?

- Thừa, không thấy.

- Các ông không thấy như thế nào thì “con trai” của Như Lai không thấy cũng y như thế. Các bậc lậu tận không bao giờ còn tư tác, còn cố ý, chủ ý giết hại bất kỳ một chúng sanh nào. Ngoài ra, con trai của Như Lai còn để lại một bài học về phạm hạnh, tròn sáng, không tỳ vết như mảnh trăng trong giữa bầu trời quang rạng không mây!

Hội chúng yên lặng như để thấu hiểu sự xác định của đức Tôn Sư rằng, tư tác (cetanā) là nghiệp, không có tư tác không có nghiệp; lát sau có vị hỏi:

- Tôn giả Mahāpāla có nhân duyên sâu dày, có căn lành vi diệu mới đắc được đạo quả A-la-hán, nhưng tại sao còn bị quả mù mắt, bạch đức Thế Tôn?

- Nhân nào thì quả nấy, này chư tỳ-khuru!

Do đại chúng tò mò không biết nghiệp quá khứ của tôn giả Mahāpāla như thế nào nên đức Phật đã vén bức màn sinh tử như sau:

“- Vào một thuở xa xưa, có một ông y sĩ du phương, đi khắp các nơi từ thành thị đến thôn quê để hành nghề nuôi mạng. Hôm nọ, gặp một phụ nữ đau mắt, ông hỏi:

- Có phải mắt của bà chị có vấn đề phải không?

- Thừa phải! Tôi bị xôn xang, đau nhức, ngại rằng đến lúc nào đó tôi sẽ không còn thấy đường nữa.

Sau khi xem xét một hồi, vị y sĩ nói:

- Nếu tôi chữa trị lành mắt cho bà chị - thì vấn đề trả tiền công như thế nào?

Người đàn bà mau mắn nói:

- Ôi, trời ơi! Nếu thầy mà chữa lành mắt cho tôi thì tôi tình nguyện đưa cả con gái đến làm tôi mọi cho thầy suốt đời.

- Được lắm! Cứ hứa thế nhé! Đừng thất hứa đó.

Nói thế xong, vị y sĩ liền bào chế tức khắc một loại thuốc nước rửa mắt trao cho người đàn bà. Kỳ diệu làm sao, về nhà, bà chỉ cần rửa vào mắt một lần thì mắt liền sáng, không còn xốn xang, đau nhức nữa. Bần thần, bà suy nghĩ: “Mình đã trót hứa đem cả con gái đến nhà ông ta làm tôi đòi, nhưng e rồi sẽ không tránh khỏi bị hành hạ, ngược đãi. Chi bằng mình kiếm lời tráo trở phủ nhận chuyện ấy là xong!”

Khi vị y sĩ đến nhà thăm bệnh tình, hỏi rằng: “Mắt bà chị hôm nay ra sao?” Người đàn bà đáp: “Lúc trước thì chỉ đau sơ sơ, nhưng khi rửa thuốc của thầy rồi thì nó đau nhức hơn thế nữa. Thầy báo hại tôi rồi!” Vị y sĩ do biết thuốc mình bào chế là thuốc thần, lại nữa, tinh mắt quan sát thì biết ngay sự tráo trở của mục ta, bèn nghĩ: “Ta không cần tiền công của mục, nhưng tâm địa dối láo ấy sẽ bị trở quả, ta sẽ làm cho đôi mắt của mục ta đui mù luôn!” Bèn nói:

“- Nếu vậy thì tôi sẽ đổi cho bà chị một loại thuốc thần diệu hơn, loại thuốc này không những mắt sáng mà còn sáng hơn mắt của người bình thường nữa”. Thế rồi, ngay tại chỗ, vị y sĩ bào chế thuốc mới và trao cho người đàn bà với nụ cười:

“- Chịu khó rửa vào mắt chỉ một lần thôi cũng phát sanh hiệu quả”.

Và đúng là hiệu quả thật! Sau khi người đàn bà rửa vào mắt mình loại thuốc mới ấy - thì mắt bà liền bị tối tăm vĩnh viễn.

Này chư tỳ-khuru! Vị y sĩ thuở xưa chính là Mahāpāla hiện nay đó! Cái nghiệp ác xưa làm mù mắt người, nó cứ đeo đẳng, chạy đuổi mãi theo con trai của Như Lai từ kiếp này sang kiếp khác, cho đến tận bây giờ. Nó không chịu buông tha đâu. Nghiệp ác luôn chạy theo người làm ác giống như bánh xe luôn luôn lăn theo sau lưng con bò kéo xe vậy.

Rồi đức Thế Tôn kết thúc bằng bài kệ:

“- Các pháp, tư tác⁽¹⁾ dẫn đầu
Tư tác, chủ ý bắc cầu đưa duyên
Nói, làm xấu ác, chẳng hiền
Bánh xe bò kéo, khổ liền theo sau!”⁽²⁾

⁽¹⁾ Theo Abhidhamma thì ý (mano), thức (viññāṇa), tâm (citta)... đồng nghĩa; nhưng tôi chọn dịch là tư tác (cetanā) – vì tư tác mới là nghiệp. Từ trước đến nay, nhiều nơi bảo tác ý (manasikāra) là nghiệp; không phải vậy, tác ý mới chỉ là hướng tâm, như bánh lái của chiếc thuyền. Trong 7 biến hành tâm sở (Duy Thức chỉ có 5): Xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư, nhất tâm, mạng căn – thì chính tư (tư tác-cetanā) mới quan trọng, mới tạo nghiệp; sau đó, các lộ trình tâm mới khởi theo – chúng đồng khởi. Tuy nhiên, nếu dịch là tâm hay ý đều không sai, vì ý, tâm, tư tác - được coi là tâm - và các pháp (dhammā), hai từ đầu trong câu kệ, chính là những tâm sở (theo chú giải).

⁽²⁾ Pháp cú I: Manopubbaṅgamā dhammā, manoseṭṭhā manomayā, manasā ce paduṭṭhena, bhāsati vā karoti vā, tato naṃ dukkhamanveti, cakkam’vā vahato padaṃ (Kinh lời vàng).

Con Ngũng Oan Nghiệt

Suốt trong mấy ngày hôm nay, tại tịnh xá Kỳ Viên và ở trong kinh thành Sāvatti không ngớt bàn tán xôn xao chuyện người thợ ngọc, một cận sự nam lại tra tấn vị thầy của mình là trưởng lão Tissa cho đến gần chết. Nguyên do là người thợ ngọc nghi ngờ trưởng lão Tissa đánh cắp viên ngọc maṇi. Người ta vô cùng xót thương trưởng lão, và họ cũng mạt sát tên thợ ngọc tàn bạo, nhẫn tâm không hết lời.

Đầu đuôi câu chuyện là như sau:

“- Có một gia đình thợ ngọc, là đệ tử của trưởng lão Tissa, vốn hay đặt bát cho ngài suốt mười hai năm trường với tâm tịnh tín sâu xa. Cứ mỗi buổi sáng, hình bóng của trưởng lão đối với gia đình này đã trở nên thân thuộc; họ phụng dưỡng vật thực và chăm lo tứ sự cho ngài như con cái đối với cha mẹ vậy.

Hôm nọ, sau khi thọ nhận vật thực từ người vợ của gia chủ, trưởng lão không vội đi ngay mà ghé vào nhà nghỉ chân. Người thợ ngọc lúc ấy đang xắt thịt làm món ăn gì đó, thấy trưởng lão đi vào, ông vội vã đứng dậy, định rửa tay, mặc áo để nghinh tiếp.

Trưởng lão xua tay:

- Ông cứ làm việc tự nhiên đi. Tôi chỉ ngồi một lát.

Vừa nói thế xong, thì ngoài cửa một viên quan thân tín của đức vua Pāsenadi bước vào, trao cho người thợ ngọc một viên ngọc manī rồi nói:

- Ông hãy mài giũa viên ngọc này cho bóng loáng, sau đó, xoi một lỗ nhỏ dùng để khâu chỉ vàng. Cần thận làm cho khéo đó, tội chém đầu như chơi, nhớ nhé!

Ông thợ ngọc thò tay nắm viên ngọc ngắm nghía, nói với viên quan thân quen:

- Đẹp thật! Qua tay tôi thì phải biết! Làm gì mà dọa chém đầu hử ông bạn?

Viên quan cười xoà:

- Nói giỡn vậy mà! Từ khi theo Phật đến giờ, đức vua của chúng ta anh minh và hiền thiện hơn trước nhiều.

Khi từ giã, viên quan cận thân không quên quay lại xá chào trưởng lão Tissa trước khi bước ra cửa.

Người thợ ngọc do tay đang dính máu nên ông ta đặt tạm viên ngọc trên nắp hộp rồi bước vào nhà sau để rửa tay. Trưởng lão Tissa vừa dợm đứng dậy thì một con ngỗng từ đâu đó lao vụt tới. Do máu dính trên viên ngọc, con ngỗng nghe mùi, tưởng là cục thịt nên nó đập và nuốt vào bụng ngay. Chuyện xảy ra nhanh quá, trưởng lão thấy mà không cản ngăn kịp.

Biết tình hình nghiêm trọng, trưởng lão ngồi ngay ngắn trở lại, định tâm một lát để sẵn sàng nhận chịu cái gì xảy đến cho mình.

Người thợ ngọc trở ra, không trông thấy viên ngọc trên nắp hộp nữa nên lớn tiếng hỏi mọi người trong gia đình:

- Có ai lấy viên ngọc không?

Người vợ, con cái và đám gia nhân chạy ra, ai cũng trả lời là không lấy và cũng không biết.

Sau khi cất vắn người này, người kia một hồi, biết rõ họ chưa hề thấy viên ngọc, huống nữa là lấy cắp nên ông ra sau nói nhỏ vào tai bà vợ:

- Vậy chẳng có ai lấy. Người khả nghi nhất chính là trưởng lão của chúng ta, phải không?

Người vợ sợ hãi nói:

- Không đâu! Chắc chắn là không phải đâu. Suốt mười mấy năm trường, chúng ta hộ độ cho trưởng lão, chúng ta chưa hề thấy ngài phạm một lỗi nhỏ về giới luật cũng như đức hạnh. Ngài sống thiếu dục, tri túc, chưa bao giờ gợi ý tà mạng ham muốn một vật gì!

- Ta cũng biết vậy, nhưng ta phải hỏi cho ra lẽ!

Người thợ bước ra, đến trước mặt trưởng lão, nói:

- Bạch trưởng lão! Viên ngọc hồi nãy con để trên nắp chiếc hộp này, ngài có thấy phải không?

- Đúng vậy, ta có thấy, này ông thiện nam!

- Bây giờ con không thấy nó ở đây nữa, vậy ngài đã lấy cất đi phải không?

- Không, ta không có lấy cất, này ông thiện nam!

Người thợ bắt đầu nóng, lên giọng:

- Bạch trưởng lão! Rõ ràng ở đây không có ai khác, ngoài con, ngài và viên ngọc. Vậy, ngoài ngài ra thì ai vào đây mà lấy viên ngọc? Xin ngài hãy hoàn trả lại cho!

Trưởng lão Tissa biết là người thợ ngọc nói đúng, nhưng ngài không thể vì bảo vệ mình mà chỉ ra thủ phạm là con ngỗng đực. Nói ra thì khác gì mình giết nó. Trưởng lão nghĩ thầm trong tâm thêm nữa rằng: “Đức Chánh Đẳng Giác của chúng ta đã bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp hành ba-la-mật bậc hạ, bậc trung và bậc thượng. Biết bao nhiêu kiếp ngài đã xả thân, lóc da, xẻ thịt, đôi khi hy sinh cả mạng sống để cứu độ chúng sanh... Còn ta thì sao nào? Một chút nhận chịu sự oan khuất này mà cũng không vượt qua được hay sao?”

Nghĩ thế xong, trưởng lão Tissa ôn tồn nói:

- Một cận sự nam nữ xứng đáng sống trong giáo pháp của đức Thế Tôn, họ không có sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không vọng ngữ... huống hồ gì ta là một vị tỳ-khưu, này hỡi ông thiện nam! Ta không nói dối đâu. Ta không hề lấy cắp! Các người biết đấy, dù một cây kim, một sợi chỉ, đệ tử đức Tôn Sư cũng không hề khởi tâm xâm phạm...

Người thợ ngọc ruột rời như tơ vò, cứ đi lui đi tới, gãi đầu gãi tai, phân vân, bất quyết. Ông kính trọng trưởng lão nhưng việc mất viên ngọc lại là một đại họa!

Ông lui ra sau, bàn với vợ:

- Ông ấy không lấy cắp thì ai vào đấy nữa? Chắc ta phải tra khảo ông ta thôi!

Bà vợ lại cản ngăn:

- Đừng làm thế, không nên, tội chết! Hay là mình bán cả gia tài rồi đi ở đợ cho người để bồi hoàn viên ngọc ấy lại cho đức vua?

- Bà tưởng là đèn được ư? Viên ngọc ấy là vô giá. Cả gia sản của ta đã là cái thá gì? Đi ở đợ cả trăm năm nữa cũng đừng mong mà trả đủ! Ta đành phải nặng tay thôi!

Rồi người thợ ngọc cắn răng bỏ qua sự cản ngăn tha thiết của người vợ, bước ra ngoài với sợi dây thừng, mạnh tay niềng đầu trưởng lão Tissa đến bảy vòng. Ngài cứ ngồi im chịu trận. Người thợ ngọc lấy cái chày gỗ gõ liên tu bất tận lên đầu trưởng lão, vừa gõ vừa hét lên:

- Có khai ra không? Lấy cắp viên ngọc để đâu?

Từ đầu và hai tai trưởng lão máu xối xả chảy ra thành dòng, hai mắt của ngài gằn như là lòi tròng ra ngoài; mặc dầu thợ khổ khóc liệt, ngài vẫn im lặng chịu đựng và khởi niệm tâm từ. Trưởng lão còn nghĩ: “Người thợ ngọc không

có lỗi, ta không có lỗi, cho chí con ngỗ cũng không có lỗi; tất cả âu là do nghiệp của chúng sanh!”

Máu chảy lan thấm xuống đất, con ngỗ lại đánh mùi, chạy đến uống máu. Săn con giận như đang bốc lửa trong đầu, người thợ ngọc lấy chân đá mạnh con ngỗ rồi hét:

- Cả mày nữa! Cũng chết cho luôn thể!

Cái đá quá mạnh của người thợ ngọc làm cho con ngỗ chết tức khắc, nằm sóng soài ra đất.

Khi thấy con ngỗ nằm bất động, trưởng lão Tissa cố gắng huy động toàn bộ sức lực, cất giọng thều thào:

- Này ông thiện nam! Làm phiền ông, xin ông hãy khởi tâm bi nói lỏng mấy vòng dây đang xiết cứng trên đầu ta để ta có thể nghiêng đầu xem con ngỗ kia đã chết thật hay chưa?

Người thợ ngọc nói đây, nói chì chiết:

- Rồi ông cũng chết thê thảm như nó vậy đó!

Sau khi quan sát kỹ, biết con ngỗ đã chết, trưởng lão Tissa mới thở dài nói:

- Chính nó! Chính con ngỗ kia đã nuốt viên ngọc manị vào trong bụng đó, này ông thiện nam! Nếu nó mà chưa chết thì ta không thể nói cho ông biết chuyện ấy đâu.

Kinh hoàng, người thợ ngọc hồi hả lấy dao mổ bụng con ngỗ, và quả nhiên, viên ngọc được tìm thấy rõ ràng trong bao tử nó. Khi thấy rõ sự thật rồi, tâm thần người thợ ngọc trở nên bán loạn, hoảng hốt; nghĩ đến cái tội của mình, ông lạnh toát cả người rồi run bần bật, quỳ sụp dưới chân trưởng lão và khóc rờn rã.

- Xin trưởng lão xá tội lỗi cho con! Tội của con là tội địa ngục khi dám xâm phạm đến thân thể của ngài.

Trưởng lão điều hòa hơi thở, mở lời trấn an:

- Đây chẳng qua là nghiệp nhân và nghiệp quả trong vòng sinh tử luân hồi của chúng sanh mà thôi. Ta tha thứ cho ông rồi đó.

Người thiện nam lại năn nỉ:

- Nếu ngài đã tha thứ cho con thì từ rày về sau, ngài cứ đến đây thọ nhận vật thực như lệ thường.

Trưởng lão Tissa lão đảo đứng dậy, điều hòa hơi thở rồi chậm rãi nói:

- Ta tha thứ cho ông, nhưng từ rày về sau, ta sẽ không bước chân vào nhà của bất cứ một cận sự nam, cận sự nữ nào nữa. Quả thật, ta đã thấy rõ tội lỗi sẽ phát sanh do quen biết, do thân cận, do ở bên trong của từng ngôi nhà. Ta sẽ đi khát thực nếu chân còn khoẻ; và đối với ta, không có một ngôi nhà nào trong kinh thành này để ta phải chọn lựa nữa. Hãy cứ để tùy duyên, ta không hứa một điều gì hết. Rồi trưởng lão đọc lên một bài kệ:

“- Cứ mỗi nhà một ít

Cơm bánh ta xin ăn

Nuôi mạng, không lựa chọn

Sức khỏe, tùy đôi chân!”⁽¹⁾

Do bị tra tấn quá sức chịu đựng của con người, do bị chấn thương sọ não, trưởng lão Tissa đi trì bình khát thực được mấy hôm, biết mình thọ và nghiệp đã chấm dứt, ngài an nhiên thị tịch Niết-bàn trước không biết bao nhiêu sự kính trọng, ngưỡng mộ cũng như thương xót của chư tăng và mọi người.

Đức Phật đúc kết câu chuyện tại Kỳ Viên tịnh xá, ngài tán thán hạnh nhẫn nhục ba-la-mật của vị thánh đệ tử, là tấm gương sáng cho các vị hữu học.

Khi đại chúng muốn biết sanh thú mai hậu của những nhân vật trong câu chuyện, đức Phật cho biết thêm:

- Con ngỗng chết, tức khắc tái sanh vào bụng của bà vợ người thợ ngọc (?). Bà vợ, cuối đời sẽ sanh lên thiên giới.

⁽¹⁾ Dịch thoát từ kệ Pāli: “Paccati munino bhattam, thokam thokam kule kule, piṇḍikāya carissāmi, atthi jaṅghabalam mamāti”.

Người thợ ngọc, dù đã sám hối nhưng cũng bị trả quả địa ngục theo với tội tương ứng của ông ta.

Đúng như bài kệ sau:

“- Một số sanh thú thai bào
Bốn đường đau khổ đón chào ác nhân
Người lành, thiên giới du nhàn
Còn người vô nhiễm, Niết-bàn tĩnh cư”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Pháp cú 126: “Gabbhameke uppajjanti, Nirayaṃ pāpakammino, saggamaṃ sugatino yanti, pariNibbanti anāsavaṃ”.

Cho Xin Hạt Cải

Vị tỳ-khuru-ni này đã có căn duyên sâu dày từ quá khứ, là cô công chúa thứ năm trong bảy chị em như đã kể trong nhiều truyện trước. Do phước báu bất đồng, cô sinh ra trong thời đức Phật Gotama, tại kinh thành Sāvatti ở một gia đình triệu phú bị sạt nghiệp, tài sản bị khánh tận nên đời sống vật chất vô cùng khó khăn. Từ nhỏ, cô tên là Gotamī, nhưng do có một thân hình gầy gò, mảnh khảnh (kisa) nên mọi người thường gọi là Kisā-Gotamī.

Lớn lên, về nhà chồng, ngoại trừ được chồng thương yêu còn mọi người ai cũng không ưa cô, khinh ghét cô vì là con nhà nghèo. Tuy nhiên, khi cô sinh được một đứa bé trai kháukhinh, dễ thương thì ai cũng thay đổi thái độ.

Nhìn đứa bé biết đi, biết chạy, bụ bẫm, hồng hào, xinh đẹp, cô rất được an ủi, là niềm vui cho cô, niềm tự hào của cô. Tuy nhiên, từ trong sâu thẳm tâm hồn, cô đã chớm nở một nỗi buồn: “Trước đây họ khinh ghét ta, đối xử với ta không ra gì; nhưng khi sinh cho họ một đứa bé trai mạnh khỏe, kháukhinh, đẹp như thiên thần thì họ thay đổi thái độ. Hóa ra, tâm địa con người là như thế sao?!”

Nhờ nuôi dưỡng chu đáo, nhờ sự chăm sóc tế nhị của người mẹ, đứa bé ngày càng ngoan ngoãn, dễ thương, được

mọi người yêu quý, nâng bồng, cung chiều như bảo vật. Riêng nàng, nàng biết rõ, nó chính là mạng sống thứ hai của nàng vậy.

Tuy nhiên, vô thường không vị nể một ai. Hôm kia, dùng một cái, một căn bệnh cấp tính, không rõ nguyên do, tử thần lạnh lùng và tàn nhẫn lấy lưỡi hái đoạn lìa mạng sống của đứa trẻ chẳng chút xót thương. Như điên như cuồng, cô Kisā-Gotamī, ẵm bồng xác đứa nhỏ trên tay đi lang thang khắp hang cùng, ngõ hẻm nhờ người cứu chữa! Cô không tin nó đã thật sự chết. Ai cũng đưa mắt cảm cảnh thương hại, nhưng thuốc nào có thể cứu được xác chết?

Có một lão trượng, một người hiền, thoáng nhìn qua đã biết rõ cô gái trẻ vì thương con nên đã bán loạn tâm thần rồi, mọi lời khuyên đều vô ích. Trên thế gian này, có một người, có thể cảm hóa, chuyển hóa trạng thái rối loạn tâm lý của cô được, bèn nói:

- Nay con gái! Hãy đi đến đại tịnh xá Kỳ Viên. Đức Thế Tôn, bậc Toàn Giác ấy có khả năng làm được những điều kỳ diệu mà thế gian này không ai sánh bằng đâu. Ngài là bậc Đại Lương Y đời nay đây!

Nghe lời, cô gái ôm xác con hỏi đường đến đại tịnh xá.

Đức Phật đã biết rõ từ lâu lắm về cô gái đã trầm luân lưu lạc này, cho nên, hôm đó ngài đã cố ý chờ đợi.

Khi cô gái khóc lóc thảm sầu, bi thương nhờ đức Phật cho một phương thuốc thần để cứu con trai thì ngài sử dụng tâm từ rồi nói rằng:

- Nay Kisā-Gotamī! Như Lai cứu được con trai của con đây, nhưng với một điều kiện...

Cô gái nín thở, thôi khóc, đôi mắt mở lớn, chờ đợi... thì đức Phật nói tiếp:

- Như Lai chỉ cần một nắm hạt cải thôi. Nhưng hạt cải ấy, con phải đi xin từng nhà, hạt cải nào ở trong gia đình nào không có người chết thì hạt cải ấy mới linh nghiệm, mới cứu

sống nổi con trai của con.

Chuyện kể rằng, thế là cô gái ẵm xác con trai đi gõ cửa từng nhà, xin nhúm hạt cải trong gia đình không có người chết thì bên tai cô thường nghe được những câu trả lời như sau:

- Không có người chết à? Chuyện mới lạ lùng!

- Cha tôi chết, mẹ tôi chết, cháu tôi chết! Mới đây thôi là đã năm bảy người chết trong gia đình này rồi!

- Hạt cải thì không thiếu, có thể giúp cô một nắm hạt cải giống cũng không sao! Nhưng mà này! Con cái, cháu chắt nội ngoại trong cái gia đình này thì thiêu xác cả đồng ngoài nghĩa địa kia!

Chỉ cần mấy hôm đi khắp thành phố là cô gái chợt sực tỉnh: “Đâu cũng có người chết, chẳng có gia đình nào mà không có người chết! Đức Thế Tôn đã dạy ta rất tế nhị, rất là có ý vị để ta nhận chân sự thật của đời người!” Nghĩ thế xong, cô gái lặng lẽ ẵm xác con trai ra nghĩa địa, nhẹ nhàng đặt lên một mô cỏ. Tâm cô chìm lắng rất sâu. Có lẽ cánh cửa huyền mật do căn duyên sâu dày từ quá khứ đã hé mở. Cô nhìn vào bên trong. Cô nhìn ra thế gian, thế giới.

Ngay khoảnh khắc ấy, sát-na ấy, đức Phật sử dụng năng lực thần thông để giúp cô tỉnh táo hoàn toàn, sáng suốt hoàn toàn. Và cô đã thốt lên giữa hư không một bài kệ như sau:

“- Pháp này không dành riêng cho một làng, một xóm, một gia đình nào. Nó không thiên vị một ai. Là chung cho nhân loại, súc sanh, ma vương, chư thiên và cả phạm thiên. Đó là pháp vô thường vậy!”⁽¹⁾

Trở lại Kỳ Viên hoàn toàn với một con người mới, rất tỉnh táo, cô quỳ sụp xuống chân đức Phật. Ngài hỏi:

- Này Kisā-Gotamī! Hạt cải đâu? Con đã tìm ra hạt cải

⁽¹⁾ Kệ Pāli: “Nagāma dhammo, nigamassa dhammo. Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo. Sabbassa lokassa sadevakassa. Eseva dhammo yad’idaṃ aniccatā”.

trong gia đình không có người chết chưa?

- Bạch đức Thế Tôn! Hạt cải ấy nó đã làm xong nhiệm vụ của nó rồi. Sứ mạng ấy đã hoàn tất. Con đã thấy rõ lý vô thường của đời người. Xin đức Đạo Sư chỉ dạy tiếp cho con!

Đức Phật thuyết cho cô gái một thời pháp ngắn, ngài nói với đại ý rằng, đi trên cuộc đời, sống trên cuộc đời, trên hành trình xuôi ngược, chúng sanh thường không có một mục đích chân thực nào cả. Chỗ nào cũng hư dối, không thật. Chỗ nào cũng ảo giác, ảo vọng. Chỗ nào cũng hư vô và bóng đêm. Nên thường đau khổ trùng trùng. Là kẻ trí có con mắt sáng, khi mắt đã mở ra rồi, đã thấy một phần sự thật rồi thì chỉ còn cần tinh tấn nỗ lực để lên đường. Biết bao kẻ ngu si, thu nhặt hoa của đục lặc, thu nhặt hương của đục lặc, thu nhặt những đối tượng khả ý, khả ái, khả lạc! Nếu cứ đắm say, đam luyến, tham nhiễm trên lộ trình thì tử thần sẽ không tha lưỡi hái cho người ấy. Một lúc nào đó, sự chết, sự đau khổ, sự thống khổ sẽ như một cơn lũ lớn cuốn phăng cả một ngôi làng đang say ngủ!

Lời và ý của đoạn thuyết giảng ấy được tóm tắt trong bài kệ sau đây:

“- Ai còn thu nhặt hoa hương
Đắm say, tham nhiễm bên đường biết hay?
Tử thần mang kẻ ấy ngay
Như cơn lũ cuốn ngủ say cả làng!”⁽¹⁾

Câu kệ chấm dứt, cô gái Kisā-Gotamī đắc quả Nhập Lưu và xin xuất gia. Cô đi vòng về hướng tay phải quanh đức Phật ba vòng, đánh lễ ngài như đánh lễ người cho nàng sự sống lần thứ hai, sống trong giáo pháp thanh tịnh.

Đức Phật gọi cô sang ni viện, cho thọ đại giới và cô đã tu tập rất tinh cần. Chỉ trong một thời gian ngắn, cô đã đi

⁽¹⁾ Pháp cú 47: “PupphāNi h’eva pacinantam byāssattamanasam naram; suttam gāmaṃ mahogho’va maccu ādāya gacchati”.

qua các tầng thiên định; và trong lúc cô đang tinh cần thiên quán thì cô nghe được lời đức Phật bằng khả năng thắng trí đã thốt bên tai cô rằng:

“- Trăm năm sống có ích gì
Chẳng thấy bất tử, vô vi pháp hành
Một ngày quả thật trọn lành
Sống đời chứng ngộ Vô Sanh Niết-bàn!”⁽¹⁾

Thế là cô đã thành tựu rốt ráo cứu cánh phạm hạnh nhẹ nhàng như dòng nước tự động trôi chảy khi lực đẩy đã có đà. Và những thắng trí dường như cũng tự động tìm đến mà không qua một kiên trì kịch liệt nào!

Cũng như các vị công chúa khác, cô thấy rõ mình có căn duyên từ thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, từ thời đức Phật Kassapa ra sao. Và hiện nay, họ đã hội ngộ một cách ngoạn mục trong giáo pháp này. Cô còn biết, cả sáu người đều đắc quả A-la-hán, thắng trí cùng những khả năng khác nhau trên lộ trình hoằng pháp; nhờ vậy, giáo hội mới trở nên phong phú, lẫm hoa hương, đa sắc màu để phục vụ chúng sanh. Riêng cô công chúa út, Visākhā, chưa rốt ráo phạm hạnh, nhưng vị thế của cô, vai trò của cô, sứ mạng của cô lại càng vi diệu, thù thắng hơn, khó đo đạc và không thể tỷ lượng vậy.

Kisā-Gotamī chỉ một lần sinh nở, chỉ một lần mất con mà cô đã cảm nhận rất sâu sắc toàn bộ cuộc tử sinh, toàn bộ sự thống khổ của trần gian nên những lời pháp của cô thường dễ tác động vào lòng người, giúp họ trở về với đức tin chơn chánh, sống với giáo pháp.

Sau này, tỳ-khưu-ni Kisā-Gotamī được biết đến như một người sống hạnh tri túc, tri chí quá nghiêm túc và khắc khổ, từ vật thực, sàng tọa cho đến cả ba y. Cô luôn luôn đi ra các

⁽¹⁾ Pháp cú 114: “Yo ca vassataṃ jīve apassaṃ amataṃ padaṃ, ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo passato amataṃ padaṃ!”

CHO XIN HẠT CẢI

nghĩa địa, lượm tìm vải bó tử thi, dầu thô, dầu mịn không cần thiết rồi tự tay mình may cắt, tự vá, tự đắp những tấm cà-sa cho mình, trông rất xấu và thô vụng. Vị tỳ-khuru-ni này đã được đức Phật tuyên dương trước hội chúng ni là “đệ nhất về hạnh mặc y thô tháo” thì thật là chính danh vậy.

Triệu Phú Keo Kiệt

Ông triệu phú châu vua từ hoàng cung trở về, thấy người thôn dân đang ăn một loại bánh chiên bằng bột chua. Y thèm quá, định thò tay vào túi lấy ra một vài xu lẻ; nhưng rồi y tự nghĩ: “Mua ăn như thế này thì hoang phí quá, hãy cố gắng nhịn đói cho đến nhà”.

Sự thèm muốn thúc bách làm cho bụng y đói cồn cào, nước dãi chảy ra; tuy thế, bước chân lên bục cửa, ý nghĩ khác lại nảy sinh: Nếu ta nói ta muốn ăn bánh chiên thì có nhiều người cùng muốn ăn, sẽ tốn kém xiết bao về gạo, thực tô, đường..?

Thế là vị triệu phú không dám nói ra với ai. Dù đã cố dằn ép sự thèm muốn, nhưng miếng bánh chiên trong chảo cứ hiện ra ám ảnh y. Vị triệu phú đi đi lại lại, sắc da mỗi lúc một vàng chạch, mạch máu nổi lên có vòng, tim đập liên hồi, mồ hôi cả người rịn ra. Cuối cùng không chịu được, y bước vào phòng, nằm co ro trên giường. Miếng bánh chiên lại hiện ra, bây giờ lại nhảy múa với sắc vàng lóng lánh mỡ.

Vợ người triệu phú thấy chồng sắc da từ thẫm hồng sang vàng, từ vàng sang tái xanh, mồ hôi tươm ra từng giọt, nước dãi theo nhau nhều thành dòng; bèn đến bên xoa lưng, quạt mát rồi ân cần hỏi:

- Đi đường xa nắng mệt, chắc ông bị cảm mạo rồi đây?

Vị triệu phú lắc đầu:

- Cảm mạo không làm gì nổi ta, bà biết đấy!

Người vợ cảm thấy yên tâm, hỏi tiếp:

- Thấy ông không được thoải mái. Hay đức vua đã nói một điều gì làm ông chẳng hài lòng?

- Không, không phải thế. Đức vua không có liên hệ gì ở đây cả!

Người vợ cứ chất vấn:

- Con trai, con gái có đứa nào ngỗ nghịch khó dạy đã làm ông phiền lòng hả?

- Chúng khó dạy thì đánh, thì mắng, thì đuổi cổ nó ra đường cho đỡ tốn cơm, tốn áo. Vị triệu phú cố nói một hơi dài - chúng là cái thá gì mà làm phiền tôi được?

- Nô tỳ, kẻ làm công, có ai không chu toàn công việc?

Vị triệu phú đã cảm thấy tung tức:

- Chúng thì như là đôi dép cũ, chiếc áo rách, xài không được thì quẳng đi thôi!

- Vậy thì tôi chắc? Tôi đã có gì không phải với ông rồi?

- Không! Không phải thế! Vị triệu phú phân trần - Bà là một người biết lễ xướng tùy phu phụ, chưa có khi nào, một điều gì mà tôi trách bà được.

Người vợ ngạc nhiên, nhăn mày suy nghĩ hồi lâu; chợt bà hỏi chỉ vừa đủ nghe:

- Hay ông có một sở thích, một ham muốn, một khát ái nào chưa thỏa mãn chẳng?

Miếng bánh chiên trong chảo bằng bột chua lại hiện ra, nhảy múa như khiêu khích. Vị triệu phú nuốt một cái ực. Nhưng sợ tốn kém, ông vẫn im lặng.

Người vợ lại xoa lưng, quạt mát, giọng hờn trách:

- Vợ chồng là bạn đường dài vui khổ có nhau, tối lửa tắt đèn hộ trì nâng đỡ nhau. Là kẻ cùng nói cho nhau nghe

những điều khó nói. Nay ông có chuyện kín trong lòng mà không chịu nói ra, thì ông đã coi tôi như kẻ xa lạ mất rồi!

Thấy vợ hờn mát, vị triệu phú chống tay ngồi dậy, cố gắng nuốt một hơi rồi nói như làn gió phát qua ngọn lá:

- Ta sẽ nói. Ta sẽ nói bà ạ! Nó như thế này: Có một thềm muốn đang thúc bách ta. Ôi! Ta thềm làm sao một chiếc bánh chiên bằng bột chua mà người thôn dân kia ăn trên đường khi ta từ cung vua trở về.

Vị triệu phú kể lại chuyện. Người vợ “ồ” lên một tiếng, muốn cười mà không dám cười.

- Chỉ có thế mà không chịu nói. Ông là ngài triệu phú tiền rừng bạc bể. Nay tôi sẽ làm loại bánh chiên ngọt kia, và dọn cho toàn thể mọi người trong thị trấn Sakkhāra cùng ăn nhé?

Đại triệu phú nhú mày:

- Bà nói cái gì ghê gớm vậy? Cho cả thị trấn Sakkhāra? Chúng cần phải làm mới có ăn.

- Tôi sẽ dọn đầy đủ cho mọi người trong cùng một đường phố vậy. Người vợ nói.

Vị triệu phú bĩu môi, nói mỉa:

- Tài sản của bà còn hơn tài sản của một ông vua giàu sang nhỉ?

- Thế thì tôi sẽ làm cho mọi người trong nhà cùng ăn.

Vị triệu phú xua xua tay:

- Thôi! Thôi! Thế là hoang phí hết sức.

- Vậy thì ta hãy làm vừa đủ cho con cái nó ăn.

Vị triệu phú lại gắt:

- Sao bà lại đem chúng vào đây?

Người vợ đầu dụi:

- Thế thì cho tôi và ông cũng được.

- Sao bà lại có ở trong đó nữa?

Vợ triệu phú ngoan ngoãn gật đầu:

- Phải rồi! Tôi sẽ làm cho một mình ông ăn thôi.

Vị triệu phú mỉm cười hài lòng. Lại nhỏ giọng:

- Nhưng mà bà này, làm ở tại đây không được đâu. Những ông sa-môn, đạo sĩ, con cái, nô tỳ, người làm công dòm ngó. Chúng sẽ chờ đợi để xin ăn. Ta sẽ làm ở một nơi kín đáo.

Người vợ gật đầu bước đi, triệu phú còn kêu lại dặn dò:

- Bà hãy đến nơi chỗ gạo thừa, để ra những hạt nguyên, chỉ lấy những hạt gạo vụn rồi đem xay. Xong rồi đừng khua động, lấy lò và chảo, một ít sữa, thực tô, đường cục.. nhớ là thứ đường để dành cho ngựa ăn - rồi chúng ta sẽ cùng lên tầng lầu thứ bảy, chiên tại đây. Chiên xong, thế là hết phần việc của bà. Hãy để phần việc còn lại cho ta!

Người vợ làm y lời.

Vị triệu phú bước lên tầng lầu thứ nhất khóa cửa bằng chốt sắt kiên cố; leo lên lầu hai, khóa cửa bằng chốt sắt kiên cố. Bảy tầng lầu đều khóa bảy lớp như thế.

Người vợ đốt lửa trong lò, đặt chảo lên. Vội đây đủ bột, sữa, thực tô, đường, mật... bắt đầu làm bánh chiên...

Bậc Đạo Sư, vào buổi sáng ở trong hương phòng, tại Kỳ Viên tịnh xá, với thiên nhân siêu nhân thuần tịnh, thấy rõ tất cả mọi việc xảy ra ở gia đình vị triệu phú, vào lúc đúng thời, bảo tôn giả Mahā Moggallāna:

- Cách Vương Xá thành khoảng vài do tuần về phía Bắc, có thị trấn Sakkhāra, này Mahā Moggallāna! Ở đây có người triệu phú hà tiện, keo kiệt đệ nhất thế gian. Y thèm muốn một chiếc bánh bằng bột chua. Sợ tốn kém, sợ hao hụt tài sản, sợ người khác cùng ăn nên bảo vợ chiên bánh nơi tầng lầu thứ bảy, lúi lên bằng bảy lần cửa khóa kiên cố. Này Mahā Moggallāna! Ông hãy đến đó, nhiếp phục và hóa độ người triệu phú ấy. Rồi dùng thần lực đem cả hai vợ chồng cùng với tất cả bánh, sữa, thực tô, mật, đường cục... về đây. Hôm nay, Như Lai cùng đại chúng tỳ-khưu năm trăm vị,

ngồi tại Kỳ Viên, sẽ ngộ trai bằng những chiếc bánh chiên ngọt ấy.

Cúi đầu đánh lễ đức Đạo Sư, tôn giả Mahā Moggallāna vận thần thông lực, trong nháy mắt đã đến Sakkhāra. Trước cửa sổ căn lầu thứ bảy của triệu phú hà tiện, tôn giả Mahā Moggallāna hiện ra sừng sững giữa hư không, với đại y trang nghiêm như một bức tượng vàng chói lọi.

Vị đại triệu phú giật thót mình, quả tim xúc động mạnh, mồ hôi rỏ long tong, tự nghĩ: Ta sợ như vậy nên đã lánh lên đến đây. Nhưng y cũng theo ta, đòi xin những chiếc bánh chiên, bèn nói:

- Nay ông sa-môn có thần thông! Đứng giữa hư không như vậy có được gì đâu? Dầu cho ông có đi kinh hành qua lại, ông cũng chẳng được gì! Đừng tưởng bở!

Tôn giả Mahā Moggallāna thay đổi oai nghi, vạch một con đường bằng bạch ngọc giữa không gian rồi đi kinh hành qua lại.

- Đi kinh hành như vậy mà làm gì, vô ích thôi! Vị triệu phú lắc đầu nói - dầu ông có ngồi kiết già như phạm thiên, ông cũng chẳng được gì. Tôi chẳng cho cái gì đâu!

Đường bạch ngọc lóe lên rồi tắt, tôn giả Mahā Moggallāna an nhiên ngồi kiết già, quanh thân tỏa hào quang như mảnh trăng rằm chiếu sáng dịu dàng.

Vị triệu phú đã thấy ón trong người nhưng vẫn cứ nói cứng:

- Kiết già giữa hư không kia ư? Cũng vậy thôi! Dầu ông có đứng lọt trong cái lỗ thông hơi, ông cũng chẳng được gì! Tôi báo cho ông biết rõ như vậy.

Bức tượng kiết già châu báu giữa hư không biến mất, trên thành lỗ thông hơi nhỏ bằng con chim có thể bay lọt, tôn giả Mahā Moggallāna ôm bát đứng uy nghi, trong lúc lỗ hồng kia không lớn ra mà ngài cũng không nhỏ lại.

Vị triệu phú đã sợ hãi, giọng nói đã mất bình tĩnh:

- Tài... đây! Giỏi.. giỏi... đây! Ông sa-môn à, nhưng nếu ông có phun khói, ông cũng chẳng được gì!

Rồi nơi lỗ hồng kia, khói xông tỏa mù mịt.

Đôi mắt vị đại triệu phú cay xè, buốt đau, nước mắt, nước mũi tuôn ra; y không còn dám nói: Dầu cho có đốt lửa, ông cũng không được gì! Rồi tự nghĩ: Chẳng có gì mà ông sa-môn này làm không được, dầu bắt mặt trời bỏ trong lòng bàn tay. Ông ta quả thật là gan lỳ. Nếu không cho thì hẳn sẽ chẳng bao giờ đi!

Đợi cho khói tan loãng, ông quay qua bảo vợ:

- Này bà, hãy chiên cho ông sa-môn gan lỳ kia một cái bánh nhỏ, thật nhỏ, rồi tống y đi.

Người vợ lấy một tí bột bỏ vào chảo. Chiếc bánh chọt phồng lên làm đầy miệng chảo. Vị triệu phú nghĩ rằng vợ mình đã bỏ nhiều bột, tức giận nhìn vợ rồi khẽ nhắc đầu chiếc muống, khoảng một tí bột. Lạ lùng thay, bánh lại phồng lên, to gấp đôi chiếc bánh trước.

Vị triệu phú hừ một tiếng, cho bột dính một xiu ở đầu chiếc que, búng vào trong chảo. Lạ chưa? Chiếc bánh uôn mình lên, nhúc nhích phồng ra mãi, to gấp ba lần chiếc bánh thứ nhất. Lộn ruột, sôi gan, vị triệu phú kêu ùng ục trong cổ họng, hẳn học làm chiếc bánh khác. Cho đến khi bột chỉ còn bằng hạt mè, bằng một tí bụi có thể dính được trên đầu ngọn cỏ... thế mà chiếc bánh vẫn cứ ngang ngạnh phình ra, to lớn hơn mãi.

Thoát hạn dầm dề, vị triệu phú quay lại roi phịch trên ghế, nản chí:

- Này thôi bà ơi! Lấy ngay cho ông ta một cái. Cái nào đó cũng được.

Rồi đại triệu phú than dài:

- Ôi! Cái ông sa-môn thi gan với ta mà chiếc bánh cũng muốn thi gan với ta nữa!

Vợ đại triệu phú lấy một chiếc bánh từ giỏ. Kỳ lạ chưa! Tất cả bánh đã dính liền với nhau. Bà đã cố tách ra, nhưng không được. Vị đại triệu phú thấy vậy bước tới. Cả hai người cùng dùng hết sức lực kéo bánh. Nhưng vô ích, bánh đã dính làm một!

Mồ hôi toát ra ướt đầm cả áo. Bao nhiêu thềm muốn biến mất, vị triệu phú thở hổn hển, giọng lạc hẳn đi:

- Ta không còn muốn ăn nữa. Này bà, hãy thí hết, hãy thí tất cả bánh cho ông ta! Ôi! Cái lũ bánh trời đánh!

Người vợ làm theo, đem cả giỏ bánh bỏ thí. Tôn giả Mahā Moggallāna sau khi thọ nhận, rải tâm từ bi như chiếc bánh lớn hơn bao trùm cả không gian to rộng khiến cho tâm tư hai vợ chồng triệu phú lắng dịu, mát mẻ, khinh an. Rồi cất giọng Phạm thiên, ngài thuyết một thời pháp nói về công đức ba ngôi báu, kết quả rạng ngời như nhật nguyệt của sự bỏ thí... Do túc duyên nhiều đời kiếp, vị triệu phú nghe xong, khởi tâm tịnh tín:

- Thưa tôn giả, ngài hãy đến đây, hãy ngồi trên chiếc giường bằng bạc này mà độ thực.

Tôn giả Mahā Moggallāna:

- Này ông triệu phú, ta chưa thể ăn. Hiện giờ, đức Chánh Đẳng Giác với đại chúng năm trăm vị tỳ-khưu đang ngồi tại tịnh xá. Triệu phú và vợ có thể hoan hỷ không, khi tự mình với bánh, bột, sữa, thực tồ, đường, mật... đi đến bên chân đức Đạo Sư?

Vị triệu phú nghiêng mình cung kính:

- Thưa tôn giả, bậc đại thần thông, đức Tôn Sư hiện giờ ở đâu?

- Tại Kỳ Viên tịnh xá, cách đây bốn trăm do tuần⁽¹⁾.

- Ôi, xa quá là xa. Thưa tôn giả, làm sao chúng ta có thể đi đến đó mà không mất nhiều thì giờ?

⁽¹⁾ Con số này e rằng không chính xác.

Tôn giả Mahā Moggallāna mỉm cười như sự hé nụ của đóa hoa vô ưu:

- Nếu các người hoan hỷ, thì từ đây đến đó chỉ trong thời gian mấy cái bước chân mà thôi.

Vị triệu phú và vợ ngơ ngác.

- Với oai lực thần thông! Tôn giả Mahā Moggallāna nói tiếp - Ta sẽ làm cho đầu cầu thang vẫn nằm ở đây nhưng chân thang sẽ ở Kỳ Viên!

Triệu phú và vợ hoan hỷ bằng lòng.

Ngạc nhiên xiết bao, khi họ vừa bước chân xuống cầu thang thì cửa tịnh xá đã ở ngay trước mắt.

Đức Thế Tôn, tại trai đường lúc ấy đang ngồi trên bửu tọa với đại chúng doanh vây. Đại triệu phú cung kính đến đổ nước rửa tay cho đức Phật và tặng chúng, cúng dường tất cả bánh, sữa, thực tô, bột, đường cục... rồi bắt đầu làm bánh.

Khi đức Thế Tôn và năm trăm vị tỳ-khuru dùng xong, triệu phú và vợ ăn cho đến thỏa thích nhưng bánh cũng không hết. Mấy trăm kẻ tàn thực ăn cho đến căng da bụng nhưng bánh vẫn còn thừa. Thấy chuyện kỳ lạ, một số vị tỳ khuru đến tâu với đức Thế Tôn, ngài dạy:

- Bánh kia là bánh của công đức. Ai không có nhân duyên với công đức này, không thể nào dùng chúng. Vậy này hội chư tỳ-khuru! Số bánh còn lại sẽ đổ xuống nơi cái hồ hay một cái hang nào đấy (Nay bên cạnh cửa lớn chùa Kỳ Viên còn dấu tích cái hang, tên gọi là ‘Cái hang bánh chiêm trong chảo’).

Đức Thế Tôn dạy thế xong, nói lời tùy hỷ với vợ chồng triệu phú. Cuối lời tùy hỷ, cả hai vợ chồng đều chứng quả Dự Lưu.

Từ đây về sau, hai vợ chồng đại triệu phú tinh tấn trong giáo pháp này, như chiếc thuyền nhẹ qua bờ, và an trú vững chắc vào đích đến, họ cúng dường đến Tam Bảo những tám ức tài sản.

Cô Gái Nô Lệ Đội Nước ⁽¹⁾

“Thân phận chiêm-đà-la
Như bọ hung đội phần
Như dòi trong hầm xí
Hôi hám và dơ dáy
Bị mọi người coi khinh
Bị xã hội ruồng bỏ
Làm những việc hạ tiện
Như nạo vét ống cống
Như chùi rửa cầu tiêu
Giặt vật dơ, vật ứ
Lau góc nhà, xó bếp
Cạo nồi niêu, soong chảo
Đội nước và gánh phân
Chăn dê và chăn bò
Ngủ hoang giữa chuồng trại
Không tắm đấp, tắm nằm
Quen muỗi lằn, sâu kiến
Quen đất cát, bụi bần
Nhận chửi mắng, đánh đập
Chịu tra tấn, đòn vọt

⁽¹⁾ Xem “ Therī Upadāna Pāli (38. Puṇṇāpadānam)

Là sở hữu của chủ
Muốn làm gì thì làm
Như kê chân, lột thân
Như giải tỏa tình dục
Rao bán như món hàng
Chọn mông và chọn vú
Chọn săn chắc, cơ bắp
Có cả quyền giết chết
Vì chúng không phải người
Là con heo, con chó
Là con bò, con trâu
Là công cụ sản xuất
Là công cụ phục dịch
Nô lệ đến suốt đời
Đổ mồ hôi, nước mắt
Ăn cơm thừa, canh cặn
Bệnh tật và ốm đau
Mụn nhọt và lở loét
Chết thì quăng bãi cốt
Xương thịt lã rã hoại
Tứ đại trả tứ đại
Chỉ còn lại hư vô
Nổi đau và nổi nhục
Chỉ còn lại hư vô
Kêu than không thấu trời
Rên rỉ không đụng đất
Thượng đế cũng ngoảnh mặt
Vô cảm và vô tri
Bỏ mặc cháu con ngài
Tàn ác và bất nhân
Cho trần gian tự diệt...”

Bài thơ kệ ngữ ngôn ấy - là đặc tả thân phận của hạng người bần cùng, hạ liệt, bất hạnh nhất trong xã hội Ấn Độ

thời đức Phật. Họ bị đẩy ra khỏi bốn giai cấp, được gọi là chiên-đà-la, hạng tiện dân. Họ sống lúc nhúc như sâu, như dòi trong các ruộng công, trong những cái chòi rách nát, tối tăm như hang cáo, ổ chuột... bao giờ cũng cách ly với các giai cấp khác. Có một số tiện dân sống nô lệ mãi đời trong các trại sản xuất đủ loại như chăn nuôi, trồng trọt; trong các gia đình ông chủ lớn, ông chủ nhỏ như thương gia, tiểu phú, đại phú, bà-la-môn, quý tộc...

Cô gái có tên là Punṇikā được nói lên ở đây là tiện dân, thuộc hạng người chiên-đà-la ấy. Nhưng cô lại được năm điều may mắn, diễm phúc hơn các cô gái khác cùng hạng. Một là cô có chút học hành, có kiến thức, tri thức. Hai là cô có sắc đẹp, tuy không hơn ai, nhưng mặn mà, duyên dáng, nổi bật hẳn trong chúng. Ba là cô được phước lành làm nô lệ trong đại gia tộc của trưởng giả Cấp Cô Độc (Āthapiṇḍika), một cận sự nam thuần thành của đức Phật, giàu tin tâm và lòng nhân ái. Bốn là cô có chỗ ăn chỗ ở đàng hoàng, xiêm áo đầy đủ và ăn uống không hề thiếu thốn. Năm là cô được làm thường xuyên một công việc xem ra là nhẹ nhàng nhất, ấy là việc đội nước...

Tuy nhiên, cô buồn, cô bức, cô chán, cô ghét, cô hận, cô luôn muốn bứt thoát ra khỏi gông xiềng, bẻ gãy cái lồng sắt để bước ra thế giới bên ngoài, muốn hít thở không khí trong lành và mát mẻ của tự do.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đối xử rất công bằng, rất tốt đối với bọn nô bộc, nô lệ; ông còn khuyên mọi người sống hiền lành, tập giữ ngũ giới, bát quan trai giới. Ai mà làm được thế, ông thưởng bằng nụ cười nhân hậu cùng với gạo tiền, vải vóc, mùng mền, xiêm áo... Ông thấy ai giỏi dang, chất phác, thuần hậu, chăm công, chăm việc trong một thời gian nào đó, ông sẵn sàng xóa bỏ đời sống nô lệ, muốn đi xuất gia theo Phật hay lập gia đình, cũng được, ông sẵn sàng tạo cho công ăn việc làm như một con người tự do!

Punṇikā biết vậy nên cô luôn luôn cố gắng chăm chuyên, cần mẫn trong công việc đội nước và cô còn tự ý làm cả những việc ngoài bổn phận của mình. Giỏi dang thế nhưng dường như không ai thích cô bởi cái mặt luôn luôn hếch lên trời, bởi cách nói như luôn chứng tỏ sự hiểu biết của mình; bởi cái lưng làm ai cũng có cảm giác như luôn ưỡn lên, dựng thẳng lên; bởi cái nụ cười không bao giờ có vẻ tự nhiên, hồn nhiên mà là như biếm nhẽ, ngạo mạn; bởi cái giọng nói làm ai cũng cảm giác chua như dấm, đắng như trái bồ hòn! Đúng rồi, Đúng là cô quá cao ngạo, quá ngã mạn! Cô cao ngạo, ngã mạn trong khi giao tiếp, khi nói chuyện, trong việc làm, lúc ra đường và cả trong góc bếp. Đến nỗi cái cách đội nước của cô người ta ai cũng ghét - có cái gì đó chứng tỏ như: “Ừ, thì là việc của ta đây! Ừ, ta là nô lệ đây! Ừ, thì ta là vậy đây!” Là nô lệ nhưng cô không bao giờ tránh mặt hay tránh bước chân các giai cấp khác. Gặp lúc phải nói chuyện với họ, cô xưng tôi và đối thoại như ngang hàng chẳng sợ gì cả. Cô chỉ kính nể có đức Phật, chư tăng ni giáo hội và ông bà chủ Cấp Cô Độc mà thôi. Vua chúa, bà-la-môn, tướng lãnh, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia... cô cũng khinh khỉnh, không thèm kính trọng, hạ mình làm gì!

Punṇikā biết, khổ nỗi là tự biết mà cô không thể thay đổi được; cái kiêu ngạo, ngã mạn ấy nó ngủ ngầm trong dòng nghiệp rồi, tạo nên bản chất, cá tính sâu dày mất rồi. Cô không thể học được sự khiêm cung, nhún nhường, từ tốn, bao dung, rộng lượng, nhân ái như ông Cấp Cô Độc được. Đêm nằm suy nghĩ, đôi khi cô cũng tự thẹn, thấy ghét mình, căm mình... nhưng sáng ngày ra, tánh nào tật nấy, không thay đổi được. Cái cao ngạo, ngã mạn là một cái gì như năng lực ngầm, lại cuốn hút cô đi, tác động lên thân, lên khẩu, lên ý trong sinh hoạt hằng ngày...

Hôm kia, vào một ngày đông lạnh, cô lại đi đội nước như thường lệ, chuyến này rồi chuyến khác. Đầu tiên, khi thò cái hũ xuống nước, bàn tay của cô tê cóng, như bị đóng băng. Có cái gì nghe bì bõm. Khẽ nhìn ra xa. Một người đàn ông bà-la-môn tím thâm cả mặt mũi đang tắm rửa, cọ xát trong dòng nước lạnh buốt. Cô rửa thầm: “Rửa tội ư? Quả là một tin tưởng ngu ngốc! Cái đầu óc của ông đạo sĩ kia có lẽ làm bằng đất sét chăng? Bằng cái mê muội đặc sệt, trơ lì, đóng chai trong tâm thức truyền đời nên tư duy, hiểu biết không thể động cựa, nhúc nhích được chăng? Rõ thảm!”

Nâng được hũ nước lên bờ, cô rướn lưng đứng thẳng, quay sang phía ông đạo sĩ, ngửa mặt lên trời, nói lớn:

- Chà, tôi vọc nước, múc nước trong cái giá băng của dòng nước, tôi chịu khổ sở là vì công việc, là vì thân phận nô lệ, là vì sợ bị chủ rầy, chủ phạt, chủ đánh. Còn ai kia là tại làm sao vậy ha? Không biết là do sợ hãi điều gì, ai rầy, ai phạt, ai đánh mà phải chịu khổ sở, tím tái trong dòng nước lạnh buốt kinh khủng như thế - này hỏi người bà-la-môn!⁽¹⁾

Người bà-la-môn ấy tên là Sotthiya - cũng là một đạo sĩ hữu danh - thấy cô gái đội nước, hạng tiện dân lại nói trống không, kiêu ngạo như thế, ông giận run. Cố gắng kiềm chế cơn giận, ông nói:

- Ta nghe ông trưởng giả Cấp Cô Độc có một cô gái nô lệ, không cam chịu thân phận mình mà thường hống hách, vô lễ, cao ngạo - có tên là Puṇṇikā; với miệng lưỡi chanh chua như vậy thì đúng Puṇṇikā là cô đây rồi. Nhưng ta cũng không chấp làm gì!

Rồi ông nói tiếp:

- Này cô Puṇṇikā! Chính cô biết rõ ta tắm trong nước là ta muốn tẩy uế, muốn rửa cho sạch hết tội lỗi nơi thân, nơi

⁽¹⁾ Phỏng dịch từ đoạn Pāli: Uдахārī ahaṃ sīte sadā udakamotarim, ayyānaṃdaṇḍa bhaya bhītā vācādosabhayaṭṭitā. Kassa brāhmaṇa tvam bhīto sadā udakamotari, vedhamānehi gattehi sītaṃ vedayase bhusaṃ.

tâm - là cái tín ngưỡng thiêng liêng của đạo bà-la-môn từ ngàn xưa mà! Tại sao đã biết rồi mà cô lại giả vờ muốn hỏi? Cái cách hỏi của cô dường như là muốn chát vắn, muốn chỉ trích ta đang ngăn điều ác, bằng việc làm lành tốt như thế này hay sao? Bất cứ ai dù già, dù trẻ mà trước đây đã từng tạo nghiệp bất thiện qua thân, khẩu ý - nếu được tắm rửa thường xuyên trong dòng nước mẹ thiêng liêng liêng này thì đều được giải trừ tất cả mọi ác nghiệp, mọi tội lỗi! Cô không biết thế sao?⁽¹⁾

Cô gái chột cười hì hì:

- Trâu bò tắm sông còn nhiều hơn cả các ông đạo sĩ bà-la-môn nữa. Chắc bây giờ trâu bò quanh hai bờ sông Gaṅgā đều đã thành thánh cả rồi, phải vậy không, thưa ngài?

Nghe cô gái nói “trâu bò”, ông Sothiya giận run:

- Người dám...

- Phải! Tôi dám chứ! Nếu ngài rửa tội trong bao năm, chắc hẳn ngài sẽ thành thánh trước cả trâu, cả bò, thưa ngài!

Đạo sĩ Sothiya giận run lây bầy. Vừa lạnh, vừa giận - nhưng ông không đáp nổi trước cô gái quá quắt!

Cô gái cười dài như cố chọc giận thêm:

- Đạo sĩ nếu đã thành thánh thì chắc không còn giận, không còn sân, ở đây thì ngược lại. Chúng tỏ gì? Chúng tỏ quan niệm tắm nước sông Gaṅgā tẩy sạch hết tội lỗi là một tín ngưỡng sai lầm, si ngốc!

Đạo sĩ Sothiyta im sững, không đáp được.

Cô gái tấn công tiếp:

- Nước chỉ rửa sạch thân thể, không thể rửa sạch cái tâm được, thưa đạo sĩ khả kính! Bằng chứng là cái tâm tham, sân, si của đạo sĩ vẫn còn y nguyên. Phải biết nhúc nhích cái

(1) Phỏng dịch từ đoạn Pāli: Yo vuddho daharo vāpi pāpakammaṃ pakubbati, dakābhisiñcānā bhoti pāpakammā pamuccati. Uttarantassa akkhāsīm dhammatthasamhitam padaṃ, tam ca ñatvā sa samviggo pabbajitvā ’rahā ahu.

đầu óc một chút mà tư duy cho đúng đắn, chân chính và sâu sắc hơn...

Thấy đạo sĩ có vẻ im lặng lắng nghe, cô gái chậm rãi thuyết giảng:

- Ông chủ của tôi, trưởng giả Cấp Cô Độc từ khi gặp giáo pháp của đức Phật Cù Đàm, ông cúng dường gần hết cả gia sản mà ông luôn tươi cười, vui vẻ, rộng lượng, tham sân si gì đó dường như diệt mất gần hết. Ông như ông thánh vậy đó. Tu vậy mới gọi là tu! Còn ông thì sao nào? Chẳng biết tu làm sao cả! Vậy là nhờ cái nước sông ngu ngốc kia tu giùm, nó rửa tội giùm cho! Hãy tỉnh trí lại đi! Hãy bỏ cái đạo si mê kia mà tu theo giáo pháp của ông Phật Cù Đàm đi!

Trời lạnh, nước lạnh mà “bài giảng” của cô gái “trời đánh thánh vật” càng làm cho ông bà-la-môn lạnh hơn. Nhờ lạnh hơn cho nên ông tỉnh ngộ, thời gian sau, ông bỏ tất cả xin xuất gia tỳ-khưu trong giáo pháp của đức Đạo Sư và trở thành một vị A-la-hán.

Còn cô gái? Hôm kia, trưởng giả Cấp Cô Độc kêu cô lại và nói:

- Con đã làm việc rất tốt trong bao nhiêu năm qua, hôm nay ta tuyên bố là sẽ xóa thân phận nô lệ cho con. Vậy con sẽ thu xếp đời mình từ đây về sau như thế nào, con hoàn toàn tùy nghi chọn lựa. Ta hứa sẽ giúp con.

- Thưa chủ! Cho con xin được xuất gia như thanh niên Dasaka mà trước đây chủ đã cho chàng ta thoát khỏi thân phận nô lệ.

Ông trưởng giả hoan hỷ mỉm cười gật đầu:

- Ủ! Con còn nhớ chuyện Dasaka à? Đức Thế Tôn rất khen ngợi. Bây giờ vị ấy đã là một bậc A-la-hán rồi.

- Thế à? Anh chàng Dasaka chất phác kia mà đã là một bậc vô lậu rồi à? Thật là tuyệt, thưa chủ!

- Ủ, thật là tuyệt! Thật kỳ diệu thay là giáo pháp của đức Tôn Sư!

Chuyện của nô lệ Dasaka đã được đức Phật thuyết lại tại Kỳ Viên tịnh xá như sau :

“- Có một vị tỳ-khưu tên là Dasaka xuất thân là nô lệ, ông ta là con của một nữ nô lệ trong đại gia đình trưởng giả Cấp Cô Độc. Khi tịnh xá Kỳ Viên đi vào sinh hoạt, công việc tạp dịch rất bận bịu, trưởng giả Cấp Cô Độc đã sai thanh niên nô lệ Dasaka hằng ngày đến đây để trông coi vườn tược kiêm cả việc gác cổng. Dasaka bầm chất tháo vát, lanh lợi, chịu khó nên ai cũng mến yêu và tin cậy. Ngày qua ngày, Dasaka cảm thấy đời sống xuất gia sao mà thanh bình, an ổn và cao đẹp quá, cậu thầm ước ao trong lòng, là làm sao mình cũng sống được đời sống phạm hạnh như vậy. Hôm kia, đến Kỳ Viên có việc, trưởng giả Cấp Cô Độc tình cờ trông thấy Dasaka đứng lặng trông theo đoàn chư vị tỳ-khưu đang ôm bát vào kinh thành để khát thực. Đôi mắt của Dasaka như bị hút dính vào hình ảnh vô sự và thanh thoát ấy không chịu buông rời.

- Con đang suy nghĩ gì đấy, này Dasaka?

Trưởng giả cất tiếng hỏi, Dasaka giật mình quay lại, lắp bắp:

- Dạ... dạ...

Như đọc được tâm ý của người thanh niên, ông trưởng giả quan tâm cất tiếng hỏi:

- Con có thích đời sống ấy không, Dasaka?

- Thưa, con không dám đâu. Con là thân phận nô lệ thấp hèn...

Trưởng giả với tấm lòng bao dung, rộng lượng, nở nụ cười thơm ngát như hương hoa sen:

- Giáo hội của đức Tôn Sư không hẹp hòi thế đâu con! Máu ai cũng đỏ và nước mắt ai cũng mặn, ngài không hề phân biệt giai cấp. Nếu con sống được đời sống xuất gia cao thượng ấy, ta sẽ xóa bỏ thân phận nô lệ cho con. Khi ấy con sẽ không còn là kẻ nô lệ thấp hèn nữa. Và nếu con tu tập tốt,

ta sẽ đánh lễ con, cúng dường những vật dụng cần thiết đến cho con với tất cả tấm lòng thành, với tất cả sự quý kính...

Thanh niên Dasaka xúc động, chảy nước mắt ràn rụa, quỳ xuống ôm chân trưởng giả, nghẹn ngào không nói được nên lời.

Thế rồi, sau đó, thanh niên Dasaka được xuất gia. Tuy tu hành định tuệ gì cũng không bằng người nhưng ông ta có đức tính phục vụ rất nổi bật. Bất cứ việc gì mà chư tăng giao phó, ông đều vâng lời chu toàn bản phận. Đặc biệt, do trong dòng nghiệp đã tích lũy nhiều đời là phi nhân nên ông ta có đôi chân đi nhanh và dẻo dai đến lạ lùng. Bởi vậy, việc trao truyền thông tin đây đó, từ quốc độ này sang quốc độ khác, từ tịnh xá này sang tịnh xá kia thường là trách nhiệm và bản phận của Dasaka. Cũng vì việc tăng nên hôm kia tỳ-khưu Dasaka đến Kosambī, đúng lúc, tỳ-khưu Khemaka ngã bệnh đang nằm một nơi hẻo lánh tại Badarika.

Chư tăng Kosambī từ lâu vốn đã nghe tiếng tu hành nghiêm túc của tỳ-khưu Khemaka, rất ngưỡng mộ ngài nên nhờ tỳ-khưu Dasaka đến thăm hỏi bệnh tình.

Tỳ-khưu Dasaka vốn thất học, chất phác, không biết ăn nói nên tình thật hỏi:

- Vậy phải thưa hỏi làm sao?

- Nói là chư tăng Kosambī quan tâm, lo lắng thăm hỏi bệnh tình của ngài, hiện ngài có kham nhẫn nổi với cơn đau hay không? Ngài đã xoay sở và tự chữa bệnh cho mình có hiệu quả hay không?

Đến công viên Badarika, tỳ-khưu Dasaka thấy tỳ-khưu Khemaka nằm bệnh nơi một cái chòi hoang tồi tàn, dường như chỉ còn bộ xương nhưng thần sắc rất an nhiên, tự tại. Sau khi lặp lại lời thăm hỏi của chư tăng Kosambī, đợi câu trả lời nhưng không nghe ông ta nói gì cả. Tỳ-khưu Dasaka bèn tự động đi quét dọn, chùi rửa nơi này nơi khác, tìm cách múc nước đầy nơi chỗ chứa - lạng lễ đánh lễ vị trưởng lão

rồi từ già. Trước sau, tỳ-khuru Khemaka vẫn không nói một lời, ông chỉ nghĩ thầm trong bụng rằng: “Mấy ông tỳ-khuru ở Kosambī không có việc gì làm hay sao mà cho người đến thăm hỏi vớ vẩn như vậy chứ? Tu không chịu tu, cứ làm ba cái chuyện tào lao không!”

Sau khi không nhận được câu trả lời nào, tỳ-khuru Dasaka được cử đi một lần nữa, với câu hỏi của chư tăng ở Kosambī: “Ngài đã thấy tự tánh của ngũ uẩn chưa?” Lần này, tỳ-khuru Khemaka cũng chẳng ừ với chẳng hử! Tiếp tục, tỳ-khuru Dasaka được cử đi lần thứ ba với câu hỏi: “Ngài đã đắc quả A-la-hán chưa?” Nghĩ là với câu hỏi ấy thì hơi quá đáng, và cũng đã “quá tam ba bận”, không đáp không được, tỳ-khuru Khemaka nói cộc lốc, cụt ngắn: “Chưa!”

Thế mà vẫn không yên, Dasaka được cử đi lần thứ tư với câu hỏi: “Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh?”

Hết chịu nổi với những câu hỏi ngu ngốc, phù phiếm của những tỳ-khuru ở Kosambī, bốn lần khó chịu dường như vón đặc lại thành một cục trong cổ họng, khắc mãi không ra, tỳ-khuru Khemaka vùng ngồi dậy. Mặc dầu sức khỏe còn yếu, ông cũng gắng gượng chống gậy, nhờ tỳ-khuru Dasaka dìu từng bước cho đến Kosambī. Và thật kỳ diệu, do đường xa lao nhọc, ông thoát mồ hôi lớp này đến lớp khác và người cảm thấy rất nhẹ nhàng, rồi lành bệnh.

Và cuộc đối thoại giữa tỳ-khuru Khemaka với nhóm sáu mươi tỳ-khuru ở Kosambī đã xảy ra:

- Tại sao quý vị làm phiền tôi quá vậy?
- Nghe đồn về đời sống giới hạnh nghiêm túc và khả năng thông bác giáo pháp của ngài, nên chúng tôi chỉ muốn học hỏi thôi!
- Thế tại sao quý vị không chịu khó khởi cái tâm một chút, chịu khó nhắc cái chân một chút mà lại làm phiền đến tỳ-khuru Dasaka chát phác và hiền lành này?

- Chúng tôi thấy người bạn trẻ này rất nhiệt tình và không hề than van lấy nửa lời.

- Hóa ra, do vậy mà các vị đã lợi dụng lòng tốt của người ta?

- Chúng tôi xin sám hối!

- Không phải là với tôi!

Tỳ-khuru Dasaka vội xua xua tay, mỉm cười nói:

- Tôi có đôi chân tốt, giúp nhau một tí thôi! Không cần thiết phải nghiêm trọng sám hối như vậy đâu!

Sau đó, đoạn đối thoại được tiếp tục.

Tỳ-khuru Khemaka nghiêm sắc mặt:

- Rồi còn những câu hỏi nữa. Tại sao chư vị cứ chơi cái trò rỗng không và vô ích như thế?

Nhóm tỳ-khuru kia cúi đầu như nhận lỗi. Tỳ-khuru Khemaka nghĩ là cần phải nghiêm khắc, đưa họ từ đường biên, trở về với neo chánh, bèn thuyết giáo rằng:

- Chỉ những câu nói giúp nhau tiến triển giới, định, tuệ và tuệ giải thoát mới được gọi là lời nên nói, mới là chánh ngữ, đây là pháp giáo nghiêm huấn của đức Tôn Sư. Ngoài ra, không chỉ nói và nghe suông mà còn cần phải thực hành, thường trực niệm và quán ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày. Tự tánh của ngũ uẩn là sanh diệt, là rỗng không, điều đó ai cũng biết, nhưng chỉ biết bằng tướng tri hoặc thức tri thì có ích lợi gì, có hay hướm gì mà đặt câu hỏi? Cái biết ấy chỉ là ngoài da. Chúng phải được nhìn thấy và chứng nghiệm bởi tuệ giác do công phu hành trì miên mật, quý vị phải hiểu như thế chứ !

Thấy nhóm tỳ-khuru kia có vẻ chăm chú lắng nghe, có vẻ phục thiện nên ngài tiếp:

- Còn Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh ư? Câu hỏi ngốc nghếch. Chẳng có gì ráo! Nó chỉ là cái tên suông thôi! Tuy nhiên, ngay chính tôi cũng chưa hề thấy được như thực cái tên suông ấy, cái danh ấy, bao giờ tôi cũng sinh khởi cái

tôi ấy mà biết, sinh khởi cái của tôi ấy mà hành! Chưa bao giờ tôi trả được tự tánh vô thường, vô ngã lại cho vô thường và vô ngã cả! Tôi chưa làm được điều đó. Một vị thánh A-na-hàm dầu đã đoạn tận năm món kết buộc và sai sử⁽¹⁾ mà vẫn còn bị ràng buộc bởi cái tôi ấy, cụ thể là vẫn còn ngã mạn, phóng tâm và vô minh. Chư vị hãy biết rõ như vậy, thấy rõ như vậy chứ!

Lời của tỳ-khưu Khemaka vừa chấm dứt, chợt ông lặng người, một sự kỳ diệu xảy ra trong tâm ông, ông đắc quả A-la-hán ngay tại chỗ. Và còn kỳ diệu hơn thế nữa, sáu mươi vị tỳ-khưu kia cũng đắc quả A-la-hán luôn.

Thế rồi, khi câu chuyện này được lan truyền ra, mọi người tín mộ, cả tăng và tục ùn ùn kéo đến; từ đó, Badarika mới bắt đầu được xây dựng cốc liêu ngày càng nhiều và mọi công trình chính và phụ trông cũng tươm tất. Hiện giờ được gọi là công viên Badarikārāma.”

Đức Phật kể ngang đó, biết mọi người còn thắc mắc về thân phận nô lệ của tỳ-khưu Dasaka, ngài nói tiếp, và sau đó, ai cũng hiểu như sau:

- Bây giờ tỳ-khưu Dasaka đã đắc quả A-la-hán rồi. Trước đây, ông tinh tấn phục vụ thì tốt nhưng hễ cứ ngồi thiền thì hôn trầm, thụy miên lại kéo đến. Đức Phật và tôn giả Mahā Moggallāna đã khiển trách và cũng đã nhiều lần sách tấn, khuyến khích, tìm biện pháp thích nghi diu dắt ông ta từng bước một. Do nhân duyên quá khứ, cách đây chín mươi một kiếp (kappa), tiền thân Dasaka gặp được đức Phật Độc Giác Ajita và có cúng dường đến vị này một quả xoài. Đến thời đức Phật Kassapa, ông ta đã là một vị tỳ-khưu. Đây là nhân và duyên giúp tỳ-khưu Dasaka đắc A-la-hán quả. Tuy nhiên, trong một kiếp quá khứ khác, ông ta sai bảo một

⁽¹⁾ 5 món kiết sử: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tình dục, bất bình.

vị A-la-hán làm một số việc lật vật cho mình nên đã nhiều đời kiếp phải mang thân nô lệ.

Nhân như vậy đó, duyên như vậy đó và quả cũng như vậy đó; hãy chiêm nghiệm mà tu tập, hãy chiêm nghiệm mà hành trì; khi nào chưa thấy rõ tự tính vô thường, vô ngã của tâm và pháp thì khi ấy còn cần phải miên mật an trú chánh niệm trước mặt tại một căn nhà trống, tại một bãi đất hoang hay tại một nghĩa địa thiêu xác... Hãy nhớ lấy!”

Thế rồi, sau đó, noi gương thanh niên Dasaka, cô gái xin được xuất gia, và thời gian sau tỳ-khuru-ni Puṇṇikā đắc quả A-la-hán, đầy đủ thắng trí thần thông và luôn cả bốn tuệ phân tích. Cô đã sử dụng sự biện tài, thông thái của mình để hàng phục chúng ngoại đạo mồm mép, đem lại lợi lạc tối thượng cho rất nhiều người.

Hôm kia, sau giờ nghỉ ngơi, thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả, tỳ-khuru-ni Puṇṇikā dùng thiên nhãn thông, thần túc thông, soi lại các kiếp sống xa xăm, được biết rằng, cô đã có nhân duyên với chư Chánh Đẳng Giác Vipassī, Sikhī, Vessabhū, Kakusandha và Koṇāgamana. Cô đã từng là một vị tỳ-khuru-ni gương mẫu, rạng ngời về giới hạnh, thu thúc nghiêm túc, nghe nhiều học rộng, giảng nói ý nghĩa về pháp và luật thâm sâu, quảng bác với ngôn ngữ biện tài, lưu loát như nước chảy mây trôi, đúng như dư âm từ quá khứ: “Do tu tập cô trở thành vị ni có đại trí tuệ, và do nghe nhiều cô trở thành vị ni thông thái”⁽¹⁾. Vì coi mình có đại trí tuệ, coi mình là thông thái nên cô sinh ra cống cao ngã mạn, coi thường các vị trưởng lão ít học, khinh rẻ, mạt sát học chúng là ngu si, là đần độn. Cho nên, việc bị sanh ra trong gia tộc hạ tiện là do ngã mạn ẩn tiềm trong dòng nghiệp không bị tiêu hoại⁽²⁾. Vì do nghiệp kiêu căng, ngã mạn ấy nên kiếp này, tại

⁽¹⁾ Từ câu Pāli trích trong ký sự: “Bhāvanāya mahāpaññā sutena ca sutāvinī”.

⁽²⁾ Từ câu Pāli trích trong ký sự: “Mānena nīcakulajā na hi kammaṃ vinassati”.

thành phố Sāvatti, trong giáo pháp của Thế Tôn Gotama, cô sinh ra làm hạng tiện dân, nô lệ. Thấy nhân duyên và quả ba đời, tỳ-khuru-ni Punṇikā khẽ ngậm lên một câu kệ, như mặt trăng khẽ vén lớp mây mờ để soi chiếu vạn vật, núi sông, cây cỏ:

“- Ngã mạn và kiêu căng
Cồng cao và tự đại
Ý mình hay mình giỏi
Cậy mình thông mình tài
Chê mọi người ngu si
Khinh thế gian cỏ rác
Sinh làm người nô lệ
Phải sống kiếp tiện nhân
Gieo gì thì được nấy
Pháp như thực như chân!”

Punṇikā - vị tỳ-khuru-ni A-la-hán xuất thân nô lệ bất giác mỉm nụ “tiểu sanh tâm” thơm ngào ngạt của trí tuệ hương và giải thoát hương.

Ni Trưởng Mahā Pajāpatī Gotamī Niết-bàn

Mấy năm nay, sức khoẻ của đức Phật không còn như xưa, nên ngài ít bộ hành phương xa, chỉ ở Kỳ Viên hay Đông Phương Lộc Mẫu để giáo hóa tứ chúng.

Tuy nhiên, sau hạ thứ ba mươi ba, đức Phật đã sáu mươi tám tuổi, đột ngột, ngài cho triệu tập chư vị đại trưởng lão cùng chư tăng trên một ngàn vị đồng khởi hành về Vesāli, và sau đó, trú tại Đại Lâm, ở Sảnh Đường Năm Nóc Nhọn.

Hóa ra, đức Phật biết rõ nhân và duyên: Ni trưởng Mahā Pajāpatī Gotamī đang chuẩn bị Niết-bàn lúc bà một trăm hai mươi tuổi. Chúng ta đều biết rằng, bà Mahāmāya hiếm muộn con cái, đến tuổi năm mươi bốn mới hạ sanh thái tử Siddhattha; và lúc ấy, bà Mahā Pajāpatī Gotamī, người em ruột, tuổi đã năm mươi hai. Thái tử lúc thành Phật là ba mươi lăm tuổi thì bà Mahā Pajāpatī Gotamī đã tám mươi bảy tuổi. Hai năm sau nữa, bà Gotamī cùng với năm trăm công nương Sākya bộ hành từ Kapilavatthu xuống Vesāli xin Phật xuất gia thì bà đã tám mươi chín tuổi. Từ bấy đến nay, trải qua ba mươi một năm lãnh đạo ni chúng, bà biết tuổi thọ và nghiệp đều đã mãn nên gởi tâm đến đức Phật xin Niết-bàn.

Lúc đức Phật, chư đại trưởng lão và một ngàn vị tỳ-khưu ghé Đại Lâm thì ni trưởng Gotamī đã biết, bà và ni chúng đang ở trong một khu rừng ngoại thành Vesāli. “Giờ là giờ đã phải lẽ, ta sẽ Niết-bàn trước đấng Đại Hùng – bà tự nghĩ – Ta sẽ đi trước hai vị tối thượng Thinh Văn, trước Yasodharā, trước Ānanda và cả trước Nanda nữa. Đức Tôn Sư đã thân hành vân du về đây là đại hạnh rồi!”

Có cái gì lao xao trong gió. Đồng một lúc mấy trăm vị thánh ni trong khu rừng đều đọc được ý nghĩ ấy. Họ đều muốn đi theo ni trưởng để an nghỉ Niết-bàn vô dư. Quả địa cầu dày bốn mươi do-tuần chợt rung rinh. Dường như có tiếng trống u trầm từ cõi trời vang lên, có cái gì như vừa quyen luyến vừa bi lụy. Những giọt nước mắt đầu đó từ hư không rơi xuống. Chư thiên, thọ thần quanh ni viện, quanh khu rừng đều âu sầu, buồn bã. Nếu chư vị thánh ni đều cùng Niết-bàn cả thì khu rừng này sẽ trở nên hoang vu, trống trải. Những năng lượng mát mẻ và an lành cũng không còn tỏa ra trong không gian tịch lặng này nữa. Có vị đã khóc, đã sụt sùi.

Ngược lên giữa thình không, bà nói nhỏ nhỏ:

“- Xin hãy thông cảm cho ta! Hỡi chư thiên và thọ thần quý mến! Đây là cái nhìn cuối cùng và lời nói cuối cùng của ta đó. Đừng nên sầu muộn làm gì. Chúng rỗng không và phù phiếm thế nào. Tại sao vậy? Tại vì ta từ nơi cái già và chết để đi đến nơi không già, không chết. Từ nơi ‘yêu thương xa lìa khổ’, ‘gần người mình ghét khổ’, ‘muốn không được khổ’ để đến nơi chấm dứt tất cả khổ! Từ nơi lăng xăng tạo tác, luôn luôn trở thành, luôn luôn bị điều kiện, bị phụ thuộc, bị quy định, bị buộc ràng của thời gian sinh tử để đi đến nơi bất động hành, bất tử, vô vi hành, ở ngoài mọi quy luật, mọi điều kiện và mọi phạm trù nhân quả. Như thế thì các vị phải vui lên cùng ta mới phải chứ!”

Thế rồi, hôm sau, trời vừa rạng sáng, ni trưởng Gotamī cùng với hội chúng thánh ni trước khi bái biệt đức Tôn Sư để Niết-bàn, họ ôm bát khất thực quanh thành Vesāli như thường lệ. Có lẽ chư thiên, thọ thần báo tin cho họ hàng, thân nhân hay quyến thuộc thế nào đó mà rất đông cận sự nữ đã chặn đường và quỳ lạy, khóc lóc như tế sao:

- Xin chớ lìa bỏ chúng con, hồi chư thánh ni! Hồi những bậc đã thủ đắc một gia sản tâm linh vĩ đại! Chúng con sẽ không có người bảo hộ và che chở nữa. Xin chư thánh ni đừng vội Niết-bàn!

Ni trưởng Gotamī cất lời an ủi mà giọng nói thì như bi hài, như chế nhạo:

- Này! Buồn cười chưa? Thật đã buồn cười chưa? Than khóc như vậy có phù phiếm và vô duyên không hả? Ta đi đến nơi vô thương, vô bi, vô sầu, vô khổ mà các người lại lấy thương, bi, sầu, khổ để cản ngăn là tại làm sao hở? Vậy thì các người từ lâu đã từng tu tập giáo pháp thấy khổ và diệt khổ đến đâu rồi? Ta là ai nào? Ta chỉ là người đã thấy rõ sự khổ một cách toàn diện, thấy nguyên nhân khổ một cách toàn diện, đã diệt khổ một cách toàn diện và thực hiện con đường đi đến nơi diệt khổ cũng một cách toàn diện. Thế thôi! Đây không là lợi ích thù thắng đáng hoan hỷ cho ta hay sao, hả?

Đám đông vẫn không chịu giải tán. Sự khóc lóc âm ỉ của họ làm náo loạn cả con đường.

Ni trưởng đành phải thuyết giảng tiếp:

- Từ khi lìa khỏi điện ngọc, cung vàng với những công nương dòng dõi Sākya anh hùng với đôi chân trần lê thê rướm máu, xin đi theo đức Chánh Đẳng Giác, ta đã học hiểu giáo pháp nhiệm mầu, đã thực hành giáo pháp ấy một cách trọn vẹn. Hiện tại, mọi bồn phận đã làm xong, mọi gánh nặng trên vai đã được đặt xuống, sự tái sinh trầm luân đã được liễu tri và mọi đau khổ phiền não đã được bùng tận. Từ

đây, đời sống không gia đình đã cho ta sự khoáng khoáng của hư không, sự tự do của những cánh chim trời. Mục đích phạm hạnh đã được thiết lập kiên cố, mà ở đây, chẳng có gì trói buộc ta được nữa, dù cảnh người, cảnh trời, ma vương, chư thiên vương hay phạm thiên vương. Vậy thì thử hỏi còn gì ở trần gian ba cõi này có thể làm ta phải dính chân, lưu luyến? Niết-bàn vô dư ở tuổi trăm hai mươi chẳng lẽ không hợp thời, không phải lúc hay sao?

Thôi! Đừng khóc than, đừng âu sầu, phiền muộn nữa. Đức Tôn Sư, ngôi Mặt Trời của nhân loại còn kia! Nhị vị thượng thủ, hai ngôi sao sáng của giáo hội còn đó! Và còn có cả hằng trăm hằng ngàn trưởng lão Tăng ni trí tuệ như non, đức hạnh như rừng, tha hồ mà gieo trồng ruộng phước, tha hồ được chở che và được nương tựa. Suốt mấy mươi năm giống trồng pháp chuyển luân, đức Đại Hùng đã xua vô minh và si mê đi về với bóng tối, đã đẩy ngoại đạo tà giáo đi đến chỗ diệt vong. Hiện tại, ngọn cờ chánh pháp đã liệt liệt oanh oanh giương cao che mờ cả đỉnh Sineru. Vậy thì các người hãy tinh cần đi theo lộ trình thoát khổ, con đường tuần tự tìm kiếm hạnh phúc an vui cõi người, hạnh phúc an vui cõi trời và hạnh phúc an vui siêu thế ở ngoài ba cõi phù du sinh diệt. Hãy chuẩn bị, sắm sanh hành trang, tư lương để lên đường, xem mình đã có đầy đủ bổ thí, trì giới, tham thiền, đã đầy đủ tín, giới, văn, thí, tuệ hay chưa? Đây mới là điều đáng làm! Thôi, hãy xua tan phiền muộn đi! Ta và ni chúng đi đến đức Đạo Sư đây.

Nói thế xong, ni trưởng dẫn đầu chư ni thánh đệ tử đến Sảnh Đường Năm Nóc Nhọn tại Mahāvana; tại đây, lúc này chư tăng ni và hai hàng cận sự nam nữ rất đông, bà quý năm vóc sát đất đánh lễ đức Thế Tôn rồi nói:

- Thừa đức Đại Giác! Con là mẹ của ngài, người-mẹ-của-thế-gian-luân-thường-quy-ước. Và bạch đức Tôn Sư Vô Thượng! Ngài lại là cha của con, người-cha-ở-ngoài-và-ở-

trên-mọi-quy-ước-dung-thường; và con là đứa con được sanh ra trong giáo pháp vô tử. Rồi ngài lại còn ban cho con niềm vui siêu thế, tức là hạnh phúc vô tạo tác ở ngoài mọi hạn lượng và mọi hạn định nữa. Từ thuở nhỏ, cái-thân-thể-xác-vật-chất của ngài được trưởng dưỡng khôn lớn là bởi con, là do con bế bồng, chăm sóc, nuôi dưỡng. Cũng tương tự như vậy, cái-thân-tinh-thần-tâm-linh của con lại được giáo pháp chăm sóc, nuôi dưỡng là bởi ngài, do ngài mà có. Nhờ con, ngài uống giọt sữa trắng được tinh lọc từ huyết đỏ để tâm bồ hình hài sinh diệt vắng vỏi. Nhờ ngài, con uống được giọt sữa thanh tịnh được tinh lọc từ giáo pháp để nuôi dưỡng tuệ mạng dài lâu, vô sinh bất tử.

Bạch đức Thiện Thệ! Trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng ngài từ thuở ấu thơ, ngài không có nợ nần gì cả, mà ngược lại, ngài đã ban cho cha, cho mẹ những niềm vui hy hữu, lạ lùng. Cũng bởi niềm vui lạ lùng, hy hữu ấy, cầu nguyện cho tất thảy những người mẹ trên trái đất này có được những đứa con trai ưu tú và kỳ vĩ như thế.

Thưa đức Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu! Tất thảy những người mẹ trên thế gian, dù là mẹ của một đức vua tối thượng nào chẳng nữa cũng phải bị nhấp nhô chìm nổi trong bể cả của hữu tồn sinh diệt. Và này, hỡi người con trai tối thượng! Ngài đã ban cho mẹ chiếc bè vô vi, vô hành để vượt qua bể cả hữu tồn sinh diệt ấy. Nó ở trên mọi tương đối và mọi tuyệt đối, ở ngoài ngôn và lời, ở ngoài mọi ý niệm và mọi khái niệm.

Thưa đức Thiên Nhơn Sư! Đối với phụ nữ trên thế gian, danh xưng hoàng thái hậu, “mẹ của đức vua”, dù cao quý, dù họa hiếm nhưng không phải không dễ dàng có được; nhưng danh xưng “mẹ của đức Phật” thì triệu triệu, tử tử a-tăng-kỳ mới có được một người! Vậy mà con lại là người phụ nữ ấy! Đây là diễm phúc vô khả tử, vô khả đối, cùng

tuyệt, tôi hậu vậy. Và nhờ ngài, con đã vinh hạnh đạt danh xưng tối thượng như thế đó.

Thưa đức Chánh Biến Tri! Mọi ước nguyện, hạnh nguyện, đại nguyện giờ con đã tựu thành. Mọi hy cầu, sở cầu, pháp cầu dù nhỏ bé hay lớn lao, con đều đã tròn đủ, phú túc, viên mãn. Bởi vậy, hôm nay, ngài hãy cho con được từ bỏ xác thân bất tịnh, tế toái và nhiễm ô này để thị tịch Niết-bàn, an nghỉ vắng lặng vô dư!

Bây giờ, xin đức Tôn Sư hãy đuổi ra hai bàn chân mềm dịu như hoa sen được tô điểm bằng một ngàn cặm bánh xe và một ngàn ngọn cờ chiến thắng. Xin đức Đại Giác hãy làm vậy để cho con được thể hiện sự tôn kính đến ngài với lòng yêu mến trân trọng đối với người con trai cao quý của mình. Và cũng xin đức Vô Thượng thể hiện biểu tượng rõ ràng thân thể tợ khối vàng ròng không lẫn tạp chất để cho con được chiêm ngưỡng lần cuối cùng trước khi đi về miền an tịnh tuyệt đối⁽¹⁾.

Đức Phật trầm tĩnh lắng nghe từ đầu chí cuối lời thưa bạch của người-mẹ-thế-gian không bỏ sót một lời một chữ nào. Sau đó, đức Đại Giác trú định kim cương, trở lại cận hành, thân tỏa hào quang sáu màu chập chờn từng đôi một, với màu sắc sáng dịu như vàng dương non trẻ hiện ra trong đám mây chiều. Lát sau, ni trưởng Gotamī thấy rõ ba hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp của đức Thiện Thế...

Chẳng còn gì để yêu cầu nữa, ni trưởng Gotamī đê đầu dưới lòng bàn chân ngàn cặm bánh xe, ngàn ngọn cờ chiến thắng của đấng Đại Hùng trông tợ đóa hoa sen nở rộ có ánh sáng mặt trời buổi bình minh rọi đến. Bà nói:

⁽¹⁾ Một số hình ảnh và ý tưởng ở đây và nơi khác nữa, có mượn trong “Trưởng lão Ni ký sự” của tỷ-khưu Indacanda (đại đức Chánh Thân).

- Con xin đánh lễ đấng Mặt Trời của nhân loại, vị tiêu biểu của dòng dõi Thái Dương! Đây là lần tử biệt cuối cùng của con, con sẽ không còn gặp lại ngài một lần nào nữa.

Thưa đấng Cao Cả của thế gian! Hạng nữ nhân như chúng con sinh ra trong thế gian, được tiếng là mẹ của thế gian, là nhân tố tồn tại của thế gian. Cũng có thể họ là cái đẹp, là vẻ yêu kiều, dịu dàng, là bàn tay yêu thương, là trái tim nhân ái, là vàng mặt trăng trong mọi gia đình, là bóng mát cho những đứa con hư hỏng, là điểm tựa cho con cái nuôi chí hải hồ, là nơi hương về của mọi kẻ ly hương, là suối nguồn tinh khiết của tình mẹ bao la. Và cao cả nhất, họ là huyết sữa nuôi sinh mệnh của nhân loại. Nhiều lắm! Nhiều lắm! Nhưng chính họ cũng là ái dục tình lụy, là cơn khát nóng của địa ngục, là miếng mồi bốc lửa cháy của ghen ghét, tật đố, tranh chấp và ly tán. Họ còn là cái gì phức nhiễu, tế toái. Là nguồn cơn của mọi đau khổ và tội lỗi. Là lắm chuyện và đa sự. Là đóa hoa hồng có lắm gai độc. Ôi! Cũng nhiều lắm và nhiều lắm của những cánh cửa đi xuống bốn đường xấu ác! Thế đó. Trước đây con cũng chỉ là một phụ nữ trong thế gian, vậy thì con đã lỡ làm dù cố ý hay vô tình, đã có những xấu quấy, sai trái gì đó, vì lòng bi mẫn, xin đức Tôn Sư hỷ xả cho con!

Kính thưa đức Thế Gian Giải! Trước đây con đã năm lần bảy lượt xin cho nữ giới xuất gia; nếu bởi việc này mà giáo pháp bị giảm sút tồn tại năm ngàn năm là lỗi của con, vậy xin ngài cho con được sám hối vì điều ấy nữa.

Và cuối cùng, kính thưa đức Ứng Cúng! Con đã giáo dục, dạy dỗ chư tỳ-khưu-ni theo với sự cho phép của ngài cùng chư vị đại trưởng lão; tâm con có chừng, tuệ con có hạn, nếu có sự kém cỏi, bất cập nào đó trên phương diện giáo hóa ấy cũng xin ngài tha thứ trước khi con đi về miền an tịnh vô cầu, vô lậu...

Đức Phật bây giờ mới mở lời, như tiếng chim Ca-lăng-tần-già cất giọng với thang âm vi diệu trên đỉnh Tuyết Sơn:

- Này Người-mẹ-thế-gian vĩ đại! Này vị đại ni trưởng đức hạnh như tấm gương trong! Bà đã lê bước bằng bàn chân trần rớm máu từ cõi hữu hạn sinh diệt để đi đến cõi vô cùng vô sinh bất tử thì có gì đáng nói nữa đâu. Bà đã tự trang bị cho mình những vật trang sức, trang điểm thù thắng như hổ thẹn tội lỗi, ghê sợ tội lỗi, đức tin, tinh cần, nhẫn nại, quyết tâm, từ, xả... thì có việc gì mà bảo làm lỗi hay không làm lỗi, tha thứ hay không tha thứ? Bà đã bỏ xa bụi trần và ác ố ở dưới chân núi để bước lên đỉnh đồi cao vô úy của giải thoát và tự do thì bận rộn làm chi mọi ngôn ngữ quy ước thế tục kia nữa. Không những bà, không những hội chúng tỳ-khưu-ni mà cả hội chúng tỳ-khưu-tăng thì cũng vậy. Nếu tất cả đều thanh tịnh không một chút nhiễm ô thì ai cũng đang đi ra khỏi thế gian này, ví như vàng trắng ra đi lúc rạng đông sau khi nhìn thấy sự biến mất dần dần của các vì thiên thể.

Bà và hội chúng ni chúng hãy ra đi như vậy. Hãy an nhiên tự tại như vậy mà đi vào Niết-bàn vắng lặng toàn diện, không có dư y!

Đức Phật nói xong, như ánh sáng lấp lánh vừa rời khỏi tòa kim cương thì ni trưởng Gotamī và ni chúng đồng hướng vai phải nhiều quanh kim thân Phật ba vòng, trông giống như những vì sao vệ tinh theo gót mặt trăng di chuyển xung quanh núi chúa Sineru. Sau đó, họ đồng quỳ xuống đê đầu sát bàn chân đức Chiến Thắng Cao Cả một lượt nữa, đứng lên chiêm ngưỡng ngài một lượt nữa.

Tôn giả Ānanda chỉ mới là vị thánh Nhập Lưu, còn nhiều phiền não, thấy bà Gotamī chào bái biệt đức Phật để Niết-bàn, chưa làm chủ được cảm xúc trước cảnh sinh ly tử biệt, ông than dài:

- Ôi! Người đi thật sao? Rồi đức Tôn Sư đến một lúc nào đó cũng tịch diệt Niết-bàn như vậy ư? Ôi! Rồi tất cả ngọn lửa sự sống đều phải cạn ráo chất đốt, và cái thân xác bốn đại, ai ai cũng chỉ còn là cát bụi hoặc tàn tro thê thảm như thế hay sao?

Tôn giả Nanda là bậc thánh vô lậu, đứng kể bên liền mở lời an ủi:

- Phải! Cái thân xác bị tạo tác, được kết hợp của tất cả chúng sanh không có cái gì chắc thật trong đó cả. Nó không có cốt, không có tinh, không có lõi tương tự như thân cây chuối, na ná như củ hành. Bóc tách cho đến tận cùng chỉ thấy trống rỗng mà thôi. Nó là hư vô, chẳng có gì ở đây cả. Do xảo thuật, do ảo ảnh của thợ nghiệp mà nó hiện hữu. Nó tụ rồi tan, nó có rồi không, nó sinh rồi diệt cũng là lẽ thường thôi, này tôn huynh! Mẹ của tôi, dù là bà mẹ vĩ đại, bà mẹ của bậc Chiến Thắng Đại Hùng cũng không ở ngoài các định luật hữu vi bất toàn và trống không ấy.

Ni trưởng Gotamī cũng thấy cần phải nói với tôn giả Ānanda vài lời:

- Đúng như con trai ta đã nói, hơi vị tỳ-khưu đa văn bác học mà dung lượng sở tri còn thâm sâu và minh mông hơn biển cả. Và đối với sự cẩn thận, nhiệt tâm, tinh cần hầu hạ đức Đạo Sư cũng cao cả như núi chúa, trong giáo hội không thể có người thứ hai được. Vậy đó! Thế thì ngay giây phút này, những học hiểu vô lượng ấy, những công phu bất khả tư nghị ấy, con cất giữ nó ở đâu mà không mang ra sử dụng, này con trai, này vị tôn giả khả kính?

Ta đi vào Niết-bàn tịch diệt là điều đáng mừng, đáng vui mới phải chứ? Ta và ni chúng, cả bây giờ và mai sau, được xuất gia trong giáo pháp tối thượng này là nhờ vào ba lần cầu khẩn của con mà được, bởi tình cảm tốt đẹp của con mà có! Công ơn ấy lớn lao như trời biển. Có cây lá rừng đại

ngàn Mahāvana ghi chép. Có mây lang thang nghìn năm trên bầu trời Vesāli ghi nhớ.

Này hỡi bậc hộ trì giáo pháp! Hãy tỉnh táo lại! Hãy hé lộ trí tuệ vô lậu mà nhìn vào cõi bất tử không đến, không đi thử xem nào! Giờ khắc này, ta nhìn vào tôn giả bằng tia mắt cuối cùng rồi đây, và sát-na này đã đi vào vĩnh cửu!

Đức Phật thấy sự trao đổi ấy là vừa đủ nên mở lời:

- Này bà mẹ vĩ đại! Này vị ni trưởng đạo hạnh! Thời điểm cuối đã đến rồi. Tất cả các “hữu”⁽¹⁾ đã được bùng tận. Tất cả mọi phiền não đã bị nhổ tận. Mọi trói buộc đã bị cắt đứt như con voi cái đã được cởi trói. Không còn một mảy may lậu hoặc vi tế nào còn tồn tại. Mẹ là người đã thành tựu tam minh, có bốn tuệ phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí. Bây giờ, trước khi an nghỉ Niết-bàn, mẹ hãy thị hiện một chút năng lực thần thông cho chư tỳ-khưu Tăng ni, hai hàng cận sự cũng như thọ thân, chư thiên khắp núi rừng Mahāvana này cùng chiêm ngưỡng.

Được sự cho phép của đức Phật, ni trưởng đánh lễ ngài rồi tức khắc bay lên không trung còn nhanh hơn con chim ưng vàng vỗ cánh. Đầu tiên bà biến hóa một thân thành nhiều thân rồi nhập thành một. Hiện ra rồi biến mất. Đi xuyên qua tường, qua núi. Ẩn trong đất. Đi trên nước như đi trên đất bằng. Ngồi kiết già giữa hư không. Đến cõi phạm thiên. Làm cho trời đất mù mịt khói. Sáu mặt trời mọc lên. Những tràng hoa rực lửa như vào thời hoại kiếp. Nắm trong tay những ngọn núi và những tảng đá khổng lồ trông như mấy hạt cải. Ngón tay che khuất mặt trời, mặt trăng. Bàn tay nắm một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng. Biến hóa thành đức Chuyển Luân Vương. Biến hóa thành hàng hà sa số tỳ-khưu-ni... rồi nhập lại, hòa thành một.

⁽¹⁾ Ý nói những nguyên nhân tồn tại trong ba cõi dục, sắc và vô sắc đã được bùng nổ.

Cả khu rừng người, vô số phi nhơn, chư thiên đồng chiêm ngưỡng đại thần lực biến hóa của Ni trưởng, đăm đăm như không nháy mắt...

Lại biết là đúng thời nữa, đức Phật chợt tuyên dương:

- Ni trưởng Gotamī không những là người mẹ vĩ đại của Như Lai, không những là vị thánh ni nhiều thần thông lực, mà còn là bầu sữa mẹ cho ni giới, chăm sóc ni giới với tấm lòng bao dung, quảng đại, có kinh nghiệm đệ nhất trong việc lãnh đạo ni chúng!

Rồi ngài lại nói tiếp:

- Nay người mẹ vĩ đại! Hãy kể lại lộ trình lâu xa cùng những nhân những duyên tu tập của mình cho đại chúng cùng nghe.

- Thừa vâng!

Rồi bà kể:

- Vào thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, tôi được sanh ra tại Hamsavatī trong một gia đình quan cận thân, được thọ hưởng sung mãn tài sản cùng những tiện nghi tối ưu trong đời sống.

Một lần nọ, tôi và nhóm thị nữ cùng tùy tùng đông đảo đến chiêm bái, cúng dường, nghe pháp đức Phật Padumuttara. Nhân duyên tình cờ, là hôm ấy, đức Đại Hùng đang cho thiết lập giáo hội Ni giới, và vị đứng đầu, lãnh đạo ni giới là tỳ-khuru-ni Mātucchā. Thấy vị thế của người nữ được bình đẳng xuất gia tu tập như thế tôi đã rất hoan hỷ, bèn phát tâm cúng dường y áo, vật thực, thuốc trị bệnh đến đức Phật cùng chư tăng ni trong suốt bảy ngày rất thịnh mãn, rất chu đáo.

Đến ngày thứ bảy, tôi và thị nữ cùng tùy tùng nằm dài xuống đất, đánh lễ bàn chân bụi của đức Vô Thượng; và phát nguyện rằng, mai hậu sẽ có duyên báo, quả báo giống y như tỳ-khuru-ni Mātucchā, xin bậc Đại Chiến Thắng chứng minh.

Đức Phật Padumuttara mỉm nụ hoa sen, cất tiếng:

- Con đã cúng dường hỷ mãn bảy ngày đến Như Lai và hội chúng với tín tâm rất tròn đầy và trong sạch. Vậy thì con sẽ được như ý sở cầu!

Hãy nghe Như Lai nói nữa đây. Vào một trăm ngàn đại kiếp về sau, có vị Thế Tôn xuất thân dòng dõi Okkāka, đức đại sĩ Gotama sẽ có mặt ở thế gian, khai sáng một giáo pháp chánh thống y như chư Phật ngàn xưa. Lúc ấy, con, là Mahā Pajāpatī Gotamī, chính là bà mẹ thứ hai chăm sóc, nuôi dưỡng vị ấy thuở còn ấu thơ. Và con cũng chính là người nữ đầu tiên thừa tự giáo pháp ấy, đạt vị thế hạng nhất trong số những tỳ-khưu-ni kỳ cựu.

Khi dấu ấn bất tử đã được đức Ứng Cúng khắc lên trán như thế, tâm tôi, sau đó dường như chỉ nghĩ đến giáo pháp. Tôi, các thị nữ và tùy tùng đã cúng dường, hộ độ đức Phật và giáo hội cho đến hết cuộc đời còn lại. Mệnh chung, tôi được hóa sanh cõi trời Đao Lợi, được thọ hưởng hỷ mãn thiên sắc, thiên hương, thiên vị, kể cả tuổi thọ, sắc đẹp, an lạc và danh tiếng đều vượt trội chư thiên nữ cùng cảnh giới nên Đế Thích thiên chủ chọn tôi làm thiên hậu.

Do một nghiệp xấu ác từ quá khứ trả quả, hưởng hết phước ở cõi trời, tôi sanh xuống cõi người, rơi vào một gia đình lao động chân tay thuộc quốc độ của đức vua nước Kāsi. Tại một ngôi làng nô lệ có năm trăm gia đình, người ta bầu một vị lãnh đạo, như là làm thôn trưởng, và tôi là phu nhân của vị ấy.

Hôm kia, có năm trăm vị Độc Giác Phật⁽¹⁾ đi từ Nandamūlaka tới Isipatana để khát thực. Tất cả chúng tôi cùng quyến thuộc đều vui mừng mời thỉnh luôn hội chúng ấy an cư mùa mưa, năm trăm gia đình làm năm trăm cốc lá

⁽¹⁾ Trong chú giải Trưởng lão Ni kê có chép chỉ có năm (5) vị và nói an cư chỉ có ba tháng. Và trong Pāli Proper Names cũng nói 5.

rồi hộ độ tứ sự suốt bốn tháng, dâng cúng đầy đủ mỗi vị ba y, ai ai cũng hoan hỷ. Sau kiếp ấy, tôi được tái sinh trong một gia đình thợ dệt cũng tại thành phố Bārāṇasī, lớn lên, nhân duyên lại được gặp năm trăm vị Độc Giác Phật (con bà Padumavatī)⁽¹⁾ nên lại được dịp cúng dường vật thực.

Từ bỏ cõi người, do nghiệp lành tốt ấy, tôi được chu du tái sinh nhiều cõi người và trời. Rồi kiếp cuối cùng hiện nay là thành phố Devadaha, nước Koliya. Cha của tôi là Añjana⁽²⁾ thuộc dòng Sākya, mẹ của tôi là hoàng hậu Sulakkhaṇā; và sau đó tôi được làm hoàng phi của đức vua Suddhodana, kinh thành Kapilavatthu. Những người còn lại, tùy từng và quyền thuộc kiếp trước thì được sanh trong hoàng tộc Sākya hoặc phu nhân, thân quyến của họ. Tôi là người ưu việt nhất, do lời nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara nên được làm bảo mẫu của đấng Chiến Thắng. Người con trai tuần tú được tôi chăm sóc và nuôi dưỡng ấy ra đi và trở thành đức Chánh Đẳng Giác, bậc Hướng Đạo vô song. Tôi và năm trăm công nương dòng Sākya đều đã xuất gia và đều đã chạm tay vào cánh cửa an lạc của Niết-bàn. Cả chồng và con của họ từ nhiều kiếp trước cũng đạt được phẩm vị A-la-hán tối thượng đều nhau cả thảy.

Sau câu chuyện kể của ni trưởng Gotamī, tất thảy thánh ni cũng sử dụng thần thông, bay lên không trung và tuần tự thể hiện một số năng lực; và cuối cùng lại phủ phục bên chân đức Đại Giác, xin phép được Niết-bàn giống như ni trưởng của họ.

Ni trưởng và hội chúng thánh ni sau đó trở về ni viện, bỏ ngoài tai mọi sự than khóc sầu muộn của những cận sự nữ, họ yên lặng tìm chỗ tịch diệt Niết-bàn. Lúc ấy, trái đất rung động. Tiếng trống trời vang lên và mưa hoa rơi xuống. Thọ

(1) “Cô gái hoa sen”, xem Thig A.140 ff.; AA. i. 185 f.; Ap. ii. 529-43.

(2) Tên của vua cha Suppabuddha, Mahāmayā và Mahāpajāpatī.

thần, chư thiên, long vương, a-tu-la và cả cõi phạm thiên đều rung động, bồi hồi...

Đức Phật hay biết rõ việc ấy nên ngài nói với Ānanda và Nanda:

- Hãy thông báo rộng rãi đến hai hội chúng tăng ni, hai hàng cận sự nam nữ trong kinh thành Vesāli và vùng phụ cận về sự Niết-bàn của mẹ và các công nương thánh ni⁽¹⁾.

Thế rồi, lễ hỏa táng thi hài của ni trưởng Gotamī và hội chúng thánh ni diễn ra vô cùng huy hoàng và trân trọng. Những viên xá-lợi đã được thu nhặt và những bảo tháp thờ cũng được dựng lên để ngàn sau chư thiên và nhân loại chiêm bái, cung kính, cúng dường.

⁽¹⁾ Nhiều chỗ ghi rõ là năm trăm tỳ-khưu-ni dòng dõi Sakyā.

Miếng Giẻ Chùi Chân

Từ Vesāli, đức Phật và đại chúng trở lại phương Bắc. theo con đường thương buôn, đi mãi. Lúc này, trời đã sang xuân mát mẻ nên đức Phật bộ hành rất chậm, ngài ghé nơi này ít hôm, nơi khác ít ngày nên hơn cả ba tháng sau mới về đến Kỳ Viên tịnh xá. Có lẽ đường xa thắm mệt, lại tuổi già, sức yếu, đức Phật giao công việc lại cho hai vị đại đệ tử để ngài tịnh dưỡng nửa tháng trong hương phòng.

Rồi mùa an cư thứ ba mươi bốn lại đến. Đức Phật họp các vị trưởng lão để chế định thêm một số giới điều trong tạng luật, nhất là phần “tăng tàn” và “trọng tội” vì có một số trường hợp điển hình phạm tội cụ thể cần phải được chấn chỉnh.

Hôm nọ, cuối mùa mưa, lại có một chuyện xảy ra cho tôn giả Sāriputta. Số là sau khi an cư mùa mưa xong, tại Kỳ Viên, một số rất đông tỳ-khưu đến chào từ giả tôn giả Sāriputta để lên đường, đi nhiều phương khác nhau để hành đạo. Theo thông lệ, tôn giả hay ưu ái gọi các vị tỳ-khưu bằng tên của gia đình họ đặt, gọi tên theo giới hạnh hoặc pháp hạnh của vị ấy. Ví dụ:

- Này hiền giả Maṅgalo! Hiền giả an vui chứ?
- Này con của bà Dhanī, có khỏe không?

- Vị Đại Hoan Hỷ đây rồi!
- Đại đức tinh thông tạng Luật đây rồi!
- Thượng tọa Độc Cư Khổ Hạnh đây rồi!...

Thấy bậc Tướng quân Chánh pháp niềm nở, vui vẻ, thân tình với tất cả mọi người như vậy, ai cũng hoan hỷ, ai cũng cảm thấy mình được biết đến, vinh hạnh được tôn giả quan tâm. Và họ hãnh diện về điều đó. Có một vị tỳ-khuru trẻ, mà hoàn toàn tôn giả Sāriputta thấy lạ hoắc, không biết gọi tên sao, nên ngài đành phải bỏ qua.

Nhưng vị tỳ-khuru ấy không bỏ qua, cảm thấy buồn, cảm thấy bức tức, bất mãn, tự nghĩ: “Tôn giả ấy khinh thường ta, coi thường ta; ngài đã thiên vị, đã không đối xử thân thiện với ta như những vị khác”.

Bất đồ, lúc ấy tôn giả Sāriputta đứng dậy, bước qua, chéo y của ngài phát đụng vị tỳ-khuru trẻ nọ. Lòng bất mãn càng tăng, vị tỳ-khuru trẻ qua đại giảng đường:

- Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Sāriputta khi không ngài lại đánh con! Chắc hẳn tôn giả ấy nghĩ rằng mình là một Đại Đệ Tử oai phong lẫm liệt nên muốn làm gì thì làm sao! Xin đức Thế Tôn hãy phân xử cho công minh. Tôn giả Sāriputta đã đánh con một bạt tai - đến nỗi tai con như bị bỏng, bị điếc! Sau khi làm vậy rồi, ngài chẳng tỏ vẻ gì là hối lỗi, thản nhiên bước đi không thèm đếm xỉa gì con cả! Xin đức Thế Tôn hãy phân xử, oan con lắm!

Tăng chúng được tôn giả Ānanda thông báo triệu tập đại giảng đường. Câu chuyện được lan truyền rất nhanh qua miệng của nhiều người. Lúc ấy tôn giả Mahā Moggallāna và tôn giả Ānanda biết rõ là đã có một sự cáo oan xảy ra cho huynh trưởng của mình. Nhưng không sao, cả hai tôn giả đều rất vui, đã tuyên bố trước hội chúng tỳ-khuru của mình rằng:

“- Này chư hiền! Hãy cố gắng tụ họp ở đại giảng đường cho đông đủ! Hãy đến đây và nghe! Khi sư huynh của ta, tôn

giả Sāriputta mà đối diện với câu chuyện vừa rồi, với ông tỳ-khưu ngu si kia - chur hiên mới cảm nhận và lắng nghe được tiếng gâm của con sư tử con như thế nào!”.

Trước cả hàng ngàn tỳ-khưu có mặt, đức Thế Tôn mỉm nụ cười trong tâm, tự nghĩ: “Ừ, đây là phải thời để con trai trưởng của ta giáo giới đến chur tỳ-khưu, nhất là ông sư phạm tục nọ!”, ngài bèn hỏi:

- Này Sāriputta! Có phải như vậy chẳng, ông đã thô bạo đánh vị tỳ-khưu này một bạt tai làm điếc cả lỗ tai rồi bỏ đi không thềm đếm xia đến?

Mọi người hồi hộp trước lời chất vấn của đức Đạo Sư. Tôn giả Sāriputta tâm ý linh thông, biết ý của đức Đạo Sư nên ngài chẳng chấp nhận cũng chẳng chối từ tội, cất giọng trầm hùng vang vang như chuông ngân:

- Bạch đức Thế Tôn! Khi một thiện gia nam tử xuất ly cần cầu an ổn mọi khổ ách, đã từ bỏ gia sản, vinh hoa phú quý thì đối với vị ấy chỉ có một mục đích duy nhất là giải thoát mọi phiền não, khổ đau trên trần thế. Khi một sa-môn tấn tu phạm hạnh, đã đặt chân đứng vững chắc trong đạo quả, người ấy hoàn toàn làm chủ được chính mình, hoàn toàn với tứ vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả.

Bạch đức Thế Tôn! Những người như vậy có thể nào làm đau đớn cho đồng đạo của mình rồi bỏ đi thản nhiên không một lời xin lỗi?

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi mà trong tâm không còn sân hận, ác độc, hiềm hại ai; vị ấy bao giờ cũng có được đức tính trầm lặng, khiêm nhu, nhẫn nại; tâm người ấy như mặt đất, mặc cho ai chà, ai đạp, ai bước tới, bước lui, quăng lên đầy tất cả mọi dơ uế bất tịnh; ai đại tiện, tiểu tiện lên đầy cũng được hết!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như nước, thì nước ấy mặc tình ai uống, ai tắm, ai rửa đồ dơ

dáy; nước ấy cũng không vui, không buồn, vẫn bình lặng và an nhiên!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như lửa, thì lửa ấy mặc tình người ta thấp để cúng, để thờ; mặc tình người ta lấy để đốt tử thi, nấu ăn, đốt cỏ rác, đốt đồ dơ ւế; lửa ấy cũng chẳng vui, chẳng buồn, vẫn bình lặng và an nhiên!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như gió, thì gió ấy đâu phải vì qua tha ma, mộ địa mà chồn chân; gió ấy đâu phải vì qua chỗ phú quý, cao sang mà dừng lại? Dơ, sạch gió ấy không phân biệt; buồn, vui gió ấy có biết đâu. Muôn đời nó vẫn bình lặng và an nhiên như thế!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự coi mình như miếng giẻ chùi chân, thì ai chùi chân cũng được cả; nó chẳng bao giờ phàn nàn sao lau vật này mà không lau vật kia! Miếng giẻ chùi chân là cái thân của vị ấy, cái tâm của vị ấy, ở chỗ dơ ւế nhất, nào dám khinh khi ai, ác ý với ai, sân hận với ai? Không! Bao giờ nó vẫn như vậy, bình lặng và an nhiên!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự coi mình như một hạng người thấp kém nhất trong xã hội, như một gã chiêm-đà-la cùng đing, hạ liệt, thì ai muốn đánh, muốn chửi; cho chí họ có giết chết cũng vô tội, người đó luôn luôn ý thức giá trị thấp hèn của mình dầu có bị đối xử thế nào, vẫn không than van bao giờ!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví mình như một con bò rụng sừng, thì nó rất sợ đụng chạm đến vật cứng, nó không bao giờ dám gây hấn với ai, báng húc ai. Sống, nó muốn thu rút cái sừng của mình lại, đó là cái thân của vị ấy, cái tâm của vị ấy!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví mình như con rắn mang cái xác nặng nề, trườn tới trườn lui không ra khỏi cái xác. Cũng vậy, người ấy đã tự thấy rõ cái thân này

gồm ba mươi hai thể trực bất tịnh, lại chứa sẵn bao nhiêu bệnh tật ở trong, lại còn ốm đau, già chết; vị ấy chỉ mong cầu tu tập để sớm quẳng bỏ cái xác nặng nề, hôi hám ấy, có đâu còn rảnh thì giờ để cho khi mạn, ác ý phát sanh lên đem đến phiền não cho người!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví tâm mình như chén mỡ đặc thì chén ấy còn đựng được gì? Có thể nào chén mỡ đặc lại đựng thêm được tham, nộ, si, ganh ghét và thù oán?

Bạch đức Thế Tôn! Chín điều ấy là đệ tử, đệ tử chính là chín điều ấy. Tất cả mọi phẩm hạnh, mọi đức tính của một sa-môn mà đức Tôn Sư hằng giáo giới, dẫn đệ tử chưa thành tựu vẹn toàn nhưng đệ tử vẫn đang đi từng bước một, vững chắc và ổn định. Từ khi thấy đạo, thấy quả đến nay, đệ tử chưa hề hổ thẹn một điểm nào về giới luật để đến nỗi phải tự khiển trách chính mình.

Xin đức Thế Tôn, đại giảng đường và cả đại địa vô tình này minh chứng cho đệ tử sự thật ấy”.

Khi tôn giả Sāriputta nói xong, địa cầu dày bốn mươi do tuần rung chuyển như chấn động. Đại giảng đường lặng ngắt như tờ. Có rất nhiều vị tỳ-khưu cảm động quá đến chảy nước mắt. Người mà khiêm tốn đến cùng tận như vậy thì thế gian không có người thứ hai.

Chợt nhiên, vị tỳ-khưu trẻ sợ hãi, bước tới, quỳ mọp xuống dưới chân đức Đạo Sư:

- Bạch đức Thế Tôn! Chính con là kẻ nói dối! Chính con đã tự dựng nên câu chuyện để nói xấu đến bậc Tướng quân Chánh pháp. Oai đức của tôn giả ấy lớn quá, con sợ hãi đến tê điếng, lạnh ngắt cả người. Đây là lỗi lầm quá nghiêm trọng, không thể tha thứ của con.

Đức Phật nói:

- Này Sāriputta! Ông hãy bi mẫn tha lỗi cho ông tỳ-khuru ngu si này - nếu không, cái đầu của ông ta sẽ vỡ tan thành bảy mảnh.

Tôn giả Sāriputta trả lời:

- Bạch đức Thế Tôn! Tự nhiên là đệ tử đã tha thứ cho vị tỳ-khuru này rồi.

Rồi với hai bàn tay chắp lại, ngài hướng đến vị tỳ-khuru trẻ, nói rằng:

- Ngoài ra, cũng xin hiền giả hoan hỷ xá lỗi cho tôi nếu tôi vô tình có làm điều gì đó méch lòng hiền giả.

Tiếng rống của con sư tử và những hành động sau đó của tôn giả Sāriputta làm cho tăng chúng ai nấy cũng đều cảm phục, kính ngưỡng vô song.

Họ bàn luận với nhau:

- Này huynh đệ,! Hãy xem những đức tính siêu việt của bậc Tướng quân Chánh pháp. Đối với vị tỳ-khuru vu khống mình, đầy ác tri, ác ngữ như thế kia mà ngài không tỏ vẻ gì là nóng giận hay oán ghét ông ta.

- Vị đại trưởng lão của chúng ta thật là tuyệt vời! Vị tỳ-khuru kia có lỗi, thay vì phải quỳ xuống ôm chân bụi của ngài mà sám hối trước; ở đây, trưởng lão của chúng ta lại chắp tay, cung kính xin lỗi mặc dầu ngài không có lỗi.

- Huynh đệ có nghe rõ tiếng rống của tiểu sư vương không? Ôi! Quả đất kia không chịu đựng nổi giới đức của ngài nên phải rung động đến từng mảy vi trần cát bụi.

Đức Thế Tôn nói với đại chúng:

- Này các thầy tỳ-khuru! Dĩ nhiên con trai trưởng của Như Lai đã chấm dứt trọn vẹn lòng sân hận, bực tức, bất mãn; chấm dứt trọn vẹn mọi luyến ái trên cuộc đời này. Tâm hồn con trai trưởng của Như Lai ổn định như quả đất vĩ đại, vững chắc như những trụ cột của một tòa cổ thành và yên lặng như một hồ nước trong không gợn sóng. Với một con người như vậy, giới đức thanh tịnh như vậy, định tĩnh tựa

Tu-Di sơn như vậy thì ma vương không còn tìm thấy dấu vết và vòng luân hồi tử sanh chẳng còn mấy may hiệu lực gì đối với vị ấy.

Tên Thợ Săn Độc Ác

Sau câu chuyện bị vu oan vô cớ ấy, tôn giả Sāriputta và tôn giả Mahā Moggallāna được đức Phật cho gọi vào hương phòng, nói rằng:

- Các ông cùng với đệ tử nên về Trúc Lâm một chuyến. Ở đây cần sự có mặt của hai ông một thời gian. Lý do như thế nào rồi hai ông sẽ tự biết.

Vâng mệnh đức Phật, hai vị đại đệ tử cất bước vân hành, mỗi vị với năm trăm đệ tử thân cận. Đoàn người chia nhau đi về hướng đông nam, lâu ngày chầy tháng, vào đầu mùa lúa chín, họ đến Trúc Lâm tịnh xá – đó là nơi, từ khi một số vị trưởng lão Niết-bàn hay hành hóa phương xa, không có mặt thì tôn giả Devadatta trở về đây và điều hành tất cả mọi sinh hoạt Phật sự cũng như tăng sự.

Chúng ta cần biết rằng, sau cái chết ‘địa ngục’ của đức vua Suppabudda, tôn giả Devadatta buồn phiền bỏ đi, tự trong thâm tâm, có cái gì đó ông không giải thích được; nhưng hễ đức Phật ở nơi này thì ông tránh sang phương khác. Đôi khi ông rút vào rừng vắng để tu tập, không giao tiếp với một ai. Trong thời gian đức Phật thường xuyên an cư mùa mưa ở Kỳ Viên và Đông Phương Lộc Mẫu cùng chư vị đại trưởng lão, khoảng từ hạ thứ ba mươi trở đi, thì

Devadatta hầu như thường xuyên về ở Trúc Lâm tịnh xá. Cũng do tăng tướng đạo mạo, nghiêm trang, có năng lực thiền định, nói năng lưu loát, thuyết pháp hay giỏi nên rất nhiều tăng ni kính trọng, ngưỡng mộ, hai hàng cận sự nam nữ đặt đũa nơi ông ta đức tin trong sạch.

Nói là vì đức Phật mà vua Suppabudda chết nên Devadatta hận ngài? Nói là vì đức Phật quá uy tín với tứ chúng, với các hàng vua chúa; còn ông ta thường bị mọi người coi thường nên phát tâm ganh tỵ? Dù là vì lý do gì, Devadatta cũng không xác định được, nhưng rõ ràng là ông ta đang dần dần hình thành nhóm tỳ-khưu đệ tử cùng hai hàng cận sự của riêng mình, đang tạo uy tín cho riêng mình. Chuyện này, thật ra hai vị đại đệ tử biết đã lâu. Mà có lẽ đức Phật biết rõ hơn nên đề cử hai ngài về Trúc Lâm tịnh xá?

Thấy cả hai vị đại đệ tử cùng có mặt với một ngàn vị tỳ-khưu, tôn giả Devadatta tỏ vẻ vui mừng ra mặt, tiếp đón rất chu đáo. Ông còn cho người thông báo đến các gia chủ, hai hàng cận sự nam nữ trong kinh thành để họ thiết lễ đặt bát cúng dường cũng như đến tịnh xá để nghe pháp.

Ngay buổi chiều đầu tiên, khuôn viên Trúc Lâm đã đông nghịt người. Đây là điều dễ hiểu vì thanh danh của hai vị đại đệ tử thơm ngát từ xưa đến nay. Tuy nhiên, tôn giả Devadatta cứ tưởng là nhờ uy tín của mình. Và thật ra, Devadatta nghĩ thế cũng không sai, vì bao năm ở đây, tôn giả ấy đã sống và hành đạo rất nghiêm túc nên ông ta cũng có danh thơm tiếng tốt nhất định.

Thời pháp do tôn giả Sāriputta đảm trách. Vì nhìn thoáng vào hội chúng có khá đông người mới tìm đến Trúc Lâm sau này, nên tôn giả thuyết giảng có tính cách sơ cơ. Ngài không triển khai một đề tài riêng biệt, chỉ nhắm đến sự sách tấn, củng cố tín tâm và khuyên mọi người tích lũy thiện pháp cho mai hậu.

Để kết luận, tôn giả nói :

- Thế nên, mỗi người hãy lượm lặt những đóa hoa để xâu kết thành những tràng hoa. Một việc thiện nhỏ, một công đức nhỏ là một đóa hoa; mỗi ngày một ít, thời gian sau, các vị sẽ có rất nhiều việc thiện đã làm, rất nhiều công đức đã làm - sẽ kết dệt nên một tràng hoa thiện pháp vĩ đại - khả dĩ trang điểm phước báu cho các vị trong các cõi trời và người, thật là vô lượng sắc hương vậy.

Nhờ ngôn ngữ lưu loát, nhờ nhiều ví dụ sống động, nhờ đã nhuần nhuyễn, thuần thục trong pháp nên buổi giảng nói của tôn giả tạo ấn tượng sâu đậm trong lòng mọi người. Cái tâm nào, cái tai nào của đại chúng cũng phát sanh cảm giác an hỷ.

Cuối buổi giảng, một cận sự nam đã lớn tuổi, đứng dậy xin hỏi:

- Bạch trưởng lão! Ví dụ như tôi muốn làm một thiện sự, muốn tạo một đóa hoa phước báu, tôi thỉnh hai vị tỳ-khưu để đặt bát cúng dường. Ông bạn hàng xóm của tôi, nhờ sự nhắc nhở, khuyên bảo chân tình của tôi, ông bắt chước làm theo tôi, nhưng ông ta lại đặt bát cúng dường đến ba vị tỳ-khưu. Cả hai trường hợp như thế, hai thiện sự như thế thì phước báu của ai lớn hơn, đóa hoa nào nhiều sắc hương hơn?

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Thật là một câu hỏi khó trả lời tức khắc như một cộng một thành hai. Quả của phước báu còn tùy thuộc nhiều yếu tố, nhiều điều kiện. Ví như khi cúng dường, tâm của vị ấy ra sao? Ví như vật cúng dường là chánh mạng hay không chánh mạng? Ví dụ, đối tượng thọ thí là đức Phật, chư thánh tăng hay chỉ là một phàm tăng? Và giả thiết như cả ba điều kiện kia giống nhau – thì phước báu của người tự khởi tâm cúng dường bao giờ cũng trở quả vi diệu hơn người nhờ khuyến khích, nhờ nhắc bảo mới làm thiện sự, này ông thiện nam!

- Hay thay, bạch trưởng lão! Chúng tôi hiểu rồi!

- Còn nữa! Tôn giả nói tiếp - Người tự khởi tâm làm rồi làm một mình, người tự khởi tâm làm rồi kêu gọi thêm nhiều người khác cùng làm với mình nữa thì quả phước sau này còn có lắm dị biệt đấy!

- Xin cho được nghe?

- Vâng! Vậy hãy lắng nghe! Ta sẽ giảng rất kỹ, rất cẩn kẽ tất cả mọi nhân quả cùng những chi tiết liên hệ.

Rồi tôn giả thuyết với đại ý như sau :

- Người suốt đời không hề làm phước, không giúp kẻ cơ hàn một manh áo, một vá cơm, không bao giờ biết cúng dường đến sa-môn, đạo sĩ dù một cây kim, sợi chỉ; nếu có thiện nhân sinh được làm người thường sống trong cảnh tăm tối, đói nghèo. Người ấy dù làm việc với bàn tay chai sạn, làm việc lam lũ thâu đêm mãn ngày thì cái ăn cái mặc vẫn chật vật, túng thiếu như thường. Tại sao vậy? Tại vì họ không có phước để dành từ kiếp trước, mọi kho hầm đều cạn kiệt, trống trơn, không có phước xung quanh giúp đỡ, không có phước để tạo duyên may mắn, không có phước để có quý nhân phò trợ, không có phước để có hoàn cảnh làm ăn thuận lợi; và vì không có phước nên những hạt mầm nào khổ công gieo ươm cũng bị sâu kiến đục khoét, giả dụ cái cây có lớn lên cũng bị khô hạn, thiếu phân, thiếu nước... sẽ cằn cỗi và chết dần, chết mòn. Đây là trường hợp thứ nhất, lý do thứ nhất mà mọi người hãy nên tích lũy phước – này đại chúng!

Tiếp đến, khi ta thấy rõ nhân quả rồi, ta biết làm phước rồi, nhưng ta chỉ làm một mình; lặng lẽ, âm thầm cúng dường vật này, vật khác đến một vị tỳ-khuru, hai vị tỳ-khuru... Có nhân tất có quả. Phước báu trời người sang cả sẽ trở sanh cho vị ấy, nhưng lại là cái quả riêng lẻ, đơn độc. Người ấy có thể ở một mình trong những toà lầu đài cao sang, lộng lẫy nhưng lại không có bà con, quyến thuộc, không có bạn bè, đồ chúng. Người ấy sẽ sống đời cô đơn, cô độc với phước báu của mình. Đây là trường hợp thứ hai,

nhân lẻ loi, cô độc thì quả sẽ lẻ loi, cô độc, chư vị hãy biết rõ như vậy!

Còn nữa, khi ta đã thấy rõ nhân quả trong trường hợp vừa rồi, khi làm phước cúng dường, ta rủ thêm vợ con, quyến thuộc, bạn bè cùng làm thì sau này, khi sinh vào cõi trời, cõi người nào, ngoài sự thọ hưởng sang cả, phú quý, ta cũng sẽ còn có rất đông con cháu, gia nhân, tôi tớ, bạn bè, thân bằng, quyến thuộc cùng cả một hội chúng tùy tùng, đông đảo nữa. Hãy thấy rõ như vậy để kết dết cho mình, cùng với mọi người những tràng hoa tươi thắm sắc hương nhất, này các hàng học chúng!

Thời pháp với nhân quả quá rõ ràng làm cho ai cũng sáng mắt, sáng lòng. Người cận sự nam lớn tuổi chợt quý sụp xuống :

- Bạch trưởng lão! Ôi! Hy hữu làm sao mà cũng tường minh xiết bao! Thời pháp vừa rồi quả thật là huyền diệu, nó làm cho chúng tôi thấy rõ những bóng mát để nương nhờ. Nó đầy đủ cả hai nơi, mình và người, mình cùng quyến thuộc và đồ chúng. Vậy thì ngày mai, chúng tôi xin cung thỉnh nhị vị trưởng lão và một ngàn tỳ-khưu đệ tử; chúng tôi thỉnh luôn trưởng lão Devadatta cùng hai trăm tỳ-khưu trong tịnh xá - để chúng tôi, toàn thể hội chúng được đặt bát cúng dường vật thực cùng vải vóc, đồ dùng liên hệ - tại tư gia, ngay ngày mai!

Tôn giả Sāriputta im lặng nhận lời.

Rời giảng đường, người thiện nam lớn tuổi tức khắc đi từng nhà, từng nhà kêu gọi hùn phước. Ông đã cùng với gia nhân, với mấy chiếc xe bò kéo, chịu khó đi khắp mọi nơi thu nhận tiền bạc, dầu, mè, gạo, bơ, đường, mật, rau đậu, củ quả, đủ loại thượng vị cứng và mềm. Ông thiện nam mang niềm vui ấm áp trong lòng khi đi kêu gọi hùn phước như thế. Tín nữ này thì nói: Cho tôi cúng dường hai vị tỳ-khưu. Thiện nam kia thì nói: Cho tôi cúng dường ba vị. Gia chủ kia thì

nói: Cho tôi cúng dường mười vị. Vị phú hộ kia thì nói: Cho tôi cúng dường hai mươi vị sa-môn.

Đến gia đình một vị trưởng giả có tiếng trong kinh thành, ông ta mang ra một xấp vải vàng, cất trong rương với hai lớp khóa, rồi nói:

- Đây là xấp vải vàng quý nhất của gia đình tôi, xuất xứ của nó không phải là ở xứ Kāsi nổi danh đâu, mà nó ở tận quốc độ Gandhāra, trong một gia đình quý tộc. Nay tôi hoan hỷ dâng cúng. Nghe nói có đến hơn một ngàn vị tỳ-khưu; vậy nếu vật thực một trăm người hùn góp không đủ thì hãy bán xấp vải này cho hoàng gia, sẽ có dư tiền để sửa soạn vật thực đầy đủ đó!

Ông thiện nam đưa hai tay trân trọng nhận vật quý. Rồi sau đó, đầy những chiếc xe này rồi đầy những chiếc xe khác, ông chở hết về nhà. Chưa thôi, ông thiện nam còn kêu gọi cận sự hai hàng, tối hôm ấy đến sáng hôm sau, cùng với ông và gia nhân, chăm lo kho nấu các món, chuẩn bị ghế ngồi, hoa, tràng hoa, những tấm thảm chùi chân, những ghè nước, khăn lau các loại trong trang viên rộng lớn của ông.

Sáng ngày hôm sau, dẫn đầu chư tăng trên một ngàn hai trăm vị là tôn giả Sāriputta, tôn giả Mahā Moggallāna, tôn giả Devadatta, đoàn sa-môn như một con rồng vàng vĩ đại, uốn lượn trên các con đường làm cho kinh thành chợt như tươi vui và bừng sáng lên.

Cuộc đặt bát tập thể diễn ra chu đáo, tươm tất. Sau khi chư tăng ra về hết rồi, phần vật thực còn thừa, ba trăm thí chủ hùn phước hôm đó độ thực xong cũng không hết. Đúc kết lại, người thiện nam thấy còn xấp vải quý của vị trưởng giả chưa dùng đến, bây giờ giải quyết ra sao, ông muốn xin ý kiến của mọi người.

Một người nói :

- Dâng xấp vải quý này cho một trong hai vị đại đệ tử là xứng đáng nhất.

Một người khác :

- Hai vị đại đệ tử, đồng ý! Nhưng thời pháp vừa rồi, phước báu đặt bát tập thể ngày hôm nay, là do từ tôn giả Sāriputta; hãy dâng cúng đến ngài là hợp lý nhất!

- Làm vậy là hợp lý, không cãi được! Người khác nữa góp ý – Nhưng còn tình thì sao? Hai vị đại đệ tử công đức cao vời, khó ai có thể so sánh được, nhưng mà hai ngài đến rồi đi, chỉ có tôn giả Devadatta là ở lại. Suốt mấy năm nay, khi không có mặt đức Thế Tôn và chư đại trưởng lão, người mà chúng ta nương nhờ là ai? Vậy, phải dâng xấp vải quý này đến tôn giả Devadatta mới hợp tình!

Thế là bên tình, bên lý, hai hàng cận sự bàn bạc, tính toán, lựa chọn mãi vẫn không thông.

Một thiện nam có lẽ đi tịnh xá nghe pháp đã nhiều năm, mỉm cười, chậm rãi lên tiếng :

- Có điều chư vị chưa biết nên cứ hoài bên tình, bên lý không phân. Còn tôi thì rõ lắm. Hai vị thượng thủ giáo hội, khi được đức Tôn Sư lựa chọn làm hai vị đại đệ tử thì hai ngài đã là bậc thánh lậu tận. Tính đến nay đã trên dưới ba mươi năm rồi làm cánh tay mặt, cánh tay trái của đức Đạo Sư. Đối với hai vị ấy thì họ xem y cũ, y mới giống nhau, y quý, y xấu không hai, không khác. Có lần, nghe nói, tôn giả Ānanda cất dành để dâng cúng tôn giả Sāriputta một tấm y mới, y quý thì ngài đáp: Thôi mà pháp đệ! Ta đã có đủ y, hãy dâng cúng cho vị khác phải lẽ hơn! Vậy thì xấp y quý này, dâng cho tôn giả Sāriputta, chưa chắc ngài đã thọ nhận. Còn nữa, tôi nghe chư vị trưởng lão nói chuyện với nhau, là tôn giả Devadatta thân mến của chúng ta chỉ đặc định, đặc thiên chứ chưa đặc quả; nếu y quý này mà dâng cúng cho ngài chắc ngài thích thú lắm đây!

Cả hội chúng bị thuyết phục bởi lý lẽ này nên họ đồng lòng dâng cúng cho tôn giả Devadatta. Và đúng như phỏng đoán của vị thiện nam lớn tuổi, tôn giả Devadatta thích thú

ra mặt, sấm soi, mê mải nhìn ngắm từng đường vân, từng mũi chỉ tế vi như chỉ vàng, kết dệt nên tấm vải vàng óng. Cũng chẳng cần giấu giếm sự thỏa thích của mình, tôn giả Devadatta liền tự tay cắt may, phân ra thành y nội, y ngoại, y lót mồ hôi rất tiện xảo. Mấy ngày hôm sau, tôn giả Devadatta mặc ngay tấm y mới, đi tới đi lui trong phòng, ngắm trước, ngắm sau ra chiều thích khoái. Chưa đủ, tôn giả lại đi kinh hành, đi dạo bộ quanh cốc liêu như âm thần khoe với chư tăng Trúc Lâm vậy.

- Coi kìa! Coi kìa! Một vị tỳ-khuru cao hạ từng sống lâu năm tại đây, thốt lên! Đúng ông ta là tâm phạm phu mà!

Một vị khác :

- Trông mới tội nghiệp làm sao! Rõ là ông ta chưa xứng với tấm y vàng quý ấy!

Một vị khác nữa :

- Tiếc là chư vị thánh lậu tận không thêm nhận, chứ mà tôn giả Sāriputta mà mặc vào thì xứng đáng tăng tướng xiết bao?

Có một vị tỳ-khuru còn trẻ, khó chịu vì cái cách khoe hời hợt, thô tháo của Devadatta, thấy ngứa mắt, chướng mắt không chịu được, ông liền bộ hành không biết mệt mỏi, chẳng quản mưa hay nắng, ngày hay đêm, từ Trúc Lâm vượt mấy trăm do tuần đường xa diệu vợi, bất kể cát bụi và mồ hôi, về Kỳ Viên, đánh lễ đức Phật, sau thời pháp của ngài, ông thưa trình mọi chuyện, rồi kết luận :

- Trúc Lâm tịnh xá, khi không có mặt đức Thế Tôn và chư đại trưởng lão thì tôn giả Devadatta lại làm mưa, làm gió cả một vùng trời. Tôn giả ấy đóng vai đạo sư, đóng vai trưởng lão thanh tịnh, đóng vai có tâm bi mẫn với hai hàng cận sự, đóng vai giới luật nghiêm minh, đóng vai đặc định, đặc thiên, đặc các thắng trí cùng đạo, cùng quả! Đóng trò thì khéo, thì giỏi, thì hay thế đấy; nhưng bây giờ, khi có bộ y

quý giá thì tôn giả ấy đã lộ tẩy thật rồi, lộ mặt thật trá nguy ra rồi, bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật mỉm cười :

- Devadatta bị lộ tẩy và ông thấy thật rồi à?

- Nhiều người thấy lắm, không chỉ mình đệ tử đâu, bạch đức Thế Tôn!

- Ông Devadatta hiện nay, quả thật không xứng đáng mặc chiếc y vàng quý báu ấy, đó là sự thật. Nhưng trong một kiếp quá khứ, ông ta còn tệ hơn, là trộm tướng y vàng để giở trò lường gạt, gian xảo với kẻ mưu ác độc nữa kia...

Thấy giảng đường còn khá đông người, và dường như ai cũng muốn nghe câu chuyện quá khứ của Devadatta, nên đức Phật đã kể lại như sau:

- Trong thời không có đức Chánh Đẳng Giác ra đời, trong một ngôi rừng gần thành Bārāṇasī có rất nhiều vị Độc Giác Phật ngụ cư. Và ở đây cũng có một đàn voi lớn quần tụ, sinh sống hiền hòa, chúng không sợ chư vị Độc Giác, mà quý ngài cũng không sợ đàn voi! Nói rõ là không ai xâm phạm ai! Cả người và vật sống an bình như thế trải qua một thời gian khá dài.

Ở ngoại biên thành phố có một tay thợ săn, hôm kia vào rừng để săn nai, thỏ... như lệ thường, tình cờ trông thấy đàn voi, hấn nghĩ: Bán nai, bán thỏ, xưa nay không đủ nuôi mạng sống, vậy ta có thể chuyển nghề săn voi vậy. Xem nào, một con voi, đắt giá nhất là cặp ngà, kế đến là móng, là thịt, ồ, là cả một đống thịt, tha hồ mà kiếm tiền! Thế là tên thợ săn về nhà sắm cung tốt, mũi tên sắt cứng có tẩm độc cùng một ngọn lao dài cực bén. Hấn nghĩ, chỉ cần một ngọn lao của ta, phóng thẳng vào chỗ cực hiểm, con voi sẽ chết ngay. Nhưng để phòng hờ, ta sẽ nhắm con cuối đàn, bắn một mũi tên độc trước cho chắc ăn!

Với cách làm như vậy, quả thật, qua nhiều ngày đêm theo dõi, rình rập rất là vất vả, tên thợ săn dùng lao giết

được một chú voi ốm bệnh đi sau cùng mà đàn voi đi phía trước không hề hay biết. Với ngà và thịt bán được, giá trị hơn cả mười con nai, tên thợ săn mừng hóm! Lần thứ hai, khó khăn vất vả hơn vì đàn voi đi gần nhau quá, sợ con phía trước phát giác thì tiêu đời, hấn bèn sử dụng mũi tên tẩm độc khi con voi sau cùng khuất phía trước một lùm cây rậm. Đợi đàn voi đi xa, tên thợ săn đến chỗ xác voi, thấy mũi tên độc găm sâu vào vùng ngực, chất độc đang lan thấm thâm đen sang vùng thịt khác. Hấn nghĩ, thịt này có tẩm độc, không bán được cho ai rồi, chỉ còn cái cặp ngà còn con mà thôi, cũng được mớ tiền!

Lần đi rình voi khác, tên thợ săn cảm thấy dường như đàn voi có linh tính nên hấn rất khó gần. Hôm kia, cũng do tình cờ, tên thợ săn trông thấy một hình ảnh lạ lùng. Cả đàn voi, khi đi ngang qua một vị đạo sĩ quàng chiếc y vàng màu hoại sắc, chúng đều quỳ gập bốn chân xuống, cái đầu cúi lay mấy lần, sau đó chúng mới từ từ, đứng đĩnh bước đi! Chịu khó theo dõi, quan sát thêm mấy lần nữa, tên thợ săn kết luận: Đúng rồi, đàn voi quý trọng vị ẩn sĩ có quàng chiếc y vàng! Rồi hấn tự nghĩ, tự cười thầm: Vậy sao ta không ăn cắp tấm y vàng kia, giả bộ ngồi yên lặng ‘một cục’ như thế nọ, khi đàn voi đến quỳ lay, đợi chúng đi hết, ta sẽ phóng lao làm thịt con cuối đàn?

Kế độc cũng lắm công phu. Hôm nọ, tên thợ săn rình trộm, thấy một vị Độc Giác Phật, xả y trên bờ đá để xuống khe tắm, hấn nhanh tay nhanh chân cuồn mát tấm y. Rồi tên thợ săn tập mặc, tập bước tới bước lui ngắm nghía, tập ngồi yên lặng ‘một cục’ như chư vị Độc Giác Phật. Sau đó, tên thợ săn quàng y vào người, lựa tìm một chỗ thuận tiện nhất nơi hốc núi, cạnh con đường mòn, vừa lòng, tự nghĩ: Chỗ này, khi con voi áp cuối vừa khuất sau sườn đá, nó sẽ không thấy con cuối đàn, khi ấy ta sẽ ra tay. Rồi y ngồi xuống như cách ngồi của các vị Độc Giác Phật, ngọn giáo nằm kê tay,

được thu giấu kín đáo bên sau. Đàn voi đầu có biết gì, như lệ thường, khi đi ngang qua vị quàng tấm y vàng, lần lượt từng con cúi đầu, đánh lễ rồi bước đi. Khi con voi cuối cùng đang quỳ xuống, cúi lạy, thấy con voi áp cuối khuất rồi, mũi giáo của y nhanh như chớp giật, phóng thẳng vào vùng tim của voi. Voi chết, máu chảy xối xả, lênh láng, không rên lên được một tiếng nào. Và rồi, với kén ấy, hấn giết voi từ con này sang con khác, đời sống của y nhờ bán ngà và thịt, càng ngày càng sung túc, giàu có...

Đức Phật kể ngang đây rồi yên lặng một lát.

Nhiều tiếng thốt lên :

- Quả thật là độc ác !

- Chẳng lẽ tiền thân Devadatta lại tệ mạt đến thế sao ?

Đức Phật kể tiếp :

- Trong thời gian ấy, tiền thân Như Lai là một thanh niên bạch tượng to lớn, có sáu ngà, vừa được cả đàn voi đề cử làm chúa đàn, do voi chúa đã già yếu, đã đi tìm chỗ tĩnh cư. Khi thấy đàn voi càng ngày càng thưa thớt, bạch tượng đâm ra nghi ngờ có gì bất trắc nên quan tâm theo dõi. Voi chúa quan sát từ bước đi đầu tiên, trên đường đi, đến khu rừng nhiều thức ăn cho đến lúc về - thì chẳng đâu có nguy hiểm, chỉ có một chỗ khả nghi là ở nơi góc khuất có vị ẩn sĩ ngồi thiền, ở nơi y có cái gì không ổn định, không được trầm tĩnh cho lắm. Có cái mùi gì đó như máu, dầu có phi tang tài giỏi vẫn còn hơi hướm trong từng thớ đất, cọng cỏ! Chính voi của ta bị giết thịt tại chỗ này! Như đã quyết định rồi, ngày hôm ấy, voi chúa đi sau cùng để giám sát, để thử lại cái dự đoán của mình.

Và quả đúng như thế, khi tượng chúa vừa cúi đầu xuống thì kẻ kia vén y sau, chụp nhanh cây lao định phóng vào chỗ nương... Do đã đề phòng từ trước, nên voi chúa thụt lui, dễ dàng tránh cây lao rồi lấy vòi quật mạnh vào tên thợ săn nhưng hấn ta cũng đã nhanh chân núp trốn sau gốc cây. Voi

chúa tự nghĩ: Ta có thể quán luôn cả hắc và gốc cây rồi quật cho tan nát hết. Nhưng mà kìa, hắc ta đang quán tâm y vàng của chư Chánh Đẳng Giác, chư Phật Độc Giác, chư Thanh Văn Giác! Vậy lẽ nào, vì giết tên ác độc kia mà ta lại xâm phạm đến chiếc y thiêng liêng, là ngọn cờ chiến thắng của các bậc vô nhiễm?

Nghĩ thế xong, voi chúa nhè nhẹ hạ vòi xuống rồi nói tiếng người :

- Tại sao người lại đang tâm giả mạo tâm y để tàn sát dần dần đàn voi của ta ?

Thấy con bạch tượng sáu ngà kêu hùng sừng sững như quả núi đang trong tư thế sẵn sàng quật chết mình, không thể chạy trốn đi đâu được nên y cúi đầu, im lặng, không dám nói gì.

Voi chúa nói tiếp :

- Tội ác của người quá nặng, trời không dung, đất không tha. Tâm y vàng ấy chỉ xứng đáng với bậc vô nhiễm, còn với tâm địa dơ uế, ác độc, giả dối như người mà dám quàng chiếc y ấy sao ?

Rống lên một tiếng vang động cả khu rừng, voi chúa lấy vòi quán gốc cây, quật cho tan nát cành nhánh rồi nói với tên thợ săn :

- Vì tâm y vàng kia ta không dám xâm phạm, nên ta sẽ không giết người. Ta tha cho người mạng sống. Nếu người còn giả dối, ác độc nữa – thì hãy xem gốc cây kia mà làm gương.

Nói xong, voi chúa bỏ đi như ghê tởm, như muốn tránh xa kẻ mang tâm thú vật. Tên thợ săn đứng run cầm cập, da mặt tái xanh vì sợ hãi...

Rồi đức Phật kết luận :

- Tên thợ săn kiếp trước chính là Devadatta, và voi chúa đầu đàn chính là tiền thân của Như Lai vậy. Vì tội ác quá nặng, tên thợ săn đọa địa ngục. Còn Như Lai do tôn quý tâm

y vàng của bậc ẩn sĩ nên Như Lai mãi miết thực hành ba-la-mật để trọn vẹn với con đường của chư Chánh Đẳng Giác tự ngàn xưa...

Vị Tỳ Khuru Ni Sinh Con

Trong thời gian ở Trúc Lâm, hai vị tôn giả có dịp bộ hành ghé thăm tịnh xá này sang tịnh xá khác, cả tăng và ni thì thấy rõ thế lực của Devadatta đã được rải khắp các nơi. Ông ta đã có một tăng chúng riêng và ni chúng riêng, và trong thâm tâm, họ coi Devadatta như vị đạo sư thứ hai sau đức Phật. Cả hai ngài có viếng thăm đức vua Bimbisāra và thấy rõ ông ta đang có một nỗi buồn về chuyện gia đình. Số là bà Videhi thì nuông chiều con mặc dù thái tử đã lớn tuổi. Tâm ý của thái tử lại nôn nóng muốn nổi ngôi trong khi đức vua Bimbisāra thấy con chưa đủ tư cách. Một vài ba lần, đức vua thấy hành tung hơi mờ ám giữa thái tử Ajātasattu và Devadatta. Họ đang có một liên kết gì đó do thái tử Ajātasattu thường cung cấp vật thực rất đầy đủ cho tăng ni do Devadatta quản nhiệm!

Devadatta thấy mình có sự hậu thuẫn vững chắc từ thái tử Ajātasattu nên càng lúc, ý đồ “muốn thay thế đức Phật” càng lộ rõ. Và chuyện xảy ra sau đây, do hai vị đại đệ tử được một vị tỳ-khuru kể lại, thì thấy ý đồ của Devadatta càng lộ rõ:

“- Có một nàng con gái của một triệu phú ở thành Vương Xá; do túc duyên nhiều đời kiếp, tâm nàng chứa đầy

thiện căn, nên từ khi lớn lên nàng không thích thú đời sống gia đình. Ý hướng xuất gia trong nàng như một ngọn đèn trong chiếc ghè không bao giờ tắt.

Nàng thưa với cha:

- Đời sống gia đình đầy những phiền não, vui ít, khổ nhiều. Hãy cho con được xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn.

Cha mẹ nàng ân cần khuyên răn, bảo rằng:

- Này con gái thân yêu! Đừng có mang ý nghĩ ngược đời. Con là con gái độc nhất trong gia đình. Là người thừa kế tài sản mai hậu, là nơi nương tựa cho cha mẹ lúc tuổi già sức yếu, là niềm vui cho cha mẹ lúc cô đơn, quạnh vắng. Con xuất gia thì ngôi nhà này sẽ như thế nào?

Biết là khó lay chuyển được những lý do mà cha mẹ nàng đưa ra. Tuy thế, nàng nghĩ: ‘Tài sản đâu là cái đem lại hạnh phúc cho trần gian nhưng lấy gì làm chắc thật? Con gái lớn thì gả chồng, vậy cha mẹ ta biết nương tựa vào đâu? Mỗi chúng sanh lăn lóc trong ba cõi sáu đường đều cô đơn với nhân, quả và nghiệp của mình, biết ai đem lại niềm vui cho ai? Trong vòng tử sinh thật là mù mịt vậy thay?’

Thời gian sau, một gia đình tương xứng đến hỏi nàng làm vợ cho con trai trưởng của họ. Nàng nghe tin với tâm tư bình thản. Một con bướm đã đến viếng đóa hoa. Cái thuận theo dòng đời đã được hiện thực. Một lần nữa, nàng lại muốn bơi ngược, nên thưa với cha mẹ:

- Con xuất gia thì cha mẹ cũng không có chỗ tựa nương. Mà con có xuất giá thì cha mẹ cũng không có chỗ nương tựa. Cả hai đều làm cho gia đình quạnh vắng. Và cha mẹ vẫn cô đơn trong tuổi già. Vậy thì xuất gia hay xuất giá của con, cha mẹ đều khổ như nhau. Nhưng riêng phần con, xuất giá không cho con niềm vui, chính xuất gia mới cho con niềm an lạc. Vậy xin cha mẹ hãy cho con cạo đầu làm ni, đi theo Ni đoàn thánh hạnh sống đời thoát khổ.

- Không được đâu, con ơi! Cha mẹ nàng thiết tha nói – xuất gia là con rời khỏi gia đình, là con đi thẳng. Xuất giá là con đi lấy chồng, có lúc còn trở lại. Sau này, con tay bế tay bồng, không là niềm vui của ông bà ngoại sao? Còn con đi theo các người ta-bà khổ hạnh, phải nằm cây, ngủ rừng. Ăn thì không đầy dạ với cơm siu, với cháo chua. Mặc thì vải dơ, vải lượm rách rưới tồi tàn. Ngủ thì chẳng giường chẳng nệm, chiếu đất màn trời. Cha mẹ đâu thế nào cũng là phú hộ có tiếng trong kinh thành, há không mũi lòng khi thấy đứa con núm ruột của mình sống đời sống khổ cực vậy ư? Không mát mặt ư? Không muối xát ư?

Vậy là nhân duyên chưa đủ! Nàng nghĩ, khi mà nhân duyên kia chưa đủ thì đừng biếng ước nguyện an lạc, thành nổi thống khổ không rời. Hãy an tịnh và tri túc với hoàn cảnh. Có nhân chưa chắc đã thành quả, mà phải đợi duyên. Khi đủ duyên, thuận duyên, chỉ cần lay thoảng một cơn gió nhẹ, trái cây kia sẽ rụng xuống trên tay.

Thế là nàng lại an phận thủ thường với cuộc sống trước mặt. Thấy cái hoa nở cũng nghe tươi vui. Thấy chiếc lá rụng cũng bâng khuâng mơ hồ. Biết mình sắp làm vợ người, không vì vậy mà nàng trau chuốt điểm trang thêm. Nàng đã quen với cái dung dị từ thuở nhỏ. Như đóa sen trong hồ nước giữa rừng già, âm thầm lặng lẽ mà tỏa hương. Sắc đẹp và nét hạnh của nàng không được như lài, như bưởi mà nó dịu nhẹ, thanh mềm, kín đáo như sói, như lan.

Vợ chồng ông phú hộ ngạc nhiên về hình thức không thay đổi của con, bèn khuyên:

- Con ơi! Hoa một lần nở, con gái một lần đi lấy chồng. Sao con không điểm trang thêm để tôn vinh cái vẻ mặn mà cho xứng hợp với cái thời xuân sắc?

- Thừa cha mẹ! Nàng đáp – do nghiệp quá khứ mà con có được cái danh tâm và sắc tướng hôm nay. Vậy cái hiện tại là cái thật của con. Con trau chuốt điểm trang thêm thì

khác nào lấy cái giả mà phủ lên cái thật? Sợ rằng con sẽ mang tội dối người!

Vợ chồng ông phú hộ lắc đầu mà than:

- Ôi! Để con, vợ chồng ta không để ngược mà sao nó chỉ nói những cái ngược đời? Dẫu ngược đời mà sao cái lý cũng lọt tai?

Rồi nàng về nhà chồng. Chồng nàng là một thanh niên khả ái, có học nên tình thương yêu mà chàng dành cho nàng vượt qua đôi mắt thế tình. Không những yêu thương mà còn kính trọng. Nàng không có gì xuất sắc hơn người về sắc đẹp, nhưng ngược lại là cái dịu dàng, nét na; đôi xử phải lẽ và chu toàn các bổn phận không có gì để phàn nàn. Điểm nổi bật là nàng có một đời sống nội tâm lặng lẽ, thâm sâu và ổn định. Do vậy, những cái nhìn và những cái nhận thức từ đó bao giờ cũng có sức thuyết phục, tỏa sáng và có trọng lượng. Chồng nàng thường ngạc nhiên về những cái mới lạ, sắc bén và tế vi nơi những câu nói bình thường của nàng. Nó không bác học, kinh điển hoặc từ chương mà vẫn biểu hiện sự khôn ngoan của trí tuệ và tràn đầy đạo lý nhân sinh.

Có gì đáng ngạc nhiên đâu: Nàng đã tu hành từ nhiều đời kiếp rồi!

Đó là lúc mà thành phố vào ngày hội lớn. Nhà nhà rộn rịp tung bừng. Phố chợ, công viên, lâu đài, đường sá đều được trang hoàng cực kỳ long lẫy. Cả hai vợ chồng trẻ cũng sửa soạn để chung vui với mọi người. Khi bước ra thềm nhà, người chồng ngạc nhiên thấy xiêm áo vợ mình không khác ngày bình thường bao nhiêu. Chỉ thơm tạt một tí thôi. Đáng lẽ vào ngày hội lớn này, có gì phải mang ra chung diện hết. Đáng lẽ nàng phải phấn sáp cho diêm dúa vào, phải đeo đồ trang sức cho mỹ lệ hơn. Và xiêm áo phải đính trân châu mã não; mái tóc kia phải tỏa mùi hương chiên đàn! Vậy mới phải lẽ. Vậy mới xứng đáng là “tiểu phú hộ phu nơn”.

Chàng nói:

- Này em! Vẻ đẹp tâm hồn là quý. Sự giản dị của nét na, đức hạnh là quý. Nhưng hôm nay là ngày hội lớn, trước hàng vạn đôi mắt của thành phố, em cũng nên phá lệ trang điểm một lần cho ta vui lòng.

Nàng mỉm cười đáp:

- Nếu vì để vui lòng chàng thì thiếp sẽ trang điểm ngay. “Phu xướng phụ tùy” vừa hợp với lòng người vừa hợp với bốn phận. Sao thiếp lại dám từ chối được!

Người chồng trẻ sung sướng. Nhưng chàng thấy nàng vẫn đứng yên, đôi mắt nhìn ra xa: Ở đó có những cánh chim bay trong nắng sớm, tung lượn dưới khoảng trời cao rộng.

Chàng vẫn một mực chờ đợi.

Lát sau, nàng nói lẩm bẩm:

- Những con chim... những con chim...

Chàng ngạc nhiên hỏi:

- Em nói gì?

Chàng nghe nàng thở dài rồi nói:

- Chàng có thấy những cánh chim kia không? Những cánh chim trong nắng sớm và khoảng trời cao rộng...

Rồi lại nói tiếp:

- Chàng ơi! Thiếp có lỗi với chàng.

- Ta không tin thế. Không có chuyện đó bao giờ.

- Phải! Nàng cúi đầu – thiếp không hề giấu chàng điều gì. Nhưng có một sự thật thâm sâu tự đáy lòng thiếp chưa nói ra đây thôi. Chưa nói ra, vậy là có lỗi. Từ khi về làm vợ chàng, sự thật kia đành phải chôn giấu vào một góc riêng biệt của tâm hồn. Dầu chỉ là một góc nhỏ thôi, nhưng nó là cả một khoảng trời cao rộng, ở đó có những cánh chim tung bay trong nắng sớm...

Biết nàng thỉnh thoảng hay gợi ý cao xa trước khi đi vào một vấn đề quan trọng nên chàng lại dẫn nàng vào nhà.

- Em cứ nói! Chàng dịu dàng mở lời – ta mong rằng khung trời kia sẽ được mở rộng... Chàng chợt cười cho cái tế

nhị và văn hoa mà chàng đã học được từ nàng – và ta là một cánh chim cô đơn được bay về hộc mặt trong khung trời riêng biệt của lòng em.

Nàng lắc đầu rồi tiếp tục dòng tư tưởng của mình, nói như phân trần:

- Từ lâu rồi, từ khi về làm vợ chàng, khung trời đó bị bít kín bằng đời sống bốn phận, bằng hiếu tình là dâu thảo, là vợ hiền. Nhưng nó cũng luôn luôn bập bùng cháy tỏ ngọn đèn ước mơ. Ước mơ đó là gì, không nói ra với chàng hôm nay, thiếp e rằng mình có lỗi.

Nàng ngược lên nhìn chàng, đôi mắt long lanh và xa vắng. Chàng linh cảm một điều gì.

- Em hãy nói nữa đi. Anh cần biết tất cả sự thực, dấu sự thực đó thế nào.

Như được khuyến khích, nàng tiếp:

- Thiếp đã ý thức từ thuở nhỏ, có thân là có tội, có khổ. Khởi cần phải nói với chàng rằng, thân này không phải do chur thiên hóa sanh, do phạm thiên hóa sanh, không làm bằng vàng ròng, châu báu, không làm bằng gỗ chiên đàn, không sanh từ đài sen trắng, sen hồng hay sen xanh, không đựng đầy thuốc trường sanh bất tử. Cũng không cần nói với chàng rằng, thân này đầy những ứ nhiễm; do cha mẹ sanh, bị vô thường, biến hoại, bị ái chấp thủ, là nhân của sầu ưu, là căn cứ địa của than khóc, là kho tàng của bệnh tật, là chỗ dung nạp của nghiệp lực, cả một bọc ô ứ, nội bộ thường phát tiết xú tanh. Cứu cánh của thân này là đi đến sự chết, đi đến nghĩa địa, là chỗ tụ hội của các côn trùng. Xin lỗi hiền phu, vì là sự thật nên thiếp đã nói lời khó nghe. Thiếp trang điểm cái thân này chẳng khác gì lấy vòng hoa mà phủ ngoài đồng phân dơ ứ. Biết làm sao được vì thiếp thường hằng quán niệm sự bất tịnh của thân. Đây là lý do thứ nhất mà thiếp có lỗi với chàng!

Người chồng thấy mình bàng hoàng, nửa đờn đau nửa tự ái, tuy thế cũng bấm bụng mà nói rằng:

- Đây là sự thật, ta trách nàng sao được? Vậy nàng hãy nói thêm lý do thứ hai?

- Cảm ơn chàng đã cho phép! Nàng nói tiếp – còn lý do thứ hai. Thiếp trộm nghĩ rằng, khi nào mà ta còn phó thác cho dòng nghiệp lực vô hình cấu tạo nên sắc tướng và danh tâm này; khi nào mà ta còn phó thác cho dòng nghiệp lôi kéo ta đi vào cõi mịt mù vô định thì ta còn phải đau khổ, thống khổ dài lâu. Vậy thì ta phải làm thế nào để thoát khỏi sự chi phối của nó? Làm thế nào tìm cho ra được căn nguyên của cuộc sinh tử nổi trôi vô định này? Nếu không có một ánh sáng nào soi rọi vào những câu hỏi đó thì vĩnh viễn ta còn ở trong tối tăm và bấp bênh thế nào! Lại nữa, những lạc thú trần gian quá ít ỏi và ngắn ngủi, biết có đèn bù đủ máu và nước mắt mà chúng ta đã đổ xuống trong ba cõi sáu đường chẳng? Vậy thì lạc thú trần gian kia là mật ngọt quyến dụ ta chẳng? Là chiếc bẫy mịn màng êm ái của ma vương chẳng?

Thưa hiền phu! Những điều đó không còn là hoài nghi nữa, mà chúng đã biến thành sự thực trong tâm tư thiếp, biến thành nổi thao thức khôn nguôi. Chàng hỡi! Vâng lệnh mẹ cha nên thiếp phải về với chàng, nhưng ước mơ thoát ly thế tục, tâm nguyện con đường Đạo Sáng vẫn thôi thúc thiếp từng khi! Nơi cái góc tâm hồn bé nhỏ, tuyệt đối là sự thanh khiết vắng lặng, là sự chở che mà cũng là Chân Phúc ấy, thiếp thường để dành trọn vẹn cho đời sống xuất gia, đến khi nào chàng cho phép.

Nàng đã thôi nói, vâng trán chàng càng lúc càng cau lại. Thân chàng như cúi gập xuống. Lát sau như đã chiến thắng mình, chàng nói:

- Thế thì hiền thê ơi! Rất mừng cho nàng. Vậy thì nàng hãy xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn. Ta sẽ tình nguyện làm một thiện nam hộ độ chư tăng, Ni đoàn và giáo

hội. Ta không có duyên phân xuất gia, nhưng ta nguyện cầu cho nàng sớm tìm ra an lạc!

Nói thế xong, chàng như lão đảo lắc lư một hồi mới đứng yên. Chàng đau khổ lắm. Tuy thế, hồi lâu chàng cũng nở nụ cười, cố gắng tươi tỉnh nhưng vẫn không giấu được nỗi thê lương, xa vắng.

Nàng tự nghĩ: Đức Thích Tôn từ bỏ vương phụ, xã tắc, thế nhĩ vào lúc mọi người đang yên ngủ, thật là hữu lý làm sao. Vậy ta hãy lặng lẽ lên đường sau khi được phép một cách khó khăn. Nhưng mà sự thai sinh nào lại không đau đớn, nhất là ta lại cưu mang ‘thánh thai’⁽¹⁾ đã rất lâu rồi!

Để cho sự việc được quang minh, chồng nàng nói:

- Khi nàng đến nhà này, danh chính ngôn thuận, đèn treo hoa kết, hai họ đón đưa, quan khách chật đường, vui tươi và xán lạn. Đón đưa nàng về chốn buộc ràng tục lụy mà như thế; hưởng nay nàng ra đi trong ánh đạo vinh quang, trở về với ánh đạo vinh quang; nàng hãy cho ta được thỉnh mời tất cả chư tăng ni trong thành phố, làm một cuộc cúng dường lớn. Ta sẽ tỏ lòng tôn kính đức Tôn Sư và giáo hội. Ta muốn nàng cũng danh chính ngôn thuận mà ra đi. Như thế, nàng sẽ được nở mặt nở mày, hoan hỷ và mát mẻ. Còn ta sẽ không còn ngậm ngùi, hối hận hay luyến tiếc điều gì. Ta và nàng cùng an lạc.

Nàng cúi đầu chấp tay tỏ lòng kính trọng và tri ân người chồng hiểu biết và độ lượng.

Thế là sau cuộc bố thí, cúng dường lớn, nàng xuất gia. Dĩ nhiên, hôm ấy, ở đây không có mặt đức Phật cũng như chư đại trưởng lão nên nàng phải xuất gia với ni chúng thuộc nhóm Devadatta. Một vị trưởng lão ni đích thân giáo giới và cho nàng đề mục thiền định. Không bao lâu sau, nàng sống hoan hỷ với tâm tư viên mãn.

⁽¹⁾ Ý nói là cưu mang tâm niệm xuất gia.

Thuở ở với chồng, nàng đã có thai, nhưng nàng không biết. Nên thời gian sau cái thai càng ngày càng lộ rõ. Các tỳ-khuru-ni nhận thấy các căn của nàng càng ngày càng đổi khác, tay, chân, lưng, mản da bụng lớn lên – nên hỏi nàng:

- Này hiền muội! Hình như hiền muội có thai. Sự việc này là thế nào đây?

Nàng không biết cách trả lời, chỉ nói:

- Thưa các hiền tỳ! Tôi không biết sự việc này, giới hạnh tôi đầy đủ.

Các vị tỳ-khuru-ni không biết giải quyết ra sao bèn đem nội vụ đến Trúc Lâm tịnh xá thỉnh thị ý kiến Devadatta:

- Thưa tôn giả! Thiện nữ nơn này, với sự chấp thuận khó khăn của người chồng, được xuất gia. Nay nàng có thai. Chúng tôi không rõ nàng thọ thai khi còn là cư sĩ hay là khi đã xuất gia. Nay chúng tôi phải làm gì?

Devadatta tự mình chưa giác ngộ, không có lòng kham nhẫn, từ bi, từ mẫn; lại sống lệ thuộc nơi danh lợi, thị phi – nên nghĩ rằng:

“- Một tỳ-khuru-ni thuộc ‘phái của ta’ mang thai. Đây là sự kiện hại đến uy tín và danh vọng của ta. Khi mà uy tín và danh vọng của ta đã bị dư luận chỉ trích, chê bai thì lợi dưỡng, do đó sẽ bị giảm thiểu. Ta tha cho nàng là tự làm hại ta vậy”.

Nghĩ thế xong, không có điều tra, không có hỏi han tự sự sau trước mà như xô đẩy một tảng đá thoát khỏi chướng ngại, Devadatta nói:

- Để một nữ nhân như vậy tồn tại trong giáo pháp này, dầu phải dầu trái cũng có hại đến uy tín chung. Các người hãy đuổi nó đi, hãy tản xuất nó đi, rồi lại đi bá cáo khắp nơi rằng: ‘Pháp và luật của Devadatta thật nghiêm minh, đã tản xuất đúng pháp và luật một kẻ thiếu giới hạnh!’

Nói thế xong, nhưng tự trong thân tâm, Devadatta lại nghĩ: ‘Nhu vậy, từ một sự việc đáng lẽ mất uy tín, danh

vọng, ta lại làm cho càng thêm uy tín, danh vọng. Phi bậc trí tuệ, không ai làm được thế!’

Chúng tỳ-khuru-ni nghe lời phán truyền của Devadatta, đứng dậy đánh lễ rồi đi về trú xứ của mình.

Biết rõ sự việc, nàng thưa:

- Thưa các tôn giả! Trưởng lão Devadatta không phải là đức Phật, không thể có lời tuyên bố tội hậu được. Con xuất gia với ni chúng của tôn giả ấy, nhưng con sống trong giáo pháp của đức Tôn Sư, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Tối Thượng Nhân ở đời. Chớ làm rơi mất nơi con điều đã có được một cách khó khăn. Hãy đưa con đến Kỳ Viên tịnh xá, gặp đức Đạo Sư.

Một số đông tỳ-khuru-ni có tu chứng, một số đông tỳ-khuru-ni biết phạm tâm của Devadatta, họ biết rõ sự thật trong cách ăn nói của nàng, nên với lòng từ ái, bi mẫn, như đối với đứa con một, không quản ngại khó khăn, gian lao vất vả, đã đội nắng dầm mưa, dìu nàng lên đường. Trải qua sáu mươi do-tuần, đầu trần chân đất, họ từ Vương Xá, đến gặp đức Đạo Sư ở tịnh xá Kỳ Viên, cung kính đánh lễ ngài rồi tường trình sự việc. Họ đâu biết rằng, lúc ấy, hai vị đại đệ tử và một ngàn vị tỳ-khuru đã trở về Kỳ Viên mấy hôm trước, và con người của Devadatta như thế nào, đức Phật đã biết rõ.

Đức Đạo Sư suy nghĩ:

‘- Không cần có thắng trí cũng biết rằng thai của nàng ấy đã được tượng hình khi còn là gia chủ. Đây là sự thực. Nhưng sự việc này nếu không được minh chứng trước tai mắt những người trong quốc độ, trước những đại thí chủ uy tín, lão thành trong giáo hội thì ngoại đạo, hoặc cả Devadatta sẽ nhân cơ hội này mà xuyên tạc, đặt điều, vu khống. Phải minh chứng sự thanh tịnh của nàng trước tứ chúng và dư luận vì lợi ích cho riêng nàng mà còn vì lợi ích cho phần đông’.

Ngày hôm sau, đức Thế Tôn cho thỉnh mời vua Pāsenadi nước Kosala, đại Cấp Cô Độc, tiểu Cấp Cô Độc, nữ đại thí chủ Visākhā và nhiều nhân vật gia chủ, tôn túc có uy tín khác nữa.

Rồi vào buổi chiều, khi tứ chúng đã đến tụ họp đông đủ tại giảng đường, đức Thế Tôn nói với trưởng lão Upāli, vị giáo sư luật học:

- Nay Upāli! Hãy thực thi bốn phận của mình, hãy làm cho thanh tịnh sự việc của vị tỳ-khuru-ni trước bốn chúng.

Vị trưởng lão tinh thông luật học, cung kính vâng lời đức Thế Tôn, khoác đại y màu vàng chói đi đến giữa hội chúng, uy nghi của con phượng hoàng, ung dung lên ngôi trên bảo tọa thấp. Rồi với giọng minh bạch, rõ ràng, tôn giả trình bày lại sự việc của vị tỳ-khuru-ni; và mong rằng sự thanh tịnh hay không thanh tịnh của nàng sẽ được chứng kiến quang minh trước quốc độ cũng như trước giáo hội.

- Nay nữ đại thí chủ Visākhā! Trưởng lão Upāli nói – đức Phật và tăng chúng tin tưởng vào trí tuệ và đức công minh của bà; vậy thì bà hãy xác định ngày xuất gia, tháng xuất gia của vị tỳ-khuru-ni này. Sau khi biết rõ rồi, hãy tìm cách xác định khi thụ thai là trước hay sau thời gian xuất gia?

Nữ đại thí chủ Visākhā vâng lời trưởng lão, cho treo một cái màn. Và trong bức màn kín đáo ấy, chỉ có hai người. Bà Visākhā quan sát thân thể của vị tỳ-khuru-ni trẻ. Do hiểu biết và kinh nghiệm, bà suy tính ngày tháng; và biết được khi thụ thai là thời kỳ còn làm nữ gia chủ. Bèn đi đến trưởng lão Upāli và báo cáo kết quả.

Trưởng lão Upāli, giữa bốn chúng, tuyên bố là vị tỳ-khuru-ni ấy là thanh tịnh.

Khi được xác minh mình là thanh tịnh, nàng đến đánh lễ bậc Đạo Sư, đánh lễ tôn giả Upāli với sự mừng vui ràn rụa

nước mắt; rồi sau đó nàng xin nhập chúng với chư tỳ-khuru-ni ở Sāvatti, không trở về Vương Xá nữa.

Thời gian sau, nàng sanh hạ được một trai có uy lực lớn, do nàng trước đây đã từng cầu nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara quá khứ.

Câu chuyện này còn được kinh luật, chú giải kể tiếp. Một hôm, đức vua Pāsenadi đi qua trú xứ của chư tỳ-khuru-ni, nghe tiếng trẻ khóc, dừng chân lại hỏi, biết rằng đây là con của vị tỳ-khuru-ni đã được đức Phật và Tăng chúng xử thưở nợ, bèn nói rằng:

- Nay các Khanh! Thật là trở ngại biết bao cho một vị tỳ-khuru-ni phải nuôi dưỡng con cái. Việc ấy là bôn phận của hàng cư sĩ chúng ta.

Thế rồi, đức vua mang về nuôi dưỡng như vị hoàng tử và đặt tên là Kassapa. Lên bảy tuổi, Kassapa xin xuất gia với bậc Đạo Sư. Sau này, đúng hai mươi tuổi, Kassapa thọ đại giới. Không lâu sau, ngài trở thành một nhà thuyết pháp tài giỏi giữa các nhà thuyết pháp, được đức Phật ấn chứng và tán dương là vị thuyết pháp đệ nhất. Tỳ-khuru Kassapa nhờ nghe kinh Vamūka mà chứng quả A-la-hán. Còn mẹ ngài nhờ phát triển thiền quán, chứng quả cao nhất.

Được biết rằng, trưởng lão tỳ-khuru-ni, mẹ của ngài Kassapa, trong giáo pháp của đức Tôn Sư, sau này, sáng chói như trăng rằm giữa hư không (gaganamajjha).

Như thế, nhờ sự sáng suốt của đức Thế Tôn, và túc duyên nhiều đời kiếp của hai mẹ con vị tỳ-khuru-ni mà từ chỗ đáng lẽ bị họa hại, bị tản xuất, lại trở thành hai bậc thánh, làm rực rỡ thêm khu rừng giáo pháp và thêm sắc thêm hương cho đạo giác ngộ vậy.

Đổi Chiếc Xe Mới

Hôm kia, đột ngột đức vua Pāsenadi một mình một ngựa đến Kỳ Viên tịnh xá tìm gặp đức Phật với dáng vẻ mệt mề, thiếu ngủ. Đức Phật đã sớm biết chuyện gì, nên đón đức vua ngay tại hương phòng, nắm tay ông, dìu vào bên trong, chỉ cho ông ngồi trên một chiếc ghế⁽¹⁾.

- Trẫm mệt quá, quỳ xuống đánh lễ không được, xin đức Thế Tôn xá tội.

- Không có sao! Đức Phật ân cần - Bệ hạ hãy cứ ngồi tự nhiên!

- Tâu vâng!

- Bệ hạ đã gần bảy mươi tuổi rồi, nên ăn ít lại, và cũng nên vận động tay chân một chút...

- Tâu vâng! Trẫm có tập đi kinh hành do hoàng hậu Mallikā hướng dẫn. Nhưng nay thì bà ấy đã đi rồi, bà mới đi hội đêm, lúc vừa rạng sáng, đức Thế Tôn ơi! Trẫm buồn quá, không thiết ăn thiết uống gì cả!

- Ủ, Như Lai biết! Người mình thương yêu nhất mà lại phải lìa xa thì đau khổ lắm!

⁽¹⁾ Chiếc ghế trên quý này do hoàng hậu Mallikā dâng cúng mà đức Phật thường không sử dụng.

- Đúng là đau khổ quá! Nhớ như mới hôm nào, chỉ vừa mới đây thôi, thế mà đã cách biệt nghìn trùng...

Đức vua cúi gục đầu xuống ra chiều thương tâm không làm chủ được cảm xúc. Đức Phật biết nên trao cho đức vua một chiếc gối rồi nói:

- Bệ hạ cứ nằm nghỉ một lát, khóc được thì cứ khóc. Như Lai sẽ đi kinh hành bên ngoài. Rồi chúng ta sẽ nói chuyện sau.

Trong hương phòng, đức vua sụt sùi, nước mắt ngấn dài nhớ thương hoàng hậu rồi ông đắm chìm trong hồi tưởng, suy tưởng của mình...

Còn đức Phật thì ngài biết rõ về tâm tánh của hoàng hậu, biết cả những ‘bí mật’ của bà mà cho chí đức vua cũng không biết.

Và câu chuyện như sau: Số là lần ấy hoàng hậu vào phòng tắm, cởi xiêm y để tắm, không để ý con chó cưng của bà cũng vào theo. Khi khom mình cúi xuống, không ngờ, con chó thấy vậy đã làm cái chuyện “bất tịnh” với bà. Và bà lại để yên! Từ tầng trên cung điện, qua lớp cửa kính, tình cờ đức vua nhìn thấy hết. Ông đi xuống và lần đầu tiên, đã mắng nhiếc bà một cách thậm tệ. Bà vốn lạnh trí nên tìm cách chối quanh, chống chế: “Đại vương đừng nghĩ oan cho thiếp. Cái phòng ấy kỳ lạ lắm. Ai ở trong đó, người khác nhìn vào đều thấy những hình ảnh quái gở!” Đức vua vốn thật thà nên hỏi lại: “Quả có thể sao?” Bà nói: “Thì đại vương cứ vào đây thử xem?” Đức vua đi vào trong, vừa khép cửa lại thì ngoài này, bà đã la lên: “Đại vương làm cái gì xấu hổ với con dê cái như vậy?” Đức vua lại cãi: “Ta có làm gì đâu!” Bà bèn nói dối: “Chính mắt thiếp trông thấy rõ ràng mà!”

Tin chuyện ấy, đức vua bỏ qua không cất vấn lại nữa.

Tuy nhiên, hoàng hậu Mallikā luôn cảm thấy bất an. Dầu đã dối gạt được nhà vua, nhưng bà đã phạm một tội trọng.

Chuyện ấy đức Phật biết, chư vị trưởng lão tăng ni có thắng trí đều biết, do vậy bà luôn hồ thẹn ở trong lòng. Từ độ ấy, bà thâm nguyện trong lòng, phải tu tập cho tốt hơn, làm việc lành cho nhiều hơn. Trọng lượng tội lỗi dù chỉ bằng một hạt cát, nó sẽ chìm, rơi xuống bốn đường ác. Nhưng trọng lượng tội lỗi của một viên đá to, nằm trong lòng chiếc ghe thiện pháp lớn, nó không bị chìm, sẽ được nổi. Bà còn nhớ mãi nội dung một thời pháp về thiện, về ác mà đức Phật đã đưa ra hình ảnh ẩn tượng ấy. Do vậy, bà đã đặt bát và cúng dường tứ sự rất nhiều đến đức Phật và Tăng chúng, ngân khoản lên đến một trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng. Riêng đức Phật thì bà đã cúng dường đến ngài bốn món bảo vật vô giá, đó là: Một chiếc lọng trắng, một chiếc giường, một ghế ngồi và một vật đỡ chân. Tất cả chúng đều bằng châu báu, và chỉ để chung bày chứ đức Thế Tôn không bao giờ sử dụng.

Đức Phật còn biết rõ, hoàng hậu Mallikā lúc hấp hối, bao nhiêu việc làm tốt đẹp ở trong đời, bà lại quên hết, nhưng cái hình ảnh xấu xa kia nó lại hiện ra, chi phối trọn vẹn tâm thức cuối cùng, lập trình cận tử nghiệp, đưa bà đọa sanh địa ngục A-tỳ.

Đức vua Pāsenadi rất yêu thương hoàng hậu Mallikā nên đau thương, buồn khổ vô cùng. Bà vừa mới mất, chưa làm lễ hỏa táng mà đức vua đã tìm đến đức Phật, là nóng lòng muốn hỏi ngài xem sanh thú của hoàng hậu đi về đâu! Biết đức vua rất sủng ái hoàng hậu, nếu cho biết cảnh giới hiện tại của bà thì ông ta càng đau khổ hơn. Lại nữa, nếu biết bà, một người có đức tin kiên cố, bố thí cúng dường rất nhiều và rất chí thành mà rơi vào địa ngục, thì số phận của nhà vua sau này sẽ ra sao? Và như thế, mọi đức tin trong ông ta sẽ tiêu tùng hết.

Vì nghĩ vậy nên sau khi đức vua tỉnh dậy, vào hương phòng, đức Phật đã khôn khéo dùng thần lực siêu nhiên làm

cho đức vua quên hẳn lý do đi đến tịnh xá. Đức Phật lại còn thân tình nắm tay đức vua đi dạo vài vòng ngoài khu vườn, rồi nói chuyện như bình thường:

- Đại vương dự định hôm nào sẽ làm lễ hỏa táng cho lệnh bà?

- Có lẽ bảy ngày, và có lẽ phải cử quốc tang cho trân trọng, bạch Thế Tôn!

- Có cần như thế chẳng, đại vương? Sao đại vương không dùng mọi phí khoản ấy để đặt bát cúng dường chư tăng ni, một trăm vị, hai trăm vị - rồi nhờ đức thanh tịnh của Tăng ni để chú nguyện phước báu cho lệnh bà?

- Trẫm xin vâng lời Thế Tôn giống như hoàng hậu sinh thời thường vâng lời Thế Tôn vậy. Cho trẫm mời thỉnh đức Thế Tôn và tăng ni hai nghìn vị, ngay ngày mai !

- Cảm ơn đại vương! Và cũng không cần phải làm lễ quốc táng nữa. Nếu muốn tăng thêm ý nghĩa, sao đại vương không tha bớt tội tù, miễn bớt thuế má cho dân thì phước đức vô biên, vô lượng đó!

- Tâu vâng! Đức vua cúi đầu xuống - Trẫm sẽ làm đúng như Thế Tôn dạy bảo để hồi hướng phước báu cho hoàng hậu.

Sau đó, đức vua cúi lạy rồi ra về. Và ngày thứ nhất, hoàng cung của đức vua như sáng rạng và vinh quang hẳn lên do hai ngàn Tăng ni có đức Phật dẫn đầu ôm bát đến thọ thực. Bên kim quan bằng gỗ trầm hương được phủ đầy hoa thơm của lệnh bà, đức Phật lặng lẽ chú nguyện. Sau đó đức Phật thuyết một thời pháp có ý nghĩa về vấn đề tử sinh của đời người. Ngày thứ hai đến ngày thứ bảy là phiên hai vị đại đệ tử và chư đại trưởng lão dẫn đầu, cũng ôm bát đến hoàng cung thọ thực, rồi cũng chú nguyện lặng lẽ và thuyết những thời pháp khác nhau.

Đức vua nhớ lời dạy bảo của đức Phật, lệnh cho quan toà và quan ngục xét lại án để tha bớt tội tù; đồng thời, xá

miễn tất cả các loại thuế trong suốt bảy ngày cử hành tang lễ. Muôn dân cả nước hoan hỷ vui mừng ca tụng đức nhân ái của đức vua; và họ cũng thâm hiểu rằng, họ đã được hưởng dư phước của hoàng hậu Mallikā nữa.

Cuối ngày thứ bảy, lễ hỏa táng nhục thể của hoàng hậu, ngay tại sân hoàng cung diễn ra vô cùng trang trọng. Sự nghĩ lại, đức vua chỉ có việc bực mình, tự trách mình, tại sao trí nhớ càng lúc càng tệ mạt, kém cỏi như thế! Sao lại không nhớ để hỏi đức Phật hoặc chư đại thánh tăng cảnh giới lai sinh của hoàng hậu?

Còn hoàng hậu Mallikā, sau bảy ngày thống khổ trong địa ngục để trả quả, do năng lực phước thiện quá lớn nâng đỡ, đưa bà hóa sanh vào cung trời Tusita.

Vào ngày thứ tám, đức Phật một mình ôm bát khát thực, thong dong đi đến hoàng cung. Đức vua nghe tin, tỉnh ngai vào thượng điện, nhưng đức Phật chỉ muốn ngồi nơi nhà để xe.

Sau khi cúng dường đầy bát các thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm cho đức Phật, nhà vua chấp tay xá ngai rồi hỏi lại câu đã quên suốt bảy ngày qua, tức là chỗ tái sanh của hoàng hậu.

Đức Thế Tôn mỉm cười:

- Hiện tại, bà đang thọ hưởng thiên lạc tại cung trời Tusita, tâu bệ hạ!

Nghe vậy, đức vua cảm thấy được an ủi phần nào, nhưng nổi nhớ thương hoàng hậu vẫn không nguôi:

- Bạch Thế Tôn! Từ khi nàng đi về cõi khác, trăm cảm giác như mất hẳn sự sống.

Đức Phật an ủi:

- Bệ hạ chớ nên đau lòng. Đó là quy luật bất biến cho mọi chúng sanh, không ai có thể tránh được. Nhưng trường hợp hoàng hậu thì bệ hạ nên mừng vui cho lệnh bà mới phải!

- Tại sao?

- Vì do công hạnh, phước báu của lệnh bà, lệnh bà mất đi giống như đôi mới chiếc xe khác trân quý hơn vậy thôi!

- Trẫm chưa được hiểu.

Đức Phật đưa tay chỉ vào một chiếc xe:

- Bệ hạ! Xe này của ai?

- Bạch Thế Tôn! Của nội phụ trẫm.

- Còn xe này?

- Của phụ vương trẫm, bạch Thế Tôn.

- Còn xe kia?

- Là của trẫm!

Đức Phật mỉm cười:

- Hóa ra chiếc xe của cha lại mới hơn chiếc xe của ông nội, chiếc xe của con lại mới hơn chiếc xe của cha. Hoàng hậu vừa tậu được một chiếc xe mới nhất, đẹp nhất ở cung trời Tusita đây, tâu bệ hạ!

Thấy đức vua đã hiểu sự thật ấy rồi, đức Phật lại giảng sâu hơn về pháp:

- Nhưng những chiếc xe được trang hoàng lộng lẫy, đẹp đẽ, trân quý thế kia rồi cũng đến lúc cũ hư, tàn tạ, hoại mục mà thôi. Cái thân Như Lai cũng thế mà cái thân của đức vua cũng vậy, đã gần bảy mươi tuổi rồi, nó đang già yếu và đang lão suy đấy! Định luật hữu vi là vậy. Chỉ có giáo pháp trong tâm của bậc thiện trí⁽¹⁾ nó mới không bị chi phối bởi hư mục, già lão. Thấy biết được vậy, những bậc thiện trí trên đời này phải biết làm cho sáng tỏ giáo pháp ấy đến những người lành, người tốt, tâu đại vương!

Những lời giảng ấy của đức Phật được cô đọng trong bài kệ:

“- Xe vua đẹp đẽ dường bao

Trang hoàng lộng lẫy, hư hao đến kỳ

Thân này đến lúc lão suy

⁽¹⁾ Ý nói bậc Thánh A-la-hán.

Pháp bậc thiện trí vô vi chẳng già

Pháp của đức Gotama

Sáng tỏ chân lý, chan hòa thiện nhân!”⁽¹⁾

Đức vua tín thọ lời dạy của đức Phật, đã đỡ buồn khổ và xem ngài như chỗ nương tựa tinh thần một cách vững chắc. Kết quả ấy, một phần công lao là nhờ vào bà hoàng hậu yêu quý của ông vậy.

Nhưng đức vua đâu có biết rằng, sự thương yêu sâu đậm ấy cũng do duyên duyên ái từ nhiều đời kiếp: Vì nàng Sujātā trong Sujāta-Jātaka⁽²⁾, nàng Kinnarī trong Bhllāṭiya-Jātaka⁽³⁾, và nàng Sambula trong Sambula-Jātaka⁽⁴⁾; cả ba kiếp sống ấy, ông đều là người chồng thân yêu của bà.

Hoàng hậu Mallikā được biết đến là một trong những đệ tử thuần thành, nhiệt tình và xuất sắc nhất trong hàng nữ cận sự của đức Phật vậy⁽⁵⁾.

⁽¹⁾ Pháp cú 151: “Jiiranti ve rārathā sucittā atho sārīraṃ pi janaṃ upeti; satam ca dhammo na jaraṃ upeti santo have sabbhi pavedayanti”.

⁽²⁾ J.iii.22.

⁽³⁾ J.iv.444.

⁽⁴⁾ J.v. 98.

⁽⁵⁾ A.iv.348.

Con Số Đen Bất Hạnh

Hôm ấy, có một vị tỳ-khưu Niết-bàn mà làm cho cả Kỳ Viên tịnh xá xôn xao. Ai cũng thắc mắc, nhất là chư phàm tăng, tại sao chỉ một vị tỳ-khưu bình thường mà lại đích thân đức Phật đến chứng kiến lễ hỏa táng, ngoài ra, dường như là tất cả chư đại trưởng lão đều có mặt bằng sự qua tâm và ưu ái đặc biệt? Chẳng những thế, sau khi thu nhật xá-lợi, đức Phật còn khuyên hai hàng cận sự nam nữ nên xây dựng bảo tháp để tôn trí và tôn thờ xá-lợi?

Đức Phật biết chuyện ấy, nên trong thời pháp, ngài đã kể lại đầu đuôi tự sự nhân duyên và quả báo của vị tỳ-khưu ấy, và sau này chư vị kết tập sư thuật lại:

- Thuở Phật Kassapa còn tại thế, có một vị tỳ-khưu sống trong ngôi làng nhỏ dưới sự hộ độ của người chủ ruộng. Vị ấy tính tình bộc trực, hồn nhiên, giữ giới trong sạch và chuyên tu thiền quán. Ngài sống như vậy trong thời gian dài không có phiền lao và nhiệt não.

Hôm kia, có một vị trưởng lão lục căn thanh tịnh đi qua làng. Người chủ ruộng trông thấy, phát tâm tịnh tín, thỉnh bát, mời vào nhà, cúng dường các món ăn, nghe pháp rồi thưa:

- Thật ít khi mà ngôi làng nhỏ bé của chúng con được phước để nghinh tiếp và cúng dường đến các bậc sa-môn phương xa. Thưa tôn giả kính mến! Nay ngài đã đến đây thì xin ngài hoan hỷ dừng bước để cho chúng con thêm được phần cơ duyên tấn ích. Ở đây, có một ngôi tịnh xá, ngài sẽ gặp đầu tiên ở con đường. Thỉnh tôn giả ở lại đây, buổi chiều, chúng con sẽ đến.

Vị trưởng lão im lặng nhận lời đi đến tịnh xá, đánh lễ vị tỳ-khuru trụ trì và xin chỗ tạm cư.

Vị tỳ-khuru trụ trì ân cần tiếp đón, mời ngồi rồi hỏi:

- Chẳng hay hiền giả ở xa lại mà đã có gì độ thực chưa?
- Đã có rồi, thưa hiền giả.
- Ở đâu vậy, hiền giả quý mến?
- Gần đây thôi, thưa ngài, nơi gia đình người chủ ruộng ở trong làng.

Vị trụ trì sửa soạn sàng tọa, chỗ cất đặt y bát, nước rửa, khăn tắm, khăn lau mặt, chỉ chỗ vệ sinh, quét dọn đầu đầy ngăn nắp rồi mời vị khách tăng vào nghỉ ngơi.

Vị trưởng lão vốn là bậc A-la-hán, lậu hoặc đã tận, sống bình đẳng hài hòa với các vị đồng phạm hạnh, hoan hỷ đến chỗ sàng tọa của mình, ngồi xuống và hưởng lạc thọ của thiền, của quả.

Buổi chiều, với hương hoa, dầu đèn, người chủ ruộng đến tịnh xá, đánh lễ cúng dường vị trụ trì rồi thưa hỏi vị khách tăng. Người chủ ruộng vấn an sức khỏe, đánh lễ, ngồi xuống một bên vị trưởng lão và nghe pháp. Đến lúc mát trời, người chủ ruộng xin được mời thỉnh cả hai vị về nhà mình.

Vị trụ trì tâm tư không được thoải mái, tự nghĩ: “Kẻ hộ độ cho ta tâm đã bị phân tán thành hai. Một lúc nào đó, y sẽ không còn ngó ngang gì đến ta nữa. Vậy hãy làm thế nào cho vị khách tăng bỏ tịnh xá và ra đi?”

Đến giờ hầu thăm, khi vị trưởng lão đến, vị trụ trì tỏ thái độ im lặng một cách khó chịu.

Quán tâm, biết rõ tâm của vị trụ trì, bậc trưởng lão về chỗ sàng tọa của mình, suy nghĩ: “ Ngài trụ trì này không biết, chớ ta có bao giờ làm phiền lụy, trở ngại cho ai?”

Sáng ngày, vị trụ trì lấy tay gõ nhẹ cái chuông, lấy móng tay cào nhẹ nơi cửa rồi ôm bát đến nhà thí chủ hộ độ hàng ngày. Người chủ ruộng thỉnh bát, mời ngồi rồi hỏi vị khách tăng sao không thấy đến.

Vị trụ trì tỏ vẻ ngần ngại một lát rồi mới nói:

- Tôi không biết gì về vị tỳ-khưu đáng mến ấy! Sáng ngày, tôi đã đánh chuông, gõ cửa nhưng không thể đánh thức vị ấy được. Bữa qua, sau khi dùng các món ăn thượng vị nơi nhà của thí chủ, có thể chưa tiêu hóa được, nay đang còn ngủ chãng? Tôi không rõ lắm, mà có thể vị ấy đang hoan hỷ với những việc như vậy!

Trong khi ấy, bậc trưởng lão A-la-hán biết giờ khất thực đã đến, không muốn làm phiền vị trụ trì nên đã dọn dẹp sàng tọa, cát đặt, quét tước đầu đó tươm tất, sạch sẽ, rồi đắp y, quăng bát qua hư không đi đến một trú xứ khác.

Người chủ ruộng sau khi cúng dường cơm, canh, bánh, sữa, sanh tô, mật và đường đến vị trụ trì, lại gói sẵn thêm một phần nữa rồi thưa:

- Bạch tôn giả! Ngài trưởng lão khách tăng chắc đi đường xa còn mệt, vậy nhờ tôn giả hoan hỷ mang phần vật thực mà chúng con đã có nhã ý cúng dường cho vị ấy.

Chẳng thể từ chối, vị trụ trì đi về với tâm tư phiền muộn, tự nghĩ: “Nếu y được ăn cơm với sữa, mật và sanh tô này, ai nắm cổ đuôi đi, chắc y sẽ không đi. Vậy ta phải làm sao? Dem cho người khác, việc làm của ta sẽ bị bại lộ. Nếu đổ xuống nước, sanh tô sẽ nổi lên và sẽ bị thấy. Quãng trên đất thì lũ quạ sẽ tụ họp lại, kẻ qua đường sẽ biết, và rồi sẽ đến tai người chủ ruộng. Nay ta sẽ thủ tiêu phần vật thực này ở đâu bây giờ cho mất tích?”

Đang phân vân như vậy, vị trụ trì chợt thấy một đám cây và một đám ruộng bị đốt, lửa nghi ngút bốc lên. Ý nghĩ đi liền theo, vị trụ trì khều một đồng than đỏ lên, bỏ vật thực xuống rồi phủ lên đó một lớp than nữa. Làm xong công việc ấy, vị trụ trì mỉm cười hài lòng: “Sẽ không còn vật thực thượng vị, rồi tứ đại sẽ hoàn cho tứ đại”.

Về tịnh xá, thấy vắng vẻ, mở cửa nhìn chỗ sàng tọa của vị khách tăng, thấy đầu đó đã được dọn dẹp ngăn nắp, sạch sẽ, vị trụ trì giật mình: “Vậy là y biết rõ tâm tư của ta, không muốn phiền nhiễu ta, quấy rầy ta nên đã lặng lẽ bỏ đi nơi khác. Đây đúng là hành trạng của một bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc rồi!”.

Nghĩ vậy, một nỗi sợ hãi to lớn khởi lên thiêu đốt tâm can, vị tỳ-khưu trụ trì khốn khổ than dài: “Ôi! Vì một miếng ăn, một chút ganh tỵ mà ta đã thiêu rụi vô vàn công đức và phước báu tu tập được. Ta đã ngu si làm một tội lỗi tà trời!”

Từ đấy, vị tỳ-khưu trụ trì bị dẫn vật, đau khổ, phiền muộn, ưu sầu. Ngày và đêm, vị ấy như ở trong một lò lửa lớn, đun bằng dầu sôi, đốt cháy ruột gan và óc não. Trạng thái này kéo dài cho đến khi chấm dứt thọ mạng, vị tỳ-khưu trụ trì rơi xuống địa ngục, bị đốt, bị nấu nhiều trăm nghìn năm.

Do sức mạnh của ác nghiệp, từ địa ngục, vị ấy bị sanh năm trăm kiếp liên tục làm Dạ Xoa đói, không được ăn đầy bụng dù chỉ một ngày. Chỉ có một bữa, vị ấy được no bụng bởi ăn đồ uế nhiễm của thai bào.

Hết năm trăm kiếp Dạ Xoa, năm trăm đời vị ấy sanh làm chó đói. Liên tiếp năm trăm đời, không một ngày no bụng, chỉ được một bữa no đầy do ăn vật thực ói mửa của người khác.

Khi kiếp chó mạng chung, vị ấy sinh ở nước Kāsi, tại một làng nghèo đói, trong một ngôi nhà nghèo đói nhất. Từ

khi vị ấy sinh ra, gia đình ấy trở nên nghèo đói cùng cực. Nơi cái bụng ọc ạch của vị ấy, chưa bao giờ chứa được một nửa bát nước cháo chua! Cha mẹ vị ấy không thể chịu nổi cái đói, đành đuổi vị ấy đi với lời nguyện rửa “con số đen bất hạnh!” Không nơi nương tựa, vị ấy lang thang đến thành phố Bārāṇasī.

Thuở ấy, tiền thân đức Phật Gotama là một vị giáo sư có tiếng khắp các phương. Dân thành phố Bārāṇasī trả tiền công cho ngài để ngài dạy tri thức và nghề nghiệp cho năm trăm thanh niên con em của họ. Tình cờ, Bồ Tát gặp “con số đen bất hạnh”. Thấy đói khổ, tội nghiệp, ngài mang về cho cơm ăn áo mặc rồi dạy cho học. Nhưng vị ấy cứng đầu, ngang ngạnh, hay đánh bậy, không chịu nghe lời khuyên bảo. Từ khi có nó, tiền dạy của Bồ Tát bỗng dưng giảm sút, không rõ người ta cố ý không trả tiền công hay người ta quên! Tuy nhiên, mặc dù biết rõ do nghiệp của nó, Bồ Tát vẫn nhẫn nại, khoan dung, cố dạy dỗ cho nó nên người.

Cũng do nghiệp xui nên, vị ấy không thể ở yên trong hoàn cảnh tốt. Nó gây lộn, ẩu đả với nhiều thanh niên rồi trốn đi, lang thang đến một làng biên địa làm thuê sinh sống.

Tại đây, nó chung sống với một người đàn bà nghèo khổ và sinh được hai con. Từ khi có nó ở đây, ngôi làng biên địa này bị vua xử phạt bảy lần vì săn thú trái phép, nhà cửa bị cháy bảy lần và hạn hán cũng xảy ra bảy lần. Đời sống của dân chúng vốn đã chẳng no đủ gì, lại trở nên khó khăn, nghèo đói, cơ cực không thể tưởng. Họ nghĩ: “Có lẽ tại con số đen bất hạnh kia chăng? Trước đây, chúng ta đâu có khổ cùng khổ cực đến vậy?”.

Dân làng họp nhau lại rồi tản xuất nó đi. Với vợ và con, nó lang thang lếch thếch đến một khu rừng. Một bữa đi kiếm trái cây trở về, vợ và hai con nó chỉ còn là đồng xương và máu bầy nhầy. Một phi nhân đã ăn thịt những kẻ thân yêu của nó! Sợ hãi, đau đớn, đói khát, nó ra khỏi rừng, vất

vương từ núi này sang núi nọ, làng này sang làng khác. Đến một vùng biển, gặp lúc một chiếc tàu vừa nhỏ neo, nó xin được một chân làm thuê. Tàu đi được bảy ngày thì đột nhiên đứng yên như bị mắc cạn. Chúng rút thăm xem ai là “con số đen bất hạnh”. Cả bảy lần rút thăm, “con số đen” đều rơi vào tay nó. Thế là người ta hè nhau, quăng nó xuống trên một chiếc bè. Không có nó, tàu bình yên vô sự ra đi!

Do quả giữ giới, sống đời phạm hạnh một thời gian thuở Phật Kassapa, bè tre của nó trôi đến một hòn đảo xinh đẹp. Tại đây, nó sống hưởng lạc bảy ngày trong tòa lâu đài pha lê với bốn thiếu nữ Dạ Xoa thiên. Hết bảy ngày, nó lại lên bè tre trôi đến một hòn đảo khác, gặp tám tiên nữ và sống hưởng lạc thú với họ trong một tòa lâu đài bằng ngọc. Phước báu này đẩy nó đi rồi gặp mười sáu tiên nữ, ba mươi hai tiên nữ. Hết phước, nó lạc đến một hòn đảo hoang vu. Có một con quỷ Dạ Xoa trong hình dáng một con dê đang ăn cỏ ở đây. Vì đói, nó nhảy đến định bắt dê để ăn thịt. Với thần lực của loài quỷ, Dạ Xoa nhấc bổng nó và quăng qua hư không. Nó băng băng bay qua biển, không biết với thời gian bao lâu, nó rơi xuống trên đầu một bụi gai, lăn tròn qua một cái hào khô nước rồi đứng dậy.

Lúc bấy giờ, tại cái hào ấy, ăn trộm thường đến bắt dê của vua, và những người rình bắt trộm đang núp sẵn ở đây. “Con số đen bất hạnh” thấy dê nhiều quá, ngu si tự nghĩ: “Khi ta chụp bắt dê ngoài hoang đảo, nó quăng ta qua biển rồi rơi xuống đây. Bây giờ, ta lại chụp bắt một con dê, như thế, nó lại quăng ta qua biển, rơi xuống nơi hòn đảo có các vị tiên nữ!”

Với tác ý bất chánh như vậy, nó nhảy tới chụp chân dê, dê kêu lên, thế là người ta đổ ra bắt nó: “Đây đúng là đứa ăn trộm dê của vua từ trước tới nay!” Người ta đánh nó, trói lại rồi dẫn về cho đức vua trị tội.

Hôm ấy, ở Bārānasī, Bồ Tát đang dẫn năm trăm người học trò của mình xuống sông tắm thì gặp nó đang bị lính trời dẫn đi. Hỏi tự sự đầu đuôi câu chuyện, Bồ Tát biết nó không phải là đũa ăn trộm dê, chỉ do một sự trùng hợp ngẫu nhiên nào đó thôi. Nó cũng tình thật kể lại tác ý của nó khi được hưởng lạc thú ở đảo với những tiên nữ. Bồ Tát chi trả một ít tiền thù lao công khó đêm hôm cho những người rình trộm rồi xin họ ân xá cho sự ngu si của nó. Nể tình Bồ Tát, nó được tha mạng. Bồ Tát lại mang nó về nhà nuôi dưỡng rồi tiếp tục khuyên lơn, dạy bảo. Chấm dứt thọ mạng, Bồ Tát và “con số đen bất hạnh”, mỗi người đi theo nghiệp của mình.

Cái quả báo khủng khiếp của vị tỳ-khưu trụ trì thuở xưa, vì nguyên nhân một miếng ăn, một chút ganh tỵ mà đốt cháy vật thực, không phải ngang đây là chấm dứt. Cái kiếp ngu si, bần cùng, khốn khổ bất hạnh tương tự như trên còn kéo dài đến năm trăm đời sau nữa.

Kiếp cuối cùng, nó sanh thú tại Kosala, trong một làng đánh cá, tại một gia đình nghèo khổ. Từ khi nó tượng hình trong thai bào người vợ thì cả ngôi làng, gồm một ngàn gia đình rơi vào thảm họa, tổn hại, cá trong sông dường như trốn đi đâu mất hết, dân làng thường trở về tay không mỗi ngày, mỗi tuần. Họ phải đi xa hơn, ngoài ranh giới của mình, thế là bị đức vua xử phạt bảy lần! Rồi tiếp theo là ngôi làng bị cháy bảy lần! Thế rồi, cả làng chỉ còn tay trắng, nghèo đói cùng cực.

Họ bàn với nhau: “Trước kia, chúng ta không có như vậy. Làng của chúng ta chắc chắn phải có một ‘con số đen’ nào đây, phải tìm cho ra!”

Rồi họ phân thành hai nhóm, mỗi nhóm năm trăm gia đình. Chuyện lạ xảy ra. Nhóm nào có cha mẹ nó thì vẫn đen đui, xui xẻo. Nhóm kia dần dần được tăng thịnh, hết đói nghèo.

Người ta lại chia hai cái nhóm năm trăm gia đình “con số đen”, mỗi bên hai trăm rưỡi gia đình. Nhóm có cha mẹ nó thì nghèo đói như cũ, còn nhóm kia bắt đầu may mắn. Tuần tự chia đôi mãi như vậy, người ta tìm ra được gia đình có nó đầu thai, rồi tản xuất cả gia đình nó ra khỏi làng.

Người chồng biết cái “quái thai” kia nằm trong bụng vợ nên cũng sợ hãi, trốn vợ bỏ đi luôn. Thật khôn khổ cho người đàn bà bụng mang dạ chửa, lê lét tám thân gầy đi xin ăn qua bữa. Cuối cùng, đứa bé cũng được sinh ra.

Vì là đời sống cuối cùng nên dầu có bị khôn khổ, đói rét, đứa bé vẫn không thể chết. Như ngọn đèn nằm trong chiếc ghè, điều kiện để thành A-la-hán cháy đỏ trong tim của nó.

Khi đã biết đi, biết chạy, người mẹ giao cho đứa bé một cái bát và bảo nó đi ăn xin, rồi bỏ trốn. Bà nghĩ rằng, cứu mạng nó cho đến bây giờ quả là tận tình, tận nghĩa đối với nó rồi.

Từ đó, nó sống một mình, tìm đồ ăn tại chỗ này, chỗ kia, không một mảnh vải che thân, nằm ngủ đầu đình, xó chợ. Nó tìm sống một cách cực khổ như một con quỷ ăn bùn, bới trong những đồng rác, lượm những hạt cơm đổ tại các cửa nhà, moi móc những đồ ăn thừa người ta rửa, thải từ các mương cống ...

Hôm nọ, bậc Tướng quân Chánh pháp đang đi khát thực ở Sāvatti, thấy đứa bé, động tâm suy nghĩ: “Chẳng biết nó là con của ai, ở đâu mà sống một đời đáng thương hại như vậy?” Rồi khởi lòng bi mẫn, ngài gọi:

- Này con, hãy đến đây!

Đứa bé đến, thấy dung nghi của trưởng lão, một niềm kính trọng sâu xa khởi lên, nó liền chấp tay đánh lễ rồi đứng khép nép ở một bên.

- Con ở làng nào? Cha mẹ con ở đâu?

- Thừa tôn giả, con không có nơi nương tựa. Cha mẹ con, vì con mà đời sống quá khốn khổ, quá mệt mỏi nên họ đã bỏ rơi con và trốn đi.

Tôn giả Sāriputta cất giọng ân cần:

- Này con, con có muốn sống đời xuất gia như ta không?

- Con muốn lắm! Đứa bé nói - Nhưng ai sẽ cho kẻ khốn nạn như con xuất gia?

- Ta, ta sẽ cho con xuất gia.

Tôn giả Sāriputta sau khi cho đứa bé ăn các món ăn loại cứng và mềm, dắt về tịnh xá Kỳ Viên, tự tay tắm rửa, cho y áo, rồi cho đứa bé xuất gia làm sa-di đuổi quạ. Đến tuổi trưởng thành, trao cho đại giới, từ đây được gọi là tỳ-khưu Losaka.

Losaka do nghiệp quá khứ còn dư sót nên ít được phước báu, ít nhận được các món ăn cúng dường. Dầu cho có được bố thí lớn cách mấy, không gì sánh nổi, bụng của vị tỳ-khưu này cũng không được no, chỉ vừa đủ để duy trì mạng sống cầm chừng mà thôi! Một muỗng cháo là hình như đã tràn đầy bình bát của vị ấy. Người ta luôn luôn cảm thấy bát của vị tỳ-khưu đã đầy - dầu bên trong không có gì - nên họ lại đem dâng cúng cho vị đi sau.

Tỳ-khưu Losaka, tuy vậy, tu hành rất tinh tấn, thiền quán tăng trưởng, sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Tuy vậy, ngài cũng chỉ được món ăn cúng dường ít ỏi. Vì thiếu thốn vật thực nên thọ hành giảm thiểu và ngày Niết-bàn vô dư đã đến.

Bậc Tướng quân Chánh pháp, hôm ấy hướng tâm đến, biết được thọ hành của người đệ tử, bèn nghĩ rằng: “Losaka hôm nay sẽ nhập Niết-bàn không có dư y. Ta làm thế nào cho vị ấy được một bữa ăn no bụng lần cuối cùng?”

Thế rồi, tôn giả dẫn ngài Losaka vào Sāvatti để khát thực. Dầu cả thành phố ai cũng biết tôn giả, nhưng hôm ấy, không hiểu tại sao, cả hai không nhận được một lời chào

hỏi, huống nữa là cúng dường! Tôn giả Sāriputta bảo ngài Losaka về tịnh xá, ngồi tại giảng đường rồi tôn giả sẽ gửi vật thực về cho.

Khi không có tỳ-khưu Losaka đi bên cạnh, tôn giả liền đầy một bát, đầy hai bát. Tôn giả cẩn thận sót ra nhiều phần, gặp vị tỳ-khưu nào, tôn giả cũng nhờ mang về cho tỳ-khưu Losaka đang đợi ở giảng đường. Rồi tôn giả lại đi bát tiếp cho mình.

Kinh kể rằng, vì nghiệp ác xui khiến nên tất cả những người tôn giả Sāriputta nhờ mang về, đều quên, không đem vật thực cho tỳ-khưu Losaka, họ ăn hết, hoặc họ sót cho vị khác.

Đến trưa, khi về tịnh xá, ngài Losaka tìm đến đánh lễ, Tướng quân Chánh pháp ân cần hỏi:

- Này hiền giả! Hiền giả có nhận được chút ít vật thực nào chăng?

Vì là bậc thánh, ngài Losaka trả lời nhũn nhặn:

- Thưa tôn giả! Rồi con sẽ nhận được.

“Rồi con sẽ nhận được”! Nghĩa là hiện giờ thì chưa nhận được! Tôn giả Sāriputta ngẩng đầu nhìn trời. Đã quá ngộ!

- Hãy ngồi xuống đây, hiền giả! Tôn giả Sāriputta nói nhanh - Hãy ngồi xuống đây và chỉ đợi ta trong giây lát thôi.

Xong, như cánh chim ưng vàng, tôn giả quăng bát qua hư không, vận thần thông lực, bay đến trú xứ của vua Kosala. Ở đây, sau khi nhận đầy bát bốn loại bánh ngọt và những thức ăn phi thời, tôn giả mau chóng trở về, đứng, cầm bình bát và nói:

- Này hiền giả Losaka, hãy ăn đi! Đây là những thức ăn phi thời được phép dùng. Ta cho phép hiền giả cứ lấy ăn.

Nhưng ngài Losaka vì lòng kính trọng thầy, không thể để thầy đứng cầm bát cho mình ăn, nên còn ngần ngại.

Tôn giả lại nói:

- Này hiền giả! Đáng quý thay là đức hạnh cung kính, nhưng đây là do ta cho phép chứ không phải tự ý của hiền giả. Ta cầm bát và đứng, còn hiền giả cứ lấy bánh mà ăn. Vì sao vậy? Vì ta biết rõ rằng, khi tay ta vừa rời khỏi bình bát thì sẽ không còn một vật thực nào ở đây nữa!

Do thần thông lực của bậc Tối Thượng Thủ duy trì nên bánh đã không biến mất do nghiệp còn dư sót của tỳ-khưu Losaka, nên hôm ấy ngài được ăn một bữa ăn no bụng trong suốt một kiếp làm người!

Kể xong câu chuyện, đức Phật kết luận:

- Cái quả báo khủng khiếp chỉ do miếng ăn, chỉ do cái bụng mà phát sanh ganh tỵ, đố kỵ đưa đến sự luy thân, thống khổ nhiều đời. Đây cũng là cái gương cho Tăng chúng mai hậu soi vào, xem thử cái bóng của mình có hiện ra ở đây không? Sở dĩ Như Lai và chư vị đại trưởng lão đồng có mặt trong khi hỏa táng thi hài của vị ấy, xây bảo tháp thờ vị ấy, còn nói lên ý nghĩa: Một chút phạm hạnh tu tập được, cuối cùng, cũng đưa mình đến nơi giải thoát; vậy đại chúng hãy hành trì giáo pháp cho tinh tấn để lợi lạc cho mình về sau!

Devadatta
Muốn Chưởng Quản
Tặng Đoàn

Sau mùa an cư thứ ba mươi bảy tại Đông Phương Lộc Mẫu, đức Phật đột ngột ôm bát cùng với Ānanda, hai vị đại đệ tử và một số vị trưởng lão khác, chừng mười vị, lên đường, xuôi hướng đông nam. Lúc này đức Phật đã bảy mươi hai sương tuyết, sức khỏe có yếu đi nhưng trông vẫn còn dẻo dai như cồi lão mai. Tôn giả Ānanda đi hầu bên, trông thấy bước chân thông dong khoẻ khoắn của đức Phật, ngài cảm thấy rất an lòng. Chư vị trưởng lão khác, ai đầu tóc cũng đã muối tiêu nhưng vẫn còn phương phi, xương kính như tòng, như bách. Lần này, đức Phật và phái đoàn lại lên núi Linh Thứu.

Lúc đi ngang qua vườn xoài của thánh y Jīvaka, đức Phật và chư vị trưởng lão ghé vào bên trong và dừng chân giây lát. Chư tăng nơi này du phương vắng cả. Cũng là nhân duyên lạ lùng, vị thánh y đang có mặt ở đây, ông đang hái thuốc để bào chế một số phương dược đặc biệt cho hoàng cung. Gặp đức Phật và chư đại thánh tăng, ông mừng quá, loay hoay tìm nước rửa chân, dâng nước uống và sắp xếp chỗ ngồi.

Khi đầu đó đã xong xuôi, thánh y Jīvaka ngồi bên chân, hầu Phật:

- Mấy năm đức Thế Tôn vắng mặt nơi này, tình trạng giáo đoàn tại kinh thành Rājagaha rất lộn xộn; và tại hoàng cung của đức vua Bimbisāra cũng không được yên ổn. Nơi nào lửa và khói cũng đang âm ỉ với dấu hiệu bất an...

- Ủ, ông cứ nói tiếp đi!

- Bạch Thế Tôn! Sau lần mới đây, khi hai vị tôn túc Sāriputta và Mahā Moggallāna vừa rời khỏi Trúc Lâm thì tôn giả Devadatta đã lộ rõ ý đồ lãnh đạo giáo đoàn thay đức Tôn Sư. Hiện tại, tôn giả ấy đã hình thành được một vây cánh rất lớn rộng. Có ba lực lượng được xem là khá mạnh mẽ đang ủng hộ và tiếp sức thêm tham vọng cho tôn giả ấy. Thứ nhất là thái tử Ajātasattu, không biết làm sao mà lại có đức tin rất mãnh liệt đối với tôn giả Devadatta. Nếu đức vua Bimbisāra tôn kính tuyệt đối đức Thế Tôn như thế nào thì thái tử cũng tôn kính Devadatta tuyệt đối như vậy. Vừa mới rồi, thái tử đã xây dựng cho Devadatta một tu viện lớn rộng bên kia dãy núi Gayāsīsa (Tượng Đầu sơn); và năm ba hôm lại cung cấp cả chục xe lương thực và đồ dùng đủ loại cho Tăng chúng ở đấy chừng trên dưới ba trăm vị. Thứ hai, tôn giả ấy kéo theo một số tỳ-khưu có trình độ pháp học nhưng cả tin, nhẹ dạ dễ tham mưu và làm tai mắt, tay chân cho mình, đó là các vị Tôn giả Kokālika, Kaṭamoraka-tissa, Khaṇḍade-viyāputta và Samudadatta... Thứ ba, do tôn giả ấy rất thông minh và có tài hùng biện nên đã quyến dụ rất đông tín đồ, lại còn lôi cuốn về phía “giáo hội” của mình khá nhiều phú hộ, gia chủ hữu danh cung cấp tứ sự thêm cho mình nữa...

Tôn giả Sāriputta nói với vị thánh y:

- Đúng như vậy đó, này Jīvaka ! Ông đã trình bày vấn đề rất chính xác. Tôi đã thấy rõ một vài sự kiên liên hệ và đã thưa bạch lên đức Tôn Sư rồi. Lúc ở Trúc Lâm, có một số đệ

tử của tôi đã bị nhóm của Devadatta dụ dỗ. Chúng nói rằng, cách giáo huấn của đức Thế Tôn đã cũ kỹ, lạc hậu rồi, không còn thích ứng với thời đại mới nữa. Giáo pháp gì mà đã trên ba mươi năm rồi mà chỉ nói lui, nói tới tứ niệm xứ, ngũ uẩn, thập nhị nhân duyên...! Đã trên ba mươi năm rồi mà chỉ nói tứ đế, bát chánh đạo... nghe mãi cũng nhàm tai! Quốc độ này, quốc độ kia càng ngày càng thịnh mãn về vật chất, nó đem đến những hạnh phúc cần thiết nhất định cho con người. Vậy thì giáo lý mới phải dạy cho con người cách thức tìm ra của cải xã hội, phải đi sâu vào các lãnh vực như kinh tế, nghề nghiệp đa dạng, cả hôn nhân gia đình và cả chính trị nữa... Tôn giả Devadatta rất khôn ngoan, biết rõ tâm lý của quần chúng ham giàu, chạy theo tư lợi, danh vọng nên ông ta phát triển các giá trị tại thế để đáp ứng mơ ước cho phần đông. Đây là tà đạo biện minh cho chánh đạo! Đây là đạo thế gian chứ không còn là xuất thế gian! Lại nữa, mấy vị tỳ-khưu thuộc nhóm Devadatta còn nói rằng: Ở Gayāsīsa, chư tăng khỏi phải lang thang buổi đói, buổi no đi trì bình khát thực; đã có thái tử Ajātasattu cúng dường đầy đủ mọi nhu cầu như vật thực, thuốc trị bệnh, sàng tọa, giường nệm, bơ, đường, sữa, mật... không thiếu thứ gì. Chư tăng nhàn hạ, thanh thoi, chỉ còn lo pháp học, pháp hành mà thôi! Còn nữa, tôn giả ấy biết, thái tử Ajātasattu trước sau cũng làm vua nên đã tìm cách “nắm đầu” thái tử trước. Khi mà thái tử ủng hộ Devadatta thì các giới thương buôn đánh hơi giới nhất, cũng sẽ ủng hộ cho Devadatta để lấy lòng thái tử, sẽ có lợi cho việc kinh doanh, buôn bán làm ăn sau này!

Đức Phật nhẹ nhàng gạt đầu:

- Sự việc xảy ra đúng là như vậy.

Tôn giả Sāriputta lại thưa với đức Phật:

- Và có điều cuối cùng, quan trọng nhất, chúng đệ tử vừa cho biết, là Devadatta đã cố ý chia rẽ Tăng khi tổ chức tụng giới riêng trong hai kỳ uposatha - bạch đức Thế Tôn!

- Ủ, Như Lai cũng đã biết như vậy.

Thánh y Jīvaka tỏ vẻ lo lắng:

- Đức Thế Tôn biết, nhị vị thượng thủ của giáo hội biết, nhưng con vẫn bất an. Những gì xảy ra, con biết dù có động trời đi chăng nữa cũng không thể làm cho đức Tôn Sư e ngại. Ngọn núi chúa Suneru không dao động như thế nào thì đức Tôn Sư cũng an nhiên y như vậy. Do con thường hay vào trong cung chăm lo sức khỏe cho đức vua và hoàng gia nên mới đây, con biết phong phanh một đôi điều bí mật. Đây là thái tử Ajātasattu muốn sớm làm vua để thực thi mộng bá chủ, bá quyền của mình. Hiện Ajātasattu rất nôn nóng, thấy vua cha tại vị quá lâu, không biết thái tử có âm mưu soán đoạt ngôi vua không nữa! Tôn giả Devadatta cũng vậy, tâm ý là muốn lãnh đạo giáo đoàn thay thế đức Tôn Sư nên sớm hôm hay ra vào tư dinh của thái tử, bàn bạc thăm lén gì đó có vẻ rất ám muội. Có lẽ những ý tưởng, kế hoạch gì đó ở trong đầu thái tử là do Devadatta phác thảo, chỉ bày. Con cảm thấy sợ hãi, có cái gì đó xảy ra liên lụy đến Tôn Sư và phương hại đến tăng đoàn. Xin đức Thế Tôn lưu ý.

- Ủ, đúng vậy! Như Lai biết nên Như Lai và chư đại trưởng lão đột ngột về đây. Cảm ơn ông đã quan tâm đến Như Lai và giáo hội nên đã cho Như Lai biết rõ tình hình. Tuy nhiên, dù đây đều là những việc quan trọng, nhưng ông nên nhớ rằng, trên thế gian này, không có uy lực nào có thể phương hại đến Như Lai và giáo pháp của Như Lai được đâu. Chuyện có hung dữ thế nào chăng nữa thì nó cũng xảy ra đúng nhân duyên và quả của nó, ông đừng lo!

Thánh y Jīvaka cảm thấy an tâm, từ giã về hoàng cung còn đức Phật và chư trưởng lão lại bộ hành lên núi. Mặc dù bao năm nay, đường lên Linh Thứu đã được đức vua Bimbisāra cho sửa sang nhưng hễ sau mùa mưa lũ lại bị xói mòn thành khe thành rãnh trở lại. Tuy leo núi khó khăn nhưng đức Phật cứ từ từ, chậm rãi, hơi thở điều hòa, tay bắt

tay gậy vẫn có vẻ thung dung. Chư vị trưởng lão cũng vậy, dốc núi thì cao mà ai cũng có vẻ thanh thoi như đi dạo mát!

Tại đỉnh núi Linh Thứu, đức vua có xây cất cho đức Phật một hương thất, nhỏ nhắn thôi nhưng trông rất xinh xắn, hài hòa, bao năm rồi mà vẫn còn vững chãi giữa mưa nắng tuyết sương. Chư đại trưởng lão thì ai cũng có những hang đá cho riêng mình. Họ nghỉ ngơi ít hôm.

Tại đây, vào dịp thuận tiện, đức Phật nói chuyện với chư vị trưởng lão, và câu kết là như sau:

- Giáo pháp của Như Lai trên thế gian này đã sắp hoàn thành giai đoạn cuối cùng của nó trên cuộc đời này. Rồi Như Lai, rồi chư vị cũng sẽ ra đi theo định luật tự nhiên của thế giới hữu vi sinh diệt, chẳng có gì phải cưỡng cầu, chẳng có gì phải trầm tư. Pháp và Luật của Như Lai giảng thuyết đây đó suốt ba mươi bảy năm qua đã gần đủ cho mọi căn cơ và trình độ học chúng, chỉ cần một thời gian bổ túc nữa là nó sẽ toàn mãn, khả dĩ so sánh với giáo pháp của chư Chánh Đẳng Giác quá khứ!

Đưa đôi mắt bi từ nhìn chư vị “lão tăng” , đức Phật lại sách tấn:

- Hãy cùng đi với Như Lai để vượt qua một vài gian nan, trở ngại nữa, là chúng ta đã làm hết công việc phải làm trên cuộc đời này, hồi những “chú ngựa già” uy mãnh và kiêu hùng của Như Lai!

Ai cũng mỉm nụ tiêu sanh tâm.

Rồi phái đoàn lại xuống núi, về Trúc Lâm tịnh xá. Chợt đâu, nườm nượp mấy hôm sau, tăng chúng đệ tử của chư tôn giả Sāriputta, Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa, Upāli, Ānanda... từ các nơi như Sāvatti, Kapilavatthu, Koliya, Kosambī, Vesālī... không biết do ai thông tin mà cuồn cuộn như sông suối đổ về Trúc Lâm hơn hai ngàn vị; họ âm thầm hậu thuẫn cho đức Tôn Sư và giáo hội đó chăng?

Hôm kia, có lẽ đã chuẩn bị đầu đó sẵn sàng, tôn giả Devadatta dẫn một hội chúng chừng ba bốn trăm vị tỳ-khưu từ tu viện Gayāsīsa về Trúc Lâm tìm gặp đức Phật, ông ta cất giọng có vẻ cao ngạo:

- Bạch đức Thế Tôn! Lúc này Thế Tôn niên trưởng đã cao, sức đã yếu⁽¹⁾, đệ tử thấy đức Thế Tôn nên nghỉ ngơi, tịnh dưỡng là phải lẽ. Còn công việc của giáo hội, hãy để cho con làm chưởng quản, chăm sóc và lãnh đạo chư tăng.

Đức Phật biết rõ tâm địa cùng mưu đồ bất chánh của ông, cất giọng khuyến cáo:

- Này Devadatta! Như Lai cũng chưa hề nghĩ là Như Lai sáng lập ra một giáo hội rồi làm giáo chủ giáo hội ấy. Như Lai là một đạo sư, chỉ là một người dẫn đường, tầm thường và đơn giản thế thôi. Còn trách nhiệm về việc chăm sóc Tăng-già ư? Ngay chính hai vị đại đệ tử của Như Lai, Sāriputta và Mahā Moggallāna; về trí tuệ, tư cách, phẩm hạnh của họ đều ưu việt, được coi là gần như ngang hàng với Như Lai, nhưng Như Lai cũng chưa hề nghĩ là sẽ giao phó giáo hội cho hai ông ấy chưởng quản. Còn ông là ai, ông là gì mà đòi lãnh đạo giáo hội? Ông tưởng rằng giáo hội thánh hạnh này để cho một kẻ liệt tuệ, thiếu tư cách, thiếu phẩm chất như ông chưởng quản hay sao? Tất cả mọi việc làm của ông, ngoài ánh sáng hay trong bóng tối, Như Lai đều thấy rất rõ ràng! Chẳng có gì có thể che giấu được Như Lai đâu, ông nên biết như vậy! Ông hãy đi đi! Từ rày về sau, trong giáo pháp này không có chỗ cho ông nữa - một kẻ cuồng vọng!

Do đức Phật không chấp thuận yêu cầu của Devadatta, nên ông ta cảm thấy bất mãn, căm thù ngài. Và cũng bắt đầu

⁽¹⁾ Ở tư liệu nào cũng nói như vậy, nhưng, chúng ta lưu ý: Đức Phật và Yasodharā cùng tuổi; Devadatta là anh ruột của Yasodharā, vậy thì ông ta tối thiểu cũng lớn hơn đức Phật một hoặc hai tuổi? Thế thì câu nói, đức Thế Tôn đã già yếu – thì Devadatta lại càng già yếu hơn?!!!

từ đây, Devadatta vạch ra một chiến lược, rồi từng bước, từng bước đi theo chiến thuật, kế sách đã tính toán sẵn, hầu giết hại đức Tôn Sư.

Khi Devadatta đi rồi, đức Thế Tôn cho gọi ngay tôn giả Sāriputta, dạy rằng:

- Ông, Mahā Moggallāna cùng với chư đệ tử, hãy đi khắp thành Rājagaha công bố về tất cả những hành động bất chánh, cố ý chia rẽ tăng của Devadatta. Và xác định cho mọi người hay rằng, Devadatta đã ở ngoài giáo hội tăng đoàn; việc làm của ông ta sau này là trách nhiệm của chính ông ta, chứ không còn liên hệ gì đến Như Lai, liên hệ đến tăng chúng cũng như giáo pháp của Như Lai nữa!

Tôn giả Sāriputta ngại ngần:

- Trước đây, cũng tại kinh thành Rājagaha này, đệ tử đã từng đi công bố cho mọi người hay về phẩm hạnh trang nghiêm, trong sạch của Devadatta rồi. Lẽ nào, hôm nay đệ tử lại tuyên bố ngược lại?

- Trước đây, ông công bố về Devadatta như thế có đúng sự thật không?

- Thưa, đúng sự thật.

- Vậy bây giờ ông đi công bố những điều Như Lai vừa nói, có đúng sự thật không?

- Thưa, đúng sự thật.

Đức Thế Tôn liền phán:

- Vậy thì các ông hãy đi công bố đi! Đệ tử của Như Lai bao giờ cũng nói đúng sự thật cả!

“Phán lệnh” của đức Phật – dù trường hợp nào cũng y cứ trên sự thật như vậy đó!

Thái Tử Ajātasattu Hành Thích Vua Cha

Khi nghe tin đức Phật cho hai vị thượng thủ giáo hội cùng chư đệ tử đi công bố trong thành Rājagaha về hành động chia rẽ tăng của mình, dù không chính thức dùng thuật ngữ trục xuất, cũng nổi bật sự việc là Devadatta bị đuổi khỏi giáo hội tăng đoàn; hay được tin này, ông ta tức giận như điên, như cuồng...

Trước đây đã hơn một năm rồi, Devadatta đến bệ kiến thái tử Ajātasattu để tìm người có quyền lực hậu thuẫn ý đồ mờ ám của mình. Ông đã lòe bịp vị thái tử nhiều dã tâm, nhiều tham vọng nhưng ngày thơ này, bằng cách trở một vài món pháp lực nho nhỏ.

Nghe hoàng hậu Videhi kể lại với thánh y Jīvaka khi ông sang chữa bệnh cho bà. Bà nói: Một cận sự của thái tử cho biết rằng, hôm đó, tôn giả Devadatta hóa phép một con rắn độc to lớn, dữ tợn quành quanh cổ ông ta với cái lưỡi độc thò ra, làm cho thái tử vô cùng kinh sợ. Quả nhiên, Ajātasattu hoàn toàn khiếp phục bởi pháp thuật của Devadatta nên thái tử đã tình nguyện hỗ trợ đắc lực trong khả năng quyền hạn có sẵn.

Người cận sự còn nghe rõ ràng Devadatta mở lời thuyết phục thái tử như sau:

- Người có chí lớn không câu nệ tiểu tiết cùng những đạo đức nhân nghĩa tầm thường trên thế gian. Trong tương lai, quyền lãnh đạo châu Diêm-phù-đề này ở trong tay thái tử và bản đạo. Chỉ có hai chúng ta thôi! Vậy thì thái tử hãy mau mau giết vua cha mà lên ngôi, sau đó, tranh đoạt thiên hạ. Tuy nước Kosala hiện giờ là bá chủ chư hầu nhưng về thực lực kho lẫm và binh bị, Sāvatti kia không thể bì với Rājagaha của chúng ta được. Và lại, thái tử có lợi thế, mẹ của thái tử vốn là em gái của đức vua Pāsenadi nước Kosala; chị gái của vua cha vốn là hoàng phi của đức vua Kosala. Vậy ta sẽ có mưu kế nội công, ngoại kích mà kẻ thù sẽ không ngờ tới. Như vậy, phần của thái tử sẽ rất dễ dàng chu toàn đại sự. Còn bản đạo, đầu tiên, bản đạo sẽ giết ông samôn Gotama để nắm trong tay quyền lãnh đạo Tăng-già. Như thái tử biết đấy, bản đạo có chút phép mọn thần thông biến hóa, biết việc quá khứ, vị lai; vậy chuyện thành công và vinh quang sau này của chúng ta là sự thật đương nhiên không cần bàn tới nữa.

Thế rồi, do danh vọng tối ám che mờ lương tri, do quá tin tưởng kẻ hoa ngôn, xảo ngữ, thái tử đã có một hành động vô cùng xấu xa, tội lỗi... Tuy việc được giữ kín, đức vua không muốn cho ai hay biết, nhưng hoàng hậu Videhi biết, và rồi thánh y Jīvaka cũng biết. Nên mấy hôm sau, thánh y Jīvaka lại ghé Trúc Lâm, dáng vẻ hối hả tìm gặp đức Phật, và thưa bạch:

- Thái tử Ajātasattu đã hành động soán nghịch thật rồi. Hôm kia, đội quân cấm vệ của đức vua phát giác thái tử lén lút vào cung trong đêm khuya, họ chặn lại để lục soát thì tìm thấy một thanh gươm giấu trong áo bào. Quân cấm vệ dẫn

thái tử đến gặp vua ở tâm phòng⁽¹⁾, cùng với thanh gươm và kẻ lại tự sự.

Đức vua nghiêm khắc hỏi:

- Con có biết mang gươm vào cung, trong đêm khuya là bị tội chém đầu không?

- Tâu phụ vương, con biết.

- Hóa ra con muốn giết phụ vương sao?

- Đúng vậy! Con muốn hành thích phụ vương, vì con muốn làm vua. Con đã lớn tuổi rồi.

Đức vua Bimbisāra lặng người giây lát:

- Muốn làm vua thì ta sẽ để cho con làm vua, có sao lại phải giết ta? Chỉ cần con nói ngay một tiếng thì ta sẽ thoái vị, nhường ngôi cho con liền ngay mà!

Thái tử Ajātasattu cúi đầu:

- Con không biết như vậy. Con đã ngu si, dại khờ làm việc bất hiếu, xin phụ vương tha tội cho con!

Quan sát nét mặt của thái tử, vua biết việc này có cái gì khuất tất ở đằng sau nên hỏi tiếp:

- Ai xúi giục con làm việc đại nghịch bất đạo này?

Thái tử nín lặng.

Đức vua bảo quân cấm vệ ra ngoài rồi tra xét thái tử một cách gắt gao, cuối cùng, thái tử mới tiết lộ đây là Devadatta.

Đức vua cho thái tử hồi cung.

Sau đó, thấy việc hệ trọng nên ngay trong đêm, đức vua cho triệu tập các vị quan lão thần thân tín rồi kể lại cho họ nghe việc soán nghịch của thái tử.

Một vị tâu:

- Phép nước thì phải nghiêm, là phải chém đầu thôi, tâu bệ hạ!

Một vị khác:

⁽¹⁾ Phòng ngủ.

- Đồng ý là vậy! Nhưng xét về gốc tội thì phải luận đến kẻ chủ mưu! Thái tử chỉ là kẻ tòng phạm thôi, tâu bệ hạ!

Một vị khác nữa:

- Vậy thì phải giết hết để răn đe. Cả thái tử, cả Devadatta, và cả những ai liên hệ trong âm mưu này nữa, tâu bệ hạ!

Đức vua trầm ngâm, lát sau, ông nói:

- Trẫm không thể xuống tay hay ra lệnh giết con mình dù nó phạm tội không thể dung tha. Còn về Devadatta thì đức Đạo Sư và nhị vị thượng thủ giáo hội đã công bố khắp kinh thành là không còn chịu trách nhiệm gì trước những hành động của ông ta nữa. Dù Devadatta ác độc, đã xúi giục thái tử làm điều vô luân, vô đạo nhưng ông ta cũng đang quàng chiếc y vàng, biểu tượng cho ngọn cờ của bậc thánh hạnh, trẫm không dám đụng đến đâu. Lại nữa, Devadatta còn là anh ruột của vị thánh ni Yasodharā, là anh rể của thái tử Siddhattha trước đây nữa!

Một lão thần biết sự khó xử của đức vua hiền thiện nên góp ý:

- Chỉ có đức Thế Tôn là sáng suốt nhất, sao bệ hạ không đến Trúc Lâm thỉnh thị ý kiến của ngài? Biết đâu sẽ có một giải pháp lưỡng toàn, vừa nghiêm được phép nước vừa không đụng chạm đến Devadatta một cách quá đáng?

Đức vua yên lặng một lát:

- Chuyện này mà được đồn đãi ra ngoài cũng không hay ho gì. Thôi, trẫm và các khanh giấu kín chuyện này đi, coi như không có gì xảy ra. Ngay ngày mai, trẫm sẽ xuống chiếu cho trăm họ hay biết rằng, trẫm sẽ thoái vị và truyền ngôi cho thái tử, thế là yên! Các khanh về đi!

Chư vị lão thần muốn góp ý do không vừa lòng việc truyền ngôi cho thái tử nhưng đức vua đã xua tay, như đã quyết định rồi; họ thở dài, cúi đầu bước ra, lòng ai cũng nặng trĩu.

Đức Phật Tẩy Chay Lễ Đăng Quang

Khi việc công bố đức vua Bimbisāra thoái vị, sẽ truyền ngôi cho thái tử Ajātasattu và sau đó là lễ đăng quang vương vị vừa được thông tin truyền đi khắp nơi; chỉ mới hai hôm sau là Devadatta đã có mặt tại hoàng cung. Rồi Devadatta lại thăm thì gì đó với thái tử, khi thì thái tử lắc đầu, khi thì thái tử gật đầu có vẻ rất bí mật, thánh y Jīvaka cho cho biết như vậy.

Trước ngày lễ đăng quang, phái đoàn sứ giả của thái tử đến Trúc Lâm mời thỉnh đức Phật, chư đại trưởng lão tham dự - nhưng ngài từ chối, còn nghiêm khắc nói rằng:

- Ở nơi nào có cái gì đó ám muội, ác đức và bất minh thì ở đó, Như Lai và chư đại trưởng lão sẽ không bao giờ bước chân tới, chư vị hãy về nói lại với thái tử như vậy.

Sau đó, đức Phật triệu tập chư vị đại trưởng lão, nói rằng:

- Các ông hãy cho thông tri khắp tất cả mười tám đại tu viện, tịnh xá trong và ngoài kinh đô Rājagaha - rằng là, trong ngày lễ đăng quang của thái tử, không một vị tăng vị ni nào trong giáo hội của Như Lai được phép vào hoàng cung dự lễ. Chúng ta là người xuất gia phạm hạnh, không

nên tham dự những công việc triều chính phức tạp với nhiều ý đồ, nhiều tham vọng bất chánh của thế gian.

Và quả đúng như câu nói khá rõ ràng của đức Phật, ngày mai đăng quang thì tối hôm ấy, thái tử cô lập vua cha ở trong một biệt điện với mấy lớp khóa; và bắt bỏ ngục một số quan lão thần khác.

Ngày lễ đăng quang rất huy hoàng và trọng thể. Đèn đuốc, cờ xí, bàn hoa được treo và bày biện khắp nơi, từ thành phố đến cung điện. Devadatta và chúng đệ tử của ông chừng ba bốn trăm vị tỳ-khưu đã phụ giúp việc này việc kia cho thái tử rất nhiệt tình. Nghiễm nhiên, Devadatta bây giờ chưa tự xưng là giáo chủ nhưng rõ ràng là đang đóng vai giáo chủ để hộ pháp cho vương triều!

Hoàng hậu Videhi và thánh y Jīvaka biết rõ việc đức vua bị giam lỏng và các lão thần bị nhốt ngục; họ rất đau lòng nhưng chỉ tâm sự với nhau rất kín đáo, nếu không, Devadatta mà biết thì ông ta cũng xúi thái tử nhốt họ luôn. Khi đã bị mê mờ về danh vọng và quyền lực thì bọn chúng đâu còn nghĩ gì về lễ hiếu đạo và nhân nghĩa ở đời?

Hoàng hậu nói với vị thánh y:

- Tôi bị cung nữ tay chân của thái tử theo dõi nên không rời đi đâu được. Hay là ngài vì tôi đến gặp đức Thế Tôn, kể lại chuyện đức vua bị cô lập, các lão thần bị nhốt ngục, xem thử đức Tôn Sư có dạy bảo gì không?

Jīvaka nói:

- Lệnh bà hãy yên tâm, chúng ta không cần đi đến Trúc Lâm trong lúc này, nguy hiểm lắm! Hãy ẩn nhẫn cái đã. Đức Tôn Sư đã biết tất cả cái gì xảy ra ở đây, khi ngài từ chối không tham dự.

- Ủ, quả đúng vậy thật!

- Lệnh bà hãy cho người âm thầm lắng nghe những cuộc họp bàn giữa thái tử và Devadatta. Tôi còn sợ bọn người vô

lượng tri kia nhốt ngục đức vua vĩnh viễn và họ thủ tiêu luôn các vị lão thần đó!

Hoàng hậu Videhi rùng mình ớn lạnh, than dài:

- Ôi! Trời ôi! Chúng đã mất hết nhân tính rồi!

Trong lúc ấy, khi cuộc lễ diễn ra, cả trăm vị quan đương triều, hàng ngàn gia chủ hữu danh, phú hộ, triệu phú; và đại diện cả hàng trăm nhân sĩ, trí thức, đạo sĩ, giáo chủ và các tôn giáo - họ không thấy đức vua cùng các vị lão thần uy tín thì bóng tối hoài nghi chợt phủ mờ trong mắt họ. Lại nữa, tại sao cuộc lễ quan trọng, lớn lao như thế này mà lại vắng mặt đại sa-môn Gotama và chư đệ tử của ngài? Họ đặt câu hỏi và quần chúng cũng đặt câu hỏi? Ngoại trừ một số người muốn ủng hộ tân quốc vương để tìm kiếm danh lợi thì ở lại tham dự, còn đa phần họ tuân tỵ, lạng lẽ rút lui. Họ bắt phục và họ âm thầm chống đối. Và sau khi biết rõ, đức Phật và giáo hội của ngài đã tỏ thái độ bất hợp tác, tẩy chay triều đình mới thì quần chúng, cả trí thức và bình dân đều tỏ ra hả dạ. Từ đây, họ lại còn phân biệt được đâu là giáo đoàn của Devadatta sống trong tà mạng bất chính và đâu là giáo đoàn của đức Phật cùng tăng ni thánh hạnh của ngài.

Sau lễ đăng quang, đức vua Ajātasattu được tay chân báo cáo về sự âm thầm chống đối của dân chúng, họ “hùa theo” ông Gotama thì ông ta rất giận dữ. Tuy nhiên, ông ta còn bình tĩnh để suy nghĩ rằng, tuyệt đối cái ông Phật kia không thể đụng đến được! Đụng đến đức Phật và giáo hội của ngài là đụng đến đức vua Kosala hùng mạnh và cả trăm tiểu quốc châu Diêm-phù-đề này nữa. Chưa nói đến binh lực tất cả các nước hợp quần và sự trừng phạt của họ, mà chỉ cần một lệnh cô lập ngoại giao, cô lập giao thương, kinh tế... là Māgadha đã sống dở, chết dở rồi!

Cho đến lúc này thì quân sư Devadatta cũng bó tay, không còn mưu kế. Ông nghĩ, tất cả đều do ông Gotama mà ra cả. Chỉ có kế thượng sách là giết ông ta mà thôi!

Giết Phật Bằng Cung Nỏ Và Lăn Đá

Sau khi cho người theo dõi, biết đức Phật vào khoảng buổi chiều thường hay tọa thiền nơi khu rừng yên vắng bên sau Trúc Lâm; Devadatta bèn nhờ tân quốc vương Ajātasattu tuyển chọn một số tay thiện xạ về cung nỏ rồi bí mật chia làm ba toán. Ông ra lệnh cho toán thứ nhất chuẩn bị cung nỏ tốt, vẽ bản đồ, lối đi, lối về, chỗ ẩn nấp, nơi đức Phật tọa thiền... rất tỉ mỉ, chu đáo; nghiêm lệnh là mỗi người một phát tên là phải trúng đích; được thì trọng thưởng, thất bại là bị chém đầu! Toán thứ hai ông cũng triệu tập bí mật, không cho toán thứ nhất biết rồi ông dặn bảo cách khác. Toán thứ ba cũng dặn riêng, không cho toán thứ hai biết.

Thế rồi, sau khi đã sắp xếp chu đáo, không còn một sơ hở nào, tuần tự ba toán thiện xạ tuân lệnh lên đường, theo bản đồ chỉ dẫn. Toán thứ nhất, đến nơi, họ hờm sẵn cung nỏ núp sau những lùm cây rậm. Sau khi đám lá được vệt ra, họ nhìn thấy một sa-môn tướng hảo quang minh, đang ngồi tĩnh tại và uy nghiêm như một vị thần linh, khuôn mặt trong sáng, mát mẻ và từ hòa hết mực. Họ sợ hãi, nghĩ thầm: “Người này là sa-môn, có thể là đức Phật, đang được các đức vua, các vị đại bá hộ và dân chúng rất kính trọng và

ngưỡng mộ. Rõ ông ta là người hiền chứ không phải kẻ ác. Làm sao chúng ta có đủ can đảm giết ông ta?”

Đức Phật biết chuyện, từ xa, ngài cất giọng dịu dàng:

- Các con đừng sợ, hãy đến đây với Như Lai, rồi Như Lai sẽ nói chuyện cho mà nghe!

Âm hưởng từ bi của tiếng nói ấy làm cho những tay xạ thủ, vốn không phải là kẻ ác, đồng lòng thông cung nỏ; chúng đến quỳ bên chân đức Phật, thú nhận và sám hối về ý định giết đức Đạo Sư. Đức Phật nhận, đức Thế Tôn thấy chúng có duyên lành nên ngài đã thuyết ngắn gọn một thời pháp tế độ. Nghe xong, toán cung thủ phát khởi đức tin trong sạch, chứng đắc Nhập Lưu thánh đạo và là những cận sự nam từ đây cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Phật nói:

- Bây giờ, muốn an toàn sanh mạng, các con đừng trở lại theo lối cũ như sự chỉ dẫn của bản đồ, vì ở đấy sẽ có toán cung thủ khác đang rình sẵn chờ giết các con để bịt miệng!

Toán cung thủ vấp đầu xuống:

- Đức Thế Tôn sau khi đã mở con mắt sáng cho chúng con, lại còn cứu mạng chúng con nữa. Ông đức ấy là vô lượng. Chúng con sẽ đi lối khác trở về thành phố, không những lối cũ đường mòn trong rừng kia chúng con không trở lại, mà lối cũ đường mòn đầu quân làm lính, sử dụng cung nỏ để giết vật, giết người... chúng con nguyện sẽ không bao giờ trở lại nữa.

Đức Phật tán thán:

- Lành thay! Thật là rất tốt vậy.

Đánh lễ bái biệt đức Thế Tôn xong, toán thiện xạ hồi đầu hướng thiện này, bẻ gãy cung nỏ, quăng tuốt vào rừng sâu, với dáng đi chậm rãi, thanh thản khuất sau đường mòn ngược chiều.

Toán thiện xạ thứ hai, đông người hơn, được lệnh rình giết toán cung thủ thứ nhất nhằm để diệt khẩu, nhưng

Devadatta bảo với họ, chúng là tội phạm nguy hiểm của triều đình. Nhưng đợi chờ quá lâu chẳng thấy tăm hơi, nóng lòng, toán thiện xạ này bỏ chỗ đi tìm. Đức Phật biết chuyện, ngài độ họ giữa đường, nói rõ cho họ nghe mưu kế của Devadatta và vua Ajātasattu; và những kẻ mà toán này chờ giết đều là kẻ vô tội thuộc toán cung thủ thứ nhất như thế nào. Sau đó, đức Phật thuyết một thời pháp, đặt họ vào Dự Lưu quả, cho họ quy giới rồi bảo đi theo lối khác mà trở về.

Toán thứ ba cũng tương tự vậy, nhưng sau khi mở con mắt pháp cho họ, cho quy y, đức Phật lại nói:

- Riêng các con thì trở về chỗ cũ y như lời dặn. Các con cứ nói thật tất cả cho tên tỳ-khuru Devadatta xấu ác ấy biết. Các con vẫn an toàn tánh mạng.

Khi những tay thiện xạ về kể lại cho Devadatta nghe về tình hình của ba toán cung nổ, theo lời kể của đức Phật thì y biết rằng, kế hoạch đã hoàn toàn thất bại rồi. Nếu bắt tội chúng thì quá lỗ. Chỉ có toán thứ nhất là đáng phải chặt đầu. Thế cũng không thông lắm. Khi mà con nai con gặp mặt chúa sơn lâm thì làm sao nó khỏi sợ hãi? Cũng thế, gặp mặt ông sa-môn Gotama thì có chúng sanh nào mà không sợ oai, không bị nhiếp phục?

Nghĩ thế xong, Devadatta nói:

- Thôi, ta tha tội chết cho các người đó, hãy đi đi! Phải tự ta ra tay mới được!

Tuy đã cố gắng làm chủ cơn bực bội, nóng giận của mình nhưng sóng lòng của Devadatta trào lên dữ dội. Khi nhóm cung thủ đi khuất, y gầm một tiếng như thú dữ, rồi hét:

- Sa-môn Gotama! Sẽ biết tay ta!

Thế là mưu kế giết đức Phật bằng những tay thiện xạ, có kết quả trái ngược, Devadatta ôm mang thêm mối thù hận sâu sắc trong lòng.

Sau nhiều ngày cho người theo dõi, Devadatta đã biết đức Phật đã rời Trúc Lâm và chỉ một mình ôm bát đi đến vườn xoài của thánh y Jīvaka. Và nhiều lần, đức Phật lại đi kinh hành gần sát chân núi Gijjhakūṭa. Trên núi ấy có rất nhiều tảng đá cao to chón chở, nằm vào những thế rất dễ lăn xuống sườn. Nghĩ đây là cơ hội tốt nhất để giết Phật, Devadatta lần mò leo lên núi. Từ điểm cao, sau khi xác định vị trí, Devadatta sai một số tỳ-khưu trẻ dùng cây làm đòn bẩy, hì hục bập một tảng đá rất lớn xuống chỗ đức Phật đang đi kinh hành lui tới...

Tảng đá lớn lia gốc, xuôi đà, đập vào những tảng đá nhỏ tạo nên tiếng va động dữ dội. Lực rơi rất lớn, trượt nát những vật cản rồi băng băng lao đi không đổi hướng.

Devadatta bước ra mé núi trông xuống, phui tay, mỉm cười thỏa nguyện. Bất ngờ, phía cuối sườn dốc, có hai tảng đá lớn hơn, như có mắt hoặc bị một năng lực vô hình, đồng nghiêng đầu chụm lại, ngăn chặn và kẹp cứng tảng đá của Devadatta vào giữa. Một tiếng động như trời long đất lở, tảng đá của Devadatta bị vỡ hăng trăm mảnh, rào rào bắn đi tứ phía. Thế là có một mảnh rất nhỏ trúng nhằm bàn chân phải của đức Thế Tôn làm cho chân ngài bầm máu và sưng tấy lên.

Devadatta tức giận quá, mắt trợn lên, răng nghiến trèo trẹo, nguyên rửa trời nguyên rửa đất rồi bỏ đi. Còn vết thương nơi chân của đức Phật được thánh y Jīvaka tới nơi kịp lúc, chăm sóc cẩn thận và chu đáo. Ngay tối hôm ấy, chư đại trưởng lão như Sāriputta, Mahā Kassapa, Upāli, Ānanda... tức khắc có mặt tại vườn xoài để thăm hỏi về vết thương của đức Phật. Và ai cũng ngán ngẩm về tâm địa độc ác của Devadatta.

An Tĩnh Trong Ngục Tội

Trong thời gian đức Phật nghỉ dưỡng thương, thánh y Jīvaka dâng cúng vật thực hằng ngày. Ông còn cho đức Phật biết tin là đức vua Bimbisāra đã bị ông vua con giam vào ngục tội; và các vị lão thần thân tín của đức vua đều bị thủ tiêu một cách bí mật. Thế là tội ác của Devadatta và Ajātasattu đã không còn thuốc chữa, càng ngày càng lún sâu vào địa ngục!

Do nhờ sự chỉ dẫn và mưu kế của thánh y Jīvaka, thái hậu Videhi đã hóa trang, ngồi trong chiếc xe bát bưng đến vườn xoài hội kiến đức Phật. Đôi mắt bà sung húp do khóc nhiều và khuôn mặt xanh xao vàng vố chung tỏ thiếu ăn, thiếu ngủ. Vừa thấy mặt đức Phật, thái hậu quý sụp xuống đất và khóc rờn rã.

Đức Phật cứ để yên cho thái hậu khóc, một hồi, ngài mới nói:

- Thái hậu đã quá thương cảm, điều ấy cũng đúng thôi! Nhưng hãy tỉnh táo, kể lại cho Như Lai nghe về tình trạng của đức vua ở trong ngục hiện giờ như thế nào?

Thái hậu lau ráo lệ.

- Bạch Thế Tôn! Tình trạng ngày càng tệ. Hần đã nghe lời xúi giục của tên ác tăng Devadatta bắt vua cha giam vào ngục tội, lại còn cho quân ngục canh gác rất cẩn thận. Ba

bốn hôm đầu, đệ tử còn được phép vào thăm và mang theo vật thực cho đức vua dùng, nhưng sau đó, hấn đã táng tận lương tâm, chỉ cho đệ tử vào thăm nhưng không được mang theo thức ăn nữa. Đệ tử bèn nghĩ cách là giấu thức ăn trong búi tóc rồi cột khăn quàng đầu lại trông rất tự nhiên nên chúng chẳng nghi ngờ gì. Được sáu bảy ngày, chúng thấy sao đức vua bị bỏ đói lâu ngày mà thần sắc vẫn tươi tỉnh nên chúng nghi ngờ, lục soát rất kỹ, bắt xõa tóc thì vắt cơm rơi ra. Và chúng còn bảo, đó là lệnh trên, chúng không dám không tuân, xin lệnh bà thứ tội!

- Vậy thì bệ hạ bị bỏ đói mấy hôm rồi?

- Thừa, đã ba hôm!

- Sau đó như thế nào nữa, thái hậu?

- Sau đó, đệ tử nghĩ kế khác. Đệ tử đã nấu cơm, tẩm thêm sữa, đề hồ, mật ong rồi nghiền chúng thật nhuyễn. Sau khi tắm rửa, kỳ cọ thân thể sạch sẽ, đệ tử phết chất nhuyễn hỗn hợp thức ăn ấy lên người rồi mặc xiêm bào mới vào rồi tự nhiên đi đến ngục. Bọn quân ngục lại lục soát rất kỹ cũng không tìm thấy. Thế là với phương cách ấy, đệ tử cạo lột chất nhuyễn ấy cho đức vua dùng, và cũng chỉ mới được ba hôm thôi, bạch Thế Tôn!

- Cách này cũng không được lâu, khi chúng thấy đức vua nhin đói hoài mà vẫn mạnh khoẻ, chúng sẽ không cho thái hậu vào thăm nữa!

Rồi đức Phật dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Quan trọng nhất là tinh thần! Tình trạng tinh thần của bệ hạ ra sao, thưa thái hậu?

- Tinh thần của đức vua thì rất tốt. Khi đệ tử khóc vì không còn mang được thức ăn vào nữa thì đức vua mỉm cười, nói với đệ tử rằng: Không sao đâu bà, không ăn cũng có cái tốt của không ăn. Bây giờ, nhờ không ăn, thân tâm rỗng rang, ta đã hành thiên rất tốt đấy! Đức vua trấn an đệ tử như thế đó, bạch Thế Tôn!

- Điều đó là đáng mừng nhất, thừa thái hậu. Mỗi người ai cũng có nghiệp của mình, phải bị trả quả. Nhưng cái quả dữ bị giam vào ngục tội, bị bỏ đói mà tâm trí đức vua vẫn sáng suốt và an tịnh. Cái quả dữ kia đã được đức vua vô hiệu hóa rồi đó, thái hậu đừng quá sầu não nữa.

Thái hậu như đã bình tĩnh trở lại:

- Có điều kỳ lạ là đức vua không tỏ vẻ một chút nào là thù hận Devadatta cũng như đứa con bất hiếu, ông còn thương cảm sự vô minh và si mê của chúng nữa, bạch đức Thế Tôn!

- Vâng, đấy là tâm của bậc thánh giả!

- Đức vua còn nói rằng, ta có thể nhịn đói, an tịnh như thế này mà ra đi cũng được, bà đừng lo lắng và thương cảm cho ta. Nhờ ngục tội, nhờ cô đơn, ta chiêm nghiệm sâu xa về giáo pháp của đức Tôn Sư; và bây giờ ta mới thực sự hiểu thế nào là vô thường, vô ngã và rỗng không của thế gian pháp! Ông ta đã nói như thế đó, bạch Thế Tôn!

- Đức vua nói đúng sự thực đấy, thừa thái hậu! Và dường như đức vua chỉ lo lắng một điều...

- Vâng, phải, quả vậy, bạch Thế Tôn! Đức vua nói, ta chỉ lo lắng một điều, là đứa con ngu si lại gây ra nạn chiến tranh can qua với nước này, nước nọ - sinh ra cảnh đầu rơi, máu chảy của muôn dân vô tội mà thôi!

- Đúng vậy, đấy là sự lo lắng chính đáng! Nhưng xin thái hậu hãy nói với đức vua là ngài hãy yên tâm trong lúc này – tất cả hãy để cho nhân duyên và quả nó làm việc.

Chợt thái hậu có vẻ hốt hoảng:

- Nguy rồi, bạch Thế Tôn! Đệ tử đã mật truyền cho một vị quan trẻ thân tín về Sāvatti, tâu trình sự việc lên đức vua Kosala, là nhờ ông vua anh trừng phạt thẳng cháu bất hiếu! Ôi! Nguy rồi! Lệnh đi rồi làm sao rút lại được?

Đức Phật mỉm cười:

- Thái hậu an tâm! Vị quan trẻ ấy không thể có thần lực đi đến Sāvatti nhanh hơn ông đệ nhị đệ tử của Như Lai đâu! Như Lai đã bảo Mahā Moggallāna nói với đức vua Kosala hãy cố gắng kiềm chế cơn tức giận trong trường hợp như dầu sôi, lửa bỏng này! Thái hậu hãy tường trình lại với đức vua như vậy để cho ngài khỏi phải lo lắng nữa.

Thái hậu Videhi quỳ sụp xuống:

- Vô vàn tri ân đức Thế Tôn!

Sau hôm đó, đức Phật và chư vị trưởng lão trở lại Trúc Lâm được mấy hôm thì thánh y Jīvaka đến cho biết tin là đức vua Bimbisāra đã qua đời, trong tình trạng rất thanh thản và an bình.

Đức Phật hướng tâm một lát rồi tuyên bố với đại chúng :

- Đức vua Bimbisāra đã ra đi! Thế là ông hưởng thọ được sáu mươi bảy năm, trị vì quốc độ thanh bình và thịnh vượng năm mươi hai năm, là một vị minh quân hiếm có trên cuộc đời, là ân nhân của bá tánh và cũng là bậc hộ pháp cho giáo hội. Hiện giờ, ông đã hóa sanh lên cõi trời Tứ Đại thiên vương, là một vị thiện yakkha⁽¹⁾ nhiều thần lực, có tên là Janavasabha, làm người tùy tùng thân cận đức Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn thiên vương)⁽²⁾.

Chuyện đức vua hiền thiện Seniya Bimbisāra qua đời trong ngục tội, khi chư tăng biết thì toàn thể kinh đô đều biết. Muôn dân phần nộ và âm thầm nguyện rửa đũa con bất hiếu. Lại nữa, chuyện ác tăng Devadatta cho cung nỏ giết Phật, lăn đá hại Phật cũng đã được loan truyền đi khắp nơi. Như vậy, sự bất mãn, sự chống đối, sự căm ghét Ajātasattu và Devadatta như những cơn sóng ngầm lan tỏa trong lòng mọi người, nếu không có ai kiềm chế thì có thể biến thành trận lửa cháy nội loạn chẳng?

⁽¹⁾ Yakkha: Dạ Xoa, nhưng là Dạ Xoa thiên, thiện, có thần lực.

⁽²⁾ Theo Dictionary of Pāli Proper Names – Q.2, trang 287.

Giết Phật Bằng Voi Dữ Nālāgiri

Đã hai lần hại Phật không được, Devadatta tìm cách nghĩ ra mưu kế khác, ông không hề biết rằng, muôn dân đang căm hận ông, nguyên rủa ông.

Hôm kia ông vào gặp đức vua Ajātasattu, nói rằng:

- Nay thái tử đã lên ngôi vua chí tôn, vậy là an ổn do vua cha đã “lên trời” rồi, còn bản đạo thì chưa tìm ra cách nào để giết ông sa-môn Gotama cả. Như vậy thì kế hoạch của chúng ta chỉ thành công được một nửa. Vì khi mà bản đạo chưa chứng quả được giáo hội Tăng-già thì bản đạo chưa thể cung hiến thần kế giúp tân vương tranh đoạt thiên hạ được.

Đức vua Ajātasattu trầm ngâm giây lâu:

- Trẫm sẵn sàng giúp ngài cả nhân lực và tài lực, mong rằng đại sự của chúng ta chóng thành. Vậy thì có mưu kế gì hay hơn, ngài cứ bày ra, chẳng có gì phải e ngại cả.

Devadatta ưu tư nói:

- Với con người, sức của con người thì chẳng làm gì được ông sa-môn Gotama đâu!

- Tại sao? Tân vương ngạc nhiên hỏi.

- Thưa! Oai lực, thần lực cùng từ bi tâm của ông sa-môn kia làm cho ai nấy đều không dám đến gần. Nếu có ai đến gần thì cũng không dám ra tay. Và cuối cùng, bọn chúng đều bị cảm hóa cả.

- Vậy thì phải làm sao?

- Nghe nói rằng, đại vương có một con voi báu, rất hung dữ, có sức mạnh khủng khiếp. Nếu dùng voi ấy để giết ông sa-môn Gotama quả là thượng sách. Con người thì sợ năng lực của ông ta, còn loài súc sanh thì chúng đâu có biết gì!

- Đúng lắm! Tân vương ca ngợi – Ngài nghĩ vậy thì thật là chu đáo!

Nói xong, vua bèn cho gọi người quản tượng, dặn là phải tuyệt đối nghe theo lệnh của Devadatta.

Khi người quản tượng dẫn Devadatta đến chuồng nuôi voi, thấy một con voi rất to lớn, đen đúa, tướng mạo rất dữ dằn, đang bị khóa bằng mấy vòng xích sắt kiên cố; bèn hỏi:

- Con voi này có phải tên là Nālāgiri nổi danh đây chăng?

- Thưa phải!

- Tại sao khóa xích sắt kiên cố như thế?

- Thưa, chỉ để dự phòng thôi ạ!

Devadatta nhăn mày:

- Người hãy nói rõ lý do tại sao?

- Thưa, cứ cách ba ngày là phải cho nó ăn một thúng cơm và uống một hũ rượu, bằng không nó sẽ phá chuồng mà đi! Được cơm và rượu xong, nó sẽ dễ bảo. Còn đúng kỳ hạn mà không bày cơm rượu, nó sẽ nổi tính điên cuồng chẳng có ai kèm giữ được!

Devadatta cười nói:

- Thế ra, xích sắt này chỉ để phòng hờ những khi quên cung cấp khẩu phần cơm rượu cho nó đây!

- Thưa vâng!

- Nuôi dưỡng tôn kém như thế thì đức vua sẽ dùng nó vào việc gì?

Người quản tượng rành rẽ đáp:

- Thưa, nuôi quân ngàn ngày đôi khi chỉ dùng có một lần. Cũng vậy, con voi này chỉ để dành những khi xung trận. Chỉ cần trước khi giáp lá cà, cho nó ăn vài thúng com, cho nó uống tám hũ rượu gạo là nó hung mãnh lao đi giết giặc còn lợi hại hơn cả một ngàn quân, lợi hại hơn sức của một trăm con voi khác cộng lại.

Nghe vậy, Devadatta hớn hờ nói:

- Vậy thì người cứ chuẩn bị cho ta ba thúng com và mười sáu hũ rượu gạo thật ngon, khi có lệnh là sử dụng ngay, không được chậm trễ!

Người quản tượng thất kinh, chăm chăm nhìn vị sa-môn, y trở mắt ngạc nhiên nhưng không dám hỏi, trong bụng nghĩ thầm rằng: Bậc tu hành sao lại có tâm địa ác độc, coi rẻ mạng sống của người khác đến thế? Mười sáu hũ rượu gạo mà voi uống vào thì cả hàng chục ngôi làng cũng bị nó san thành bình địa! Hay là đức vua sắp có một cuộc chiến tranh lớn? Cũng không đúng! Vì kẻ tu hành sao lại kích động chuyện giết nhau?

Riêng Devadatta thì khoan khoái trong lòng, tự nghĩ rằng, hại ông sa-môn Gotama bằng con voi Nālāgiri này, hẳn là thân xác ông ta bị đập nát như quả cà chua đỏ! Và ngôi vị bá chủ tăng chúng còn ai dám tranh đoạt với ta? Hẳn hỉ hửng rồi lấp bắp thành tiếng:

- Sau khi ta làm giáo chủ giáo hội rồi, ta sẽ mở một chiến dịch, có ông vua trẻ ngu si hỗ trợ, lần lượt thanh toán hoặc ức chế sự hoạt động của tôn giáo khác. Một tương lai rất gần thôi, thiên hạ “không tín ngưỡng” là thuộc ông vua con nhưng ở dưới quyền điều khiển của ta, còn thiên hạ “có tín ngưỡng” là hoàn toàn do ta lãnh đạo. Khi ấy thì nói gì danh vọng, lợi dưỡng và quyền lực! Ta sẽ tạo ra một vương

quốc không có ngai vàng, mà uy lực của ta sẽ thống trị từ chỗ mặt trời mọc đến chỗ mặt trời lặn, rộng cho đến hải biên hoang đảo. Lúc ấy thì tha hồ mà hưởng thụ ngũ dục tối thượng. Còn ai dám nhắc nhở ta điều này đáng làm và điều kia không nên làm như ông sa-môn Gotama đạo đức giả kia chứ!

Như thỏa chí bình sinh quá, Devadatta cất tiếng cười hô hô rất ngạo mạn và lộ bịch. Một chân trời khoáng lạc rộng mở trước mắt hẳn!

Mờ sương hôm ấy, ở Trúc Lâm, tại hương phòng, theo lệ thường, đức Phật nhập đại bi định, xuống cận hành định, dùng Phật nhãn quán xét thế gian, xem thử ai có hữu duyên nên tế độ. Sau khi thấy rõ, biết rõ chuyện gì xảy ra, đức Thế Tôn chột mỉm cười, xả định, đi kinh hành lui tới với tâm thái hoàn toàn an nhiên, buông xả.

Trong không khí mát mẻ và vắng lặng của khu rừng tre, bỗng nhiên, rất nhiều bước chân và tiếng người xông xáo trước cổng của tịnh xá. Lát sau, tôn giả Ānanda vào quỳ bạch Phật:

- Không biết có chuyện gì mà cận sự nam nữ hai hàng thành Rājagaha, lũ lượt từng đoàn, từng đoàn muốn vào gặp mặt đức Thế Tôn?

Đức Phật dịu dàng nói:

- Này Ānanda, có chuyện đây! Hãy cho họ tự nhiên vào gặp Như Lai!

Đoàn người được đức Thế Tôn tiếp kiến. Họ đồng quỳ đánh lễ cả khoảng sân lớn rồi vị bồ lão đại diện tâu:

- Chúng con thỉnh nguyện đức Thế Tôn sáng nay không nên đi vào thành để khát thực. Tất cả chúng con đồng đến đây để đặt bát cúng dường đức Thế Tôn và toàn thể Tăng chúng Trúc Lâm. Vì lòng bi mẫn xin đức Thế Tôn hoan hỷ nhận lời.

Đức Phật đưa mắt hiền hòa nhìn khắp hai hàng cư sĩ áo trắng rồi hỏi:

- Có chuyện gì chư vị cứ nói, Như Lai đang nghe đây!

Một tín nữ thưa:

- Sáng nay, từ rất sớm, bạch đức Thế Tôn! Vị tân quốc vương ác đức vừa mới giết cha hiền để chiếm ngôi, có ra thông báo khắp các hang cùng ngõ hẻm, rằng là toàn thể dân chúng trong thành không ai được đi ra đường, vì quân tượng sẽ cho thả voi dữ Nālāgiri uống rượu say!

Đức Phật gật đầu:

- Ủ! Thì chuyện đó Như Lai có biết!

Lời vị khác chen vào:

- Bạch! Thiên hạ đồn ầm lên rằng, Devadatta âm mưu với vua Ajātasattu thả voi say là muốn giết hại đức Thế Tôn đây!

Đức Phật gật đầu một lần nữa:

- Ủ! Thì chuyện âm mưu giữa họ với nhau như thế, Như Lai cũng biết mà!

- Nhưng mà con voi hung dữ ấy sẽ giết ngài cùng với Tăng chúng đi theo. Voi Nālāgiri nổi tiếng vô địch vang danh khắp các tiểu quốc, khi say rượu rồi thì chẳng kể trời đất gì nữa!

Đức Phật hỏi:

- Vì chuyện ấy mà chư vị thỉnh Như Lai cùng với chư tăng thọ thực tại tịnh xá?

- Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn.

Đức Phật yên lặng một lát rồi nói:

- Chư vị nghĩ như thế nào thì cứ như vậy mà làm. Còn sáng nay, Như Lai và Tăng chúng sẽ vào thành khát thực là chuyện của Như Lai. Tại sao lại như thế? Vì Như Lai thấy rõ, biết chắc rằng trên đời nay, không một sa-môn, bà-la-môn, chư thiên, ma vương, phạm thiên nào lại có khả năng làm hại Như Lai cả. Ngoài ra, chư vị biết sao không? Con

voi hung dữ Nālāgiri ấy, sẽ được Như Lai cảm hóa. Và do duyên ấy, một nhóm ngoại đạo được cải tà quy chánh và vô lượng chúng sanh người, trời, phạm thiên chứng đắc thánh đạo và thánh quả. Vì lợi ích cho phần đông như thế, chư vị nghĩ là Như Lai nên đi khất thực bình thường hay ở lại chùa vì sợ hãi voi dữ?

Toàn thể cận sự nam, cận sự nữ vốn có đức tin vững chắc nơi đức Phật nên khi nghe ngài trình bày nguyên nhân và kết quả của sự việc, họ hoan hỷ vô cùng, đồng thanh đáp:

- Nên đi! Đức Thế Tôn và chư tăng nên vào thành khất thực như lệ thường. Và chúng con cũng sẽ đặt bát cho đức Thế Tôn và chư tăng vào trưa nay, ở Trúc Lâm này!

Với niềm tin tưởng mãnh liệt là voi dữ sẽ được đức Thế Tôn cảm hóa, họ không lo sợ nữa, đánh lễ ngài rồi ra về.

Khi họ vừa mới đi khuất, đức Phật dặn bảo tôn giả Ānanda:

- Ông hãy thông báo gấp, là sáng nay, toàn thể Tăng chúng ở khắp mười tám đại tự viện hãy cùng vào thành Rājagaha khất thực với Như Lai.

Chỉ một lát sau là tin truyền đã rì rào như gió lan đi khắp thành Rājagaha. Cận sự nam và nữ bảo nhau rằng:

- Hôm nay chúng ta sẽ tận mắt nhìn thấy đức Phật cảm hóa voi dữ Nālāgiri, và như vậy thì mưu kế ác độc của tên ác tăng Devadatta và thằng vua con bất hiếu Ajātasattu sẽ thất bại một cách thảm hại.

Thế rồi, họ ùa nhau leo lên đọt cây cao, trên mái nhà hoặc sườn núi kế cận để quán sát cho rõ.

Dân chúng thuộc nhiều giáo phái ngoại đạo, thì được giáo chủ của họ truyền miệng với nhau rằng:

- Voi Nālāgiri có sức mạnh phi thường, lại uống rượu say nữa thì phải biết! Chúng ta sẽ được mãn nhãn nhìn ngắm hung tượng chà đạp, dẫm nát sa-môn Gotama!

Họ cùng nhau leo lên lầu cao hoặc mái nhà cao để chứng kiến chuyện hy hữu.

Không bao lâu sau, trên đường chính dẫn vào kinh thành, đức Thế Tôn mặc y màu mặt trời dẫn đầu đoàn sa-môn dài dằng dặc như con rồng vàng uốn lượn, thanh thản, uy nghiêm từng bước một. Đường xá vắng tanh, nhà nhà đóng cửa im im như một thành phố chết. Tuy nhiên, nếu để mắt một chút, rất nhiều dân chúng tụ tập lố nhố trên những điểm cao, mà ở đó có thể quan sát trọn con đường sắp xảy ra một trận kinh hoàng.

Lúc ấy, ở cuối đường ngược chiều, người quản tượng theo lệnh của Devadatta, đã cho voi Nālāgiri ăn ba thúng cơm và uống hết mười sáu hũ rượu gạo ngon nhất. Voi gầm một tiếng, người quản tượng chưa kịp xua đi thì nó đã giở vòi, quạt hai lỗ tai, cong đuôi chạy thẳng về phía trước. Bóng voi sắc lông màu hung xám, cao to lừng lững như quả núi càng lúc càng nghiêng đổ về phía đức Phật.

Chư tỳ-khưu thấy vậy, e ngại nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Con voi hung ác kia say như điên đang chạy đến đây. Xin ngài hãy quay trở lại!

Đức Phật phủ dụ:

- Các thầy đừng lo ngại. Không có một ai trên đời này có thể làm hại Như Lai. Con voi điên kia, Như Lai cảm hóa nó được mà!

Tôn giả Sāriputta, đại đệ tử của đức Phật bước ra tâu:

- Bạch đức Thế Tôn! Trên đời này có thông lệ, hễ có việc gì xảy đến cho phụ thân, trách nhiệm ấy thuộc về người con trưởng. Vậy xin đức Từ Phụ cho phép đệ tử cảm hóa con voi hung dữ ấy!

Đức Phật mỉm cười:

- Với oai lực của bậc thánh Thinh Văn đệ nhất, tuy không bằng chư Chánh Đẳng Giác, ông có khả năng cảm

thắng con voi kia một cách dễ dàng. Như Lai biết rõ như thế. Nhưng vì lợi ích cho phần đông, việc ấy cứ để cho Như Lai.

Lần lượt một số chư vị trưởng lão đều xin phép được gánh phần trách nhiệm, nhưng đức Phật thấy đều từ chối.

Tôn giả Ānanda biết mình chẳng có khả năng, uy lực gì, nhưng vì quá kính yêu đức Phật, không thể đứng yên nhìn sự nguy hiểm đang xảy ra uy hiếp tính mạng của ngài; với ý nghĩ: “Này voi Nālāgiri! Hãy giết chết ta trước, ta quyết hy sinh mạng sống để bảo vệ cho đức Thế Tôn!”; rồi vội vàng bước ra đứng chắn trước mặt đức Phật.

Đức Phật bảo:

- Này Ānanda! Hãy tránh sang nơi khác, không được đứng trước Như Lai!

Tôn giả Ānanda không chịu tránh, thưa:

- Voi Nālāgiri hung hiểm và bạo tợn kia, trước khi đụng đến đức Thế Tôn, nó phải bước qua xác đệ tử!

Thế rồi, đã ba lần bảo tránh, tôn giả Ānanda cũng cương quyết chỉ muốn chết thay; bất đắc dĩ đức Phật phải sử dụng thần thông, Ānanda mới chịu lùi bước.

Lúc ấy, voi Nālāgiri đang lao tới với một tốc độ khủng khiếp. Đột ngột, từ sau ngõ hẻm, một người đàn bà bỗng con xuất hiện giữa đường. Chợt thấy voi điên, bà sợ hãi quá, bỏ con dưới đất rồi bỏ chạy. Voi Nālāgiri lùi lũi xông tới, thoáng thấy bóng người, nó quật vòi, lao theo, nhưng người đàn bà đã lẩn khuất sau bức tường. Voi quay lại đến bên đứa trẻ. Thấy voi dữ, nó khóc thét lên.

Sự việc trên xảy ra trước tầm mắt của đức Thế Tôn. Khi thấy Nālāgiri với đôi mắt đỏ ngầu như sắp chà nát một hài nhi vô tội, đức Phật liền rải tâm từ. Một luồng khí mát mẻ, an lành tuôn chảy ra không gian, bao bọc thân thể của voi Nālāgiri rồi thâm nhập vào tận tim gan, máu huyết và cả tâm trí nó. Rồi đức Thế Tôn cất giọng phạm âm dịu dàng, ngọt ngào, trìu mến như lời ru của mẹ rót vào tai của voi Nālāgiri:

- Này Nālāgiri! Này con yêu quý! Người ta đã cho con uống mười sáu hũ rượu làm cho con điên đảo, đã biến thành thú tính hung dữ. Người ta đã cố ý lợi dụng con để giết Như Lai, chớ không phải giết hại ai khác. Vậy hãy tha cho đứa trẻ kia mà đến đây với Như Lai! Hãy đến với Như Lai, này Nālāgiri yêu quý!

Như được uống một liều thuốc an thần, như vừa được tắm trong dòng suối trời, voi Nālāgiri chợt tỉnh lại. Ngẩng đầu lên, voi cảm nhận một sự mát mẻ và bình an lạ thường toát ra từ vùng ánh sáng phía trước. Một tiếng gọi sâu thẳm từ vô thức mơ hồ đánh thức nó, voi như tìm lại được hình bóng và âm điệu ru êm của đấng mẹ hiền; và nó chỉ là đứa con nhỏ cần được vuốt ve, che chở. Con say điên đảo tan biến, voi Nālāgiri hạ vòi xuống, hai tai buông rủ, ngoan ngoãn quỳ mọp cả bốn chân rồi lết tới, nằm phủ phục dưới chân đức Phật ra chiều quy thuận.

Giọng đức Thế Tôn cứ tiếp tục dịu dàng, ngọt ngào tuôn chảy vào tai nó:

- Này Nālāgiri! Này con yêu quý! Thân phận con là loài voi, thuộc hàng súc sanh vô phước và tội nghiệp. Như Lai là đức Phật cao thượng giữa muôn loài. Từ nay, con phải thay tâm đổi tánh, đừng nên giết hại bất kỳ một ai khác nữa. Điều ấy con phải làm vì lợi ích và an vui cho chính con!

Đức Thế Tôn vừa nói vừa tiếp tục rải tâm từ, làm cho làn khí tâm từ càng lúc càng đầy ấp, sung mãn; rồi ngài đưa bàn tay búp sen dịu dàng như tơ trời “đâu-la-miên”⁽¹⁾ vuốt trên đầu voi, rồi khuyên dạy:

- Này Nālāgiri! Này con yêu quý! Con là một con voi có vòi, con voi con bé bỏng và yếu đuối. Như Lai cũng là con voi, nhưng lại là voi chúa kiêu hùng và cao thượng. Làm thế nào con voi con lại có thể đưng đầu hoặc sát hại con voi

⁽¹⁾ Tơ trời cung Đâu Suất.

chúa là Như Lai? Con biết sao không? Chuyện không thể ấy, nếu con làm được, nếu con làm hại voi chúa cao thượng là nhân đem lại sự đau khổ cho con. Ai làm hại voi chúa cao thượng, người ấy không được tái sinh vào cảnh giới an vui. Con chớ nên si mê! Không nên dễ dãi nữa! Vì sự giải đãi quên mình sẽ tạo nên ác nghiệp tội lỗi, phải sa đọa vào những cảnh giới tối tăm, thống khổ. Hãy nên làm việc lành, này Nālāgiri yêu quý. Ai tạo thiện nghiệp, người ấy sẽ tái sinh vào những cảnh giới hạnh phúc, huy hoàng và xán lạn!

Thế là đức Phật đã thuyết pháp tế độ cho voi Nālāgiri. Nghe xong, toàn thân tâm của voi phát sanh hỷ lạc chưa từng có. Nếu không phải là loài súc sanh, sau thời pháp ấy, chắc chắn nó đã chứng đắc thánh đạo quả.

Dân chúng từ các điểm cao trong thành Rājagaha tận mắt nhìn thấy từ đầu chí cuối đức Phật cảm thán hung tượng Nālāgiri một cách phi thường, kỳ diệu; họ hoan hỷ vỗ tay reo mừng vang dội. Rồi họ lũ lượt leo xuống, chạy đến tận nơi, ném tất cả những đồ trang sức, vòng vàng, châu báu xuống thân mình voi, phủ cao thành đống. Voi bây giờ nằm yên, ngoan ngoãn hiền lành.

Từ thời khắc này, voi dữ Nālāgiri được dân chúng gọi tên là voi Dhānapālaka (voi giữ gìn của cải).

Trước tất cả tăng chúng và mọi người, đức Phật đặt tay lên đỉnh đầu hiền tượng Dhānapālaka cho nó thọ quy giới. Hiền tượng nằm mọp xuống, lấy vòi hút bụi ở hai bàn chân đức Phật rồi phun lên đầu mình để tỏ lòng tôn kính. Xong, nó lùi xa một khoảng, rung mình, rũ ngọc ngà, châu báu lả tả rơi xuống đất, quỳ xuống, cúc cung đánh lễ đức Phật ba lần rồi quay đầu, chậm rãi, bỏ thành phố đi thẳng vào non sâu.

Đức Phật nhiếp tâm phát sanh năng lực thù thắng rồi chú nguyện:

- Vàng ngọc, của cải nằm rơi đầy trên đất kia, vốn là của ai, hãy hoàn về chủ cũ!

Lạ lùng làm sao, lời nguyện vừa dứt, ngọc ngà châu báu đang nằm vô tri, bất động trên đất; chợt như có chân, có mắt, đồng loạt vọt lên, bay về nơi tay, nơi cổ, trong túi, trong xách của những người chủ cũ, không hề sai trật!

Vừa chứng kiến chuyện cảm hóa voi dữ của ngài, bây giờ lại thấy năng lực phi thường này nữa của đức Thế Tôn, toàn thể dân chúng thành Rājagaha xiết bao kính mộ. Cận sự nam nữ hai hàng lại được củng cố thêm đức tin và dào dạt niềm tự hào. Ngay chính nhóm ngoại đạo thù ghét đức Phật luôn manh tâm phá hoại, khuấy rối ngài, cũng bắt đầu thay đổi cách nhìn, chuyển tâm hóa tánh. Có một số trong họ, chẳng ngại ngừng gì, đến khấu đầu đánh lễ đức Phật rồi xin cải giáo.

Dịp này, vô số người, chư thiên, phạm thiên chúng đặc Nhập lưu thánh đạo quả.

Công việc đã xong, nhân duyên sáng nay thế là đã thành tựu, đức Phật ra dấu hiệu bảo đức Ānanda cùng với tăng chúng quay trở về Trúc Lâm. Thế là cận sự nam nữ cùng với dân chúng thành Rājagaha lũ lượt đi theo, mang rất nhiều vật thực để cúng dường đến chư tăng, có đức Phật là chủ trì.

Ai ai sắc mặt cũng hân hoan, vui sướng; tán dương năng lực thuần hóa voi dữ của đức Phật, rồi thốt lên bằng bài kệ:

“- Người ta dạy ngựa hay voi
Sử dụng móc sắt, mây roi bện thừng
Thế Tôn – khéo, lạ quá chừng
Chẳng roi, chẳng móc, chẳng trừng phạt ai
Từ bi, năng lượng thiện tài
Nhiếp hóa voi dữ, Như Lai phép màu!”

Chiêu Bài Cuối Cùng Của Devadatta

Ngày hoàng cung làm lễ hỏa táng nhục thân đức vua Bimbisāra, không ai mời mà đức Phật vẫn tìm đến quảng trường hoàng cung để chú nguyện cùng cả một lực lượng tăng đoàn hùng hậu ba bốn nghìn vị tỳ-khuru, vô cùng trang nghiêm và thanh tịnh. Và dân chúng cũng vòng trong, vòng ngoài nhiều lớp, ken chân không lọt; họ quý kính, tiếc thương và ngưỡng mộ vị vua hiền đức, nhân ái bị kẻ gian ác hãm hại. Vị vua trẻ Ajātasattu vừa thấy cái bóng của đức Phật liền cảm thấy bất an, sợ hãi nên ông trốn trong cung. Devadatta cũng cùng tâm trạng như đức vua nên ông và chúng đệ tử tìm cách tránh né khi thấy uy lực của đức Phật như phủ trùm thiên hạ, che mờ luôn cái “uy tín hư giả và tiếu” của ông.

Trước khi trở lại tu viện Trúc Lâm, đức Phật nói với đại chúng rằng:

- Ai ánh sáng thì sẽ đi theo với ánh sáng, hòa với ánh sáng; ai là bóng tối thì sẽ đi theo với bóng tối, chìm trong bóng tối. Đức vua Bimbisāra của chúng ta, suốt một đời anh minh và hiền đức nên đã hóa sanh làm một vị thiên, kẻ cận Tỳ-sa-môn thiên vương để hộ trì giáo pháp. Đức vua của

chúng ta đã có một đời sống mới, hạnh phúc, an vui và có nhiều oai lực hơn kiếp sống cũ. Đây là điều mà chúng ta nên mừng vui mới phải! Chư vị hãy về đi! Chẳng có gì phải bận bịu và tiếc thương nữa!

Riêng về Devadatta. Sự việc mấy lần hãm hại đức Phật của ông đã được lan truyền khắp hang cùng ngõ hẻm đường như không còn ai là không biết. Những hành động tệ hại ấy làm cho Devadatta biến thành cái bóng của quỷ dữ; và dư luận quần chúng cũng như hai hàng cận sự đều lên án ông một cách nghiêm khắc và xa lánh ông như xa lánh cùi hủi. Chính vua Ajātasattu cũng chán nản ông, bỏ rơi ông, không nâng đỡ ông nữa. Mọi ân huệ của vua thế là mất hết. Khi lòng sân độc muốn hại Phật và lòng tham vọng đẩy ông đến chỗ xấu xa như thế thì mọi khả năng thần thông phép lạ của ông cũng tiêu tan luôn!

Thế nhưng ông chưa chịu ngừng lại. Với trí thông minh sẵn có, ông quay qua chiêu bài khác. Ông giả vờ đến sám hối đức Phật và xin đức Phật ban hành thêm năm điều vào trong quy chế cho hàng xuất gia:

- Thầy tỳ-khuru phải sống trọn đời trong rừng, vườn hoang, động vắng, núi sâu; không được ở trong thành phố, làng mạc, tu viện hay tịnh xá...

- Thầy tỳ-khuru phải trọn đời ôm bát xin ăn, không được dự lễ trai Tăng hay nhận lời mời đến tư gia đặt bát hay thọ thực của hai hàng cận sự.

- Thầy tỳ-khuru phải lượm vải rách, vải người ta quăng bỏ bên đường, vải bó xác tử thi để cắt may làm y mặc; không được phép thọ nhận vải đẹp, vải tốt, vải lành nguyên của thí chủ dâng cúng.

- Thầy tỳ-khuru trọn đời phải ngủ nghỉ chỗ không có mái che, nơi khoảng trống, dưới cội cây, giữa nghĩa địa, không được ngủ nghỉ trong phòng ốc, liêu cốc.

- Thầy tỳ-khuru trọn đời phải ăn ngũ cốc, rau trái, không được dùng các loại thịt, dù là thịt động vật đã chết!

Đức Phật thấy rõ dã tâm của ông, nhưng ngài chỉ nói lên điều đáng nói:

- Hôm nay mà ông còn đến đây để giả vờ xin những điều có vẻ rất đúng đắn như vậy nữa hay sao? Ông biết Như Lai sẽ từ chối, và rồi ông sẽ đi rêu rao đây đó rằng, những điều ông đề đạt, yêu cầu là chân chính hơn cho giáo pháp, là tốt đẹp hơn cho hàng xuất gia. Thế là một số tỳ-khuru nông nổi và quần chúng nhẹ dạ lại bị ông mê hoặc bởi chiêu bài cao thượng ấy!

Còn đệ tử của Như Lai thì năm điều kia có người thực hành là tốt hay chỉ thực hành trung đạo năm điều ấy cũng tốt không khác gì; cứ để họ tùy nghi lựa chọn theo sở thích, khả năng sức khỏe và sở hành của mình. Ông nên nhớ rằng với ăn, mặc, ngủ... bao giờ Như Lai cũng hằng khuyên là nên thiếu dục và tri túc! Ăn, mặc, ngủ... chừng mực, vừa đủ, dị giản là điều cần yếu; và quan trọng nhất là phải có một tri kiến chơn chánh như thế nào, phải tu tập một giáo pháp như thế nào con người mới trở nên hiền thiện được!

Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp của tự do và tự nguyện, không bắt buộc, cưỡng ép ai, bao giờ cũng tùy thuộc căn cơ và tâm tánh của mỗi người. Ví như vị này chỉ muốn sống trong rừng, trong nghĩa địa, chỗ xa nơi huyên náo để hành thiền; nhưng vị khác lại muốn ở trong tu viện hay tịnh xá để theo học pháp nơi các vị trưởng lão – thì tại sao lại không được nào? Vị này thì đi trì bình khát thực chỉ dùng trong bát, chỉ thọ trong bát, chỉ đứng một nhà hoặc hai nhà theo với pháp hạnh của họ; nhưng có vị khác thì duyên với thí chủ này, thí chủ kia, cần phải thuyết pháp, nói đạo cho nhà này, nhà nọ - thì ai có thể cấm họ không thọ bát hoặc thọ thực tại tư gia? Chuyện y áo cũng tương tự vậy, có vị thọ đầu-đà, nguyện chỉ lượm vải rách, vải người ta quăng

bỏ để may y mặc; nhưng có vị khác không theo pháp hạnh ấy, nhưng họ nhận vãi lành nguyên do thí chủ dâng cúng thì vẫn đúng pháp và luật như thường. Việc ngủ nghỉ dưới cội cây, chỗ không có mái che hay ngủ nghỉ trong cốc liêu, tịnh xá cũng tùy thuộc hạnh, nguyện, tùy thuộc nhân duyên và hoàn cảnh nữa, bao giờ cũng theo lý trung đạo, không rơi vào cực này, không rơi vào cực kia! Cuối cùng là việc ăn mà ông muốn đề xuất là chỉ nên ăn ngũ cốc, hoa quả, rau củ chứ không nên dùng tam tịnh nhục⁽¹⁾, nghe ra thì có vẻ hay, có vẻ cao thượng nhưng sẽ không áp dụng được. Tại sao? Một vị tỳ-khuru ôm bát đi khát thực không được lựa chọn nhà sang nhà hèn, người giàu, người nghèo mà tâm vị ấy phải bình đẳng. Một người bà-la-môn hay gia chủ bà-la-môn chính thống, họ thường ăn ngũ cốc, rau quả nên họ sẽ đặt bát ngũ cốc và rau quả. Một gia đình sát-đế-ly, một hoàng gia, một quý tộc, một tướng quân, một chiến sĩ sát-đế-ly, họ thường dùng các loại thịt nên họ sẽ đặt bát cúng dường các loại thịt khác nhau. Một gia đình thương gia thì thịt thà hay rau quả cũng tùy thuộc ngày hôm ấy họ dùng gì. Một gia đình thủ-đà-la với nghề nghiệp tay chân nặng nhọc thì vật thực của họ chỉ nhằm để no bụng, không biết rõ đây là vật thực dở hay ngon. Một người chiêm-đà-la đặt bát thì vật thực của họ, may ra chỉ để mà tồn tại. Như vậy đó, cái bát của vị tỳ-khuru đây đủ bên trong vật thực của bốn giai cấp và cả nô lệ. Chẳng lẽ nào một vị tỳ-khuru ôm bát xin ăn mà bảo là tôi chỉ dùng món này mà không dùng món kia? Có quá đáng lắm không? Có kỳ thị không? Có bình đẳng không?

⁽¹⁾ Là loại thịt không thấy, không nghe, không nghi - tức là thịt từ vật đã chết rồi, không có sự sống, không còn thức tánh. Khi vị tỳ-khuru thọ dụng thịt ấy, không thấy trước mắt con vật bị giết, không nghe tiếng kêu của con vật đang bị giết, không nghi ngờ là con vật ấy chết là do người ta giết để dâng cúng cho mình. Ngoài ra, trong tạng Luật, đức Phật còn chế định thêm 10 loại thịt không được dùng: Người, voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, cọp, báo, gấu, linh cẩu.

Này Devadatta! Chiêu bài của ông chỉ có thể lừa dối được kẻ ngu, cả tin, nhẹ dạ; không bao giờ qua mặt được người có trí, mắt sáng, có đức tin vững chắc đâu!

Thôi, ông hãy đi đi, đừng bao giờ trở lại nơi này, trở lại tăng đoàn của Như Lai nữa. Hôm nay Như Lai đã nói quá nhiều. Quả địa ngục đang chờ đón ông đấy. Hãy ghi nhớ lời ấy, và chỉ cần ghi nhớ một lời ấy mà thôi!

Đức Phật đã ân cần giải thích, đã tận tình nhắc nhở, đã từ bi cảnh tỉnh Devadatta và hội chúng như vậy rồi, nhưng cũng có chừng năm trăm tỳ-khưu bị Devadatta dụ dỗ bởi chiêu bài cao thượng đã theo chân ông ta đến tu viện ở dãy núi Gayāsīsa, chính thức hình thành một giáo đoàn riêng. Sự chia rẽ tăng-già (Saṅgha) đã đến hồi trầm trọng.

Tuy nhiên, đức Thế Tôn lại bảo hai vị đại đệ tử:

- Bây giờ, Như Lai lại làm phiền đến Sāriputta và Mahā Moggallāna một lần nữa. Cả hai ông hãy đi mau, theo chân Devadatta đến Gayāsīsa, thuyết pháp cho năm trăm tỳ-khưu nhẹ dạ. Như Lai biết rằng, khi trở về, năm trăm tỳ-khưu kia sẽ tháp tùng theo hai ông. Và từ đây cho đến cuối đời, Devadatta sẽ không còn làm gì được nữa đâu.

Và đúng như vậy thật, tôn giả Sāriputta và Mahā Moggallāna đến tu viện trên dãy núi Gayāsīsa khi Devadatta đang nghỉ ngơi, hai vị đã thuyết pháp đến cho năm trăm thầy tỳ-khưu. Sau thời pháp, cả năm trăm thầy tỳ-khưu đều đắc quả Tu-đà-hoàn! Và họ đồng theo chân hai vị trưởng lão về Trúc Lâm yết kiến đức Thế Tôn và xin sám hối cái tội đại khờ và nông nổi của mình.

Devadatta biết ra thì đã muộn, nhìn khung cảnh quanh quẽ xung quanh, ông ta gục xuống, thổ ra một bùm máu tươi! Không ai làm hại ông cả mà bởi chính tâm cuồng vọng của ông đã đẩy ông đến tuyệt lộ!

Trường Giả Cấp Cô Độc Ra Đi

Đức Phật cùng với chư đại trưởng lão trở lại Sāvatti cho kịp trước mùa mưa. Năm nay tại đây thời tiết có vẻ bất thường, nhưng chư tăng các nơi cũng không quản ngại lộ trình vất vả về an cư tại Kỳ Viên nhiều hơn mấy năm trước. Ai cũng muốn nghe những biến cố động trời về thái tử Ajātasattu và Devadatta.

Như vậy là việc thái tử Ajātasattu định giết cha cướp ngôi, tình cảnh đức vua Bimbisāra bị chết đói trong ngục, chuyện ba lần Devadatta âm mưu giết Phật là những đề tài nóng hổi được chư tăng và hai hàng cư sĩ vây quanh chư đại trưởng lão để thăm hỏi tin tức. Sau khi biết rõ, ai cũng ngao ngán, ai cũng thở dài cho tâm địa của con người. Bi cảm, thương xót thay cho đức vua Bimbisāra hiền thiện! Khốn nạn, đáng nguyên rủa thay là thằng con Ajātasattu bất hiếu! Gian độc và điên cuồng thay là tên Devadatta ác tăng!

Đức vua Pāsenadi cũng là người tìm đến đánh lễ đức Phật sớm nhất. Khi tôn giả Mahā Moggallāna vận thần thông lược đến gặp vua trước vị quan sứ giả mười mấy hôm, kể lại việc làm bất hiếu của thái tử Ajātasattu khi cầm cố vua cha của mình, đức vua đã cố kèm chế con giận dữ theo lời

dẫn bảo của đức Phật, nếu không ông đã xua quân trừng trị đứn cháu vô đạo.

Sau khi nghe đức Phật kể lại tự sự, bây giờ đức vua mới biết thêm là đức vua Bimbisāra bị bỏ chết đói trong ngục tối và một số các vị lão thần bị thủ tiêu, ông lặng người đi.

Đức Phật cũng kể lại những vất thức ăn giấu trong mái tóc, thức ăn quét nhuyễn phết lên người của hoàng hậu Videhi (Kosaladevī) cũng chỉ cứu đức vua sống được mấy hôm. Tuy nhiên, đức Phật khen ngợi tinh thần vững mạnh, xem nhẹ cái đói, cái chết và cái tâm từ bi của đức vua đối với kẻ đã hãm hại mình. Việc tẩy chay lễ đấng quang của Ajātasattu đức Phật cũng kể lại. Hôm dự lễ trà-tỳ đức Phật tự đến với hơn bốn ngàn tăng ni đã tạo vinh quang cho hương linh quá cố, ngài cũng kể lại chi tiết.

Rồi đức Phật trấn an:

- Thôi được rồi, bệ hạ! Sự việc xảy ra thường đúng với nhân, duyên, quả của nó. Đức vua hiện đã hóa sanh lên cõi trời của Tỳ-sa-môn thiên vương, không còn chịu cảnh nhiều gian truân như thế gian này nữa.

Lâu lắm, đức vua Pāsenadi mới nói:

- Đời người quả thật là bi khổ! Đến lúc này thì đệ tử mới thật sự hiểu thấm thía lời dạy của đức Tôn Sư về “khổ đế” trần gian! Quả thật, không ai có thể thoát khỏi định luật của nhân, duyên, quả, báo và nghiệp! Đức vua Bimbisāra một đời hiền đức cũng không tránh khỏi! Hoàng muội của đệ tử, Kosaladevī (tức là hoàng hậu Videhi) một đời mẫu mực, đức hạnh cũng không tránh khỏi! Không biết sau biến cố thảm nạn vừa rồi, tinh thần hiền muội của đệ tử có sa sút lắm không, bạch đức Tôn Sư?

- Bà vẫn còn khá lắm đây, tâu bệ hạ!

- Không gục ngã, không đột quy mà còn đứng vững được như vậy, quả thật là nhờ thần dược của giáo pháp, phải vậy không, bạch đức Tôn Sư?

- Ừ, có lẽ vậy! Và còn nữa - đức Phật nói tiếp - Hoàng hậu Videhi ở bên cạnh đức vua Bimbisāra như thế nào thì hoàng hậu Mallikā ở bên bệ hạ như thế đó. Họ đều là những nữ nhân cao quý, nhân ái; là chiếc bóng an vui cho chư đại vương, đồng thời là người hộ trì cho tăng ni và giáo pháp nữa đó, tâu bệ hạ!

Đức vua Pāsenadi cảm thấy nhẹ lòng.

Đức Phật vừa tiễn đức vua ra về được một lúc thì tôn giả Ānanda vào thưa trình:

- Bạch đức Thế Tôn! Người quản gia của trưởng giả Cấp Cô Độc vừa đến báo tin là ông ấy bệnh rất nặng, sợ rằng không qua khỏi...

- Ừ, người quản gia có nói gì nữa không?

- Bạch, có ạ! Người quản gia nói là trưởng giả khẩn cầu tôn giả Sāriputta đến thăm ông ta lần cuối cùng.

Đức Phật hướng tâm một lát rồi nói:

- Vậy thì cả ông và Sāriputta hãy đến thăm trưởng giả ấy. Cả hai vị đều có duyên với ông ta.

Tôn giả Sāriputta và Ānanda vâng mệnh đi ngay. Đến nơi, bên giường bệnh, tôn giả Sāriputta ân cần nắm tay Cấp Cô Độc rồi cất tiếng hỏi:

- Ông có kham nhẫn cơn đau được không, Sudatta?

Trưởng giả mở mắt ra, định gượng ngồi dậy. Tôn giả Ānanda mỉm cười, ngăn lại:

- Ông cứ nằm yên vậy! Có chịu đựng nổi cơn đau không kìa, tôn giả Sāriputta hỏi đó!

- Dạ thưa! Ông thều thào! Nó đau đớn lắm! Đôi khi như lửa đốt từ trong xương. Đôi khi nó xoay, nó vặn, nó đâm, nó chích khắp lục phủ ngũ tạng. Có lẽ đệ tử không chịu đựng được nữa rồi.

- Nó cứ đau mãi thế, không có chút nào thuyên giảm à?

- Thưa, nó cứ tăng chứ không giảm, càng lúc càng thêm khốc liệt.

Nói xong, trán ông trưởng giả lấm tấm mồ hôi, như cố chịu đựng cơn đau.

Tôn giả Sāriputta kéo chiếc ghế ngồi xuống bên cạnh, dịu dàng đặt tay lên trán ông rồi nói:

- Già, rồi bệnh, rồi chết là định luật tất yếu, không ai thoát khỏi được, này Sudatta! Bây giờ ông đau đớn khóc liệt là do đất đang tan rã dần, do lửa đang nguội lạnh dần, do nước đang cạn khô dần; rồi đến khi gió ngưng hoạt động nữa, tức là hơi thở chấm dứt chính là lúc thân chết đang đứng một bên rồi đó! Ông có sợ không?

- Không, không có sợ thân chết, tôn giả! Bây giờ đệ tử đang sợ cái đau đây!

- Vậy thì cái đau ấy cũng không đáng sợ!

- Đau kinh khủng thế này làm sao mà không đáng sợ được, thưa tôn giả?

- Có chứ! Có một bài kinh của đức Tôn Sư. Nghe bài kinh này, nhập tâm vào kinh này, theo dõi từng lời, từng câu, từng đoạn bài kinh này, rồi an trú vào đó thì cái gọi là đau đớn kia tiêu tan tức thì!

- Kỳ lạ vậy kia à? Vậy thì xin cho đệ tử được thọ trì.

- Vậy thì ông hãy nhiếp tâm lắng nghe!

Sau đó, tôn giả Sāriputta liền thuyết cho ông nghe một bài pháp cao siêu, nói về lục căn, lục trần; và những cảm thọ vô thường, trống không của nó như thế nào; rồi kết luận:

- Này trưởng giả kính mến! Hãy ghi nhận theo lời ta mà niệm như thế này:

“Này hỡi người thợ sinh diệt! Ta không còn dính mắc với đôi mắt, với lỗ tai, với cái lưỡi, với lỗ mũi và cả với làn da xúc cảm nữa! Người cứ không ngưng nghĩ tạo ra những cảm thọ trống không vô vị, vô tích sự vậy hay sao? Người không làm gì được ta đâu!

Này hỡi người thợ sinh diệt! Những ảo ảnh, mộng mị do người tạo ra, ta đã nhìn thấy rõ rồi, đừng có mất công mê

hoặc, ta không thấy lầm, trông lầm nữa đâu! Những cái gọi là vừa lòng, êm ái, khoái lạc, ngon ngọt, thỏa thích, khả hỷ, khả ý từ lâu đã quyến dụ ta, thật nguy hiểm; bây giờ ta không còn dính mỗi câu của người nữa đâu! Tất cả, đến một lúc nào đó, chúng đều phân ly, tan rã dầu thân này hay thân khác, dầu thế giới này hay thế giới khác, không bao giờ có việc thường còn và bất hoại đâu. Tất cả đều là đau khổ và phiền não.

Này hỡi người thợ sinh diệt! Ta đã tu tập như vậy, ta đang tu tập như vậy, ta đã an trú như vậy thì người làm gì nổi ta?”

Nghe xong thời pháp, trưởng giả Cấp Cô Độc ràn rụa nước mắt. Tôn giả Ānanda thấy vậy bèn hỏi:

- Có phải trưởng giả lo sợ tử thân nên tinh thần trở nên suy nhược không?

- Thật không phải vậy, tôn giả kính mến! Nghe xong bài kinh ấy, đệ tử không còn sợ đau, không còn sợ chết nữa. Nói rõ là, khi an trú tâm vào kinh ấy thì tinh thần đệ tử không chút giảm suy, mà ngược lại, đang phấn chấn, đang hoan hỷ là khác. Ấy chỉ vì mặc dầu đã nghe rất nhiều bài pháp do đức Tôn Sư giảng dạy, đệ tử chưa hề được nghe một thời pháp nào cao siêu như thế này!

Tôn giả Sāriputta giải thích:

- Trưởng giả quả thật là đặc biệt, ta mới thuyết cho nghe bài pháp cao siêu ấy. Ngay chính trong Tăng chúng, đức Thế Tôn cũng chỉ thuyết đến cho những tỳ-khưu tiến bộ mà thôi. Thuyết cho hàng cư sĩ, họ sẽ không thấu hiểu.

Trưởng giả Cấp Cô Độc cảm xúc rơi nước mắt, tri ân xiết bao về sự đối xử đặc biệt đó. Nhưng nhân cơ hội ấy, ông cũng thỉnh cầu tôn giả Sāriputta cứ truyền bá giáo pháp cao siêu kia cho hàng tại gia. Vì cũng có những cư sĩ có ít bụi cát trong mắt, có tư duy chơn chánh, có căn trí sâu dày sẽ lãnh hội được.

Tôn giả Sāriputta gật đầu hứa khả thỉnh nguyện ấy. Tôn giả Ānanda kéo lại tấm chăn đắp cho ông, nói nhỏ bên tai ông như cơn gió thoảng:

“- Không còn gì hết, không còn Sudatta, không còn con đau mà chỉ còn là hơi thở thôi, này ông bạn già! Nhớ nhé”

Khi hai vị đệ tử của đức Phật ra về chùng nửa khắc, ông Cấp Cô Độc nghe lời tôn giả Ānanda, trứ tâm miên mật vào hơi thở, chỉ còn là hơi thở thôi, rồi ra đi một cách nhẹ nhàng. Và tức khắc, tái sanh vào cung trời Tusita.

Đêm ấy, vị trời Cấp Cô Độc từ cung trời Tusita trở về tịnh xá Kỳ Viên, hào quang của ông chiếu ngời, sáng cả khu vườn. Vị trời ấy đánh lễ đức Phật, tán dương phẩm hạnh và tuệ đức của tôn giả Sāriputta, tấm lòng nhân ái dịu dàng của tôn giả Ānanda. Sau đó, vị trời Cấp Cô Độc bày tỏ niềm hân hoan được gặp lại đức Phật và chư tăng trong tịnh xá do ông ta kiến tạo.

Cũng trong dịp này, vị trời Cấp Cô Độc xác nhận sự thực chứng của mình:

“- Thiện ý và trí tuệ, cùng với tâm được rèn luyện đúng đắn, có phương pháp làm ta trở nên cao thượng, trong sạch chớ không phải do giai cấp hay tài sản”.

Hôm sau, thông tin trưởng giả Cấp Cô Độc ra đi đã được mọi người loan báo khắp các tu viện, tịnh xá trong và ngoài kinh thành. Cả chư tăng và hai hàng cận sự ai cũng quý kính và tiếc thương một nhân cách lớn, một nhà đại thí vĩ đại. Là một mát mát lớn lao, một thiếu hụt trống vắng trong hàng cư sĩ, không ai có thể thay thế được.

Ông tiêu Cấp Cô Độc và toàn thể đại gia cung thỉnh đức Phật và chư tăng hai ngàn vị đặt bát cúng dường bảy ngày vô cùng trọng thể, trang trọng và thiêng liêng không thua gì sự ra đi của hoàng hậu Mallikā tại kinh đô này.

Sau lễ hỏa táng, chư tăng và nam nữ cận sự tụ hội đầy đặc đại giảng đường Kỳ Viên, ai cũng tò mò muốn biết sanh thú của bậc vĩ nhân hiền thiện ấy, giờ đã lạc cư phương nào?

Nhân dịp này, đức Phật cũng muốn tuyên dương công đức của vị đại thí chủ ấy, nên ngài cho biết sanh thú của ông là cảnh trời Tusita. Và vị trời Cấp Cô Độc kia với hào quang sáng rực cả Kỳ Viên xuống đánh lễ thăm ngài và câu chuyện hôm đó ra sao! Đức Phật cũng kể lại cho đại chúng nghe một số hành trạng của vị ấy trong khoảng thời gian gần bốn mươi năm phục vụ Tam Bảo không mệt mỏi, không thối thất, với đức tin kiên cố bất động tâm như thế nào.

“- Tại tịnh xá do trưởng giả Cấp Cô Độc lập nên này! Đức Phật kể - Ông hết lòng hộ trì Như Lai và tăng chúng. Sự bố thí, cúng dường của ông là vô giới hạn vậy. Cấp Cô Độc nếu không có gì bận việc thì mỗi ngày ông đến Kỳ Viên với ba lần cúng dường lớn: Một vào buổi sáng, một sau buổi sáng và một vào buổi chiều. Còn những lần bố thí và cúng dường vào các cuộc hội lớn hoặc những trường hợp bất thường thì không kể. Chưa bao giờ trưởng giả đến Kỳ Viên bằng tay không. Buổi sáng đem theo cháo; sau buổi ăn sáng đem theo thực tô, sanh tô, mật, đường mật; buổi chiều mang theo hương, vòng hoa, vải vóc các loại... Còn ở nhà, bao giờ cũng có phân vật thực sẵn cho năm trăm vị tỳ-khưu để đặt bát cúng dường. Quả thật, tất cả gia tài, ông đều muốn chi dùng cho giáo pháp. Cái ngôi nhà hữu phước đó, chư tăng thường gọi là “giống như cái hồ đào lên ở ngã tư đường cho chúng tỳ-khưu, giống như là nhà cha mẹ của tất cả tỳ-khưu”. Ngoài Như Lai và hàng chục vị đại trưởng lão đều đi đến ngôi nhà ấy; còn chư tăng thập phương thì đông không kể xiết.

Do bố thí không dừng nghỉ, do nguội lạnh việc kinh doanh làm ăn, cả gia tài năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng của ông đều đã chi dùng cho việc mua đất, chi phí kiến

tạo tịnh xá và hộ trì, hộ độ tứ sự cho Tăng chúng. Dần dần ông rơi vào khánh tận và nghèo thiếu. Mặc dầu vậy, ông vẫn không ngừng bố thí, cúng dường. Và đức tin đối với Tam Bảo vẫn không hề suy giảm, mà trái lại, càng được củng cố vững bền thêm.

Chuyện kể này sẽ xác minh điều đó.

Một hôm, Cấp Cô Độc đến hầu thăm Như Lai, và vì Như Lai đã biết rõ ông đã khánh kiệt, bèn hỏi:

- Này gia chủ! Hôm nay, tại nhà ông, ông còn có vật gì để cúng dường nữa không?

- Con còn có vật để bố thí, cúng dường, bạch Thế Tôn!

- Ông còn, này gia chủ, vậy là những vật gì?

- Bạch Thế Tôn! Ở nhà, con còn “cháo tẩm với bột chua để lại từ ngày hôm trước”.

Nghe vậy, Như Lai dạy như sau:

- Này gia chủ! Đừng bao giờ nghĩ rằng, cháo tẩm và bột chua kia là ít công đức, ít phước báu. Vật bố thí, cúng dường dầu tầm thường, thô xấu thế nào, nhưng trạng thái tâm tốt đẹp thì quả sẽ tốt đẹp. Ai có thể giữ cho trạng thái tâm tốt đẹp thì bố thí, cúng dường bất kỳ vật tầm thường, thô xấu thế nào cũng được kết quả tốt đẹp, được quả dị thực to lớn!

Nghe lời Như Lai, khuôn mặt trưởng giả Cấp Cô Độc rạng rỡ hẳn lên, ông thốt to lên rằng:

- Tâm đệ tử không bao giờ là thô xấu cả, bạch Thế Tôn!

Đại chúng biết không? Nhà đại triệu phú có bảy tầng lầu, bảy cửa gác. Tại cửa gác thứ tư có vị thiên nữ ngự ở đấy. Từ trước đến nay vị thiên nữ ấy không được an lạc. Vì khi Như Lai vào nhà thì vị thiên nữ kia phải di chuyển chỗ ở xuống tầng trệt cuối cùng. Không những chỉ có mình Như Lai mà chư vị đại trưởng lão, chư tỳ-khưu có uy đức, khi các ngài đến, nếu thiên nữ vẫn ngự yên ở trên cửa tầng lầu thứ tư, sẽ bị lửa nung đốt.

Hôm kia, thấy tình cảnh gia đình ông Cấp Cô Độc đã sa sút, nghĩ rằng đây là cơ hội tốt để làm cho Như Lai và tăng chúng không còn đến ngôi nhà này nữa; vị thiên nữ chói sáng hào quang đến gặp viên quản lý, đứng giữa hư không.

Viên quản lý ngạc nhiên hỏi:

- Ai đó? Người là ai?

- Ta là thiên nữ ở nơi cửa gác căn lầu thứ tư. Ta đến đây vì lợi ích của người, của gia chủ người.

- Vậy thì cứ nói đi, tôi nghe! Viên quản lý nói.

Thiên nữ tiếp:

- Người làm quản lý mà người không biết quản lý tài sản. Người không biết việc nào lợi ích và việc nào không lợi ích. Người lại càng không thấy được mối nguy cơ phát xuất từ việc làm của ông triệu phú. Ông quản lý có rõ không? Năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng đã được chi dùng vào việc vô ích. Các kho đụn tài sản, châu báu và lương thực, thực phẩm của ngôi nhà này, bây giờ chỉ còn là cháo tằm và bột chua. Vậy thì người hãy khuyên gia chủ của người lo làm ăn, kinh doanh buôn bán để gia tài được phát sanh, tăng bội, chứ đừng để sa-môn Gotama cùng đệ tử của ông ấy đến ăn hại tại ngôi nhà này nữa. Hãy đuổi cổ chúng đi!

Viên quản lý nghe những lời phỉ báng kia, dùng dùng nổi giận, hét toáng lên:

- Này, này! Bà thiên nữ ngu si kia! Ông triệu phú, chủ của ta, là người hiền thiện, là bậc có lòng từ quảng đại, vô song. Trọn vẹn cả gia tài này ông ta đã chi dùng đầy công đức và trí tuệ cho giáo pháp của đức Thế Tôn. Một sự chi dùng đúng đắn đem đến lợi lạc tối thượng cho nhân, thiên ba cõi. Đừng nói đến chuyện khánh tận gia sản, chỉ còn cháo tằm và bột chua; nếu ông triệu phú, chủ của ta, nắm búi tóc của ta lôi đi, đem ra giữa chợ bán như một tên nô lệ, để lấy tiền bố thí cúng dường, thì ta cũng sẵn lòng hoan hỷ! Đã

nghe rõ chưa, vị thiên nữ đầy tà kiến, tối tăm và ngu ngốc!
Hãy bước đi!

Thấy không lay động được viên quản lý, thiên nữ hiện thân gặp người con trai cả, cũng nói như trên, nhưng cũng bị người con trưởng nam mắng cho xối xả. Tuy thế, vẫn không thối chí, vì thiên nữ nửa đêm hiện ra trong phòng ông Cấp Cô Độc với hào quang chiếu sáng.

- Nay, đại triệu phú! Ta là thiên nữ ở cửa tầng lầu thứ tư, ta đến đây vì lợi ích của ông và gia đình ông.

- Hãy nói đi, ta nghe đây.

- Từ lâu, thiên nữ nói - người đã không nghĩ đến tương lai, không nghĩ đến con cái, bỏ bê công nghiệp, phung phí tài sản cho sa-môn Gotama và tăng chúng của ông ta. Cho đến hôm nay, gia sản người đã khánh tận mà các sa-môn ấy vẫn đi vào nhà. Những gì chúng lấy đi từ người thì không bao giờ có thể đem về lại được. Hãy nắm chắc, biết chắc là như vậy. Bắt đầu từ nay trở đi, người chớ tự mình đi đến sa-môn Gotama! Chớ cho phép những đệ tử của ông ta đi vào ngôi nhà này nữa. Hãy xoay lưng, không có nhìn sa-môn Gotama. Hãy lo kinh doanh buôn bán và xây dựng lại sản nghiệp.

Triệu phú Cấp Cô Độc nghe những lời không hợp với lỗ tai chánh giáo của mình, nhưng vẫn trầm tĩnh, hỏi:

- Vậy ra đây là những lời khuyên giáo thiện ý của người đối với ta?

- Phải như vậy!

Ông đại triệu phú cất giọng cứng rắn, danh thép:

- Bậc Mười Lực đã làm cho ta không bị dao động bởi trăm, bởi ngàn, bởi trăm ngàn lời nói của thiên nữ người. Lòng tin của ta đối với đức Phật và tăng chúng như núi Tu Di vững chắc, kiên định. Đức tin ấy ta đã khéo an trú lâu rồi. Thật uông thay cho công sức và miệng lưỡi của người. Tài sản được ta tiêu dùng cho chánh pháp, đem đến lợi lạc cho

nhân thiên và đưa đến giác ngộ, giải thoát cho người hữu trí. Như vậy, những lời người nói thật là không thích hợp, phi pháp, phản động, là đòn đánh mạnh vào giáo pháp của đức Tôn Sư.

Nói đến đây, ông triệu phú chột xúc động chánh pháp, nói như lưỡi búa phủ xuống đầu thiên nữ:

- Hãy bước đi, này con quỷ đen (kāla-kaṇṇī), kẻ thiếu lễ độ và đầy ác giới kia! Không có vấn đề người sống chung ở đây nữa. Hãy ra khỏi ngôi nhà này mau. Hãy cút đi! Hãy xéo đi!

Lời nói của vị thánh đệ tử đã chứng quả Dự Lưu, không phải là không có oai lực nên thiên nữ không thể ở chỗ cũ được nữa, phải ra đi. Nhưng thiên nữ nghĩ rằng: ‘Nếu không tìm được chỗ ở khác, ta trở về xin lỗi ông là xong. Có lẽ nào một kẻ tu hành lại thiếu lòng từ, để tâm hờn giận dài lâu!’

Trước tiên, thiên nữ đến vị thiên tử hộ trì thành phố, đánh lễ vị này, đứng một bên rồi trình bày tự sự trước sau. Lại còn nói rằng đây chỉ là lời vô ý (anupadhāretvā), không có chủ tâm, xin ngài, với oai đức của mình, dẫn tôi về nhà đại triệu phú, xin lỗi ông ta cho tôi được ở lại.

Vị thiên tử hộ trì thành phố phát tay đứng dậy, quát như sấm nổ:

- Người cũng bước đi khỏi đây, bước ra khỏi đây cùng với những lời nói dơ uế lỗ tai và ngu si ấy! Những lời ấy là gì? Là lời không thích đáng, phi pháp, phản động; là đòn đánh mạnh vào giáo pháp của đức Tôn Sư. Ở đây không có chỗ cho người!

Không nản chí, thiên nữ tìm đến các vị thiên có oai lực lớn hơn, tức là bốn vị Đại thiên vương. Các vị này sau khi nghe xong, không quát mắng, không xua đuổi, chỉ nói về lý, tình cho vị thiên nữ tội nghiệp kia hiểu.

- Ta cũng thương người ngược xuôi vất vả mà không có chỗ an cư. Nhưng biết làm thế nào được. Khi mà oai lực của

ta không bằng oai lực của ông đại triệu phú. Bằng sao được khi đây là lời nói của một thánh thiện nam, kẻ thành tựu khá hoàn hảo về tín, giới, văn, thí, tuệ? Vậy ta khuyên người lên tìm gặp đức Đế Thích thiên chủ, may ra ngài ấy có biện pháp giúp đỡ người.

Chẳng biết sao hơn, vì thiên nữ thất tha thất thểu đến cõi trời Đao Lợi, quỳ lạy Đế Thích và khẩn thiết yêu cầu sự giúp đỡ.

Sau khi nghe xong, ái ngại và xót thương nhìn người thiên nữ đại đột, thiên chủ nói:

- Đáng lý ra ta cũng phát tay mà đuổi người đi như các vị thiên kia. Và nếu vậy, người sẽ lang thang suốt đời mà không có chỗ an cư. Ta do nhờ nghe pháp của đức Đạo Sư mà thấy rõ đâu tội, đâu phước, đâu nhân, đâu quả. Ta tri ân ngài quá lớn. Thế mà người, một hạt bụi, một mảy lông mà dám đánh đổ núi Tu Di? Ân đức của bậc Tôn Sư, của giáo pháp, của chư tăng thật vô lượng cho chúng sanh ba cõi vậy. Người vì vô minh, vì si mê nên không thấy, không biết ân đức ấy, mới đại đột đụng chạm đến giáo pháp của bậc đại chiến thắng. Tội của người quá lớn. Nhưng cũng vì sự hỷ xả, vì lòng từ mẫn, ta sẽ chỉ cho người một phương pháp, trước là để chuộc tội với ông đại triệu phú, sau nữa là sám hối với đức Phật.

- Lành thay, thưa thiên chủ! Thiên nữ mừng rỡ nói - xin người từ bi chỉ dạy cho con. Ôi! Con mong được tha thứ xiết bao!

Rồi thiên chủ Đế Thích chậm rãi trình bày như sau:

- Ông đại triệu phú có một gia sản kim ngân lớn bị thất thoát. Thất thoát do người ta vay nợ, do nước trôi và do chôn của để dành bị mất dấu. Hiện giờ, ở khắp nơi trong thành Sāvatti, các gia chủ lớn, các thương gia, do nhờ vay tiền của ông đại triệu phú mà trở thành giàu có cả. Những giấy nợ, những biên nhận kia hiện nằm trong tủ phía đầu

giường của ông. Từ khi gặp Phật và thấy được giáo pháp, con đường đi của giáo pháp, ông không hề để tâm đến những món nợ ấy nữa. Bây giờ ông đại triệu phú đang lúc nghèo túng. Người hãy lấy tất cả giấy nợ và biên nhận kia, với oai lực của người cùng với oai lực của một số Dạ Xoa trẻ ta cho đi theo để tháp tùng; đến các con nợ mà hăm dọa, nạt nộ thế nào đó để người ta phải trả lại. Số tiền này có thể lên đến một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng; người đem đến đổ vào kho bạc trống không của ông ta. Đây là món kim ngân thứ nhất. Người có nghe rõ không?

- Dạ, con nghe rõ!

- Còn món kim ngân thứ hai, trị giá cũng chừng khoảng một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng, bỏ trong những cái ghè bằng đất nung, chôn giấu ở bờ sông Aciravatī. Khi lũ lụt đến, đất lở, nước đã cuốn trôi tất thảy về đại dương. Với oai lực của người, và của một số Dạ Xoa tháp tùng, người có thể tìm thấy tài sản ấy và mang về một cách dễ dàng. Người có làm được thế không?

- Dạ, con làm được!

- Còn tài sản khác, chính ông đại triệu phú cũng không nhớ là đã chôn giấu ở đâu. Người có thể nhờ bằng hữu, các vị thiên quản nhiệm các ngôi rừng, làng mạc, nghĩa địa, vườn tược, thung lũng, khe suối, gò đồng, ao hồ... quanh kinh thành Sāvatti tìm hộ giúp. Số kim ngân này cũng không ít hơn hai loại tài sản kia đâu.

Và như vậy, với chừng năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng, người làm đầy lại kho gia sản của ông triệu phú để đền tội, để chuộc tội, để sám hối. Ông triệu phú thấy người có lòng thành, biết ăn năn hối lỗi, sẽ tha thứ cho người. Và người lại có chỗ tịnh cư an lạc, khỏi phải lang thang nữa!

Với phương pháp chỉ bày của thiên chủ Đế Thích, trong thời gian ngắn, thiên nữ đã tìm ra đủ ba loại tài sản. Nửa

đêm, rực rỡ với hào quang, đứng giữa hư không, thiên nữ nói:

- Thưa ông trưởng giả! Tôi vì ngu si, lầm lạc, mù quáng, không biết đến công đức của Phật, của giáo pháp, của tăng chúng đã có những lời nói lỗi lầm ngày trước. Ông hãy vì lòng từ ái mà tha thứ cho tôi. Theo lời chỉ giáo của thiên chủ Đế Thích, tôi đã đòi lại số nợ một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng ở rải rác trong thành phố cho ngài; đã lấy lại số tài sản một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng bị nước trôi ra biển; và tôi cũng đã tìm ra tài sản một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng chôn giấu giữa những bãi đất vô chủ. Với năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng, tôi đã đổ đầy kho kim ngân trống không của trưởng giả để chuộc tội. Như vậy, số kim ngân ngài tiêu dùng cho việc kiến tạo tịnh xá cùng hộ trì đức Phật và tăng chúng trong gần bốn mươi năm qua, tất cả đã tiêu lại đủ. Từ khi mất chỗ trú xứ, tôi phải lang thang, buồn phiền và mệt mỏi. Tôi rất hối hận. Xin ngài miễn chấp cho việc làm vô trí của tôi. Hãy tha thứ cho tôi vì lòng bi mẫn, thưa trưởng giả!

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe vậy, suy nghĩ như sau:

“- Thiên nữ này bảo là đã lấy công chuộc tội, nghĩa là đã thấy tội của mình. Muốn cho nó thấy rõ công đức của ta cùng việc làm trước sau của nó, ta nên dẫn nó đến gặp bậc Đạo Sư. Chỉ có ngài mới biết rõ là nên giáo giới vì thiên nữ này như thế nào”.

Rồi nói:

- Nay thiên nữ! Sự hối lỗi của ngươi là rất tốt. Nếu muốn xin lỗi ta thì hãy xin lỗi trước mặt bậc Đạo Sư!

Sáng ngày, khi đêm đã tàn, trưởng giả Cấp Cô Độc không cần phải xem lại số tài sản đem về hư thực thế nào, dẫn thiên nữ đến hầu đức Thế Tôn.

Và đoạn cuối đã được đây đó kể lại.

Đức Phật sau khi nghe xong câu chuyện, nói cho thiên nữ nghe với ý rằng: Một người làm việc xấu ác, khi việc xấu ác ấy chưa trả quả thì nghĩ rằng, việc xấu ác ấy là lành tốt. Nhưng đến khi quả báo xảy ra, người ấy mới thật sự biết đây là xấu ác. Ngược lại, một người làm việc lành tốt, khi việc lành tốt ấy chưa trả quả thì nghĩ rằng, việc lành tốt ấy là xấu ác. Đến khi quả báo xảy ra, người ấy mới thật sự biết đây là lành tốt.

Rồi đức Phật cô đọng ý ấy trong mấy bài kệ sau đây:

“- Ác hạnh như mật, như đường!

Người ngu nghĩ vậy, quả thường chưa sanh

Đến khi ác báo rành rành

Than trời, trách Phật, khổ thành khổ hơn!”⁽¹⁾

“- Ác nghiệp là nghiệp chẳng lành

Ăn năn, hối quá phát sanh lòng người

Đến khi quả dữ chín muồi

Lệ tuôn đầy mặt, lạy trời khóc mưa!”⁽²⁾

“- Thiện nghiệp là nghiệp tốt lành

Thỏa thích, mát mẻ phát sanh lòng người

Đến khi lạc báo chín muồi

Thọ hưởng phước quả, nói cười hân hoan!”⁽³⁾

Sau mấy bài kệ, thiên nữ chứng Dự-lưu quả. Nàng sung sướng đánh lễ đôi bàn chân có tô điểm bánh xe ngàn căm của đức Chánh Đẳng Giác rồi nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Vì bị tham ái nhiễm, bị sân kích động, bị si mờ ám, bị vô minh che phủ, con không biết

⁽¹⁾ Pháp cú 69: “Madhu’vā maññati bālo, yāva pāpaṃ na paccati, yadā ca paccati pāpaṃ, bālo dukkhaṃ Nigacchati”.

⁽²⁾ Pháp cú 67: Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu, yaṃ katvā anutappati, yassa assumukho rodaṃ, vipākaṃ paṭisevati.

⁽³⁾ Tañca kammaṃ kataṃ sādhu, yaṃ katvā nānutappati, yassa paṭīto sumano, vipākaṃ paṭisevati.

những công đức của Thế Tôn, đã nói những lời ác ngữ, hãy tha thứ cho con.

Vì thiên nữ lại quay sang xin hối lỗi với trưởng giả Cấp Cô Độc. Trước mặt đức Phật, ông trưởng giả hoan hỷ công đức của mình:

- Mặc dầu bị thiên nữ này ngăn chặn, bạch Thế Tôn! Ngăn chặn chớ có phục vụ đức Phật, ngăn chặn chớ có bố thí, cúng dường. Nhưng giống như những ngọn gió đông gió tây không lay chuyển đỉnh núi Sineru như thế nào, tâm của đệ tử vẫn kiên trì, vững chắc vào đức Thế Tôn, giáo pháp cùng tăng chúng cũng y như thế đó! Đệ tử đã an trú ở đây với đức tin bất thối chuyển.

Mỉm nụ cười hoa sen tựa vàng ròng và hào quang sáu vòng từng đôi một, đức Phật tán thán công đức của trưởng giả và nói rằng, đây là do nhờ sự thấy biết thanh tịnh của một thánh đệ tử, trạng thái tâm đã ổn định, đã xuôi vào dòng đưa đến cõi bất tử.

Sau đó, đức Phật kể cho trưởng giả Cấp Cô Độc và thiên nữ nghe một tiền thân của ngài trong quá khứ, vào cái thời chưa có vị Phật Chánh Đẳng. Vì muốn ngăn chặn sự bố thí của ngài đến một vị Độc Giác Phật, nên Ác Ma vương đã hóa hiện một hố sâu than hồng hùng hực lửa; tuy nhiên, ngài vẫn bước qua và chiến thắng. Rồi đức Phật tóm tắt như sau:

“- Ta bước vào địa ngục an toàn như bước vào ngôi nhà của chư thiên. Ta bước trên hố than hồng, đóa hoa sen bùng nở, nhụy vàng và phấn hương trải gót chân ta... Ôi! Hy hữu thay là sự bố thí bất động tâm! Ôi bất diệt thay là đức tin bất động tâm với thiện pháp”.

Quả thật, trưởng giả Cấp Cô Độc cũng xứng đáng được tán thán như vậy trong suốt cuộc đời làm công đức không mệt mỏi của ông. Như ngôi sao Bắc Đẩu rõ rõ chiếu sáng hằng đêm với một phương hướng nhất định, cũng vậy, ông

nêu gương cho hàng cư sĩ tại gia trên con đường phước sự lợi lạc cho mình và lợi lạc cho người vậy.

Cả gia đình của ông: Bà vợ, người em út, con trai, ba con gái và con dâu đều thâm tín Tam Bảo. Chuyện kể về lời nói của vị thiên nữ không lay động được tâm của người con trai và viên quản lý chứng tỏ điều đó. Có rất nhiều bài pháp đã được đức Phật đặc biệt thuyết riêng cho từng người một trong gia đình hiền thiện này.

Ngoài ra, ông còn có công dẫn rất nhiều bà con quyến thuộc, kẻ quen biết thân, sơ đến quy y với đức Phật rồi sống an lạc trong giáo pháp này. Một lần, ông đã dẫn đến năm trăm người bạn, đặt họ trên tam quy và hướng dẫn họ sống đúng với chánh pháp. Khi đức Phật rời Sāvatti, năm trăm người này lại phá vỡ tam quy, quy y theo ngoại đạo. Lâu sau, đức Phật trở lại Kỳ Viên, ông mời năm trăm người bạn trở lại nghe pháp. Cuối bài giảng, cả năm trăm nam cư sĩ đều chứng quả Dự Lưu.

Cây Bồ Đề được tôn giả Mahā Moggallāna lấy hạt từ cây mẹ bên sông Nerañjarā, được ươm trồng giữa lối vào tịnh xá, mười mấy năm về trước, bây giờ đã cao lớn, xanh um chính là do công đức của ông bạch với tôn giả Ānanda xin đức Phật cho phép - để cho hai hàng cận sự nam nữ có nơi để đánh lễ, cúng dường những khi ngài đi hoằng hóa phương xa.

Trưởng giả Cấp Cô Độc thường được đức Phật, tăng chúng và hàng cư sĩ tin cậy nên ông thường tỏ ra làm đại diện cư sĩ một cách xứng đáng, góp ý xây dựng giáo hội và giải quyết những vấn đề thuộc lãnh vực cư sĩ. Ông và đại nữ thí chủ Visākhā là hai cánh tay đắc lực, trọng yếu trong việc làm cho toàn hảo căn nhà giáo pháp của đức Phật vậy.

Củng Cố Pháp Và Luật

Mùa mưa thứ ba mươi chín, đức Phật an cư tại Đông Phương Lộc Mẫu. Do năm nay cả hai đại tu viện tại Sāvatti đều đông đúc do chư tăng các nơi đổ về nên đức Phật bảo hai vị đại đệ tử và chư trưởng lão tổ chức thuyết giảng nhiều lần, nhiều lớp để củng cố pháp và luật. Có một số giới luật cần phải chế định thêm. Có một số tri kiến về giáo pháp trong các cuộc tranh luận giữa chư tỳ-khưu với nhau cần phải được minh giải.

Đầu tiên, chư vị trưởng lão cùng ngồi với nhau để tuyên đọc lại tất cả những giới luật từ lớn đến nhỏ và từng trường hợp, lý do chế định, xảy ra trong hoàn cảnh, nhân vật cụ thể nào. Việc này phải mất suốt mấy buổi chiều, sau đó, tôn giả Upāli và tôn giả Ānanda thay nhau tuyên đọc lại cho đức Phật xét duyệt.

Sau khi đức Phật đồng ý, từ cơ sở giới luật đọc tụng này, chư vị trưởng lão họp đại chúng tỳ-khưu tăng, ni bắt phải học thuộc; nơi nào không có khả năng học thuộc thì tuyển chọn một số tỳ-khưu tăng ni có trí nhớ tốt, học thuộc để làm luật sư trong các buổi lễ Uposatha và tụng giới bốn Pātimokkha. Cách làm này có kết quả khả quan, được đức Phật khen ngợi.

Việc thứ hai trong hạ này nữa, là điều chỉnh một số tri kiến về giáo pháp. Quả thật, do tăng đoàn phát triển lớn mạnh, xa rộng trong nhiều quốc độ, biên cương và hải đảo nên nơi nào không có mặt thường xuyên các bậc trưởng lão vô lậu thì tri kiến về giáo pháp dễ bị nghiêng lệch.

Trong buổi hội họp riêng của chư đại trưởng lão, tôn giả Sāriputta, Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa, Upāli, Anuruddha, Bhaddiya, Nandiya, Ānanda... đã đúc kết để đưa ra một số tri kiến có đúng, có sai nhưng cũng cần phải được giải minh cho chính xác:

- Các pháp vô tự tính nên các pháp là “không”.
- Vì là “không” nên các pháp là mộng, huyễn, bào, ảnh.
- Không những “cái không”, mà “cả có cả không” đều không nói lên ý nghĩa nào cả.
- Nói “không” cái kiểu “trống không” là không được, nói “không” là “cái gì không”?
- Không có cái “không” nào tự dung biến thành “có” cả.
- “Không” là “không có cái có cũng không có cái không”.
- “Không”, không phải là “không có”, ví dụ có cái hư không, ngoan không.
- Do các pháp vô ngã, vì Niết-bàn vô ngã nên Niết-bàn vô thường!
- Các pháp “bất sinh bất diệt”.
- Không phải “bất sinh bất diệt” mà là vì “vô sinh nên bất diệt”.
- Các pháp vô thường nên cái “vô thường ấy là thường”.
- Cái lạc của Niết-bàn là “thường lạc”.
- Sau khi thấy rõ vô ngã, cái mà vị hành giả chứng nghiệm phải là “chân ngã”...

Sau khi đưa ra một số tư tưởng thường gây nên các cuộc tranh luận đó đây, chư đại trưởng lão rùng mình. Quý ngài không ngờ, giáo pháp dị giản, như thực như chơn của đức

Phật lại rơi vào tròng những luận tri, luận thức, luận vấn, luận kiến, luận chấp phức tạp như thế.

Chư vị trưởng lão thấy vấn đề quan trọng quá nên họ đến trình bày lại toàn bộ lên đức Phật và xin ngài tùy nghi, tùy thời, tùy phương tiện giảng nói cho đại chúng.

Tôn giả Sāriputta kết luận:

- Bạch Thế Tôn! Nếu chư vị giảng sư, pháp sư trong Tăng đoàn khắp cõi châu Diêm-phù-đề mà không nắm rõ, thấy rõ giáo pháp, khi họ gặp những câu hỏi tương tự, sẽ sinh ra những cuộc tranh luận; rồi không mấy chốc, phát triển thêm, nói rộng biên thì giáo pháp của đức Tôn Sư lại trở về với sáu mươi hai kiến chấp, sáu mươi hai luận điểm tư tưởng của bà-la-môn giáo muôn đời!

Đức Phật im lặng một lúc:

- Đúng vậy, ông nói đúng! Đối với những bậc vô lậu, giải thoát thì những tư tưởng như thế kia sẽ không dính vào tâm vị ấy, vì vị ấy biết rõ, thấy rõ “không” là gì, “có” là gì, “không tánh” là gì và Niết-bàn là gì! Nhưng khi sử dụng ngôn ngữ, nói năng thì chúng dễ rơi vào quan điểm, luận điểm kiến chấp cũ. Do vậy, Như Lai khuyên chư vị “không sử dụng tư tưởng để giải minh tư tưởng, không dùng lý luận để đối chọi lại với lý luận, không dùng cái đúng của mình để phanh ra cái sai của đối phương!” Như Lai nói vậy, chư vị có nắm bắt được “diệu ý” mà Như Lai muốn trao gởi không?

Câu hỏi của đức Phật trọng lượng nặng hơn quả núi Sineru đặt trong tâm trí họ. Mọi người im lặng.

Lát sau, chỉ có tôn giả Sāriputta trả lời:

- Không nên tranh luận bằng bất cứ phương cách nào, mà phải nên y cứ trên cái thực, cái thực của sự sống đang diễn ra, đang xảy ra để chỉ rõ cho đối phương thấy chân lý, bạch Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười hài lòng:

- Như Lai khen ông có trí tuệ nhanh nhạy, sắc bén. Tuy nhiên, hãy nghe Như Lai hỏi tiếp đây!

- Đệ tử xin nghe.

- Trở lại với mệnh đề tư tưởng đầu tiên: Các pháp vô tự tính nên các pháp là “không”. Câu ấy có đúng với giáo pháp của Như Lai? Và nó đúng là đúng như thế nào, nó sai là sai như thế nào? Vậy ông sẽ giải quyết vấn đề như thế nào mà không dùng tư tưởng để giải minh, không dùng lý luận để luận đối, không lấy cái đúng của mình để giải thích cho người ta?

Tôn giả Sāriputta nói:

- Với câu thứ nhất ấy, khả dĩ tránh được cả ba cách đối thoại trên, đệ tử sẽ có cuộc nói chuyện với họ, y cứ trên sự thật để trao đổi, bạch Thế Tôn!

- Ủ, ông nói chuyện với họ đi, Như Lai nghe đây.

Và đây là đoạn đối thoại ấy:

“- Bạn nói các pháp vô tự tính nên các pháp là không?

- Phải rồi!

- Một cái “đau” đến, cái đau ấy là một cảm thọ, có được xem là một pháp không?

- Nó là một pháp.

- Nó có “vô tự tính” không?

- Có, nó vô tự tính!

- Tại sao?

- Vì nó không ở lâu, và nó luôn thay đổi trạng thái!

- Đúng vậy! Bất cứ cái gì nó cũng không đứng yên, nó thay đổi luôn. Nhưng cái đau ấy nó “có” thật chứ?

- Vâng, nó có thật!

- Vô tự tính nên nó là không? Nhưng tại sao đau thì cứ vẫn là đau?

- Tôi không biết.

- Vậy thật sự là vẫn có đau?

- Vâng!

- Có đau là có khổ, là có dukkha?

- Đúng vậy!

- Bạn thấy chưa, tư tưởng của bạn không sai, nhưng nó sẽ rơi vào trò hý luận, rỗng không và vô ích nếu cứ ham nói mà không lo tu. Phải tu tập, phải chứng nghiệm, khi ấy bạn mới thực sự thấy rõ các pháp nó diễn tiến ra làm sao, mặt mũi của nó như thế nào? Phải quan sát để thấy rõ từ cái thực chứ đừng lý luận, đừng rơi vào các quan niệm, các quan điểm!”

Sau câu chuyện ấy, tôn giả Sāriputta kết luận:

- Đây là cái cách đi từ sự thực để giải minh vấn đề của đệ tử đó, bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn chỉ giáo thêm?

- Ông đã nắm được cái lõi, này con trai!

Chư vị trưởng lão đồng tán thán:

- Tuyệt vời thay là trí tuệ như thực của tôn giả!

Đức Phật đưa mắt bi từ nhìn chư vị trưởng lão rồi nói:

- Đây được gọi là phương pháp mà không có phương pháp, hy vọng chư vị đây đều là bậc đại trí thức, sẽ tùy duyên, tùy thời, tùy căn cơ, trình độ của học chúng, của người đối thoại, của từng nạn vấn mà linh động vận dụng khi minh giải cho mọi người về cái thực, sự thực ấy.

Tôn giả Ānanda chợt hỏi:

- Cái thực, cái sự thực ấy chúng ta trông thấy được, nghe được, ngửi được, nếm được, xúc chạm được, ý thức được ngay bây giờ đây, có phải vậy không, bạch đức Tôn Sư?

- Chính xác! Nó là cái toàn bộ căn trần thức, mười tám giới đang xảy ra, đang diễn ra, đang vận hành duyên khởi đó, này con trai út!

Chư vị đại trưởng lão, ai cũng nắm bắt được cái tinh lõi cả rồi. Tuy nhiên, đức Phật chợt hỏi thêm một câu nữa:

- Vậy mười bốn câu còn lại, chư vị có thể y cứ trên sự thật mà giải minh có được không?

Họ đồng trả lời:

- Tâu, vâng, được, bạch Thế Tôn!
- Chư vị là bậc vô lậu, cứ y cứ nơi thân, nơi tâm, nơi trí mình để chỉ cho người ta, nên Như Lai biết chư vị làm được. Nhưng ở đây, có Ānanda mới vào dòng, Như Lai chỉ ngại một mình ông ta thôi!

Tôn giả Ānanda tự tin đáp:

- Xin đức Tôn Sư hãy cho đệ tử thực tập.
- Ô, được! Vậy thì nghe Như Lai hỏi đây. Trong các câu ở trên, có câu thứ mười bốn: “Cái lạc của Niết-bàn là thường lạc!” Ông làm cách nào chỉ rõ sự thật cho người ta thấy!

Rồi tôn giả Ānanda kể câu chuyện như sau:

“- Bạn nói lạc của Niết-bàn là thường lạc?
- Phải!
- Thường lạc là lạc mãi mãi, lạc hoài hoài, tiếp diễn đến vô biên, vô cùng?
- Phải vậy.
- Cũng có nghĩa là nó mãi lạc, mãi vui?
- Đúng vậy!
- Trong cái bát khất thực của bạn, thỉnh thoảng bạn cũng bắt gặp món ăn ngon thượng vị chứ?
- Thừa có!
- Bạn thích không?
- Vâng, rất thích, rất khoái khẩu!
- Thế “cái ngon”, “cái thích”, “cái khoái khẩu”, “cái lạc” ấy kéo dài được bao lâu?
- Thoáng lát thôi mà!
- Nếu cái ngon ấy, cái lạc ấy kéo dài một ngày thì bạn sẽ cảm thấy thế nào?
- Làm gì có chuyện đó. Mà giả dụ nó kéo dài thì ai mà chịu nổi!
- Đúng vậy! Thế là chính bạn đã phủ nhận cái mãi lạc, mãi vui, cái thường lạc của bạn rồi đấy!”

Tôn giả Ānanda vừa chấm dứt đoạn đối thoại thì chư trưởng lão đồng khen ngợi:

- Thiện xảo lắm! Đa văn hiền giả!

- Ông Ānanda cũng nắm bắt được yêu cầu của Như Lai rồi, vậy là tốt quá rồi. Sự việc như thế là tạm ổn rồi. Nhưng Như Lai nhờ chư vị tìm cách mà chỉ sự thực giùm, khi có một số đông tỳ-khưu gặp việc gì cũng nói: “Ồi, ‘có có không không’ thôi mà! Ồi, có, không ấy như trăng trong nước, như hoa trong gương, như mộng huyễn bào ảnh cả!” Những câu phát ngôn ấy đúng hay sai với giáo pháp? Đúng là đúng ở chỗ nào, và sai là sai ở chỗ nào? Trong chư vị, ai có thể chỉ rõ chân lý ấy?

Tôn giả Mahā Moggallāna thưa:

- Câu này để cho đệ tử nói thay chư tôn trưởng lão, bạch Thế Tôn. Và đệ tử cũng có một đoạn đối thoại như sau:

“- Bạn nói ‘có có không không’ là nghĩa làm sao hở?

- Thì đây, cái nào, pháp gì nó cũng có đó rồi không đó, khi nó ‘có’, khi nó ‘không’, thế thôi!

- Tôi muốn bạn nói cái cụ thể kia! ‘Cái có cái không’ nào mà chúng ta cùng thấy tận mắt kia?

- Dễ thôi! Ví như trăng trong nước!

- Tôi thấy trăng trong nước rồi. Sao nữa?

- Nó ‘có’ không?

- Tôi thấy là nó ‘có’.

- Bạn trật rồi. Có sao ta lại vọt lên không được?

- Thế là nó ‘không’ sao?

- Không sao được, tôi thấy nó bằng mắt đây này!

- Vậy, ‘có’ cũng trật mà ‘không’ cũng trật sao?

- Đây! Các pháp đều như vậy đấy! Có có không không thật không biết thế nào mà lẩn! Nó không như mộng, huyễn, bào, ảnh là gì?

- Ý bạn muốn nói là nói gì cũng như nói trong mộng?

- Chính thị!

- Nghĩa là một pháp, một hiện tượng, một cái gì đó đang xảy ra đều là cái không thật?

- Chính thị!

- Bạn quả thật là một kẻ ngu ngốc!

- Sao bạn lại phỉ báng tôi?

- Đâu có! Câu nói của tôi, nó chỉ là một âm thanh thoáng qua, nó có có không không như mộng huyễn bào ảnh thôi mà!

Người đối thoại sụp lạy:

- Hóa ra là nó có thật! Xin tri ân hiền giả!

- Có thật nhưng mà nó diệt rồi!

- Thì câu phỉ báng ấy trở thành không.

- Ô, hóa ra có, không ấy là định luật sinh diệt; đồng thời nó nằm nơi ý niệm của ta thôi!

Người đối thoại lắng nghe.

Vị kia nói tiếp:

- Xem nào! Khi ta nhìn trăng trong nước, nếu tâm ý khởi có là nó ‘có’, khởi không là nó ‘không’! Cũng tương tự vậy, lời phỉ báng kia mà chấp có – **có cái này thì có cái kia**, theo định luật duyên khởi – thì liền có ngay tham sân si, phiền não. Còn nếu ta khởi niệm không - **không có cái này thì không có cái kia** – thì tham sân, phiền não không sanh khởi. Trong trường hợp này, ‘cả có cả không đều có cả’ đây, ông bạn!”

- Tôi thấy rõ rồi! Vậy, ‘có, không’ đều là ‘có’ cả để ta giác ngộ lý duyên khởi trong thế giới tục đế. Còn **tánh không**, không phải là cái ‘không’ và có này, nó là cái bản chất như thực của chư pháp; nói cách khác, do nhờ **tánh không** nên các pháp mới được thiết lập!

- Đúng vậy! Cảm ơn bạn đã thấy”.

Tôn giả Mahā Moggallāna nói xong, đức Phật kết luận:

- Cách giải minh của Sāriputta có sử dụng lý luận, nhưng lý luận này lại được y cứ trên cái thực, xem ra cũng khả dụng. Đây được coi như là trường hợp thứ tư vậy.

Chư vị trưởng lão hoan hỷ thọ trì lời dạy thuộc đỉnh cao của giáo pháp nhưng lại là thiết thực hiện tại mà ai cũng có thể chiêm nghiệm, quan sát được trong đời sống tương duyên, tương quan của mỗi người, của mỗi hành giả học Phật và tu Phật.

Binh Lửa

Mùa mưa chầm dứt, đức Phật và chư đại trưởng lão lại ra đi theo tinh thần củng cố pháp và luật dành cho chư tăng ni nhiều phương, nhất là các xứ phía tây và phía bắc nước Kosala. Chỉ hơn tháng sau là ai cũng nghe tin một cuộc chiến tranh kinh hoàng đang xảy ra giữa hai vương quốc Kosala và Māgadha.

Số là đức vua Pāsenadi, trước đây có cử một phái đoàn sứ giả đến kinh đô Rājagaha, nghiêm khắc yêu cầu tân vương Ajātasattu giải thích hành vi của mình trong việc đức vua Bimbisāra bị bỏ chết đói trong ngục, nhưng họ đi mà không thấy họ về. Đợi tin suốt ba tháng trường, sau mới biết là Ajātasattu không những không trả lời rõ ràng theo lời yêu cầu của đức vua Kosala mà còn bắt giam cả phái đoàn sứ giả của ngài nữa.

“- Thật là quá đáng. Nó không coi ông cậu của nó ra gì!”

Bừng bừng lửa giận, quên cả lời dạy của đức Phật, đức vua Pāsenadi cử ngay một đội quân hùng mạnh ngày đêm xuôi nam, bờ bắc sông Gaṅgā, đến ngay thủ phủ xứ Kāsi, đánh đuổi tướng lĩnh, quan quân của Ajātasattu đang đồn trú ở đây về lại Māgadha! Đây là hành động quyết liệt để dần mất đứa cháu bất trị! Nguyên uỷ xứ Kāsi, thành phố

Bārāṇasī cách đây hơn năm mươi năm về trước vốn là vùng đất thuộc lãnh thổ Kosala; nhưng khi gả con gái của mình - Kosaladevī (Videhi) - cho quốc vương Bimbisāra, đức vua Mahā Kosala tặng luôn thực ấp này làm của hồi môn. Bây giờ do giận đưa cháu vô đạo, đức vua Pāsenadi cho quân đánh chiếm, được xem là tối hậu thư đòi lại thực ấp.

Về phía Rājagaha, tân vương Ajātasattu khi thấy quan quân của mình tơi tả chạy về, dù không ai bỏ mạng nhưng trông cũng vô cùng thâm thảm. Có kẻ thất lạc vợ con, có kẻ phải bỏ lại toàn bộ cơ ngơi, gia sản nơi xứ người. Lại nữa, mất Kāsi là mỗi năm đức vua Ajātasattu mất một trăm ngàn đồng tiền vàng lợi tức thuế khoá, chưa kể còn không biết bao nhiêu bổng lộc phát sanh từ đó nữa.

Thế là nổi giận đùng đùng, Ajātasattu huy động binh hùng tướng mạnh đầy đủ xe ngựa voi pháo rầm rộ vượt sông Gaṅgā, qua bờ bắc, tiến mãi theo con đường thương buôn lên phía thượng nguồn quyết đòi lại thực ấp Kāsi cho bằng được.

Nghe thám tử hồi báo khẩn cấp, đức vua sai vị thống soái quân đội - tức là thống tướng Bandhula - lập ngay phương án phòng vệ thủ đô; và ông tin ông bạn của mình sẽ giữ vững hoàng thành, cung điện cũng như muôn dân bá tánh được yên ổn. Đức vua nói:

- Trao kinh đô cho bạn đó! Còn trăm phải đích thân xuất quân để trừng trị thằng cháu ngỗ nghịch.

Thống tướng Bandhula, người đã dạn dày trận mạc, nói có vẻ lo lắng:

- Hay là ngược lại, bệ hạ! Bệ hạ sẽ giữ thành, còn để hạ thần xuất chinh cho? Hạ thần đã quen ngồi ngựa, lại quen mùi binh lửa?

- Không! Có bạn oai trấn ở đây thì trăm sẽ không còn lo lắng ở hậu phương. Còn trăm sao cũng được, thắng thua là chuyện thường mà!

Thái tử Viḍḍabha⁽¹⁾ nai nịt giáp bào, kiếm cung đầy mình cũng xin vua cha được xuất trận. Đức vua từ chối:

- Con cũng phải ở nhà mà giữ thành cùng với đại tướng quân!

Tất cả ba mươi hai thanh niên và trung niên, là con là cháu của thống soái Bandhula, tuổi từ hai mươi đến bốn mươi lăm, đều là tướng giỏi, cũng đồng quy bên chân đức vua Kosala, xin được ra trận.

Thấy khí thế oai phong lẫm lẫm của chư tướng trẻ, đức vua cười ha hả:

- Con và cháu của ông không giống lông thì cũng giống cánh, mai này đều là đại tướng vô địch cả đây! Nhưng các người cũng phải ở lại giữ thành với thân phụ của mình cho chắc ăn, nghe!

Thế là bỏ ngoài tai mọi lời thuyết phục, đức vua Pāsenadi đích thân mang theo một đội quân lớn, cũng đầy đủ ngựa xe voi pháo rầm rầm rộ rộ nhắm hướng Kāsi xuất phát...

Một tháng sau, tin đức vua Pāsenadi bại trận lan về kinh đô làm cho nhà nhà đóng cửa, chợ không đông; ai ai cũng sợ quân binh của Ajātasattu tràn vào giết người cướp của. Tuy nhiên, hệ thống phòng thủ kinh đô của thống tướng Bandhula thật không dễ gì mà quân đội của Ajātasattu có thể phá vỡ được. Thái tử Viḍḍabha với đội quân tuyển chọn thiện chiến của mình đứng ở tuyến đầu, bẻ gãy từng đợt tấn công. Ba mươi hai viên hổ tướng, con và cháu của thống tướng Bandhula, xuất hiện đông, tây, nam, bắc như những toán binh ma, chặt đứt bất cứ một mũi nhọn xung kích nào.

⁽¹⁾ Đức vua Mahānāma nước Sākya yêu một cô gái nô lệ, sau sinh một cô gái có tên là Vāsabha-Khattiya được phong làm công chúa. Khi vua Pāsenadi muốn cưới một công chúa nước Sakyā để kết thân, đức vua Mahānāma bèn gả cô này. Chính đức vua Pāsenadi cũng không biết thái tử Viḍḍabha có mang dòng máu nô lệ của mẹ trong huyết quản.

Kinh thành bình chân như vại. Qua ngày thứ ba, thứ tư thì đội quân oai hùng của các vị tổng trấn gần xa, theo lệnh phi mã cấp báo của thống tướng Bandhula, đi ngày đi đêm đã về kịp kinh đô, bao vây quân đội của Ajātasattu ở giữa, không có chỗ nào có thể thoát thân được. Thế là họ đành buông vũ khí đầu hàng. Tân vương Ajātasattu bị bắt trói cùng với vài chục tướng lĩnh và hơn một vạn tù binh cùng chung số phận. Số chết, số bị thương, số bỏ chạy tán loạn cũng đông không kể xiết. Bao nhiêu voi, ngựa, xe, pháo, vũ khí, giáp bào ngồn ngang trên chiến trường đều bị tịch thu. Một lần bại trận như thế, xem ra, đức vua Ajātasattu không còn gì nữa cả, sạch nghiệp, trắng tay khôn cùng!

Chiến tranh giữa hai nước thế là kéo dài hơn nửa năm. Đức vua tổ chức ăn mừng để khao thưởng tướng sĩ và ba quân. Thống tướng Bandhula đã lập được đại công. Thái tử Vidūḍabha được đức vua đặc biệt khen ngợi về vũ dũng và tài cầm quân. Riêng ba mươi hai vị tướng, con trai và cháu của thống tướng Bandhula được đức vua tuyên dương trước ba quân vì họ có bản lĩnh võ học, điều động binh mã nhanh, gọn, thần tốc, đồng thời biết phối hợp tác chiến nhịp nhàng và đồng bộ với nhau và với cả các đội quân khác nữa. Chợt dưng, đức vua rùng mình, tự nghĩ: “Nếu lực lượng hùng hậu và tinh nhuệ của cả đại gia đình này mà mưu phản thì ta sẽ không có đất để quăng cây!”

Đức vua bại trận Ajātasattu và hai mươi tướng lĩnh bị cột trói, bắt quỳ giữa pháp trường, đứng sau lưng là mấy chục dũng sĩ lặng lẽ đứng ôm đao tuốt trần toát ra cái khí uy trấn chết người.

Ngồi trên bảo tọa cao, sau lưng là bá quan văn võ, đức vua Pāsenadi cất giọng nghiêm lạnh:

- Này Ajātasattu! Tại sao ngươi lại đang tâm bỏ chết đói phụ vương trong ngục tội?

Ajātasattu cúi đầu, im lặng, không trả lời.

- Hãy nói đi, Ajātasattu! Ta hỏi ngươi với tư cách là một ông cậu, chứ không phải với tư cách của một ông vua chiến thắng, hãy nói thật đi?

- Thừa cậu, cháu bị tên ác tăng Devadatta xúi giục.
- Rồi ngươi mê muội theo lời xúi giục vô đạo ấy ư?
- Khi ấy, vì tham vọng quyền lực, cháu không còn lý trí nữa.

Đức vua im lặng một lát:

- Thế tại sao ngươi bắt giam luôn đoàn sứ giả của ta?
- Cháu phóng lao thì phải theo lao luôn, thưa cậu.
- Và việc đánh chiếm Kāsi là chủ trương của ai?
- Của cháu và của cả chư tướng, vì Kāsi là nguồn lợi lớn cho Māgadha, thưa cậu.

Đức vua Pāsenadi chột thở dài rồi nhìn tả hữu:

- Hãy cởi trói cho cháu của ta. Còn hai mươi vị tướng quân kia tạm giam vào ngục rồi sẽ xử lý sau.

Khi Ajātasattu đã được cởi trói và có chỗ ngồi, có nước uống, đức vua Pāsenadi mới mở lời dạy dỗ đưa cháu vô đạo của mình. Đại lược đức vua dạy rằng, phạm một đảng mình quân thì phải sáng suốt, biết lựa chọn các tội thân lương đồng, những người trí tài và hiền đức; phải biết xa lánh, loại bỏ những ông quan tham lam, độc ác, dua nịnh. Việc tên ác tăng Devadatta, ở đây, trầm không bàn tới, vì ông ta có liên hệ đến giáo hội của đức Tôn Sư, phải do đức Tôn Sư xử lý. Trầm chỉ muốn nói đến các mưu thần đang doanh vây xung quanh quyền lực của ông. Coi chừng đó! Phượng thì đi theo phượng, gà thì thường đi theo gà!

Việc thứ hai nữa, đức vua nói tiếp, những thần tử trung kiên và những người bạn tốt, bao giờ cũng giúp ta thành tựu những việc làm hữu ích, cao cả trên cuộc đời này. Ngược lại sẽ rơi vào hố thẳm đại nạn. Còn nữa, kiêu ngạo và ngông cuồng là hai viên bạo tướng sớm đưa ta vào nơi hủy diệt. Hãy nhớ lấy!

Đức vua Ajātasattu có vẻ biết lỗi, ràn rụa nước mắt quỳ lạy đức vua Pāsenadi và xin được tha tội.

Đức vua Kosala cất giọng dịu dàng:

- Thôi được rồi! Biết là tội thì phải biết cải sửa, tu chỉnh ngay từ bây giờ. Cái tội bất hiếu lớn lắm đó. Phải làm việc thiện, việc tốt hữu ích cho muôn dân. Phải có hiếu với mẹ, chăm sóc mẹ, phụng dưỡng mẹ để chuộc lại lỗi lầm ngày trước, nghe không?

Đức vua Ajātasattu gật đầu vâng dạ rất nhu thuận.

Sau đó, đức vua Pāsenadi còn làm một nghĩa cử cao đẹp là trả lại vương bào, sắc phục, mũ miện cho Ajātasattu; làm một buổi tiệc tiễn đưa như một quốc vương đối xử với một quốc vương. Bao nhiêu tướng lãnh, tù binh, xe, ngựa, voi, pháo, binh khí, giáp bào đều được trả lại. Đức vua còn cẩn thận, chu đáo chu cấp lương thực đi đường; rộng tay giúp một ngân khoản lớn cho ông vua bại trận trở về ổn định vương quốc của mình do bị tổn phí, hao hụt kho lẫm sau chiến tranh. Thực ấp Kāsi, vua cũng trao trả lại. Cô công chúa Vajirī cung chiều của mình, đức vua cũng gả cho Ajātasattu làm sự kết nối thân tộc lâu dài, mà cũng là phương pháp bảo vệ hòa bình cho hai đại cường! Ajātasattu trước đây là cháu, bây giờ lại trở thành con rể của đức vua nữa.

Là đệ tử của đức Phật, ông vua hiền thiện này đã biết áp dụng giáo pháp “dùng từ bi xóa bỏ hận thù” nên đã cảm hoá được đứa cháu ngông cuồng; đồng thời, danh thơm của ông không mấy chốc mà lan tràn khắp các tiểu quốc.

Sau khi xử lý tốt đẹp mọi việc hậu chiến tranh, đức vua Pāsenadi cảm thấy hoan hỷ, mát mẻ trong lòng, ông một mình một ngựa đến Kỳ Viên tịnh xá thăm viếng đức Phật vì nghe ngài từ miền tây bắc vừa mới trở về. Và ông đã kể lại mọi sự với đức Đạo Sư vẻ hài lòng, hỷ mãn.

Đức Phật gật đầu, mỉm cười, dịu dàng nói:

- Có chiến tranh là có chém giết, máu đổ, thịt rơi. Có chiến tranh là có thắng có bại. Người chiến thắng thì huênh hoang, tự đắc, hể hả, sung sướng; còn kẻ chiến bại thì sầu khổ, luôn luôn tìm cách để phục thù rửa hận. Đứng trên vị thế, tư cách của người chiến thắng mà đại vương xử sự như thế là đã xóa tan mọi hận thù; đã vượt lên, vượt qua chuyện thắng bại thường phạm ở trên đời. Chỉ có bậc trí mới làm được như thế.

Lời và ý ấy được cô đọng bằng bài kệ sau:

“- Chiến thắng, nuôi dưỡng hận thù
Còn kẻ thua, bại - khổ sầu chẳng nguôi
Phủ tay thắng bại trên đời
An nhiên, mát mẻ ai ngoài trí nhân!”⁽¹⁾

⁽¹⁾ Pháp cú 201: “Jayam veram pasavati, dukkham seti parājito, upasanto sukham seti, hitvā jayaparājayam”.

Tôn Giả Mahā Moggallāna Báo Hiếu Mẹ

Hôm kia, vào sớm tinh sương, tôn giả Mahā Moggallāna đến đánh lễ đức Phật khi ngài đang đi kinh hành giữa vườn cây. Biết là có việc quan trọng nên đức Phật dừng chân lại:

- Ông có việc gì, cứ nói đi?

- Về việc của mẹ đệ tử, bạch Thế Tôn.

- Ủ, Như Lai biết khi bà mất, ông cùng chư tăng đệ tử đã có mặt kịp thời để tụng kinh chú nguyện. Nghe nói, ông đã làm lễ hỏa táng nhục thân bà rất chu đáo, dị giản nhưng trang nghiêm. Vậy là tốt rồi. Người con trai của giống dòng sa-môn chỉ có thể làm được như thế thôi.

- Vâng! Nhưng đệ tử biết là không thể cứu được mẹ. Mong đức Tôn Sư chỉ giáo.

Đức Phật bước vào hành lang, ngồi trên tám nệm cỏ, rồi câu chuyện được tiếp tục.

- Ông cứ nói đi!

Tôn giả Mahā Moggallāna lựa tìm chỗ ngồi phải lẽ rồi thưa rằng:

- Đệ tử biết rõ về tội phước, nhân quả, nghiệp báo. Thuở còn sanh tiền, không biết bao nhiêu lần, đệ tử đã từng khuyên răn mẹ nên có đức tin chân chánh, nên kiềm chế bớt

con nóng giận, nên có tấm lòng thương yêu người và vật, nên rộng lòng giúp đỡ kẻ ăn, người ở, bà con, quyến thuộc... nhưng tất thấy đều hoài công vô ích. Với tâm như vậy, nghiệp như vậy nên chắc chắn bà đã sa vào bốn đường khổ rồi...

- Cụ thể bà thường tạo những nghiệp xấu ác như thế nào, này Moggallāna?

- Thưa, thật là quá nhiều, không kể xiết đâu! Thân khẩu ý gì cũng bất chánh, bất thiện cả. Trong những ngày lễ của đạo bà-la-môn, toàn thể gia đình chỉ ăn ngũ cốc, rau trái nhưng các ngày khác thì bà thẳng tay giết vật, lựa tìm cái gì ngon mà ăn thôi, còn lại bà quăng bỏ. Lại còn cho vay nặng lãi. Lại còn buôn một bán mười. Lại còn bòn rút của thiên hạ không từ nan bất cứ thủ đoạn lường gạt nào. Lại còn rít róng, keo kiệt với kẻ ăn, người ở. Lại còn đâm thọc, chanh chua miệng lưỡi. Suốt đời chỉ biết thâm vào, không chịu cho đi dù một vá cơm, một muống cháo, một tấm áo, một xu, một cắc cho người cùng khổ, đói nghèo! Nói tóm lại, cả mười nghiệp ác bà đều dính cả, lại không làm được một nghiệp thiện nào. Tâm xấu ác của bà đã trở thành cố tật, nhưng nổi bật nhất vẫn là tâm tham lam vô tận, vô độ, bạch Thế Tôn!

- Trong trường hợp của bà thì không ai có thể cứu được đâu, này con trai!

- Vâng, đệ tử biết vậy. Nhưng bên lòng vẫn canh cánh hình ảnh của mẹ đang chịu cực hình thống khổ, không phải địa ngục thì cũng là ngạ quỷ thôi.

- Thế ông có tìm ra sanh thú của mẹ ông chưa?

- Hồi đêm, đệ tử đã sử dụng năng lực thần thông, tìm kiếm chỗ tái sanh của mẹ. Đệ tử đã tìm kiếm khắp các cõi người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục... nhưng không thấy. Gần sáng, khi rà soát chỗ gần biên ranh các đại địa ngục thì đệ tử chợt thấy mẹ ở trong một chỗ âm thấp, tối

tăm, lạnh lẽo nhưng không rõ thuộc cảnh giới nào. Tuy nhiên, quan sát cho kỹ thì đây không phải là địa ngục băng giá hay địa ngục viêm hỏa, vì băng giá hay viêm hỏa thì sẽ chịu cực hình kinh khiếp hơn nhiều. Ở đây, tại chỗ đây, thân xác của mẹ là một bộ xương khô, xanh xao, trông như đã bị nhịn đói cả trăm năm, cả ngàn năm vậy đó.

- Chỗ của mẹ ông được gọi là cận biên địa ngục, nó không nằm trong bát đại hàn băng⁽¹⁾, không nằm trong bát đại viêm hỏa⁽²⁾. Mẹ ông không thuộc địa ngục, không thuộc nga quỷ nên ông không biết cảnh giới nào cũng phải. Thân mẹ ông gầy ốm như bộ xương thì giống nga quỷ, nhưng ở chỗ ẩm thấp, tối tăm gần địa ngục hàn băng nên lạnh lẽo, rét buốt.

- Vâng, đúng là vậy, bạch Thế Tôn! Tuy đệ tử biết cảnh địa ngục thường chịu quả nghiệp đau khổ, thống khổ, bị thiêu, bị đốt, bị chặt, bị chém... chẳng ăn uống gì được. Cõi nga quỷ cũng vậy, đói khát cả trăm năm, đói khát cả ngàn năm để chịu quả báo, có muốn ăn, muốn uống cũng tựa như nuốt kim, nuốt lửa, nuốt mủ, nuốt máu mà thôi! Thế nhưng, thấy mẹ đói quá chịu không được, đệ tử sử dụng thần thông giúp mẹ chút cơm, chút bánh; nhưng lần thứ nhất cơm bánh ấy biến thành than lửa, lần thứ hai thì cơm bánh ấy biến thành cục băng!

- Đúng là vậy rồi, này con trai! Sức mạnh của nghiệp ấy, năng lực thần thông của ông cũng bất lực thôi.

- Đệ tử không nghĩ ra cách gì giúp mẹ thoát khỏi cảnh khổ đó được, bạch Thế Tôn.

- Ông không có gì phải canh cánh bên lòng nữa. Ông đã làm hết bổn phận và trách nhiệm của một người con hiếu rồi. Khi bà còn sống, ông đã tìm cách năm lần bảy lượt

⁽¹⁾ Tức là 8 đại địa ngục băng giá, mỗi đại địa ngục có 16 tiểu địa ngục; vậy có tất thảy 128 tiểu địa ngục băng giá.

⁽²⁾ Tương tự như trên, có 128 tiểu địa ngục viêm hỏa.

khuyến giáo mẹ trở về đường ngay nẻo chánh, làm lành lánh dữ rồi. Khi bà mất đi, ông tụng kinh chú nguyện, ông lo hỏa táng chu đáo, và cũng đã tìm cách cứu mẹ ra khỏi khổ đờ, tuy bất lực. Ngoài ra, suốt gần bốn mươi năm sống đời phạm hạnh thiêng liêng và gương mẫu, ông đã cứu độ cho không biết bao nhiêu dạ-xoa, rồng, trời, người các cõi. Chính công đức ấy, sức mạnh thắng trí, thắng hạnh ấy đã gánh một phần nghiệp cho mẹ ông, đã nâng đỡ bà đến bảy đời tiếp theo nữa đó, này con trai!

- Điều này đệ tử chưa hiểu tới.

- Đấy thuộc về trí của bậc Toàn Giác. Nhờ trí của bậc Toàn Giác, Như Lai còn biết rằng, mẹ của ông cũng có thể có cách cứu độ được.

- Đệ tử xin lắng nghe.

Đức Phật chợt nhìn ra sân vườn, đưa tay chỉ một ngọn lá xanh bị sâu đục trước tầm mắt.

- Ông có thấy chiếc lá bị sâu đục kia chằng?

- Đệ tử có thấy.

- Chiếc lá ấy đang xanh, ông thử dùng năng lực tâm làm cho chiếc lá ấy vàng được không?

- Thừa được!

Rồi tôn giả chỉ cần đưa tầm mắt nhìn, chú tâm một sát-na, chiếc lá đang xanh tức khắc thành màu vàng úa.

Đức Phật thông thả nói:

- Năng lực của tâm mà làm cho lá xanh thành lá vàng là chuyện nhỏ, quá nhỏ. Như Lai còn nhớ, không phải ông mà là đệ tử của ông, tỳ-khưu Piṇḍolabhāradvāja đã hút dính tảng đá lớn, to cao hơn cả cái nhà bay quanh thành Vương Xá ba vòng để lấy cái bát gỗ đàn hương đỏ rực của ông triệu phú... cái năng lực ấy lớn hơn chứ, con trai?

- Đúng vậy, quả vậy! Đệ tử chỉ cần nhiếp tâm vào định tứ thiền, xuống cận hành, khởi tướng, trú tướng, làm kiên cố tướng thì có thể nhấc bổng cả núi Tu Di, bạch Thế Tôn!

- Ủ, đúng vậy! Như Lai biết rõ năng lực tâm của ông còn tối thượng hơn thế nhiều.

- Nhưng năng lực thần thông ấy, đệ tử cũng không thể cứu mẹ, bạch Thế Tôn.

- Tại sao? Tại sao không cứu được, ông có biết không?

- Thưa, năng lực ấy có thể chuyển hoá được vật chất nhưng không thể chuyển hoá được nghiệp!

- Đúng vậy! Thế thì cái gì có thể chuyển hoá được nghiệp?

- Ví như đức Thế Tôn bảo, công đức tu trì thanh tịnh của đệ tử có thể gánh một phần nghiệp của mẹ?

- Chính xác! Đức Phật gật đầu rồi nói tiếp - Nếu như đôn tu, huân tu năng lực tu trì thanh tịnh của trăm vị, ngàn vị, hai ngàn vị... để chú nguyện, thì với sức mạnh ấy có thể giúp mẹ ông thoát khỏi khổ đồ đầy, con trai! Nay mùa an cư cũng sắp mãn, Tăng chúng hiện nay ở Kỳ Viên và ở Lộc Mẫu có đến ba ngàn vị. Nếu bà con quyến thuộc của ông, có khả năng đặt bát cúng dường đến ba ngàn vị trong ngày lễ Kaṭhina; sau khi chư tăng thọ nhận rồi, họ sẽ chú nguyện quả phước thanh tịnh đến cho bà. Do nhờ vật thí thanh tịnh, do nhờ thân khẩu ý thanh tịnh của ông và bà con quyến thuộc, do nhờ công đức tu trì thanh tịnh của ba ngàn tỳ-khưu thánh phàm tăng sau ba tháng an cư - nhất định mẹ ông sẽ được siêu thoát, này con trai!

Nghe đến đây, tôn giả Mahā Moggallāna hoan hỷ đến tận chân tử kê tóc, quỳ sụp xuống bên chân đức Đạo Sư.

Thế rồi, tôn giả trình bày sự việc với bà con quyến thuộc, nội ngoại hai bên gia tộc; và họ đã hùn góp ngân khoản, mua sắm cả mười mấy chiếc xe lương thực, thực phẩm các loại, tổ chức một cuộc cúng dường lớn đến chư tăng hai ngôi đại tự trong ngày mãn hạ. Đại thí chủ Visākhā, ông trưởng giả tiểu Cấp Cô Độc, đức vua Pāsenadi, cư sĩ Citta cùng một số đại phú gia, thương gia khác trong kinh

thành, nghe vậy, họ hoan hỷ hùn góp mấy ngàn tâm y và bát cùng vật dụng phụ tùy liên hệ cho cuộc lễ thêm phần trang trọng, hỷ mãn.

Và đúng như sự thấy biết của bậc Toàn Giác, nhờ công năng thanh tịnh của Tăng, nhờ uy lực của phước báu nâng đỡ, mẹ tôn giả Mahā Moggallāna được sanh thiên, làm thuộc hạ tùy tùng Tứ đại thiên vương. Vị trưởng lão nào có thắng trí đều biết rõ, thấy rõ như vậy.

Sau cuộc lễ, tại giảng đường Lộc Mẫu, cận sự hai hàng ngòai đầy đặc, tôn giả Sāriputta thay đức Phật kể lại nhân và quả cho đại chúng nghe. Tôn giả còn giải thích thêm rằng, trong cuộc lễ Kāṭhina hằng năm, sau mùa chur tăng mãn hạ; bất cứ ai muốn hồi hướng phước báu cho cha mẹ, cho bà con quyến thuộc nhiều đời đều có thể tổ chức đặt bát, trai Tăng, hay cúng dường tứ sự tại các tịnh xá, tu viện Tăng hoặc Ni. Nếu thí chủ cúng dường với tâm thanh tịnh, người thọ nhận là Tăng ni có giới luật thanh tịnh thì kết quả sẽ như ý nguyện.

Cuối buổi giảng, tôn giả Sāriputta còn cho biết thêm rằng, một hội chúng khả dĩ đại diện cho Tăng là bốn vị tỳ-khuru hay bốn vị tỳ-khuru-ni trở lên, nhiều hơn thì càng tốt; nếu chỉ một hoặc hai vị thì không thể gọi là đại diện cho Tăng được, năng lực phước báu sẽ giảm đi.

Nguyên do tôn giả Mahā Moggallāna là người đầu tiên nhờ đức Phật chỉ bày cách tổ chức đặt bát cúng dường tứ sự đến Tăng để chú nguyện cho mẹ trong ngày lễ Kāṭhina mãn mùa an cư – nên sau này, khi nhắc đến tôn giả, ai cũng bảo ngài là bậc đại hiếu.

Tội Ác Cuối Đời Của Đức Vua Pāsenadi

Từ khi hoàng hậu Mallikā mất, đức vua Pāsenadi cảm thấy cô đơn, hiu quạnh. Bà hậu Ubbīrī, tuy hiếm muộn cũng cho vua cô con gái Vajirī (Vajirakumarī) rời xuất gia theo ni đoàn đã lâu. Hai bà hậu Somā, Sakulā, vốn là hai chị em, đều là chị của đức vua Bimbisāra, cũng tu theo Phật cả, sống đời giới hạnh rất nghiêm túc. Chỉ còn bà Vāsabhakkhattiyā, công chúa dòng dõi Sākya còn âm áp chần gối nhưng không phải là mẫu người để đức vua tâm sự hoặc chia vui, sẻ buồn. Điều đó cũng dễ hiểu vì hoàng hậu Mallikā là người luôn làm cho tâm hồn ông bình an và mát mẻ. Trong quá khứ, bà còn là ngọn đèn sáng những khi ông tối tăm, si ám. Thiếu vắng bà, tâm tánh của đức vua chợt trở nên hỷ nộ thất thường, đôi khi đánh mất luôn sự định tĩnh và sáng suốt thường ngày. Và cái sai lầm, ác độc nhất trong cuộc đời của ông mà không ai có thể thông cảm, tha thứ được - đây là mật lệnh giết chết đại nguyên soái Bandhula cùng với ba mươi hai vị tướng trẻ là con và cháu của ông ta!

Tướng quân đại nguyên soái Bandhula là ai kia chứ? Là người bạn thân của đức vua từ hồi còn học ở đại học quốc độ Takkasilā. Là người đã từ bỏ quê hương bản quán của

mình, từ bỏ cả ngôi vua ở quốc độ Mallā, kinh thành Kusinārā, cùng vợ và con đến ở với ông, làm thuộc hạ của ông. Từ khi có tay thanh gươm hộ quốc của vị tướng quân này, đức vua gối cao nằm ngủ. Lãnh thổ của đế quốc Kosala từ kinh thành đến ngàn dặm biên cương luôn được vị tướng quân Bandhula chu đáo bảo vệ an ninh, an toàn...

Thế mà... thế mà... Đức vua nhớ lại. Trong trận chiến với đứa cháu Ajātasattu ngỗ nghịch bất trị của mình, ông đã thất bại thê thảm! Nhưng sau nhờ kinh đô Kosala với chiến lược phòng thủ như tường đồng, vách sắt cùng với những đội quân thiện chiến của tướng quân Bandhula mà ông vua cháu phải cỡi giáo quy hàng. Quả thật, ba mươi hai con và cháu của vị tướng quân này đều là những viên hổ tướng, xuất hiện thần tốc và đúng lúc, vô hiệu hóa tất cả mũi nhọn xung kích nào của quân đội Ajātasattu. Cuộc chiến thắng này rõ ràng là nhờ vào đại gia đình của tướng quân Bandhula!

Thế nếu họ “làm phản” thì sao? Câu hỏi ấy, hằng đêm đi sâu vào giấc ngủ của đức vua và biến thành những cơn mộng dữ. Ông thấy mình bị chặt đầu, bị róc thân, bị bốn con ngựa kéo, xác đứt thành bốn mảnh, bị lột áo mào trần truồng, bị quăng vào đống lửa, bị thả vào chảo dầu sôi... Sự ám ảnh này làm cho đức vua bất an, lo lắng. Thêm một nguyên nhân nữa như giọt nước cuối cùng làm tràn ly. Một số quan võ tướng bất tài, có dòng máu hoàng gia, thấy mọi quyền thế, quyền lực binh bị trong và ngoài triều đều nằm ở trong tay gia đình tướng quân Bandhula; vì mất quyền lợi và địa vị nên họ sanh tâm ganh ghét, đố kỵ, cho người phao tin đây đó là “tướng quân Bandhula làm phản”. Chuyện rồi cũng đến tai đức vua. Còn nữa, đêm này và đêm khác, ý mình cùng huyết thống hoàng tộc nên người này, người kia thay nhau vào cung thì thảo to nhỏ với đức vua “bí mật động trời” ấy.

“Không có lửa thì làm sao có khói?” Đức vua vô cùng sợ hãi. Phải ra tay trước thôi! Vậy là ông bèn cho năm trăm quân cầm vệ ngày đêm đi đến những vùng đất giáp ranh biên cương phía bắc, giả vờ làm loạn, đánh chiếm một vài thị trấn rồi cho phi mã, từng toán, từng toán cấp báo về triều đình.

Thế là trong buổi lâm triều hôm ấy, đức vua nói về tình hình nội loạn nguy kịch ở biên cương, sau đó cử đại nguyên soái Bandhula mang đại binh đi dẹp loạn.

Tướng quân Bandhula mỉm cười:

- Xin bệ hạ an tâm! Không cần thiết phải mang theo đại quân đâu. Chỉ mình hạ thân, ba mươi hai tướng trẻ cùng vài trăm quân là đủ dẹp yên lũ giặc cỏ ấy rồi.

Đến biên cương, thấy một vài căn nhà bị đốt cháy, đầu đó bị cướp phá sơ sài; và do nghe tin quân triều đình của vị tướng quân bách chiến, bách thắng đến - nên “bọn giặc” đã chạy trốn như chuột, không còn tăm bóng. Một dấu hỏi lớn khởi lên trong tâm trí của vị lão tướng: “Chỉ là giặc cỏ thôi mà, đâu cần phải đích thân ông dẫn đại binh? Chỉ cần một đứa con trai út của ông và một trăm quân là có thể đánh thắng một ngàn quân chính quy kia mà?” Tuy thế, ông chỉ thờ dài, lệnh cho đội quân ở lại năm bảy hôm, sửa sang, ủy lạo nơi này nơi kia rồi dẫn quân trở về. Qua một hẻm núi hiểm trở, đội quân mấy trăm người bị phục kích bởi một ngàn tay cung nỏ có tẩm thuốc độc, đồng thời một trận mưa lửa bởi hàng ngàn, hàng ngàn mũi tên lửa có tẩm dầu, thiêu cháy người, ngựa và cả rừng cây. Trong một hóc đá chỉ bị lửa nung bên ngoài, tướng quân Bandhula biết rõ đức vua giết mình, không còn là nghi vấn nữa. Trong khi thuốc độc chưa ngấm sâu, ông thảo vội vài hàng chữ, với đại ý khuyên vợ và những con dâu trở lại quê nhà. Còn ông, mười sáu con trai lớn và mười sáu đứa cháu thanh niên đã đền nợ nước rồi. Lá thư viết bằng máu trên mảnh chiến bào, sau đó được một

mã binh chưa bị tên độc, quyết tử vượt vòng vây, bất kể ngày đêm, lao về kinh thành. Ba mươi hai con và cháu của lão tướng quân, ai cũng bị dính độc và lửa đốt - nguyên cùng chết với cha cùng ông nội.

Tên mã binh quyết tử về đến kinh thành Sāvatti, vào biệt phủ của tướng quân Bandhula – thì nơi đây, bà Mallikā (trùng tên với hoàng hậu Mallikā) phu nhân của lão tướng quân đang chuẩn bị vật thực để cúng dường năm trăm vị tỳ-khuru có trưởng lão Sāriputta là người dẫn đầu.

Nhận được thư khi đang xào nấu một món ăn bên bếp lửa, đọc xong hung tin trần trời của chồng, bà Mallikā đứng sững giây lát, sau đó, cất thư vào túi rồi tiếp tục công việc của mình như không có gì xảy ra. Sau đó, khi bà bung một bình sanh tô đi sót vào bát cho trưởng lão Sāriputta, vì vấp một chướng ngại dưới chân nên bình sanh tô vốn bằng gốm sứ rơi xuống nên bị vỡ nát. Một vị tỳ-khuru thấy vậy nên thuận miệng giáo giới:

- Vật vốn vô thường, có sinh có diệt, mong thí chủ đừng buồn, đừng tiếc nữa.

Đứng dậy, xá chào trưởng lão Sāriputta rồi bà đưa “lá thư máu” cho ngài xem xong rồi nói:

- Trưởng lão thấy đó, phu quân cùng ba mươi hai đứa con trai và cháu của tôi đều đã bị chết thảm. Tuy nhiên, nghe xong hung tin, tôi vẫn bình tĩnh xào nấu món ăn như thường. Cái bình gốm sứ quý báu kia, dù quý báu thế nào cũng không thể quý bằng sinh mạng phu quân và con và cháu của tôi được. Nó chỉ là hạt bụi so với núi Tu Di. Núi Tu Di mất đi, tôi chưa buồn, chưa tiếc huống hồ là cái bình gốm sứ là vật ngoại thân, vô tri vô giác kia!

Trưởng lão Sāriputta cất tiếng hỏi nhỏ nhẹ:

- Có lý do gì, có sự thấy biết nào mà phu nhân không buồn, không tiếc trước một thảm nạn kinh hoàng của người thân như vậy?

- Thừa trưởng lão! Nhờ học được giáo pháp của đức Tôn Sư và chur vị trưởng lão, nhờ chiêm nghiệm khổ và nguyên nhân khổ, nhờ thấy biết chút ít về sự rỗng không của ngã và ngã sở hữu, nhờ quán sự chết không chừa một chúng hữu tình nào – nên tôi mới có được sự định tĩnh, an nhiên như vậy.

Trưởng lão nhè nhẹ gật đầu:

- Sādhu, lành thay!

Rồi sau khi độ thực, buổi pháp thoại đặc biệt, trưởng lão nói về sự bất định của sự chết; tuổi thọ của đời người ở trong đám sương mù hỗn mang, gió nghiệp thổi qua là tắt, không biết lúc nào. Xúc động chánh pháp, tôn giả đã tóm tắt điều ấy bằng một câu kệ ngôn:

“- Tử sinh không có hạn kỳ

Tuổi thọ ai biết ra đi lúc nào

Cuộc trần bất trắc xiết bao

Đau thương, hoạn nạn, khổ lao nghìn trùng”⁽¹⁾

Sau lễ đặt bát cúng dường, bà Mallikā cho họp mặt toàn thể đại gia đình, đưa lá thư máu ra cho mọi người cùng xem, rồi đưa mắt nhìn mười sáu bà con dâu, mười sáu cô cháu dâu đang còn xuân sắc, giáo giới rằng:

- Phu quân của các con, các cháu đã tử trận vì nước. Các con các cháu không nên đặt câu hỏi là chết do ai và vì ai? Tại sao vậy? Vì cái chết của tất cả chúng sanh không do lỗi của ai cả mà chúng là thừa tự của nghiệp, con sanh của nghiệp! Trong vòng nhân quả trả vay, định luật ấy rất lạnh lùng, nó không thiên vị một ai cả. Phu quân của các con các cháu bị trả quả tiền khiên do một ác nghiệp nào đó trong quá khứ, vậy là công bằng, vậy là phù hợp với chân lý, với nhân quả. Do vậy, các con, các cháu không nên sầu buồn khóc lóc

⁽¹⁾ Phỏng dịch từ câu kệ Pāli: “Animittamanaññātaṃ. Maccānaṃ idha jīvitāṃ. Kasirañca parittañca. Tañca dukkhena saṃyuttanti”.

mà làm gì, cũng không nên trách trời trách đất, oán hận người này người kia. Sự việc đã xảy ra rồi, hãy xả buông nó đi, đừng tự làm tổn thương mình nữa!

Nạn nhân bị hại thì xả buông, rộng không do trí tuệ học hỏi giáo pháp như thực của đức đạo sư, nhưng kẻ hại người - đức vua Psenadi - do si mê hôn ám, do sợ hãi bị phản nghịch, do đám vô tài bất tướng xung quanh nịnh hót: Ngày thì ruột nóng như lửa đốt, đi tới đi lui bất an, đêm thì trăn trở, thao thức, nằm thấy mộng dữ.

Câu chuyện bà Mallikā nhận được hung tin từ lá thư máu của lão tướng quân khi đang xào nấu thức ăn, sau đó vẫn an nhiên định tĩnh đặt bát cúng dường một cách chu đáo đến tôn giả Sāriputta cùng năm trăm vị tỳ-khưu – không mấy chốc, được lan truyền khắp mọi nơi, mọi chỗ. Cả kinh thành rúng động. Cả triều đình nhỏ to bàn tán xì xào. Rồi chuyện bà xử lý việc gia đình, nội dung bà nói chuyện với con dâu, cháu dâu... làm cho ai ai cũng cung kính, ngưỡng mộ...

Đức vua Pāsenadi được tả hữu tường thuật mọi chuyện, ông lặng người rồi chìm đắm trong nỗi đau, trái tim tê buốt. “Ôi! Đây là cả một đại gia đình hiền thiện được tắm mát, nuôi dưỡng bởi giáo pháp hiền thiện của đức Tôn Sư. Không biết giờ này đức Đạo Sư đang vân du hành hóa ở đâu mà bỏ lại ta trong kinh đô vắng lạnh này!⁽¹⁾ Nếu có(giá như) ngài có mặt ở Kỳ Viên thì có lẽ ta không đến nỗi si ám, ác độc và ngu ngốc tạo nên ác nghiệp tày trời! Cả đại gia đình bị ta ám hại, họ đã không oán hận ta, lại cùng âm thầm tha thứ cho ta do có một bà mẹ đại hiền được sinh ra trong giáo pháp. Còn ta, ta có thể nào tha thứ cho mình được không? Thật không thể vậy!”

⁽¹⁾ Chuyện xảy ra khoảng chừng hạ 40, 41 của đức Phật; lúc này có lẽ ngài đang vân du hành hóa ở Vesāli và Rājagaha.

Nghĩ đến đức Phật, đức vua yên ổn được chút ít, như có một năng lượng mát mẻ thoáng qua tâm hồn, ông suy nghĩ tiếp: “Bậc trí nhân ở đời, mình làm mình chịu, không đổ lỗi cho ai. Ta phải đích thân đến đại gia đình ấy, nhận tội về mình rồi sau đó hãy để cho nhân duyên nó làm việc. Hãy can đảm lên nhé!”.

Cả đại gia đình đang phát lễ tang thì đức vua ngự giá đến. Bên trong đại sảnh đường đã thiết lập ba mươi hai bài vị, có trầm, có hoa, có cờ rú, có khăn tang... nhưng lại rất yên bình, lặng lẽ, không nghe “mùi” tang tóc!

Cả nhà cung đón đức vua rất phải phép. Ông kính cảm trong lòng, bước đến trước ba mươi hai bài vị, cung kính cúi đầu, mặc niệm. Thật ra là ông đang thú tội trước những vong linh mà ông đã sát hại một cách rất tàn độc.

“Sám hối” xong, đức vua nói với cả nhà:

- Suốt bao đêm bao ngày, ta hối hận, ăn năn, ray rứt không yên. Lòng ta như bị lửa địa ngục thiêu đốt sau khi ám hại vị lão thần lương đồng cùng những dũng tướng oai hùng. Ta là tên thủ phạm hèn hạ và bỉ ổi nhất! Ta không thể tha thứ cho ta được – nhưng than ôi! Cả đại gia đình hiền thiện này lại tha thứ cho ta! Đúng là tâm địa của những bậc thánh!

Đức vua rung rung nước mắt.

Phu nhân Mallikā lấy khăn lau lệ rồi nói:

- Xin bệ hạ hãy bình tâm. Bệ hạ không có lỗi mà chỉ có nghiệp là có lỗi!

- Cảm ơn phu nhân với tâm đại lượng - đức vua nói – Ta được xin tạ tội một cách chân tình nhất, là hãy cho ta đáp trả một đặc ân. Phu nhân có ước nguyện gì thì ta sẽ hoàn thành ước nguyện ấy cho phu nhân, ngay từ hôm nay!

Suốt bảy ngày sau đó, phu nhân Mallikā, ba mươi hai góa phụ cùng gia nhân tổ chức đặt bát cúng dường cho chư tăng năm trăm vị mỗi ngày ở tư gia có tôn giả Sāriputta và một số vị trưởng lão khác. Tôn giả Sāriputta biết rõ nhân

quả câu chuyện thương tâm và biết rõ nỗi đau lặng lẽ bên trong của lão phu nhân cũng như tất cả góa phụ nên ngài đã thuyết những thời pháp thích hợp. Ngài nói về nỗi đau bi thống của kiếp người. Ngài nói về nỗi đau kinh khiếp hơn nữa là ở trong các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Ngài nói trong ba cõi sáu đường, nước mắt của chúng sanh khóc chồng, khóc cha, khóc vợ, khóc con, khóc khi tử biệt sinh ly, khóc khi xa rời người mình thương, khóc khi bị hành hạ, trần bức xác thân, khóc khi bị nghịch cảnh, tội tù, khóc khi bị vu oan, giá họa... có thể đổ đầy bốn đại dương... Vậy thì hãy thấy rõ “sự thật khổ” của đời người, kiếp người... Nó là sự thật, là chân lý hiển nhiên. Hãy mở con mắt pháp mà thấy, đừng nên sống bởi ám thị, ảo tưởng, vọng tưởng mơ hồ nữa. Có thấy khổ mới tìm ra nguyên nhân khổ, căn nguyên khổ. Đức Tôn Sư là bậc Toàn Giác, ngài cũng chỉ là người thấy rõ sự khổ nên thoát khổ đó thôi!

Những bài pháp của tôn giả quả là liêu thần được làm cho tất cả các cô con dâu như chạm tay được vào ly nước cam lồ bất tử. Những nỗi đau lặng lẽ bên trong của họ, quả thật là đã được xoa dịu một phần nào!

Hôm kia, cả đại gia đình vào triều yết kiến đức vua và xin nhận đặc ân của hoàng triều. Bà Mallikā nói:

- Tâu đại vương! Danh vọng, địa vị, tài sản... cho chí chồng con... tất cả chúng đều tạm bợ, duyên sanh duyên diệt. Chẳng có gì chắc thật, vững bền trên thế gian này! Đại vương đã mở rộng tấm lòng cho những góa phụ chúng tôi thỏa nguyện một đặc ân – thì đặc ân ấy là cùng được trở về quê hương xứ sở để sống những ngày còn lại!

Đức vua nhíu mày:

- Đây đâu phải là đặc ân!

- Đây đúng là đặc ân, tâu đại vương! Vì đây cũng chính là ước nguyện cuối cùng của tộ phu quân trong lá thư viết bằng máu trên mảnh chiến bào!

Thần thờ giây lâu, đức vua thở dài:

- Châu báu, của cải, tài sản... phu nhân muốn bao nhiêu ta cũng đáp ứng được kia mà! Hay là tự ta làm vậy...

Nói thế xong, đức vua quát gọi quan thủ khổ... nhưng phu nhân Mallikā đã từ chối:

- Cảm ơn tấm lòng của đại vương! Nhưng chúng tôi chỉ xin được về quê thôi!

Chẳng biết sao hơn, đức vua đành phải gật đầu ưng thuận.

Về lại biệt phủ, bà Mallikā cho mở kho vàng bạc, châu báu, tư trang làm ba mươi hai phần rồi chia đều cho con dâu và cháu dâu rồi khuyên họ trở về gia đình cha mẹ mà sinh sống và được tự do lấy chồng, lập gia thất mới. Riêng bà thì trở về quốc độ Mallā, kinh thành Kusinārā để di dưỡng tuổi già, tinh cần tu tập để tìm chỗ nương tựa thực sự cho đời mình.

Câu chuyện của gia đình bất hạnh này, khắp cả kinh thành Kosala cùng miền phụ cận không ai là không biết, và mọi người ai cũng tán dương, tôn trọng và quý mến cái tuệ sáng và cái tâm đại lượng của bà Mallikā.

Cảnh Giới Cho Thái Hậu Videhi

Trong lúc tại kinh thành Sāvatti xảy ra biến cố bị thương cho gia đình đại nguyên soái Bandhula như vậy thì đức Phật và hội chúng tỳ-khuru đang ngự tại vườn xoài của thân y Jīvaka, ở đây ngài chờ đợi nhân duyên để tế độ thái hậu Videhi và đức vua Ajātasattu.

Số là sau khi đức vua Bimbisāra bị đưa con nghịch tặc giết hại, bà Videhi vô cùng sầu não, không thiết đến việc ăn uống, hình dong ngày càng tiêu tụy. Đêm nằm vắt tay lên trán, trăn trở, nghĩ suy: “Tại sao cái thế gian này lại phát sanh những con người tàn độc đến như vậy? Vì danh vọng, địa vị và quyền lực, người ta đã không từ nan những hành động xấu ác, sai quấy nhất. Devadatta mù quáng vì muốn lãnh đạo giáo hội, đã ba lần tìm cách giết hại đức Đạo Sư. Ajātasattu, con ta, với tham vọng đế vương đã đành tâm bắt bỏ ngục cha mình, rồi còn năm lần bảy lượt ngăn cấm ta mang (tiếp cứu) vật thực nữa. Cuối cùng, vua cha bị chết đói trong ngục tối! Ôi! Con người thật là xấu xa! Không biết có một cảnh giới nào mát mẻ an lành, người và người đối xử với nhau nhu thuận, từ hòa, hướng thiện và hướng thượng chăng? Ta đã chán ngán cái cõi trần thế này rồi!”

Trong lúc bà Videhi than thở như vậy xong – thì đâu giữa hư không, tiếng nói của đức Phật vọng mồn một vào tai bà:

“- Có đấy! Còn có rất nhiều cảnh giới an lành, mát mẻ, không đao, không trượng, không chém giết hận thù; họ sống với nhau với tâm an, tâm phi, tâm lạc - thọ hưởng phước báu từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu, rất thanh lương và rất yên bình, này thái hậu!”

Bà Videhi phủ phục xuống thẳm, lay ba lay, ngược mắt lên, nói rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin cho đệ tử được thấy rõ những cảnh giới ấy!

Đức Phật sử dụng thần thông cho thái hậu thấy rõ cảnh trời Đao Lợi với ba mươi ba tòa bảo tháp bằng bảy báu, thấy đời sống của Đế Thích, của chư thiên nam và nữ. Họ bay giữa không gian, thân tỏa hào quang nhiều màu, múa hát, tiệc tùng, đàn ca, sáo vĩ... với phục sức muôn màu, muôn vẻ. Thân thể họ nhẹ nhàng như mây, như lụa... Họ dùng những vật thực vi tế, ngon thơm hơn triệu triệu lần cõi người. Họ yêu đương, tình tự cũng thanh lương, vi tế như vậy, không có thô tháo, phàm tục, dơ uế như nhân gian. Họ suốt đời không làm việc tay chân hoặc đầu óc để tạo ra của cải. Ở đây không có cơ quan chính quyền, các cơ sở kinh tế, ngân hàng thương mại, các ngành nghề thủ công, mỹ nghệ... Tất cả lâu đài, sàng tọa, y phục, nhu cầu, phương tiện đời sống đều do phước báu hóa sanh...

Giọng đức Phật lại rót vào tai bà:

- Đây là cảnh trời Đao Lợi, một trong sáu cảnh trời dục giới - ở đó không thể nào có những con người xấu ác như Devadatta hoặc Ajātasattu đâu!

Thái hậu Videhi ngắm cảnh, ngắm người, ngắm đời sống với lạc thú thanh cao, nhẹ nhàng, vi tế như thế, tâm bà như

mê mẩn. Tiếng nói của đức Phật đưa bà trở về với hiện thực. Bà nói:

- Đệ tử có thể nguyện sanh về đây được không, bạch đức Đạo Sư?

- Không thể nguyện sanh về đây là được sanh về đây đâu, thưa thái hậu!

- Vậy thì phải làm sao, bạch đức Thế Tôn?

- Phải tu tập! Phải phát triển những hạnh lành. Cụ thể hơn là phải có đức tin vững chắc với thiện pháp, có năm giới, có mười lành, có tâm từ ái biết san sẻ vật chất, của cải đến cho bao người đói khổ, biết phục vụ những công ích từ thiện xã hội. Cái tâm ấy, cái công đức ấy là nhân, và quả của nó – là sẽ được hóa sanh vào cảnh trời Đạo Lợi ấy!

- Đệ tử hiểu rồi! Và việc ấy, đệ tử làm được!

- Lành thay! Và Như Lai cũng biết là thái hậu thực hiện được.

- Thế có cảnh giới nào cao sang, tốt đẹp hơn thế chẳng, bạch đức Tôn Sư?

- Có chứ, có nhiều lắm, này thái hậu!

Nói thế xong, đức Phật sử dụng thần thông cho thái hậu thấy rõ cõi trời Đâu Suất. Lâu đài, người, cảnh ở đây còn cao sang, hoàng tráng gấp bội cảnh trời Đạo Lợi. Lại còn những biển châu báu, núi châu báu, sông suối châu báu, rừng cây châu báu rực rỡ muôn màu... ngoài tầm tưởng tượng của thế gian. Đặc biệt nhất ở cảnh giới này là bất kỳ bậc đại bồ-tát nào hoàn thành viên mãn ba mươi ba-la-mật đều ngự ở đây trước khi hạ sanh xuống cõi trần để thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác. Cảnh giới này thanh tịnh hơn cõi trời Đạo Lợi vì chư thiên ở đây ai cũng tu tập, cho đến nổi tiếng gió thổi, nhạc reo, chim ca... cũng vọng lên âm thanh nói về ngũ căn, ngũ lực, tứ chánh cần, tứ như ý túc, tứ niệm xứ, thất giác chi, bát chánh đạo... Sau này, thời vị lai, khi bồ-tát Metteyya (Di Lặc) tròn đủ công hạnh ba-la-mật cũng ngự

ở cảnh trời này, đợi chờ nhân duyên xuống nhân gian để thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác đấy, thưa thái hậu!

- Cảnh trời Đạo Lợi hưởng thụ ngũ dục vi tế, vi diệu thật, nhưng có vẻ họ còn ham rong chơi, du hí nhiều quá; cõi trời Đâu Suất thanh tịnh hơn, cao sáng hơn! Nếu đệ tử muốn sanh về đấy thì phải làm thế nào, bạch đức Đạo Sư?

- Phải tu tập khá hơn một chút nữa, thưa thái hậu! Muốn tròn đủ thì phải có đức tin vững chắc, năm giới mười lành vững chắc, nghe pháp và học pháp một cách vững chắc, tâm (thiền sự) bồ thí, cúng dường với tâm quảng đại, rộng lượng một cách vững chắc và trí thấy rõ tà chánh, xấu tốt, đúng sai cũng một cách vững chắc⁽¹⁾ như thế... thưa thái hậu!

- Tâu vâng! Đệ tử hiểu được bốn điều. Duy có điều thứ ba: Tâm bồ thí, cúng dường với tâm quảng đại, rộng lượng một cách vững chắc... thì đệ tử chưa rõ lắm!

- Khi cúng dường tứ sự đến Như Lai, đến tăng-già, tâm vị ấy luôn luôn biết cung kính, trân trọng, ước mong quý ngài đầy đủ nhu cầu, phương tiện nuôi thân (mạng) để độ sinh, ước mong hệ hệ tăng-già kế thừa giáo pháp mai hậu vì lợi ích cho chư thiên và loài người - chứ vị ấy không nghĩ đến quả báo gì cho riêng mình cả! Đây được gọi là cúng dường vững chắc! Còn nữa, đối với chúng sanh nghèo đói, cơ cực, bất hạnh... vị ấy san sẻ của cải, giúp đỡ áo cơm... chỉ với tâm quảng đại, bao dung, tế độ họ với tâm bi mẫn xót thương, không vì danh, vì lợi, không vì quảng cáo tên tuổi, hoặc bất kỳ sự lợi lạc nào cho cá nhân mình cả. Đây chính là nhân, là duyên, hỗ trợ cho tín, cho giới, cho vãng, cho tuệ tròn đủ để hóa sanh vào cảnh trời Đâu Suất đấy, thưa thái hậu!

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Đệ tử đã được mở tâm, mở trí. Đệ tử không dám biết đến những cảnh giới

⁽¹⁾ Cách nói rộng của đức tin, học giới, nghe pháp, bồ thí và trí tuệ thế gian.

thanh lương, vi tế nào khác nữa. Chỉ riêng hai cảnh giới mà đức Tôn Sư vừa diễn giải về nhân, về quả ấy, đệ tử đã cảm thấy khó tu tập cho vẹn toàn rồi. Đệ tử tuổi tác đã cao, thân thể đã suy kiệt vì sầu buồn, sợ không còn kham nổi những pháp môn cao hơn. Được về sống nơi hai cõi trời ấy thôi cũng cần quá nhiều nỗ lực và tinh cần rồi. Đệ tử sẽ cố gắng, bạch Thế Tôn...

- Phải vậy! Thái hậu đã biết tự lượng sức mình! Đây là một suy nghĩ chơn chánh, đúng đắn! Không nói đến những cảnh giới tinh thần sáng láng của sắc giới và vô sắc giới – thì hai cõi trời mà thái hậu vừa trông thấy nhân và quả ấy – chính là hai cảnh giới tốt đẹp nhất trong sáu cảnh trời dục giới đây, này thái hậu!

Cảm thấy thế là đã an trú cho bà Videhi một nơi chốn khả dĩ tốt đẹp rồi, đức Phật thâu lại thần thông, trả không gian trở về với yên lặng. Bà Videhi quỳ xuống lạy như té sao, nỗi sầu khổ đã lắng xuống!

Ghi chú đặc biệt:

Cảnh giới Tịnh độ của A-di-đà được xây dựng cũng từ tích bà thái hậu Videhi như sau – chúng ta cùng tham khảo:

Quán Vô Lượng Thọ kinh (觀無量壽經, Amitāyurdhyāna Sūtra) là một trong ba bộ kinh quan trọng nhất của Tịnh độ tông. Kinh miêu tả thế giới phương Tây của Phật A-di-đà và dạy cách hành trì: sống thanh tịnh, giữ giới luật và niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hành giả thoát khỏi các nghiệp bất thiện và được tái sinh nơi Tịnh độ của A-di-đà.

Kinh này chỉ rõ quá trình phát sinh giáo pháp của Tịnh độ tông và thật ra đã được đức Phật lịch sử Thích-ca trình bày. Tương truyền rằng, hoàng hậu Vi-đề-hi, mẹ của vua A-xà-thế, bị con mình bắt hạ ngục cùng với chồng là vua Tần-bà-sa-la (sa., pi. bimbisāra). Bà nhất tâm cầu nguyện Phật và khi Phật hiện đến, bà xin tái sinh nơi một cõi yên lành hạnh phúc. Phật dùng thần lực cho bà thấy mọi thế giới tịnh độ, cuối cùng bà chọn cõi Cực lạc của A-di-đà. Phật

dạy cho bà phép thiên định để được tái sinh nơi cõi đó. Phép thiên định này gồm 16 phép quán tưởng, và tùy theo nghiệp lực của chúng sinh, các phép này có thể giúp tái sinh vào một trong chín cấp bậc của Tịnh độ.

Mười sáu phép quán tưởng đó là: quán mặt trời lặn; quán nước; quán đáy sông; quán cây cối; quán nước cam lộ; quán thể giới thực vật; quán nước và đáy nước; quán toà sen; quán ba bảo thân của ba vị thánh A-di-đà, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí; quán ba ứng thân của Phật A-di-đà; của Quán Thế Âm; của Đại Thế Chí; quán A-di-đà trong Tịnh độ; quán ba vị thánh trong Tịnh độ; quán cấp thượng căn trong Tịnh độ; quán cấp trung căn và hạ căn trong Tịnh độ. Các phép quán này giúp hành giả có thể thấy được A-di-đà và hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí ngay trong đời này và đó là dấu hiệu chắc chắn hành giả sẽ được tái sinh về Tịnh độ.

Lưu ý: Chúng ta thấy 16 phép quán tưởng ở trên rất lạ lùng, chưa hề biết đến trong Tam Tạng Pāli văn, kể cả những học phái thuộc Đại chúng bộ.

Tình Phụ Tử Thiên Liêng

Sau cuộc chiến thiệt hại thê thảm tại kinh đô Sāvatti, đức vua Pāsenadi không những không hạ nhục mà tỏ thái độ cao đẹp “như là quốc vương với quốc vương” đối với kẻ chiến bại làm cho tân vương Ajātasattu rất cảm kích. Tất cả voi ngựa, giáp bào, đao kiếm, quân nhu, quân dụng... không những được ông vua “cậu” cho trả lại mà còn phụ cấp thêm lương thực, thực phẩm, bạc vàng, châu báu hầu mong trở về tái thiết lại xứ sở sau cuộc can qua đã cạn kiệt tất cả tiềm lực. Đất Kāsi cũng được đức vua Kosala trả lại để cho Rājagaha thu thuế, phụ thêm thu nhập hằng năm. Cô công chúa Vajirī cung yêu, đức vua cũng gả cho Ajātasattu làm sự kết nối thân tộc lâu dài! Đức vua còn khuyên cháu tránh xa, loại bỏ dần bọn quan tham, cúi luôn, dua nịnh, biết gần gũi người trí tài và hiền đức. Ông vua cậu còn nói cái tội giết cha là đại bất hiếu, là đại nghịch bất đạo - thế gian nguyên rủa; nhưng chuyện đã rồi, hãy thành tâm cải sửa, lo chăm sóc mẹ cho chu đáo, hiếu thuận với mẹ để chuộc lại một phần nào lỗi lầm trong quá khứ.

Trở về lại cung điện, suốt mấy ngày đức vua Ajātasattu không tiếp ai, không lâm triều, đóng cửa cung, chỉ muốn cô độc với riêng mình. Sau đó mấy hôm thì tâm tánh của

Ajātasattu hoàn toàn thay đổi. Việc đầu tiên, đức vua đi tìm thái hậu, ôm chầm bà rồi khóc ròng rã, lấp bắp, lấp bắp nhiều lần: “Xin mẹ tha thứ cái tội bất hiếu của con!” Thái hậu Videhi cảm nhận những giọt nước mắt chân thật của con, nhưng bà cũng ghen ngào không nói được...

Từ hôm đó, Ajātasattu luôn để ý chăm lo cái ăn, cái ngủ và hằng sai thần y Jīvaka thang thuốc cho thái hậu. Nhờ được đức Phật giáo giới, nhờ đứa con ngộ nghịch đã thay tâm đổi tánh, nhờ sầu buồn đã được nguôi khuây, và cũng nhờ những thang thuốc đúng căn đúng bệnh của thần y nên không bao lâu sau, thái hậu hoàn toàn bình phục, sức khỏe trở nên Khang kiện. Thế là nơi này sóng gió không còn nữa, một làn khí thanh bình và mát mẻ như tràn ngập cả cung điện, cảnh và người.

Thỉnh thoảng, đức vua Ajātasattu bỏ hậu, bỏ phi, bỏ cung nga thể nữ để dùng cơm với mẹ cùng tiểu thái tử Udāyibhadda (Udāyibhaddaka)⁽¹⁾ như là với những người thân nhất còn lại trong gia đình. Trẻ Udāyibhadda rất cứng đầu, hoang nghịch, nhưng do được Ajātasattu nuông chiều nên nó lại càng trở tính, trở nét, đôi khi lì lợm, khó dạy bảo, không biết nghe lời bất cứ ai!

Hôm nọ, thái hậu nói:

- Con đừng nên cưng chiều tiểu thái tử quá đáng như vậy! Nó sẽ hư đấy!

- Vì con thương yêu nó quá, thừa mẹ!

- Thương thì có nhiều kiểu thương kia mà!

- Con không hiểu!

Đôi mắt thái hậu chột xa xăm:

- Tiên đế thương yêu con kiểu khác, con có biết không! Mẹ nghĩ, trên đời này, khó có ai thương yêu con bằng phụ hoàng của con!

⁽¹⁾ Xem Dictionary of Pāli proper names - quyển 1, trang 374.

Đức vua Ajātasattu chột động lòng, trái tim như bị chùng xuống, một vết thương đầu đó chột thốn đau, nhức buốt...

- Mẹ hãy kể cho con nghe đi!

Thái hậu liền nói:

- Khi mẹ đang mang thai con - bỗng dung có một thèm muốn rất lạ lùng, là muốn uống máu phụ hoàng con! Sự thèm muốn này càng ngày càng mãnh liệt mà không được đáp ứng, thỏa mãn nên mẹ càng ngày càng xanh xao, vàng vố. Phụ hoàng con ân cần săn sóc, han hỏi, cố tìm hiểu nguồn cơn, nhưng mẹ nào có dám nói! Hôm ấy, phụ hoàng con cầm dao gọt trái cây cho mẹ ăn, vô tình, lưỡi dao cắt xâm phạm vào ngón tay nên máu chảy đầm đề. Thấy vậy, mẹ cầm ngón tay máu của phụ hoàng con mà nuốt lấy nuốt để rất là say mê! Từ đó, mẹ bắt đầu ăn được, ngủ được, thần sắc trở lại như xưa. Sau đó, phụ hoàng con thắc mắc, mẹ mới kể thật - kể thật cái chuyện thèm máu ấy! Một số quan đại thần chiêm tinh nghe được chuyện ấy, khuyên phụ hoàng con nên phá bỏ (thai nhi là con) khi đang còn trong thai bào, nếu không, sau này, nó sẽ “uống máu” của đức vua cách này hay cách khác, là đại họa cho vương triều đó! Phụ hoàng con khẳng khẳng không chịu, nói rằng: “Dầu sao thì nó đã hình thành một sự sống. Ta là đệ tử của đức Thế Tôn, ta không thể nào tước đoạt mạng sống của chúng sanh!” Ngay chính mẹ, mẹ cũng thấy đây là hiểm họa mai này cho phụ vương con, mong phụ vương con quyết định, nhưng phụ vương con nói rằng: “Nếu ta đã gây nhân nào đó trong quá khứ thì ta phải chịu trả quả, chứ trẻ trong thai bào kia, nó đã có tội tình gì!”

Nghe kể lại chuyện xưa, đức vua Ajātasattu gục khóc nức nở!

- Còn nữa, con có biết không! Bà Videhi kể tiếp – Khi con mới chừng ba, bốn tuổi, trên ngón tay trở của con có

một mụn nhọt, mưng mủ, sưng tấy lên, rất đau, nên con khóc hoài, khóc hủ, khóc ngày, khóc đêm. Phụ hoàng con thương con quá nên bế lên đùi, hôn hít, nựng nịu, lấy miệng thổi nhẹ nhẹ lên vết thương... Thấy con nín khóc, phụ hoàng con bèn dùng miệng ngậm ngón tay của con, vừa ngậm vừa hít hà nhẹ nhẹ - thì quả nhiên, nhìn sắc mặt của con thì biết sự đau nhức đã đỡ đi nhiều. Thế rồi, phụ hoàng con không dám bỏ miệng ra khi con đang thiu thiu ngủ. Do hơi ẩm ngậm mụn nhọt lâu, cái nhọt vỡ, máu và mủ chảy ra. Phụ hoàng con sợ con tỉnh giấc, ông nuốt luôn cả máu và mủ độc ấy vào bụng mà không nhờm gớm chút nào!

Thái hậu Videhi kể đến ngang đây thì đức vua quăng chén bát, hồi hả đứng bật dậy, chạy lao ra khỏi phòng, tiếng nói vọng lại: “Mẹ đừng kể nữa, mẹ đừng kể nữa, con chịu hết nỗi rồi!”

Thần y Jīvaka chứng kiến câu chuyện của hai mẹ con từ đầu chí đuôi, ông thở dài: “Nếu Ajātasattu nghe được chuyện này sớm hơn, thì cái ‘quả nghiệp’ của tiên hoàng chắc sẽ xảy ra cách khác chẳng? Ôi! Người ta nói rằng tình mẫu tử thiêng liêng, mà ở đây, tình phụ tử cũng thiêng liêng nào có khác gì!”

Cái Gốc Của Ghẻ Lỗ, Mụn Nhọt

Do hối hận, do ăn năn, do ray rứt, sau một đêm trần trọc không yên, không ngủ được, sáng ngày đức vua Ajātasattu nổi ghẻ lở, mụn nhọt cả hạ phần, lưng, bụng và cổ, vừa ngứa ngáy, vừa đau nhức rất khó chịu.

Thần y Jīvaka được triệu đến.

Sau khi xem bệnh, ông nói:

- Đây chỉ là cái bệnh ngoài da, sẽ có thuốc để chữa trị. Hạ thần sẽ đặc chế một loại thuốc bột, bôi xoa lên vài lần thì nó sẽ lành, xin đại vương an tâm.

Quả đúng như vậy, mấy hôm sau là da dẻ đức vua trở lại bình thường, ông vui mừng nói:

- Cảm ơn ông nhiều lắm! Quả là thần y! Quả là danh bất hư truyền!

Thần y Jīvaka không tỏ vẻ vui mừng, lại cất giọng có vẻ lo ngại:

- Tuy đã lành bệnh, lành cái bệnh ngoài da nhưng cái gốc bệnh bên trong vẫn còn, đại vương chớ vội lạc quan, xem chừng nó sẽ còn tái phát đấy!

- Ta chưa hiểu!

Thần y Jīvaka gật đầu:

- Phải! Đại vương chưa hiểu mà đa phần mọi người cũng không ai hiểu. Trên thế gian này, chỉ có đức Toàn Giác mới biết rõ, thấy rõ cả gốc lẫn ngọn!

Thờ người, đăm chiêu giây lát, đức vua nói:

- Ông là thầy thuốc giỏi đệ nhất thiên hạ, ông chữa được ngoài da thì chắc ông có cách chữa trị tận gốc chứ?

- Hạ thần chỉ biết chút ít!

- Vậy ông hãy nói rõ cái gốc ấy cho ta nghe!

- Đây là “cái tâm”, tâu đại vương!

- Ta vẫn chưa hiểu!

- Tâu đại vương! Cái thân nó chỉ là một cỗ máy, còn vận hành cái cỗ máy ấy là do ý chí, do tư tưởng, tức là do cái tâm quyết định. Tâm an thì thân an. Tâm mát mẻ, vô bệnh thì thân sẽ mát mẻ, vô bệnh. Tâm là chủ. Tâm tạo tác nên tất cả. Nếu đại vương giữ được cái tâm vắng lặng, an bình, hơi thở điều hòa, nhịp tim điều hòa thì khí huyết sẽ điều hòa. Khi mà khí huyết điều hòa thì các sinh thể vi bào sẽ không bị nhiễm độc. Và khi máu huyết trong lành, các sinh thể vi bào trong lành thì thân hoàn toàn vô bệnh!

Đức vua Ajātasattu nhíu mày:

- Ta hiểu còn rất mơ hồ! Ông cũng chưa nói ra cái gốc? Cái gốc sanh ghẻ lở, mụn nhọt?

- Tâu đại vương! Khi khí huyết và các sinh thể vi bào bị nhiễm độc thì nó sẽ phát sanh ghẻ lở, mụn nhọt lên thân!

Đức vua lại cau mày:

- Vậy cái gì làm cho khí huyết và các sinh thể vi bào bị nhiễm độc?

- Xin đại vương tha tội! Hạ thần chỉ hiểu ngang đó thôi, chỉ nên nói ngang đó thôi!

Đức vua Ajātasattu chột như với niềm vui vỡ òa trong lòng, đứng bật dậy, cất tiếng cười ha hả, hào sảng rất ít nghe, rất ít thấy:

- Ông giỏi lắm! Ông khôn lắm! Ông kín đáo và tế nhị lắm! Ông bắt ta suy nghĩ để tìm ra cái gốc, còn ông thì không chịu nói. Ông sợ ta nổi giận. Không sao đâu. Ta hiểu rồi! Sở dĩ máu huyết, vi thể tế bào bị nhiễm độc là do tâm sân. Sân là lửa, là độc chất. Những trạng thái ray rứt, ăn năn, hối hận, sầu buồn, ưu lự, chán nản - gốc của tâm sân - lâu ngày làm máu huyết bị nhiễm độc nên sinh ra ghẻ lở, mụn nhọt. Ta hiểu rồi.

Thần y Jīvaka quỳ sụp xuống:

- Cảm ơn đại vương! Đại vương là bậc trí tuệ! Đại vương đã tự chữa trị cái gốc bệnh cho mình được rồi!

Đêm Thanh, Trăng Sáng

Hôm ấy, do chữ hiếu đã tạm thời khuây khỏa, do mụn ghẻ ngứa ngứa không còn nữa nên đức vua Ajātasattu thấy thân tâm thư thái vô cùng. Tại ngự viên, ông ngồi yên, lặng lẽ thọ hưởng một niềm an lạc nhẹ nhàng ít có trong đời. Đêm nay là đêm trăng thanh, gió mát, đúng tháng Hoa Súng (Komudi) nên trời đất êm dịu lạ thường. Ông chợt nghĩ đến đức Phật và giáo pháp của ngài. Không biết pháp và luật ấy có sự nhiệm mầu nào mà “hóa sanh” được hai vị đế vương Pāsenadi và Bimbisāra quy đầu, phục thiện, cung kính hết mực mà chăm lo cho Tam Bảo cũng hết mực. Cả hai vị đại hoàng hậu Mallikā và Videhi, mẹ ta, cũng thế! Cả cái ông thần y cũng được hóa sanh từ “cái lò” ấy nữa!

Vậy thì chỉ có đức Thế Tôn và giáo pháp của ngài là đáng nói; còn trên thế gian này, các giáo phái chủ, giáo phái sư, ai kiến thức cũng hủ lậu, nông cạn, phù phiếm... đến đáng tức cười, đáng giận!

Lát sau, một số đại thần thân tín cũng đến vườn ngự để uống rượu bỏ và thưởng trăng cùng đức vua, ông ước hỏi:

- Xem nào, tại kinh đô Rājagaha này, vị giáo chủ nào đáng để cho ta đi đến để chiêm bái, cúng dường và nghe pháp, các vị có biết không?

- Tâu đại vương! Một vị nói - Có Pūraṇa Kassapa là vị hội chủ, là vị giáo trưởng, là vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng; là khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong đại vương đến chiêm bái Pūraṇa Kassapa này. Chiêm bái vị ấy có thể khiến tâm đại vương được tịnh tín.⁽¹⁾

Do đức vua đã biết về cái vị giáo chủ ấy nên ông không nói gì, vị quan khác lại giới thiệu Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambalī... Khi đức vua cũng im lặng thì lần lượt các vị giáo chủ khác như Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭha Nātaputta, Sañjaya Belatṭhiputta lại được nêu danh nhưng ông cũng không trả lời.

Thấy thần y Jīvaka ngồi ở đằng xa, có vẻ cô độc, đức vua cất tiếng hỏi:

- Còn ông, Jīvaka, sao lại yên lặng như vậy?

- Tâu đại vương! Hiện tại, ở vườn xoài của hạ thần, có đức Thế Tôn và một ngàn hai trăm vị tỳ-khưu đang tịnh cư. Đây mới chính thực là vị đại sư vương trên đời này. Đây mới chính thực là bậc toàn thiện trên đời này. Đây mới chính thực là bậc đại giác trên đời này. Đây mới chính thực là bậc thầy của chư thiên và nhân loại. Đây mới chính thực là người đáng để cho đại vương đi đến để chiêm bái, cúng dường và nghe pháp! Sau khi nghe pháp rồi, chắc hẳn đại vương sẽ sanh tâm tịnh tín!

Thấy Jīvaka nói đúng ý mình, đức vua hồ hởi bảo quan hầu sai lính cho thặng con vương tượng, cùng một số quan lại, thị nữ, tùy tùng cầm đuốc sáng trưng, lên voi và ngựa khởi hành.

Đến vườn xoài của thần y Jīvaka thì trăng lên đã cao, sáng vàng vạc. Đêm như đang ngủ yên mà cả con đường,

⁽¹⁾ Kinh sa-môn quả - Trung bộ.

rừng cây trâm mặc cũng như đang ngủ yên. Đến chỗ voi và ngựa không còn đi được, vua và phái đoàn đồng xuống đi bộ. Gần đến cổng vườn xoài thì đức vua chột rợn tóc gáy, sợ hãi, lông tóc dựng ngược, bước thối lui rồi nói rằng:

- Này Jīvaka! Ông phản ta chăng? Ông lường gạt ta chăng? Ông muốn nạp ta cho kẻ thù chăng? Tại sao trong một đại chúng lớn, theo lời ông nói là một nghìn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đặng háng, không có một tiếng ho, không một tiếng ồn?

Jīvaka đáp:

- Tâu đại vương! Đức Thế Tôn và đại chúng tỳ-khưu khi nghỉ ngơi, tinh dưỡng thì hăng yên lặng như một rừng đại định. Đại vương hãy bước tới, hãy đi thẳng tới. Tại chỗ có căn nhà tròn, có những ngọn đèn sáng, đức Thế Tôn đang ở đây, và có lẽ cũng đang cố ý chờ đợi đại vương.

Đến nơi, nhìn vào bên trong, quả là đức Phật đang ngồi quay mặt về hướng nam, doanh vây xung quanh là một số các vị trưởng lão. Thấy đâu đâu cũng yên lặng như tờ, yên lặng như mặt nước hồ thu không gợn sóng, tức cảnh, so sánh với tâm tánh hiếu động không yên của đứa con cung, đức vua Ajātasattu nói nhỏ nhỏ trong tâm mình rằng:

“- Mong rằng, tiểu thái tử Udāyibhadda, con ta, cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của các vị tỳ-khưu này vậy!”

Đức Phật chột mỉm cười, hỏi mà như đã trả lời:

- Hình như tâm trí của đại vương hiện đang vương nặng về tình thương thì phải?

Chột dạ vì thấy đức Phật biết được cả ý nghĩ của mình, đức vua đành phải thú nhận:

- Quả vậy, bạch Thế Tôn! Con thương tiểu thái tử Udāyibhadda rất nhiều! Con ao ước nó có được một phần nào sự trầm lặng như sự trầm lặng của đại chúng tỳ-khưu tại khu vườn xoài này!

Nói xong, đức vua lễ phép xá chào, lựa tìm một chỗ ngồi phải lẽ.

Đức Phật mở lời:

- Đường xá xa xôi, đêm hôm khuya khoắt, chắc hẳn trong tâm tư của đại vương có điều gì khúc mắc mới chịu khó tìm đến vườn rừng hẻo lánh này?

- Phải vậy, bạch Thế Tôn! Có một câu hỏi mà con đã đi hỏi nhiều nơi vẫn chưa được thỏa mãn. Hôm nay đêm thanh, trăng tỏ, không khí mát lành, con đến đây chỉ mong được trí tuệ của Thế Tôn soi sáng cho!

- Lành thay! Đại vương cứ hỏi.

- Thừa vâng! Con đi thẳng vào vấn đề đây. Cũng như các công nghệ, các nghề nghiệp, những công việc đa dạng trong thế gian này: Ví như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, quân thuật sư, quân kỳ binh, nguyên súy, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, đồng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, giới nô lệ, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tẩm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rỏ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, chúng hưởng được kết quả thiết thực hiện tại từ công việc của chúng. Nhờ thâm hái được kết quả của các công việc, chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho sa-môn, bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn! Ngài có thể chỉ cho con biết kết quả thiết thực, hiện tại của hạnh sa-môn chăng? Nói cách khác, trên đời này, việc làm của mọi người, đâu đâu, ai ai cũng nhằm đạt đến những kết quả thiết thực trong hiện tại – còn

hạnh sa-môn của Thế Tôn cùng đại chúng tỳ-khuru – thì sự thâm hải thiết thực, cụ thể ấy là như thế nào?

- Câu hỏi hay lắm! Đức Phật khen ngợi rồi nói – Tuy nhiên, câu hỏi ấy, trước đây, có ai đã trả lời cho đại vương hay chưa? Nếu không trở ngại gì, thì đại vương có thể cho Như Lai biết với không?

- Không, không trở ngại. Độ ấy, câu hỏi ấy được hỏi với giáo chủ Pūraṇa Kassapa nhưng ông ta tránh né, tránh né bằng cách con hỏi một đường thì ông ta trả lời một nẻo. Con còn nhớ rõ như sau:

“- Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía bắc sông Hằng bỏ thí, khiến người bỏ thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo”.

Bạch Thế Tôn! Thế đấy! Khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh sa-môn, thì vị giáo chủ Pūraṇa Kassapa lại trả lời với thuyết “vô nghiệp”. Thuyết vô nghiệp là tung bóng tối, u mê và phi đạo đức cho cuộc đời, con chưa hỏi tội. Ở đây, cái cách trả lời lại còn như, hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài! Con tự nghĩ: “Thôi! Bỏ qua đi! Ta kế thừa chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng của phụ vương ta – thì làm

sao ta lại có thể làm cho một vị sa-môn hay bà-la-môn ở trong nước ta không được vui lòng?” Vì vậy, bạch Thế Tôn! Con không tán thán, cũng không cất nạn lời nói của ông ta. Không tán thán, không cất nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng như không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

- Hay lắm! Đức Phật lại tán thán – Thái độ của đại vương rất chín chắn, là thái độ của bậc trí!

- Con không dám!

- Thế còn vị giáo chủ khác, họ trả lời ra sao cũng một câu hỏi ấy?

- Bạch Thế Tôn! Tiếp đến là giáo chủ Makkhali Gosāla, ông ta đã trả lời: “Này đại vương! Không có nhơn, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhơn, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhơn, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhơn, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có tự tác, không có tha tác, không có nhơn tác, không có lực, không có tinh tấn, không có nhơn lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả sanh vật, tất cả sinh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Chúng bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của chúng, bởi cá tánh của chúng. Chúng hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu loại thác sanh của chúng. Có tất cả là một triệu bốn trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thể sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa. Có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp theo năm căn, lại có ba nghiệp (về thân, khẩu, ý), lại có toàn nghiệp (thân và khẩu) và bán nghiệp (ý), có sáu mươi hai đạo, sáu mươi hai trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa, bốn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành, bốn ngàn chín trăm chỗ ở của loài Nāgā, hai nghìn căn, ba nghìn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trần giới, bảy tướng thai, bảy vô tướng thai, bảy tiết thai (sanh từ

đốt), bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quỷ, bảy hồ nước, bảy pavutas (rừng hay hồ nhỏ) bảy trăm pavutas, bảy vực thăm, bảy trăm papatas (vực thăm), bảy mộng, bảy trăm mộng, có tám trăm bốn mươi vạn đại kiếp, trong thời gian ấy kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: Với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thực bởi những nhân thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn. Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau”.

Bạch Thế Tôn! Thế đấy! Ông ta đã thao thao bất tuyệt cái gì đâu không, con nghe lòng bùng cả lỗ tai. Nhưng rút lại, con cũng nắm bắt được cái thuyết “luân hồi tịnh hóa” của ông ta, chỉ có người không biết nhận thức, không có đầu óc hay là kẻ tâm thần mới chạy theo cái tư tưởng với cái đám rừng hỗn mang ấy! Cuối cùng, con cũng lạng lẽ bỏ về như trường hợp ông giáo chủ thứ nhất.

Rồi lần lượt, đức vua kể về câu trả lời của giáo chủ Pakudha Kaccāyana, ông này lại rơi vào thuyết “hư vô đoạn diệt kiến”. Ông ta say sưa giảng: “Có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động không chuyển biến, không xâm lãng nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau hoặc cả khổ và lạc. Bảy thân ấy là gì? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động không chuyển biến, không

xâm lăng, chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây không có người giết hại, hoặc có người bị giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biết. Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tức đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi”.

Bạch thế Tôn! Cái đoạn diệt kiến của ông ta tương đồng với bọn hư vô duy vật luận thô thiển làm cho bậc trí phải chau mày, thở dài, thế mà chúng huyền thuyên giảng nói từ nơi này sang nơi khác. Con rất giận nhưng mà cũng phải bỏ qua, nhẫn xả nó đi.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Giáo chủ Nigantha Nātaputta lại nói về bốn loại cấm giới: “Một người nigantha (ni-kiền-tử) sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Thứ nhất, là sống gìn giữ đối với tất cả loại nước. Thứ hai, là sống gìn giữ đối với mọi ác pháp. Thứ ba, là sống tẩy sạch tất cả ác pháp. Thứ tư, là sống với ý chí gìn giữ đối với tất cả ác pháp. Vì một nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới, nên vị ấy được gọi là gotatto (một vị đã đi đến đích), yatatto (một vị đã điều phục tự tâm) và thitatto (một vị đã an trú được tự tâm)”.

Bạch Thế Tôn! Bốn loại cấm giới nghe thì lọt tai, có đạo đức, có tu tập nhưng sống gìn giữ các loại nước là sao? Đâu cũng có sanh mạng của chúng sanh cả, trong nước, trong đất, trong không khí, trong cây cỏ... thì phải gìn giữ như thế nào, không nghe nói tới? Còn ba điều sau nó chỉ là một thôi! Giới bôn gì mà nghèo nàn đến như vậy?

Còn giáo chủ Sañjaya Belatthiputta thì say sưa về “ngụy biện luận” của mình. Ví dụ có người hỏi: “Có một thế giới khác hay không?” Thế là ông ta và đệ tử của ông ta sẽ trả lời loanh quanh luẩn quẩn, không xác định, không phủ nhận, trườn tới trườn lui, bò qua bò lại nơi bốn phạm trù: “Có,

không, vừa có vừa không, không có không không” rất bực mình, rất khó chịu.

Khi được hỏi: “Có loại hữu tình hóa sanh không?” thì cũng bốn phạm trù kia mà nói như con vẹt. Với câu hỏi: “Có kết quả dị thực của các nghiệp thiện ác hay không” – thì cũng y như vậy...

Kê đến ngang đây, đức vua thở dài:

- Con đã ớn đến tận cổ tất cả lý thuyết, tư tưởng của họ, bạch Thế Tôn! Nên hôm nay, con đến đây chỉ muốn nghe cái lợi ích thiết thực hiện tại của sa môn hạnh mà thôi!

- Hay lắm! Vậy Đại vương hãy khéo chú tâm, Như Lai sẽ nói đây.

- Thưa vâng!

Rồi đức Phật thuyết:

- Đại vương nghĩ sao trong trường hợp như thế này? Nếu đại vương có một người nô bộc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt của đại vương. Người ấy nghĩ: “Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thực của các công đức. Đức vua Ajātasattu, con bà Videhi, nước Māgadha, là người, tôi đây cũng là người. Vị vua Ajātasattu ấy sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thân; còn tôi sao lại sống trong cảnh bần cùng, khốn khổ, thân phận nô lệ há không giống như con ngựa quý tìm kiếm thức ăn trong đồng rác hay sao? Vậy ta hãy làm các công đức để thay đổi thân phận! Ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống đời xuất gia phạm hạnh”. Và người nô lệ ấy, một thời gian sau, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, sống trong giáo đoàn của Như Lai. Sau khi xuất gia, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỉ sống an tịnh. Có người đi ra ngoài, trở lại hoàng cung, biết người ấy, việc ấy, về kể lại

cho đại vương nghe. Trong trường hợp ấy, đại vương có kêu gọi người ấy trở lại mà nói rằng: “Này, tên nô bộc! Hãy trở lại đây với ta, làm mọi công việc tay chân để hầu hạ ta như trước đây ngươi đã làm?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Con sẽ không nói vậy, sẽ không làm như vậy?

- Thế đại vương đòi xử ra sao?

- Bạch Thế Tôn! Tôn trọng, cung kính, cúng dường sa-môn, đạo sĩ là pháp truyền thống của vương triều, cho nên con sẽ kính lễ người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các vật dụng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh và con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu – Như Lai biết là đại vương Ajātasattu, con bà Videhi, nước Māgadha sẽ làm như thế. Và như vậy, đại vương nghĩ thế nào, đó có phải là kết quả thiết thực hiện tại của sa-môn hạnh?

- Đúng vậy! Đức vua mỉm cười – Không có gì rõ ràng hơn thế nữa. Rồi ông tiếp – Có thể có kết quả thiết thực hiện tại nào khác, cũng cụ thể như vậy nữa không, bạch Thế Tôn!

- Này đại vương, có thể được. Đại vương nghĩ sao? Nếu đại vương có một người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ. Người ấy nghĩ đến thân phận hèn mọn của mình khi so sánh với ngũ dục công đức tối thượng của đại vương – nên y đã xuất gia. Và khi y đã xuất gia, sống đời không gia đình, tri túc trong tứ sự, tinh cần sa-môn hạnh – thì đại vương cũng sẽ đối xử phải phép như đối với người nô bộc ở trên?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

- Và đó có phải là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn chăng?

- Thưa vâng! Im lặng giây lát, đức vua hỏi tiếp - Có thể Thế Tôn cho biết thêm một kết quả thiết thực hiện tại khác

nữa, vi diệu hơn, thù thắng hơn những kết quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn vừa kể trên?

- Nay đại vương, có thể được! Hãy lắng tai nghe và khéo hướng tâm, tác ý, Như Lai sẽ giảng.

- Thừa vâng!

- Nay đại vương! Nay ở đời, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với thiên giới, ma giới, phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với sa-môn, bà-la-môn, thiên nhơn, lại tuyên thuyết điều Như Lai đã chứng ngộ. Như Lai thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Thế rồi, người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hoặc một người sanh ở giai cấp hạ tiện nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: “Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường thế gian đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình”. Một thời gian sau, người ấy từ bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, từ bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn pātimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh. Sanh hoạt trong sạch giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc.

Đại vương! Thế nào là tỳ-khưu giới hạnh cụ túc? Ở đây, vị tỳ-khưu từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Tỳ-khưu từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại lời hứa đối với đời.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy tỳ-khưu ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm. Từ bỏ ăn phi thời. Từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch. Từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Từ bỏ nhận vàng và bạc. Từ bỏ nhận các hạt sống. Từ bỏ nhận thịt sống. Từ bỏ nhận đàn bà con gái. Từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Từ bỏ nhận cừu và dê. Từ bỏ nhận gia cầm và heo. Từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai. Từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Từ bỏ buôn bán. Từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn làm hại các hạt giống và cây cối như hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ nhánh cây sanh, hạt giống từ đốt cây sanh, hạt giống từ chiết cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh.

Còn vị ấy thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị.

Còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu,

đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh.

Còn vị ấy thì từ bỏ các du hí không chơn chánh như trên.
Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí. Như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đồng thẻ, chơi xúc xắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu.

Còn vị ấy thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên.
Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghé bành, trường kỷ, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm khảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, mền voi, mền ngựa, mền xe, mền bằng da sơn dương khâu lại với nhau, mền bằng da con sơn dương khâu lại gọi là kadali, tấm thảm với lều che phía trên, ghé dài có gối đầu, gối chân màu đỏ.

Còn vị ấy thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay

chân cho mềm dẻo, gương kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, guơm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phát trần, vải trắng có viền tua dài.

Còn vị ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên.

Như vậy là giới hạn của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống nói những câu chuyện vô ích tầm thường như câu chuyện nói về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện nghe đến hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu.

Còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tầm phào kể trên.

Như vậy là giới hạn của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn bàn luận tranh chấp như nói: Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi nói mới thật đúng chánh kiến. Lời tôi nói mới tương ưng, lời nói của người không tương ưng. Những điều đáng nói trước, người lại nói sau. Những điều

đáng nói sau, người lại nói trước. Chủ kiến của người đã bị bài bác, câu nói của người đã bị thách đấu. Người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy. Nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí.

Còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp kể trên.

Như vậy là giới hạn của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị sát-đế-ly, cho các vị bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia.

Còn vị ấy thì từ bỏ đưa các tin tức và đứng làm môi giới.

Như vậy là giới hạn của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, gièm pha, cầu lợi.

Còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh như trên.

Như vậy là giới hạn của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muông, dùng miệng phun hạt cải... vào lửa, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tế thực tô, tế máu, khoa xem chi tiết thân thể, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu quỷ ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngửa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim.

Còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh kể trên.

Như vậy là giới hạn của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gương kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật.

Còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lùi quân, vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái, vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự bại trận cho phe bên kia.

Còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi có một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: Sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực, mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động, sẽ có sấm trời, mặt trăng mặt trời các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các

tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời các sao mọc lặn sáng mờ sẽ có kết quả như thế này.

Còn vị ấy thì tránh xa không tự nuôi sống bằng tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạn của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng, như đoán trước: Sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ bị hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình.

Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạn của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rẻ về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay rẻ, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm công lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, câu Siri thần tài.

Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạn của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc, mổ xẻ chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc.

Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Và như vậy, đại vương! Vị tỳ-khưu ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Như một vị sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này đại vương! Tỳ-khưu ấy nhờ đầy đủ giới luật, nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không vẫn đục.

Như vậy, này đại vương! Ấy là tỳ-khưu đầy đủ giới luật.

Còn thế nào là tỳ-khưu hộ trì các căn? Này đại vương! Khi mắt thấy sắc, tỳ-khưu không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, tỳ-khưu tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được

ché ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, tỳ-khuru chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không vẩn đục.

Như vậy là tỳ-khuru hộ trì các căn.

Đại vương! Thế nào là tỳ-khuru chánh niệm, tỉnh giác? Ở đây, tỳ-khuru khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Như vậy là vị tỳ-khuru chánh niệm, tỉnh giác.

Thế nào là tỳ-khuru biết đủ? Ở đây tỳ-khuru bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo y và bình bát. Đại vương! cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, vị tỳ-khuru bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo.

Như vậy là vị tỳ-khuru sống đời biết đủ.

Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm, thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm và thụy miên; với tâm tưởng

hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm, thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Này đại vương! Như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ con. Người ấy nghĩ: Ta trước kia mắc công, mắc nợ, khốn khổ, lo nghĩ trăm bề, nay nhờ nghề nghiệp được phát đạt, không những đã trả được nợ nần, cất gánh nặng trên vai xuống, mà lại còn dư dả để nuôi dưỡng vợ con.

Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Này đại vương! Như một người bị bệnh, đau đớn trầm kha, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm kha, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục.

Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Này đại vương! Như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn.

Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Này đại vương! Như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Nay ta

thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người được giải thoát, được tự do đi lại.

Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Này đại vương! Như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm.

Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Như vậy, này đại vương! Tỳ-khưu tự mình quán năm triền cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường sa mạc. Này đại vương! Cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn.

Như vậy là vị tỳ-khưu quán năm triền cái khi đã diệt trừ chúng.

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỳ-khưu ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ. Tỳ-khưu thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này đại vương! Tỳ-khưu thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung

mãn, tràn đầy thân hình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Còn nữa, này đại vương! Tỳ-khưu ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; tỳ-khưu ấy thấm nhuần, tầm ướt làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Ví như một hồ nước, nước tự trong dâng lên, phương đông không có lỗ nước chảy ra, phương tây không có lỗ nước chảy ra, phương bắc không có lỗ nước chảy ra, phương nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tầm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này đại vương! Tỳ-khưu thấm nhuần tầm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân, không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Còn nữa, này đại vương! Tỳ-khưu ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú thiền thứ ba. Tỳ-khưu thấm nhuần, tầm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân, không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tâm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này đại vương! Tỳ-khưu thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Còn nữa, này đại vương! Tỳ-khưu xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú vào thiên thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỳ-khưu ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy bao bọc. Cũng vậy, này đại vương! Tỳ-khưu thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại

thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

Này đại vương! Ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không ố trọc, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi dây được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy: Hòn lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không ố trọc, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi dây này được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị tỳ-khuru dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt. Trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực, hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu và thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khuru chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này đại vương! Ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ. Người ấy nghĩ: Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra. Này đại vương! Ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao

kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Này đại vương! Ví như một người lột xác một con rắn. Người ấy nghĩ: Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra. Cũng vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, từ-khuru dẫn tâm, hướng tâm đến sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vì ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, từ-khuru dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vì ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi phạm thiên.

Này đại vương! Ví như một người thợ gốm khéo tay, hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này đại vương! Ví như một người thợ ngà khéo tay, hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo dũa có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Này đại vương! Ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm,

không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khuru dẫn tâm hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trời lên, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như còn chim; với bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi phạm thiên.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khuru dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỳ-khuru với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và người, xa và gần.

Này đại vương! Ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiêng. Người ấy nghĩ: “Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiêng”. Cũng vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khuru dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỳ-khuru với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và người, xa và gần.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản

như vậy, tỳ-khuru dẫn tâm, hướng tâm đến tha tâm thông. Tỳ-khuru sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

Tâm có tham, biết là tâm có tham. Tâm không có tham, biết là tâm không có tham.

Tâm có sân, biết là tâm có sân. Tâm không có sân, biết là tâm không có sân.

Tâm có si, biết là tâm có si. Tâm không có si, biết là tâm không có si.

Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.

Đại hành tâm, biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm, biết không phải là đại hành tâm.

Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng, Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.

Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khuru dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây. Như vậy tỳ-khuru nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này đại vương! Ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta. Như vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra chỗ nọ, tại đây, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây. Như vậy, tỳ-khưu nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến trí huệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của

chúng: Này các hiền giả! Những chúng sanh này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các hiền giả! Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này đại vương! Ví như một tòa lâu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng. Cũng vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khuru dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh.

Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng: Này các hiền giả! Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các hiền giả! Còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không

phỉ báng các bậc thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực, hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khuru dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật “đây là khổ”, biết như thật “đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật “đây là khổ diệt”, biết như thật “đây là con đường đưa đến khổ diệt”, biết như thật “đây là những lậu hoặc”, biết như thật “đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật “đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật “đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”. Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: Ta đã giải thoát. Vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

Này đại vương! Ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ. Cũng vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không

câu niễ, không phiền não, nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khuru dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí ấy như kẻ ở trên. Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Này đại vương! Không có một quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn nào vi diệu và thù thắng hơn quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn này.

Được nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Māgadha bạch Thế Tôn:

- Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y tỳ-khuru Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã hại mạng phụ vương con, một vị vua chơn chánh, hiền thiện để đạt vương quyền. Mong Thế Tôn nhận cho con tội ấy là một tội để con có cơ hội cải hối, ngăn chặn về tương lai.

- Đại vương! Đây thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, đại vương đã hại mạng phụ vương, một vị vua chơn chánh, hiền thiện để đoạt vương quyền. Vì đại vương đã thấy tội ấy là một tội, đã thú tội đúng với chánh

pháp, Như Lai nhận tội ấy cho đại vương. Đó là một sự tiến bộ, này đại vương! Trong pháp và luật của bậc thánh, những ai thấy tội là tội, thú tội đúng với chánh pháp, có cơ hội cải sửa và ngăn chặn ở tương lai.

Được nghe nói vậy, đức vua Ajātasattu xúc động:

- Tri ân đức Thế Tôn! Nay chúng con phải cáo từ, chúng con có nhiều bần phận, nhiều việc phải làm.

- Đại vương hãy làm những gì là phải thời.

Lúc bấy giờ, đức vua Ajātasattu hoan hỷ tán thán lời dạy của đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ rất phải phép, thân phía hữu hướng về ngài rồi từ biệt.

Khi Ajātasattu rời chân đi rồi, đức Phật liền bảo các vị trưởng lão ở xung quanh:

- Ông ta rất ăn năn, rất hối lỗi. Nếu ông ta không hại mạng phụ vương mình - một vị vua chân chánh, hiền thiện - thì ngay tại chỗ ngồi này, ông ta đã chứng được pháp nhãn, mở được cánh cửa đi vào dòng giải thoát.

- Đáng xót thương thay cho ông ta, bạch đức Tôn Sư!

Đây là lời bi thán như làn gió thoảng của tôn giả Ānanda!

Trưởng lão Moggallāna cất giọng lạnh lùng:

- Kiếp trước, vừa mới đây, đức vua Bimbāsāra vay nợ mạng sống của Ajātasattu nên quả báo phải trả, đây là định luật tất nhiên thôi, hiền giả!

Tiến Chư Trưởng Lão Lần Lượt Ra Đi

Sau khi đã “cứu độ” thái hậu Videhi, đức vua Ajātasattu, đặt họ vào miền an ổn, đức Phật và đại chúng tỳ-khuru rời vườn xoài của Jīvaka, xuôi bắc, ghé Trúc Lâm tịnh xá.

Đây là thời gian vào khoảng hạ bốn mươi hai của Thế Tôn. Lúc này, tại Veluvana chỉ còn có hai vị trưởng lão là tôn giả Bhaddiya và Anuruddha được xem như thường trú để hướng dẫn đồ chúng. Vài hôm sau thì từ các vùng ngoại ô, chư tỳ-khuru tăng ni tìm đến để đánh lễ và vấn an sức khỏe đức Phật. Nhìn nhóm hội chúng nào cũng thấy thành phần trung niên và thanh niên do một số cội đại thụ đã thay nhau bật rễ, lìa khỏi rừng tòng mà tịch tịnh Niết-bàn. Hơn mười hôm ở đây, có hai vị sa-môn tướng mạo uy nghiêm, xương kính, ấy là tôn giả Vappa và Assaji, do đã quá già lão, đã hơn trăm tuổi; họ chống chiếc gậy lê, bước đi đã run chân... viếng thăm đức Đạo Sư.

Đức Phật đứng dậy, dìu họ vào ngồi trên nệm cỏ rồi nói:

- Chắc hai vị lại muốn an nghỉ đây mà!

Ngài Vappa nói:

- Xin phép đức Thế Tôn! Đúng vậy! Cái thân tứ đại này nó đã hư mục, không còn dùng được nữa.

Ngài Assaji nói:

- Các hàng hậu học đã như từng, như bách cả rồi.
- Thôi thì hai vị cứ tùy nghi, tùy thời vậy!

Lát sau, đức Phật không đưa tiền nhưng họ đã xá chào ngài rồi mất bóng. Họ đã sử dụng thần thông để lên Hymalaya trong chớp mắt.

Ai cũng biết là tôn giả Koṇḍañña nhập diệt đã lâu, gần hồ Mandākinī trên Tuyết sơn, vậy thì trong nhóm năm vị hiền triết ở Isipatana, Vườn Nai thuở nọ chỉ còn có hai tôn giả Bhaddiya mà Mahānāma⁽¹⁾ thuộc vào hàng đại trưởng lão. Rồi họ cũng sắp từ giả bốn phận của mình.

Hôm kia, đức Phật lại lên đường, có chư tôn giả Mahā-Mogallāna, Ānanda, Upāli và chừng năm trăm vị tỳ-khưu tháp tùng.

Đức Thế Tôn bây giờ đã bảy mươi bảy tuổi, sang xuân thì ngài đã bảy tám, do sức khỏe đã giảm sút nên đại chúng bộ hành rất chậm. Đến bờ nam sông Gaṅgā, đức Phật dừng chân tại Pāṭaligamma mấy hôm rồi mới vượt sông. Thế là hơn một tháng trường, đức Phật và hội chúng mới tới Vesāli, rừng Mahāvana.

Quang cảnh nơi đây cũng có khác xưa vì rừng cây dường như cao dày hơn, rậm rịt hơn. Cũng giống như Trúc Lâm tịnh xá, ở Mahāvana này, nói chung là Vesāli, các bậc lão trưởng tăng ni lần hồi thưa bóng. Tre già thì măng mọc, nên nhìn đâu cũng thấy sinh lực trẻ trung cuộn cuộn trong những vóc dáng, những bước đi của hội chúng tăng ni.

Nghe tin đức Phật về, suốt cả bảy ngày, rừng Mahāvana như lễ hội. Hết vua chúa, tướng quân dòng dõi Licchavi đặt bát cúng dường, lại đến phiên các trưởng giả, các gia chủ. Đức Phật thường tịnh cốc, nghỉ ngơi, việc thuyết pháp cho đại chúng là bốn phận của tôn giả Upāli và Ānanda. Tôn giả

⁽¹⁾ Bhaddiya trùng tên người trong nhóm 5 ông hoàng xuất gia; Mahānāma trùng tên với đức vua Sākya.

Upāli hằng thuyết về luật cho đại chúng tỳ-khuru. Tôn giả Ānanda thì thuyết về kinh pháp cho chư tăng ni trẻ cùng hai hàng cư sĩ áo trắng. Riêng tôn giả Mahā-Moggallāna thì có việc của riêng mình nên trong ba cõi sáu đường, khi cần thiết, có ai đó hữu duyên là ngài có mặt.

Tại hương phòng, đức Phật lại tiếp một vị già nua, gầy guộc, nước da sạm nâu phong trần, ấy là tôn giả Gayā-Kassapa, thờ thần lửa thuở trước tại Uruvelā. Sau khi vấn an sức khỏe Thế Tôn, vị đại trưởng lão này cũng xin được Niết-bàn, vì hai vị huynh đệ Uruvelā-Kassapa và Nadī-Kassapa của ngài nhập diệt cũng đã lâu.

Đức Phật nói:

- Ở Veḷuvana là hai vị lão tăng trượng Vappa và Assaji. Ở Mahāvana này là ông, ai cũng muốn đi trước Như Lai, nhưng Như Lai cũng không còn bao lâu. Chúng ta sắp hết việc làm trên cuộc đời này rồi.

Khi tôn giả Gayā-Kassapa vừa khuất bóng thì tôn giả Ānanda bạch Phật là có chư vị trưởng lão ni Khemā, Uppalavaṇṇā, Dhammadinnā... cùng với chư tỳ-khuru-ni tìm đến. Thấy hội chúng khá đông, đức Phật tiếp họ giữa rừng cây.

Đức Thế Tôn mỉm cười nói:

- Một vị thì đệ nhất trí tuệ, một vị thì đệ nhất thần thông, một vị thì đệ nhất thuyết pháp... không biết Như Lai còn có gì để giáo giới nữa đây?

Một vị nói:

- Mong đức Thế Tôn khang kiện.

Một vị nói:

- Mong đức Thế Tôn vô bệnh – vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Đức Phật trầm ngâm một lát:

- Từ khi trưởng lão ni Gotamī và hội chúng công nương Sākya Niết-bàn, tại Vesāli này dường như cũng còn khá đông chư vị lão ni đó chứ?

Trưởng lão ni Khemā đáp:

- Bạch Thế Tôn! Riêng trưởng lão ni Yasodharā thường ẩn cư trên núi cao, trong động vắng, ít khi lui tới nơi này, nơi kia – nhưng chư vị Paṭācārā - bậc đệ nhất thông luật, Kisā-Gotamī - bậc đệ nhất mặc y thô tháo, Bhadda-Kuṇḍalakesā - bậc đệ nhất thẳng trí nhạy bén - thì ở loanh quanh tại các tiểu bang cộng hòa quanh đây mà thôi!

Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā chợt nói:

- Lão ni Kisā-Gotamī đã Niết-bàn hôm qua rồi, bạch Thế Tôn!

- Đúng vậy - đức Phật gật đầu - vị ấy, qua không gian, đã xin phép Như Lai rồi, cũng như trước đây, tỳ-khuru-ni Ambapālī vậy!

Dường như sau câu nói của đức Phật thì có tiếng gió lạ xạc xào giữa không gian, hay là những hơi thở nhẹ, sự tiếc thương mơ hồ của chư thiên, thọ thần quanh núi rừng Mahāvana – vì càng lúc họ càng thấy thiếu vắng những bóng mát chở che, nương tựa?

Hôm kia, nhân một buổi chiều vắng lặng, có một vị lão ni rất già, dẫn theo chừng mười vị ni đã lớn tuổi đến hầu thăm đức Phật khi ngài đang ngồi trước hương phòng.

Sau khi đánh lễ, vị lão ni nở nụ cười như đóa tuyết sương rồi cất giọng dịu dàng:

- Trông Thế Tôn cũng còn vững chắc như đỉnh núi!

- Lão ni trông cũng rắn rỏi đâu có thua gì!

- Lão ni lại muốn Niết-bàn à?

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Vị ấy là ai? Là ai mà đối thoại với đức Tôn Sư không sử dụng ngôn ngữ khách sáo thường phạm?

Mấy hôm trước, một vị lão ni đã chớm già trông mỏng manh như cành liễu nhưng thần sắc tinh anh, dáng dấp sang trọng, dung nghi cao quý như mệnh phụ với những bước chân vững chãi, thanh thoi đang từ từ theo con đường mòn ruột dê đi dần xuống núi... Đây là trưởng lão ni Yasodharā, năm ấy bà đã bảy mươi bảy tuổi.⁽¹⁾

Mấy năm nay, bà trú ngụ nơi một hang đá đáng yêu có dây leo tua uốn nở những đóa hoa đại thơm hương; có mấy con sóc nâu vằn cắn hạt vui tai; có chú chuột núi thập thò, thập thò nhưng chẳng tìm ra vật gì để mài răng gặm nhấm cho đỡ buồn; có mây gió lang thang sớm, có sương mù lã lã dâng chiều, có trăng khuya thên thên vô ngại tới lui thăm viếng, bầu bạn... Thật là viên mãn thanh tịnh, viên mãn độc cư, viên mãn yêu thương và viên mãn niềm vui siêu thế. Trong không khí, trong cây rừng và cả trong từng tâm niệm, ý nghĩ đều thanh trong, vô nhiễm, không dính một hạt bụi phiền lao vi tế! Tuy nhiên, sáng nay, bà thấy rõ ngọn đèn sinh mệnh sắp cạn dầu, lụn bác. Giờ Niết-bàn đã đến rồi. “Thọ hành” đã đánh trống, đã thổi kèn báo động trong từng tế bào, trong từng vi thể tủy xương. Mặc dầu tử thần không dám ngông nghênh cầm lưỡi hái đến gõ cửa để dọa nạt, khủng bố ai, nhưng bà tự biết là bà sẽ ra đi và tự làm chủ hơi thở cuối cùng, thông tỏ sát-na tâm niệm cuối cùng. Và khi mà thần thức đã tìm chỗ “chẳng bị sanh, chẳng bị diệt” thì ma vương, cả năm loại ma vương kia chẳng thể làm gì được⁽²⁾, chẳng lần ra manh mối của cây đèn tắt, ngọn lửa sẽ đi về đâu!?

Trưởng lão ni Yasodharā nở nụ cười tiêu sái, vô sự rồi tự nghĩ: “Ai rồi cũng vậy thôi. Ta ra đi rồi đức Đạo Sư cũng ra đi. Như Ni trưởng Gotamī đã ra đi hơn mười năm về trước.

⁽¹⁾ Cũng có thể là 78 tuổi.

⁽²⁾ Năm loại ma: Phiền não ma vương, pháp hành ma vương, ngũ uẩn ma vương, tử thần ma vương, chư thiên ma vương.

Giáo hội càng ngày càng trống không. Mang cái thân cát bụi phải trả về cho cát bụi. Ta phải đi xin phép đức Thế Tôn để cho cái thân này được vĩnh viễn yên nghỉ. Ta đã liễu tri trọn vẹn cái trò chơi ảo ảnh, ảo giác của các định luật hữu vi kia rồi. Và cả cái căn nhà bản ngã thường bày đặt nhiều lời, lắm chuyện này nữa!”

Bà lại mỉm cười một lượt nữa, dịu dàng như mảnh trăng buổi sơ thu rồi vừa đi vừa nghĩ tiếp. Từng hình ảnh đứt nối hiện ra.

Đây là thuở đức Phật về thăm quê nhà sau hai năm đắc quả tam minh với hình ảnh ấn tượng nhất là chiếc y vàng sáng và đỉnh đầu như tỏa hào quang của Người. Đây là hình ảnh dễ thương của trẻ Rāhula chạy theo đức Thế Tôn để nương nhờ bóng mát và xin gia tài. Đây là hình ảnh đức Thế Tôn kể lại câu chuyện duyên xưa từ thuở đức Phật Dīpaṅkara, và hình ảnh của chàng đạo sĩ Sumedha trẻ trung và cô gái Sumittā hiền thực cũng sáng ngời trong tâm khảm. Tám đóa hoa sen cũng hiện ra nữa. Ôi! Lạ lùng! Cả hàng trăm kiếp quả địa cầu rồi mà chúng còn hiển hiện như thực như hư!

Còn lời nguyện? Nguyện đi theo Người một cách vô danh như chiếc bóng? Đúng vậy!

Thế rồi, tại Vesālī, sau khi từ giã đức Phật, từ giã tôn giả Moggallāna, tôn giả Ānanda, tôn giả Upālī, từ giã sảnh đường Năm Nóc Nhọn tại rừng Mahāvana, trưởng lão ni Yasodharā trở lại ni viện để an nghỉ Niết-bàn. Bà ta là vị trưởng lão ni thâm lặng, thành đạt trọn vẹn tuệ phân tích, vô ngại giải nhưng ít khi muốn giảng thuyết đó đây. Lại là một trong bốn vị có đại thần thông mà chẳng lúc nào hiển thần ra oai để giáo hóa đồ chúng⁽¹⁾. Đúng là bà chỉ muốn là chiếc

⁽¹⁾ Theo chú giải bộ Anguttara Nikāya thì, trong thời Phật chỉ có 4 vị có đại thần thông (Mahā Abhiñña), đây là hai vị đại đệ tử, tỳ-khưu vị tăng hữu Bakkula và đức Bhadda Kaccānā (tức Yasodharā).

bóng như lời nguyện thưở xưa. Bà là người vợ hiền mẫu mực theo thế gian quy ước, nhưng lại được sinh ra trong giáo pháp bất tử, là một trong những người con hy hữu của đức Tôn Sư vô thượng.

Biết những việc cần làm ở đây đã xong, đức Phật và hội chúng lại lên đường. Cũng theo lộ trình hướng bắc, đức Phật ghé Videha, Moriya, Mallā... và nơi nào cũng dừng nghỉ năm bảy hôm. Rồi Mallā, đức Phật lại lên Koliya, sau đó đi lần về Sākya, ở tại thị trấn Medatalumpa rồi ngài tuyên bố:

- Như Lai ở lại nơi phong cảnh xinh tươi này một thời gian. Nó có duyên sự. Các vị Moggallāna, Ānanda, Upāli hãy tùy nghi công việc của mình!

“Pháp Truyền Thông” Của Đức Vua Pāsenadi

Mặc dầu đã “sám hối”, mặc dầu cả đại gia đình người ta đã tha thứ nhưng tâm của đức vua Pāsenadi cũng không được yên ổn do tội ác mà ông đã làm. Giá như có mặt đức Phật ở Kỳ Viên? Giá như hoàng hậu Mallikā còn ở bên ông? Ôi! Dầu có bao nhiêu “giá như” ấy thì sự việc cũng đã rồi, những sát-na tâm bất thiện ấy đã chảy trong dòng nghiệp – thì ăn năn, hối hận cũng không ích gì! Chỉ mang đến sầu muộn làm vẩn đục tâm thức mà thôi!

Mấy ngày hôm sau, cho các quan đi tra xét dòng họ bà con thân quyến của lão tướng quân Bandhula, biết vị nguyên soái này còn có một đứa cháu kêu ông ta bằng cậu đang làm quan ở một thị trấn cách kinh thành không bao xa, có tên là Dīgha-Kārāyaṇa. Tức tốc, đức vua cho gọi Dīgha-Kārāyaṇa đến rồi phong cho ông ta chức Đô thống đại nguyên soái thống lãnh tất cả binh quyền.

Được cất đặt vào vị trí quá cao, ngoài cả mong ước, ngoài mặt, Dīgha-Kārāyaṇa tỏ vẻ vui mừng, lạy tạ đức vua nhưng trong lòng ông ta thì ngược lại. Từ khi cậu mình bị ám hạ một cách tàn độc, Dīgha-Kārāyaṇa vô cùng căm hận đức vua, ý nghĩ trả thù luôn lớn vờn trong đầu óc của ông.

Bây giờ có binh quyền trong tay, Dīgha-Kārāyaṇa nghĩ, là trước sau mình cũng có cơ hội để báo oán, rửa thù.

Hôm kia, đức vua Pāsenadi nghe tin đức Phật và hội chúng tỳ-khưu sau nhiều tháng hoằng hóa ở Rājagaha, Vesālī... đã theo lộ trình thương mại ghé Koliya và bây giờ đang ngụ đâu đó ở vương quốc Sākya, ông tự nghĩ: “Chuyện xảy ra ở đây, có lẽ đức Thế Tôn cũng đã biết rồi. Và lại, tâm hồn ta bây giờ cũng đã yên lắng lại, Dīgha-Kārāyaṇa, tân Đô thống, có lẽ cũng hiểu nỗi lòng của ta nên ông ta luôn tận tụy trong mọi nhiệm vụ, giao việc gì là hoàn thành việc ấy. Là một con người có nhân cách tốt, rất đáng tin tưởng. Đây là lúc ta nên từ bỏ kinh thành một thời gian, xa rời cung đình, là nơi quá nhiều kỷ niệm với hoàng hậu, dẫn một đội quân lớn đi kinh lý nơi này nơi kia để lắng nghe dân tình cũng là phải lẽ vậy”.

Xong, đức vua cho gọi thái tử Viḍḍabha và tân đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa rồi ra lệnh:

- Ông Viḍḍabha hãy dẫn một đội quân cấm vệ, ông Dīgha-Kārāyaṇa hãy dẫn một đội quân hùng hậu đi sau hộ giá, sớm mai ta sẽ lên đường.

Thế rồi đức vua rời khỏi kinh thành, đi thăm chơi những miền thắng cảnh, khi đến vườn rừng Naṅgaraka⁽¹⁾, thấy cảnh trí xinh đẹp lạ thường, đức vua cho dừng ngựa lại. Trong khi tản bộ, dạo chơi đây đó, đức vua trông thấy những góc cây khả ái, đẹp mắt, là nơi lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp cho việc trầm tư mặc tưởng.⁽²⁾

Thấy vậy, đức vua cảm khái trong lòng: “Chà! Khung cảnh thanh bình, tĩnh lặng, thiên nhiên trong lành, tươi đẹp này đâu phải là nơi cho phàm phu tục tử thưởng ngoạn một

⁽¹⁾ Xem Dictionary of Pāli proper names - quyển 2, trang 6.

⁽²⁾ Xem kinh Dhammacetiya (Trung bộ).

cách vô ích và rỗng không! Đây phải là nơi thích hợp để học đạo, luận đạo hoặc để trầm tư, quán tưởng”.

Rồi vua chợt nhớ đến đức Đạo Sư, bèn quay lại hỏi thuộc hạ:

- Đức Thế Tôn sau bao tháng vân du phương xa, nghe đâu đã về đến Sākya! Các người có ai biết, ngài hiện đang an ngự ở đâu không?

- Tâu đại vương! Nguyên soái Dīgha-Kārāyana mau mắn đáp – Có một thị trấn tên là Medatalumpa, thuộc vương quốc Sākya, ngài và hội chúng tỳ-khưu đang dừng chân ở đây.

- Thị trấn Medatalumpa ấy, cách Naṅgaraka chúng ta đang đứng đây, khoảng chừng bao xa?

- Tâu! Không xa! Chỉ chừng ba do tuần, có thể đi thông thả đến đấy vào lúc chiều tối.

- Vậy này Dīgha-Kārāyana! Chúng ta hãy lên đường, ta đang rất nôn nóng yết kiến đức Đạo Sư.

Đến Medatalumpa lúc mặt trời vừa gác núi, khói và sương như những dải lụa vắt ngang những sườn cây xanh biếc. Đâu cũng thanh u và tịch lặng. Chỉ có tiếng lá rơi, gió thoảng, suối chảy, vượn kêu, chim hót... là ngôn ngữ của đất trời! Đến chỗ xe không còn đi được, đức vua rảo bộ, cho người hỏi thăm – thì biết đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đang ẩn cư trong những cốc lá trong rừng đại thụ, sát bên một con suối xanh trong.

Lúc bấy giờ một số đông tỳ-khưu đang đi kinh hành ngoài trời. Bước đến gần, đức vua lễ phép cung tay hỏi:

- Thừa chư tôn giả! Đức Thế Tôn hiện đang ở đâu?

Biết người hỏi là đức vua Kosala, một vị tỳ-khưu đáp:

- Tâu đại vương! Đi thẳng theo lối hàng cây đại thụ này, gặp một tảng đá lớn, một ngôi nhà sàn lợp bằng lá kè hiện ra, đức Tôn Sư đang thiên duyệt ở đây. Đại vương nhẹ nhàng bước lên, tại hành lang, bên cánh cửa khép hờ, ngài cất tiếng

đăng hăng rồi lấy ngón tay gõ nhẹ ba lần, đức Đạo Sư sẽ tiếp đại vương!

Đề tỏ lòng tôn kính hết mực, đức vua cởi đế bào, mũ miện, hốt, ấn, kiếm, hia... giao tất cả chúng cho Dīgha-Kārāyana rồi nói:

- Các người hãy đi ra ngoài bìa rừng! Ta cần yên tĩnh một mình để “đàm đạo” với đức Chánh Đẳng Giác!

Theo cách chỉ dẫn tận tình và chính xác của vị tỳ-khưu, đức vua đi bằng đôi chân trần theo hàng đại thụ... Và sau đó được đức Phật mở cửa đón tiếp. Vừa bước vào, đức vua Pāsenadi oai hùng, hiễn hách của quốc độ Kosala đã vội quỳ sụp xuống, cúi đầu ôm đôi chân bụi của đức Đạo Sư, rờ rẫm và xoa xoa vào cổ chân, gót chân của ngài rồi thốt lên:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala!

Đức Phật khởi từ bi tâm, nắm tay đức vua dẫn đến một tấm nệm cỏ, mời ông ngồi ở đấy rồi nói:

- Không biết vì duyên sự gì, nguyên do gì mà đấng chí tôn của Kosala lại hạ mình tột bực và biểu lộ sự quý kính tột bực đối với Như Lai như vậy?

- Từ khi hoàng hậu mất đi, đệ tử không có chỗ nương tựa; vì không có chỗ nương tựa nên đệ tử đã có những hành động lầm lỗi không thể tha thứ được. Đệ tử hằng đêm, hằng đêm đã suy nghĩ rất nhiều. Đức Thế Tôn là hiện thân cho những giá trị cao quý trên đời này, là hiện thân cho những phẩm giá tốt đẹp của con người. Thật hạnh phúc cho những ai được thân cận với Người, được học hỏi giáo pháp của Người, được ôm hôn bàn chân bụi của Người. Sau khi tư duy chín chắn như vậy, đối với đức Thế Tôn, đệ tử đã có những “pháp truyền thống” cho riêng mình y chỉ, bạch đức Đạo Sư!

Đức Phật mỉm cười:

- Pháp truyền thông cho riêng mình y chỉ? Hay lắm! Vậy thì đại vương hãy kể ra một vài nội dung của truyền thông ấy cho Như Lai nghe với nào?

- Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Rồi đức vua nói:

- Đệ tử có pháp truyền thông (Dhammanvaya) này đối với Thế Tôn: “Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập hành trì”. Sở dĩ nói như vậy là vì đệ tử thấy nhiều vị sa-môn, bà-la-môn hành trì phạm hạnh có giới hạn trong mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm. Những vị này, sau một thời gian, khéo tắm rửa, khéo phân sáp, với râu tóc khéo chải chuốt, sống thụ hưởng một cách đầy đủ, sung mãn năm dục trường dưỡng! Nhưng ở đây, trong giáo pháp của ngài, đệ tử thấy các tỳ-khưu sống hành trì phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh cho đến trọn đời, cho đến hơi thở cuối cùng. Đệ tử xác tín rằng, ngoài giáo hội này ra, không có và không thể ở đâu, tôn giáo nào có được một phạm hạnh viên mãn và thanh tịnh đến như vậy. Đây chính là nội dung, là pháp truyền thông thứ nhất của đệ tử đối với đức Đạo Sư.

- Hay lắm! Đức Phật tán thán – Và đây cũng là sự thực mà đại vương đã diễn đạt rất chính xác! Thế còn nội dung thứ hai?

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy rằng, từ ngàn xưa đến nay, vua chúa cãi lộn với vua chúa, sát-đế-ly cãi lộn với sát-đế-ly, bà-la-môn cãi lộn với bà-la-môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ, mẹ cãi lộn với con, con cãi lộn với mẹ, cha cãi lộn với con, con cãi lộn với cha, anh em cãi lộn với anh em, anh em cãi lộn với chị em, chị em cãi lộn với anh em, bạn bè cãi lộn với bạn bè. Còn ở đây, đệ tử thấy các tỳ-khưu sống với nhau thuận hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước

với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính⁽¹⁾. Đệ tử không thấy, ngoài giáo hội của đức Tôn Sư, giáo đoàn thanh tịnh của đức Tôn Sư ra, lại có thể có một phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh được như vậy! Đây là pháp truyền thống thứ hai, luôn lưu một dấu ấn tốt đẹp vào tâm khảm của đệ tử!

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu – Đại vương đã nhận xét rất đúng! Sáu pháp hòa kính là nền tảng của thiện bạn hữu, thiện thân tình trong đời sống của tăng-già

- Còn nữa, bạch Thế Tôn! Đức vua nói tiếp - Đệ tử đi du hành, kinh lý từ nơi này đến nơi kia, từ xứ sở này sang xứ sở khác. Ở đây, đệ tử thấy một số sa-môn, bà-la-môn gầy còm, ăn mặc lôi thôi, lếch thếch, nước da xanh xao, bạc nhợt, tay chân gân nổi; hình như không có một nét hảo tướng tương đối nào để người ta có thể nhìn với đôi mắt thiện cảm! Đệ tử suy nghĩ như sau: Thật sự các bậc tôn giả này sống phạm hạnh không được hoan hỷ hay có những ác nghiệp được giấu kín, bị sân tham thiêu đốt nên mới sinh ra như vậy? Đệ tử mang hoài nghi ấy đi đến hỏi các vị ấy thì được trả lời: Tâu đại vương! Chúng tôi dường như là bị bệnh lây truyền từ các giáo phái chủ, giáo phái sư... trong và ngoài truyền thống bà-la-môn vậy. Còn ở đây, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy các tỳ-khưu hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào sự tự nguyện hỷ cúng của nhiều người, với tâm tự do như muông thú ở rừng sâu. Bạch Thế Tôn, đệ tử suy nghĩ như sau: Thật sự các bậc tôn giả này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự từ cạn vào sâu, từ thô vờ ngoài đến xương tủy ở phía bên trong - nên các bậc tôn giả này mới có được tăng tướng như vậy, các được các trạng thái tâm thanh lương, thù thắng

⁽¹⁾ Trung bộ, kinh Dhammacetiya.

tỏ lộ ra bên ngoài dung sắc như vậy. Bạch Thế Tôn! Đây là pháp truyền thông thứ ba của đệ tử đối với Thế Tôn.

Còn nữa, đệ tử là một vị vua sát-đê-ly, đã làm lễ quán đảnh, có thể hành quyết những ai đáng bị hành quyết, gia phạt những ai đáng bị gia phạt, trục xuất những ai đáng bị trục xuất. Nhưng bạch Thế Tôn! Khi đệ tử ngồi xử kiện, có người đôi khi nói ngắt lời của đệ tử. Và đệ tử hễ có dịp là nói với họ rằng: Này quý vị, chớ có ngắt lời nói của ta, khi ta đang ngồi xử kiện. Quý vị hãy chờ cho đến khi ta nói xong. Thế nhưng, có người vẫn ngắt lời nói của đệ tử như thường. Còn ở đây, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy các tỳ-khưu, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, không hề có một tiếng nhảy mũi hay tiếng ho nào khởi lên. Nếu có một tiếng động thô tháo nào đó xảy ra từ người bên cạnh thì một bạn đạo đồng phạm hạnh sẽ vỗ nhẹ vào đầu gối người ấy rồi nói vào tai y như cơn gió thoảng: Tôn giả hãy giữ yên lặng, tôn giả chớ có làm ồn! Thế Tôn, bậc Đạo Sư của chúng ta đang thuyết pháp! Bạch Thế Tôn, đệ tử khởi lên ý nghĩ như sau: Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Thính chúng này thật khéo được huấn luyện mà không có gậy, không có kiếm, không có bất kỳ một hình phạt hay cưỡng bức nào! Ngoài hội chúng của đức Tôn Sư, đệ tử không thấy có một hội chúng nào khác lại được khéo huấn luyện như vậy. Bạch Thế Tôn! Và đây chính là pháp truyền thông thứ tư của đệ tử đối với đức Đạo Sư.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy ở đây một số sát-đê-ly bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc làm tư, làm bảy. Những vị này đi chỗ này, chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ. Những vị này nghe: Sa-môn Gotama sẽ đến thăm ngôi làng này hay thị trấn kia! Thế là họ sắp đặt trước những câu hỏi: Chúng ta sau khi đến sẽ hỏi sa-môn Gotama câu hỏi này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu sa-môn Gotama trả lời như thế này, thì

chúng ta sẽ chất vấn như thế này. Khi bị ta hỏi như vậy, nếu sa-môn Gotama trả lời như thế kia, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế kia! Vậy là khi nghe tin Thế Tôn du hóa đến một nơi, những vị này đến chỗ Thế Tôn đang trú cư. Rồi sau đó, Thế Tôn với pháp thoại khai thị cho các vị này, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Được đức Thế Tôn với pháp thoại khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, họ không hỏi Thế Tôn câu hỏi đã định trước, huông nữa là chất vấn! Trái lại, họ trở thành đệ tử của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn! Như vậy, đây là pháp truyền thống thứ năm của đệ tử đối với ngài.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy ở đây một số bà-la-môn bác học, gia chủ bác học, sa-môn bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia như muốn đả phá các tà kiến... Họ không hỏi Thế Tôn câu hỏi đã định trước, huông nữa là chất vấn. Trái lại, họ xin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn cho họ được xuất gia. Được xuất gia như vậy, một số các vị ấy sống một mình, không phóng dật, nỗ lực, tinh cần và không bao lâu sau, tự chứng với thắng trí, chứng ngộ chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích tối thượng của phạm hạnh mà những thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Họ nói như sau: Thật sự chúng ta gần hoại vong! Thật sự chúng ta gần hoại diệt! Xưa kia chúng ta không phải sa-môn lại tự xem là sa-môn, không phải bà-la-môn lại tự xem là bà-la-môn, không phải bậc A-la-hán lại tự xem là bậc A-la-hán. Nay chúng ta mới thật sự là sa-môn. Nay chúng ta mới thật sự là bà-la-môn. Nay chúng ta mới thật sự là A-la-hán! Bạch Thế Tôn! Đây là pháp truyền thống thứ sáu của đệ tử đối với Thế Tôn.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Isidatta và Purāṇa là hai quan giữ ngựa, ăn cơm của đệ tử, đi xe của đệ tử, sinh sống do đệ

tử cho, và chính đê tử đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình, cung kính đối với đê tử như họ đã hạ mình, cung kính đối với Thế Tôn. Thuở nọ, bạch Thế Tôn! Trong khi hành quân chống với đội quân đối nghịch, và muốn thử thách Isidatta và Purāṇa, hai quan giữ ngựa, đê tử đến ở tại một căn nhà chật hẹp. Rồi bạch Thế Tôn! Hai quan giữ ngựa, Isidatta và Purāṇa, sau khi cùng nhau đàm luận về chánh pháp hơn nửa đêm rồi nằm xuống ngủ, với đầu của họ thì hướng về phía mà họ được nghe là chỗ Thế Tôn ở, còn chân của họ lại hướng về chỗ đê tử nằm. Bạch Thế Tôn! Đê tử suy nghĩ như sau: Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Hai quan giữ ngựa Isidatta và Purāṇa này ăn cơm của đê tử, đi xe của đê tử, sự sinh sống do đê tử cho, và chính đê tử đem danh vọng đến cho họ. Nhưng họ không hạ mình, cung kính đối với đê tử như họ đã hạ mình, cung kính đối với Thế Tôn. Thật sự những vị này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý của Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự... Bạch Thế Tôn! Đây là pháp truyền thống thứ bảy của đê tử đối với Thế Tôn.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuộc dòng sát-đế-ly, đê tử cũng thuộc dòng sát-đế-ly. Thế Tôn là người nước Kosala, đê tử cũng thuộc người nước Kosala. Thế Tôn được tám mươi tuổi⁽¹⁾, đê tử cũng được tám mươi tuổi. Cho dù

⁽¹⁾ Đây là theo kinh Dhammacetiya – Trung bộ. Nhưng theo tôi, thời điểm này, với số tuổi tám mươi e không đúng. Vì rằng, sau đó, đức vua bị tiếm quyền rồi mất ngoài cổng thành kinh đô Rājagaha. Quan nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa tôn Vidūdabha lên làm vua. Sau khi làm vua Kosala, Vidūdabha ba lần dẫn binh muốn tiêu diệt dòng Sākya nhưng đều bị đức Phật ngăn cản. Cho đến lần thứ tư, đức Phật mới để tự nhiên cho nhân quả làm việc. Diệt xong dòng Sākya, trên đường dẫn quân về, Vidūdabha, chu tướng, binh lính bị dòng nước lũ cuốn chết. Thời gian trải qua những biến cố này, tối thiểu cũng trải qua hơn một năm đến một năm rưỡi. Còn nữa, còn thời gian hai vị thượng thủ giáo hội Niết-bàn, thời gian diễn tiến cả bộ kinh Đại bát Niết-bàn nữa... Do vậy, theo người biên soạn, số tuổi lúc này của đức Phật và đức vua Kosala chỉ mới 77, 78 - chừng hạ thứ 42 – 43 là hợp lý hơn chăng?

Thế Tôn và đệ tử có ba điểm giống nhau như vậy, nhưng Thế Tôn lại là bậc Chánh Đẳng Giác, còn đệ tử chỉ là một con người phàm còn rất nhiều lầm lỗi, còn rất nhiều bụi cát trong mắt – nên đệ tử sẵn sàng hạ mình tột bực và biểu lộ sự quý kính tột bực đối với Thế Tôn – cũng phù hợp pháp và luật vậy! Bạch Thế Tôn! Nay đệ tử phải đi, đệ tử có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm!

Đưa đôi mắt bi mẫn nhìn đức vua, đức Phật nói:

- Đại vương hãy làm những gì mà đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pāsenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Đạo Sư, thân phía hữu hướng về ngài rồi ra đi.

Nhìn vị cao sang vương giả đầu trần, chân đất, đến một thị trấn xa xôi, hạ mình tột bực, cung kính tột bực hết lời tán thán những “pháp truyền thống”, sau đó nhẹ nhàng từ giả, không hề thỉnh cầu điều gì cho riêng mình cả - đức Phật do biết rất nhiều việc nên ngài nghĩ thầm: “Nếu vị đại vương này mang theo tri kiến chơn chánh với những pháp được gọi là truyền thống này mà ra đi – thì nghiệp ác sát hại kẻ trung thần kia sẽ không chạy theo kịp mà trở quả đâu!”

Hai vị tôn giả Mahā-Moggallāna và Upāli ở bên cạnh, do có nhiều thắng trí nên họ cũng có đồng ý nghĩ như đức Thế Tôn. Chuyện xảy ra sẽ phải xảy ra.

“Cái Thấy Sự Thực” Hóa Giải Hận Thù

Nhìn chiếc bóng đầu trần, chân đất của đấng vua Pāsenadi vừa khuất sau những hàng cây, rồi nhìn vào đế bào, mũ miện, hốt, hia... cùng ấn kiếm quốc bảo đế quyền trên tay mình, quan tâm đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa chợt động tâm: “Đây quả là trời, đất, thánh, thần muốn bàn giao đế quyền lại cho ta đây? Hay là do uy linh hiển hách của hương hồn bá phụ Bandhula xui khiến mà nên? Ta đâu cần phải âm mưu chiếm đoạt? Cờ đến tay là ta phát thôi!” Niềm vui vừa thoáng qua, một ý nghĩ khác lại nảy sanh: “Không được! Không được! Dầu sao, nếu ta làm vua thì danh bất chánh, ngôn bất thuận, ta gặp phải cả một thế lực hoàng gia chống đối. Ta đang thân đơn, thế cô. Phải nên khôn ngoan, sáng suốt hơn một tí mới được! Hãy để cho thằng ranh con Vidūḍabha làm vua và ta sẽ nắm toàn bộ binh quyền, binh lực, ta sẽ sai khiến tên này như một con rối!”

Nói là làm, đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa cho thỉnh mời Vidūḍabha ra xa ngoài rừng cây, trao toàn bộ ấn kiếm đế quyền cho thái tử, rồi đột ngột, ông quỳ xuống, hô lớn:

- Đại vương vạn tuế! Đại vương vạn tuế! Đại vương vạn tuế!

Thế là quân lính hộ giá tháp tùng đành phải hô theo!

Đối với Viḍḍabha lại bất ngờ hơn nữa, tự dung lại được đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa tấn phong làm vua, ngoài cả mơ ước, ông ta cũng chẳng cần khách sáo đưa đẩy làm gì nữa.

Lễ đăng quang vương vị được thực hiện ngay tại chỗ, chỉ đơn giản là bá cáo trời đất cùng với lời nguyện mang đến vinh quang, giàu mạnh và hùng cường cho đất nước Kosala!

Chỉ để lại hai con ngựa già yếu và một thị nữ trung niên cho đức vua Pāsenadi, tân vương Viḍḍabha và đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa dẫn toàn bộ quân lính tùy tùng tức tốc trở lại kinh đô Sāvatti. Họ bàn với nhau là sẽ tổ chức một lễ đăng quang cho hoành tráng, phải mời tất cả vị vua chư hầu, bố cáo cho tất cả thiên hạ cùng được biết. Trong thâm tâm, đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa nghĩ rằng: “Phải làm vậy để trả thù, nhưng dẫu sao, đây là cuộc trả thù không đổ máu! Ta đã trả được mối đại thù rồi!”

Trong lúc đó, khi đức vua Pāsenadi bước ra rừng thì xung quanh đều quạnh vắng. Dưới gốc cây chỉ còn một thị nữ và hai con ngựa.

Không hỏi lý do, đức vua cũng đã biết chuyện gì xảy ra, ông cất giọng trầm tĩnh:

- Là việc làm của ai?

- Đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa, tâu đại vương!

- Rồi sau đó?

- Ông ta trao ấn kiếm cho thái tử Viḍḍabha rồi tôn phong lên ngôi vương ngay tại chỗ!

Ngẫm nghĩ một lát, đức vua suy nghĩ: “Dīgha-Kārāyaṇa trả mối đại thù đây mà! Bây giờ ta không còn gì nữa cả. Chỉ có cách duy nhất là đến Rājagaha, mượn quân binh của Ajātasattu, về Sāvatti để lấy lại quốc độ mà thôi!”

Thế rồi, họ lên đường, không hành lý, không lương thực, không cả nước uống. Từ thị trấn Medatalumpa của vương

quốc Sākya, đức vua quay ngựa trở lại Koliya, sang Malla, qua lãnh thổ các nước liên bang cộng hòa Videha, Moriya... rồi xuống Vesāli, vượt sông Gaṅgā... Là một đấng quân vương uy danh hiển hách, thọ hưởng ngũ dục tối thượng, thế mà trong thoáng chốc trở thành kẻ lữ hành mình trần thân trụi, ngủ đường, ngủ rừng, không màn che trên đầu, không một tấm lót dưới thân. May nhờ người thị nữ có chút tư trang nên cô đã bán dần để mua thức ăn trên dăm đường thiên lý. Đức vua bây giờ đã bảy mươi bảy tuổi, thân thể suy kiệt già lão, đã mòn khô sinh lực, không chịu đựng được nắng mưa, sương gió nên khi đến cổng thành ngoài kinh thành Rājagaha, người ông lên cơn sốt, chột nóng như lò lửa, chột lạnh như giá băng. Nhìn dãy tường đá cao, dày, kiên cố bao quanh triền núi, ông thở dài:

- Ta sức cùng lực kiệt rồi!

Người thị nữ trấn an:

- Còn có thị nữ đây, tâu đại vương!

Nói thế xong, cô xuống ngựa, dẫn ngựa của mình cùng ngựa của đức vua từng bước một tiến vào cổng thành trong. Nhưng đến đây trời đã quá khuya, nhìn các vọng gác, đuốc thì sáng nhưng không thấy quân canh, cửa thành đóng chặt, ông biết, giờ này là “nội bất xuất, ngoại bất nhập”.

Đêm ấy, đức vua và thị nữ nằm nghỉ tạm trên nền đất của một lưu xá dành cho khách bộ hành, đợi sáng ngày vào cung. Nhưng mặt trời lên đã lâu, thấy vua không động tịnh, rời chỗ nằm đến xem thì hóa ra ông đã qua đời! Nghĩ đến thân thể của một đấng quân vương, chúa thiên hạ, oai trù thiên hạ, mà bỗng chốc, lại nằm chết trên nền đất bụi, cô quạnh, lạnh lùng – cô thị nữ khóc thương, vật vã, đấm ngực, vò đầu, than trời, trách đất... rất là thê lương.

Một vài người đi ngang nghe thấy, rồi thị vệ trên cổng thành biết được cái chết thê thảm của đức vua Pāsenadi, không mấy chốc đến tai đức vua Ajātasattu.

Tức tốc cùng một vài thị vệ lên ngựa đến nơi, thấy thảm trạng của người quá cố, đức vua Ajātasattu chạy tới, ôm cái xác lạnh mà khóc ròng. Chưa nói đến sự liên hệ bên mẹ, chưa nói đến sự liên hệ bên vợ mà thái độ đối xử đại lượng trong lần đức vua thất trận, khiến ông vô cùng quý kính, thương cảm và nuôi tiếc.

Về triều, đức vua Ajātasattu cho tổ chức đại tang trọng thể như là “đại tang của một quốc vương”, rồi mới hỏi căn kẽ người thị nữ chuyện xảy ra tại thị trấn Medatalumpa. Cô ta kể lại mọi chi tiết. Biết được thủ phạm chính là đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa và kẻ tòng phạm vui mừng nhận án kiếm, mặc nhiên tiếm đế vị là thái tử Viḍḍabha - đức vua họp triều thần, tuyên bố cử đại hùng binh trừng phạt kẻ phản nghịch!

Nghĩ đến ân đức của đức vua Kosala đối với Māgadha trong lần bại trận năm trước, các quan đại thần ai ai cũng bưng bưng tức giận, đồng ý cử binh với khí thế như trời nghiêng, đất sập để hỏi tội kẻ đã gây ra cái chết bi thương...

Trong đám đại thần có một người im lặng, thần sắc an bình như mặt nước, không bị xao động bởi cái lao xao ở xung quanh, đây là thần y Jīvaka. Cũng như mọi lần, đức vua trông thấy, bèn hỏi:

- Nay Jīvaka! Ý kiến ông thế nào, hãy cho ta biết!
- Thần không có ý kiến, tâu đại vương!
- Vậy thì thái độ, hành động? Ta nên có thái độ, hành động ra ra sao?

- Thần cũng không có thái độ, hành động – mà chỉ “thấy sự việc như thật”. Còn thái độ, hành động là ở nơi đại vương, tùy thuộc nơi đại vương.

Biết vị thần y này tâm bình, hạnh trực, thấy biết giáo pháp rất sâu xa – nên đức vua thở một vài hơi thở cho khí huyết an bình rồi ôn tồn cất tiếng hỏi:

- Cái “thấy sự việc như thực” ấy là như thế nào, này Jīvaka?

Câu chuyện “lạ lùng” của hai vị lôi cuốn mọi người lắng nghe, làm cho không gian triều đường đột ngột lắng xuống, rất yên lặng.

- Cái sự thật thứ nhất, tâu đại vương! Là sự thật về nhân, về quả. Nếu đức vua Kosala không giết oan đại nguyên soái Bandhula cùng ba mươi hai viên tướng con cháu của ông ta thì sẽ không xảy ra cái quả báo oán thù hôm nay!

Đức vua chau mày, nhưng lại gật đầu:

- Đúng vậy! Đó là một sự thực.

- Cái sự thật thứ hai, tâu đại vương! Là sự thật về can qua, về chém giết... chắc hẳn sẽ có hàng trăm, hàng ngàn kẻ vô tội phải bị đầu rơi, máu chảy, đứt lìa mạng sống. Rồi gia đình, rồi cha mẹ, rồi vợ, rồi con những người bị chết trận ấy sẽ ra sao? Tất thấy những giọt nước mắt đau thương ấy có thể đổ đầy một lu nước, hai lu nước, một hồ nước, tâu đại vương!

Đức vua thở dài:

- Đúng vậy! Cái đau thương và nước mắt ấy cũng là sự thực liên hệ.

Giọng Jīvaka vẫn đều đều:

- Cái sự thật thứ ba, tâu đại vương! Là sự thật cạn kiệt các kho lẫm lương thực, thực phẩm của vương triều. Tuy nhiên, vẫn phải nuôi binh, phải mua lại số thóc lúa của dân, rồi thuế má các loại lại lên cao để bù vào ngân sách thiếu hụt, rồi dân lại thêm một lần nghèo đói, rồi đại vương lại phải thao thức, trăn trở kể sách làm sao cho dân được ăn no, mặc ấm, tâu đại vương!

- Phải! Phải! Không sai được!

- Cái sự thực thứ tư, tâu đại vương! Là sự thực, dấu xuất thân mẹ là nô lệ, nhưng Vidūḍabha là cháu ngoại của đức vua Mahānāma, cùng dòng dõi Sākya với đức Thế Tôn! Cái

sự thực thứ năm, tâu đại vương! Là đại vương quyết định sự việc bởi cảm tính sân nộ nhất thời chứ không phải là bởi tâm bình, khí hòa! Bậc trí với tâm bình, khí hòa sẽ có chiến lược, kế sách dài lâu hơn. Ấy là đem lại an bình và thịnh vượng không chỉ cho một nước, mà cả cho châu Diêm-phù-đề như chư vị Chuyển luân Thánh vương xưa thường thực hiện...

Đến ngang đây, đức vua chột xua xua tay:

- Thôi, ông đừng nói nữa! Chỉ một sự thực trong năm sự thực mà ông vừa nêu, ta đã biết là ta phải làm gì rồi.

Jīvaka hoan hỷ nói:

- Vì đại vương là bậc trí! Cảm ơn đại vương!

Đức vua Ajātasattu sắc mặt đã khoan hòa:

- Chỉ có hiểu biết và trái tim từ ái, cảm thông mới hóa giải được oán thù! Này Jīvaka! Thay vì cử quân chinh phạt, nay ta cử một phái đoàn sứ giả sang Kosala với lễ phẩm chúc mừng tân vương, bang giao hòa hiếu giữa hai quốc độ, ông thấy có được không? Đây có phải là “sự thực” tốt đẹp chăng?

Cả triều phòng vang rền như sấm dậy:

- Đây là sự thực tuyệt vời!

- Tuyệt vời! Đại đại tuyệt vời!

- Minh quân vạn tuế! Minh quân vạn vạn tuế!

Riêng đức vua Ajātasattu thì thâm trong lòng: “Đệ tử tri ân đức Thế Tôn đã ban cho sự sáng suốt qua vị thần y cư sĩ thâm lặng, minh triết này!”

Riêng thần y thì suy nghĩ: “Ta an tâm rồi. Thứ nhất là y đã biết nghe lời phải. Thứ hai là y đã cải hỏi từng thiện thật sự rồi. Việc hộ trì Tam Bảo trong mai hậu, xem ra y sẽ biết noi gương tiên đế đấy!”

Ngọn Lửa Thù

Đặng quang tức vị chưa được bao lâu, vua Viḍḍabha, con bà Vāsabhakkhattiyā chợt nghĩ đến mối hận xưa nên khí huyết như sôi trào trong huyết quản. Ông ức hận dòng tộc Sākya đã khinh khi, sỉ nhục mình hồi còn nhỏ.

Thuở ấy, lúc bảy tám tuổi, nô đùa vui chơi với lũ trẻ hoàng gia trong nội cung, có lần Viḍḍabha trông thấy chúng đứa nào cũng có những đồ chơi xinh xinh như con voi đi, con ngựa nhảy, con vượn quay, con rối múa... Khi Viḍḍabha hỏi những thứ đó ở đâu vậy thì chúng đáp:

- Cái này, bà ngoại tao mừng ngày sinh của tao.
- Cái này thì quà của ông ngoại tao gửi cho...

Về đến nội cung, Viḍḍabha buồn bã chẳng thiết ăn uống. Thương con, bà Vāsabhakkhattiyā vặn hỏi lý do mới biết là vì không có quà như chúng bạn.

Nó hỏi:

- Mẹ! Ông ngoại, bà ngoại của con ở đâu?
- Ông ngoại của con là vua nước Sākya, dòng dõi Sākya kinh thành Kapilavatthu đó con!
- Hãy cho con đi thăm ông vua ngoại nghe mẹ!
- Xa lắm con à! Con đi không nổi đâu!

Dầu Vidūḍabha năn nỉ thế nào, bà cũng không thể cho trẻ đi được. Dầu là công chúa, hơn ai hết, bà biết thân phận có dòng máu nô lệ của mình. Bà nghĩ: “Nếu Vidūḍabha sang bên đó, một sơ suất nhỏ, những viên tùy tướng đi theo mà biết rõ gốc gác nô lệ ấy thì nguy hại như thế nào! Dòng dõi Sākya vốn kiêu ngạo với tập cấp sát-đế-ly cao sang, nên thuở xưa, họ cũng đã chẳng từng khinh miệt mẹ ta đó sao! Họ không coi ta ra gì thì con ta họ cũng chỉ xem như là miếng giẻ chùi chân! Bao nhiêu năm ta giấu biệt tung tích gốc gác, mà cha ta, đức vua Mahānāma cũng vậy. Đại vương Kosala mà biết chuyện ấy thì ông sẽ phần nộ lôi đình, giáng đại họa cho Kapilavatthu không sai!”

Tuy nhiên, thấy con khóc ngày, khóc đêm, đòi hoài, đòi hủy, chẳng biết sao hơn, bà Vāsabhakkhattiyā biên một lá thư mật, cho vị quan thân tín, cấp tốc phi mã mang sang trình lên đức vua Mahānāma, với nội dung: “Thưa phụ hoàng! Con vẫn khỏe, an bình và vô sự. Chúc cha mẹ sống lâu muôn tuổi. Bé Vidūḍabha cứ đòi thăm quê ngoại, ngăn cản mãi không được. Mong phụ hoàng quan tâm thu xếp yên ổn việc này. Bé Vidūḍabha hoặc tùy tướng theo hầu mà biết gốc gác của con và mẹ con – thì đại họa cho cả đất nước Sākya. Lạy cha mẹ trăm lạy với nước mắt tuôn rơi”.

Đọc thư xong, đức vua Mahānāma rung lệ, ông thương con, thương cả thân phận nô lệ của con. “Ôi! Nó rất thâm lặng, và nó rất hiền thực. Đức Thế Tôn từng dạy rằng, người tốt, kẻ xấu là do hành nghiệp của họ, không liên hệ gì đến dòng máu và giai cấp”. Ông thở dài, lắc đầu ngao ngán cho cái cỗ lệ truyền thống cay nghiệt. Và bây giờ, ông chờ đợi chuyện gì sẽ xảy ra. Cái gốc của vấn đề là sự cao ngạo quá đáng của dòng dõi hoàng gia Sākya này, nhưng ông là kẻ gánh chịu.

Sự việc nó nhỏ mà không phải nhỏ nên ông phải họp kín với một số vị trưởng lão trong thân tộc, xin mọi người phải

giấu kín chuyện xưa, chuyện đã rồi! Họ hiểu. Tuy nhiên, “chuyện kín” kia cả hoàng tộc đều biết, và họ đã âm thầm cho tất cả những người có vai vế nhỏ hơn đều vắng mặt trong ngày đón tiếp trẻ Viḍūḍabha cùng tùy tướng và thuộc hạ theo hầu.

Tiểu hoàng tử Viḍūḍabha được ông bà ngoại đón tiếp rất nồng ấm, sự thương yêu và trìu mến ấy làm ấm áp trái tim của trẻ không biết bao nhiêu. Khi tiểu hoàng tử được người dẫn đi thăm chư vị trưởng thượng và bà con thân quyến trong hoàng tộc thì mọi người ai cũng rất trân trọng, niềm nở; ở đâu cũng được đãi đằng trân tu, mỹ vị và rất nhiều quà tặng. Tuy nhiên, bên ngoài thì vui mà trong lòng trẻ rất hậm hực. Vì gặp ai, già cả, trung niên, thanh niên, thiếu niên, thậm chí dù bé lên ba, lên bốn – “vai vế” họ cũng đều lớn hơn tiểu hoàng tử cả, nên Viḍūḍabha phải cúi đầu thưa chào, cúi cả miệng, cúi cả tay, cúi cả cổ!

Chuyện ấy, tiểu hoàng tử giấu kín trong lòng, về trở lại cố cung, Viḍūḍabha mới thắc mắc hỏi mẹ. Bà Vāsabhakkhattiyā hiểu cái gì xảy ra, hiểu cái cao ngạo, trịch thượng đã thâm căn cố đế trong dòng máu của họ nhưng chỉ cười xòa và đáp cho qua chuyện: “Vì con còn nhỏ thật mà!”

Nhỏ vốn chóng quên nên cũng yên.

Khi hoàng tử Viḍūḍabha được mười sáu tuổi, do trẻ thông minh, trí tài, và cũng do sự đòi hỏi của tập tục vương triều, nên Viḍūḍabha được vua cha tấn phong thái tử. Và bà Vāsabhakkhattiyā nghiêm nhiên được lên ngôi hoàng hậu.

Một năm sau, thái tử lại xin phép về thăm quê ngoại. Lần này, do vai vế là một thái tử của một đại cường nên vua chư hầu phải cung đón trọng thị hơn. Cả triều đình Sākya nghinh rước với nghi vệ rất phải phép. Nhưng khi về cung với ông bà ngoại, thái tử mới thật sự thấy được sự thân thuộc và yên bình. Hôm sau, khi ghé thăm bà con quyến thuộc hoàng gia, dĩ nhiên là khác với cung cách xã giao tại

vương triều, thái tử lại phải thưa chào tất cả mọi người y như hồi còn trẻ.

Lần này, do đã hiểu biết, có nhận thức nên thái tử đọc được trong tiếng cười của họ, ánh mắt của họ, thái độ của họ có cái gì đó gượng gạo không thật. Thái tử biết nhưng chỉ để bụng mà thôi, tạo sự bất hòa trong lúc này không tốt.

Buổi tiệc tiền đưa rất trọng hậu, không có gì đáng phàn nàn, chê trách, thái tử chào mọi người từ biệt. Xe ngựa đi một đôi đường, có viên tùy tướng quên thanh kiếm báu, trở lại phòng khánh tiết. Các thị nữ của hoàng gia đang quét dọn đó đây. Vừa đứng nơi ngưỡng cửa, viên tùy tướng thấy một thị nữ đang lấy sữa tươi để rửa cằm đôn, chỗ thái tử Vidūḍabha ngồi; cô ta vừa rửa vừa mắng to lên rằng: “Đây là chỗ ngồi của con trai bà nô lệ đây! Quả thật là gớm ghiếc!” Viên tùy tướng bình tĩnh, bước vào lấy thanh kiếm của mình xong, ôn tồn cất tiếng hỏi: “Cô nương làm chẳng? Đây là chỗ ngồi của thái tử Vidūḍabha cao quý của chúng tôi mà!” Cô thị nữ tên là Kapilā - bèn nhỏ giọng, nói như thăm thì: “Tướng quân không biết cũng phải, bà Vāsabhakkhattiyā quả thật là công chúa ở đây, được hầu khăn áo cho đại vương Kosala, nhưng bà ta vốn là con một nữ nô lệ, vợ lẽ của đức vua Mahānāma của chúng tôi đấy!” Viên tùy tướng nghe chuyện động trời, y lại không kín miệng, nên câu chuyện sau đó lan tràn, sinh ra bàn tán xầm xì trong giới cấp tướng sĩ cũng như binh lính. Thái tử nghe được, máu sôi trào trong cổ họng, đôi mắt long lên như lửa cháy, ông nghiến răng ken két: “Được rồi! Được rồi! Chúng nó dám lấy sữa tươi để rửa chỗ ngồi của ta – thì sau này, ta sẽ lấy máu của chúng để rửa chân vậy!”

Lời Của Bạc Trí

Đức vua Pāsenadi nghe được cũng nổi trận lôi đình, quát lớn: “Giỏi thay cái dòng Sākya ngạo mạn, dám đánh tráo con một nữ nô lệ làm công chúa để bán gả cho ta. Vậy chúng có coi ta ra cái thứ gì đâu!”

Hôm sau, việc đầu tiên, đức vua xuống chiếu phế truất ngôi vị hoàng hậu của bà Vāsabhakkhattiyā và phế truất luôn ngôi vị thái tử của Viḍḍabha. Việc thứ hai, là do không dằn được khí tức của mình, ông ra lệnh chuẩn bị binh mã để hỏi tội đức vua Mahānāma và triều đình Sākya. Tuy nhiên, khi vừa ngồi lên con vương tượng, chợt dừng, đức vua nghĩ đến đức Phật. Rồi sau một hồi dăm chiêu, thay vì xuất quân, đức vua lại ghé Kỳ Viên tịnh xá với một ít quân hộ giá.

Đức Phật đã biết chuyện gì, ngài tiếp đức vua một cách thân tình tại hương phòng. Đức vua Pāsenadi bình tĩnh kể lại mọi chuyện cho đức Phật nghe rồi xin ngài một lời khuyên!

Đức Phật nhập đề:

- Khá khen cho đại vương đã rất trầm tĩnh khi ghé thăm Như Lai. Sự sáng suốt của một bậc minh quân rất cần thiết trước bất kỳ một tình huống khó xử nào, trước bất kỳ một

quyết định trọng đại nào – vì nó liên hệ đến mạng sống con người!

- Tri ân Thế Tôn!

Rồi đức Phật ôn tồn nói:

- Việc này rất oan uổng cho họ, tâu đại vương! Cô gái Vāsabhakkhattiyā trước khi bán gả cho đại vương đã được triều đình Sākya chuẩn phong là công chúa, chứ không phải mạo danh công chúa đâu. Như Lai xác nhận sự thực này!

Đức vua nhè nhẹ gật đầu:

- Thế Tôn đã xác nhận sự thực thì việc kia đúng là sự thực rồi. Nhưng còn việc khác, việc thứ hai, Vāsabhakkhattiyā vẫn là con gái của Mahānāma với nữ nô lệ Nāgamuṇḍā⁽¹⁾, giai cấp hạ tiện – thì sao, thưa Thế Tôn! Họ đã coi thường trăm một cách quá đáng!

Đức Phật không trả lời câu hỏi, mà lại đặt câu hỏi:

- Một nữ nô lệ lấy một nam sát-đế-ly, sau đó, con trai, con gái được sinh ra, theo pháp luật của đại vương thì chúng là sát-đế-ly hay là nô lệ, tâu đại vương?

- Là sát-đế-ly, vì bao giờ cũng lấy họ trai!

- Vậy là đại vương đã tự trả lời – Đã tự trả lời rằng, công chúa Vāsabhakkhattiyā trước khi về hầu đại vương thì cô ta đã là một nữ sát-đế-ly rồi – do từ dòng máu sát-đế-ly của đức vua Mahānāma, dù bà mẹ Nāgamuṇḍā là nữ nô lệ.

Đức vua Pāsenadi nín họng, không mở miệng được trước lý luận chặt chẽ của đức Phật.

Ngài còn nói tiếp:

- Nếu Vāsabhakkhattiyā là một nữ sát-đế-ly, đại vương là chúa của sát-đế-ly, một hoàng nam được sanh ra - thì rõ ràng Viḍūḍabha là một sát-đế-ly chính thống rồi!

Đức vua lại phải nín lặng nữa.

Đức Phật vẫn chưa chịu dừng:

⁽¹⁾ Xem Dictionary of pāli proper names, trang 972, quyển 2.

- Thuở xưa có một vị đại vương oai danh hiển hách, thương yêu một thiếu nữ bản hàn, một cô gái rách rưới hằng đi mót củi khô trên núi; ông ta thản nhiên trước sự phản đối của triều đình, tấn phong cô ta làm hoàng hậu. Từ mối “nghịch duyên” này, họ hạ sanh một trai tuần tú, phi phàm, về sau, nối ngôi vua và thống trị cả một quốc độ mênh mông, tất thảy chư hầu đều triều phục – tâu đại vương!

- Trẫm rõ rồi, bạch Thế Tôn! Quan trọng nhất, quyết định nhất là dòng máu của vua, trẫm hiểu rồi!

Đức Phật mỉm cười:

- Còn nữa, tâu đại vương! Người mà đại vương thương yêu nhất, nể trọng nhất hiện nay, thuộc giai cấp thủ-đà-la; vậy nếu một tiểu hoàng tử, một tiểu công chúa được sinh ra, chẳng lẽ lại không mang dòng máu của đại vương? Đại vương giả vờ quên hay sao đó chứ?

Thật không còn lời nào để nói nữa, đức vua nghĩ: “Ồ, hậu của ta, Mallikā, con của người làm tràng hoa, là giai cấp thủ-đà-la mà! Tại sao ta lại tới tấp đến vậy!”

Lạy tạ đức Phật với cái tâm vô cùng tôn kính, đức vua Pāsenadi về triều, xóa bỏ lệnh phế truất, phục lại ngôi vị cho hoàng hậu Vāsabhakkhattiyā và thái tử Vidūḍabha.

Quả thật là lời của bậc trí giải tan được cả một trận binh đao máu lửa!

Quả Báo Của Devadatta

Bao tháng bao ngày sống trong cô độc, cô quạnh,⁽¹⁾ nhất là bị sự ruồng bỏ, sự sỉ nhục âm thầm của nhiều người, Devadatta cảm nhận thấm thía ác báo như lò lửa đang âm ỉ đốt cháy thân thể và tâm trí của mình. Quả thật là Devadatta đang hối hận, ăn năn, ray rứt không yên.

Tu viện tại sườn núi Gayāsīsa một thời huy hoàng, thanh mậu, với sự cúng dường hào sảng hàng ngàn xe lương thực, thực phẩm của đức vua Ajātasattu như là giấc mộng đêm qua! Những vị tỳ-khuru có trí tài như Kokalikā, Kaṭamorakattissa, Khaṇḍade-viyāputta, Samuddadatta... từ thuở chung tay thành lập giáo hội mới đều đã lần lượt bỏ ông mà đi! Chuyện cảm động nhất là giờ phút cuối cùng của Kokalikā, lúc bệnh hoạn ghê lở, người bên cạnh giúp đỡ tận tình, lau rửa mình mẩy hôi hám của ông ta lúc lâm tử, lại là hai vị đại đệ tử của đức Tôn Sư! Ôi! Là tâm lòng của họ!

Hiện giờ đây, tại tu viện hoành tráng, mênh mông, đầy đủ tiện nghi này chỉ còn sót lại năm bảy ông tỳ-khuru thiếu trí, thiếu tài, thiếu hạnh... là còn nương tựa ông, như muốn bòn rút chút mật nhụy cuối cùng của đóa hoa đang rửa tàn phước báu, bởi ông, nhờ ông mà có!

⁽¹⁾ Dictionary of pāli proper names – nói là chín tháng sau khi hai vị đại đệ tử của Phật đến tu viện Gayāsīsa thuyết pháp thức tỉnh 500 vị tỳ-khuru trở về với Phật, Devadatta tức uất đến thổ huyết.

Ngày nào cũng vậy, trên giường bệnh, câu đầu tiên mà Devadatta cất tiếng hỏi các vị tỳ-khưu còn sót lại quanh ông:

“- Đức Thế Tôn giờ ở đâu, ta muốn đến ôm bàn chân bụi của ngài mà sám hối, các người hãy giúp ta!”

Thế rồi, câu trả lời thường là:

“- Ô, thưa tôn giả! Đức Phật đang ở xa lắm! Chúng ta không thể đến đó được trên cái cáng, cái võng, khi tôn giả đang nằm bệnh như thế này!”

Lần khác, thì Devadatta, nghe được:

“- Tôn giả còn mơ ngủ ư? Tôn giả đã mưu sâu, kế độc hãm hại đức Thế Tôn, mà bây giờ còn mong đức Thế Tôn xá tội cho, có hảo huyền không chứ?”

Devadatta đáp:

“- Các ông mà biết gì! Đức Thế Tôn không phải là con người nhỏ mọn như vậy! Tâm của một bậc Chánh Đẳng Giác, các ông làm sao có thể lấy hạt bụi mà so sánh với ngọn núi Sineru?”

Khi được bọn họ hỏi:

“- Cái tâm ư? Cái tâm ấy như thế nào?”

Thì Devadatta đáp:

“- Cái tâm ấy là mênh mông, là vô lượng, các ông với trí óc hạt cải, không hiểu nổi hư không và biển cả là gì đâu!”

“- Có thể ví dụ cụ thể được chứ?”

“- Ừ! Đức Thế Tôn với tâm đại bi vô lượng. Các người chắc đã biết rồi! Và ta cũng biết rằng, với ta là tên xấu ác, âm mưu sát hại Phật, với tên cướp sát nhân Angulimālā cầm đao rượt Phật, với con voi dữ Dhānapāla⁽¹⁾, với con trai của mình là Rāhula – tâm đại bi của đức Thế Tôn đều bình đẳng ngang nhau, đều tìm cách giúp họ đến nơi an vui hoặc giải thoát khổ đau cả thảy!”

⁽¹⁾ Tên khác của voi - Dhānapālaka “voi giữ gìn của cải” trong câu chuyện đức Phật cảm thắng voi Nālagiri.

Nói thế xong, Devadatta tóm tắt câu nói trên bằng bài kệ:

“- Vadhake devadattamhi
Core aṅgulimālake
Dhānapāle rahule ca
Sabbattha samamānato”.

Năm nỉ cả hằng chục lần đi đến gặp đức Phật để sám hối đều bị nhóm tỳ-khuru từ chối, nhưng đến khi Devadatta đọc xong câu kệ thì họ liền động tâm, đặt ông ta lên chiếc giường tre rồi khiêng ông lên đường.

Ngàn dặm nhiều khê, sông núi chập chùng, họ đã không nệ hà gian khổ, thay nhau cõng chiếc giường tre, mang ông tỳ-khuru một thuở đội đá vá trời, thương luân bại lý, bây giờ chi còn cái xác khô, thoi thóp thở. Nghe đức Phật đang ở Đông Phương lục mẫu hoặc Kỳ Viên tịnh xá gì đó, thế là họ nhắm hướng tây bắc, nước Kosala, kinh thành Sāvatti ngày đêm đội nắng dầm sương, lầm lũi như những bóng ma giữa nghĩa địa.

Cuối cùng, trải qua bao núi bao sông, họ cũng gần đến nơi. Devadatta chưa đến mà chư tỳ-khuru bộ hành đây đó đã biết, họ bạch Phật tâu trình tự sự.

Yên lặng một lát rồi đức Thế Tôn nói:

- Các ông biết không? Kiếp này, trong đời sống hiện tại này, Devadatta không thể gặp Như Lai được.⁽¹⁾

Cho đến khi được báo là Devadatta đến gần cổng Kỳ Viên rồi, đức Phật vẫn nói:

- Dầu vậy, Devadatta cũng không có cơ hội diện kiến Như Lai được đâu!

Bây giờ thì Devadatta đã vào đến Kỳ Viên, ông ta yêu cầu cho nghỉ ngơi bên hồ nước, ông muốn tắm rửa sạch sẽ trước khi vào lạy đức Thế Tôn để sám hối tội lỗi của mình.

⁽¹⁾ Dictionary of pāli proper names cũng nói như vậy, trang 1110, quyển 1.

Khi Ānanda bạch Phật với tâm ý tốt của Devadatta thì đức Phật vẫn bảo:

- Nơi đó, nơi chỗ bờ hồ ấy, quả báo ác nghiệp sẽ làm việc với ông ta! Như Lai không cứu được! May ra thì ông ta tự cứu!

Và quả đúng như thế. Khi chiếc giường chạm đất, Devadatta ngồi dậy, thò hai chân xuống đất thì đất tự động lún xuống. Thế là trong lòng đất như có lực hút, nó hút dần dần, hút từ từ, nó nuốt hai chân dần đến đầu gối, nuốt đến thân bụng, đến cằm... Lạ lùng làm sao, là cho đến lúc ấy, Devadatta rất tỉnh táo, ông huy động toàn bộ sức lực, đưa hai cánh tay lên cao, chấp lên trán rồi nói to lên rằng:

- Đức Thế Tôn là bậc đại phước. Đức Thế Tôn là bậc Điều Ngự Trượng Phu. Đức Thế Tôn là bậc Thiên Nhân Sư. Đức Thế Tôn là bậc cao thượng nhất trong ba giới, bốn loài. Đệ tử còn chút xương cốt và hơi thở cuối cùng, xin được nương tựa nơi đức Thế Tôn!⁽¹⁾

Sau khi tán dương đức Phật xong, Devadatta bị rút vào lòng đất sâu thẳm, không còn một dấu vết nào, các bậc có thắng trí cho biết, là ông ta đã tức khắc bị đọa vào địa ngục a-tỳ (acivī). Cả Kỳ Viên, cả tăng chúng đều kinh hoàng.

Sau đó, đức Phật dạy:

- Do ông ta đã biết tự cứu. Trong hơi thở cuối cùng, ông ta đã tự sám, đã tự biết nương nhờ, lại có đức tin trong sạch nên sau khi ở địa ngục một trăm ngàn đại kiếp, cuối cùng, ông ta cũng thành tựu quả vị Phật Độc Giác với tên hiệu là Aṭṭhisara!

⁽¹⁾ Dịch thoát ý từ bài kệ: “- Imehi aṭṭhīhi tamaggapuggalam. Devātidevaṃ naradammasārathini. Samantacakkhum. satapuññalakkhaṇaṃ. Pānehi buddhaṃ saranaṃ upemi!”

Dòng Sākyā Tiêu Vong

Sau khi đã chuẩn bị xong lương thực, tướng tráng, binh hùng, voi ngựa sung sức, khỏe khoắn nhất, đức vua Viḍūḍabha thân chinh dẫn đại quân rầm rộ nhắm hướng kinh thành Kapilavatthu trực chỉ. Voi ngựa đi rung rinh như địa chấn. Quân lính đi phăng phăng như gió bão.

Bao nhiêu năm với mỗi hận trong lòng, và lời thề “lấy máu của dòng tộc Sākyā để rửa chân” như mãi còn văng vẳng bên tai của mình, đức vua Viḍūḍabha thúc hối đại quân tiến nhanh cho bọn địch không kịp trở tay. Ông lầm bầm: “Phải đánh mạnh như chẻ tre. Phải đột ngột tập kích như trên trời rơi xuống!”

Đức Phật cứ nấn ná mãi tại thị trấn Medataḷumpa, thuộc quốc độ Sākyā mà chưa chịu rời chân đi, nhiều vị tỳ-khưu không hiểu lý do tại sao. Riêng chư tôn giả có thắng trí thì tường tận nguồn cơn sự việc hơn. Chuyện đức vua Pāsenadi và cái chết bi thương của ông, đức Phật biết; và ngài lại khá an tâm trong cuộc hội thoại cuối cùng của đức vua về cái gọi là “pháp truyền thống” đã ăn sâu vào tâm trí ông.

Mấy hôm sau, trời đang nắng nóng, đại quân của Viḍūḍabha đã đến biên giới hai nước, ông chậm rãi xuống voi nghỉ ngơi giây lát dưới một cội đa to, tàn nhánh rậm rạp,

xanh um mát mẽ. Một vị tướng từ xa bước lại, râu tóc với Viḍḍabha là có đức Phật ngồi bên kia biên giới, dưới một cội cây cành lá thưa thớt. Viḍḍabha vốn rất tôn kính đức Phật, nhất là sau khi nghe vài lời của ngài, đức vua Pāsenadi đã vội cho phục chức ngôi vị của hoàng hậu và của thái tử.

Vội vã bước sang biên giới thuộc địa phận Kapilavatthu, đức vua Viḍḍabha thành kính đánh lễ đức Phật rồi thưa rằng:

- Trời nắng to như thế này, sao đức Thế Tôn không qua bên kia biên giới, ngồi dưới bóng cây râm mát, mà lại ngồi ở chỗ trống, trống không trên đầu như thế này?

Đức Phật trang nghiêm đáp:

- Bóng râm của cây lá, không mát mẽ đâu, tôi đại vương!

- Trẫm không hiểu!

- Phải! Đại vương phải suy nghĩ mới hiểu được! “Bóng râm của thân tộc” mới thật sự là mát mẽ, tôi đại vương!

Nghe câu “bóng râm của thân tộc”, đức vua hiểu ngay: “Đức Thế Tôn là dòng dõi Sākya, ngay chúa của dòng dõi Sākya anh hùng, ông ngoại ta, cũng phải ôm hôn chân bụi của ngài!” Nghĩ thế xong, Viḍḍabha thân thờ giây lát rồi tức khắc ra lệnh lui quân. Quả vậy, ông là ai mà lại dám tiến quân sang Kapilavatthu khi đức Thế Tôn đã ngồi ở đây trong “bóng râm của thân tộc, bảo vệ dòng dõi Sākya”?

Về triều chỉ hơn tháng là đức vua lại hậm hực không yên. Do sợ đức Phật nên ông cho quân thám báo dò la để biết ngài đang ở đâu. Hôm nọ, khi hay tin đức Phật đã trở về Kỳ Viên tịnh xá rồi, mừng quá, Viḍḍabha lại dẫn đại quân đi. Đến biên giới, quân tiền trạm báo là đức Phật vẫn ngồi ở cội cây cũ, thế là Viḍḍabha lại lui thủ dẫn quân về. Rồi mấy tháng sau, lần thứ ba, cũng vậy.

Kiên nhẫn đến lần thứ tư thì không còn thấy đức Phật dưới cội cây trơ trọi ngán đường họ nữa, Viḍḍabha vui mừng, tiến quân như vũ bão.

Sở dĩ đức Phật không ngăn cản, bảo vệ cho Sākya nữa, là vì ngài biết, cộng nghiệp của dòng tộc Sākya sắp tận tuyệt rồi. Mọi hỗ trợ của thiện nghiệp, duy trì đời sống của họ bây giờ đã đến hồi yếu ớt, không còn phát huy năng lực, dẫu là chút ít. Họ gây nhân, bây giờ cái quả đã chín muồi. Thuở xưa, một kiếp nọ, cả dòng tộc Sākya sinh sống tại một ngôi làng chài, do tham lam thu nhập, họ đã đồng tâm hiệp sức cả già trẻ nam nữ cùng bỏ thuốc độc cả một dòng sông, thế là cá mẹ, cá con, cá to, cá nhỏ chết nổi lên bênh trắng hếu cả mặt nước. Do ác nghiệp ấy nên mối hận thù của Viḍḍabha chỉ như là sứ giả của quả báo đến đòi lại sinh mệnh mà thôi!

Đức vua Viḍḍabha không gặp một lực cản nào, từ biên giới cũng như đến gần kinh thành. Hoàng tộc Sākya đã biết tin từ lâu, và họ cũng đang cố ý chờ đợi sự diệt vong này! Chuyện cô thị nữ Kapilā lấy sữa rửa chỗ ngồi của Viḍḍabha là một sự sỉ nhục thái tử quá đáng, cô đã bị đức vua Mahānāma cho cạo đầu và bắt sống đời nô lệ. Tuy nhiên, đức vua Sākya còn suy nghĩ sâu xa hơn. Tại sao những năm tháng trở lại đây, đức Thế Tôn không giảng cho hội chúng con em hoàng gia những pháp cao hơn, lui tới chỉ là những pháp sơ cơ nhân thiên mà thôi? Và tại sao, đức Thế Tôn giảng nói cặn kẽ cả bề rộng, bề sâu về ngũ giới, mà tôn giả Ānanda cũng vậy? Phải chăng, đức Thế Tôn biết cái gì đó sắp xảy ra, và ngũ giới chính là chiếc phao sinh mệnh và phước báu mai hậu cho họ? Và nhờ vậy mà dòng họ Sākya ai cũng giữ giới rất tốt; tướng sĩ, quân lính, thị vệ đều thế cả.

Đại quân của Viḍḍabha quả thật là hùng hậu, họ bao vây kinh thành mấy lớp, một con chuột cũng không thoát ra ngoài được.

Do quyết tâm tận diệt Sākya để lấy máu rửa chân mình nên Viḍḍabha cho bắn mấy trăm tên thư vào thành: “Không cho bỏ chạy, không cho đầu hàng; giỏi thì cứ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, mũi tên cuối cùng. Ta sẽ tru diệt Sākya để trả mỗi hận xưa!”

Viḍḍabha chờ đợi. Buổi chiều, mấy chục mũi tên thư hồi âm: “Bà ngoại cháu mất rồi, còn ông ngoại đây, ngoại thương cháu vô cùng, cháu muốn giết cả ngoại nữa ư?”

Viḍḍabha cho tên thư hồi đáp: “Ngoại thì được tha! Nhưng tất cả Sākya thì diệt hết!”

Đợi thêm một ngày nữa không thấy tin tức gì, Viḍḍabha phát cờ lệnh tấn công. Thế là voi, ngựa đạp rào, đạp chông gai, bắt thang qua hầm chông, quân lính dậy đất vang trời hô xung phong, tiến đến gần thành. Tuy nhiên, một trận mưa tên kinh hoàng phủ chụp xuống, đội quân tiên phong chững lại. Quyết không lùi bước, Viḍḍabha cho tiến quân đợt hai, đợt ba, nhưng đều bị bật ngược ra phía sau vì hàng ngàn mũi tên tiễn bắn chính xác mục tiêu nơi thân người, nơi voi, nơi ngựa không hề sai trật.

Viḍḍabha thật không ngờ sự chống trả mãnh liệt của Sākya, và cái tài thần tiễn bách phát bách trúng của họ. Bây giờ ông mới nhớ đến cái dòng dõi vốn nức tiếng anh hùng từ thời lập quốc, đúng là danh bất hư truyền!

Thấy sự “tồn thất” quá lớn, Viḍḍabha sợ hãi ra lệnh tạm lui quân. Một viên tướng từ mé gần thành chạy ra, thưa:

- Tại sao đại vương lại cho lui quân?
- Vì ta tồn thất quá lớn!
- Không phải vậy! Tướng lãnh, voi ngựa, binh lính không ai bị thương cả.
- Tại sao?
- Vì tất cả tên đều không có tâm độc, lại được lấy đi mũi sắc nhọn, ai cũng chỉ bị đau chút ít, sung tấy đỏ lên mà thôi.

Do giữ ngũ giới tốt, thù mình bị giết chứ không thể giết người, đây là cái lệnh nhân đức của đức vua Mahānāma. Tuy nhiên, cái tâm nhân đức ấy không làm cho Viḍḍabha rung động, mà ngược lại, ông càng cho quân tiến lên, vì biết tiến lên cũng không chết.

Thế rồi, công thành bị phá, quân của Viḍḍabha tràn vào như nước vỡ bờ, không còn đội quân nào, mũi tên nào ngăn chặn bước tiến của họ nữa.

Không phải ai trong thành này cũng là Sākyā sát-đế-ly nên Viḍḍabha ra lệnh chỉ tìm giết tộc Sākyā mà thôi. Thế là một cuộc tàn sát kinh hoàng xảy ra trong lịch sử châu Diêm-phù-đề. Không kể già trẻ lớn bé, hễ xác định qua khí giới, qua trang phục, qua diện mạo, sắc tướng quý tộc là họ giết, chỉ chừa lại các giai cấp khác.

Có một số người thuộc dòng dõi Sākyā không cam tâm chịu chết một cách oan uổng nên họ đã dùng mưu, người thì cầm một cọng cỏ, người thì cầm một cành lau.

Biết kinh đô này ai ai cũng có ngũ giới nên không giết người như vừa rồi, quân của Viḍḍabha khi gặp một người nghi ngờ là họ hỏi, do họ biết chiến sĩ Sākyā không nói dối:

- Người có phải là Sākyā không?

Nếu là người nắm cọng cỏ thì họ đưa cọng cỏ lên, trả lời:

- Không phải sākya, tôi là cọng cỏ!

Nếu là người cầm cành lau, khi được hỏi, họ trả lời:

- Không phải sākya, tôi là cành lau!

Câu thứ nhất, nguyên văn pāli là “Na sāko, tiṇṇanti”; câu thứ hai là “Na sāko, naḷoti”. Do âm “sāko” na ná như “sākya” nên quân lính Viḍḍabha dù sao cũng là người nước khác, phát âm hơi khác, cứ tưởng là kẻ kia phủ nhận mình là Sākyā nên họ không giết. Thế là có hai nhóm người bảo toàn được mạng sống. Nhóm thứ nhất, nhóm cọng cỏ, sau này được gọi là Cỏ thích-ca (Tiṇṇasākiya); nhóm thứ hai, sau này

được gọi là Lau thích-ca (Naḷasākiya).⁽¹⁾ Ngoài hai nhóm người này được sống, còn nhóm thứ ba cũng không bị giết đấy là đức vua Mahānāma, con cháu của gia đình và thuộc hạ tùy tùng.⁽²⁾

Trận tru diệt ấy, máu đổ khắp nơi, Viḍḍabha đắc thắng, hễ hạ dẫm chân lên từng vũng máu – coi như là đã lấy máu Sākya để rửa chân mình; sau đó, đem theo cả đại gia đình, tùy tùng của đức vua Mahānāma rồi rút quân về.

Đại quân dừng chân nghỉ ngơi nơi một vùng sông nước.

Viḍḍabha quát bảo thị nữ và tùy tùng chuẩn bị một buổi tiệc để ông đãi đằng ông ngoại.

Đức vua Mahānāma tự nghĩ: “Cháu ta vì hận thù mà trở thành kẻ đại ác, nói với nó về đạo lý, về lẽ phải thì chỉ như nước đổ đầu vịt! Ta không cùng chết với những chiến sĩ giữ giới ‘thà bị người giết chứ không thể giết người’ là ta đã có lỗi với họ. Bữa tiệc mà cháu ta đãi, chỉ như một món ‘vinh quang thừa’, có lẫn lộn máu của dòng dõi Sākya, nuốt nó thì có khác gì nuốt cục sắt nóng ở địa ngục?” Như đã có lời giải, ông ôn tồn nói với Viḍḍabha:

- Hãy để cho ta tắm một chút, người lấm láp khó chịu quá!

Thế rồi, ông ra xa ngoài triền sông, lấy tảng đá cột vào búi tóc rồi từ từ đi xuống nước cho đến ngập đầu: Đức vua

⁽¹⁾ Chỗ này viết phồn theo Chú giải kinh Pháp cú (q.2, trang 128) của Trưởng lão Pháp Minh – có thay đổi từ “no” ra “na” và thêm dấu phẩy. Thay vì “No sāko tiṇṇanti” – thành “Na sāko, tiṇṇanti”, và “No sāko naḷoti” thành “Na sāko, naḷoti”. Người biên soạn rất dè dặt khi sửa như vậy, chưa có thì giờ kiểm chứng. Xin thông cảm.

⁽²⁾ Theo Sử Phật giáo Ấn Độ, dòng Sākya không tuyệt hẳn. Những người Sākya sống sót, sau quy tụ tại vùng đất có nhiều chim công, nên họ lấy tên là Không Tước (Moriya). Do dòng máu anh hùng, bất khuất, tộc Moriya lại đông đúc, phú cường, hùng mạnh; tiên tổ của họ đánh chiếm nhiều lãnh thổ. Đại đế Asoka chính là hậu duệ của Moriya, cũng chính là cháu con nhiều đời của Sākya vậy.

đã tự xử mình cho tâm hồn được yên ổn – vì ông không thể sống chung với kẻ ác!⁽¹⁾

Đợi hoài cả canh giờ không thấy đức vua Mahānām trở lại, Vidūḍabha nghi là ông ngoại đã tìm cách tẩu thoát rồi, tuy nhiên, ông cũng không bận tâm lắm, ăn vội qua quýt rồi ra lệnh lên đường.

Tối hôm sau, đại quân lại hạ trại bên bờ sông Aciravatī, chia làm hai đội, một đội nghỉ giữa bờ cát, một đội ở trên sườn núi để khi có biến, ứng cứu lẫn nhau. Những người không bị quả báo ác nghiệp, do kiến, do côn trùng, hoặc do khó ngủ, xui khiến họ bỏ bãi cát lên ngủ trên cao. Những người bị quả báo ác nghiệp, cũng do kiến, côn trùng hoặc khó ngủ, xui khiến họ bỏ sườn núi, xuống ngủ giữa bãi cát. Thế rồi, chừng nửa đêm, mây đen mù mịt, mưa tuôn như thác đổ, cộng với dòng nước cuộn cuộn từ thượng nguồn đổ về. Cả đội quân trong đó có Vidūḍabha chưa kịp hiểu chuyện gì, chưa kịp bỏ chạy – thì dòng lũ như những con tuồng luồng hung hãn, cuốn phăng tất cả lều trại, người vật, khí giới, vật dụng băng băng về hạ lưu. Chỉ còn những người ở bờ cao, sườn núi thì được sống sót.

Sau này, khi kể lại tích truyện này, chư vị kết tập sư đã ghi lại bài kệ của đức Thế Tôn:

“- Ai còn thu nhật hoa hương
Đắm si, tham nhiễm bên đường, biết hay?
Tử Thần mang kẻ ấy ngay
Như cơn lũ cuốn ngủ say cả làng!”⁽²⁾

Rồi giảng rộng rằng: Cũng tương tự như vậy, tử thần chính là những dòng nước lũ, nó cuốn phăng tất cả chúng

⁽¹⁾ Theo Pháp cú chú giải (nt), sau khi đức vua trầm mình dưới nước, Long vương quán thấy nguyên nhân nên cho rước về thủy cung, và ông đã lưu trú ở đây mười hai năm.

⁽²⁾ Pháp cú 47: “Pupphāni heva pacinantam, byāsattamanasam naram, suttam gāmaṃ mahogho’va, maccu ādāya gacchati”.

sanh dẫu là phạm thiên, chư thiên, ma quân, vua chúa, người vật... không sót một ai. Tử thần cũng đang cất tiếng gọi báo động cho những ai đang say ngủ, đang vờ tham vọng quyền lực, công danh, địa vị, tài sản, đang khát khao say đắm ngũ trần, mê luyện hoa hương, phải mau mau tỉnh thức, nếu không, nó sẽ cuốn phăng kẻ ấy đi, nhấn chìm họ xuống biển tứ ác đạo, ngàn đời tối tăm, thống khổ không lối thoát.

Tôn Giả Sāriputta Viên Tịch

Sau hạ thứ bốn mươi ba⁽¹⁾ của tôn giả Sāriputta tại làng Beluvā gần Vesāli, ngài và đại chúng tỳ-khưu về Kỳ Viên tịnh xá để đánh lễ đức Đạo Sư. Câu chuyện về quả ác báo của Devadatta, đã lan truyền đi khắp nơi, nhiều vị tỳ-khưu phàm tăng tò mò muốn xem tận mắt chỗ đất rút ấy nó như thế nào.

Trải qua bốn mươi lăm do tuần, tôn giả Sāriputta cảm thấy cơ thể rã rời, dường như không còn chút hơi sức nào. Ngài biết rằng, tấm thân này đã như một cỗ xe quá cũ, các trục đã hao mòn, các cãm đã lỏng lẻo hoặc hư mục. Rõ ràng đây là lúc phải thời để tính chuyện ra đi!

Thế rồi, tôn giả xin phép đức Phật trở về tịnh thất, cất đặt y bát, quét dọn phòng, trải tọa cụ rồi đi vào định diệt thọ tưởng để nghỉ ngơi. Khi xả thiền thì trời đã vào khuya, lúc đứng dậy, ngài nghe các khớp xương đau nhức và trong đầu như có cái gì bén nhọn đâm vào rồi lại kéo ra. Tuy thế, đi kinh hành một lát, tôn giả lại trở về chỗ tọa cụ, chậm rãi ngồi xuống, một ý nghĩ khởi sanh: “Ta sẽ nhập diệt trước đức Thế Tôn hay là sau ngài?”

⁽¹⁾ Tức là hạ thứ 44 của đức Phật.

Tôn giả hướng tâm đến, biết rằng, bao giờ vị đại đệ tử cũng nhập diệt trước vị Phật. “Còn Mahā Moggallāna thì sao?” Ngài lại tự hỏi, rồi biết rằng tôn giả Mahā Moggallāna sẽ nhập diệt sau ngài nửa tháng. Và hiện tại, thọ hành của tôn giả Sāriputta chỉ còn duy trì được hai mươi một ngày. Vậy thì trong thời gian này, tôn giả còn bồn phận gì trên đời cần phải thực hiện? Và dĩ nhiên, tôn giả lại tưởng nghĩ đến mẹ. Mẹ ngài vẫn là cái gì cứ mãi canh cánh ở bên lòng.

Mặc dầu cả thấy bảy người con (bốn trai ba gái) trong gia đình đều đắc quả A-la-hán nhưng bà Sārī không tin Tam Bảo, vẫn xem thường đức Phật và tặng chúng, vẫn đặt niềm tin mù quáng theo ngoại đạo.

Tại sao tôn giả lại không thể cứu độ mẹ được? Cả hàng ngàn vị trời, ngài đã từng an trú cho họ vào các tầng thánh quả. Cả hàng ngàn gia đình cư sĩ, tôn giả đã mở những cánh cửa trời cho họ bước lên, đôi khi là đưa họ vào dòng giải thoát. Cũng đã hàng ngàn tỳ-khuru và sa-di đã nhờ tôn giả mà họ bước vào các đạo lộ siêu thế. Kể cả các giáo phái chủ, giáo phái sư, bà-la-môn trưởng giáo, bà-la-môn trí thức hữu danh, vua chúa, đại thần, tướng quân, thương gia... dẫu kiêu căng, cứng đầu, trịch thượng nhưng sau khi nghe pháp họ đã trở nên nhu thuận, dễ dạy! Thế thì tại sao tôn giả lại bất lực trước mẹ ngài? Có lẽ vì thiếu trí tuệ hoặc vì nhân duyên của bà chưa chín muồi?

Tôn giả Sāriputta lại trở nên trầm ngâm, ngài đang hướng tâm quan sát căn duyên của mẹ. Chợt tôn giả hoan hỷ thốt lên:

- “Hay thay! Tuyệt diệu thay! Mẹ ta sẵn đủ căn duyên bước vào thánh đạo!”

Rồi tôn giả lại nghĩ tiếp:

-“Vậy ai là người có duyên để cứu độ mẹ ta?”

Sau khi biết rõ kẻ đó chính là mình, tôn giả quyết định:

- “Vậy thì ta sẽ nhập diệt ở chốn cố hương, nơi chỗ mà ta chào đời để cứu độ mẹ ta!”

Sáng hôm sau, tôn giả Sāriputta trình bày quyết định của mình cho tôn giả Mahā Moggallāna hay. Cả hai ngồi yên lặng một hồi lâu.

- Tôn huynh tính như vậy thì tình, lý, đều trọn vẹn! Đức Mahā Moggallāna nói - Thôi, tôn huynh đi trước, đệ sẽ tùy thời mà đi sau!

Tôn giả Sāriputta đứng lên, nắm tay Mahā Moggallāna:

- Vậy là từ nay, chúng ta sẽ không có cơ hội gặp nhau, đây là lần cuối cùng, chẳng còn cái cuối cùng nào nữa cả!

- Cũng vừa đủ, tôn huynh! Mahā Moggallāna cất giọng chậm rãi - Đã kinh qua suốt cuộc đời, duyên lành gặp được đạo mẫu bất tử, chẳng còn một mảy may đau khổ, phiền não nào dính mắc ở trong tâm! Và, chúng ta cũng đã làm được nhiều điều hữu ích, lợi lạc cho chúng sanh! Chúng ta cũng đã làm việc hết sức mình, cơ thể chúng ta đã không còn chịu đựng được nữa rồi!

- Đúng là vậy, pháp đệ! Chúng ta làm bạn với nhau suốt trong tuổi thơ ấu, thanh niên, và hơn bốn mươi năm trong giáo pháp của đức Tôn Sư. Chúng ta đã hợp tác chặt chẽ với nhau trong mọi công việc được đức Thế Tôn giao phó, chưa lần nào chúng ta tranh cãi một lời, luôn luôn thuận thảo, tương kính, luôn luôn từ hòa, hỷ hoan, mát mẻ...

Ôi! Thật là tốt đẹp thay khi chúng ta đã sống trọn vẹn một cuộc đời giác ngộ!

Tôn giả Mahā Moggallāna nắm tay tôn giả Sāriputta, xiết chặt, mỉm cười:

- Không biết mấy triệu năm mới có một cuộc tương ngộ và một cuộc vĩnh biệt như thế này? Hãy cho đệ đánh lễ lần cuối cùng, một người anh duy nhất, cao cả và siêu việt!

Tôn giả Mahā Moggallāna quỳ xuống đánh lễ. Tôn giả Sāriputta cũng quỳ xuống đánh lễ theo. Cả hai đều rất chân tình và rất trân trọng.

Tôn giả Sāriputta nói:

- Từ khi thấy được giáo pháp Bất Tử, ta không tìm thấy chỗ nào là huynh, chỗ nào là đệ ở trong hai chúng ta cả. Đây chỉ là sự tương kính pháp. Ta cũng xin được đánh lễ một vị sư đệ duy nhất, cao cả và siêu việt!

Cả hai vị tôn giả tối thượng từ giã nhau như vậy, vĩnh biệt nhau như vậy. Thật là thân thiết mà xa xôi, đậm đà mà nhạt đạm, chẳng vướng bận gì, chẳng dính mắc gì. Như mây bay, như gió thoảng. Không rỗng như hư không.

Sau đó, tôn giả Sāriputta đi khát thực. Ngài muốn đi một vòng quanh kinh thành Sāvatti thăm viếng một lần cuối cùng nơi mà ngài đã từng sống với chư tăng và mọi người trong bao nhiêu năm, nơi mà ngài được bao người kính mộ dâng cúng vật thực đầy đủ để nuôi thân và hành đạo. Ngài phải biết tri ân điều đó.

Về lại tịnh xá Kỳ Viên, tôn giả cũng đi thăm một vòng như thế. Độ ngộ xong, tôn giả cho gọi trưởng lão Mahā Cunda, là em của ngài đến bên rồi nói:

- Này Mahā Cunda! Hãy chuẩn bị, cùng với ta, về quê thăm mẹ nhé!

- Dạ, thưa vâng!

- Hãy sử dụng khả năng của đệ để thông báo cho Upāsena, Revata và các vị tỳ-khưu-ni Cālā, Upacālā, Sīsipacālā cùng về luôn thể.

- Dạ, thưa vâng!

- Hãy bảo rằng là ý của ta, cho tụ họp năm trăm tỳ-khưu môn đệ, cùng bộ hành với chúng ta về Nālāka để hỗ trợ uy lực cho mẹ.

- Dạ, thưa vâng!

Khi trưởng lão Mahā Cunda quay lưng bước đi, tôn giả Sāriputta chột kêu lại:

- Này Mahā Cunda! Trong bao năm sống với pháp huynh, pháp huynh có làm điều gì phiền rộn đến em không?

- Dạ thưa không! Pháp huynh trắng bạch như vỏ ốc. Bảo làm phiền rộn thì chẳng khác nào là đê không có tai, không có mắt, không có tim, không có óc!

Tôn giả lại ân cần:

- Đê đã là một trưởng lão cao hạ rồi. Ta hỏi thế thôi chứ ta biết đê an vui, tinh tấn, sống rất hài hòa với mọi người, lại được hạnh phúc vững chắc trong giáo pháp nữa.

Trưởng lão Mahā Cunda ngần ngừ một lúc:

- Lần này có thể dắt mẹ qua bờ được không?

- Báo tin vui cho đê hay là chắc chắn được! Mẹ chúng ta sẽ đến được bên bờ bình an!

Trưởng lão Mahā Cunda cảm thấy hoan hỷ trong lòng, chào tôn giả rồi đi ngay.

Hôm sau, tôn giả Sāriputta lấy chổi quét dọn tịnh thất, cất đặt mọi thứ đầu đó cho ngăn nắp. Dọn dẹp bên trong rồi tôn giả ra quét dọn xung quanh hành lang. Xong xuôi, đắp y, mang bát – tôn giả bước ra bên ngoài, khép cửa lại. Ngài đi quanh ba vòng rồi bước ra xa, nhìn ngắm lại tịnh thất. Tôn giả nói thầm trong tâm rằng:

- “Cảm ơn người đã che mưa đỡ nắng cho ta bao ngày. Đây là cái nhìn cuối cùng của ta, người biết không? Nhưng khi ta đi rồi, thì hy vọng rằng, sau ta, nhiều vị A-la-hán khác nữa sẽ ở trong vòng tay ấm cúng của người”.

Lát sau, hai vị Tôn giả Upāsena, Revata tìm đến; rồi lần lượt các vị tỳ-khưu-ni Cālā, Upacālā, Sīsupacālā ở phương xa cũng vân hành đến nơi. Vậy là những em ruột của ngài đều tề tựu đầy đủ. Tôn giả rất hoan hỷ, báo với các em mục đích chuyến thăm viếng mẹ lần cuối cùng. Ngay lúc ấy,

trưởng lão Mahā Cunda cùng năm trăm tỳ-khưu đi đến. Họ đều đánh lễ tôn giả và chờ lệnh.

Tôn giả nói:

- Các thầy sẽ vất vả bộ hành đường xa, nhưng rồi sẽ thâu hái được nhiều điều hữu ích. Bây giờ hãy cùng ta đến đánh lễ đức Tôn Sư!

Đức Thế Tôn đã biết, lúc ấy, ngài đang chờ họ ở đại giảng đường. Sau khi đánh lễ, tôn giả quỳ xuống bên chân đức Đạo Sư:

- Hôm nay, đệ tử đến đây để chào đức Tôn Sư lần cuối cùng. Đệ tử sắp từ bỏ huyễn thân và từ bỏ cõi đời trần tục này. Thọ hành của đệ tử như ngọn đèn leo lét. Xin đức Tôn Sư cho phép đệ tử được nhập diệt.

Đức Thế Tôn im lặng.

Tôn giả lại cất giọng khẩn thiết:

- Ôi! Đệ tử biết nói lời gì khi vĩnh biệt một bậc vĩ nhân siêu quần bạt tụy? Chính nhờ hồng ân của đức Đạo Sư mà đệ tử bước ra khỏi bể khổ trầm luân để đi theo dấu chân giải thoát của ngài. Từ đây, đệ tử sẽ không còn lang thang vô định, tới lui giữa sáu cõi khổ vui sinh diệt nữa. Đây là lời phụng bái thứ nhất của đệ tử!

Tôn giả cung kính đánh lễ.

- Giờ đây, thân xác tứ đại của đệ tử bắt đầu rã tan, sắp trả về cho tứ đại. Chỉ vài mươi hôm nữa, thọ hành của đệ tử sẽ chấm dứt vĩnh viễn, kể cả ngũ uẩn này cũng không còn tiếp tục chồng chất, rối loạn, lòn bịp ai được nữa. Thế là gánh nặng muôn đời đã được buông bỏ xuống. Đệ tử sẽ hoàn toàn giải thoát, không còn bất kỳ một hạt bụi phiền não nào còn tồn tại. Ân đức ấy thuộc về đức Tôn Sư, triệu triệu năm không đền đáp được. Hãy cho đệ tử thêm một phụng bái thứ hai này!

Tôn giả cung kính đánh lễ.

- Ôi! Hồng ân của đức Tôn Sư là đời đời bất diệt. Từ khi bước chân vào giáo pháp Bát Tử, đệ tử đã biết sống một cuộc đời có lợi ích thiết thực, biết phục vụ và biết phát huy, tăng trưởng sung mãn những phẩm chất cao đẹp của con người. Thế nên biết bao chúng sinh đã được lìa xa khổ não? Biết bao chư thiên và nhân loại đã được nếm hương vị của pháp mầu? Giờ đây, đệ tử đi vào Niết-bàn với tâm tư hoàn toàn thanh thản và mãn nguyện. Xin đức Thế Tôn cho phép đệ tử được nghỉ ngơi vì cái cỗ xe thân xác này đã đến lúc rã mục. Cho đệ tử được phụng bái một lần nữa, lần thứ ba, thay mặt chúng sinh, tri ân bậc Vô Thượng Giác!

Cả hội trường im lặng như tờ. Đâu đó dường như có tiếng khóc nho nhỏ. Rất nhiều vị tỳ-khuru trong hàng ngũ chư tăng không ngăn được giọt lệ.

Đức Thế Tôn cất giọng an nhiên, điềm đạm:

- Này Sāriputta! Ông sẽ nhập diệt ở đâu?

- Tại quê hương của đệ tử, làng Nālāka, tại chỗ mà đệ tử được chào đời!

Đức Phật hỏi tiếp:

- Thời gian chỉ còn hai mươi ngày, từ đây về quê có kịp không?

- Dạ thưa, vừa đủ.

- Vậy thì đây là việc cần thiết, sau lần từ giã này, chư tăng và huynh đệ sẽ không còn cơ hội được gặp mặt ông nữa; ông hãy ưu ái đến hội chúng, thuyết cho họ nghe thời pháp cuối cùng.

Vâng lời đức Phật, tôn giả bước lên một bảo tọa thấp hơn, ngồi ngay ngắn, đoan nghiêm, nhiếp tâm thanh tịnh rồi ban một thời pháp chưa từng được nghe...

Thời pháp như tiếng gió rì rào bất tận, như hải triều âm xa mù đại dương, từng đợt sóng cuộn trào va đập vào ghềnh đá. Liên miên. Bất tuyệt. Gió lại lặng, sóng lại tan... Cử tọa thính chúng chợt như thấy trước mắt mình một bình minh

tươi sáng, một mùa xuân mát mẻ an lành hiện ra sau đêm đông lạnh lẽo. Tuyết tan, tiếng chim reo vui, muôn hoa đua nở, hương trời bâng bạc, dịu dàng như xoa dịu tất cả những tâm hồn khổ đau...

Tôn giả nói về đời ngài bị bít bùng bởi truyền thống, bởi tâm thức ngoại giáo, sống trong bóng tối nô lệ của thần quyền; bước đi trong mê lộ của những thứ triết học rối rắm, tư vò, hợm hĩnh và cao đại. Có những lời, những chữ được dệt gấm thêu hoa, kết nên tư tưởng được đóng khung, được mạ vàng, được quảng cáo rầm rộ là chân lý bất diệt nhưng thực chất là rỗng không, không có linh hồn, không có sự sống. Tất cả đây chỉ là lớp ngụy trang, là cái vỏ hào nhoáng bao che bên ngoài các bản ngã với những dục vọng thô thiển cũng như tể vi! Thế rồi từ đời này sang đời nọ, cha ông, cháu con, hệ hệ được nối tiếp, kế thừa; hình thành một tập cấp buôn thần bán thánh, rêu rao vì đại bi, vì phương tiện tối thượng thừa, vì lòng từ của thượng đế! Chúng nắm độc quyền về tinh thần, miệng lưỡi trả giá như con buôn, thao túng bọn dân ngu khu đen, chụp bàn tay lông lá vào những đặc quyền đặc lợi, ăn trên ngồi trước, no nê phê phỡn, nhảy múa bên bờ vực thẳm của tử ma...

Thế rồi, tiếng trống bắt tử có mặt giữa đời, xóa tan mây mù hôn ám; như một sinh khí mới, làn sóng Pháp Bảo uy dũng và dịu dàng cuốn đi tất cả mọi rác rưởi xú ố của thần linh và con người ngu si để lại. Đấng Vô Thượng Tôn ngự giữa tầng mây, gióng lên tiếng sấm, thức tỉnh mọi loài; một cơn mưa hoa nhân ái, sáng rõ trí tuệ, minh mông giải thoát; chỉ ra một lộ trình hướng thượng, mở ra một cánh cửa đã đóng kín tự ngàn xưa, đem chúng sanh đến các cõi chân phúc và xán lạn...

Ôi! Con đường ấy là gì? Cánh cửa ấy là gì? Hỡi ai có chân để bước, có tay thì gõ mà vào! Một vị Chánh Đẳng Giác đã xuất thế, qua hàng triệu tỷ năm tu tập công hạnh,

thăng hoa phẩm chất, kết đài trí tuệ! Từ đỉnh Himalaya bước xuống, dòng sông Gaṅgā mở ra, quả địa cầu cúi mình xuống thấp, nghênh đón bước chân nở bảy hoa sen. Ngài đi giữa chốn loài người đã bốn mươi bốn năm không mệt mỏi vì lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và nhân loại. Đức Thế Tôn ấy là thầy của tôn giả, cho ngài uống được giọt nước trong mát tận đầu nguồn thánh hạnh...

Ôi! Đầu nguồn thánh hạnh ấy là gì? Hỡi ai có tai để nghe, có trí để tìm hiểu!...

Vốn làu thông cả pháp và luật, tôn giả Sāriputta đã đi từ những pháp cao siêu nhất xuống những pháp gần gũi và giản dị nhất. Rộng thì rộng đến vô biên, mà nhỏ thì có thể đựng đầu hạt cải. Và cuối cùng, lộ trình hướng thượng ấy, cánh cửa Bát Tử ấy chỉ còn là đứng đi nằm ngồi, mặc áo, ăn cơm, quét tịnh thất, tôn kính bậc trưởng thượng, giác tỉnh, nhu thuận, lặng lẽ, ôn hòa, thuần tịnh, nội tâm trong sạch không có cấu bợn phiền não...!

Cả đại giảng đường mênh mông như vừa được tắm mát bởi thời pháp của tôn giả. Chư thiên, phạm thiên, rồng, dạ-xoa, cư-bàn-trà, càn-thát-bà... ngự đầy đặc cả không gian rải hoa ca ngợi.

Tôn giả bước xuống pháp tòa, quỳ ôm đôi chân của đức Thế Tôn rồi cất lên tiếng lời uy dũng của sư vương:

- Kính lạy bậc Thiên Nhân Sư! Hãy cho đệ tử lễ bái đôi chân này! Cũng chính nhờ lễ bái đôi chân này mà đệ tử được hoàn toàn giác ngộ, hoàn toàn giải thoát. Chính nhờ lễ bái đôi chân này mà đệ tử được sống giữa thời gian vô cùng và không gian vô tận, được sống vĩnh cửu trong mỗi chớp mắt thoáng trôi. Tất cả mọi nguyện vọng, hy cầu của đệ tử giờ đây đã được cụ túc, viên dung, trọn vẹn. Từ đây, đệ tử sẽ không còn được gặp đức Thế Tôn để đánh lễ đôi chân này nữa. Đây là giờ phút nghiêm trọng, thiêng liêng mà đệ tử có thể sờ được đôi chân của đấng Toàn Giác, đồng thời thấy rõ

được cảnh giới Niết-bàn, không chết, không sinh, an nhiên, tự tại, tịch mặc. Đệ tử đánh lễ đôi chân này vì đôi chân này cũng chính là đôi chân của vô lượng vị Phật quá khứ đã bước vào cảnh giới ấy; và hiện giờ đây, đệ tử cũng đang lần bước theo...

Đánh lễ đôi chân một ngàn cặm bánh xe của đức Phật xong, tôn giả đứng lên rồi quỳ xuống lại.

- Bạch đức Thế Tôn! Từ trước đến nay, suốt hơn bốn mươi ba năm sống trong giáo pháp, nếu đệ tử có hành vi hay lời nói nào phật ý đức Thế Tôn, không được vừa lòng đức Thế Tôn vì trí tuệ non kém của đệ tử, ngưỡng mong đức Thế Tôn hỷ xả, tha thứ lỗi lầm ấy cho đệ tử.

Đức Phật cất giọng chậm rãi, ôn nhu, từ hòa:

- Nay Sāriputta! Ông là một tỳ-khuru uyên bác, thông minh, có đạo hạnh cao cả, khiêm nhu, một trí tuệ vượt bậc, sắc bén và sáng sủa, lẽ nào ông có thể có hành vi hay cử chỉ tạo ra lỗi lầm với Như Lai? Ông đúng là một sa-môn ưu tú, mẫu mực, giềng mối cho giáo hội; gia dĩ có sự quở trách nào đó cũng chỉ vì muốn viên toàn bốn phạm cho ông, hoặc ông sẽ tăng trưởng phương tiện thiện xảo để dẫn dắt chư tăng thay mặt Như Lai mà thôi.

Rồi đức Thế Tôn lại nói tiếp:

- Dầu ông có lỗi lầm hay không lỗi lầm Như Lai cũng đã tha thứ cho ông rồi. Mà thật ra, ông có lỗi lầm gì đâu, trọn cả cuộc đời, dầu là một hạt bụi nhỏ, ông cũng không để dính trên sợi lông chân của mình! Thôi, thì giờ cũng đã phải lễ, ông hãy làm những gì mà ông nghĩ là đúng thời!

Đức Phật đứng dậy. Tôn giả Sāriputta rời khỏi bàn chân của đức Thế Tôn.

Ngay lúc ấy, đại địa cầu rung chuyển, nước trong bốn đại dương dâng cao. Cả tầng mây, cả hư không dường như cũng dao động không ngớt! Nếu đại địa cầu biết nói thì nó sẽ ghen ngào, xúc động mà khởi lên tiếng nói như sau:

“- Ôi! Hỡi những hiện thân kỳ mỹ, vĩ đại và siêu việt! Mặc dầu thân thể tôi đây có thể chịu đựng được những vết chém ngang dọc của những con sông to, sông nhỏ; mặc dầu thân thể tôi đây có thể chở mang, gánh nặng những ngọn Meru hùng vĩ, những thân sơn Cakkavāla cao ngất và đỉnh Himavantu, vua của loài núi, ngút mây! Thế nhưng, tôi đã không chịu đựng nổi ngày hôm nay, một ngày mà giới đức, định đức, tuệ đức cùng vô lượng phẩm chất cao đẹp khác của con người, của thế gian đồng quy tụ ở đại giảng đường Kỳ Viên tịnh xá tại kinh thành Sāvatti, nước Kosala này!”

Chợt một tiếng sấm đầy uy vũ vang tận các tầng trời và không biết từ đâu, một đám mây khổng lồ che kín cả không gian, tối đen; rồi một trận mưa kinh hoàng, xối xả tuôn xuống mặt đất như thác đổ.

Đức Thế Tôn nhìn trời, tự nghĩ:

- “Giờ đây, một vị Chương Pháp vô song sắp đi vào Tịch Diệt, trời đất đã khởi lên những hiện tượng của trăm ngàn đại kiếp mới có một lần. Thôi! Ngài ngược nhìn trời - mưa như vậy là vừa đủ để còn nhiều người đưa tiễn con trai ưu tú của Như Lai!”

Dường như giữa hư không biết được ý nghĩ của đức Phật nên trời lại quang, mây lại lặng.

Đức Thế Tôn rời đại giảng đường, bước về hương phòng, ngài đứng trên tấm thảm nhìn ra. Tôn giả Sāriputta đi theo, chấp tay rồi đi quanh hương phòng ba vòng về bên mặt, bốn góc, đánh lễ bốn phương; đến khung cửa chính, chấp hai tay lên quá đầu, đánh lễ đức Thế Tôn một lần nữa. Với tư thế lặng lẽ như vậy, tôn giả nói ở trong tâm:

- “Giờ phút này, giữa không-thời-gian-vĩnh-cửu-bất-diệt; không biết đã trải qua bao trăm ngàn đại kiếp, khi ta quỳ mọp dưới chân đức Phật Anomadassi và phát nguyện được gặp đáng Như Lai này? Nguyện vọng ấy giờ đã hoàn toàn viên mãn. Lần gặp gỡ đầu tiên với vị Cổ Phật là sự kiện

lớn nhất đối với ta. Còn đây là lần gặp gỡ sau chót, ta chiêm ngưỡng đức Phật hiện tại, để sau này chẳng còn cơ hội nào nữa cả”.

Thế rồi, tôn giả đứng dậy, vẫn giữ nguyên tư thế hai tay trên đỉnh đầu, ngài thụt lùi từng bước một chậm rãi, thụt lùi cho đến lúc không còn thấy đức Thế Tôn nữa.

Đại địa cầu một lần nữa lại rung chuyển dữ dội, sóng nước từ bốn đại dương dâng cao, ì ầm, va đập giữa hư không!

Đức Phật nói với chư tăng, lúc ấy họ đang đứng yên lặng đầy đặc cả Kỳ Viên tịnh xá:

- Các ông có nghe, có thấy con trai trưởng của Như Lai đã để lại bài học huy hoàng, cao cả và xán lạn cho muôn đời sau hay chưa? Thôi, bây giờ các ông hãy đi đi ! Hãy đi đi! Hãy đi tiễn ông anh cả của các ông đi!

Nói xong, đức Thế Tôn quay lưng, khép cửa hương phòng lại. Chư tăng cả hàng ngàn vị, hàng chục đại trưởng lão đồng theo chân đưa tiễn bậc Tướng quân Chánh pháp về nơi an nghỉ cuối cùng. Dân chúng thành Sāvatti hay tin, họ khóc lóc kéo nhau thành từng đoàn, lũ lượt như từng dòng suối chảy cuồn cuộn, đổ ra từ các hang cùng ngõ hẻm. Chợ không đông, nhà nhà đóng cửa lại. Họ tỏ dấu chịu tang bằng cách tằm ướt nước lên tóc, tay cầm tràng hoa, vật thơm đặt lên tất cả các lối đi.

Tôn giả Sāriputta và chư tăng bị bít kín giữa rừng người, giữa rừng tiếng khóc than và biển nước mắt.

Ngài phải đứng lên cao, nói lời an ủi, phủ dụ:

- Hỡi các hàng cận sự nam nữ và muôn dân kinh thành Sāvatti yêu mến! Các người đã có lòng thương xót đến ta, kính mến ta thì hãy trở về. Đưa tiễn ta như vậy là vừa đủ. Ai rồi cũng phải một lần vĩnh biệt. Nhưng ta ra đi không phải là về nơi đau khổ, ta đi về chốn giải thoát, chân phúc và tịch

lặng. Ta ghi nhận tấm lòng tri ân của các người, rồi phước báu sẽ hộ trì cho các người được hạnh phúc và an ổn!

Tôn giả lại nói chuyện với chư tăng cùng chư vị trưởng lão:

- Tôi cũng rất biết ơn chư tăng cùng các vị trưởng lão đã tận tình tiễn đưa. Trong bao năm chung sống trong giáo pháp thiêng liêng, cao cả, chư tôn hiền giả đã giúp đỡ tôi hết lòng, nhờ vậy giáo hội mới có được ngày hôm nay. Giờ phút cuối cùng này, và không bao giờ còn sự gặp gỡ nào khác, xin chư tăng và chư vị trưởng lão xá tội cho tôi nếu tôi đã có gì lầm lỗi. Mong chư tôn hiền giả thay mặt tôi mà chăm sóc, hầu hạ sức khỏe cho đức Đạo Sư. Tôi xin thành kính đa tạ.

Chư tăng lặng lẽ hơn nhưng không tránh khỏi còn nhiều tiếng khóc. Họ cũng không nói gì, đưa đôi mắt nhìn tôn giả thật lâu, kính cẩn đánh lễ, chào rồi từ từ quay gót. Tuy thế còn rất đông vị bịn rịn không chịu đi, tôn giả ân cần nói mãi, họ vẫn khóc lóc, kể lể:

- Nay các thầy! Hãy đứng lại một lát đã. Trước đây người anh cả của chúng ta đi bao nhiêu lần rồi cũng trở về, còn đây là chuyến đi không có ngày trở lại!

- Chúng ta sẽ không bao giờ được nghe những lời pháp êm ái, ngọt ngào được tuôn chảy ra từ tấm lòng từ ái bao la của người mẹ hiền nữa.

- Chúng ta sẽ không còn được nhìn ngắm khuôn mặt tuấn tú, đoan nghiêm; tác phong ôn nhu, khiêm tốn; nụ cười rực sáng hồn hậu của vị đại huynh trưởng kia nữa!

Tôn giả lại phải khuyên nhủ:

- Nay các thầy! Ly hợp là thường tình, luyến thương là phiền não. Tất cả mọi cái được cấu tạo, do nhân duyên, do điều kiện đều bị chi phối bởi định luật tất yếu của sanh diệt, vô thường. Các thầy biết rõ điều ấy rồi thì đừng nên chuốc lấy đau khổ cho mình mới phải!

- Thừa vâng, bạch tôn giả! Chúng tôi sẽ khắc cốt, ghi tâm những lời vàng ngọc ấy.

Lúc đó họ mới chịu bước đi.

Trong giờ phút tiễn đưa này, tôn giả Sāriputta được gặp hầu hết các vị trưởng lão. Chỉ có một số tôn giả tránh gặp mặt, rút vào rừng sâu. Tôn giả Mahā Moggallāna viện cớ đi xa. Tôn giả Ānanda được đức Phật sai đi công việc ở nơi khác.

Tôn giả Anuruddha xin được đưa tiễn đến nơi đến chốn, tôn giả Sāriputta đồng ý. Thế rồi, ngài, tôn giả Anuruddha, sáu vị A-la-hán em ngài cùng với năm trăm vị tỳ-khuru môn đệ nhắm hướng Nālāka cất bước.

Ôi! Thật là một cuộc từ giã vĩ đại mà trong giáo pháp của đức Tôn Sư chỉ xảy ra một lần! Quả địa cầu đã không chịu đựng nổi. Thiên chúng, phạm thiên chúng, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, cru-bàn-trà đưa mắt nhìn lặng lẽ, ngậm ngùi. Riêng phạm thiên Sāhampati và Đế Thích biết mình còn một bồn phận cuối cùng tại ngôi làng Nālāka nhỏ bé ấy.

Thế rồi, ngày đi đêm nghỉ, bộ hành vất vả suốt mười chín ngày đường, họ mới về được đầu làng Nālāka. Trong thời gian ấy, tôn giả Sāriputta rất mệt mỏi, đôi khi phải sử dụng thiền định để làm cho yên lặng cơn đau. Và ngài cũng không tránh khỏi sự gặp gỡ chur tăng cùng cận sự nam nữ hai hàng. Dường như tôn giả chẳng có sự nghỉ ngơi nào, ngài đã cố gắng giáo huấn, dạy dỗ tại mỗi nơi dừng chân. Và số người được nếm hương vị thánh quả không phải là ít.

Ngôi làng Nālāka cũng được gọi tên là Upatissa, trước đây bà-la-môn giáo rất thịnh hành, bây giờ đã đến lúc suy tàn. Cả hàng trăm chỗ thờ cúng, lễ lạy nơi đền thiêng, bảo tháp, cội cây giờ đã trở nên hoang lạnh. Rất nhiều gia đình đã quy giáo đức Thế Tôn. Rất nhiều tỳ-khuru, sa-di xuất thân từ những gia đình danh giá, cao sang ở đây. Chỉ riêng bà

Sārī là khur khur bất động theo với đức tin tôn giáo cũ mà thôi.

Dùng chân dưới những tàn cây cừa cỏ thụ, chur tăng tìm nước rửa mặt, tay chân. Trời đã về chiều, khói hoàng hôn băng lãng xa gần giữa những vườn xanh trùng điệp. Làng quê trông thật yên ả, thanh bình. Nơi đây đã một thời tôn giả lớn lên, học hành, suy tư, chiêm nghiệm và trưởng thành. Tất cả trở nên môn một trong ký ức. Bây giờ, tôn giả đã là một con người khác, rất gần mà cũng rất xa con người cũ ấy. Dường như ngài không còn dính bất kỳ một quê hương nào nữa cả, không lý lịch mà tên tuổi cũng không, đã bước ra ngoài tất cả mọi hiện tượng, mọi quy ước trên trần thế.

Có một đứa trẻ dừng lại nhìn ngắm chur tăng với đôi mắt đầy thân thiện. Khi hỏi ra mới biết đó là cháu trai của ngài, bà nội nó là em của mẹ ngài. Tôn giả kêu lại và nói:

- Cháu đoán ra ta là ai không?
- Cháu đoán ngài là con của bà dì nội cháu!
- Thế là giỏi! À, này cháu! Cháu có biết bà dì nội cháu có nhà không?
- Dạ có ạ!
- Vậy thì ta nhờ cháu làm giúp một việc nhé?
- Dạ vâng ạ!
- Cháu vào làng, nói với bà dì nội như thế này: “Con trai trưởng của bà dì nội, sa-môn Sāriputta cùng với anh chị em, con của bà dì nội đang về đến đầu làng”. Cháu nói thế có được không?

- Dạ được!
- Hãy nói như thế này nữa: “Sa-môn Sāriputta sẽ xin ở trong nhà bà dì nội một ngày. Vậy xin bà dì nội sửa soạn, sắp xếp căn phòng mà thuở xưa con trai trưởng của bà dì nội chào đời. Ông ta sẽ xin được ở lại đấy! Ba con trai, ba con gái của bà dì nội nhớ thương bà dì nội lắm! Ngoài ra, xin bà

dì nội hoan hỷ sắp xếp chỗ ở cho năm trăm vị tỳ-khuru nữa! Năm trăm vị, cháu nhớ không?”

Y lời, trẻ tên là Uparevāta, chạy vụt đi, đến nhà bà Sārī:

- Thưa bà dì nội, con trai trưởng của bà dì nội đã về đến đầu làng.

Lòng người mẹ rất thương nhớ con, nghe vậy rất vui, nhưng lời lại rất xẵng:

- Nó về đây làm gì?

- Thưa, ngài không về một mình mà có cả ba con trai, ba con gái của bà dì nội nữa; họ nhớ thương bà dì nội lắm!

Trái tim của người mẹ già nua xúc động bồi hồi, cảm nghe như máu đang chảy loạn trong lồng ngực vì vui mừng, nhưng giọng bà vẫn lạnh tanh:

- Chúng nó nói dối đấy! Đi biên biệt còn nói thương với nhớ!

Đứa bé cười hì hì, chưa đưa hết thông tin:

- Mà còn có cả năm trăm vị tỳ-khuru nữa đấy!

- Làm gì mà đông dữ vậy! Bất “con mọi già” này hầu hạ chúng chẳng?

Đứa bé vẫn vô tư:

- Bà dì nội phải sửa soạn căn phòng thuở xưa, chỗ mà con trai trưởng của bà dì nội chào đời, cho ngài ấy ở. Rồi lại còn phải sửa soạn hơn năm trăm chỗ ở khác nữa đấy. Có ba cô ni, cháu đoán được nên nhìn ra; còn ba người con trai khác lẫn lộn giữa rừng áo vàng, cháu không biết! Ôi! Đông lắm! Vui lắm nha!

Khi đứa bé đi rồi, bà Sārī tự nghĩ:

- Đúng thật là cái thằng ngu! Đã ngu rồi còn dẫn theo các em nó đi theo con đường ngu nữa! Bây giờ, lại kéo theo cả bầy, cả lũ cùng đến đây! Cái gia đình này giàu lắm mà! Nó đã không cần, sao còn về đây mà báo hại? Mà sao lạ? Có bao giờ nó thèm xin ở lại một đêm đâu? À, hay là nó đã chán cái đời sống không cửa không nhà, muốn về đây trong

những ngày tháng cuối cùng để ngủ cho đã, ăn cho sướng, mặc cho ấm? Rõ là đã quá muộn rồi con ơi, con cũng đã bảy mươi mấy tuổi đầu rồi, còn “cá mú” gì được nữa? Rồi còn tụi kia, hà có chi mà cùng nhau dẫn về đây một lần?

Bà Sārī thở dài nhưng cũng sai gia nhân sắp đặt đầu đó tươm tất, đàng hoàng. Trời đã tối, bà còn sai gia nhân đốt hàng chục cây đuốc sáng rực, đến đầu làng dẫn tôn giả và chư tăng về nhà.

Lát sau, tôn giả và chư tăng bước qua sân gạch rộng thênh thang. Gia nhân đứng lối nhỏ, thấp đèn sáng rực như ban ngày. Ai cũng muốn nhìn mặt những người con trai, con gái của chủ sau mấy chục năm xa cách.

Tôn giả bước đến bên bà Sārī, cúi đầu xuống:

- Thưa mẹ! Con, Sāriputta đã về!

Các con trai đều vòng tay, khép nép:

- Thưa mẹ! chúng con là Cunda, Upāsena, Revata - các con trai của mẹ cũng đã có đủ mặt ở đây rồi!

Các vị tỳ-khưu-ni liền thoáng, cười vui cùng đến ôm vai bà:

- Còn chúng con là con gái của mẹ, là Cālā, Upacālā, Sīsupacālā cũng đồng có mặt.

Bà Sārī hom hem căng mắt nhìn. Tim bà đập như trống làng. Mừng quá, bà muốn khóc, nhưng cố trấn tĩnh, chống gậy lui vào phòng, nói mà không hề ngoái lại:

- Có gì mai hãy nói! Chỗ ở của ông Sāriputta yêu cầu, đã được dọn sẵn. Tụi con trai, con gái bọn bây thì cứ tìm là thấy, phòng đưa nào còn nguyên phòng đưa đó. Chỗ ở cho hơn năm trăm vị tỳ-khưu đều đầu đó cả rồi, có gì sai bảo, nước nôi, giặt giũ thì đã có gia nhân sẵn sàng túc trực hầu hoi!

- Chúng con cảm ơn mẹ.

- Đừng khách sáo! Bà nói – đã về đến đây rồi thì các người là chủ, vậy, cứ tùy nghi!

Rồi bà Sārī đóng phòng lại.

Trưởng lão Mahā Cunda, tìm chỗ quý trọng cho tôn giả Anuruddha. Còn Upāsena, Revata thì hướng dẫn chư tăng tìm các chỗ ở, phòng ngủ, nước uống, chỉ cầu tiêu, phòng tắm...

Quả đúng là một cơ ngơi vĩ đại, không thiếu bất cứ một tiện nghi gì. Chư tăng rất thán phục anh chị em của tôn giả, dám khăng khai từ bỏ một cơ ngơi như cung điện của vua chúa thế này. Nếu chư tăng còn biết rõ gia sản hiện kim của gia đình ngài lên đến chín trăm triệu đồng tiền vàng thì họ còn phải ngạc nhiên, kính phục đến chừng nào nữa!⁽¹⁾

Ba vị tỳ-khưu-ni A-la-hán đến gõ cửa phòng bà Sārī, định trò chuyện với mẹ nhưng bà không mở cửa, nói vọng ra:

- Tụi bây là con gái hư! Có chồng giàu có, có con trai nối dõi đàng hoàng thế mà ưa thích ôm bát đi ăn xin! Thật là chẳng còn thể thống gì nữa!

Cả ba vị mỉm nụ cười ở trong tâm, tìm về căn phòng cũ của mình, nói nhỏ với nhau: “Mẹ chỉ còn chấp thủ, cứng đầu đêm nay nữa thôi!”

Tôn giả Sāriputta bước vào căn phòng xưa, vừa ngồi vào giường là một căn bệnh trầm trọng phát sanh. Trưởng lão Mahā Cunda thấy huynh trưởng có vẻ đau đớn, ái ngại hỏi:

- Đệ có giúp gì được cho pháp huynh không?
- Có lẽ đêm nay phải làm phiên các em đây!
- Được giúp pháp huynh lần cuối này, không dễ gì ai cũng có được cái may mắn, hạnh phúc ấy!
- Ta bị bệnh tả lỵ đây các em ạ! Hãy chuẩn bị giúp mấy cái “bô”.

⁽¹⁾ Ghi chú: So sánh để biết – là gia sản của trưởng giả Cấp Cô Độc trước là năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng, sau tìm thấy thêm năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng nữa.

Thế rồi, sau đó tôn giả đi tả liên hồi. Trưởng lão Mahā Cunda đi vào đi ra hoài với cái bô trên tay. Lát sau, trưởng lão Upāsena và Tôn giả Revata sắp đặt chỗ ở cho chư tăng xong xuôi, tìm đến, họ thay công việc cho anh.

Bà Sārī thấy phòng con trai trưởng còn thấp sáng, lịch kịch có tiếng động, bà hé cửa nhìn sang. Thấy Cunda rồi sau đó là Upāsena, Revata tắt tả vào ra, bà biết chuyện. Cho đến gần nửa khuya, bệnh mới giảm bớt. Bà nghĩ:

“- Con trai của ta đi tả liên tục, chắc là đau đớn lắm, nhưng nó không hề rên la lầy một tiếng. Thiệt lạ đời! Cả các ông Cunda, Upāsena, Revata cũng vậy, cũng lặng lẽ! Ô! Mà cả năm trăm con người ta cũng đều lặng lẽ như thế, không một tiếng ho, tiếng khạc nhổ, không cả tiếng nói chuyện rầm rì! Sao họ giống nhau đến thế? Ôi! Người mẹ này lo lắng cho ông con trai trưởng mà dường như không dính líu gì đến chúng nó cả”.

Bà không thể ngủ được, bên ngoài thì có vẻ lạnh lùng mà bên trong lại bồn chồn không yên; bà cứ dỏng tai lắng nghe, dỏng mắt để nhìn.

Lúc ấy, Tứ Trán Thiên Vương gặp nhau, nghĩ rằng họ phải có bốn phạm đi thăm lần chót bậc thượng thủ A-la-hán trưởng lão nên đã với thời gian như viên lực sĩ duỗi cánh tay, hào quang sáng rực, họ hiện trong phòng ngài, cung kính lễ bái rồi đứng hầu một bên. Tôn giả biết chuyện này nên dùng thần thông để cho bà Sārī nghe thấy quang cảnh và cuộc đàm thoại.

Tôn giả hỏi lớn:

- Các vị là ai?
- Bạch tôn giả, chúng đệ tử là Tứ Đại Thiên Vương cai quản bốn châu thiên hạ.
- Các vị đến đây có việc gì?
- Thưa, thứ nhất là để chiêm ngưỡng, thăm viếng tôn giả lần cuối cùng, thứ hai là đến đây để tôn giả tùy nghi sai bảo.

Tôn giả nói bằng âm thanh của phạm thiên:

- Vậy thì cảm ơn các vị trời đầy oai đức đã bỏ công thăm viếng. Bệnh tình tôi đã thuyên giảm, lại có các trưởng lão và Tôn giả ở đây, khỏi phiền đến các vị. Thời cũng đã phải lẽ, các vị hãy về đi thôi!

Họ vâng lời, đánh lễ tôn giả, rồi như vàng trắng sáng, họ mất hút giữa hư không.

Thiên chủ Đế Thích, thiên vương cõi trời Đao Lợi nghĩ mình phải có bốn phận đưa tiễn bậc Đại Chương Pháp nên với oai nghi, hào quang, thần lực hiện bên giường tôn giả trong chớp mắt. Cũng qua một hồi đối thoại ngắn, trời Đế Thích cung kính đánh lễ rồi xin rút lui.

Trời đã khuya, không những trong vườn bà Sārī mà dường như cả làng Nālāka đồng trở nên sáng rực. Đó là các vị phạm thiên, đại phạm thiên Sāhampati xuống hầu tôn giả Sāriputta, cũng cung kính nghiêng lưng thi lễ và muốn săn sóc bệnh tình cho ngài. Tôn giả cảm ơn và rồi họ cũng cáo biệt.

Bà Sārī chứng kiến từ đầu, thấy rõ quang cảnh và nghe không sót một lời nào, bà nghĩ rằng:

“- Không biết những vị nào như các đấng Thiên Thân oai lực và cao sang như thế lại đến thăm con ta, đánh lễ con ta rồi nói gì rằng là... hầu hạ... sai bảo nữa? Mà cũng kỳ lạ, là con trai ta có vẻ lớn hơn họ, là bậc thầy của họ?”

Bà Sārī rời phòng, rón rén đến tận cửa phòng của tôn giả, muốn gặp các ông con trai để thăm hỏi bệnh tình. Tôn giả đã biết chuyện này nên bảo các em mở cửa để bà Sārī vào.

Tôn giả Sāriputta dựa lưng trên chiếc gối, ngồi dậy:

- Đã khuya rồi mẹ chưa đi ngủ sao?
- Mẹ ngủ sao được khi tả lỵ nó hành hạ con như thế!
- Con đã khỏe rồi mẹ ạ!

Bà Sārī lặng lẽ quan sát thần sắc của tôn giả, thấy có hư hao nhưng vẫn toát ra cái an nhiên, thanh thản đến lạ kỳ! Các ông con trai kia cũng thế, đứa nào cũng rất trầm tĩnh và dường như đối với chúng, chẳng có gì xảy ra? Rồi căn phòng bệnh của tả ly, mà sao lại thanh sạch và lại còn tỏa hương thơm kỳ diệu như thế - một loại hương thơm không có trên trần gian! Bà đâu có biết rằng đây là các vị trời đã âm thầm bỏ lại hương trời để tẩy xú khí!

- Này con! Bà Sārī hỏi - Tại sao đã khuya rồi mà có những người đến thăm con như vậy? Các vị đầu tiên là ai mà oai phong凛冽, oai gấp trăm lần vua loài người, mà chung quanh họ lại sáng rực như có hào quang? Họ là những ai vậy con?

Chưa trả lời vội, tôn giả bảo trưởng lão Cunda lấy cho mẹ một cái ghế, còn tôn giả sửa lại oai nghi, ngồi kiết già rồi mới nói chuyện:

- Thưa mẹ! Đây là bốn vị vua trời, còn gọi là Tứ Đại Thiên Vương oai trấn bốn châu thiên hạ đây mẹ ạ!

Bà Sārī rùng mình, nổi gai ốc: “Hèn gì!” Rồi bà bồn chồn hỏi tiếp:

- Họ oai đức như vậy, cao sang như vậy, sao họ lại đến thăm con, cung kính đánh lễ con? Có lẽ nào con lại cao hơn họ sao?

- Thưa mẹ! Tôn giả mỉm cười, cất giọng ôn nhu, dịu dàng - Những vị trời ấy có tâm rất cao thượng, họ hằng hộ trì Phật Pháp. Khi đức Đạo Sư đản sanh, chính họ tiếp bồng hoàng tử bằng tám da mịn. Họ luôn luôn bảo vệ đức Đạo Sư, như bốn vị Thiên Tướng cặp kè với gương giáo sáng lòa làm người hầu cận vậy. Con cũng hay giảng đạo, dạy đạo cho họ nên họ cung kính con, coi con như bậc thầy! Các em con đây cũng thế, đều là vai vế bậc thầy bốn ông Thiên Vương oai vệ ấy!

Bà Sārī nghe vậy, hoan hỷ đến tận chân tơ kẽ tóc. Móm mém cười, bà hỏi tiếp:

- Còn vị đến sau? Vị đó ngó bộ oai sang hơn bốn vị trước! Cái thân như tạc bằng ngọc ngà châu báu, hào quang đã sáng mà lại còn rất đẹp nữa. Ôi, lại đẹp một cách lạ lùng! Vị ấy là ai?

- Thưa mẹ! Vị đó là vua cõi trời Ba Mươi Ba, là vua cõi trời Đao Lợi mà người ta hay gọi ngài là Đế Thích Thiên Vương. Vị này còn là vua của bốn vị đến trước nữa. Thế gian hay gọi vị này là Ngọc Hoàng Thượng Đế, vì ngài có rất nhiều oai lực, nhiều thần lực kinh khiếp lắm!

- Vị như vậy mà còn thua cả con sao?

- Thưa mẹ! Đối với tỳ-khưu, đối với chúng con thì vị trời ấy cũng như một chú sa-di, một người hầu để sai bảo việc vặt thế thôi!

- Khiếp! Nghe ông con nói mà khiếp!

Tôn giả cười cười trong ánh mắt:

- Mẹ không tin sao? Để con gọi ông Đế Thích ấy xuống đây, sai bảo cho mẹ xem nhé?

Bà Sārī chới đây đây, xua tay lia lịa:

- Thôi! Thôi! Mẹ tin rồi! Thấy oai tướng của ông trời ấy mẹ đã khiếp rồi! Mẹ đã run rồi! Mẹ thiếu đức, thiếu phước nên sẽ cúi đầu, run rẩy trước ông ta mà thôi!

Tôn giả chậm rãi, giải thích tiếp:

- Có một mùa an cư, đức Thế Tôn nhập hạ ở cõi trời ấy về. Chính vị trời Đế Thích cao sang ấy đã mang y bát cho đức Thế Tôn, tiễn đưa đức Thế Tôn đến tận quả đất với lòng thương kính và trân trọng vô hạn.

- Thật vậy sao?

- Còn nữa mẹ ạ! Vị vua trời ấy rất cao sang, rất nhiều thần lực mà cũng khá cứng đầu, khó dạy! Có lần, bạn của con là Mahā Moggallāna - chắc mẹ nhớ Mahā Moggallāna là ai rồi - do nhắc nhở, dạy bảo ông ta, đã dùng một ngón chân

làm cho cả Ba Mươi Ba tòa cung điện của ông ta rung rinh, chao đảo, ông ta sợ hãi lắm! Vị vua trời ấy, là đệ tử của đức Tôn Sư, cũng là học trò của con; không những ông ta kính trọng con mà còn rất sợ con khiển trách đấy mẹ ạ!

- Khiếp! Khiếp! Không ai ngờ con lại oai lực đến thế!

Tôn giả mỉm cười. Các ông con trai A-la-hán cũng mỉm cười!

Trưởng lão Mahā Cunda nói:

- Mẹ chưa biết đấy! Oai lực con trai trưởng của mẹ, mùi lần mà chưa nói được một đấy!

Trưởng lão Upāsena rắc thêm hương:

- Mẹ ơi! Không những các anh trai của con mà ngay chính Revata bé bỏng thuở xưa của mẹ, cái ông Đế Thích ghé góm kia cũng phải cúi đầu đánh lễ đó!

Tôn giả Revata nhũn nhặn, khôn ngoan tiếp thêm lời:

- Điều ấy là đúng sự thật đấy mẹ ạ! Nhưng chính mẹ mới là người vĩ đại, cao quý nhất, vì nếu không có mẹ thì chúng con ở đâu ra? Ân đức của mẹ còn to lớn hơn mấy ông trời ấy không biết chừng nào mà kể!

Bà Sārī hoan hỷ đến nổi da gà cả toàn thân. Trán tỉnh một lát, bà tiếp:

- Rồi còn mấy vị đến sau, hào quang sáng cả vùng trông rõ mồn một như ban ngày? Ôi! Các vị này thân thể như ánh sáng, nhẹ nhàng, thanh cao và tinh khiết làm sao! Mới thấy họ thôi mà tâm hồn mẹ đã lâng lâng, mát mẻ vô cùng. Họ là những ai vậy con?

Tôn giả đáp:

- Thừa mẹ! Đây chính là những vị phạm thiên, đại phạm thiên là những bậc Thần Linh Cao Cả mà cha mẹ cũng như dòng họ chúng ta hằng tôn thờ từ đời này sang đời kia đấy!

- Hả?!!!

Bà Sārī tròn xoe đôi mắt, ngạc nhiên quá, miệng dường như không còn ngậm lại được.

Biết mẹ đã khởi tâm tịnh tín, tôn giả nói tiếp:

- Vào ngày đức Đạo Sư xuất thế, có bốn vị ở cõi trời Ngũ Tịnh Cư, bốn người bốn góc đã căng một tấm lưới bằng vàng mịn tiếp bông hoàng tử. Thường thường vào buổi khuya, đức Thế Tôn thuyết pháp cho họ nghe. Không những họ coi đức Thế Tôn là bậc thầy vô thượng mà họ cũng xem chúng con như bậc thầy mà họ hằng ngưỡng mộ, tôn sùng! Vừa rồi, có vị đại phạm thiên Sāhampati, là bạn thân của đức Đạo Sư từ thời Phật Kassapa cũng đến đánh lễ, thăm viếng con đây mẹ ạ! Vị ấy hằng hộ trì đức Thế Tôn, tặng chúng con như giáo pháp!

Bà Sārī tâm tư đã hoàn toàn đổi khác, bà nghĩ:

- “ Ôi! Ai ngờ rằng con trai ta mà cao siêu, cao cả đến thế, cho đến các vị phạm thiên, đại phạm thiên mà dòng tộc ta tôn thờ, lễ lạy, cúng kiếng từ đời này sang kiếp nọ cũng ở dưới con ta không biết bao nhiêu bậc? Còn nói là đến đây để con trai ta tùy nghi sai bảo nữa? Ô! Nếu vậy, con ta đã là bậc Đại Thánh trên đời sao?! Và dường như mấy ông con kia, oai lực cũng không kém gì! Ôi! Nếu con trai trưởng của ta, các ông con kia đã là vậy thì oai đức của đức Thế Tôn kia cao lớn biết dường nào?”

Một sự thỏa thích, hoan hỷ tràn ngập tâm tư bà; một niềm mát mẻ, trong lành tỏa khắp cả châu thân bà. Tôn giả Sāriputta ghi nhận được sự diễn biến ấy; và đây là thời tốt đẹp nhất để thuyết cho bà rõ về ân đức của Tam Bảo.

Tôn giả bèn hỏi:

- Thưa mẹ! Mẹ nghĩ gì mà khuôn mặt mẹ rạng sáng đến như vậy?

- Đây con! Không rạng sáng sao được khi không những con, mà các con trai của mẹ đều cao cả hơn các ngài đại phạm thiên? Và chắc chắn rằng thầy của con, đức Thế Tôn lạ lùng ấy, rõ đúng là vô biên vô lượng ân đức nhất dưới gầm trời này!

Tôn giả gật đầu:

- Đúng vậy mẹ ạ! Mẹ đã suy nghĩ rất đúng. Ân đức của một vị Phật thì chính ngay hư không hay biển cả kia cũng không thể so sánh được. Mẹ biết không? Để gì có một đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên đời này? Phải kể đến hàng trăm đại kiếp mới tượng ra được một nhân cách chí thiện, chí mỹ và đại toàn như thế. Ngày đức Đạo Sư ra đời, quả địa cầu dày bốn mươi do tuần này rung chuyển ba lần. Ngày đức Thế Tôn thành đạo cũng thế. Không những địa đại rung chuyển mà cả hàng vạn cõi trên khắp đại thiên thế giới cũng chao đảo, chấn động như sóng dội!

Thưa mẹ! Con thì đã có nghĩa gì, mặc dầu giữa thế gian này, con đứng hàng thứ hai sau đức Phật! Về phước đức, về định lực, về trí tuệ, về giải thoát, về kiến thức hiểu biết quảng đại, về phẩm hạnh, về công hạnh, về các tâm vô lượng từ, bi, hỷ, xả thì con cũng đã thành tựu khá nhiều; nhưng so với đức Phật, một vị Chánh Đẳng Giác thì có thể ví như hạt cát so với biển cát của con sông Gaṅgā, như một hạt bụi so với ngọn Himalaya!

Rồi tuần tự, từ từ, chậm rãi, tôn giả nói cho bà Sārī nghe về ân đức của Phật, ân đức của pháp, ân đức của tăng... làm cho bà Sārī như rơi vào vùng biển trời bao la, lạ lùng, choáng ngợp, hùng vĩ, huy hoàng... Thời pháp chưa chấm dứt mà bà đã đắc quả Tu-đà-hoàn, nhập vào dòng thánh.

Bà Sārī hoan hỷ quá, hân hoan quá, bà thốt ra lời trong những giọt lệ mừng vui, lần thứ nhất và cuối cùng ở trong đời:

- Nay Upatissa! Nay các con! Từ nay mẹ không dám gọi xách mé nữa, mà mẹ sẽ gọi ông là tỳ-khưu Upatissa, là samôn Sāriputta! Mẹ sẽ gọi các con trai, con gái mẹ đều tương tự như thế! Các người đã có ân đức vô lượng vô biên, đã cho mẹ uống được những giọt nước ngọt ngào, đã cho mẹ thấy rõ đường đi nước bước, biết đặt đức tin đâu là đúng, đâu là

sai. Ôi! Quý hóa thay! Này sa-môn Upatissa! Này các con trai yêu quý của mẹ! Sao từ trước đến nay các vị không chịu dẫn dắt mẹ? Tại sao trong suốt những năm tháng qua, các người đã không cho mẹ một sự hiểu biết Chơn Chánh và Bất Tử này?

Tôn giả Sāriputta hân hoan, tự nghĩ:

“- Thế là ta đã báo đáp được trong muôn một ân sinh thành dưỡng dục cho mẹ. Và đây chính là điều phải làm duy nhất còn lại đối với ta. Vậy mọi bần phận trên đời này ta đã hoàn tất, đã chu toàn, ta ra đi là phải lẽ, đúng thời”.

Khi bà Sārī rời khỏi phòng, tôn giả quay qua hỏi các em:

- Giờ là canh mấy rồi?
- Thưa, đã quá canh ba, trời đã rạng sáng.
- Ta muốn nói chuyện với chư tăng lần cuối cùng, các em triệu tập giúp ta nhé!

- Thưa vâng!
- Ta đã tập trung tất cả mọi sức lực còn lại để nói chuyện với mẹ, giờ ta yếu lắm! Các em hãy bảo người khiêng ta ra Nhà Hội, chư tăng cũng sẽ tụ họp ở đây! Các vị thánh tỳ-khuru-ni thì chắc họ biết rồi!

- Thưa vâng!

Khi đã an vị đầu đó xong xuôi, nhìn chư tăng hội chúng đệ tử một cách rất ân cần, tôn giả nói:

- Tất cả mọi điều đáng nói, ta đã nói hết rồi. Bây giờ ta chỉ xin các thầy hoan hỷ bỏ lỗi cho ta vì một vài hành vi hay lời nói nào đó mà làm cho các thầy buồn lòng. Trên con đường tấn tu phạm hạnh, ai cũng có những sai lầm, không nhiều thì ít. Đây là giây phút cuối cùng, các thầy hãy xả bỏ qua cho ta nhé?

Chư tăng đệ tử của tôn giả đồng trả lời:

- Ngài đừng nói như thế mà tội nghiệp cho chúng con. Ôi! Quả thật một sự méch lòng nhỏ như hạt bụi giữa ngài đối với chúng con cũng không có! Với chúng con, ngài là

một viên ngọc mani không tỳ vết, là mặt trăng, là mặt trời lồng lộng giữa không trung! Dù ngài có ra đi, có khuất bóng, dấu chân Bất Diệt và Cao Cả của ngài vẫn còn đó. Chúng con nguyện đi theo dấu chân ấy và ghi khắc hình ảnh của ngài vào tâm khảm. Phải nói ngược lại mới đúng: Xin ngài hoan hỷ xá tội cho những lầm lỗi của chúng con!

- Lành thay - Tôn giả nói, giọng đã yếu lắm - Hãy lấy Phật làm ngọn đèn, hãy lấy pháp làm chân lý lên đường, hãy lấy tăng làm áo giáp ngăn che. Vậy là các thầy sẽ được bình an về nơi cõi miền giác ngộ. “Hãy tinh tấn, gia công chuyên niệm, kiên trì chăm chú, giác niệm đừng có xao lãng, đấy là lời dạy cuối cùng của ta”.

Lát sau, tôn giả nói:

- Thôi, vừa rồi, đủ rồi! Các thầy hãy lui ra!

Cả năm trăm vị tỳ-khưu, rất nhiều vị đồ đệ ngậm ngùi nhưng đều vâng dạ, bước ra ngoài, vòng tay cúi đầu hoặc đưa mắt nhìn vào bên trong. Bên cạnh tôn giả chỉ còn trưởng lão Anuruddha và sáu vị thánh A-la-hán em trai và em gái ngài!

Tôn giả ngược nhìn tất cả mọi người rồi nói nhỏ:

- Giờ là phải thời, cho phép tôi ra đi trước chư hiền!

Các vị lặng lẽ chấp tay, cúi đầu. Tôn giả xoay người nằm nghiêng về bên phải, chân phải duỗi thẳng, chân trái co lên, đầu gối lên cánh tay phải, tay trái bỏ dọc theo thân mình. Trưởng lão Mahā Cunda kéo y ngoài phủ chân và phủ đầu ngài. Lát sau, nhiếp tâm, tôn giả nhập sơ thiền, từ sơ thiền ngài đi vào nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không vô biên thiền, thức vô biên, vô sở hữu, phi phi tưởng rồi đi vào diệt thọ tưởng định. Từ diệt thọ tưởng định, một lượt nữa, ngài xuống lại sơ thiền. Từ sơ thiền ngài lên lại tứ thiền. Dừng lại ở tứ thiền, ngài trú sâu viên mãn vào đại định rồi hoàn toàn đi vào Đại Bất Niết-bàn Tịch Diệt.

Lúc ấy, vàng thái dương cũng bắt đầu ló dạng ở chân trời như chào đón một bậc Vĩ Nhân, một ngôi Sao Sáng đã đi vào vĩnh cửu.

Hôm đó là ngày trăng tròn tháng Kattika ở Ấn Độ, vào khoảng giữa tháng 10 và 11 Dương lịch.

Bà Sārī nằm nghỉ một lát thì trời đã sáng bừng, bà vội vã trở dậy với ý nghĩ: “Không biết bệnh tình của ông con của ta giờ ra sao?” Bà bước sang phòng, vắng tanh. Các phòng khác cũng thế. Thấy mọi người trang nghiêm đứng trong Nhà Hội, bà bước vào. Tới nơi chỗ nằm, bà lần lượt sờ chân, sờ mũi, sờ đầu mới biết rằng tôn giả đã tịch! Bà liền quỳ dưới sàn phòng, than khóc, nước mắt, nước mũi nghẹn ngào.

- Ôi! Ông con trai cao quý của mẹ đã đi rồi! Ôi! Ông con trai suốt đời hiền lành, dịu dàng, nết na, mẫu mực... giờ không còn nữa! Trước khi mất, mẹ mới biết rằng ông là người cao cả, oai đức lớn còn hơn cả đại phạm thiên! Thế nhưng đã muộn rồi, ông con ơi! Gần suốt một trăm năm, mẹ đã không tạo được, không tích lũy được một công đức nào cả trong cái tòa trang viện đồ sộ này! Mẹ đã không biết cung kính, cúng dường cho hàng trăm sa-môn, hàng ngàn sa-môn chân chánh và cao thượng. Mẹ đã không xây cất được một tịnh xá, không dâng được một mảnh đất, chưa thật sự phát tâm hoan hỷ dâng một chút ít vật thực cho đức Phật cao cả và tặng chúng thánh hạnh! Ôi! Than ôi! Của cải chất đầy rương, đầy hòm mà mẹ chưa có một chút phước báu nào cả ông con ơi!

Bà Sārī kể lễ cho đến khi mặt trời lên cao. Bảy vị A-la-hán ngồi đại định ở xung quanh nhục thể của tôn giả, an nhiên, bất động như bảy bức tượng đồng! Nhìn sự yên tĩnh ấy, yên tĩnh một cách lạ lùng, một hồi, tâm bà thanh thản hơn. Chư tăng lần lượt bước vào đánh lễ.

Tôn giả Anuruddha xuất thiên, khẽ nói nhỏ vào tai bà Sārī:

- Không nên khóc nữa, thưa mẹ! Con trai của mẹ đã nhập Niết-bàn, nghĩa là đã đi vào chốn an vui bất tử, từ rày không còn dính một tí đau khổ nào nữa, đầu chỉ là đầu ngọn cỏ kusa! Mẹ hãy tỉnh táo, lau ráo nước mắt, lo hậu sự cho con trai mẹ, với tất cả tấm lòng của mẹ, rồi mẹ sẽ cảm thấy yên vui và mát mẻ lạ lùng!

Thưa mẹ! Mẹ chỉ mất đi một người con đức hạnh, nhưng chúng con lại mất đi cả một Kho Tàng Pháp Bảo, mất đi một ngôi Sao Sáng bên cạnh đức Tôn Sư; mất đi một người cha, một người mẹ, một người anh cả trong giáo hội và tăng đoàn. Chúng con mất mát lớn hơn cả mẹ nữa đấy! Mẹ hãy nhìn xem chư tăng kia! Anh trai trưởng của chúng con ra đi, cả năm trăm đứa con kia, mới chỉ là số ít thôi, đã cảm thấy bơ vơ không có nơi nương tựa! Nhưng định luật của tự nhiên là vậy, có sinh thì có diệt, có tụ thì có tan!

Còn vấn đề tạo công quả thì không có gì phải muộn màng! Chư tăng còn nhiều lắm, đức Phật còn tại thế, giáo hội còn trường tồn. Mẹ hãy chứng tỏ cho các thôn làng xung quanh đây, những ngôi làng bà-la-môn kỳ cựu biết rằng mẹ là mẹ của bảy vị A-la-hán cao cả, mẹ đã đứng vững trong Chánh Pháp, mẹ có Đức Tin Bất Động với Tam Bảo, mẹ đã nếm được hương vị của Đạo Bất Diệt. Thưa mẹ! Những lời con đã mạo muội nói ra như vậy, mẹ nghĩ có đúng không?

Bà Sārī gật đầu mạnh mẽ:

- Rất đúng, hoàn toàn đúng, thưa tôn giả! Các ngài và ông con trai của tôi nói lời nào là đúng lời ấy mà trước đây tôi vì quá mê muội nên không thấy. Hãy cho tôi được sám hối đức Phật, đức Pháp và đức Tăng.

Bà quỳ xuống đánh lễ, cả bảy vị A-la-hán đều lặng lẽ chứng minh cho lời sám tội ấy.

Sau đó, bà Sārī rộng tay mở kho tàng, lấy ra những rương to, rương nhỏ vàng ngọc, nữ trang trân châu chóa mắt. Thế rồi hàng trăm gia nhân chạy tới chạy lui xuôi

ngược. Hằng chục trưởng lão trong thân quyền ăn vận nghiêm trang đến nhà theo lời mời của bà Sārī. Hằng trăm thợ thầy danh tiếng, hằng trăm người phụ việc tuân lệnh răm rắp theo lời chỉ dẫn của bà. Từng núi lương thực được chở đến. Vật liệu, hương liệu, tràng hoa, vật thơm, vải vóc... ngựa xe nườm nượp. Gỗ chiên đàn, gỗ thơm hương vàng theo thuyền trên nguồn tải về.

Thế là chỉ trong ba ngày, một ngôi nhà Hội Tế được dựng ngay chính trung tâm làng Nālāka. Tất cả cột và vòng khung toàn bằng gỗ quý, thép vàng, thép bạc. Chính giữa ngôi nhà Hội Tế có hai mái che phủ rộng rãi, có bao lơn, có trường bản được khắc chạm tinh vi với những trụ cột cũng được bọc vàng bên ngoài. Tất cả khí cụ thờ tế hoặc trang hoàng khác cũng bằng vàng, bằng bạc hoặc những khí vật đặc tiền.

Thật là tài tổ chức, sự khéo léo sắp đặt, chỉ huy của bà Sārī vẫn còn hiệu năng, đặc dụng như thuở nào! Cả mấy làng trăm trở thán phục một bà lão trên trăm tuổi. Chưa thôi, hằng ngày, gia nhân chăm lo vật thực đầy đủ, sung mãn, thượng vị cúng dường cho năm trăm thầy tỷ-khuru. Hằng ngày, số người ăn, cả quan khách, thầy thợ và gia nhân bao giờ cũng trên ngàn người. Một mình bà Sārī quán xuyên tất cả.

Đến ngày thứ tư, quan khách đông hơn, và tôn giả Anuruddha nói với bà Sārī là rất nhiều vị thiên, địa tiên, thợ thần, rồng, da-xoa... cũng trà trộn xen lẫn vào đây để cùng tham dự. Có điều hay là mặc dầu đã ở trong hàng ngũ chánh đạo, bà Sārī vẫn để cho các trưởng giáo bà-la-môn và quan khách tổ chức hội tế theo truyền thống, tập tục của dân làng. Khi số người đông đảo ấy đã hành lễ suốt mấy ngày theo nghi thức tang lễ cổ truyền đã xong, bà cho dựng ngay một dàn hỏa thiêu cao trọng bằng tất cả các loại gỗ quý nhất, củi đốt cũng bằng gỗ trầm hương. Nhục thể của tôn giả

Sāriputta được quán bằng hàng trăm mét lụa Kāsi quý báu, tấm dầu hương; rồi được phủ bằng hàng chục loại hoa tươi, hương liệu thơm như đinh hương, hồi hương, nước hoa ngát ngào đủ loại; và được tôn trí trên cao...

Thế rồi, chư tăng đứng quanh mấy vòng quanh, tụng những biến kinh về vô thường, khổ không, vô ngã. Ba vị tỳ-khưu-ni A-la-hán, em của ngài, ngồi quỳ lạng lẽ bên linh cữu. Bốn vị A-la-hán, dẫn đầu là tôn giả Anuruddha, cầm những bó mỗi bằng rễ cây usīva thơm hương, châm lửa đốt. Lời kinh của năm trăm người đọc quả có uy lực kinh thiên động địa, dào dạt, ùn ùn như sóng lượn giữa không gian. Lửa bốc cháy, thơm ngào ngạt, lan xa cả mấy ngôi làng...

Trong đêm hỏa thiêu ấy, có mấy ngàn người tham dự cùng vô số chư thiên, phạm thiên chứng kiến. Tôn giả Anuruddha và ba vị thánh tăng em trai ngài thay nhau thuyết pháp không nghỉ. Khi lửa tàn chỉ mới cuối canh hai, tôn giả Anuruddha và Mahā Cunda lấy những thùng nước hoa rưới tắt những cục than âm ỉ khói. Trưởng lão Mahā Cunda đến góp nhặt xá-lợi vào vuông vải lọc.

Bà Sārī đưa ra một cái hộp bằng vàng để đựng di cốt nhưng trưởng lão Mahā Cunda nói:

- Không, thưa mẹ! Chỉ vuông vải lọc của thầy tỳ-khưu như thế này là đẹp lắm rồi. Con sẽ đi ngay, kịp thời về trình báo với đức Thế Tôn. Con không thể lưu lại đêm hay lưu lại một giây khắc nào nữa cả.

Nói xong, trưởng lão Mahā Cunda chào mẹ, chào tôn giả Anuruddha, chào các em; sửa lại y bát, buộc vuông vải lọc chứa đầy xá-lợi, đồng thời cầm luôn y tăng-già-lê và bình bát, là di vật tùy thân của tôn giả Sāriputta, cấp tốc lên đường về Sāvatti.

Bà Sārī đưa mắt lạng lẽ, ngậm ngùi nói:

- Chẳng lẽ con đành đoạn mang đi hết sao? Con chẳng để lại một chút xiu gì di vật của anh trai con cho mẹ và ngôi làng Nālāka này tưởng niệm hay sao?

- Có đây rồi mẹ! Trưởng lão Upāsenā nói – Anh trai con chu đáo lắm, có để lại cho mẹ đây.

Rồi tôn giả trao cho bà Sārī vương vải lọc của thầy tỳ-khưu, trong đó có mấy ngôi xá-lợi sáng lấp lánh. Tiếp theo sau đó, Revata, Cālā, Upacālā, Sīsupacālā đều đưa những vương vải lọc ra cho bà Sārī xem. Hóa ra vị nào cũng có một ít xá-lợi của tôn giả cả.

Tôn giả Anuruddha bèn giải thích cho bà Sārī hiểu:

- Vì ân đức của tôn giả - con trai trưởng của mẹ quá lớn, nên chúng tôi đã đồng chia nhau mỗi vị một ít, mang về nơi trú xứ, xây dựng bảo tháp để cho chư tăng và hai hàng cư sĩ áo trắng các nơi có cơ hội chiêm bái, phụng thờ!

Bà Sārī mừng đến chảy nước mắt. Những giọt nước mắt hân hoan, thanh khiết.

Ít hôm sau, bà đã bỏ tiền của ra không tiếc, hết lòng kiến tạo một ngôi bảo tháp để tôn thờ xá-lợi của tôn giả Sāriputta, một hiện thân siêu việt đã làm thom lây ngôi làng Nālāka nhỏ bé này.

Trưởng lão Mahā Cunda sử dụng thần thông tức tốc về Kỳ Viên tịnh xá, tìm gặp tôn giả Ānanda, đánh lễ, rồi ngồi xuống một bên:

- Thừa tôn giả! Sa-môn Sāriputta, anh trai trưởng của con đã nhập diệt rồi. Đây là di cốt, đây là bình bát và y tăng-già-lê của vị ấy.

Tôn giả Ānanda lặng ngắt, im sững một hồi lâu rồi thò tay sờ vương vải lọc, sờ y, sờ bát... miệng nói như một cái máy:

- Vâng, vâng thừa hiện giả! Vâng, thừa hiện giả! Chúng ta sẽ ra mắt... chúng ta hãy cùng ra mắt đức Tôn Sư!

Thế rồi cả hai vị đến đánh lễ đức Đạo Sư.

- Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Ānanda lấp bắp - Hiền giả... hiền giả Mahā Cunda vừa từ Nālāka đến đây, có đưa tin rằng, đại huynh trưởng của tất cả chúng con, là tôn giả Sāriputta đã Niết-bàn rồi. Và đây là xá-lợi và di vật của Con Người Cao Cả ấy!

Nói thế xong, tôn giả Ānanda đôi mắt ứa ra hai hàng lệ, nghẹn ngào:

- Khi đệ tử nghe tin ấy, tâm tư đệ tử trở nên bàng hoàng và cơ thể cảm nghe như yếu ớt, suy nhược đi. Mọi vật chung quanh như quay cuồng, mờ nhạt. Và tâm trí của đệ tử như rơi vào trạng thái mơ hồ, mông lung, không còn phân biệt cái gì ra cái gì nữa cả. Ôi! Đệ tử rất đau đớn!

Đức Phật biết tâm tư của người đệ tử giàu xúc cảm, ngài cất giọng từ hòa:

- Này Ānanda! Sao ông lại nói như vậy? Sāriputta nhập diệt có lấy đi của ông phần nào giới hoặc định hay không? Hay Sāriputta đã mang đi tất cả trí tuệ và giải thoát của ông mất rồi?

- Anh Cả của đệ tử không lấy đi cái gì cả! Rồi tôn giả Ānanda sụt sùi nói - Nhưng người là cố vấn trí tuệ cho đệ tử, đã giảng giải Pháp Bảo cho đệ tử một cách trọn vẹn, rõ ràng và chân thực. Người đã dẫn dắt hàng ngàn tỷ-khuru vào thánh đạo. Đã hào sảng rộng tay mở toang cánh cửa trời người cho hằng vạn chúng sanh. Những huấn pháp, dụ pháp của tôn giả ấy linh động, ngát ngào, mát mẻ, ấm cúng và thâm diệu dường bao! Ôi! Vĩnh viễn đệ tử sẽ không còn nghe được những lời pháp đậm đà, sâu sắc và thấm thiết kia nữa!

Đức Phật lại phải an ủi, dạy bảo:

- Này Ānanda! Đừng sầu thương thái quá! Như Lai biết rõ tình cảm của ông đối với Sāriputta, nên trong buổi tiễn đưa, Như Lai đã cố ý không cho ông gặp mặt là vì vậy. Tất cả mọi pháp hữu vi nó sinh diệt hoại thành ra sao ông đã biết

rồi. Tất cả mọi cái gọi là yêu thích, yêu mến, duyên thương... chúng tạo ra ràng buộc, đau khổ như thế nào ông cũng biết rồi. Và ông còn thuyết pháp rất hay về điều đó nữa là khác. Như Lai chỉ nhắc nhở ông một điều thôi: “Hãy tự tạo cho mình một hòn đảo để nương tựa, một hòn đảo không sinh diệt, Bất Tử, một hòn đảo thoát ra ngoài mọi định luật vô thường, một hòn đảo ở trên mọi trạng thái và các điều kiện”. Ông là bậc bác học, đa văn, quảng tuệ, Như Lai nói ít nhưng ông hiểu nhiều!

Tôn giả Ānanda cúi đầu ghi nhận nhưng dòng sóng cảm xúc trong tâm tư vẫn cứ tuôn trào.

Thấy vậy, đức Phật đưa tôn giả Ānanda vào công việc:

- Hãy tu tập tất cả tăng chúng trong Kỳ Viên tịnh xá đến ngay đại giảng đường để Như Lai nói thêm về người Anh Cả của họ.

Đức Thế Tôn ngồi lên pháp tòa, phóng hào quang sáu màu trộn lẫn từng đôi một, duỗi thẳng cánh tay nhận vuông vải lọc đựng di cốt của tôn giả Sāriputta, mở ra, đưa lên cao rồi đặt vào lòng tay trái, nhìn hội chúng chư tăng đầy cả đại giảng đường rồi nói:

- Này các thầy tỳ-khưu! Đây là di cốt có màu sắc sáng trắng như ngọc trai của một vị tỳ-khưu có phẩm hạnh trình bạch tựa vỏ ốc. Đây là Anh Cả của các người! Ông ấy đã nhập diệt rồi. Và đây là xá-lợi còn lại!

Đức Thế Tôn đưa tay chỉ y, bát nằm bên cạnh pháp tòa, mở lời tán dương công đức:

- Này các thầy tỳ-khưu! Sāriputta đã tu tập rất lâu, kể từ khi phát nguyện dưới chân đức Phật Anomadassi đến nay với thời gian không thể tính được. Ông ta đã tích lũy ba-la-mật như cát của con sông Gaṅgā, như lá cây trên đại ngàn Himalaya! Quả vị mà ông ta đạt được rất gần với Như Lai. Là một tỳ-khưu xứng đáng được tứ chúng tôn trọng và ngưỡng mộ, vinh hạnh cho thế gian chiêm bái, phụng thờ!

Trí tuệ của ông ta không ai bì kịp. Trí tuệ ấy sáng suốt, quảng bác, rực chói như hàng triệu ngôi sao tụ lại. Ông ấy là một người sống đời biết đủ, ít ham muốn, điềm đạm, không dính bụi trần, ưa tĩnh cư, ưa tạo sự hòa hợp giữa tăng chúng, không mệt mỏi trong phật sự, không chán nản trong việc giáo huấn môn đồ, cư sĩ đệ tử. Là người bạn khả kính, khả ái của mọi người. Là một thiện trí thức vĩ đại!

Này các thầy tỳ-khưu! Từ bỏ một gia sản và hiện kim không thua gì gia sản và hiện kim của trưởng giả Cấp Cô Độc; Sāriputta đã nhẹ nhàng ra đi như một cánh chim trời tự do để sống đời sa-môn vô sản bản hàn, quyết tâm cầu đạo quả tối thượng chưa có trên trần gian này!

Các thầy có biết không? Trải qua vô lượng kiếp huân tu và tích lũy công hạnh, ông ấy là người luôn luôn thân cận với Như Lai; khi là thân phụ, khi là nội tổ, là chú, là bác, anh em, con cái, cháu chắt hoặc bạn của Như Lai. Ông ấy kiên định như đá tảng, khiêm nhu tựa lụa mềm, kham nhẫn giống đại địa, tĩnh lặng tựa bể sâu! Ông ấy sống đời vô hại và hữu ích cho mọi người. Với bè bạn, người thân, môn đệ, ông như con linh ngưu chúa đàn với đôi sừng bằng sắt sẵn sàng bảo vệ và ngăn chặn kẻ ác, điều ác, việc ác không cho đến gần mọi người. Ông ấy đã từng tự ví mình như đất, nước, lửa, gió, như miếng giẻ chùi chân, như chén mỡ đặc, như một người chiêm-đà-la tội tở, nô lệ, thấp kém, thấp hèn nhất trong xã hội; thế nhưng ông ta lại là một Con Người Cao Cả, Vĩ Đại Nhất trên đời này!

Đức Phật một lượt nữa lại đưa di cốt lên:

- Này các thầy tỳ-khưu! Đây là xá-lợi của vị tỳ-khưu ấy, có sắc trong sáng, trắng sáng như ngọc trai, là vị thánh tăng duy nhất khi ra đi có cuộc tiễn đưa vĩ đại, quả đất phải rung động và sấm gióng đầy uy vũ giữa trời cao!

Trong trăm trăm ngàn ngàn kiếp qua, ông ta đã biết bao lần bút xiềng đời sống ngục tù, ràng buộc của gia đình. Đã

biết bao lần ông ta đã khăng khái chối bỏ ngọc vàng, tước lộc, thê nhi vì lý tưởng vô thượng của đời mình. Vị tỳ-khưu ấy giờ đây mãi mãi được chư thiên, phạm thiên, nhân loại cung kính, phụng thờ. Các thầy hãy bước theo gót chân của Sāriputta. Một gót chân dù ở giữa đô thị hay rừng sâu cũng không làm hại đến một chúng hữu tình, một chúng vô tình; gót chân in dấu sự tịch lặng và vô nhiễm đến muôn đời!

Sāriputta là người chiến thắng vĩ đại! Một vị tỳ-khưu phẩm hạnh trong trắng như vỏ ốc, thanh sạch như pha ly châu! Ông ta là người xứng đáng nhất để xây dựng một bảo tháp để chư thiên, phạm thiên và nhân loại cung kính, lễ bái, chiêm ngưỡng, dâng đèn hoa, trầm hương để tôn kính, thờ phụng đến ngàn sau.

Sau khi xá-lợi, y, bát của tôn giả Sāriputta được chính đức Thế Tôn ca ngợi như vậy, tán thán như vậy; hai hàng cận sự nam nữ, vua chúa, đại thần, phú hộ, dân chúng quanh thành Sāvatti hùn góp tiền bạc, của cải, công sức; kiến tạo một bảo tháp quý trọng để tôn trí xá-lợi, y bát của ngài, được chọn địa điểm trên một ngọn đồi cao, sâu trong rừng cây của hoàng tử Jeta (Kỳ-đà).

Tôn giả Sāriputta ra đi - ai cũng xúc động và đau thương trước sự mất mát lớn lao của giáo hội. Nhưng xúc động và có vẻ đau thương nhất là tôn giả Ānanda, ông khóc lóc, than thở với nước mắt đầm dề, như người vô hồn, lập đi lập lại mãi:

- Ôi! Người bạn cao thượng của tôi, ông Anh Cả của tôi đã đi rồi thì đối với tôi, cuộc đời này sẽ chìm sâu trong đêm đen lạnh lẽo.

Thấy vậy, đức Phật bảo:

- Nay Ānanda! Thấy cảnh ông lại nhớ người. Vậy hãy tập họp chư tăng, ngay ngày mai, ông cùng với đại chúng bộ hành về Trúc Lâm tịnh xá trước. Như Lai và chư vị trưởng lão khác sẽ đến sau.

Tôn Giả Mahā Moggallāna Niết-bàn

Thế rồi, trong lúc công trình bảo tháp ở Kỳ Viên đang xây dựng được mấy hôm thì đức Phật hướng tâm, biết là tôn giả Mahā Moggallāna cũng sắp Niết-bàn. Và ngài cũng biết diễn tiến của sự việc nó xảy ra làm sao.

Số là trước đây, do có năng lực siêu nhiên, tôn giả Mahā Moggallāna thường vân du hành hóa khắp ba cõi, sáu đường, trong đó các cảnh trời, địa ngục, ngạ quỷ ngài thường ghé thăm nhất. Điều tôn giả thấy rõ sự thực là tăng sĩ hay tục gia đệ tử của đức Phật đa phần hóa sanh lên các cảnh trời, còn môn đệ của ngoại đạo, xuất gia hay tại gia đa phần thác sanh vào các cảnh khổ như địa ngục hay ngạ quỷ. Trước hội chúng tại các đại giảng đường đó đây, tôn giả thường trình lại với đức Phật chuyện nghe thấy của mình, sau đó được đức Thế Tôn xác chứng đó là sự thực. Hai hàng cư sĩ áo trắng biết được sự việc ấy, họ lại càng tăng trưởng thêm đức tin, đồng thời lôi kéo luôn một số tín đồ ngoại giáo từ bỏ giáo phái cũ để theo giáo hội của đức Phật. Trước hiện trạng ấy, quần chúng theo Phật ngày càng đông và tín đồ của ngoại giáo ngày càng ít; và như vậy thì lợi đắc, cung kính, uy tín, danh vọng, lợi dưỡng của họ ngày càng bị tổn giảm, ngược lại, bên phía đức Phật và giáo hội ngày càng tăng.

Sau khi truy cứu tìm biết người tiết lộ sự thực về chuyện cõi trời và địa ngục ấy là tôn giả Mahā Moggallāna thì ngoại đạo rất căm ghét ngài. Và chuyện mà ngoại giáo bị sút giảm cả tín đồ và tứ sự thì “thủ phạm” không ai khác hơn là tôn giả Mahā Moggallāna.

Một số ngoại đạo họp bàn với nhau, chủ chốt là nhóm đạo sĩ thuộc phái Nigaṇṭha Natāputta (Ni-kiền-tử) đã bỏ ra một ngàn đồng tiền vàng thuê mướn một toán côn đồ, cầm đầu là Samaṇagutta tìm cách giết chết tôn giả Mahā Moggallāna.

Khi biết được tôn giả đang ở tại Kālasilāvihāra, núi Isigilī, chúng mang đao kiếm vây quanh liêu thất của ngài. Cả sáu lần, sáu ngày như vậy, chúng xông vào bên trong nhưng đều không tìm thấy tôn giả. Hóa ra, do biết ý đồ của chúng nên tôn giả đã sử dụng thần thông, bay đi mất. Ngày thứ bảy, biết chắc là tôn giả đang ở bên trong thất, chúng xông vào thì ngài ngồi yên vì ngài biết ác nghiệp quá khứ giết cha mẹ còn dư sót đã đến hồi trở quả. Và ngài còn biết rằng, khả năng thần thông có thể thu phục rồng chúa Nandopananda, nhiếp phục rắn chúa Ahichatta, chỉ với ngón chân có thể làm rung chuyển lâu đài Vejayaṅṭa ở cõi trời Đao Lợi, nhưng khi nghiệp ác đến thì thần lực ấy cũng bất lực.

Khi đang định ngồi yên cho chúng giết thì tôn giả suy nghĩ: “Đức Thế Tôn đang ở tại Kỳ Viên tịnh xá, tôn huynh của ta cũng vừa Niết-bàn, hiện tại ở đây đang xây dựng bảo tháp. Ta chưa xin phép đức Thế Tôn để nhập diệt, vậy thì ta cần phải duy trì ý căn (sắc ý vật), cho dù năm căn mắt tai mũi lưỡi thân có bị hủy diệt nhưng ý căn vẫn còn thì ta cũng có thể hoàn nguyên lại thân xác như thường”. Nghĩ thế xong, tôn giả huy động thần lực, đưa ý căn ra ngoài thân

xác, ví như người ta rút đi tim của cọng bắp, chỉ còn vỏ bắp, rồi ngài trú vào “tim của ý căn” ấy.⁽¹⁾

Bọn côn đồ tha hồ đánh đập, đâm chém tôn giả. Chúng còn chặt đầu, tay, chân rồi lấy xương bẻ, thịt vụn lẫn lộn máu quăng vắt khắp nơi!

Đợi chúng đi khỏi, tôn giả dùng thần thông từ “tim của ý căn”, thu gom lại thân xác y như cũ rồi bay về Kỳ Viên tịnh xá, ngài đánh lễ đức Phật tại hương phòng.

Tôn giả thưa:

- Hôm nay, đệ tử sẽ từ bỏ thọ hành (āyusaṅkhāra), kính mong đức Đạo Sư cho phép đệ tử an nghỉ Niết-bàn vô dư.

Đức Phật yên lặng một lát.

- Ông muốn nhập diệt ở đâu?

- Xá-lợi tôn huynh của đệ tử được đức Thế Tôn tuyên dương ở Kỳ Viên tịnh xá, kinh thành Sāvatti thì đệ tử nên an nghỉ tại núi Isigilī gần Trúc Lâm tịnh xá, kinh thành Rājagaha!

- Ông thật là chu đáo! Thôi, hãy làm những gì mà ông nghĩ là phải thời!⁽²⁾

- Tri ân đức Tôn Sư!

- Nhưng mà! Đức Phật nói tiếp - Trước khi thị tịch Niết-bàn, ông cũng nên thị hiện thần thông và thuyết một thời pháp cuối cùng để từ biệt chư tăng cũng như các hàng môn đệ.

Thế rồi, sau khi làm theo lời dạy bảo của đức Phật, tôn giả bay qua không gian về Kāḷasilāvihāra, núi Isigilī để nhập diệt. Isigilī là một trong năm ngọn núi bao quanh kinh thành Rājagaha, bốn núi kia là Vebhāra, Paṇḍava, Vepulla và Gijhakuṭā.⁽³⁾ Sở dĩ tôn giả chọn ngọn núi này là vì không

⁽¹⁾ Một số đoạn trong truyện này có lấy ý từ “Đức Phật và 45 năm...” của tỳ-khưu Chánh Minh.

⁽²⁾ Là chấm dứt “tuổi thọ” chứ không phải thọ, hành.

⁽³⁾ 5 ngọn núi này có nhiều ghi chú không được đồng nhất.

những nó nổi tiếng là đẹp mà còn là ngọn núi thiêng nữa. Trong quá khứ, ở đây đã có năm vị Độc Giác Phật ngụ cư.⁽¹⁾ Còn nữa, tôn giả còn biết rằng, chư thiên, phạm thiên, long vương... vốn rất có duyên với ngài, sẽ làm hỏa đài, sẽ làm lễ thiêu nhục thân ngài - chứ không phải vua chúa, các gia chủ hay cư sĩ kinh thành Rājagaha.

Bởi vậy, khi tôn giả đi lên đi xuống các tầng thiên, dừng lại ở tứ thiên rồi chấm dứt nghiệp và thọ hành thì ngay lúc ấy, quả địa cầu rung chuyển dữ dội như một hiện tượng phi thường ở ngoài các định luật tự nhiên. Trong lòng đất chợt khởi lên những tiếng động ì ầm, ì ầm không ngớt. Trong rừng cây như có những âm thanh lạ lùng xé gió bay vút vào không gian vô tận. Phạm thiên, thiên vương Đế Thích, chư thiên như nhận được tín hiệu của đất trời báo tin sự ra đi của vị đại đệ tử nên họ đã cùng nhau tụ hội tại núi Isigilī. Họ mang theo hương chiên đàn, hoa trời cùng những hương liệu của cõi trời đến cúng dường lên nhục thân của tôn giả. Sau đó, một hỏa đài bằng gỗ trầm hương cao chín mươi chín cubit⁽²⁾ được chư thiên mau chóng dựng lên, đặt nhục thân ngài rồi phủ đầy hoa.

Lúc đức Đế Thích vừa đặt viên ngọc lửa, lửa thơm vừa bốc cháy thì đức Phật cùng chư vị trưởng lão có thắng trí sử dụng thần thông đã có mặt ngay tại chỗ ấy để chứng kiến lễ trà tì! Lửa cháy thì cứ cháy, và một trận mưa hoa từ trời cao rơi xuống phủ rộng cả một do tuần thì vẫn cứ rơi; đồng thời khắp bốn phương tám hướng xuất hiện vô số phạm thiên, thiên nhân, rồng, nhân điều, dạ-xoa, càn-thát-bà... đến cúng dường hỏa đài.

⁽¹⁾ Theo Dictionary of Pāli... có dẫn nhiều ở trong sách này.

⁽²⁾ Theo “Đức Phật và 45 năm...” của tỳ-khưu Chánh Minh, tập 7, trang 459.

Ngọn lửa hỏa thiêu kéo dài đến bảy ngày mới tàn rụi. Chư vị trưởng lão thu gom xá-lợi các loại rồi cùng đức Phật bay qua không gian về Trúc Lâm tịnh xá.

Tin tôn giả Sāriputta nhập diệt được báo truyền về kinh thành Rājagaha và Trúc Lâm tịnh xá chưa được bao lâu thì nay lại thêm tin tôn giả Mahā Moggallāna Niết-bàn làm cho chư tăng, cư sĩ, các hàng gia chủ càng thêm bi thương khóc lóc, sầu muộn. Hai vị ra đi chỉ cách nhau nửa tháng.

Buổi chiều, đức Thế Tôn triệu tập riêng chư vị thánh tăng trưởng lão, ngài dạy:

- Chư vị nên bố cáo rộng rãi chuyện này đến với các hội chúng tăng, ni nơi này và nơi khác; đến cho hai hàng cư sĩ áo trắng trong hàng vua chúa, tướng lãnh, đại phú gia, thương gia cùng các giới khác. Ân đức của vị đại đệ tử cũng cần phải được ca ngợi, tán dương; là ngôi sao sáng cho tứ chúng hướng về! Mahā Moggallāna là một Sāriputta thứ hai, muôn triệu năm mới tượng hình được một nhân cách kỳ vĩ như thế. Chỉ có oai lực Mahā Moggallāna mới có khả năng nhiếp hóa được những chúa rồng, chúa quỷ, chúa ma hung dữ nhất! Chỉ có Mahā Moggallāna, chỉ ấn một ngón chân mà làm cho Đệ Thích phải sợ hãi, không dám sống đời dễ dãi, phóng dật nữa! Chỉ có Mahā Moggallāna mới dám xin Như Lai cho ông ta bóc vỏ quả đất, lật ngược nó lên cho ruộng đồng nhân gian thêm màu mỡ!

Này, chư vị trưởng lão! Các vị trưởng lão uy tín của giáo hội phải giáo giới chư tăng ni, cận sự nam nữ hai hàng những điều Như Lai vừa nói. Hai vị đại đệ tử, hai ngôi sao sáng của giáo hội cần phải có hai bảo tháp tương đương, cần phải tổ chức nghi lễ như nhau, có Như Lai đi đầu và đích thân Như Lai sẽ tôn trí y, bát, xá-lợi của Mahā Moggallāna lên bảo tháp.

Thôi, các vị hãy đi đi. Vị nào sức khỏe còn tốt thì hãy bắt tay lo tất cả việc hậu sự thay mặt Như Lai. Hãy bố cáo

rộng rãi việc xây dựng bảo tháp. Hiện tại, Như Lai khá mệt. Như Lai muốn cho cái thân tâm già yếu này ngơi nghỉ một thời gian. Đừng cho ai quấy rầy Như Lai!

Hôm ấy có mặt khá đông chư đại trưởng lão tầm vóc lớn lao nhất của giáo hội, đây là tôn giả Mahā Kassapa, tôn giả Upāli, tôn giả Anuruddha, tôn giả Kāḷudāyi, tôn giả Bhaddiya, tôn giả Nandiya, tôn giả Kimbila... và hai vị trưởng lão, em của tôn giả Sāriputta là Mahā Cunda và Riveta...

Thế là sau đó, đức Thế Tôn đóng hương phòng, an trú vào diệt thọ tướng định là chỗ tĩnh cư của bậc thánh. Khi xuất định thì bảo tháp xây cũng đã gần xong, sâu trong Rừng Trúc, chỗ cao ráo, thoáng đãng và đẹp đẽ nhất.

Như cùng hội ý ngầm với chư vị trưởng lão, đức Phật và các ngài lại bay về Kỳ Viên tịnh xá. Và mấy hôm ở đây, do bảo tháp đã xây xong nên tứ chúng tổ chức một cuộc rước xá-lợi, y, bát trang nghiêm và trọng thể. Đức Thế Tôn đi trước với kiệu, với lọng và tràng hoa; sau là hội chúng tăng, ni cùng cận sự nam nữ cả hàng ngàn người. Rồi ngài tự tay đặt xá-lợi, y, bát của tôn giả Sāriputta lên bảo tháp.

Trở về lại Trúc Lâm, cuộc rước y, bát, xá-lợi của tôn giả Mahā Moggallāna cũng diễn ra trọng thể và trang nghiêm tương tự. Đức Phật lại đích thân đặt di cốt, di vật của người học trò yêu thứ hai của mình lên bảo tháp.

Lúc này thì tôn giả Ānanda và chừng năm trăm vị tỳ-khưu mới vừa bộ hành về đến Trúc Lâm tịnh xá. Nghe tin tôn giả Mahā Moggallāna đã nhập diệt và xá-lợi, y, bát đều đã được tôn trí lên bảo tháp, tôn giả Ānanda lại càng vô cùng sầu khổ.

Lần này, thì tôn giả than thở, kể lể:

- Ôi! Vậy là hai ngôi sao sáng của giáo hội đã cùng tắt cả rồi. Trong tâm trí của tôi đã một lần đen tối, bây giờ là hai lần đen tối hơn!

Công việc xong xuôi, và cũng để giải tan sự sầu muộn của tôn giả Ānanda, đức Thế Tôn lại rời Trúc Lâm tịnh xá cùng với đại chúng lên đường. Ngài lại đi ngược phía bắc, qua bờ bên kia sông Gaṅgā, đến xứ Vajjī, tại Ukkacala. Ở đây, tại một bãi cỏ trống, với đại chúng vây quanh, đức Thế Tôn nhìn ra sông Gaṅgā sóng vỗ cuộn cuộn, rồi nói:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Các thầy có thấy không? Con sông Gaṅgā nước lũ cuộn cuộn, nó sẽ cuốn theo trong lòng mình bao nhiêu rác bèo, đất cát về với biển cả. Dòng sông Sinh Tử cũng vậy, nó cuốn đi tất cả chúng hữu tình, dầu là chư thiên, phạm vương, ma quân hay vua chúa, chúng sanh vạn loài. Giờ đây nó đã cuốn đi hai vị đại đệ tử ưu tú của Như Lai!

Các ông có biết không? Các bậc Thế Tôn, các đấng Toàn Giác từ ngàn xưa, ai cũng có hai ngôi sao xuất chúng bên cạnh mình, và bao giờ họ cũng ra đi trước đấng Đạo Sư. Hai vị đại đệ tử ấy bao giờ cũng được tứ chúng kính yêu, nể phục do trí tuệ, do phẩm chất, do công hạnh cùng phước báu ba-la-mật của họ. Hai vị đại đệ tử ấy là những người hoàn toàn về mọi phương diện. Sāriputta và Mahā Moggallāna là hai nhân cách ưu việt khó tìm thấy trên thế gian này hay thế gian khác. Không những các ông thương tiếc, ông Ānanda thương tiếc, mà Như Lai cũng thương tiếc. Nhưng Như Lai và rất đông chư vị đại trưởng lão đã thấy rõ, đã an trú vững chắc vào Tâm Bất Động, vào Tuệ Bất Động khi nhìn ngắm các pháp hữu vi vốn chịu tác động bởi những định luật tất yếu. Nhờ thế mới nói đến giải thoát, nhờ thế mới nói đến chấm dứt Tử Sinh.

Nay các thầy tỳ-khuru! Các ông hãy nỗ lực tinh cần, kiên định không mệt mỏi để bước lên Con Đường. Người bước lên trước dẫn người bước lên sau, phải lên đến đỉnh đồi cao Bất Tử ấy để ca bài ca Chiến Thắng và Tự Do!

Đưa mắt lặng lẽ nhìn đại chúng, đức Thế Tôn nói thầm trong tâm rằng:

“- Khi Sāriputta và Mahā Moggallāna đi rồi thì đối với Như Lai, hội chúng này hoàn toàn trống rỗng!”

Nhân Quả Công Minh

Do cái chết của vị đệ nhị đại đệ tử bị bọn côn đồ chặt ra từng khúc, từng đoạn rồi quăng thịt xương vương vãi khắp nơi làm xúc động nhiều người nên tại giảng đường Trúc Lâm, đức Phật phải vén bức màn quá khứ, kể lại một đại ác nghiệp của tôn giả Mahā Moggallāna. Rồi sau đó, ai cũng biết tình tiết câu chuyện xảy ra như sau:

Trong một kiếp quá khứ rất lâu xưa, Mahā Moggallāna là một thanh niên con nhà tử tế, có gia giáo, có hiếu hạnh, hằng ngày chăm chuyên, tận tụy với nghề nghiệp, không kẻ sớm hôm, để kiếm tiền hầu chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ bị mù lòa.

Cha mẹ thấy chàng vất vả quá, bèn khuyên con nên tìm một người vợ để đỡ đần công việc, nhưng chàng cương quyết từ chối. Sau nhiều lần gạn hỏi lý do tại sao, chàng nói với cha mẹ rằng:

- Có vợ, con người con sẽ bị chia làm hai, ngại rằng khi ấy con đối xử với cha mẹ không trọn vẹn được nữa.

Cha mẹ chàng lại thuyết phục:

- Có vợ, con lại có thêm hai tay, hai chân thì công việc bên ngoài, bên trong không trôi chảy hơn sao? Ngoài ra, cha

mẹ cũng muốn có cháu để bế bồng, hôn hít. Ngôi nhà có tiếng trẻ khóc cười là ấm cúng, hạnh phúc lắm đó con!

Vậy là xuôi tai, chàng cưới vợ. Thời gian đầu, cô vợ cũng săn sóc cha mẹ chồng khá tốt đẹp, nhưng dần dà, cô thấy mệt, thấy chán cái công việc chẳng khác gì con ở ấy.

Hôm kia, cô than vãn với chồng:

- Cha mẹ đồ chướng, khó tính, khó nết quá, tôi không sống nổi với họ đâu.

Chàng không để lọt vào tai, chỉ khuyên lơn vợ vài câu cho qua chuyện. Cô vợ này bắt đầu ghét cha mẹ chồng nên cô nêu ra những tính xấu của cha mẹ cho có đầu có đuôi, có nhân có quả rõ ràng rồi khóc lóc, kể lể cho chồng nghe.

Thấy chàng vẫn không tin, cô bèn ngụy tạo cụ thể hơn. Cô lấy cháo bôi bẩn khắp nhà, khắp tường, khi chồng về hỏi, cô đáp:

- Cha mẹ cứ mò mẫm, đi tới, đi lui, đi đâu thì vấy bẩn tới đó!

- Vậy thì em chịu khó quét dọn, lau chùi đi!

Ngày này qua ngày nọ, tháng này sang tháng kia, như nước mưa lâu cũng thấm đất, người thanh niên kia không kiểm tra sự việc, cuối cùng phải tin theo vợ rồi cũng đâm ra ghét cay ghét đắng cha mẹ mình!

Hôm kia, họ bàn nhau, làm một chiếc xe đẩy, bỏ một ít lương thực lên đẩy, chàng giả vờ mời cha mẹ về thăm bà con ở một ngôi làng xa.

Khi xe vào rừng sâu, chàng giả lấy đao kiếm khua lên rồi la í ới:

- Cướp cướp... cha mẹ ơi! Con gặp lũ cướp giết người rồi!

Rồi chàng chạy đến lấy dùi, lấy gậy, đánh đập vào cha vào mẹ rất tàn nhẫn. Ngay lúc ấy, cha mẹ chàng không nghĩ đến thân phận mù lòa của mình, cái đau đớn của mình, thương con, la lên đến khản giọng:

- Con chạy đi, con chạy đi, cha mẹ già rồi, không còn sợ chết đâu. Con chạy thoát lấy thân đi!

Nghe vậy, thanh niên rất xúc động, tự nghĩ: “Tuy bị hành thân hoại thể như vậy, hai vị chẳng kể đến mình, chỉ lo cho con thôi! Ôi, cái tình cha mẹ thật là mênh mông vô lượng. Ta thật xấu hổ khi đã làm một việc ác đức, tệ hại, không phải là giống người!”

Sau đó, chàng giả vờ khua đao kiếm, đập đá, đánh cây cho vang tiếng như chông trả bọn cướp một cách mãnh liệt rồi đến bên cha mẹ:

- Con đuổi được bọn cướp đi rồi! Cha mẹ an toàn rồi, không còn sợ hãi gì nữa!

Trở lại nhà, chàng đuổi bà vợ đi, một mình chăm lo phụng dưỡng cha mẹ cho chu đáo.

Mặc dầu chàng đã hối hận việc ác của mình nhưng khi nghiệp đã tạo rồi, nó đâu có buông tha? Tuy nó chưa có cơ hội trở quả nhưng nó vẫn chờ đợi như ngọn lửa âm thầm dưới đồng tàn tro. Thế là đợi khi đủ duyên, nó bùng lên, nó tóm lấy tôn giả Mahā Moggallāna vào kiếp cuối cùng, nên tôn giả bị đánh cho tan xương, nát thịt là rất đúng với sự công minh của nhân quả vậy”.⁽¹⁾

Và cũng công minh không kém gì - về những tên côn đồ giết hại tôn giả Mahā Moggallāna!

Khi thân y Jīvaka đi dự lễ an trí xá-lợi, y và bát của tôn giả Mahā Moggallāna lên bảo tháp, về cung, ông kể lại mọi việc cho đức vua Ajātasattu nghe. Cả chuyện do nhân ác

⁽¹⁾ Chú giải Pháp cú, đoạn trên có hơi khác: Tuy cha mẹ thương mình, lo cho mình như vậy nhưng chàng thanh niên chẳng động tâm, ra tay đánh chết cha mẹ rồi quăng xác giữa rừng sâu. Mệnh chung, chàng rơi vào địa ngục, bị quả báo địa ngục đao kiếm, địa ngục đồng sôi, bị đâm, bị chém, bị thiêu bị nấu cả hàng triệu năm như thế! Hiện tại, dẫu là một bậc thượng thủ A-la-hán, đệ nhất đại thần thông, nhưng dư nghiệp tội báo chút ít còn sót lại, nó vẫn đến đòi nợ quả như thường!

nghiệp trong quá khứ nên kiếp này ngài bị bọn côn đồ chặt chém thân thể như thế nào nữa.

Đức vua Ajātasattu nổi giận:

- Bọn chúng dám coi đất nước này không còn có pháp luật nữa sao? Chúng nó dám chặt chém vị đại đệ tử đức Tôn Sư. Rồi chúng sẽ bị trả quả hiện tiền cho mà xem!

Thế rồi, đức vua cho quân thám tử trà trộn vào các chỗ cờ bạc, rượu chè ăn chơi để điều tra thủ phạm. Hôm kia, trong một quán rượu, mấy tên côn đồ chửi mắng nhau, rượu vào lời ra:

- Mày là tên hèn nhất.
- Tao chỉ có một ít tiền, mày nhiều tiền hơn.
- Tao là can đảm nhất.
- Tao chém đao đầu tiên vào ông ta, nghe nói là bậc có nhiều thần lực, đại oai lực ấy.

Rồi chúng xô xát, ẩu đả nhau.

Thám tử hô lính vào bắt trói hết cả bọn, có tên côn đồ Samanagutta cầm đầu, dẫn về triều đình. Sau khi tra hỏi gắt gao, chúng nó thú thật là có nhóm đạo sĩ Nigantha Nātaputta thuê một ngàn đồng tiền vàng để giết tôn giả Mahā Moggallāna – và chính các đạo sĩ ấy mới là kẻ chủ mưu.

Đức vua Ajātasattu cho lệnh bắt hết, cả bọn côn đồ và bọn đạo sĩ, chừng một trăm người. Tại pháp trường, vua cho đào một trăm cái hố, chôn từng tên đến ngang bụng, phủ đầy rơm rồi châm lửa đốt. Lửa rơm tàn, có kẻ chết, có người còn ngắc ngư; theo lệnh của đức vua, những tên lính thi hành án mang những chiếc cày sắt cày qua cày lại, cho đến khi xác của bọn côn đồ, đạo sĩ tan nát, bấy nầy thịt máu mới thôi.

Từ sự trừng phạt đích đáng này, khi giảng pháp, chư đại trưởng lão nói tội báo giết một bậc thánh tội rất nặng và thọ khổ cũng rất nhiều, như các câu kệ sau đây:

Dùng đao hại kẻ “không đao”⁽¹⁾
Trượng hại “không trượng”⁽²⁾ khác nào tự thiêu!
Ai kia thọ khổ mười điều
Chịu quả khốc liệt cùng nhiều tai ương!⁽³⁾
Một là nhức nhối đau thương
Hai là họa biến, khôn đường trở xoay
Ba là thương tích mặt mày
Bốn là trọng bệnh, thuốc thầy chẳng xong!⁽⁴⁾
Năm là tâm trí loạn cuồng
Sáu, bị hại bởi lực quyền vua quan
Bảy, chịu trọng tội cáo oan
Tám là gia quyến các hàng phân ly!⁽⁵⁾
Chín là tài sản ra đi
Mười là nhà cửa, lăm kỳ hỏa tai
Đến khi thọ mạng hết rồi
Chung thân địa ngục đồng sôi, chảo dầu!⁽⁶⁾

⁽¹⁾ Hàm chỉ bậc Thánh.

⁽²⁾ Hàm chỉ bậc Thánh.

⁽³⁾ Pháp cú 137: Yo daṇḍena adaṇḍesu, appaduṭṭhesu dussati,
dasannamaññataram ṭhānaṃ, khippameva nigacchati.

⁽⁴⁾ Pháp cú 138: Vedanaṃ pharusam jāniṃ, sarīrassa ca bhedaṇaṃ, garukaṃ
vā pi ābādhamaṃ, cittakkhepaṃ ca pāpuṇe.

⁽⁵⁾ Pháp cú 139: Rājato vā upasaggamaṃ, abbhakkhānañca dāruṇaṃ,
parikkhayaṃ va ñātīnaṃ, bhogaṇaṃ va pabhaṅguraṃ.

⁽⁶⁾ Pháp cú 140: Atha vāssa agārāni, aggi dahati pāvako, kāyassa bheda
duppañño, nirayaṃ so'papajjati.

Hạ Thứ 45 Của Đức Thế Tôn

Có Đủ Bảy Pháp Này,⁽¹⁾ Đất Nước Không Thể Bại Vong!

Mùa an cư năm thứ bốn mươi lăm, đức Phật an cư tại Trúc Lâm tịnh xá, gồm khá đông chư vị đại trưởng lão và chúng tỳ-khưu. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, đức Phật và một số ít vị tỳ-khưu lại ghé vườn xoài của thần y Jīvaka hoặc lên đỉnh núi Linh Thứu (Gijjhakūṭa), tại đây ngài thường ở lại lâu hơn.

Hôm kia, tại triều đình đức vua Ajātasattu xảy ra một buổi họp bàn về quốc phòng khá nghiêm trọng. Số là tại Vesāli, các nước cộng hòa Videha, Moriya, Vajjī... đã liên minh quân sự với nhau rất hùng mạnh. Các tướng quân và chiến sĩ Licchavī, vốn nổi tiếng kỷ luật nghiêm minh, bây giờ họ lại cùng liên kết với nhau sẽ tạo nên một sức mạnh đáng sợ. Triều đình lại vừa được nghe thám mã báo tin là bên kia sông Gaṅgā, quân đội Vajjī đã rục rịch triển khai lực lượng, kế hoạch quân sự gì đấy!

Triều đình họp bàn đã ba hôm, đến hôm nay họ đều nhất trí là phải huy động toàn bộ sức mạnh quân sự để tấn công trước khi Vajjī chưa kịp trở tay.

- Chúng ta quyết chinh phạt quân Vajjī hỗn láo!

⁽¹⁾ Bảy pháp bất thối.

- Phải làm cỏ, trừ tuyệt hậu họa đi!
- Chúng ta phải làm cho Vajjī tiêu vong!

Đây là những phát biểu phần nộ của các quan đại thần.

Đức vua Ajātasattu chột khoát tay:

- Các vị hãy yên lặng. Ta đồng ý kế hoạch tấn công sớm, tấn công chớp nhoáng như thiên tướng nhà trời. Nhưng chậm đã. Việc này ta nên hỏi ý kiến đức Tôn Sư!

Nói thế xong, đức vua quay sang viên đại thần Vassakāra:

- Ông hãy tìm xem đức Thế Tôn đang ở vườn xoài của Jīvaka hay ở đỉnh Gijjhakūṭa. Biết chắc ở đâu, ông hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân ngài, vấn an ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú không, rồi nói: “Bạch Thế Tôn! Con, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Māgadha muốn chinh phạt nước Vajjī, và các đại thần cũng vậy. Mong đức Thế Tôn cho lời khuyên vàng ngọc”. Sau đó, Thế Tôn trả lời như thế nào, ông hãy ghi nhớ kỹ và nói lại cho ta biết. Các bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.

Viên đại thần Vassakāra tuân mệnh. Khi biết đức Phật đang ở tại Gijjhakūṭa, ông cho thặng một cỗ xe sứ giả cùng một số tùy tùng tức khắc đi ngay. Đến chỗ cuối đường, khi xe không còn đi được, đại thần Vassakāra và tùy tùng bộ hành lên núi để bái yết đức Tôn Sư.

Tại hương phòng, đức Phật tiếp phái bộ sứ giả của đức vua. Sau khi nghe xong những lời thưa hỏi phải phép của đức vua qua miệng sứ giả, và cái quyết tâm trừng phạt dân chúng Vajjī của vua quan triều đình, đức Phật im lặng.

Khi ấy, sau lưng đức Phật chỉ có tôn giả Ānanda đang đứng quạt hầu, ngài bèn nói:

- Nay Ānanda! Ông là người có kiến văn rộng rãi, thế ông có biết, dân chúng Vajjī có thường hay hội họp, và hội

họp đông đảo khi có việc gì liên hệ đến công ích, liên hệ đến ý kiến của phần đông dân chúng?

Tôn giả Ānanda đáp:

- Bạch Thế Tôn! Ở thôn xóm, ở làng xã, ở phố phường – khi có việc gì liên hệ đến công ích, liên quan đến quyền lợi hoặc nghĩa vụ của người dân, chính quyền các nước cộng hòa, nhất là Vajjī, họ cho hội họp dân chúng, và hội họp đông đảo để nghe ý kiến của phần đông!

- Thế thì, này Ānanda! Nếu có trường họp Vajjī biết tôn trọng người dân, biết lắng nghe ý kiến của người dân trong các cuộc họp họp đông đảo như thế - thì Vajjī sẽ được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu!

- Tâu vâng! Quả đúng như thế thật, bạch Tôn Sư!

- Vậy thì, đức Phật hỏi tiếp – Ông có nghe dân chúng Vajjī họ hội họp trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ; làm việc trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ và giải tán trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ không?

- Quả đúng họ là như vậy, bạch đức Đạo Sư!

- Vậy này Ānanda! Khi nào dân chúng Vajjī hội họp trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ cả ba thời, trước khi, trong khi và sau khi như thế - thì Vajjī sẽ được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu!

- Tâu vâng, bạch Thế Tôn!

Rồi đức Phật vẫn nói chuyện tiếp với tôn giả Ānanda như không hề biết sự có mặt của viên quan đại thần sứ giả.

- Ông có nghe chính quyền Vajjī không ban hành những luật lệ mà chưa được dân đồng thuận, không hủy bỏ những luật lệ đã tạo nên sự chuẩn mực an lành, an toàn cho xã hội; và chính quyền tôn trọng truyền thống của người Vajjī như là những giá trị tinh thần tốt đẹp từ ngàn xưa để lại không, này Ānanda!

- Đúng là vậy thật, bạch đức Đạo Sư.

- Nếu được vậy, thì này Ānanda! Đất nước Vajjī sẽ mãi hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu!

- Quả vậy, không sai được.

- Ông có nghe dân chúng Vajjī tôn trọng, kính trọng các bậc già lão, trưởng thượng; và họ biết nghe theo lời dạy bảo của những vị này không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Nếu được vậy – thì Vajjī không thể suy yếu và bại vong được.

- Tâu vâng! Họ sẽ hùng cường, giàu mạnh và tốt đẹp!

- Ông có nghe dân chúng Vajjī không có bắt cóc và không cưỡng ép những phụ nữ phải sống với mình; cũng không trấn bức, hãm hiếp hay có những hành động vũ phu hay kỳ thị quá đáng đối với nữ giới không?

- Bạch Thế Tôn! Không có trường hợp đó xảy ra. Dân chúng Vajjī có lẽ ảnh hưởng khá sâu đậm bởi những giáo đoàn ni chúng ở Vesāli nên có thể nói, họ biết tôn trọng nữ giới, đối xử với nữ giới phải lẽ lắm!

- Nếu vậy thì đất nước ấy không thể suy yếu và bại vong được, này Ānanda!

- Tâu vâng! Nhất định thế rồi, bạch Thế Tôn!

- Ông có nghe dân chúng Vajjī còn biết giữ gìn tông miếu, dòng họ, tổ tiên và không bỏ phé việc cúng lễ hương đăng tại những nơi thờ cúng như một nghĩa cử đạo lý đối với những người đã khuất mà họ mang ơn?

- Đúng là họ còn biết bảo vệ, giữ gìn tông miếu cùng những đạo lý tốt đẹp từ ngàn xưa.

- Thế thì họ còn mãi hùng cường và giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu.

- Chắc chắn như vậy, bạch Tôn Sư!

- Ông có nghe chính quyền và dân chúng Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã

đều được tự do cư trú, tự do trì bình khát thực, tự do hành đạo và giảng pháp không?

- Đất nước Vajjī và các tiểu bang cộng hòa bên kia sông Gaṅgā không những tôn trọng tự do tín ngưỡng mà còn biết chở che, bảo vệ truyền thống tốt đẹp ấy nữa, như quốc độ Kosala, quốc độ Māgadha không khác - bạch Thế Tôn!

- Lành thay! Nếu vậy thì đây là một đất nước hùng cường, giàu mạnh đang noi gương và sống đúng theo những vương pháp của đức Chuyển luân Thánh vương đấy!

Và này Ānanda! Khi nào dân chúng Vajjī thường hay hội họp, và hội họp đông đảo khi có việc gì liên hệ đến công ích, liên hệ đến ý kiến của phần đông dân chúng; khi nào dân chúng Vajjī hội họp trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ, làm việc trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ và giải tán trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ; khi nào chính quyền Vajjī không ban hành những luật lệ mới mà chưa được dân đồng thuận, không hủy bỏ những luật lệ đã tạo nên sự chuẩn mực an lành, an toàn cho xã hội, và chính quyền tôn trọng truyền thống của người Vajjī như là những giá trị tinh thần tốt đẹp từ ngàn xưa để lại; khi nào dân chúng Vajjī tôn trọng, kính trọng các bậc già lão, trưởng thượng, và họ biết nghe theo lời dạy bảo của những vị ấy; khi nào dân chúng Vajjī không có bắt cóc và không cưỡng ép những phụ nữ phải sống với mình, cũng không trấn bức, hãm hiếp hay có những hành động vũ phu hay kỳ thị quá đáng đối với nữ giới; khi nào dân chúng Vajjī còn biết giữ gìn tông miếu, dòng họ, tổ tiên và không bỏ phước việc cúng lễ hương đăng tại những nơi thờ cúng như một nghĩa cử đạo lý đối với những người đã khuất mà họ mang ơn; khi nào dân chúng Vajjī bảo hộ, chở che, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến đều được tự do cư trú, tự do trì bình khát thực, tự do hành đạo và giảng pháp. Nay Ānanda! Đây đủ cả bảy pháp ấy, bảy điều

kiện tất yếu ấy thì đất nước ấy, quốc độ ấy sẽ hùng cường và giàu mạnh, không một thế lực, một dũng lực hữu vi nào có thể làm cho nó suy yếu, bại vong, tiêu hoại được!

Nói thế xong, bây giờ đức Phật mới quay qua nhìn viên đại thần sứ giả:

- Nay Vassakāra! Một thời, tại Vesāli, ở tự miếu Sārandada, Như Lai đã giảng dạy cho tướng quân, chiến sĩ và dân chúng Vajjī bảy pháp bất thối này. Và khi nào bảy pháp bất thối này còn được duy trì, thực hành, y chỉ thì đất nước ấy sẽ được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu, bại vong, tiêu hoại được.

Nghe đến đây, Vassakāra, viên đại thần nước Māgadha cúi gập người xuống:

- Thưa tôn giả Gotama! Nếu dân chúng Vajjī chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thì họ nhất định được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu, bại vong được - huống nữa là bảy pháp. Và nếu sự tình là như vậy, sự thực là như vậy - thì Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Māgadha không thể đánh bại dân Vajjī ở chiến trận trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián.

Thưa tôn giả Gotama! Nay chúng tôi phải đi, chúng tôi còn có nhiều việc và nhiều bổn phận phải làm!

- Ừ, Ông hãy tùy nghi thời gian và công việc.

Vassakāra, viên đại thần nước Māgadha hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

Bảy pháp bất thối khác

Khi viên đại thần Vassakāra đi chưa bao lâu, đức Phật nói với tôn giả Ānanda:

- Hãy tập họp tại núi Gijjhakūṭa tất cả những vị tỳ-khưu sống trong kinh thành Rājagaha cùng vùng phụ cận, Như Lai cần nói một bài pháp quan trọng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thế rồi, hôm ấy và mấy hôm sau, chư vị tỳ-khưu cả hàng ngàn người như từng đám mây vàng quy tụ tại đỉnh núi Gijjhakūṭa; và họ đánh lễ đức Phật từ xa rồi ngồi rải rác đầy khắp khoảng đất trống, sườn núi, triền khe, bờ đá... Họ im lặng như rừng cây đại định để chờ đợi lắng nghe thời pháp của đức Phật.

Đến lúc phải thời, tại một chỗ ngồi phải lẽ, đức Phật đã thuyết giảng bằng giọng phạm âm với tám tuyệt hảo, vang ngân rất xa:

- Này các thầy tỳ-khưu! Như Lai sẽ giảng bảy pháp bất thối, như là yếu quyết để gìn giữ giáo pháp và tăng đoàn. Hãy nghe và suy nghiệm cho thật kỹ.

- Thừa vâng, bạch đức Đạo Sư!

Cả rừng người đáp lại xong, đức Phật giảng nói trực tiếp, đi thẳng ngay vào chủ đề:

- Khi nào chúng tỳ-khuru thường hoan hỷ hội họp khi có việc tăng và hội họp đông đủ để học hỏi, luận bàn giáo pháp - thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru thường đến với nhau trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết và chia tay nhau trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết - thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru cùng chấp hành, cùng tôn trọng những học giới, những pháp quy đã được ban hành, và không tự ý đặt ra những giới luật mới khi chưa được sự đồng thuận của tăng - thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru còn biết tôn trọng, kính trọng, đánh lễ, và biết nghe lời dạy bảo của các bậc trưởng lão đạo hạnh, những bậc thượng tôn tăng đoàn nhiều kinh nghiệm – thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru không bị chi phối bởi dục vọng, tham ái, và bởi do tham ái và dục vọng này họ biến mình thành con người khác, đời sống khác, lãng xãng với bụi bặm của thế tục – thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru thích sống những chỗ xa vắng, tĩnh lặng – thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru tự thân an trú chánh niệm, sống đời an lạc, giải thoát làm chỗ nương tựa cho bạn đồng phạm hạnh – thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Giảng đến ngang đây, đức Phật nhấn mạnh, kết luận:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Chừng nào mà bảy pháp bất thời này còn được các vị xem trọng, biết thực hành theo, lại còn

biết phổ cập rộng rãi trong các hội chúng tăng đoàn quốc độ này và quốc độ khác – thì chắc chắn giáo pháp sẽ được hưng thịnh và giáo hội tăng đoàn không thể nào bị suy thoái được.

Còn nữa, bảy pháp bất thối này còn như một năng lực tâm linh tối thượng, vừa tại thế, vừa xuất thế, không một sức mạnh nào ở bên ngoài, dù thế gian lực, chư thiên lực, ma vương lực, phạm thiên lực... cũng không thể nào làm nó suy yếu, tổn giảm được. Tuy nhiên, nó lại rất sợ năng lực bên trong.

Này các thầy tỳ-khưu! Năng lực bên trong ấy là gì?

Ví như loài sư tử, nó là chúa của rừng sâu, nó bất bại trước các dã thú, hoang thú nhưng nó lại bất lực trước các con trùng li ti bé nhỏ sống tầm gởi nơi thân xác nó. Khi sư tử suy yếu, già bệnh, chính loài trùng này sẽ gặm nhắm nó, rúc rĩa nó lần hồi cho đến lúc chỉ còn là bộ xương trắng hếu. Chính trùng sư tử mới ăn thịt được sư tử. Cũng vậy, kẻ làm cho giáo pháp suy tàn và giáo hội tiêu vong là chính các vị, chính là những tỳ-khưu, những sa-di sống trong giáo hội, tăng đoàn chớ không ai khác. Vậy hãy gìn giữ, phụng hành bảy pháp bất thối, đừng bao giờ biến mình thành những con trùng ăn thịt sư tử, ăn thịt giáo hội và tăng đoàn! Hãy nhớ lấy!⁽¹⁾

Hôm ấy, cả hơn hai ngàn vị tỳ-khưu, đa phần là thành phần thanh niên và trung niên xuất gia mười năm trở lại; họ rợn ngợp, rùng mình, lạnh gáy vì thời pháp. Một làn gió vô hình buốt lạnh thổi qua tâm não họ, nhất là câu: Đừng bao giờ biến mình thành những con trùng ăn thịt sư tử, ăn thịt giáo hội và tăng đoàn! Rõ ràng là thời pháp này dành cho họ - chứ không phải với chư vị trưởng lão và đại trưởng lão.

Sáng mờ sương hôm sau, từng đoàn, từng toán sa-môn lại rời núi, đi trì bình khát thực các nơi. Vừa đi, họ vừa ôn

⁽¹⁾ Chuyện sư tử này lấy ý từ “Đường xưa mây trắng” của TS Nhất Hạnh.

gắm lại thời pháp. Đức Phật và chư vị đại trưởng lão cũng ôm bát vào các thôn lành kế cận.

Rồi suốt ba buổi chiều kế tiếp, đức Phật nhắc nhở chư vị tỳ-khưu hãy xa lánh việc đời, chuyện đời, đừng để chuyện đời, việc đời lôi cuốn. Đừng nên tán gẫu vô ích, không nên say sưa chuyện phiếm. Đừng giải đãi, biếng nhác, ưa thích ăn uống, ngủ nghỉ. Phải biết xa lánh đám đông, đừng quần tụ, la cà với đám đông. Đừng để những dục vọng tầm thường chi phối để làm những việc mà người đời cười chê. Hãy xa lánh bạn bè xấu ác, đừng thân cận với họ và cũng đừng cộng hành với họ. Trong sự tu tập thì chớ dừng lại nửa chừng, không nên bằng lòng với những chứng đắc thấp thỏi, đừng tự mãn kiêu căng về kiến thức cũng như những sở đắc mà mình có được.

Và cũng để củng cố thêm tư cách, phẩm hạnh, lộ trình tu tập cho chúng tỳ-khưu sơ tu, đức Phật giảng thêm bảy pháp căn bản là: Tín, tâm, quý, đa văn, tấn, niệm, tuệ. Ngài cũng nhắc lại bảy yếu tố trên lộ trình giác ngộ, giải thoát ấy là niệm, trạch pháp, tấn, hỷ, an, định và xả. Bảy pháp quán tưởng là vô thường tưởng, vô ngã tưởng, bất tịnh tưởng, nguy hiểm tưởng, xả ly tưởng, vô tham tưởng, diệt tưởng - đức Phật cũng giảng dạy rất chi ly, cặn kẽ.

Cuối buổi còn lại ở trên núi Gijjhakūṭa, đức Phật lại nhắc nhở chư tỳ-khưu thực hành sáu phép hòa kính – là căn bản để các hội chúng nơi này nơi kia đưa đến thuận hòa, yên ấm khi chung sống với nhau, không đưa đến ly tan, đổ vỡ.

Trời đã gần tối, mây mù bàng bạc. Đức Phật khẽ đưa mắt nhìn trời rồi nói với tôn giả Ānanda bên cạnh:

- Sớm mai, chúng ta rời núi, về Trúc Lâm tịnh xá. Trời sắp mưa lớn và mưa nhiều ngày.

Lại Lên Đường, Lại Ra Đi!

Ở tại Trúc Lâm, thấy trời quang, mây tạnh, đức Phật lại ôm bát lên đường, với đại chúng chừng năm trăm vị trong đó chỉ có chư tôn giả Ānanda, Upāli, Anuruddha... là đi theo, còn tất cả ở lại tịnh xá.

Lúc này đức Phật đã tám mươi tuổi, sức khỏe đã giảm sút nhưng ngài muốn đi, đi khá chậm rãi, lộ trình lên phía bắc. Dường như ngài muốn thăm nơi này nơi kia một ít ngày. Đầu tiên, đức Phật ghé thăm ngôi vườn Ambalatthikā, vốn là nơi nghỉ mát của đức vua Bimbisāra trước đây đã dâng cúng cho giáo hội. Tại đây, đức Phật nhắc nhở chư tỳ-khưu về giới, về định, về tuệ; định cùng tu với giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn; tuệ cùng tu với định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Nhưng tâm cùng tu với tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, phiền não.

Rời Ambalatthikā, đức Phật ghé Nalandā rồi đi thẳng lên Pāṭaligāma, là một thị trấn bên bờ sông Gaṅgā. Tại đây, đức Phật giảng dạy cho một nhóm cư sĩ về “năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật”. Thứ nhất là bị tiêu hao tiền của khi sống phóng dật. Thứ hai là tiếng dữ bị đồn xa. Thứ ba là sống với sự sợ hãi thường xuyên. Thứ tư

là tâm trí bị rối loạn, bất an. Thứ năm, mệnh chung rơi vào tứ ác đạo.

Ngược lại, những ai có giới, sống đúng với giới luật mà mình đã thọ trì thì tiền của không bị tiêu pha vô ích, tiếng lành được đồn xa, đi đâu cũng không bối rối, sợ hãi, tâm luôn ổn định, bình tĩnh, và cuối cùng, khi chết đi vào con đường người, trời.

Rời nhóm hội chúng cư sĩ, đức Phật về chỗ nghỉ ngơi lúc trời đã khuya. Hướng tâm, ngài biết một việc: Số là sau khi viên đại thần Vassakāra về nói lại bảy pháp bất thối mà đức Phật đã giảng, đức vua Ajātasattu biết là ngài đã tinh tế khuyên vua không nên gây can qua với Vajjī vì họ rất hùng mạnh. Bây giờ chỉ có một cách là phòng thủ, nên đức vua cử viên đại thần Vassakāra và Sunidha đến tại thị trấn Pāṭaligāma nghiên cứu công trình phòng thủ.

Đức Phật còn biết, trong nay mai, thị trấn Pāṭaligāma này sẽ trở thành một thành phố lớn quan trọng, là nơi phát triển kinh tế, thương mại phồn thịnh nhất trong khu vực – vì ngài thấy rất nhiều thiên thần có oai lực đang trấn ngự ở đây.

Hôm sau, đức Phật nhận lời mời buổi đặt bát cúng dường của hai viên đại thần. Tại trú xứ của hai vị, đức Phật nói một thời pháp rồi kết luận bằng một bài kệ với ý nghĩa như sau:

“- Chỗ nào mà người sáng suốt, có trí tuệ chọn làm trú xứ của mình – thì chỗ ấy phải biết nuôi dưỡng, chăm sóc người có giới và bậc phạm hạnh. Ngoài ra, khi làm được công đức, phước báu gì thì phải biết hồi hướng, chia sẻ với chư thiên, thọ thân. Nếu được tôn kính đúng mức thì họ sẽ tôn kính lại. Nếu được trọng vọng, họ sẽ trọng vọng lại. Nếu được mến thương, họ sẽ mến thương lại. Ai được thọ thân, chư thiên tôn kính, trọng vọng, mến thương thì kẻ ấy luôn được mọi sự hanh thông, an vui và nhiều may mắn!”

Lúc đức Phật và đại chúng từ giã, hai vị đại thần đi sau cùng, nói với nhau rằng: “Hôm nay sa-môn Gotama đi ra cửa nào cửa ấy sẽ được đặt tên là cửa Gotama; sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào, bến ấy sẽ được đặt tên là bến Gotama”.

Cũng ngày chiều hôm ấy, đức Phật và đại chúng đi đến bến sông. Lúc bảy giờ, sông Gaṅgā tràn ngập nước đến bờ đến nổi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người cột bè để qua bờ bên kia. Đức Phật mau lẹ như viên lực sĩ co hay duỗi cánh tay, biến mất từ bờ bên này và hiện ra bờ bên kia với chúng tỳ-khuru. Nhìn lại cái cảnh người thì tìm thuyền, kẻ tìm phao, người cột bè, cảm khái, đức Phật thốt lên: “Ai dễ dàng vượt qua biển ngàn trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi chúng phàm phu đang loay hoay tìm thuyền, cột bè... Người ấy là bậc trí tuệ, giải thoát”.

Đức Phật lại bộ hành, lại đi. Đến Kotigāma lại giảng Tứ Thánh Đế cho chúng tỳ-khuru. Đến Nāḍika, nhân nghe có nhiều tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận sự nam, cận sự nữ ở đây, tử thần vừa mới gõ cửa – nên tôn giả Ānanda bạch hỏi sanh thú của họ. Đức Phật sau khi nói rõ cảnh giới thai sanh, hóa sanh của từng người, ngài có ý la rầy tôn giả Ānanda, là nếu ai chết cũng hỏi thì làm phiền nhiều ngài quá đấy! Quan trọng là tu tập làm sao để biết chắc mình không còn bị đọa vào bốn con đường khổ là được rồi. Muốn khỏi bị đọa vào tứ ác đạo, một tỳ-khuru hay cư sĩ phải chứng quả Dự Lưu, có chánh tín với đức Phật, đức Pháp, đức Tăng. Đơn giản vậy thôi.

Rời Nāḍikā, đức Phật đến Vesāli. Chư tăng bốn xứ tề tựu đón tiếp ngài rất đông. Tại đây, đức Phật dạy đại chúng tỳ-khuru thế nào chánh niệm, tỉnh giác đối với thân, thọ, tâm, pháp rồi ngài lên đường, ghé làng Baḷuvā và trú trong một ngôi nhà bằng gạch được gọi là Giṅjakāvasatha.

Thấy thời tiết xấu đi, mưa tầm tã, đức Phật khuyên chư tăng nên tìm chỗ trú cư, riêng ngài thì ở tạm Baluvā này. Chỉ hôm sau là một cơn bệnh trầm trọng phát sanh, đau đớn vô cùng; đức Phật xua tay cho mọi người đi hết rồi nằm yên, không hề rên xiết, không hề tỏ một dấu hiệu nào là cơn bệnh như đang đục khoét xương tủy, chẳng có ai đủ sức chịu đựng. Tuy nhiên, nghĩ là phải vượt qua nó, đức Phật đã sử dụng thiền định để làm lắng dịu cơn đau. Do ngài nghĩ: “Cái cỗ máy thân xác này đã đến hồi rã mục rồi. Nhưng thật là không phải lẽ khi ta nhập diệt ở đây mà chưa có những giáo giới cuối cùng đến đệ tử các hàng. Vậy ta phải duy trì thọ hành, duy trì mạng căn đến lúc đúng thời, phải lẽ nhất!”

Thấy đức Phật khỏe mạnh trở lại, tôn giả Ānanda rất vui mừng, nói rằng:

- Khi thấy Thế Tôn cơn bệnh phát sanh, phải chịu đựng nó, kham nhẫn nó, đệ tử cảm thấy yếu mềm như lau cổi, vật vờ như người mất phương hướng, nhưng cũng tự an ủi rằng: Chắc chắn Thế Tôn chưa diệt độ vì Thế Tôn chưa có lời “đi giáo” đến chư tỳ-khuru tăng.

Đức Phật trả lời:

- Nay Ānanda! Chư tăng còn mong mỏi gì ở Như Lai nữa? Chánh pháp, Như Lai đã cạn kẽ giảng nói hết rồi không phân biệt trong ngoài, mật hay hiển. Trong bàn tay của Như Lai không còn nắm giữ hay giấu giếm bất kỳ một pháp nào. Chẳng còn gì mà Như Lai chưa hề giảng dạy.

Nay Ānanda! Nay Như Lai đã tám mươi tuổi, đã già, đúng lúc phải ra đi rồi. Như cái cỗ xe đã cỗi mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ vào những đai, trục, vành, thắng kết cấu lại, cũng vậy, cái thân Như Lai còn duy trì được chút ít sự sống là nhờ vào sự chống đỡ của xương gân, dây chằng đan kết lại.

Này Ānanda! Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình. Hãy tự mình nương tựa nơi chính mình, chớ nương tựa bất kỳ một nơi nào khác.

Này Ānanda! Những ai sau khi Như Lai diệt độ, biết tự mình là hòn đảo của chính mình, biết tự mình nương nhờ chính mình; nói cách khác, biết dùng chánh pháp làm ngọn đèn, biết lấy chánh pháp làm chỗ nương tựa – thì họ là những bậc tối thượng trong hàng tỳ-khưu!

Phật Hứa Với Ma Vương

Hôm ấy, sau khi đi khát thực quanh thành Vesāli, độ ngộ xong, trên đường trở về, đức Phật nói với tôn giả Ānanda là đến điện thờ Cāpāla để nghỉ trưa.

Đến đây, tôn giả Ānanda lựa tìm một chỗ sạch sẽ, mát mẻ trải tấm tọa cụ cho đức Phật an ngự, còn mình thì ngồi xuống một nơi phải lẽ.

Chợt đức Phật đưa mắt nhìn quanh, cảm hứng ngữ thốt lên:

- Khả ái thay Vesāli! Khả ái thay điện thờ Udena! Khả ái thay điện thờ Gotamaka! Khả ái thay điện thờ Sattambaka! Khả ái thay điện thờ Bahuputta! Khả ái thay điện thờ Sārandada! Khả ái thay điện thờ Cāpāla!

Vào đề thế xong, đức Phật nói tiếp:

- Nay Ānanda! Những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo - thì nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Như Lai đã tu bốn thần túc đã đến độ toàn diện, viên mãn, nếu muốn Như Lai có thể duy trì mạng căn, thọ hành sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Mặc dầu đức Phật đã nói ba lần về khả năng tứ thần túc của ngài nhưng tôn giả Ānanda không hề hiểu sự gợi ý ấy. Nếu hiểu thì chắc tôn giả phải quỳ bạch rồi thỉnh cầu rằng: “Xin đức Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Xin đức Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người!”

Thật ra, lúc ấy tôn giả Ānanda đang mơ mơ màng màng, nửa như cái tâm đang ngủ, nửa như bị ma ám – nên không nghe không biết lời gợi ý của đức Thế Tôn.

Khi đức Phật bảo ngài Ānanda tìm chỗ nghỉ ngơi, tôn giả đi chưa được bao lâu thì Ma vương tìm đến, nó nói:

- Trước đây, tại Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Ajapālanigrodha, khi sa-môn Gotama vừa thành đạo, tôi mời thỉnh sa-môn Gotama hãy diệt độ thì ông đã có nói với tôi rằng: “Nhu Lai sẽ không diệt độ khi nào chúng đệ tử chưa trở thành những con người chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, nghe nhiều học rộng, biết duy trì chánh pháp, thành tựu pháp học, pháp hành, sống theo chánh pháp, có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, truyền bá chánh pháp một cách mỹ mãn và thần diệu”. Thì nay đệ tử của sa-môn Gotama thành tựu đã còn hơn thế nhiều. Cả hai giáo hội tăng ni cả hàng ngàn tỷ-khưu bác học, đa văn, thành tựu trí tuệ, thiên định, giới luật, thuyết pháp, cụ túc pháp học, pháp hành và đang thiện xảo xiển dương giáo pháp khắp cả châu Diêm-phù-đề rồi! Vậy nay tôi yêu cầu sa-môn Gotama thực hiện lời hứa trước!

Yên lặng một lát, sau khi xác nhận điều mà Ma vương nói là hoàn toàn đúng với sự thực, đức Phật nói:

- Thôi được rồi, này Ma vương! Ngươi yên tâm, Như Lai sẽ thực hiện lời hứa. Đúng ba tháng kể từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ!⁽¹⁾

Rồi ngay tại thời khắc ấy, đức Phật chánh niệm, tỉnh giác, nguyện từ bỏ thọ hành (āyusankhāra), chỉ duy trì mạng căn trong ba tháng nữa thôi, thì cũng chính ngay lúc đó, địa chấn động kinh hoàng, sấm trời vang dậy, những âm thanh ghê rợn nổi lên, ai lông tóc cũng dựng ngược, sợ hãi... không hiểu là chuyện gì!

Tôn giả Ānanda nghe thấy trời đất như vậy cũng rất kinh sợ, đến bên Phật muốn hiểu căn do thì ngài đáp:

- Này Ānanda! Có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động. Ông biết không? Đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động.

Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Có vị sa-môn hay bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh.

Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi vị bồ-tát ở cõi Tusita từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

⁽¹⁾ Hôm ấy đúng ngày rằm tháng giêng ta.

Còn nữa, này Ānanda! Khi vị bồ-tát chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫn thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lúc ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai chuyển bánh xe pháp, lúc lúc ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai nhập vô dư y Niết-bàn, lúc ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám, duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động.

Này Ānanda! Do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động, không có một nhân, một duyên nào khác nữa.

Khi đức Phật tuyên bố là đã từ bỏ thọ hành, đã hứa với Ma vương là chỉ duy trì mạng căn ba tháng nữa thôi - tôn giả Ānanda vô cùng sầu não.

Thế Tôn lại phải ân cần nhắc nhở:

- Phải chặng ngay từ ban đầu, Như Lai đã từng tuyên bố rằng: Mọi vật mình ưu ái, luyến thương, thân sắc và hình

dong này đều phải bị thay đổi, biến dịch, đều phải trả về cho hư không, cho cát bụi?

Này Ānanda! Làm sao những cấu tạo hữu vi, những gì sanh khởi, tồn tại, chịu sự vô thường, thay đổi mà không đưa đến biến diệt cho được?

Này Ānanda! Những gì Như Lai đã từ bỏ, xả ly, khước từ, chính là thọ hành. Như Lai đã tuyên bố và đã tuyên bố một cách dứt khoát như vậy. Vậy cầu mong Như Lai muốn sống, duy trì thọ hành - thì chẳng khác gì phản lại lời tuyên bố của Như Lai?

Đừng khóc thương, sầu muộn một cách vô ích nữa. Hãy chuẩn bị để cùng Như Lai ghé Kūṭagāra, rừng Mahāvana.

Hôm sau, muốn đưa Ānanda vào công việc, đức Phật bảo tôn giả tìm cách thông báo, mời thỉnh tất cả chư tăng ni tại Vesāli và vùng phụ cận đến tại giảng đường Đại Lâm để Thế Tôn giáo giới.

Và rồi tại đây, trước vài ngàn thính chúng tăng ni, đức Phật giảng tới giảng lui cặn kẽ, chi li về ba mươi bảy trợ đạo phẩm, như là tóm gọn toàn bộ giáo pháp mà đức Phật chứng ngộ và giảng nói suốt bốn mươi lăm năm qua. Đó là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ thần túc, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ-đề phần, bát chánh đạo phần.

Đưa mắt nhìn khắp hội chúng tăng ni, đức Phật khởi tâm đại bi tạo một năng lượng đổ tràn ra không gian rồi lớn giọng, chẳng khác gì là lời di giáo:

“- Này đại chúng tăng ni! Đây là lời nhắn nhủ quan trọng nhất của Như Lai để các vị làm kim chỉ nam tu tập: Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát”.

Hôm sau, đức Thế Tôn lại ôm y bát vào thành để khát thực, trên đường trở về, ngài đưa mắt nhìn bao quát Vesāli bằng cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ānanda:

- Đây là cái nhìn Vesāli lần cuối cùng của Như Lai, không còn một lần nào khác nữa.

Và rồi, ngài tiếp:

- Chúng ta hãy cùng đi đến ngôi làng Bhandagāma. Sau Bhandagāma là Hatthigam, rồi Ambagāma, Jambugāma, Bhoganagara...

Và cứ thế, từng bước đi, đức Phật với từng bước đi như đi chỉ để mà đi, trọn vẹn trong mỗi bước đi, chứ không phải đi là để tìm kiếm cái gì phía trước, nhân và quả đủ đầy trong mỗi bước đi, trong mỗi hơi thở! Không biết tôn giả Ānanda và chư tỳ-khưu đi theo đức Phật, họ có học được bài học đó không? Hay chỉ có chư trưởng lão như Upāli, Anuruddha, Mahā Cunda, Upavāna... là họ cũng đang thực hiện điều ấy trong mỗi bước đi của mình? Gần suốt ba tháng như vậy, mỗi địa danh đức Phật dừng lại năm bảy hôm, mỗi nơi, đức Phật giảng một bài pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất, được lặp đi lặp lại nhiều lần nhất là nói về thánh giới, thánh định, thánh tuệ và thánh giải thoát.

Đức Phật cũng ân cần nhắc nhở chư tăng ni phải nên kiểm chứng thế nào là pháp và luật. Khi nghe một vị niên cao, lập lớn hoặc vị có nhiều uy tín trong hàng tăng lữ - nói thế này là pháp, thế kia là luật - chư vị chớ vội tin tưởng mà cũng đừng nên bài bác. Hãy suy tư, chiêm nghiệm. Hãy so sánh với cái thực trong nội tâm và trong đời sống. Giáo pháp không ở khô chết nơi lý thuyết, nơi bài giảng - mà chính là ở nơi hơi thở, nơi bước chân tu tập; ở nơi tĩnh lặng và sáng suốt của tâm và tuệ. Nói tóm lại là ở nơi thực hành và thân chứng. Vậy muốn so sánh để tin tưởng, y chỉ, thực hành theo thì nó là ở đây. Pháp và luật chân chính là ở đây. Và nó sẽ tương hợp với giáo pháp chân chính của Như Lai.

Rời Bhoganagara, đức Phật đến Pāvā.

Tại đây, đức Phật ngự tại vườn xoài của người thợ rèn Cunda. Nghe đức Thế Tôn đang ngự tại vườn xoài của mình, người thợ rèn rất hạnh phúc, tìm đến để nghe pháp. Ông hoan hỷ quá. Hôm sau, ông xin thỉnh đức Phật và tăng

chúng đến cúng dường đặt bát tại tư gia. Ông đã công phu chuẩn bị những món ăn thượng vị cúng mềm rất chu đáo, đặc biệt là có món được gọi là Sūkara-maddava⁽¹⁾ là chỉ để dâng riêng cho đức Phật.

Độ xong, đức Phật nói với Cunda:

- Món ăn Sūkara-maddava còn lại, người hãy đem chôn vào một hố nào đấy. Nay Cunda! Như Lai không thấy một ai ở cõi trời, cõi người, ma giới; không một ai trong chúng sa-môn, bà-la-môn hoặc bất kỳ một ai khác, ăn món ăn này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

Người thợ rèn Cunda vâng theo Thế Tôn.

Chừng nửa canh giờ sau khi độ thực món ăn ấy, đức Phật bị bệnh nặng, có triệu chứng ly huyết, đau đốn khóc liệt. Tuy nhiên, lát sau, trấn tĩnh cơn đau, đức Phật nói:

- Nay Ānanda! Chúng ta hãy đi đến Kusinārā.

Tuy vâng lời nhưng tôn giả áy náy không yên. Và người áy náy không yên, đau khổ, dần vật nhất lại chính là Cunda! Người thợ rèn này cảm thấy mình có tội, mình là thủ phạm dâng cúng món ăn Sūkara-maddava nên đức Phật bị đau tả ly, có lẽ là có máu bị rỉ ra từ dạ dày, từ đường ruột! Ông gục đầu xuống, khóc nức nở:

- Con chỉ có thành ý, tâm niệm trong sáng và tốt lành khi dâng cúng món ăn ấy, nó non mềm, thơm ngon... con cũng không ngờ...

Đức Phật mỉm cười:

- Không phải tội là do ông đâu. Trong quá khứ, thuở còn là bò-tát, trong các kiếp sống sinh tử, Như Lai có gây một ác nghiệp nên quả báo dư sót hôm nay nó đến đúng thời, đúng

⁽¹⁾ Tên Pāli này, hòa thượng Minh Châu dịch là “một loại mồi nhĩ”. Thiền sư Nhất Hạnh dịch là “nấm chiên đàn”. Người biên soạn tra trong Pāli-English Dictionary, thì ghi là “Soft (tender) boar’s flesh” – nghĩa là “thịt heo rừng non mềm”. Tôi ghi ra đây tất cả để độc giả cùng tham khảo.

lúc, mà món ăn chỉ là duyên cuối cùng cho giọt nước tràn ly vậy thôi.

Người thợ rèn lắng nghe. Đức Phật tiếp:

- Đây là bữa ăn cuối cùng của Như Lai, và sẽ không còn một bữa ăn nào khác nữa. Ông phải phát tâm hoan hỷ khi biết rằng: Hiện thân của một đức Phật trên đời này, có hai bữa ăn phước báu nhiều nhất, thù thắng nhất là bữa ăn trước khi đắc quả vị Chánh Đẳng Giác và bữa ăn trước khi Niết-bàn. Bữa ăn trước, phước báu tối thượng để dành nữ thí chủ Sujātā ở rừng khô hạnh, bữa ăn cuối là phần của thí chủ Cunda tại thị trấn Pāvā, vườn xoài này. Cả hai bữa ăn ấy, phước giống nhau, quả báo thù thắng giống hệt nhau, bằng nhau.

Cunda cúi đầu lắng nghe.

Đức Phật tiếp:

- Như Lai lặp lại, là cả hai bữa ăn ấy đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, phước báu lớn hơn, lợi ích lớn hơn những sự cúng dường ăn uống khác. Và này Cunda! Tuổi thọ, sắc đẹp, sống lâu, an lạc, danh tiếng, quyền uy, ngũ dục công đức cõi trời đang chờ đợi ông trong mai hậu đó!

Rồi đức Phật quay sang vị thị giả:

- Nay Ānanda! Sau này, có ai thắc mắc về bữa ăn “có vấn đề” này của Cunda, ông phải cặn kẽ giải thích giống như Như Lai vừa nói ở trên để giải tỏa “mối oan” cho Cunda và moi nghi cho tứ chúng!

Khi thấy người thợ rèn an tâm rồi, đức Phật mới từ giả.

Cơn đau lại tái hiện, âm ỉ, thốn nhức, Thế Tôn lại điều hòa hơi thở, bước đi trong chánh niệm, tỉnh giác. Được mấy đôi đường, cơn đau đã giảm nhưng đức Phật thấy khát và mệt. Đến một gốc cây, ngài ngồi nghỉ rồi bảo tôn giả Ānanda đi kiếm nước uống.

Lát sau, tôn giả về thưa:

- Người ta nói là vừa có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua, con suối đã bị bánh xe khuấy đục ngầu, nước không thể uống được. Cách đây không bao xa, một người kiếm củi nói, là có con sông Kakutthā nước trong xanh, mát mẻ. Chúng ta có thể đến đây uống để dịu cơn khát, đồng thời, rửa mặt, rửa tay chân cho dễ chịu - bạch Thế Tôn!

Tuy nhiên, lần thứ hai, lần thứ ba, đức Phật vẫn bảo tôn giả Ānanda đi kiếm nước.

Thế rồi, lần thứ ba, tôn giả Ānanda mang bát trở lại con suối cũ ấy - thì thấy nước lại trong trẻo, không vẫn đục nữa.

Mang nước về, tôn giả reo lên với đức Phật:

- Thật là kỳ diệu quá sức! Thật là lạ lùng quá sức! Nước suối bị bánh xe khuấy động, đục ngầu, thế nhưng Thế Tôn lại cứ bảo lấy nước, lấy nước! Quả nhiên, lần thứ ba, nước đục ngầu ấy đã thay tên đổi họ, đã biến thành khuôn mặt trắng trẻo, trong xanh, mát lịm - bạch Thế Tôn!

Đức Phật không nói gì, im lặng uống nước.

Lúc bảy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallā, đệ tử của ngài Alāra Kālāma mang hàng trên những cỗ xe, cùng với tùy tùng, đang trên con đường từ Kusināra đến Pāvā, thấy đức Phật đang ngồi tĩnh tại, trầm lặng dưới gốc cây, ông cảm nhận được cái gì đó nên đã đến gần bên, tán thán:

- Ôi! Thật kỳ diệu xiết bao là trạng thái trầm tĩnh, ổn định của bậc xuất gia! Nó định tĩnh như ngọn núi.

Đức Phật chỉ lắng nghe, và ông ta nói tiếp:

- Thuở xưa, ngài Alāra Kālāma, đạo sư của con, đang đi trên đường, ngồi xuống một gốc cây để nghỉ trưa. Đạo sư của con cũng ngồi với trạng thái trầm tĩnh, ổn định như ngọn núi vậy đó. Lát sau, có khách lữ hành đi ngang qua, cất tiếng hỏi đạo sư Alāra Kālāma rằng:

“ - Tôn giả có thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua đây không?”

Đạo sư đáp:

“- Ta không thấy!”

Ngạc nhiên, người kia hỏi tiếp:

“- Tôn giả có nghe tiếng đàn ngựa chuyển động, bánh xe sắt trì nghiêng trên đất không?”

“- Ta cũng không nghe!”

“- Thế tôn giả có phải đang ngủ không?”

“- Không, ta không ngủ!”

“- Thế tôn giả có thức không?”

“- Có, ta đang thức, ta luôn luôn tỉnh thức!”

“- Tôn giả đang tỉnh thức nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy một tiếng động nào. Nhưng bạch tôn giả! Cái áo của tôn giả rõ ràng là đang lấm bụi!”

“- Phải! Cái áo, trên đầu, trên cổ gì cũng lấm bụi cả”

Người khách lữ hành tự nghĩ:

“- Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh như đỉnh núi của một bậc xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe một tiếng động nào”.

Do cảm phục đức trầm tĩnh ấy, khách lữ hành tỏ lòng thâm tín đối với đạo sư Alāra Kālāma rồi chào từ giã.

Pukkusa, dòng họ Mallā, đệ tử của ngài Alāra Kālāma nói với đức Thế Tôn như vậy, cũng chỉ để tỏ lòng tôn kính và cảm phục đức trầm tĩnh của bậc xuất gia.

Đức Phật chợt hỏi:

- Nay Pukkusa! Nhà người nghĩ thế nào? Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn? Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe một tiếng động nào. Và một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng?

- Bạch Thế Tôn! Nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến sáu trăm, bảy trăm, tám trăm, chín trăm hoặc một ngàn, cho đến trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh được. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn – trong trường hợp một người đang giấc tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động mà không thấy cũng không nghe tiếng.

Đức Phật lại tiếp tục:

- Nay Pukkusa! Một thời, Như Lai ở Atumā, tại nhà đập lúa. Lúc bấy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết.

Tình cờ, Như Lai từ nhà đập lúa đi ra, vừa bước qua sân thì thấy một đám đông bèn cất tiếng hỏi:

“- Có việc gì ở đây mà quý vị tụ họp đông vậy?

Một người đáp:

“- Có hai nông dân và bốn con bò đực bị sét đánh chết, mọi người tụ hội để xem.

“- Thế à!

“- Vậy thì lúc ấy sa-môn ở đâu mà không thấy, không biết?

“- Ta đang ở đây, trong nhà đập lúa này.

“- Ngài không nghe thấy gì cả sao?

“- Vâng, không nghe thấy gì cả.

“- Vậy thì ngài đang ngủ?

“- Không, ta không ngủ.

“- Vậy ngài đang thức.

“- Vâng, ta đang thức.

Người kia ngạc nhiên, la lên:

“- Sa-môn không ngủ, đang thức - vậy thì ngài đang làm cái gì mà cho chí mưa tầm tã ào ào như thác đổ, sét đánh rầm rầm tung trời dậy đất, đến nỗi hai nông dân tiêu mạng,

bốn con bò đực nằm chết chổng cọng – mà ngài lại không thấy, không nghe, không biết gì hết. Có lạ lùng không chứ!”

Nghe xong, Pukkusa tự nghĩ:

“- Đạo sư Alāra Kālāma của ta, đạo hạnh và trí tuệ nổi tiếng một thời, nhưng mà ngài tạ thế rồi. Sa-môn Gotama này, ta nghe tên từ hồi ở tu viện của thầy ta. Hôm nay, nghe câu chuyện này, ta biết ‘nội lực tịnh tu’ của ông ta còn là bậc thầy đạo sư của ta nữa!”

Nghĩ thế xong, ông quý sụp người xuống, trở miệng vẫn chương:

- Ôi! Trước đây, đạo sư của con, Alāra Kālāma, là bậc thầy mà con tin tưởng, giao phó sinh mạng. Thì nay, bạch Thế Tôn! Con đem “sự tin tưởng và việc giao phó sinh mạng ấy” về đạo sư của con đem rải rắc trước luồng gió mạnh, đem thả trôi vào dòng nước cuồn cuộn ngàn trùng! Xin cho con được quy y Thế Tôn, quy y pháp và quy y tỷ-khưu tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, trọn đời quy ngưỡng.

Nói thế xong, Pukkusa quát bảo viên quản lý thuộc hạ:

- Hãy tức khắc vào thùng xe của ta, lấy ngay một cặp áo màu kim sắc, vàng chói để ta dâng cúng đến đức đại Đạo sư của ta!

Sau đó, nâng cặp y quý giá lên ngang đầu, Pukkusa tác bạch:

- Mong đức Thế Tôn bi mẫn thọ dụng cặp áo này, là vật quý trọng nhất hiện thời của con. Vật quý trọng được dâng cho người quý trọng là hạnh phúc nhất đời của con vậy.

Đức Phật im lặng nhận lời, rồi bảo:

- Này Pukkusa! Hãy đắp cho Như Lai một tấm và đắp cho vị thị giả đặc biệt này một tấm.

Pukkusa làm theo lời của Thế Tôn. Sau đó, Pukkusa được đức Phật giáo giới ít lời làm cho tăng trưởng đức tin, ông hoan hỷ, và thấy cũng đã phải thời nên xin từ giã.

Sau khi Pukkusa đi rồi, tôn giả Ānanda ngắm nhìn đức Phật mãi, lát sau ông thốt lên:

- Thật là lạ lùng quá sức. Chiếc y kim sắc, vàng chói như mặt trời hừng đông của Pukkusa lại chột như lu mờ trước nước da của Thế Tôn, có hy hữu không chứ!

Đức Phật gật đầu:

- Thật vậy, này Ānanda! Có hai trường hợp màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và hết sức sáng chói. Ấy là trong lần Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Giác và trong lần Như Lai sắp diệt độ Niết-bàn... Và khắc ấy cũng cận kề, nội trong đêm nay đó thôi!

Nghe vậy, tôn giả Ānanda rơm rớm nước mắt.

Đức Phật lại bảo:

- Thôi, hãy đi! Hãy lên đường! Trời đã chiều rồi, chúng ta còn lội qua vài con sông nhỏ nữa.

Lúc dừng chân nơi con sông Kakutthā nước trong vắt, đức Phật xuống tắm, xong, ngài từ từ, chậm rãi lội bộ sang bờ bên kia. Đại chúng có người tắm rửa, uống nước, có người không.

Đức Phật trao lại y tắm cho tôn giả Ānanda giặt phơi, mặc lại tấm y khô ráo, khoác thêm tấm kim sắc, ngài đi vào một khu rừng xoài. Tại đây, đức Phật bảo tôn giả Mahā Cunda trải tấm y tăng-già-lê làm bốn rồi ngài ngồi nghỉ.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Chỗ này, kinh Đại bát-niết-bàn ghi kệ như sau: “Đức Phật tự đi đến. Con sông Kakutthā. Con sông chảy trong sáng. Mát lạnh và thanh tịnh. Vị Đạo Sư mỗi một. Đi dần xuống mé sông. Như Lai đáng Vô Thượng. Ngự trị ở trên đời. Tắm xong, uống nước xong. Lội qua bên kia sông. Bậc Đạo Sư đi trước. Giữa Tăng chúng Tỳ-khưu. Vừa đi vừa diễn giảng. Chánh pháp thật vi diệu. Rồi bậc Đại Sĩ đến. Tại khu vực rừng xoài. Cho gọi vị Tỳ-khưu. Tên họ Cundaka: “Hãy gấp tư áo lại. Trải áo cho ta nằm. Nghe dạy, Cundaka. Lập tức vâng lời dạy. Gấp tư và trải áo. Một cách thật mau lẹ. Bậc Đạo Sư nằm xuống. Thân mình thật mệt mỏi. Tại đây Cundaka. Ngồi ngay phía trước mặt.”

Lúc tôn giả Ānanda làm công việc xong, vừa đến nơi, đức Phật ngồi dậy rồi bảo:

- Hãy đi, chúng ta còn đi qua con sông Hiraññavatī nữa mới tới Upavattana, thành phố Kusinnārā, rừng sālā của dòng họ Mallā.

Cả Đêm, Rừng Sālā Không Ngủ

Thế là đến chiều tối, đức Phật và chúng tỳ-khưu mới tới được nơi dự định. Trăng vừa lên, sương mù bàng bạc, không gian như trải một màn lụa mỏng. Đất trời thanh sạch như không nhiễm một chút bụi trần, có lẽ là do có sự hiện thân của một nhân cách siêu việt chăng? Cái đó để thiên nhiên và siêu nhiên trả lời. Tuy ai cũng cảm nhận có một cái gì đó rất lạ lùng, nó ở ngoài tế bào não và lý trí suy nghiệm.

Sau một hồi tới lui hít thở không khí trong lành, đức Phật bảo tôn giả Ānanda chuẩn bị chỗ nằm giữa hai cội cây sālā hùng vĩ. Ấy là lấy cành lá quét dọn xung quanh hai cội cây, gấp tấm tăng-già-lê làm hai, tôn giả chọn hướng rồi trải dài theo như thân người. Đức Thế Tôn nằm xuống trong tư thế nghiêng về bên vai phải, đầu hướng về bắc, mặt hướng về tây, lưng ở phía đông và chân thì duỗi về nam. Chư tỳ-khưu chừng mấy trăm vị thì ngồi rải rác cả rừng cây, bao quanh đức Thế Tôn. Gần đức Phật nhất là chư tôn giả Ānanda, Upāli, Anuruddha, Mahā Cunda, Upavāna... Và chư vị trưởng lão ai cũng biết là Thế Tôn chọn chỗ này, giữa hai cội cây sālā này, và ngay đêm nay, đức Chánh Đẳng Giác sẽ Niết-bàn.

Cả rừng cây sālā cũng trở nên trầm mặc, dường như chúng cũng cảm nhận được thời khắc linh thiêng, trọng đại. Rồi đột nhiên, có cái gì rùng rùng chuyển động và có cái gì siêu nhiên tác động mà cả rừng cây sālā bỗng trở hoa trái mùa, từng chồi, từng nhánh vươn dài ra, đầy gốc, đầy thân, hoa bung nở, ngào ngạt hương. Lát sau, cánh hoa rơi rụng trên y áo của đức Phật và phủ nhẹ lên thân ngài. Cả mấy trăm vị tỳ-khưu ngơ ngác ngắm nhìn hoa rơi, đầy người, đầy rừng. Lát sau nữa, nhạc trời réo rắt, bay bổng như hằng ngàn giai điệu cùng hợp tấu từ hư không đổ tràn xuống. Lại có một loại hoa lạ lùng nhiều sắc màu, lấp lánh sắc màu, từng đọt, từng đọt, nhẹ nhàng chao lượn giữa rừng cây rồi như đồng loạt phủ quanh chỗ nằm của đức Tôn Sư. Và rồi, bột hương không biết từ đâu, lấp lánh bụi vàng thơm nồng nàn cũng đồng rơi xuống, rải vàng khắp nơi... Dường như người, trời, thiên nhiên, ai cũng muốn cúng dường đức Phật trong giờ khắc nghiêm kính linh thiêng này...

Tôn giả Anuruddha chợt cất tiếng nói:

- Tiếng nhạc kia là của chúng Càn-thát-bà muốn cúng dường đức Phật. Hoa trời kia tên là Mandāra⁽¹⁾, là chúng thiên nữ của thiên chủ Đế Thích cúng dường; bột hương chiên đàn kia là của chúng dạ-xoa nữ của Tứ Trán thiên vương cúng dường... Thế là Phạm thiên, Đế Thích, thiên vương, Tứ Đại thiên vương, chúng chư thiên, càn-thát-bà, dạ-xoa... đồng vân tập đến rừng cây này rồi - bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật nói:

- Ủ, Như Lai thấy rồi!

Tôn giả Ānanda cảm khái:

- Ôi! Hoa vi diệu, hương vi diệu, nhạc trời vi diệu đều muốn cúng dường đức Thế Tôn cả!

⁽¹⁾ Kinh điển dịch âm là hoa Mạn-thù hay hoa Mạn-đà-la.

Đức Phật bảo:

- Này Ānanda! Họ cúng dường tùy theo tâm ý của họ, sở thích của họ; nhưng như vậy cũng chưa thật sự biết cách cúng dường Như Lai đâu!

- Xin đức Đạo Sư hãy cho đệ tử hiểu sâu về tôn ý? Thế nào là biết cách cúng dường, bạch Thế Tôn?

- Nếu có tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni nào, cận sự nam, cận sự nữ nào biết thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh trong chánh pháp và hành trì đúng chánh pháp; làm được như vậy mới thật sự biết kính trọng, kính lễ, biết cúng dường Như Lai. Ông phải học tập như vậy, hành trì như vậy và sau này cũng phổ cập rộng rãi cho tứ chúng hiểu cách cúng dường chơn chánh, đúng pháp và luật như vậy, này Ānanda!

Tôn giả Ānanda khẽ cúi đầu, ghi nhận.

Lúc ấy, tôn giả Upavāna đang đứng hướng phía trước mặt đức Phật nên ngài khẽ bảo:

- Này Upavāna! Ông hãy đứng sang một bên!

Tôn giả Ānanda nghe vậy, tự nghĩ trong lòng: “Tôn giả Upavāna là bậc thánh vô lậu, trước đây đã từng nhiều năm làm thị giả khá chu đáo, hết lòng với đức Đạo Sư! Không biết, tôn giả đứng hầu một bên như vậy mà lại bị đức Đạo Sư quở trách: Hãy đứng sang một bên!?! Không biết có nhân, có duyên gì không nhỉ?!”

Đức Phật đọc được tâm ý ấy, ngài mỉm cười:

- Rất đông chư vị thiên thần ở mười phương thế giới tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinārā, Upavattana, rừng sālā thuộc dòng họ Mallā, không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc, một hạt cải mà không đứng đầy những thiên thần có uy lực tụ họp. Một số chư vị thiên thần ở hướng mà tỳ-khuru Upavāna đang đứng, họ than phiền rằng: “Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Thế Tôn. Thật là hy hữu, chư vị Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời; và tối hôm

nay, trong canh cuối cùng, Thế Tôn sẽ nhập diệt. Nhưng nay, vị tỳ-khưu có oai lực (vì ngài đã đắc tứ thánh quả) này lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng ngài trong giờ phút cuối cùng”. Đây là nhân, đây là duyên, này Ānanda!

- Thế thì hạng chư thiên nào tâm còn phàm tục mà “than phiền” như vậy, thưa Tôn Sư?

- Đây đúng là hạng chư thiên có tâm tư phàm tục. Và còn có hạng chư thiên ở giữa hư không, ở trên đất còn nhiều phàm tâm hơn thế nữa. Những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, với cánh tay duỗi cao, thân bỏ nhoài, lăn lộn qua lại: “Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thế nhập diệt quá sớm, vậy là con mắt pháp biến mất giữa thế gian tối tăm này rồi!”

- Có hạng chư thiên nào không than phiền, không khóc than sầu muộn không, thưa Tôn Sư!

- Có chứ, và có rất nhiều! Do những vị này đã làm nhẹ đi, rỗng đi, diệt ba phần, diệt bốn phần vô minh và ái dục – thì họ biết quán như thực tướng: “Các hành là vô thường, làm sao sự kết hợp hữu vi lại có thể khác được!” Họ tự hỏi như vậy, mà thực ra họ đã thấy như vậy.

- Thật là kỳ diệu, bạch đức Tôn Sư!

Ngẫm nghĩ một lát, tôn giả lại thưa:

- Thuở trước, sau mỗi mùa an cư, chư tăng các phương về hầu thăm Thế Tôn. Trong số họ có những vị trưởng lão, đại trưởng lão với công hạnh tu tập vững chắc; vững chắc về trí tuệ, vững chắc về thiên định, vững chắc về tri túc biết đủ, vững chắc về thần thông, vững chắc về trì luật, vững chắc về kinh pháp... Nay Thế Tôn nhập diệt rồi, đệ tử không còn có dịp tiếp dẫn họ, giao du với họ, thân cận với họ để học hỏi, để tôn trọng, để cung kính những đức lớn, tâm lớn, tuệ lớn kia nữa rồi!

- Ông còn đây, này Ānanda! Ông hãy cung kính, tôn trọng kho tàng kinh pháp ở trong tâm trí, cộng với sở văn,

kiến văn của ông do tư duy mà có, chiêm nghiệm mà có, thâm sát mà có, kia mà!

Tôn giả cúi đầu, lại nói nữa:

- Đây là thiết thời nhỏ, có tính cách cá nhân, còn một thiết thời lớn hơn, là cả châu Diêm-phù-đề này, khi Thế Tôn diệt độ rồi, chẳng còn đâu là nơi chốn để chư thiên, nhân loại, tứ chúng cung kính, đánh lễ, chiêm ngưỡng và cúng dường nữa, bạch Thế Tôn!

- Cũng còn đây, cũng có đây, này Ānanda! Là bốn thánh tích còn lại. Chỗ “Nhu Lai đản sanh” là một thánh tích. Chỗ “Nhu Lai chứng ngộ dưới cội bồ-đề” là một thánh tích. Chỗ “Nhu Lai chuyển pháp tại Vườn Nai” là một thánh tích. Chỗ “Nhu Lai diệt độ giữa hai gốc cây sālā” này là một thánh tích.

Sau này, những ai trong thời gian đi hành hương chiêm bái bốn thánh tích ấy với tâm thâm tín, với tâm hoan hỷ - mà từ trần, mà trút hơi thở - thì người ấy, vị ấy sẽ được hóa sanh vào cõi thiện thú, cảnh giới chư thiên ngay tức khắc. Đây không là lợi lạc tối thượng cho chúng sanh hay sao, này Ānanda!

Dường như ngại rằng không còn cơ hội để học hỏi nữa, tôn giả lại thưa tiếp:

- Chúng đệ tử sẽ xử lý thân xá-lợi của đức Tôn Sư như thế nào?

- Các ông đừng có lo lắng, để tâm về xá-lợi của Nhu Lai! Là một tỳ-khưu, một sa-môn hữu học, mỗi người hãy tự nỗ lực, tinh tấn để tự cứu độ mình, sống không phóng dật, cần mẫn trên con đường giác ngộ, giải thoát - đây là mục đích cần yếu và tối thượng. Có những học giả sát-đế-ly, những học giả bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín Tam Bảo, những vị này họ sẽ lo chu đáo về thân xá-lợi của Nhu Lai.

- Thế còn cái kim thân của Thế Tôn hiện giờ đây, chúng đệ tử phải làm sao?

Đức Phật lại phải ân cần giải thích:

- Xử sự thân Chuyển luân Thánh Vương như thế nào thì hãy xử sự thân Như Lai như vậy.

- Vậy “pháp táng thân” của đức Chuyển luân Thánh vương ấy như thế nào, bạch Thế Tôn!

- Theo cổ lệ từ ngàn xưa, thân của Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn bằng năm trăm lớp vải quý, vải thom các loại. Rồi được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín. Một giàn hỏa gồm mọi loại trầm hương được xây dựng lên, thân của đức Chuyển Luân được đem thiêu. Và tại ngã tư đường, bảo tháp của vị ấy được xây dựng lên để tôn trí xá-lợi cho dân chúng lễ bái, cung kính, cúng dường. Đây là cách “pháp táng thân” của vị Chuyển luân Thánh vương còn lưu lại trong cổ sử.

Vậy, thân của Như Lai cũng nên thực hiện như thế. Và sau này, những ai đem hoa, vòng hoa, trầm hương, các loại hương liệu đến cúng dường, đánh lễ bảo tháp với tâm thâm tín và hoan hỷ thì những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc dài lâu, này Ānanda!

- Thế những ai trên đời này được vinh hạnh xây dựng bảo tháp để cho thế gian cung kính, lễ bái, cúng dường, bạch Thế Tôn!

- Chỉ có bốn hạng người là được phép xây dựng bảo tháp. Phật Chánh Đẳng Giác là một. Phật Độc Giác là hai. Phật Thanh Văn Giác là ba. Đức Chuyển Luân Vương là bốn, này Ānanda!

- Vì lý do gì, nhân gì, duyên gì mà bốn vị ấy được xây dựng bảo tháp còn những vị khác thì không, bạch Thế Tôn?

- Vì họ có công đức lớn với thế gian. Và vì những ai, sau này, cung kính, lễ bái, cúng dường bảo tháp với tâm thâm

tín, hoan hỷ thì họ sẽ được an vui, lợi lạc lâu dài. Đây là nhân, đây là duyên, này Ānanda!

Hỏi xong những câu hỏi quan trọng về hậu sự của đức Phật, tôn giả Ānanda đi khuất ra phía xa, lặng lẽ khóc, tự nghĩ mà tủi thân: “Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư sắp diệt độ rồi, còn ai trên đời này thương tưởng ta nữa!”

Thấy Ānanda vắng mặt lâu, đức Phật hỏi:

- Ông Ānanda đi đâu, không thấy.

Tôn giả Anuruddha trả lời:

- Vị ấy tủi thân, đang đứng khóc, bạch Tôn Sư.

Đức Phật lại gọi vào rồi dạy:

- Như Lai đã nói tại đền miếu Cāpāla rồi, rằng là “không thể có một sự kiện, một hiện tồn sanh, trú, hữu vi, biến hoại nào mà không diệt mất”. Vậy, buồn rầu, khóc than, bi lụy thì có ích gì đâu, có đi ngược lại được với định luật hữu vi đâu – hãy nói cho Như Lai xem với nào?

- Đệ tử biết nhưng vẫn sầu não!

- Trước sau ông cũng vào dòng Bất Tử thôi, vì công đức của ông quá lớn, nó sẽ huân tụ một năng lực vĩ đại để chuyển ông vào dòng mà!

- Đệ tử tự xét có công đức nào đâu, nội tâm vẫn cứ trào vọt cảm xúc, không tự chủ được.

Đức Phật cất giọng trầm ấm:

- Đã lâu ngày, ông đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai. Tác thành được ba công đức lớn lao ấy, sao lại gọi là không có công đức? Thôi đừng tự khiêm nữa! Đừng tủi thân nữa! Hãy cố gắng tinh tấn lên, ông sẽ chứng bậc vô lậu, một thời gian ngắn nữa thôi!

Rồi Thế Tôn lại nói với đại chúng:

- Chư vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác quá khứ hay vị lai - những bậc Thế Tôn ấy đều có những thị giả tối thắng như Ānanda của Như Lai hiện nay vậy.

Sao được gọi là thị giả tối thắng? Vị tỳ-khưu thị giả tối thắng là người có trí và hiểu rõ: Lúc này là đúng thời để vị tỳ-khưu này, vị tỳ-khưu-ni này, vị cận sự nam này, vị cận sự nữ này, vua chúa này, quan đại thần này, gia chủ này, giáo chủ ngoại đạo này... yết kiến Như Lai!

Và ngoài ra, vị tỳ-khưu thị giả như Ānanda còn thu hút tứ chúng bởi khả năng kỳ lạ của mình. Ấy là khi một tỳ-khưu, một tỳ-khưu-ni, một cận sự nam, một cận sự nữ... được diện kiến Ānanda, được nghe Ānanda thuyết pháp - họ đều hết sức mừng vui, hoan hỷ, tươi rạng nét mặt. Nếu gặp được Ānanda, diện kiến Ānanda nhưng Ānanda lặng thinh, không nói gì, và pháp cũng không thuyết thì họ vô cùng buồn bã, nét thất vọng hiện rõ trên từng khuôn mặt. Đây không là điều kỳ diệu, lạ lùng, hy hữu của vị thị giả tối thắng này hay sao?

Có rất nhiều tiếng cười vui lan nhẹ giữa rừng cây. Và tôn giả Ānanda của chúng ta, nhờ năng lượng mát mẻ, vô phiền xung quanh tác động, nên đã cảm thấy thân tâm thư thái.

Tôn giả quay sang một yêu cầu:

- Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé, hoang vu và vắng lạnh này. Có những nơi khác to lớn hơn như Campā (Chiêm-bà), Rājagaha (Vương Xá), Sāvatti (Xá-vệ), Sāketa (Sa-kỳ), Kosambī (Kiền-thương-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại) – là những kinh đô, những thành phố đông đúc, phú cường, thanh mậu. Tại chỗ ấy, có đại chúng sát-đế-ly, có đại chúng bà-la-môn, có đại chúng gia chủ rất thâm tín Tam Bảo, các vị này sẽ cúng dường thân xá-lợi Như Lai.

- Chớ có nói như vậy, này Ānanda! Chớ nói rằng đô thị này nhỏ bé, hoang vu, vắng lạnh. Thuở xưa có vị vua tên là

Mahā Sudassana (Đại Thiện Kiến), là một đức Chuyển Luân Vương, là vị pháp vương, trị vì như pháp, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục, hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Cũng tại đây, tại Kusinārā này là kinh đô của vua Mahā Sudassana, với tên gọi là Kusāvātī (Câu-xá-bà-đề); phía đông và phía tây rộng đến mười hai do tuần, phía bắc và phía nam rộng đến bảy do tuần. Kinh đô Kusāvātī này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú – không thua gì thành phố Ālakāmandā của chư thiên đâu. Suốt ngày, suốt đêm, kinh đô Kusāvātī này, vang dậy chín loại tiếng: Là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xĩa, tiếng chuông. Và tiếng thứ mười là lời mời gọi mọi người, bạn hữu xung quanh: “Hãy uống đi, hãy ăn đi” do ai cũng hào sảng, do ai cũng sung mãn tài lộc, vật thực!

Nói đến đây, đức Phật thấp giọng xuống:

- Các ông có biết vị vua tên là Mahā Sudassana (Đại Thiện Kiến) là ai không? Chính ông ta là một tiên thân của Như Lai vậy. Sở dĩ Như Lai chọn diệt độ ở đây, còn để lại một bài học về tồn vong, thịnh suy của hữu vi pháp, của thế gian pháp nữa đó. Một bậc giác ngộ, xuất trần, rốt lại phải kinh qua tất cả, chiêm nghiệm tất cả, và cuối cùng, xả ly tất cả!

Thấy đại chúng yên lặng, có vẻ lãnh hội bài học, đức Phật nói tiếp:

- Nay Ānanda! Trời đang sáng trăng, ông và thêm vài vị tỳ-khưu hãy đi vào Kusinārā, thông báo với dân chúng dòng Mallā, nói rằng, đêm nay, vào canh ba, Như Lai sẽ diệt độ tại rừng cây sālā, phía đông, giáp ranh thành phố. Ông chỉ

nói thế thôi. Còn mọi việc khác, hãy để dành cho các Vāsetṭhā!⁽¹⁾

Không lâu sau, từng đoàn người, từng toán người, với đèn đuốc kéo dài trên những con đường đi về rừng cây sālā. Một số trong họ khóc lóc sâu muộn, tiếc thương với những cảm xúc khó nói nên lời. Một số thì lặng lẽ, trầm mặc nhưng dáng bước đi có vẻ không được tự chủ cảm xúc. Và ai ai cũng muốn đánh lễ đức Tôn Sư lần cuối.

Tôn giả Ānanda tự nghĩ: “Nếu ta để dân Mallā ở Kusinārā đánh lễ Thế Tôn từng người một, thì suốt đêm cũng không xong. Ta nên để cho họ đánh lễ theo từng gia tộc”.

Và quả vậy, theo cách sắp xếp ấy, chùng đầu canh hai, mọi người đã thỏa nguyện. Sau đó, lác đác có ít người về còn đa phần thì ở lại, họ ngồi đầy những nơi có thể ngồi được.

Tuy nhiên, đêm ấy vẫn có một du sĩ ngoại đạo từ xa, tên là Subhadda cứ khăng khăng muốn gặp đức Phật cho bằng được. Sợ đức Phật mệt, tôn giả Ānanda nói nhỏ mọi người tìm cách ngăn cản.

Đọc thấy tâm ý của Subhadda là thành khẩn, đức Phật bảo cho ông ta vào. Và câu hỏi của Subhadda là như sau:

- Bạch Thế Tôn! Hiện tại trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề này, có sáu giáo phái, sáu vị giáo chủ nổi danh cùng đệ tử của họ đang hoằng hóa, giảng nói khắp nơi. Họ là những vị hội chủ, giáo trưởng, sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, ngưỡng mộ như các ngài Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambalī, Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭha Nātaputta và Sañjaya Belatṭhiputta. Tôi muốn hỏi Thế Tôn, là trong các vị ấy, ai là người đạt đạo, ai là người đã giác ngộ như

⁽¹⁾ Tên gọi chung của tộc người Mallā của Kusinārā, cũng gọi Mallā của Pāvā.

các vị đã tự cho như vậy; hay một số họ đã giác ngộ, đạt A-la-hán quả còn số khác thì chưa?

Đức Phật nói:

- Thôi này Subhadda! Hãy để vấn đề ấy sang một bên vì chúng thật vô ích và phù phiếm. Nếu ông có biết rõ điều ấy, thì phiền não, khổ đau ở trong ông vẫn không giải quyết được, có phải vậy không?

- Bạch, đúng như thế!

- Bây giờ ông hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ những điều Như Lai sắp nói đây! Những điều đơn giản thôi, nhưng nó là trọng tâm của con đường thoát khổ.

- Tâu vâng!

Khi biết ông du sĩ đã sẵn sàng, đức Phật nói đến những pháp căn bản nhất mà cũng rốt ráo nhất. Ngài không thuyết giảng cao xa, dài dòng mà chỉ nói vắn tắt, giản đơn. Ngài không nhắc đến khổ đế, tập đế, diệt đế mà chỉ nói đạo đế là con đường diệt tận khổ đau phiền não - đây là bát chánh đạo. Ngài nói rằng, trong pháp và luật nào không có bát chánh đạo là không có đệ nhất sa-môn, đệ nhị sa-môn, đệ tam sa-môn, đệ tứ sa-môn. Ngược lại, pháp và luật nào có bát chánh đạo, có người thực hành bát chánh đạo, có người thành tựu bát chánh đạo thì bốn loại sa-môn kia thật không kể xiết, không thể đếm hết được. Và ông nên lưu ý rằng, sáu giáo phái, sáu giáo chủ mà ông vừa kể tên, trong hệ thống tư tưởng của họ, pháp và luật của họ, không hề có bát chánh đạo, không biết gì về bát chánh đạo. Vậy thì chứng đắc, giác ngộ, giải thoát, quả vị A-la-hán có hay không thì ông có thể tự trả lời được rồi đây!

Như một tấm vải trắng dễ nhuộm màu, thời pháp ngắn gọn của đức Phật đã thấm nhuần tức khắc vào tâm trí Subhadda. Vui mừng xiết bao, hoan hỷ xiết bao khi ông đã thấy được con đường, ông bèn quỳ gập xuống xin nhận đức Phật làm Đạo Sư. Và ông lại còn muốn xuất gia nữa.

Đức Phật nói:

- Trước kia, ông sống và tu với ngoại đạo. Theo pháp và luật của Như Lai – thì trường hợp của ông, muốn xuất gia, muốn thọ đại giới thì phải sống biệt trú bốn tháng, sau đó mới được tăng-già xem xét.

- Đệ tử sẵn sàng biệt trú bốn năm, bạch Thế Tôn!

- Thế là tốt! Bây giờ ông đã là cư sĩ áo trắng của Như Lai rồi đó.⁽¹⁾

Du sĩ Subhadda này được xem là đệ tử cuối cùng của đức Phật vậy.

Trong không gian và cả núi rừng đều yên lặng, sau câu chuyện của Subhadda, đức Phật nhìn trời nói:

- Bây giờ đã sang canh ba, Như Lai sắp ra đi rồi đấy. Vậy trong chúng tỳ-khưu có ai muốn hỏi gì không? Có thắc mắc gì, có vấn nghi gì về pháp và luật thì đây là lúc nên đem ra hỏi nhất.

Thấy ai ai cũng im lặng, ngài nói tiếp:

- Nếu ai đó ngại ngùng không dám hỏi thẳng Như Lai thì có thể nhờ bạn đồng phạm hạnh hỏi hộ? Nếu không hỏi thì sau này đừng có hối hận. Và nếu không hỏi thì sau này đừng than van rằng: Ôi, ta không còn đạo sư, ta không còn được nghe lời giáo huấn của đạo sư nữa!

Cả rừng người thầy đều yên lặng.

Đức Phật lại nói:

- Pháp và luật - Như Lai đã trăm phương ngàn cách khéo giảng, khéo thuyết. Như Lai cũng đã vận dụng thiện xảo thuyết ngôn, trình bày, phân tích chi ly, cặn kẽ. Mai này, pháp và luật ấy là thầy của các ông, là đạo sư của các ông đó!

⁽¹⁾ Sau này, đúng bốn năm, tôn giả Ānanda cho ông thọ đại giới, và nhờ tu tập, nhờ tinh cần, nhờ hướng tâm đúng, ông đắc quả vị A-la-hán.

Thấy sự yên lặng kỳ lạ của chúng tỳ-khuru, tôn giả Ānanda thốt lên:

- Thật kỳ diệu và hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Đệ tử tin rằng trong chúng tỳ-khuru này, không có ai nghi ngờ, phân vân, thắc mắc gì về pháp và luật; cũng không có ai nghi ngờ, phân vân, thắc mắc gì về đức Phật, đức Pháp, đức Tăng cả.

Đức Phật gật đầu, mỉm cười:

- Ông nói đúng! Ông và cả đại chúng có niềm tin như vậy là đúng. Ông và đại chúng không phân vân, nghi ngờ, thắc mắc gì là đúng. Tại sao vậy? Vì Như Lai vừa hướng tâm, và vừa thấy biết rõ ràng, cả mấy trăm vị tỳ-khuru hôm nay, tại rừng sālā hoa nở ngạt ngào hương này, người thấp nhất thì cũng đã đi vào dòng, chắc chắn không còn rơi vào bốn đường khổ, và trong mai hậu, năm bảy kiếp sau, sẽ đặt bàn chân trên đỉnh đồi cao của giải thoát và tự do.

Nói đến ngang đây, đức Phật sửa lại dáng nằm sư tử, tay phải làm gối kê cao hơn một chút, thoảng giọng lời rất nhẹ:

- Nay Ānanda! Ông còn sống bốn mươi năm nữa trong giáo hội, vậy sau này, nếu xét thấy có những giới điều nào xem ra là quá tiểu tiết, nhỏ nhặt thì tăng-già có thể bỏ bớt đi, không ảnh hưởng đến định và tuệ giải thoát đâu.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

- Còn nữa, hãy ghi nhớ cho kỹ, đây là lời nhắn gửi, khuyên nhủ đến hàng hậu học sa-môn: “Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật”.

Đó là lời cuối cùng của đức Đạo Sư.

Rồi Thế Tôn chánh niệm, an trú hơi thở, tức khắc đi vào sơ thiền. Xuất sơ thiền, vào nhị thiền. Xuất nhị thiền, vào tam thiền. Xuất tam thiền, vào tứ thiền. Xuất tứ thiền, vào định không vô biên xứ. Xuất không vô biên xứ, vào định thức vô biên xứ. Xuất thức vô biên xứ, vào định vô sở hữu xứ. Xuất vô sở hữu xứ, vào định phi tướng phi phi tướng xứ. Xuất phi tướng phi phi tướng xứ, vào diệt thọ tướng định...

Tôn giả Ānanda chăm chú quan sát, đến ngang đây, tôn giả nói với tôn giả Anuruddha:

- Thế Tôn đã diệt độ rồi, thưa tôn giả.

- Chưa! Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài mới đi vào diệt thọ tướng định thôi, này hiền giả!

Rồi đức Phật xuất diệt thọ tướng định, xuống phi tướng phi phi tướng xứ định. Xuất phi tướng phi phi tướng xứ, xuống vô sở hữu xứ định. Xuất vô sở hữu xứ, xuống thức vô biên xứ định. Xuất thức vô biên xứ, xuống hư không vô biên xứ định. Xuất hư không vô biên xứ, xuống định tứ thiên. Xuất tứ thiên, xuống định tam thiên. Xuất tam thiên, xuống định nhị thiên. Xuất nhị thiên, xuống định sơ thiên. Xuất sơ thiên, lên định nhị thiên. Xuất nhị thiên, lên định tam thiên. Xuất tam thiên, lên định tứ thiên. Từ trong tứ thiên thâm sâu tịch mặc, không thấy một dấu hiệu gì, như một làn gió nhẹ đi qua, biệt tâm, ngài đi vào vô dư y, tịch diệt Niết-bàn.

Ngay giây khắc ấy, đại địa chấn động, rung động, sấm trời chớp giạt điện quang, hoa sālā bỗng rụng rơi rụng đầy đất, đầy rừng. Chư vị tỳ-khưu đa văn đã được nghe giảng nói, rằng là, đây là điềm báo triệu khi một đức Chánh Đẳng Giác ra đi, là một trong tám nhân, tám duyên, là hiện tượng tự nhiên liên hệ với định luật tâm, định luật pháp.

Thấy biết như thế nào thì mặc dầu, nhưng khi bậc Đại Giác chợt nhiên vắng bóng trên thế gian, có người bàng hoàng, ngỡ ngác, có người an tĩnh, điềm nhiên cũng là lẽ thường.

Đại phạm thiên Sahampati có vẻ thấy rõ sự thật khi thốt lên bài kệ: “Chúng sanh ở trên đời. Từ bỏ thân ngũ uẩn. Bậc Đạo Sư cũng vậy. Đấng Tuyệt Luân trên đời. Bậc Đại Hùng Giác Ngộ. Như Lai đã diệt độ”.

Còn thiên chủ Sakka, là một thánh đệ tử: “Các hành là vô thường. Có sanh phải có diệt. Đã sanh, chúng phải diệt. Nhiếp chúng là an lạc”.

Tôn giả Anuruddha là bậc thánh vô lậu: “Không phải thờ ra vào. Chính tâm trú chánh định. Không tham ái tịch tịnh. Sa-môn hướng diệt độ. Chính tâm tịnh bất động. Nhẫn chịu mọi cảm thọ. Như đèn sáng bị tắt. Tâm giải thoát hoàn toàn”.

Tôn giả Ānanda do chỉ mới vào dòng: “Thật kinh khủng bàng hoàng. Thật râu tóc dựng ngược. Khi bậc Thiện Toàn Năng. Bậc Giác Ngộ nhập diệt”.

Thế là cả rừng cây sālā, người, gió, cành lá... chợt trở nên lao xao không còn yên tĩnh nữa. Dù nhiều vị tỳ-khưu đã Nhập Lưu rồi nhưng vẫn tuôn trào cảm xúc, không làm chủ được mình. Có vị la to lên, hét to lên ai cũng nghe: “Mặt trời mặt trăng tắt rồi. Con mắt thế gian tối đen rồi!” Có vị lặng lẽ sụt sùi, lầm bầm: “Hai vị thượng thủ ra đi, bây giờ lại thêm Tôn Sư ra đi nữa, có sự trống vắng thế lương nào hơn hoàn cảnh hiện nay chứ! Ôi! buồn quá!”

Tôn giả Anuruddha thấy khu rừng như nhuốm màu tang tóc, ngài đứng lên, nói giọng lớn, khuyên nhủ mọi người:

- Thôi, chư hiền giả cùng cận sự hai hàng! Chư vị chớ có sầu não, chớ có khóc than nữa. Phải chăng chư vị không biết, nghe lời dạy bảo của đức Thế Tôn? Và câu nói cuối cùng của đức Đạo Sư là gì? Là “Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật”. Chư hiền giả có còn nhớ không?

Đại chúng nghe lời, quan cảnh yên lặng và trang nghiêm trở lại. Tôn giả Anuruddha đã quen với công việc trong cuộc ra đi vĩ đại của tôn giả Sāriputta nên cất đặt ngay phận sự cho các vị trưởng lão:

- Tôn giả Upāli và tôi sẽ thay nhau thuyết pháp cho đại chúng để giữ sự thanh tịnh và trang nghiêm bên kim thân của đức Đạo Sư. Chư tôn giả Ānanda, Upavāna, Mahā Cunda thì hãy đi vào thành Kusinārā, thông báo rộng rãi cho các tộc Mallā là đức Thế Tôn đã tịch diệt Niết-bàn. Cứ

thông báo vậy thôi là các Vāsetṭhā họ tự biết phải làm những gì.

Rồi sự việc diễn tiến, thời gian như ngưng lại. Trời đã sáng. Trong không gian tĩnh lặng và rừng cây sālā trầm mặc chỉ còn nghe vọng pháp âm của nhị vị tôn giả như những hồi chuông tỉnh thức cho kẻ ở lại thấy rõ định luật như thực của lẽ sống chết, tụ tan, sinh diệt của hữu vi pháp. Ngàn xưa cũng vậy và ngàn sau cũng vậy. Và đấng Siêu Việt ra đi, đã khéo xuất ly, như làn khói ngang trời mát tích giữa không gian vô tận; như cánh gió qua rừng cây, tan vào non xanh, không hề lưu dấu. Vô hành, vô trú, vô vi, vô tạo tác chính là chỗ về, là nơi an nghỉ tuyệt đối của các bậc xuất trần đã làm xong mọi bổn phận tại thế. Vô ngôn, vô đối, vô khả tỷ.

Bụi Tan Thành Ngọc

Các vị tộc trưởng Mallā do đã có cuộc hội kiến với chư tôn trưởng lão nên họ biết sẽ mang theo những gì từ thành phố. Thế là nhiều chiếc xe ngựa kéo chở đủ mọi thứ vật dụng, vật liệu, hòm chiên đàn, gỗ trầm hương, vải quý, lụa quý các loại, bông gòn, bột hương, dầu hương, dầu đốt, đuốc, hương, tràng hoa, nhạc khí, nhạc cụ... kể cả vũ công và nhạc công nữa. Tuy nhiên, các vị tộc trưởng còn cho người tức tốc đến gặp đức vua Mallā và triều đình, sợ rằng tài lực không đủ để làm lễ pháp táng kim thân đức Phật như là pháp táng một đức Chuyển Luân Vương. Thế là sự yêu cầu giúp đỡ trên được triều đình hoan hỷ đáp ứng.

Khi mặt trời vừa lên ngang ngọn cây thì các tộc dân Mallā, nam nữ, già trẻ đã từng đoàn, từng đoàn, trước sau quy tụ về rừng cây sālā, người đông như hội. Xế trưa và chiều thì từng chiếc xe ngựa, voi tải chở thêm vật liệu, dụng cụ... lại tiếp tục đổ về. Giờ thì xe chen xe, người chen người có vẻ ồn ào, hỗn loạn. Tuy nhiên, khi những lều trại to rộng đây đó, xa phía ngoài rừng cây được dựng lên thì xung quanh hai cội cây sālā đã thưa giãn người. Chư tăng mấy trăm vị được sự sắp xếp của tôn giả Anuruddha, ngôi thiên định thành năm bảy vòng lớn nhỏ bao quanh chỗ Niết-bàn

của đức Đạo Sư. Chúng chur thiên, thiên thân cũng đã hội tụ đầy đặc cả không gian. Nhạc trời vẫn vọng xuống cúng dường. Bột chiên đàn như phân vàng vẫn rải xuống cúng dường. Hoa Mandāra cũng còn rơi xuống cúng dường. Cả rừng cây đều đã được lót thảm hoa và hương.

Khoảng chiều tối, khi đã mang đến đầy đủ tất thảy những vật dụng cần thiết, các vị tộc trưởng đến trình chur trưởng lão chương trình làm việc của họ. Ngày thứ nhất và thứ hai, bó kim thân Thế Tôn và dụng hỏa đài tại điện thờ Makuṭabandhana của tộc người Mallā, một ngọn đồi thật đẹp trong thành phố. Ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu - cận sự hai hàng cúng dường lễ phẩm, hương hoa; cúng dường ca, vũ, nhạc. Ngày thứ bảy (có chương trình riêng), khiêng kim quan đức Đạo Sư từ rừng sālā đến nơi hỏa táng. Họ còn chu đáo đến nỗi thỉnh đặt bát cúng dường cho chur trưởng lão cùng chur tăng ba bốn trăm vị hoặc cả ngàn vị trong thời gian pháp táng Thế Tôn.

Chur tôn trưởng lão chấp thuận mọi khoản, cả công đức đặt bát nhưng các ngài nói thêm ý kiến rằng: Ban đêm, vào canh giữa, là chương trình thuyết pháp đến cho đại chúng, trong suốt sáu ngày – là phần của chúng tôi.

Mọi người ai cũng hoan hỷ.

Thế rồi công việc được tuần tự tiến hành trôi chảy. Chur tăng bây giờ phải dạt ra ngoài rừng cây để các vị tộc trưởng hướng dẫn đoàn lễ táng của hoàng gia làm việc. Đèn đuốc sáng trưng cả khu rừng. Họ quấn quanh kim thân đức đạo sư hàng chục loại vải quý tấm hương, bông gòn tấm hương và lụa quý tấm hương, với tuần tự từng lớp, từng lớp như thế. Rồi bốn lực sĩ nâng toàn bộ giá thể ấy đặt vào hòm chiên đàn, loại hòm thường chỉ để dùng cho vua chúa. Khoảng hở, khoảng trống còn lại trong hòm đều được phủ đầy xác hương và bột hương. Xong đâu đấy, chiếc hòm trân quý này lại được đặt vào hòm chiên đàn khác, lớn hơn đã được dát

vàng, dát bạc, dát châu báu; và các khoảng trống xung quanh, trên dưới đều được lót bằng, phủ đầy xác hương và bột hương như thế. Chưa thôi! Những dây cột kim quan đều bằng những sợi chỉ vàng, chỉ bạc được bện dày, đang xoắn lại. Xung quanh kim quan, mười sáu trụ đầy dầu lạc được thắp sáng suốt bảy ngày bảy đêm không cạn bấc. Và khắp cả khu rừng và rừng kế cận, đèn đuốc cũng sáng rực cả vùng trời.

Quan sát cách làm, cách chọn lựa và sử dụng vật liệu của họ, tôn giả Ānanda nói khẽ với tôn giả Anuruddha:

- Xem ra, cách bó tẩm và vật liệu bó tẩm kia – thì nó còn quý trọng, trân trọng hơn cả đức vua Chuyển Luân đấy.

Tôn giả Anuruddha khẽ mỉm cười:

- Đúng vậy! Nhưng nếu hiền giả biết thêm, là chư thiên cũng đang làm, họ hòa trộn vào các vật liệu kia không biết bao nhiêu là hương, là phấn hương và xác hương của cõi trời nữa đấy. Nó thơm đến tận cung trời Đao Lợi.

- Chà! Đúng là họ thương kính, quý kính đức Đạo Sư của chúng ta vô cùng!

- Cũng là Đạo Sư của họ.

Mỗi ngày, từ sáng đến trưa là chương trình lễ bái, cung kính, cúng dường của các tộc trong kinh thành. Từng đoàn, từng toán... một gia đình, hai gia đình... nam nữ trẻ già... họ vận xiêm áo lễ hội, đẹp đẽ và lịch sự nhất, đi quanh kim quan ba vòng về phía hữu, vừa đi họ vừa tung hoa vừa tỏ cảm xúc của mình. Người thì khóc, người thì ca hát, người thì cung kính đọc tụng câu “đánh lễ đức A-la-hán, Chánh Đẳng Giác”. Bên cạnh kim quan cách xa chừng hai mươi đòn gánh, tộc Mallā cho dựng một khán đài lộ thiên và buổi chiều nào cũng có phụng diễn ca, vũ, nhạc. Những đoàn nhạc công, ca nhi, vũ công nam nữ với hàng chục nhạc khí, nhạc cụ... với những tiết mục đặc sắc nhất, nội dung tôn giáo tín ngưỡng thiêng liêng nhất để cúng dường Thế Tôn. Họ là

những nghệ nhân, nghệ sĩ cung đình, dân gian, các đền tế được thỉnh mời trân trọng với lễ phẩm hậu hĩ nên họ đã biểu diễn hết lòng, hết tài nghệ của mình. Các tiểu gia chủ, các đại gia chủ... đã hoan hỷ mở rộng hầu bao không tiếc tiền của, công sức để cúng dường trong dịp ngàn năm hy hữu, triệu năm hy hữu.

Tôn giả Anuruddha khẽ nói vào tai tôn giả Ānanda:

- Tráng lệ và huy hoàng lắm, nhưng xem ra, những nghệ sĩ này cùng với nhạc khí của họ, so với chúng nghệ sĩ càn-thát-bà ở cung trời Đao Lợi – thì tương tự như hai nắp sắt gõ vào nhau và bên kia là cây đàn ngàn dây, hợp tấu muôn ngàn giọng chim trong rừng Himalaya!

- Nhưng cái tâm cung kính, cúng dường thì giống nhau cả chứ?

- Vâng, cả thâm tín cũng vậy.

Mỗi đêm, vào canh giữa, tôn giả Anuruddha, Upāli, Ānanda thay nhau thuyết pháp cho đại chúng, đặc biệt dành cho cận sự nam nữ hai hàng.

Suốt hai đêm, hai thời, tôn giả Upāli nói về đạo hạnh, giới hạnh, đức hạnh tròn đầy, viên dung của đức Toàn Giác. Cuối cùng, tôn giả nhấn mạnh, là trong cõi người, ai lấy giới hạnh làm chiếc gậy đi đường, ai lấy giới hạnh làm kim chỉ nam dẫn lối, ai lấy giới hạnh làm chiếc áo giáp ngăn che, ai lấy giới hạnh làm chiếc thuyền qua sông, ai lấy giới hạnh làm đôi mắt sáng thì chắc chắn người ấy, khó rơi vào bốn con đường khổ, luôn làm bạn với cõi người sang quý, hạnh phúc và chúng chur thiên an lạc, thanh nhàn.

Và cũng hai thời, hai đêm, tôn giả Anuruddha chọn đề tài về thiền định. Tôn giả nói, thiền định có rất nhiều lợi ích, nhưng đây là năm lợi ích quan trọng nhất, từ cạn vào sâu mà người cư sĩ tại gia có thể tu tập được. Người có tu thiền định sẽ luôn luôn trầm tĩnh, bình tĩnh

trước mọi công việc, trước mọi tình huống bất ngờ của cuộc đời. Thứ hai là thiên định giúp mình làm chủ được những cảm xúc nhất thời, nóng nảy, sẽ không có những giận dữ, nóng nảy dễ gây ra lầm lỗi. Thứ ba, người có thiên định thường ôn định được không khí gia đình, khó xảy ra bất hòa với vợ chồng, con cái. Thứ tư, người có thiên định luôn giữ được yên lặng nội tâm, điều hòa hơi thở, khí huyết nên sẽ trường thọ. Thứ năm, nếu tu tập được cận hành định thì sẽ hóa sanh cõi trời, đôi khi còn là trời Đao Lợi hay trời Đâu Suất nữa.

Hai đêm, hai thời của tôn giả Ānanda nói về kinh pháp. Đặc biệt, là bậc đa văn, bác học mà tôn giả lại nói là nên học ít mà thực hành nhiều, nói ít, làm nhiều; đôi khi chỉ cần thuộc một câu kinh văn, một kệ pháp cú cũng thể tu tập đến nơi giác ngộ, giải thoát được. Tôn giả cũng lặp đi lặp lại, ngoài việc có tịnh tín Tam Bảo, có giới, có thí là tốt đẹp nhất rồi, đừng nên lập tâm lập nguyện quá cao xa. Để kết luận, tôn giả nói, mọi người chỉ cần học thuộc câu kệ ngôn này của đức Đạo Sư thôi, là có thể làm bản đồ tâm linh tu tập cho đời mình: “Vui thay, điều ác không làm. Vui thay, việc thiện lại chăm làm hoài. Tự tâm trong sạch trong ngoài. Đây là giáo pháp trọn đời Tôn Sư!”

Thời pháp nào cũng ngắn gọn, giản dị, tinh lọc. Thời pháp nào cũng như giọt mật ngọt ngào, giọt trăng lấp lánh và giọt nước trong lành. Thời pháp nào cũng dễ hiểu, dễ thuộc, dễ hành và dễ thành tựu. Như vậy là suốt sáu đêm, cận sự nam nữ hai hàng như chìm ngập trong niềm vui tinh thần thanh cao, xán lạn. Ai ai cũng tỉnh thức. Và núi rừng cũng tỉnh thức.

Sáng ngày thứ bảy, theo chương trình, là khiêng gánh kim quan đến lễ đài hỏa táng. Theo dự định thì họ sẽ đi về phía nam, qua thành phố rồi quanh về phía đông để đến đài hỏa táng. Để chuẩn bị, tám vị tộc trưởng đại diện tám tộc

của Mallā gọi đầu bằng nước thơm, tắm rửa sạch sẽ cũng bằng nước thơm, mặc áo mới có tắm đầu thơm, có thêm tám lực sĩ triều đình phụ giúp để khiêng kim quan. Nhưng cả ba lần đặt tay nâng đòn kim quan thì họ nhấc không nổi, có cảm giác nó nặng như một ngọn núi.

Vị tộc trưởng hỏi tôn giả Ānanda:

- Không biết do nhân gì, duyên gì mà chúng tôi, có cả tám lực sĩ phụ giúp vẫn không nhấc nổi kim quan!

Tôn giả Anuruddha đáp:

- Nay các Vāsetṭhā! Vì ý muốn của chư vị khác mà ý muốn của chư thiên khác.

- Vậy ý chư thiên làm sao, thưa tôn giả!

- Nay các Vāsetṭhā! Họ muốn rải hoa hương cúng dường, ca nhạc vũ cúng dường kim quan Phật suốt trên một lộ trình dài hơn.

- Cụ thể là lộ trình nào, thưa tôn giả?

- Nay các Vāsetṭhā! Theo chư vị sẽ đi về phía nam, qua thành phố rồi quanh về phía đông để đến đài hỏa táng. Còn họ thì muốn bắt đầu đi thẳng về phía bắc. Đến cửa bắc thì đi vào trung tâm thành phố. Từ trung tâm thành phố mới đi đến phía đông. Từ cửa đông thành phố mới đi tới ngọn đồi có điện thờ Makuṭabandhana của tộc người Mallā, sau đó mới tôn trí kim quan lên giàn hỏa thiêu.

Chư lão trưởng gật đầu:

- Ý chư thiên thế nào, ý chúng tôi là vậy, thưa chư tôn giả!

Quả nhiên, sau đó họ khiêng nhẹ hẫng như khiêng một khối bông gòn. Trên lộ trình, người người đầy đặc hai bên kim quan và phía sau kim quan kéo dài cả do tuần. Lúc này chư tăng các vùng phụ cận, cận sự nam nữ hai hàng ở xa nghe tin nên cùng vân tập về. Và theo đó, hoa rơi đầy trước kim quan, trên kim quan và sau kim quan. Đặc biệt là hoa trời Mandārava rơi ngập các lối đi, ngập cả bàn chân người.

Do đường xa, đi chậm, gần trưa, kim quan mới đến nơi hỏa đài. Chư tăng, bây giờ đã trên năm trăm vị cùng chư vị trưởng lão, họ tụng một thời kinh nói về vô thường, khổ không, vô ngã vang lên âm thanh trầm hùng, ùn ùn chao động cả không gian. Sau thời kinh, do oai lực của thời kinh mà cả một vùng xa rộng đều trở nên yên lặng, thanh tịnh.

Chư trưởng lão ra dấu hiệu có thể châm lửa được rồi. Và chư tôn giả muốn giao việc trân trọng và vinh dự ấy cho tám vị tộc trưởng Mallā.

Thế rồi, tám bó đuốc hương đều đồng loạt châm vào (cả một lễ đài dầu hương), nhưng không thấy bốc cháy. Lần thứ hai cũng vậy mà lần thứ ba cũng vậy. Lửa đều không bén được vào giàn hỏa.

Họ thưa với tôn giả Anuruddha:

- Do nhân gì, do duyên gì mà lửa châm vào dầu lại không cháy, thưa tôn giả!

- Nay các Vāsetṭhā! Vì có ý muốn khác của chư thiên nên lửa không bén được.

- Ý chư thiên thế nào, thưa tôn giả?

- Nay các Vāsetṭhā! Ý định của chư thiên như sau: “Tôn giả Mahā Kassapa nay đang đi trên đường, khoảng giữa Pāvā và Kusinārā cùng với đại chúng tỳ-khưu khoảng năm trăm vị. Giàn hỏa chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahā Kassapa cúi đầu đánh lễ bàn chân Thế Tôn”.

- Chúng tôi xin nghe theo ý định của chư thiên.

Và quả đúng như vậy, lúc bấy giờ, tôn giả Mahā Kassapa cùng với đại chúng tỳ-khưu năm trăm vị đang đi trên đường, khoảng giữa thị trấn Pāvā và thành phố Kusinārā.

Chuyện là, hôm kia, tôn giả từ rừng về, ghé Vesālī, biết rằng đức Phật và chừng mấy trăm vị tỳ-khưu đi lên phương bắc, và Thế Tôn sẽ nhập diệt, sau ba tháng kể từ hôm hứa với ma vương ở điện thờ Cāpāla. Do dẫn theo một hội chúng

đông đúc nên tôn giả bộ hành chậm, vả lại, ngài cũng đã quá già yếu, mỗi đi, mỗi nghỉ.⁽¹⁾ Rời thị trấn Pāvā, đang trên đường đến thành phố Kusinārā thì tôn giả thấy một tà mạng ngoại đạo trên đường ngược chiều đang cầm đóa hoa Mandārava lạ lùng trên tay.

Tôn giả nghĩ: “Đây là hoa trời, và hoa trời thù thắng, kỳ diệu này thế gian không có, thường chur thiên chỉ cúng dường đức Đạo Sư mà thôi, vậy sao ông đạo sĩ tầm thường này lại có được?”

Bèn hỏi:

- Sao ông lại có được đóa hoa Mandārava này, hử đạo sĩ?

Ông ta mau mắn đáp:

- Ôi trời, tha hồ, nó rơi đầy đất tại rừng cây sālā tại Kusinārā đó. Tôi chỉ nhặt một đóa kỷ niệm thôi!

- Kỷ niệm gì vậy, này đạo sĩ?

- Tôn giả không biết sao? Là kỷ niệm ngày đại sa-môn Gotama tịch diệt mà! Đã sáu bảy hôm rồi đấy!

Khi nghe tin đức Phật đã Niết-bàn, một số tỳ-khưu còn phàm thì khóc than, bi lụy, cũng vật vã, cũng sầu buồn như những nơi khác. Một số vị đã vững chắc trên đạo lộ thì trầm lặng và an nhiên hơn, cũng có buồn nhưng nỗi buồn ấy như lao xao gọn sóng rồi yên tĩnh trở lại.

Trong hội chúng đệ tử của tôn giả Mahā Kassapa có một vị tỳ-khưu đã già, xuất gia khi đã lớn tuổi, tên là Subhadda, lại tỏ ra vui mừng, ông lớn giọng rằng:

- Thôi các hiền giả, tôn giả! Khóc than, sầu buồn như vậy thì được tích sự gì. Chuyện nên vui mừng là khác. Từ rày, chúng ta đã thoát khỏi sự phiền nhiễu của Đại Sa-môn ấy rồi. Chúng ta không còn bị quấy rầy bởi những lời giáo

⁽¹⁾ Ngài có thần thông, nhưng khi không hướng tâm thì không biết. Lại nữa, thần thông của ngài chưa đủ năng lực dẫn theo cả 500 tỳ-khưu bay qua hư không được.

giới như: “ Không được làm như thế này, như thế kia! Nên làm như thế này, như thế kia”. Đại Sa-môn Gotama Niết-bàn thì từ nay chúng ta muốn làm gì thì làm, hoàn toàn tự do, phải vậy không, thưa các ngài?

Nghe những lời quấy quá của tỳ-khuru Subhadda, tôn giả Mahā Kassapa thoáng chau mày nhưng rồi lại nghĩ: “Đây không phải thời để rầy trách ông ta, nghiêm dạy ông ta! Chuyện này ta sẽ tính sau, sẽ có biện pháp xử lý thích đáng đối với những tỳ-khuru phát ngôn bừa bãi, coi thường giới luật, có nguy hại cho giáo hội trong mai hậu! Đây là thời nên trấn an chư tỳ-khuru trước sự ra đi mất mát lớn lao của Tôn Sư mà ai cũng cảm thấy hụt hẫng, trống vắng”.⁽¹⁾

Thế rồi tôn giả cho hội họp chúng tỳ-khuru dưới rừng cây, nhắc nhở những điều cần thiết, dạy một vài pháp đối trị, đặt tâm họ trở lại trạng thái bình thường rồi lên đường.

Thế rồi, hướng tâm một lát, tôn giả biết mọi người đang chờ đợi ngài tại điện thờ Makuṭābandhana mà chư thiên chưa cho phép họ châm lửa hỏa đài. Dù đi khá nhanh nhưng đến nơi mặt trời cũng đã ngã xế. Từng đám đông, từng đám đông vệt chỗ cho tôn giả và chúng tỳ-khuru bước vào. Chư vị đại trưởng lão, trưởng lão chào nhau theo giới phẩm, hạ lạp rất ấm cúng, thâm tình và đạo vị.

Không để mất thì giờ, tôn giả Mahā Kassapa trật y vai phải, chúng tỳ-khuru cũng vậy rồi họ nhiễu quanh kim quan đức Phật ba vòng. Dừng lại phía bàn chân Phật, tôn giả nhắm mắt, định thần một lát, đột nhiên, từ trong hàng chục lớp vải bó, hai bàn chân đức Phật thò ra.

⁽¹⁾ Vì lý do này nên ba tháng sau khi đức Phật Niết-bàn, tôn giả Mahā Kassapa vận động tổ chức đại hội kết tập Phật ngôn lần thứ nhất, tuyên đọc lại toàn bộ pháp và luật, có năm trăm vị A-la-hán tham dự. Tôn giả Mahā Kassapa chủ trì. Tôn giả Upāli phụ trách luật. Tôn giả Ānanda phụ trách kinh (Chưa có Abhidhamma, vì nó lẫn trong kinh và luật; sau này, đến kỳ kết tập thứ ba, thời vua Asoka mới phân ra ba tạng).

Sau khi tôn giả Mahā Kassapa cúi xuống ba lần hôn bàn chân Thế Tôn xong, hai bàn chân thụt vào – thì hỏa đài tự động bốc cháy. Người phàm thì không hiểu nhưng tôn giả Anuruddha và những bậc có thiên nhãn thì biết đây là do viên hỏa ngọc của trời Đế Thích.

Lửa cháy rần rần, bốc ngọn lên cao, tỏa hương thơm ngào ngạt giữa không gian. Cả rừng người yên lặng như tờ. Đôi nơi là những bài kinh pháp cú hoặc những kệ ngôn vọng lại nói về vô thường, khổ không, vô ngã. Nơi khác thì một nhóm người ngược mắt về hỏa đài tỏ vẻ trang nghiêm, thành kính hết mực.

Tôn giả Anuruddha đứng nhập định, vào tứ thiên, xuống cận hành, sử dụng nhãn lực quan sát ngọn lửa và kim quan từ khi lửa cháy đến lúc lửa tàn; sau đó, ngài cho biết rằng: Nó cháy từng lớp, từng lớp vãi bó, bông gòn bó, lụa bó... tạo ra sức nóng kinh khiếp. Hai hòm chiên đàn lớn nhỏ, bốc cháy với thời gian nhanh hơn, sau đó mới đến những lớp y và nhục thân của Thế Tôn, và nó cũng cháy nhanh da, thịt rồi xương. Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều bị cháy sạch không có tro than. Cũng vậy, cái gì nơi thân Thế Tôn, tất cả bị cháy tiêu hết mà không có một hạt bụi tro, bụi than nào. Cái còn lại là xương xá-lợi lấp lánh như kim cương, như bảo châu.

Lúc lửa tàn, một dòng nước thơm hương từ hư không tuôn đổ xuống tưới tất giàn hỏa Thế Tôn. Những người có phận sự của tộc người Mallā lấy thêm nước thơm để làm nguội nơi này và nơi khác. Họ đã chuẩn bị sẵn những tháp nhỏ, hòm nhỏ bằng vàng, bằng bạc rồi thu gom hết tất cả xá lợi không để cho bất cứ ai lấy đi cái gì. Sau đó, tất cả tháp, hòm đựng xá-lợi được tộc người Mallā tôn trí tại chỗ quý trọng nhất trong một hội trường bên cạnh núi, cho người canh giữ cẩn thận. Rồi suốt cả bảy ngày sau đó, tám tộc trưởng của tám dòng họ ở Mallā cho cận sự nam nữ và cả

dân chúng, cả ngoại đạo đến chiêm bái, cúng dường xá-lợi của đức Tôn Sư. Và ngày cũng như đêm, hội trường ấy đèn đuốc được thắp sáng trong ngoài và những toán, những đoàn nghệ nhân, nghệ sĩ lại cúng dường ca, vũ, nhạc...

Tin đức Phật Niết-bàn tại rừng cây sālā, thành phố Kusināra bay nhanh hơn gió thổi, tràn qua các quốc độ, lên phía bắc, xuống phía đông, phía nam cùng hai bên thung lũng sông Gaṅgā. Sứ giả các nước leo lên những con ngựa thuần chủng, phi nhanh như gió cuốn đến kinh thành Kusinārā, kẻ trước người sau đều đòi chia phần xá-lợi. Nhanh nhất, sớm nhất không phải là tộc Mallā ở thị trấn Pāvā bên cạnh – mà chính là đoàn sứ giả của đức vua Ajātasattu nước Māgadha cách xa hơn bốn mươi lăm do tuần. Tiếp đến là đoàn sứ giả của vua và tướng quân Licchavī tại Vesālī. Sau đó, lần lượt là tộc người Sākya ở Kapilavatthu,⁽¹⁾ tộc người Bulī ở thành phố Allakappa; tộc người Koliya ở Rāmagāma⁽²⁾, bà-la-môn Vethadīpaka tại Vethadīpa, tộc người Moriyā ở tại Pipphalivana, tộc người Mallā ở thị trấn Pāvā.

Tất cả tám phái đoàn sứ giả nói trên đều tuyên bố trước tám tộc trưởng của tám tộc Mallā ở Kusināra rằng:

- Đức Thế Tôn là giai cấp sát-đế-ly, chúng tôi cũng giai cấp sát-đế-ly (có một bà-la-môn) nên hãy chia cho chúng tôi một phần. Chúng tôi sẽ xây dựng bảo tháp tôn nghiêm thờ xá-lợi Thế Tôn để cho dân chúng chiêm bái, hương đăng lễ phẩm cúng dường.

Một vị tộc trưởng đại diện đáp lời:

⁽¹⁾ Kinh Đại bát-niết-bàn ghi vậy – nhưng chúng ta đã biết rõ, thì Sākya đã diệt vong rồi?

⁽²⁾ Dictionary of pāli proper names cho biết là tên một ngôi làng nằm trên bờ sông Gaṅgā (trang 734, q.2), trong lúc theo sử thì Koliya ở cạnh Sākya, làm gì có sông Gaṅgā ở đây?

- Không, chúng tôi không thể chia cho ai được cả. Đức Thế Tôn nhập diệt trên đất chúng tôi, rừng chúng tôi, thành phố chúng tôi. Lại nữa, cả hàng ngàn người của chúng tôi đã khổ công, đã rất nhiều tài vật, đã rất nhiều công sức từ khi đức Tôn Sư an nghỉ giữa hai cội cây sālā đến khi hỏa thiêu tại điện thờ Makuṭābandhana này. Các vị không công, không sức, không tài, không vật, tự dung đâu đó lại đến đòi chia phần hay sao, có hữu lý không chứ?

Bị tự chối. Lý lẽ các tộc trưởng đưa ra không ai phản bác được. Có nhiều tiếng lời thảo luận lao xao, sự bất bình đâu đó đã hiện ra trên một số khuôn mặt. Một vị sứ giả trong phái đoàn nước Vesālī, có vẻ là một tướng quân Licchavī, vốn nóng nảy, cất giọng xẵng:

- Coi chừng sẽ có chiến tranh, thưa ngài tộc trưởng!

Một giọng khác thốt lên:

- Phải! Có thể xảy ra tranh giành hay sao?

Chợt một vị bà-la-môn tóc trắng như cước, thần sắc trang nghiêm, từ hòa, xin được nói vài lời. Mọi người yên lặng, đưa mắt, chờ đợi.

Vị bà-la-môn ấy tên là Doṇa, ông nói:

- Cho tôi nói hơi dài. Thuở trước, tôi gặp đức Thế Tôn trên con đường nằm giữa Ukkatṭhā và Setavyā, thấy dấu bàn chân của ngài tôi liền đi theo. Đến một khóm tre, Thế Tôn ngồi xuống nghỉ ngơi, sau đó có dịp tôi xin được hỏi ngài vài câu, cũng giải tỏa cho tôi được một số vấn đề nội tâm. Lần gặp cuối cùng, sau pháp thoại của ngài, tôi như được uống một liều thần dược, mọi khổ đau phiền não nó nhẹ hẫng.⁽¹⁾ Tôi có làm một bài thơ lên đến mười hai ngàn chữ để dâng lên Thế Tôn vừa tỏ lòng tri ân, tôn kính cùng nói về sự thấy biết giác ngộ của mình.

⁽¹⁾ Theo Dictionary of pāli proper names, về tên Doṇa, trang 1122, q.1 – ông ta đặc quả A-na-hàm.

Nói tóm lại, Thế Tôn là bậc vô thượng, tối thượng, trên đời này ai cũng muốn có xá-lợi của ngài để đánh lễ, chiêm bái, cúng dường. Muôn triệu lần dừng nên để xảy ra việc tranh giành, tranh chấp xá-lợi. Thế Tôn là hiện thân của hoà bình, an lành, an toàn, an lạc. Vậy tôi rất tri ân, nếu chư vị tộc trưởng, lấy cái đức, cái hạnh, cái tâm, cái tuệ trong muôn một của Thế Tôn để xử lý, để chia phần đồng đều cho chư vị sứ giả thì may mắn, hạnh phúc cho thế gian này lắm vậy.⁽¹⁾

Lời “hùng biện” của bà-la-môn Doṇa như một là gió rì rào mát mẻ thổi qua tâm trí mọi người. Tám vị tộc trưởng hoàn toàn bị thuyết phục, không những là thuyết phục mà nói là bị nhiếp phục.

- Xin vâng! Xin vâng! Họ như cùng nói - Vậy xin tôn giả hãy chủ trì để phân chia đồng đều xá-lợi cho các phái đoàn.

Bà-la-môn Doṇa hoan hỷ đảm nhận công việc chia phần xá-lợi một cách phân minh, không ai than phiền được cả.

Thế là gió yên, sóng lặng. Chư thiên cũng vô cùng hoan hỷ. Sau này khi xá-lợi được mang về bốn xứ, họ đều xây dựng bảo tháp để cho không những nam nữ cận sự mà cả dân chúng cũng được đánh lễ, chiêm bái, cúng dường xá-lợi.

Chư vị trưởng lão, chúng tỳ-khưu cũng giải tán, bộ hành đi các nơi. Tôn giả Anuruddha, tôn giả Ānanda ôm y (tăng-già-lê trải chỗ nằm) bát cùng chùng vài trăm vị tỳ-khưu trở lại Trúc Lâm tịnh xá.

Vậy là chư trưởng lão, chúng tỳ-khưu không ai được chia cho một ngôi xá-lợi nào! Cũng phải. Vậy là đúng. Và do các ngài đã có xá-lợi “vô vi” của Phật trong tâm mình rồi. Việc xây dựng bảo tháp thờ xá-lợi, cúng dường xá-lợi “hữu vi” kia là việc của cư sĩ áo trắng như đức Tôn Sư đã từng

⁽¹⁾ Đoạn này không có trong kinh Đại bát-niết-bàn – mà phỏng dựa theo Dictionary of pāli proper names, về tên Doṇa, trang 1122, q.1.

giảng dạy. Và lại, tất cả xương cốt Thế Tôn chỉ còn bụi tro, và triệu triệu li ti bụi tro ấy đã tan thành ngọc, nó lấp lánh trên mọi lộ trình đi về của thế gian chư hành giả, lấp lánh trên mọi ngõ ngách của đời sống nhân sinh, của ai đó biết tầm cầu và hướng thiện, hướng thượng; và nó còn huy hoàng và tráng lệ hơn nữa khi ngọc ấy được trang điểm nơi công, nơi hạnh, nơi nguyện, nơi tâm, nơi trí, nơi tuệ của vô lượng con người khắp năm châu bốn biển học Phật và tu Phật vậy.

**Namo Buddhāya
(Trọn bộ - Chung)**

CẢM BÁT
Một Cuộc Đời
Một Vàng Nhật Nguyệt

Viết xong cuộc đời ngài
Tôi bản thân, đã dươi
Sinh lực tổn hao
Như thân cây không còn nhựa luyện
Như sức ngựa đường dài
Hoàn tất cuộc lữ trình lên đến đỉnh đồi cao
Ôi! Tôi đã chạy đuổi chiêm bao
Muốn vói bắt mảnh trăng trời nguyên thủy
Tôi đã gục khóc
Trên từng viên gạch vỡ
Nơi những dấu tích điêu tàn, hoang phế cổ xưa
Trên những di chỉ bia văn rêu phủ, gió lùa
Nơi điện đài còn tro trầm hương tén mộ
Trên những trang kinh kiến sâu loang lỗ
Lửa vô thường cháy xém chữ câu
Tôi đã đi theo từng đóm nắng không màu
Mong vẽ lại ánh triêu dương chánh pháp
Tôi bắt lực đi qua nhiều hoang mạc
Khói bụi thời gian, phế tích tàn tro
Tôi đứng bên này sông hót hải gọi đò

Đồng vọng hai bờ, hư vô xào xạc
Bút mỏi
Tay run
Tứ cùn
Chữ nhạt
Cô liêu thánng ngày góc núi ánh trăng sông
Gió phui qua song trăm chuyện vui buồn
Đề từng hơi thở theo dấu chân Từ Phụ
Người đã như cánh chim thiêng tiêu dao du ngoài
ba cõi
Rơi rớt nhụy vàng để lại thế gian hương
Vô tích, vô tằm sinh tử mộng thường
Vô khứ, vô lai - hiện thân tuyệt đối
Tôi cúi xuống
Nghe thức tri già cõi
Chấp vá từng trang, thêu dệt một chân dung
Đất Ấn linh thiêng, lưu bóng đức Đại Hùng
Mỗi cọng cỏ vàng
Mỗi cành cây khô
Cũng trở nên thân thuộc
Độc đá xám
Công rêu đen - dấu khói sương thưở trước
Cũng là hóa thân của sử lịch ngàn năm
Ôi từng đêm, từng đêm
Từng câu chữ âm thầm
Chợt hiện linh hồn biết vui, biết khổ
Biết hỷ hoan, biết suy tư, trần trở
Biết lội ngược dòng tìm giọt nước nguồn xanh
Nó cũng biết chán chê dục vọng xây thành
Nhốt kín nhân tâm, bủa tròng nô lệ
Dấu lừng, dấu than hàng hàng kể lẽ
Nói với chúng sanh nguyên nhân khổ vì đâu
Tái hiện con sông, bắt những nhịp cầu

Bằng cọng lau mềm hôm qua sương đọng
Một thoáng tinh anh, một trời viễn mộng
Hiu hắt cõi miền cánh vạc vô tịch liêu
Tuyết đổ non cao, lạnh buốt chợ chiều
Nhân thế cãm cãm lồi về vô định
Sống chết trầm kha, sinh luân lão bệnh
Ngơ ngác tầm cầu, bầy cú rúc thâu canh
Huyền sử đi đêm đội bóng lữ hành
Bên vực thăm đóm lửa người leo lét
Tuyệt vọng
Gọi nhau
Hãi hùng
Bi thiết
Có ai nghe tiếng trống pháp còn vang
Bao lời kinh thiêng, ma quỷ bàng hoàng
Vọng ba cõi, xuyên sâu vào địa ngục
Địa ngục của lòng người
Địa ngục của thức tri tối tăm
Và của sân tham, ngu dốt
Đang đốt cháy bình nguyên, sông núi, ao hồ
Đốt cháy nương vườn, cỏ tích, tuổi thơ
Nhân ái, nhân văn không còn ô-xy để thở
Đức lý tan hoang, phận người xiêu đổ
Lây lắt đi về trong bóng vô minh
Vì đại bi mà đức Phật dậm trình
Suốt bốn mươi lăm năm đầu trần chân đất
Lộc Giả chuyển luân, tuyên ngôn sự thật
Độ năm thầy Kiều-trần-như, Thích tử đầu tiên
Rồi Yasa cùng năm mươi bốn thân hữu thiện hiền
Giáo hội ra đời gồm sáu mươi Như Lai sứ giả
Mỗi người hãy đi mỗi phương, đừng đi chung ngã
Vì an lạc, hạnh phúc cho nhân loại, chư thiên
Đập vỡ tín lý khát khe, tín ngưỡng cổ truyền

Hạ bệ thượng đế, thần linh khói hương nghi ngút
Phá bỏ kỳ thị giai cấp, hàng rào tủi nhục
Mang thông điệp tự do, giải thoát cho đời
Tuệ quang minh chiếu tỏ trần khơi
Nguồn thánh thủy chảy tràn miền cỏ cây khô khát
Cái kiến, con sâu mừng vui rúc hạt
Đất cỗi cần nước nhựa yên nguyên
Phố thị, làng quê, đền miếu, chợ triền
Quý tộc, nô tỳ uống chung bầu sữa pháp
Hoa nở
Chim reo
Rừng ca
Suối hát
Triệu triệu năm duyên phúc một lần
Triệu triệu tử sinh, đại ngộ sát-na tâm
Khoảnh khắc bất diệt
Vô lượng a-tăng-kỳ không bao giờ trở lại...
Lạy Phật
Bút của con cùng với văn chương ngu dại
Dám đặc tả đời ngài cùng với công hạnh trăng sao
Câu chữ phạm phu, cảm xúc tuôn trào
Theo dấu bụi mờ, nhật sử kinh lưu lạc
Đốt trái tim làm đèn soi bờ giác
Khái niệm chất chồng, “đắt thực” tuyết sương che
Hướng tâm sai là phiền não kết bè
Một niệm khởi trùng trùng duyên sanh khởi
Đã thấy rõ sự thật
Nhưng vẫn còn lầm lỗi
Bởi kiết sử sâu dày
Từ vô thức bước ra
Đã bao nhiêu năm
Lãng xãng đọc sách, uống trà
Làm chuyện thanh cao giảng kinh, dạy pháp

Viết truyện, làm thơ, triết văn uyên bác
Đại sự càng nhiều, bản ngã càng to
Vô tác, vô hành giảng nói hay ho
Vô cầu, vô vi cao ngôn thiện thuyết
Dao hai lưỡi ẩn sau “cái biết”
Đại dụng mơ hồ, chệch hướng vạn trùng mê
Chỉ hai nẻo thôi: Một phiền não, một bồ-đề
Đâu dám thông tay mà ngao du giữa chợ
Nào khoác áo vị tha
Nào đóng trò cứu độ
Chón ngũ trần đâu dễ gót thong dong
Tôi đã từng thấy
Viện lớn, tượng to bôi đỏ, phét hồng
Tín ngưỡng bán mua, thần linh đổi chác
Thiện tín chợ đông, trầm hương thơm ngát
Mặc cả thiệt hơn, lạy lục, cầu xin
Quán hàng bày ra, quảng cáo đức tin
Ma quỷ vỗ tay, ăn mừng mở tiệc
Chiêu phát triển, chiêu văn minh, hội nhập
Tiếp thị, tuyên truyền, kỷ lục thi đua
Bắc nam đông tây hí hửng tiền chùa
Xả rác bụi dục tham
Xả kiêu căng, hợm hĩ
nh
Ô nhiễm tinh thần, ô nhiễm sử kinh
Đức Phật ngồi cao
Thương xót sinh linh
Tứ đế thấp đèn
Giữa đêm đen thảm nạn
“Sự sống đang là...”
Dành cho người mắt sáng
Tự thức, tự tri gậy chống lên đường
Tuệ giác tinh minh xóa lớp khói sương

Trả chân thực
Cho tự mình muôn thuở
Vọng tưởng, si mê
Không làm gì được nữa
Phiền não, khổ đau tự diệt, tự tan
“Thấy rõ” rồi mới biết sống đàng hoàng
Điều chỉnh đúng từng hành vi, cử chỉ
Mỗi niệm khởi không ở ngoài thiện mỹ
Mỗi tác duyên
Chân lý vận hành theo
Nặng nề vô cùng là bản ngã buộc đeo
Phải thấy chúng trong từng thức tri, cảm thọ
Mặt nạ “cái ta” đánh lừa bao độ
Giác ngộ thì “nguyên con” nhưng kiết sử phải
đoạn dần
Thường trực lắng nghe như thực như chân
Thì phiền não không phan duyên dây khởi
Niệm niệm bèo rong bập bênh trôi nổi
Thả theo dòng
Nhìn ngắm đốm hoa xao
“Thấy pháp” rồi mới lên bến, chống sào
Mới tu tập nhẹ nhàng
Mới như thực kiến và tư duy chơn chánh
Nếu chưa thấy pháp
Dù nghiêm tu công hạnh
Cũng tựa như nấu sạn muốn thành cơm
Cũng tựa như đã trảng xe cát biển đông
Muốn nhật bóng mình
Muốn lưu dấu huân tu
Giữa dòng cuồng lưu chảy xiết
Cát vỡ
Đá tan
Hư vô

Hủy diệt
Mộng trùng trùng
Ngộ chết giữa bờ mê
Quanh quẩn trả vay, nhân quả ê chề
Lượm phước báu nhân thiên
Ủi an đời bèo bọt
Thật sự giải thoát thì “không có ta-giải-thoát”
Tự không rỗng trong ngoài
Chẳng dính mắc tế vi
Gọi là người, là thánh, cứ tùy
Sát-na một, pháp thung dung tự tại
Đại dụng trong tay, nụ cười tiêu sái
Muôn việc như không, quyền biến như không
Và đến lúc này mới nói chuyện vào dòng
Pháp cứu độ cũng là duyên cứu độ
Tứ vô lượng tâm bèn tùy nghi đạo phổ
Thăm xóm làng, bình bát xin ăn
Đến lúc này mới dám gọi sa-môn
Là Thích tử, là tỳ-khưu không thấy lòng hổ thẹn
Kính lạy Phật
Từ chân dung thánh điển
Nghĩa lý, chữ câu đã mã hóa không môn
Gần ba nghìn năm chẳng có lỗi mòn
Giác niệm là bước đi
Giác niệm là cõi về không khác
Trọn vẹn từng hơi thở
Trọn vẹn từng thức tri, buồn vui, khổ lạc
Cùng với bốn mùa mưa nắng, gió sương
Định luật tâm, định luật pháp thị thường
Nhật nguyệt, tinh hà cùng chung vận hoá
Li ti tế bào, diệt sinh vô ngã
Tất thấy đều chu toàn trong mỗi khắc phục sinh
Mỗi mỗi khí, thời, vận, số quân bình

Là vĩnh cửu đủ đầy trong từng vi trần dịch biến
Kính lạy Phật
Tự ngàn xưa hiển hiện
Đang ở trong con vô tận phút giây này
Pháp huy hoàng
Nhật nguyệt rạng trời mây
Soi bóng chữ
Qua sông
Hy vọng
Vẫn còn nguyên chân diện mục!

Colombo – Sri Lanka

12/2013

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

MUC LUC

Cô Gái Hạ Tiệp Yêu Tôn Giả Ānanda	7
Nguyên Nhân Đức Phật Cho Thọ Y Kāṭhina	29
Cây Bồ Đề Ānanda	33
Người Đàn Bà Đau Khổ	38
Vị Tỳ Khuru Mất Mù	51
Con Ngỗng Oan Nghiệt	72
Cho Xin Hạt Cải	79
Triệu Phú Keo Kiệt	85
Cô Gái Nô Lệ Đội Nước	93
Ni Trưởng Mahā Pajāpatī Gotamī Niết-bàn	107
Miếng Giẻ Chùi Chân	121
Tên Thọ Săn Độc Ác	128
Vị Tỳ Khuru Ni Sinh Con	141
Đôi Chiếc Xe Mới	153
Con Số Đen Bất Hạnh	160
Devadatta Muốn Chương Quân Tăng Đoàn	171
Thái Tử Ajātasattu Hành Thích Vua Cha	178
Đức Phật Tẩy Chay Lễ Đấng Quang	182
Giết Phật Bằng Cung Nỏ Và Lăn Đá	185
An Tĩnh Trong Ngục Tội	189
Giết Phật Bằng Voi Dữ Nālāgiri	193
Chiêu Bài Cuối Cùng Của Devadatta	204
Trưởng Giả Cấp Cô Độc Ra Đi	209
Củng Cố Pháp Và Luật	226
Bình Lửa	235
Tôn Giả Mahā Moggallāna Báo Hiếu Mẹ	242
Tội Ác Cuối Đời Của Đức Vua Pāsenadi	248
Cảnh Giới Cho Thái Hậu Videhi	257
Tình Phụ Tử Thiên Liêng	263
Cái Gốc Của Ghẻ Lở, Mụn Nhọt	267
Đêm Thanh, Trăng Sáng	270
Tiền Chư Trưởng Lão Lần Lượt Ra Đi	303
“Pháp Truyền Thống” Của Đức Vua Pāsenadi	310
“Cái Thấy Sự Thực” Hóa Giải Hận Thù	320
Ngọn Lửa Thù	326
Lời Của Bạc Trí	330
Quả Báo Của Devadatta	333
Dòng Sākyā Tiêu Vong	337
Tôn Giả Sāriputta Viên Tịch	345
Tôn Giả Mahā Moggallāna Niết-bàn	381

Nhân Quả Công Minh	389
Hạ Thứ 45 Của Đức Thế Tôn.....	394
Có Đủ Bảy Pháp Này Đất Nước Không Thể Bại Vong!	395
Bảy pháp bất thối khác	401
Lại Lên Đường, Lại Ra Đi!	405
Phật Hứa Với Ma Vương	410
Cả Đêm, Rừng Sālā Không Ngủ	424
Bụi Tan Thành Ngọc	440
CẨM BÁT	454

NHÀ XUẤT BẢN...

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Biên tập :

Vi tính, bìa, trình bày : Thiện Niệm, Chơn Quán

Sửa bản in :

In quyển, khổ 14 x 20.5 cm tạiSố đăng ký
KHXB: Quyết định xuất bản số:,
cấp ngày In xong và nộp lưu chiểu
.....
